NĂM THỨ MƯỜI BẢY • # 198 • OCTOBER 2005

THẾ KỶ 21

14775 MORAN STREET WESTMINSTER CA 92683 - USA ĐIỆN THOẠI TRỊ SỰ: (714) 657-8051
EMAIL: theky21@mail.nguoi-viet.com TOÀ SOẠN: (714) 839-8746

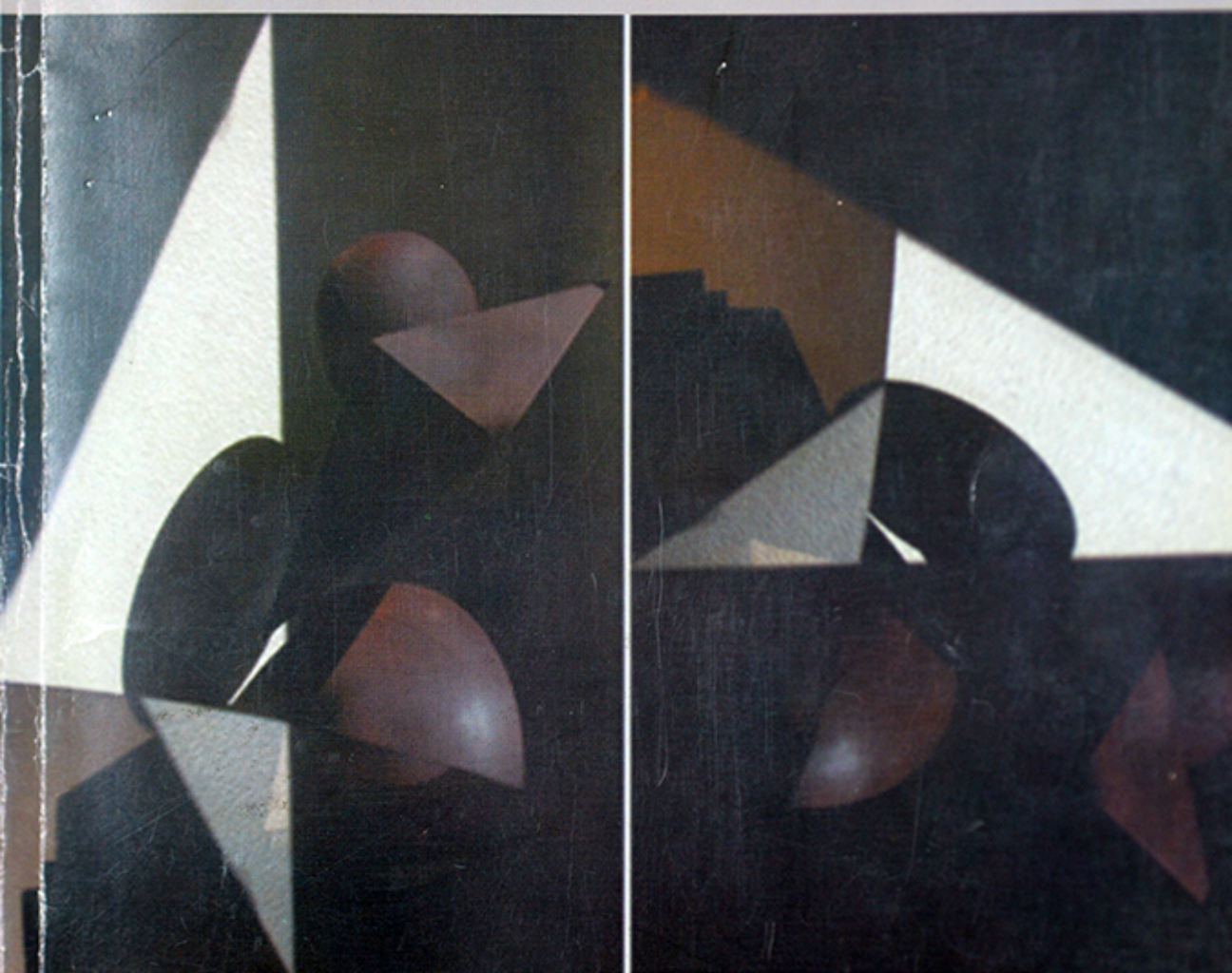

đặng thơ thơ

MÀU DA VÀ NGÔN NGỮ

VĂN CHƯƠNG DI DÂN VIỆT TRONG BỐI CẢNH HOA KỲ

đặng thơ thơ và nguyễn hương thực hiện

Viet Satellite

we install everywhere in the U.S.

FREE Satellite dish 4 Receivers Installation

BASIC CHOICE $24.98

Đài truyền hình Việtnam SBTN 24/24 và các đài địa phương

PREFERRED CHOICE $44.98

Gồm đài SBTN và 80 đài Mỹ

JADEWORLD $36.99

Gồm 5 đài nói tiếng Quảng Đông. FREE 2 tháng đầu.

Promotion ends Nov 05, 2005

NFL + SBTN $ 84.99

FREE 7 đài HBO, 12 đài STARZ, 9 đài SHOWTIME, 3 đài CINEMAX, 25 đài SPORTS PACK

cho 4 tháng đầu

toll free 1-800-581-6910

OPEN 7 DAYS

** Tất cả giá ghi trên chỉ áp dụng cho máy receiver thứ nhất. Receiver thứ 2 trở đi, thêm $4.99/tháng/receiver

DIRECTV AUTHORIZED DEALER

15567 Brookhurst St.
Westminster, CA 92683

714-775-5400
1-800-581-6910

www.vietsatellite.com

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

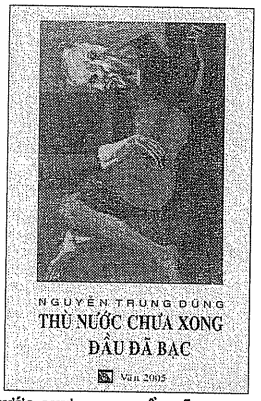

THÙ NƯỚC CHƯA XONG ĐẦU ĐÃ BẠC
Truyện dài của **NGUYỄN TRUNG DŨNG**
"Thù nước" đây là việc Việt Nam Cộng Hòa mất vào tay Cộng sản. "Đầu đã bạc" là chỉ một lớp người thua trận dù vẫn mang lý tưởng xây dựng một Việt Nam tự do và thịnh vượng, nhưng nay đã về già, phần lớn đang tị nạn ở Hoa Kỳ. Tác giả Nguyễn Trung Dũng có tham vọng viết một tiểu thuyết trường thiên với chủ đề chính trị Việt Nam hiện đại, mà quyển này coi như nối tiếp cuốn Vết Đạn Thù đã xuất bản trước đây. Quyển này bắt đầu từ 30.4.75 tại Việt Nam và kết thúc vào ngày Tết năm Ất Dậu 2005 tại Hoa Kỳ: thời gian mà cuốn sách chuyển tải vừa đúng 30 năm. Giá 20 Mỹ kim.

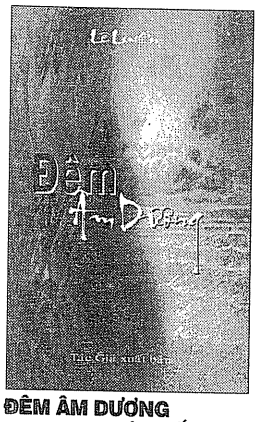

ĐÊM ÂM DƯƠNG
Tập truyện của **LÊ LUYẾN**
Truyện của Đêm Âm Dương mang nhiều đề tài rất khác nhau, có những truyện đi sát với đời thường, nhiều truyện lại có tính cách thần bí nhưng luôn luôn với một lý giải hợp lý. Những câu chuyện mang ý tưởng vượt ra khỏi đời thường đòi hỏi tác giả phải có một hiểu biết và một lập trường triết học về nhân sinh và vũ trụ, từ đó dẫn đến những suy nghĩ một cách tích cực cho mọi điều bất hạnh nhan nhản trong cuộc sống. Nhờ đặc điểm này, truyện của tác giả Lê Luyến mang nhiều nét lạc quan, và hướng về lẽ thiện, gây một cảm giác dễ chịu và tích cực cho người đọc. Giá 18 Mỹ kim.

TRỊNH CÔNG SƠN - TUYỂN TẬP NHỮNG BÀI CA KHÔNG NĂM THÁNG
Tập nhạc Trịnh Công Sơn, xuất bản lần đầu vào năm 1990, bản này là lần tái bản thứ tư, với Lời Tựa của Bửu Ý. Gồm 127 ca khúc chọn lọc, hầu hết đều quen biết với giới thưởng ngoạn như Biển nhớ, Cuối cùng cho một tình yêu, Diễm xưa, Lời buồn thánh, Diễm xưa v.v... Có in một số hình ảnh của Trịnh Công Sơn và tác phẩm hội họa của ông, cùng với câu thủ bút: "Chúng ta làm cách nào nuôi dưỡng tình yêu để tình yêu có thể cứu chuộc thân phận trên cây thập giá Đời." Giá 20 Mỹ kim.

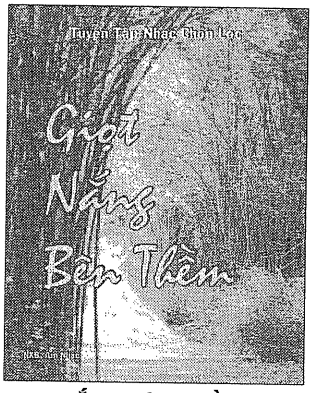

GIỌT NẮNG BÊN THỀM
Tuyển tập nhạc chọn lọc.
Gồm 44 ca khúc của nhiều tác giả hiện đại như Tái tim không ngủ yên của Thanh Tùng, Có biết không anh, Cô bé dỗi hờn của Nguyễn Ngọc Thiện, Bốn mùa thay lá, Quỳnh hương, Xin trả nợ người của Trịnh Công Sơn, Dòng sông lơ đãng của Việt Anh, Điệu buồn phương Nam của Vũ Đức Sao Biển, Tình Hồng của Bùi Đức Thịnh, Mưa thì thầm của Tôn Thất Lập v.v... Rất tiện cho những người yêu nhạc, nhất là hay nghe đĩa CD hiện đại, có tập ca khúc để theo dõi những bài mà mình yêu thích. Giá 12 Mỹ kim

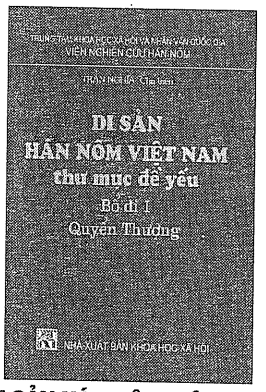

DI SẢN HÁN NÔM VIỆT NAM
Thư mục đề yếu - **TRẦN NGHĨA** chủ biên
Sách gồm Quyển Thượng và Quyển Hạ, mang các nội dung: Thần sắc, tập hợp những đạo sắc do các triều đại vua chúa ban cấp cho các thôn xã trong việc thờ thần tại địa phương; Thần tích, sưu tập những sự tích về thần thờ ở các thôn, xã; Tục lệ, sưu tập về những bản quy ước của các làng xã; Địa bạ, tập hợp những bản kê khai về ruộng đất; Cổ chỉ, tập hợp những giấy tờ được viết bằng lối chữ cổ; Xã chí, tập hợp các bản điều tra về địa chí một số thôn xã. Nội dung này được sưu tầm trong các tài liệu bằng chữ Hán của các triều đại cũ và được dịch sang Việt ngữ. Giá toàn bộ: 59 Mỹ kim.

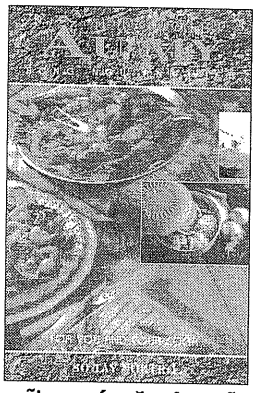

NHỮNG MÓN ĂN ÂU MỸ
Song ngữ Anh Việt
Sách dạy nấu ăn đồ Tây, viết bằng hai thứ tiếng Việt và Anh. Trước khi vào phần chính còn có "Tự điển nhà bếp" (Kitchen Dictionary) gồm ba thứ tiếng Anh, Pháp, Việt, một bảng liệt kê có minh họa và giải thích "Trái cây Việt Nam" (Fruits in Vietnam) và "Rau quả Việt Nam" (Vegetables in Vietnam). Phần dạy nấu ăn có các món: Khai vị, Các loại bánh mì, các loại Xúp, Trứng và Phô mai, Thủy sản, các loại Thịt và gia cầm, các loại Rau, món Tráng miệng. Giá 12 Mỹ kim.

Nơi tập trung tất cả những loại sách cần có trong tủ sách gia đình của bạn: Văn, Thơ, Nhạc, Chính trị, Kinh tế, Xã hội, Tôn giáo, nghiên cứu phê bình Văn học, Lịch sử, Y học, Khoa học Kỹ thuật... cùng nhiều thể loại khác.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 – USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com

Tạp chí **THẾ KỶ 21**
14775 Moran Street, Westminster, CA 92683 - USA
Tel: (714) 657-8051
Email:Theky21@mail.nguoi-viet.com

PHIẾU ĐẶT MUA / GIA HẠN / TẶNG BÁO

SUBSCRIPTION FORM

Họ và tên người nhận / Full name: _____

Địa chỉ / Address: _____

_____

Phone / Fax / E-mail: _____

Kèm theo chi, ngân phiếu số / Check, Money Order #: _____

Số tiền / Amount: _____

Thời hạn mua: Từ số _____ đến số _____

	1 năm / 1 year	2 năm / 2 years	Ghi chú / Notes
Media Mail (Book)	**US $50.00**	**US $90.00**	
Hạng nhất / First Class	**US $64.00**	**US $120.00**	
Canada	**US $68.00**	**US $130.00**	
Châu Âu / Europe (Air Mail)	**US $88.00**	**US $170.00**	
Châu Á, Châu Úc / Asia, Australia (Air Mail)	**US $98.00**	**US $185.00**	

***Ghi chú:** Giá mới có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2005 (Effective January 1, 2005)*

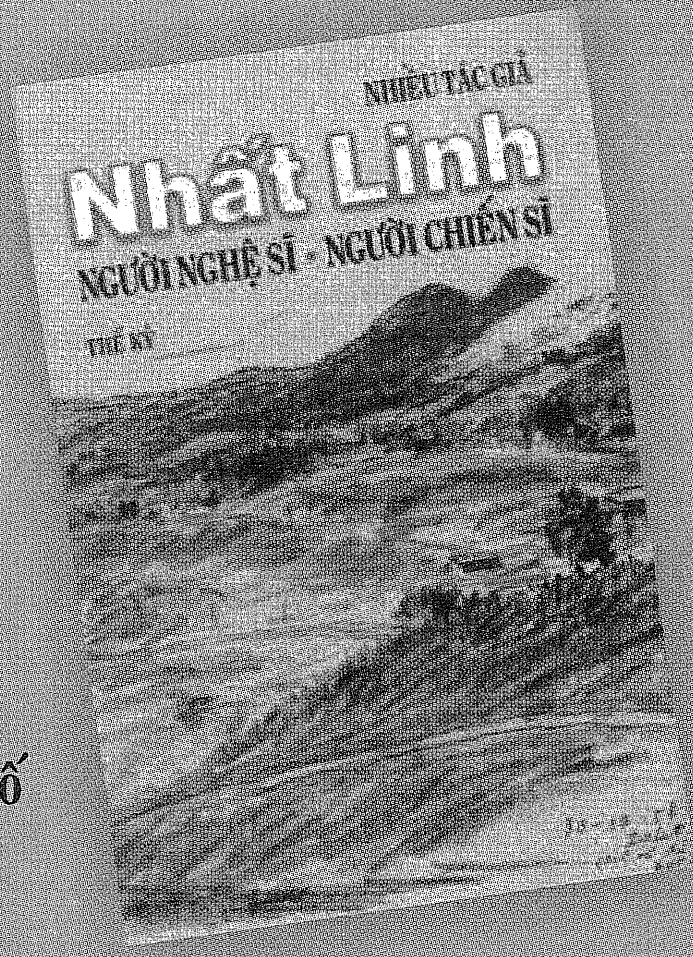

Chỉ còn một số hạn chế

Nhất Linh

NGƯỜI NGHỆ SĨ • NGƯỜI CHIẾN SĨ

Bìa: tác phẩm hội họa của chính Nhất Linh. **Trình bày**: Nguyễn Đông & Nguyễn Thị Hợp.

Gồm bài viết của nhiều tác giả.

Một số văn phẩm của **Nhất Linh**.

Rất nhiều tài liệu quý giá, **tất cả đều được in màu** để giữ lại các giá trị nguyên bản.

- **Tranh ảnh:** tranh chân dung ông bà Nguyễn Tường Tam do Nguyễn Gia Trí vẽ; ảnh chụp Hồ Chí Minh và Nguyên Tường Tam trên chiến hạm của Pháp ký hiệp ước vịnh Hạ Long; ảnh các nhà cách mạng chụp chung với cựu hoàng Bảo Đại và hoàng hậu Nam Phương tại Hồng Kông; bức ảnh cuối cùng của Nhất Linh chụp tại Hội Văn Bút, Sài Gòn, trước khi qua đời; các họa phẩm của Nhất Linh... và rất nhiều hình ảnh hiếm có khác.
- **Tài liệu:** các bản viết tay của Nhất Linh: Thư gửi các bạn chiến đấu viết từ Trung Hoa đầu năm 1945; Thư từ chức bộ trưởng Ngoại Giao chính phủ Liên hiệp kháng chiến; di chúc; bản thảo Xóm Cầu Mới, Giòng sông Thanh Thủy v.v...

Giá 30 Mỹ kim.

Quý vị đặt mua sách, Chi phiếu, bưu phiếu xin đề: **Thế Kỷ 21**

14771 Moran Street, Westminster CA 92683 - USA

TẠP CHÍ THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

14771 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Đỗ Việt Anh, Hoàng Ngọc Tuệ,
Phạm Phú Minh, Phan Huy Đạt
Phạm Phú Thiện Giao,
Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 489-7839
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895

ISSN 1056-4640

Bìa: Hình Thơ Thơ
Trình bày bìa: Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp
Minh họa: Nguyễn Thị Hợp, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường
Hí họa: Babui
Kỹ thuật: Võ Thành Điểm
Ảnh: Đặng Thơ Thơ, Việt Lê, Nguyễn Hương, tư liệu

MỤC LỤC

Số 198 – Tháng Mười 2005

5. Thư Tòa soạn – **Thế Kỷ 21**

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ

8. Thiên tai thay đổi cả chính trị – **Ngô Nhân Dụng**
13. Cuộc bầu cử đầy kịch tính tại Đức – **Bùi Hạnh Nghi**
17. Trung Hoa vươn lên: hai cái nhìn – **Cổ Lũy**

CHỦ ĐỀ MÀU DA VÀ NGÔN NGỮ

39. Màu da và ngôn ngữ: Văn chương di dân Việt trong bối cảnh Văn chương Hoa Kỳ và Thế giới – **Nguyễn Hương**
48. Bảy – **Edwidge Danticat**, ***Trịnh Thanh Thủy*** chuyển ngữ
51. Tu xuất – *thơ* **Trịnh Thanh Thủy**
54. Lục địa thứ ba và cuối cùng – **Jhumpa Lahiri**, ***Phạm Thị Ngọc*** dịch
61. Vietnamese – *thơ* **Đỗ Lê Anhdao**
64. Chuyện thổ dân, trước khi... một snapshot – **Thường Quán**
69. Hà Nội mùa đông 2004 (không phải 1946) – *thơ* **Phan Nhiên Hạo**
75. Hai nhà trí thức – **Đinh Linh**, ***Phan Nhiên Hạo*** dịch
77. Trổi lên từ biển – *thơ* **Taylur Thu Hiền Ngô**, ***Đỗ Lê Anhdao*** dịch
78. Tự sự về những vỡ vụn xuyên quốc gia – **Isabelle Thuy Pelaud**, ***Chân Phương*** chuyển ngữ
85. Ta không bao giờ nên gặp nhau – **Aimee Phan**, ***Trần Tuệ Quân*** chuyển ngữ
93. Quyền lực – *thơ* **Audre Lord**, ***Lê Thị Thấm Vân*** chuyển ngữ
97. Một cuộc sống đứng đắn – **Việt Nguyễn**, ***Nguyễn Nguyệt Cầm*** chuyển ngữ
101. Một, Two – *thơ* **Quốc Bảo**
106. Bạn – **Phạm Thị Ngọc**
113. Nhà cũ – **Nguyễn Danh Bằng**
117. Những ngụ ngôn miền đất hoang – **Đinh Từ Bích Thúy**
123. Chiều 26 tháng 12 – *thơ* **Lê Thị Thấm Vân**
126. Những em bé nâu vàng của cuộc cách mạng – *thơ* **Bảo Phi**, ***Đỗ Lê Anhdao*** dịch
131. Nó – **Nguyễn Thị Hoàng Bắc**
133. Đi dọc là lên, đi ngang là xuống – **Đỗ Kh.**
136. Lần gặp cuối – **Nguyễn Thị Ngọc Nhung**
143. Tại sao viết bằng tiếng Việt? – **Christine Cao**
149. "The OC Morphosis" aka "Bài Poem Song Ngữ Số Hai" – **Jenni Trang Lê**
150. Ngôn ngữ và Người Việt – Một lựa chọn – *Phỏng vấn* do **Đặng Thơ Thơ** và **Nguyễn Hương** thực hiện

MỤC THƯỜNG LỆ

6. Bạn đọc viết
7. Hộp thư Trị sự
25. Sổ tay – **Ngô Nhân Dụng**
31. Trang chuyện phiếm – **Song Thao**

Thư Tòa Soạn

Trong số báo này, Thế Kỷ 21 trân trọng giới thiệu đến độc giả của mình công trình của Nguyễn Hương và Đặng Thơ Thơ trong việc tập họp các bài viết về một chủ đề đặc biệt: Màu Da và Ngôn Ngữ – Văn Chương Di Dân Việt trong Bối Cảnh Hoa Kỳ. Nhìn chủ đề chuyên về văn chương cũng như số trang tăng lên đột ngột trong số này, chắc quý độc giả cũng cảm thấy một điều gì là lạ không giống như lệ thường của báo Thế Kỷ 21. Thưa quý vị, đúng thế, đây là một trường hợp đặc biệt mà Tòa soạn và chắc chắn là cả quý độc giả sẽ đón nhận một cách đầy thiện cảm.

*Trong thời gian thực hiện từ nhiều tháng qua, Nguyễn Hương và Đặng Thơ Thơ đã hội ý với từng tác giả về việc chọn lựa một tạp chí cho bài vở của chủ đề. Tất cả các tác giả tham dự đã đồng ý chọn Thế Kỷ 21 để đăng toàn bộ các tác phẩm như một tổng thể không thể tách rời của chủ đề Màu Da và Ngôn Ngữ. Nhận thấy nội dung rất phong phú, đầy công phu, Thế Kỷ 21 hoan hỷ chấp nhận đề nghị, và vì thế hôm nay quý độc giả có trên tay một số báo đúng nghĩa là **đặc biệt**, từ đề tài, cách thể hiện cho đến trường hợp xuất hiện trên tạp chí này.*

Bắt đầu đi ra sống khắp thế giới từ 30 năm qua, người Việt Nam di dân đã nhiều lần tự hỏi: liệu còn bao nhiêu lâu nữa thì các cộng đồng Việt Nam hết dùng tiếng Việt? Báo chí, truyền thanh và ngành xuất bản sách Việt ngữ ngay trong lúc đang hoạt động đã như nhìn thấy một tương lai đầy bất trắc: liệu mình còn tồn tại bao lâu nữa đây? Nhưng trong khi cộng đồng non trẻ của chúng ta loay hoay với những câu hỏi đối với mình còn rất mới mẻ như thế, thì có biết bao cộng đồng "da màu" khác đã trải qua rất nhiều kinh nghiệm rồi. Họ đã và vẫn đang làm báo, làm phát thanh, truyền hình, và viết văn. Và đã có một nền văn chương nhiều màu da. Nghiên cứu nền văn chương ấy cũng là một cách tìm kiếm câu trả lời cho vấn nạn về tương lai của cộng đồng chúng ta. Văn chương luôn luôn là thành tựu cao nhất đại diện cho một nền văn hóa, ở trên bình diện ấy chúng ta sẽ có một cái nhìn bao quát hơn, và chúng ta sẽ an tâm hơn về những bước biến chuyển tinh thần và tình cảm mà cộng đồng nào, di dân hay là không di dân, cũng sẽ lần lượt trải qua.

Trong nền văn chương gọi là da màu ấy có văn chương của người Việt Nam di dân. Nói chung đây là một thế giới khá mông lung, với nhiều đề tài nhiều thể loại, ranh giới không rạch ròi, nhưng có khả năng rất lớn để chúng ta có thể tiếp tục dựa vào đấy chen vai với bao giống dân khác mà sống còn với tư cách một cộng đồng có tiềm lực văn hóa, một phần thừa hưởng từ tổ tiên, lẫn những gì học hỏi được của thế giới. Các sáng tác, biên khảo, phỏng vấn... về chủ đề Màu Da và Ngôn Ngữ này sẽ giúp người tị nạn chúng ta biết rõ hơn vị trí văn hóa của mình đối với dòng chính, biết vai trò của tiếng Việt trong hiện tại và tương lai ra sao, vai trò của tiếng Anh (hay là một tiếng sở tại khác) trong việc giới thiệu chính chúng ta với người ngoài...

Thế Kỷ 21 rất vinh dự và sung sướng giới thiệu với bạn đọc số báo với một chủ đề nhiều ý nghĩa và được thực hiện một cách xuất sắc như thế này, và xin cám ơn các văn hữu Nguyễn Hương và Đặng Thơ Thơ.

Thế Kỷ 21

Làm gì cho sông Tiền, sông Hậu?

Tôi vừa đọc xong bài "Ngót Nửa Thế Kỷ Từ Ủy Ban Sông Mekong tới Tuyên Ngôn Côn Minh" trên Thế Kỷ 21 số 197, tháng Chín, 2005.

Bài viết rất rõ ràng và đầy đủ tài liệu để độc giả thấy dòng sông Cửu Long đang đi đến thời cần "điều trị"... và nếu không chận đứng được 11 cái đập ở thượng nguồn thì đồng bằng sông Cửu Long sẽ trở thành một bãi sa mạc, nếu Trung Quốc thẳng tay sử dụng tất cả nước từ nguồn.

Là người lớn lên ở đồng bằng sông Cửu Long, và đã viếng Biển Hồ liên tục trong năm năm, tôi đã thấy mùa nước lũ cũng như mùa hạn hán... Thương cho sự thiển cận của nhà lãnh đạo Cambốt đã đành vì thiếu suy luận và lại còn chịu ơn Trung Quốc, nhưng đáng trách nhứt vẫn là sự lạm dụng tài nguyên của TT Bush, ngay cả trên đất Mỹ, và đã không ký vào Kyoto Protocol...

Thật tội nghiệp cho những giòng sông hiền dịu đã và đang bị ô nhiễm, có tác động tiêu cực rất mạnh làm tai hại đến sự sinh tồn của động thực vật, kể luôn cả sức khỏe con người đã được chúng nó nuôi dưỡng từ thuở khai nguyên!

Theo dõi đến tin tức có liên quan đến Đồng Bằng Sông Cửu Long thì không thể không lo cho sự sống còn của giòng Cửu Long Giang trong vài thế kỷ sắp tới, sau khi Trung Quốc hoàn tất và sử dụng những cái đập trên thượng nguồn để tạo điện lực, để kiểm chế lũ lụt, để khai thác đất hoang ruộng rẫy, số phận của những người sinh sống tùy thuộc vào lượng nước Cửu Long Giang bằng nông ngư nghiệp ở các nước hạ nguồn như Thái, Lào, Miên, Việt sẽ ra sao?

Điều chắc chắn nhứt là Giòng Tonlé Sap sẽ không còn hai thủy triều sáu tháng nước lên tràn ngập Biển Hồ, cái nôi nuôi các loài thủy sản, và sáu tháng nước xuống mang theo vô số tôm cá cho những người đang sống dọc bên bờ Sông Hậu Sông Tiền. Nông nghiệp của Miền Tây sẽ đi về đâu khi lượng nước khô cạn? Liệu những miệt vườn cây trái xum xuê xanh mát của miền Tây có còn tồn tại hay không?

Đồng Bằng Sông Cửu Long sẽ trở thành một bán sa mạc, nước biển sẽ lấn vào nội địa. Mùa nắng sẽ bị thiếu nước, sức nóng sẽ thiêu cháy những cánh đồng phì nhiêu nhất nhì thế giới.

Vậy, chúng ta, những kẻ có lòng, phải làm gì đây? Liệu tất cả người Việt hải ngoại trên khắp năm châu có thể hợp tác để lên tiếng, hay làm một cái gì thực tế cho dòng sông Hậu sông Tiền để cho nó sống thêm vài thế kỷ nữa?

Hương Sa Mạc
(Mesa, Arizona)

"Khép lại quá khứ" hay "Xóa dấu vết tội ác"?

Trong bài "Về tình trạng nghiên cứu văn học tại miền Bắc những năm 60" trong số Thế Kỷ 21 tháng Chín vừa rồi, tôi vô cùng cảm động khi đọc đoạn ông Nguyễn Huệ Chi nhận xét về chuyện "khép lại quá khứ" của đảng Cộng sản Việt Nam. Nghĩa là họ lờ đi không nhắc lại những gì tàn ác họ đã làm trong quá khứ, như cải cách ruộng đất, vụ Nhân Văn Giai Phẩm v.v... và ông cũng nhân đó đề cập đến việc chính họ đã tạo ra việc vượt biên khiến hàng trăm ngàn người chết ngoài biển. Ông viết:

" ... Ta thử nhìn lại mà xem, bao nhiêu người từng bị xử lý trong cuộc đấu tranh chống nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, bị treo bút, bị cải tạo, bị tù đày, hàng chục, vài chục năm, cho đến nay đã người nào được lên tiếng nói lại một lời cho thỏa đáng? Mà khá nhiều người đã chết rồi chứ, như các anh Trần Dần, Phùng Quán, Phùng Cung, bà Thụy An... 'Khép lại' kiểu ấy thì thử hỏi cái gọi là công bằng ở đâu? Cũng giống như hàng triệu người vì quẫn bức mà phải bỏ nước ra đi, đầu những năm 80, lúc bấy giờ chúng ta ở trong nước, có thể nói là không làm gì cả. Mà trong khi đó thì họ đang chết, đang lênh đênh và rất nhiều người chết ở trên biển cả. Bây giờ chúng ta nói: Khép lại quá khứ! Đúng! Hoàn toàn đúng! Thế nhưng khép lại không có nghĩa là – tôi tin rằng không ai nghĩ là – như vậy là thôi, hãy quên hết cả đi, hãy quên cả những cái chết của những người ấy đi và không còn chiêu tuyết cho những con người đã chết cực chết tủi trên biển nữa. Tôi nghĩ khép lại như thế không ổn, không bao giờ ổn được."

Đây là lần đầu tiên tôi nghe một người thuộc chế độ Hà Nội lên tiếng về những chuyện này, và tôi cảm động vì đã đến lúc lương tâm của người Việt Nam trỗi dậy, không còn sợ sự ngược ngạo của cường quyền nữa. Và lạ thay, trong nước hay ngoài nước tiếng nói của lương tâm ấy cũng tương tự như nhau. Số báo Thế Kỷ 21 số 195 tháng Bảy vừa qua với chủ đề "Tưởng niệm và xúc phạm người đã chết" có tác giả đã gọi hành vi "khép lại quá khứ" ấy là "Xóa dấu vết tội ác." Tôi nghĩ cách gọi ấy là chính xác nhất, mà ở vị trí của ông Nguyễn Huệ Chi, dù muốn, ông cũng không thể nói thẳng thừng ra như thế được. Lý do một kẻ chuyên che đậy, xóa đi những tội ác mà mình đã làm chỉ

có thể giải thích là vì kẻ ấy vẫn còn mang cái ác, còn tiếp tục gây tội ác, có thể dưới một hình thức khác, nên lúc nào cũng cố gắng làm cho mình "nhẹ tội." Và như thế, xóa đấu vết tội ác, nghĩ cho cùng, cũng chính là một loại tội ác mới.

Huỳnh Hữu Nghi (Germany)

Dung Quất

Dung Quất ngày nay đúng là một khúc gân gà của Dương Tu. Nuốt không vô, mà nhả ra cũng không được. Cái khổ là ngay từ lúc đầu bày đặt ra chuyện này, nhiều người đã thấy là nó sẽ bế tắc, thậm chí nhiều công ty nước ngoài đã thoái thác không chịu cộng tác trong dự án xây nhà máy lọc dầu tại địa điểm ấy. Bao nhiêu cái bất lợi đã được phơi bày, một cách khoa học, tính toán đâu ra đấy, nhưng tất cả đều bị bác bỏ. Chỉ vì "đảng ta" đã quyết định. Ý muốn của đảng ta là tối thượng, mặc kệ tất cả mọi sự, mặc kệ sự tốn kém lớn lao mà nhân dân phải è cổ ra mà gánh chịu, để rồi chẳng gặt hái được cái khỉ khô gì cả. Làm kinh tế quốc gia mà cứ như một món quà đem biếu xén người này người kia, Quảng Ngãi là quê Phạm Văn Đồng và Trần Đức Lương – một ông là Thủ Tướng, một ông là Chủ tịch nước – vậy nên dành lấy một công trình lớn của quốc gia cho quê hương của hai ngài. Món quà phải lớn lớn, trông sao cho được, chớ thỏn mỏn quá coi cũng kỳ. Còn gì hơn là một nhà máy lọc dầu. Món này quá mới, quá bảnh, mấy ngàn đời nước Việt Nam chưa hề biết tới.

Một đống tiền đổ xuống biển - nhưng không sao, một đống không nhỏ đã đổ váo túi các ngài liên quan đến dự án này rồi. Ông Hồ Chí Minh khi đặt lời Việt cho bài Quốc Tế Ca cũng đã tiên liệu điều đó rồi khi viết câu: "*Bao nhiêu lợi quyền tất qua tay mình.*" Vừa lợi, vừa quyền, tất cả phải ở trong tay mình. Thế là đủ, mục tiêu thế là đạt được. Còn đất nước, dân tộc: chuyện nhỏ!

Trì Bình (Internet)

Chữ Việt gốc Tàu

Bài bàn về chữ Việt gốc Tàu (liên tiếp hai số Thế Kỷ 21 tháng Tám và tháng Chín 2005) đọc thấy ngồ ngộ, hay hay. Mới biết rằng tiếng Việt còn một mảng này cũng rất phong phú mà chưa được hệ thống hóa, hay đúng hơn chưa được coi là chính thống, vì vẫn còn nằm trong ngôn ngữ nói của một vùng, chưa phổ biến ở tầm mức quốc gia. Không như tiếng Hán Việt đã chiếm một tỉ lệ rất lớn trong ngôn ngữ Việt Nam, nhờ nước ta qua một thời kỳ rất dài dùng Hán tự như là chuyển ngữ chính thức trong hành chánh và thi cử, những "chữ Việt gốc Tàu" dù gì đi nữa đã được dùng trong nhiều đời, đã trở thành quen thuộc ở miền Nam Việt Nam, đặc biệt Sài Gòn và Chợ Lớn là một trung tâm lớn về nhiều mặt của cả nước. Ông bà chúng ta đã Việt hóa cách đọc chữ nho, còn "chữ Việt gốc Tàu" chỉ do ảnh hưởng tự nhiên qua giao tiếp, nghe sao (bắt chước) nói (lại) vậy, nên có vẻ nôm na, đến độ có nhiều chữ chúng ta không ngờ là từ ngôn ngữ Tàu, như *chú Chiệc, hằm bà lằng, tàu vị yểu, xà bần, xí mứng...* Do đó bài viết này hữu ích ở chỗ cho chúng ta biết nguồn gốc nhiều tiếng nghe rất quen, đến độ tưởng nó không có gốc, nhưng thật ra cũng bắt nguồn từ một... tiếng Tàu.

Phan Bình Sơn
(Washington DC)

Bộ mặt thật dần dần hiện ra

Năm ngoái trong số Thế Kỷ 21 đặc biệt về Phan Thanh Giản, chúng tôi đã rùng mình khi đọc bài của Trần Huy Liệu lên án cụ Phan. Năm nay bài "Về tình trạng nghiên cứu văn học tại miền Bắc những năm 60" do Thụy Khuê phỏng vấn GS. Nguyễn Huệ Chi (Thế Kỷ 21 197, tháng Chín, 2005) lại làm cho tôi choáng váng, lùng bùng lỗ tai. Kinh quá đi! Không ngờ đảng cộng sản đối xử với đất nước như vậy. Nghe ông Huệ Chi tóm tắt những gì họ "đánh" ông Phạm Quỳnh, ông Nguyễn Văn Vĩnh thì có thể nhìn thấy bộ mặt thật của cái "chủ nghĩa Mác" ấy như thế nào. Thế mà nay "chủ nghĩa" ấy vẫn tiếp tục cai trị Việt Nam mới là lạ lùng chứ!

***Phan Văn Bính** (Internet)*

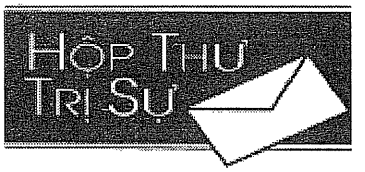

Độc Giả Mới

Tuan Nguyen – CA; Nguyen Thi Tuyet Mai - CA

Độc Giả Gia Hạn

Duong Thuy Yen – CA; Nguyễn Tường Vân – MD; Huỳnh Hoàng Cường – NY; Dang Thi Nham – VA; Chu Vuong Mien – CA; Tran Them – CA; Bui C Hong – AZ; Vũ Ngô Quý – Canada; Nguyen Thanh Nam – CA; Trần Lai Biên – CA; Hoàng Xuân Thiệu – CA; Luu Nguyen – CA; Nguyễn Viết Thanh – CA; Phạm Đức Chu – VA; Phan Lạc Tiếp – CA; Nguyễn Văn Quýnh – CA; Huyen Dinh – NM; Dong My Dang – Canada; Nguyen Van Huong – PA; Nguyen Ngoc Lien – TX; Nguyen Huu Viet – OK; Nguyễn Tụ Đẩu – CA; Bui Trong Chuong – OR; Trần Phi – FL; Tran K Toan – OK; Tran Ngoc Du – TX; Pham Le Huong – CA; Tran T Do – CA; Nguyet Nguyen – FL; Christine Nguyen – MA; Pham Toan – NY; Thuan Hua - MO

Độc Giả Thay Đổi Địa Chỉ

Trương Toàn – CA; David & Tina Doan – CA; Pham Toan - NY

Sau Katrina đến Rita:

Thiên tai thay đổi cả chính trị

NGÔ NHÂN DỤNG

Ngày 15 tháng Chín vừa qua, Đức Đạt Lai Lạt Ma đã tới nói chuyện tại trường Quản trị Kinh doanh Garvin, thuộc Đại học Thunderbird ở tiểu bang Arizona. Ngài nói: "Quý vị cần hiểu rằng tương lai của quý vị tùy thuộc những người khác, tương lai của cá nhân tùy thuộc cả xã hội." Bài giảng của nhà tu sĩ này đến đúng lúc nước Mỹ đang cần, vì hai trận bão Katrina và Rita. Bài tường thuật (và video) trên trang nhà của Thunderbird dẫn những lời giảng của Đức Đạt Lai Lạt Ma.

Quyền lực và của cải có thể mang lại những "nụ cười nhân tạo," ngài nói, nhưng chỉ có đức từ bi và tránh khỏi những xúc động tàn hại của hận thù và giận dữ, chúng ngăn không cho chúng ta nhìn thấy sự thật, mới đem lại tâm an hòa lâu dài.

"Người ta tham quá. Ông có 100,000 đô la rồi vẫn muốn có nhiều hơn. Ông có một triệu đô la rồi vẫn muốn thêm. Tôi đã nói đùa với một nhà doanh nghiệp, 'ông là nô lệ của đồng tiền.' Nếu ông có chút tiền, hãy đem cho người khác! Bà viện trưởng Angel Cabrera nói việc mời Đức Đạt Lai Lạt Ma tới đại học là một trong những ngày lớn nhất trong lịch sử trường. Đây là lần đầu tiên ngài nói chuyện với các sinh viên cao học quản trị kinh doanh MBA.

Chính phủ Mỹ sẽ chi tiêu thêm 200 tỷ trong mấy năm tới để tái thiết các tiểu bang bị bão Katrina và Rita tàn phá. Nhưng khi nhìn thấy những cảnh cướp bóc xẩy ra sau trận cuồng phong, khi chứng kiến cảnh những xác chết nằm chờ chôn cất và những người tị nạn còn sống tranh giành nhau miếng ăn, nước uống, chúng ta thấy những tai hại về vật chất không đáng lo bằng sự suy sụp về tinh thần. Loài người có thể sống và phải sống với nhau theo cách tử tế hơn.

Thiên tai có thể tạo cơ hội cho loài người biết giúp đỡ nhau, thương yêu, đùm bọc nhau hơn. Ở những xứ hay bị bão tuyết, người lái xe thường dừng lại hỏi thăm và giúp những người bị hư xe dọc đường ngay cả trong mùa ấm áp, vì người ta đã tập được thói quen tương trợ. Những thói quen tốt đó, có thể gọi là tinh thần công dân, là văn hóa, là một thứ hợp đồng xã hội. Mọi người ngầm ký kết với nhau là phải tương trợ. Vì không ai biết đến lúc nào mình sẽ là nạn nhân cần giúp đỡ. Những người sống ở nơi đô thị ít khi biểu lộ tinh thần tương trợ như những người ở thôn quê hay ở miền rừng núi. Vì ở thành phố người ta có một hệ thống tương trợ chính thức gồm những cảnh sát, xe cứu thương, cứu hỏa rất gần; còn ở miền đồng quê không có.

Nhưng thiên nhiên và khung cảnh sống không phải là những nguồn gốc duy nhất tạo nên óc tương trợ trong xã hội. Văn hóa cũng đóng một vai trò quan trọng. Nhiều nền văn hóa coi trọng tinh thần phục vụ tập thể, nơi khác thì óc độc lập và tự lập cá nhân được đề cao. Có nền văn hóa đề cao Nghĩa, có chỗ hay nói đến Lợi, nhấn mạnh chuyện phân chia quyền lợi công bằng. Cả hai khuynh hướng đó đều có giá trị, nhưng khi đứng trước một thiên tai, khi mọi người đều là nạn nhân, thì không còn ai phải bàn về cách phân chia quyền lợi nữa. Lúc đó mọi người phải làm việc Nghĩa. Việc Nghĩa, tức là làm những bổn phận luân lý, không do một bản hợp đồng hay những điều luật nào bắt buộc. Một điều người ta ca ngợi dân chúng ở thành phố Kobe Nhật Bản là sau một trận động đất tàn phá kinh hoàng, mọi người vẫn sống trong trật tự và tìm cách giúp đỡ lẫn nhau một cách hữu hiệu. Trong khi đó chính phủ Nhật Bản bị chê cười vì tổ chức việc cứu trợ rất vụng về, luộm thuộm.

Những hình ảnh cướp của, hôi đồ ở New Orleans, Louisiana, làm chúng ta nhớ lại những vụ hỗn loạn xẩy ra ở Los Angeles hơn 10 năm trước, hay cảnh cướp bóc ở thành phố New York sau khi bị cúp điện. Hầu như trong xã hội Mỹ đã chứa chất sẵn những mầm mống bạo loạn, chỉ chờ có cơ hội là bùng lên. Cơ hội tới khi mạng lưới bảo vệ trật tự chung bị vỡ bể. Một xã hội sống với nhau tương đối trong trật tự và bình an, vì được ràng buộc trong một mạng lưới luật pháp và những phong tục, tập quán do truyền thống văn hóa tạo ra. Khi điện tắt làm cả thành phố tối om và cảnh sát phải đi canh các ngả đường, hay khi bão lụt làm cảnh sát bận rộn cứu người, chỉ cần một nhóm

kẻ gian nhỏ bắt đầu đi cướp phá, đám cướp ngày càng lớn, lôi kéo đến những người bình thường vẫn sống lương thiện, thế là tạo thành một tình trạng vô chính phủ.

Tại sao trận động đất ở Kobe mấy năm trước không sinh ra một vụ cướp bóc, đốt phá tương tự? Có lẽ vì sau khi guồng máy cảnh sát giữ trật tự mất hiệu lực, thì vẫn còn một hệ thống hỗ trợ khác, là đạo lý. Mọi người sống chung với nhau đã chia sẻ những giá trị luân lý chung. Khi không còn ai lo bảo vệ luật pháp nữa thì mỗi người vẫn bảo vệ hệ thống giá trị luân lý đó. Luân lý của các xã hội loài người, trên căn bản thường bảo chúng ta phải cộng tác với nhau, giúp đỡ lẫn nhau. Nhu cầu cộng tác để sống chung đó mới xác định những quy tắc, những tiêu chuẩn để thể hiện ra trong cuộc sống. Như phải hiếu thảo, trung thành, nghĩa hiệp, bác ái, thương yêu, vân vân.

Bây giờ là lúc những nhà lãnh đạo tinh thần ở Mỹ hoạt động mạnh hơn nữa, để cùng tạo một nền đạo lý có tính cách xã hội, có tính chất cộng đồng nhiều hơn. Óc vị lợi và đề cao quyền lợi cá nhân cần được giảm bớt. Cần đạo công bằng, nhưng cũng cần tấm lòng trọng nghĩa. Trẻ em cần được dậy những bài công dân giáo dục ngay từ nhỏ. Không phải chỉ là những bổn phận của mỗi người đối với Thượng đế mà thôi, mà chính là những bổn phận của con người đối với con người. Ngay cả những người không có tôn giáo cũng phải học và tập thực hành những bổn phận thế tục đó.

Nhiều người xấu, người tốt

Mỗi lần một cơn hoạn nạn xảy ra, chúng ta thấy xuất hiện bộ mặt thật của những con người sống trong đó. Có đủ các khuôn mặt, những người tốt và người xấu. Cái xấu chúng ta đã nghe kể nhiều rồi. Nhưng bên cạnh những cái xấu cũng rất nhiều cảnh tượng tốt đẹp.

Ngày xưa ở Việt Nam mỗi khi có bão lụt, hỏa hoạn, nhiều đoàn thanh niên tự động lập ra những ủy ban cứu trợ. Ngày nay, việc cứu trợ ở Mỹ bột phát trên internet. Những mẩu "Rao Vặt" tự nguyện giúp đỡ xuất hiện trên mạng lưới Nola.com, dùng xa lộ thông tin, nhắm "Tất cả cho New Orleans, Louisiana." Có 3,500 tư nhân ở xa cống hiến chỗ ở cho các nạn nhân lựa chọn, và cả 1,400 người nhận trông nom giúp chó mèo lạc chủ. Mạng lưới mỗi ngày được 22 triệu lần người ta vào đọc và viết. Hơn 20 ngàn người vào đó tìm thân nhân, hơn bốn ngàn người báo tin mình còn sống cho bà con biết. Một gia đình tận tiểu bang Wisconsin cống hiến: "Có phòng ở cho ba tới bốn người trong nhà chúng tôi, tại Berlin, Wisconsin. Gần trường học và nhà thờ. Không nhận người hút thuốc, rượu, ma túy hoặc nuôi chó mèo."

Qua cơn bão Katrina nhiều người trên thế giới nhìn thấy một bộ mặt xấu xí của nước Mỹ. Người ta không coi nước Mỹ là một kiểu mẫu xây dựng quốc gia nữa. Tờ báo *Libération* ở Pháp bình luận rằng trận cuồng phong Katrina đã làm hiện rõ một căn bệnh xã hội mà trước đây người Mỹ không chịu nhìn thẳng vào. Súng, cướp bóc, người da trắng chạy trước còn người da đen kẹt lại, những người giầu chạy thoát nhanh chóng, còn những người nghèo không có xe, những người già yếu, bệnh tật là những nạn nhân bị bỏ rơi mấy ngày trước khi được cứu giúp; một nhà thương tư đã từ chối không dùng trực thăng chở giúp bệnh nhân một bệnh viện từ thiện bên cạnh trốn bão, vì ưu tiên cần chở nhân viên của mình. Ông Aaron Broussard, chủ tịch Giáo xứ Jefferson thuộc New Orleans, nơi bị thiệt hại nặng nhất, than: "Chưa bao giờ người Mỹ lại bỏ rơi người Mỹ tệ như thế này." Du khách kể đã thấy những lính cứu hỏa và người cứu thương lấy trộm đồ trong các cửa hàng. Có những cảnh sát viên không làm gì để ngăn chặn bọn ăn cướp nhưng lại đi hôi của. Hai trăm cảnh sát bỏ chạy không làm việc. Hai cảnh sát viên đã tự sát trong cơn tuyệt vọng.

Nhưng tại Fox Valley, tiểu bang Wisconsin, nhiều gia đình tổ chức với nhau tự nguyện cung cấp chỗ ở cho các nạn nhân. Ngay trong những khu tàn hại nhất ở thành phố New Orleans, người ta cũng cố giúp lẫn nhau chứ không phải chỉ có những người đi ăn cướp. Hai nữ cảnh sát viên, bà Taylor thì nhà cửa đã bị nước phá tan, bà Fullwood bị trộm lấy hết đồ đạc, cả súng đạn và áo giáp cũng bị mất, nhưng họ vẫn làm việc không nghỉ hơn một tuần lễ để đi cứu giúp người khác, bà Fullwood đã bị bắn ba lần. Nữ ca sĩ Céline Dion đã tặng hội Hồng thập tự Mỹ một triệu đô la ngay khi cơn bão vừa mới tới. Trên màn ảnh đài CNN cô đã không cầm được xúc động khi được phỏng vấn trước khi lên sân khấu ở Las Vegas; xướng ngôn viên Larry King phải hỏi: Cô có sao không? Are you OK, Céline?

Và cả những người vô duyên

Khi một nữ ca sĩ đang nuôi con nhỏ bầy tỏ cơn xúc động của mình, chúng ta thông cảm. Một người ngoại quốc khác cũng chỉ trích chính phủ

Mỹ trong dịp này là ông Fidel Castro, chủ tịch Cuba. Ông tuyên bố sẵn sàng gửi 1,586 bác sĩ sang cứu người bị nạn ở Mỹ. Chắc nhiều người sẽ tình nguyện xung phong lên đường. Vì rất nhiều người Cuba chỉ mong có dịp ra khỏi nước rồi xin tị nạn cộng sản! Một chính trị gia cũng vô duyên không kém là ông bộ trưởng Môi trường sống trong chính phủ Đức, Jurgen Tritten; ông đem vụ bão Katrina ra để chê trách chính sách thiên về các công ty lớn của chính phủ Mỹ, không kiểm soát hơi khói để ngăn ngừa nạn khí quyển nóng dần. Mục tiêu của ông không phải là Tổng thống Bush mà là đảng đối lập đang có hy vọng thắng cử; bà Merkel thường tỏ ra ngưỡng mộ ông Bush! Báo chí ở Âu châu chê ông Trittin không những vô lý (bão Katrina không liên can gì tới hiện tượng khí quyển nóng dần) mà còn "vô duyên" (bad taste) nữa. Báo Bild Zeitung ở Đức tố cáo, "Ông Tritten cho cả thế giới thấy một bộ mặt xấu xí của nước Đức!" Người Hà Lan có kinh nghiệm về nạn lụt. Họ cũng tránh không chỉ trích chính quyền Mỹ thiếu hiệu năng trong việc cứu lụt. Nhật báo NCR Handelsblad công nhận rằng "Chúng ta cũng không dám bảo đảm là sẽ phối hợp việc cứu lụt của chúng ta sẽ có hiệu quả hơn. Hãy duyệt xét lại tình trạng sắp sẵn của chúng ta trước khi chỉ trích người Mỹ."

Một nhóm du khách Mỹ từ Oklahoma và Las Vegas tới, cùng những người Úc, Canada, Anh quốc, vân vân tụ họp với nhau khi tránh lụt bên ngoài một khu thương xá ở New Orleans đã chứng kiến cảnh cướp bóc, hôi của ở thành phố này. Họ tự tổ chức đời sống, biểu quyết khi cần để sống với nhau theo lối dân chủ. Họ chứng kiến cảnh một phụ nữ ngồi chết trên xe lăn, trên hè phố suốt mấy ngày. Bên cạnh là một xác nằm chết, đã được che phủ. Ban đêm họ nghe tiếng một phụ nữ kêu cứu, rồi nghe tiếng súng nổ, mà không thể làm gì được. Có lúc họ cũng phải quyết định đi phá cửa hàng thực phẩm và tiệm ăn để lấy thức ăn. Trong lúc mấy người ngoại quốc đang ăn, một nhóm khoảng 30 người da đen đi tới. Một bà da đen trông thấy đám du khách, giận dữ hét lên: Tại sao mấy người da trắng này có thức ăn, nước uống mà chúng tôi thì đang chết đói? Nhiều người da đen chỉ trích các báo, đài thiếu vô tư. Khi thấy những người da trắng đi kiếm thức ăn trong các cửa hàng bỏ trống thì nhà báo nói là họ đi tìm thức ăn; còn khi đó là những người da đen thì họ dùng chữ "đi ăn cướp."

Cơn giận dữ của người dân có thể thông cảm. Người da đen ở New Orleans thuộc lớp người nghèo nhất nước, họ chiếm hai phần ba dân số. Đây cũng là thành phố có án mạng cao gấp 10 lần số bình quân của cả nước Mỹ. Trong số 78 trường học được coi là xấu nhất tiểu bang Lousiana thì có 55 trường ở thành phố New Orleans. Hội đồng giáo dục cho tới sở cảnh sát đều có nhiều quan chức bị truy tố về tham nhũng. Sau trận bão, ông chỉ huy trưởng cảnh sát đã từ chức. Cái nghèo đi đôi với cái dốt, đã được lưu truyền từ hàng thế kỷ, con người ở đó như nằm trong vòng luẩn quẩn chưa gỡ ra được. Khi chính phủ yêu cầu tất cả rút ra khỏi thành phố, nhiều người không có phương tiện nào để ra đi. Và không ai nghĩ tới một kế hoạch di tản có quy mô. Một chính phủ để làm gì nếu không phải là giúp dân chạy thoát khỏi những thiên tai được báo trước?

Có xí nghiệp ở New Orleans đã quyết định sẽ đổi về Baton Rouge, đi mua cả khu đất để xây cất nhà cho nhân viên. Một bác sĩ mua ngay ngôi nhà với giá đòi là 375,000 đô la, chịu trả giá gấp đôi. Hơn 400 ngàn dân ở đó cảm thấy phải tự vệ khi đoàn xe chở những người tị nạn tới làm tăng dân số thêm gần một trăm ngàn. Có một gia đình tị nạn vào tiệm giầy ở Baton Rouge, cả nhà mỗi người chọn một đôi giầy, đi thử vào chân rồi thản nhiên đi luôn, coi như mình có quyền được mọi người "cứu trợ." Ngay cửa hàng bán súng ở Baton Rouge cũng phát tài. Nhưng một phần ba những người mua dao và súng chính là dân tị nạn muốn khi trở về họ có vũ khí tự vệ. Nhiều người tị nạn đang ở Houston quyết định trở lại New Orleans càng sớm càng tốt. Trở về ngôi nhà mình, thành phố của mình, bắt đầu xây dựng lại. Một người đàn ông 58 tuổi nói, bỏ đi luôn thấy mình hổ thẹn, giống như bỏ rơi một người bạn đang cần mình.

Chúng ta đã chứng kiến những cảnh tang thương, kinh hoàng, nhưng cũng không thiếu những hình ảnh cảm động vì tình người được bầy tỏ trong cơn hoạn nạn chung. Một năm, hai năm nữa, dần dần người ta sẽ quen đi. Thành phố New Orleans sẽ sống lại, khu Phố Pháp sẽ sống lại, nhạc Jazz lại vang rền và du khách lại đổ về chờ ngày Hội Mardi Grass. Người Mỹ học rất nhanh, họ sẽ rút tỉa những kinh nghiệm, sửa chữa các sai lầm để chờ đối phó với các thiên tai mới. Nhiều người sẽ ý thức rõ ràng hơn về sự chênh lệch giầu nghèo, với những người da đen lâm vào cảnh nghèo truyền kiếp, tình trạng đó không thể kéo dài được. Nhưng người Mỹ cũng rất mau quên.

Trong các kỳ bầu cử năm 2006 và 2008, các nhà chính trị sẽ đem trận bão ra để đổ tội cho nhau. Sau đó, chắc hầu hết mọi người sẽ quên Katrina. Trừ các công ty xây cất lo đấu thầu việc bảo vệ miền duyên hải Vịnh Mexico. Chắc phải tới năm 2008 những dự án mới bắt đầu, với ngân sách nhiều chục tỷ mỹ kim. Biết bao nhiêu thiên tai đã đổ lên trái đất này. Biết bao cảnh những người xấu, người tốt, và cả những người vô duyên từng diễn ra trên sân khấu cuộc đời. Và đời sống vẫn tiếp diễn.

Tổng thống Bush bị bão rớt

Tổng thống Bush đã lùi một bước về chính trị. Ông Michael Brown, giám đốc Cơ quan Cấp cứu liên bang FEMA, đã bị dư luận, báo chí, các dân biểu quốc hội phe chính phủ và phe đối lập chỉ trích liên tiếp, phải từ chức. Số người ủng hộ ông Bush đang xuống thấp. Những khi tai họa lớn xẩy ra, dù do khủng bố phá hoại hay do thiên tai, dân Mỹ thường đoàn kết sau lưng ông tổng thống. Vụ 11 tháng 9 năm 2001 là một bằng chứng, lúc đó uy tín của Tổng thống Bush đã lên cao nhất, trên 80 phần trăm dân chúng ủng hộ ông. Nhưng khi chính quyền không ứng phó được với tai họa, nhìn những thảm cảnh hiện ra trên ti vi, người dân coi ông tổng thống là người chịu trách nhiệm. Cảnh tượng những người chạy bão lụt đói, khát, bệnh tật và chết chóc không được cứu kịp thời suốt ba bốn ngày; cả nước xúc động và cả thế giới ngạc nhiên về nước Mỹ. Nghiên cứu dư luận của Pew Research cho thấy ngay trong số những người theo đảng Cộng Hòa, tỷ lệ người ủng hộ ông Bush cũng giảm mất chín phần trăm. Những cử tri có tín ngưỡng nhiệt thành vốn là thành trì bỏ phiếu cho ông Bush; nay họ cũng giảm lòng tin. Ông mất chín phần trăm trong số những giáo hữu Tin lành Thuyết giáo (Evangelical) và mất 12 phần trăm trong số tín đồ Công giáo.

Điều mọi người đều thấy, là chính phủ Bush phản ứng quá chậm chạp khi thiên tai Katrina tàn phá New Orleans, tới trận bão Rita các cấp chính quyền đã chuẩn bị sẵn sàng hơn. Mặc dù đã tuyên bố tình trạng khẩn trương trước khi bão Katrina tới, ông Bush hầu như không nhìn thấy được tầm vóc của tai họa sắp xẩy ra lớn thế nào. Phó Tổng thống Dick Cheney tiếp tục đi nghỉ hè, tìm mua một ngôi nhà mới giá gần ba triệu đô la, bà Ngoại trưởng Condoleezaa Rice vẫn đi coi nhạc kịch ở Broadway. Trong cuộc tranh cử năm ngoái, ông Bush thắng điểm ông Kerry vì cuộc vận động nhấn mạnh vào khả năng lãnh đạo và đức kiên quyết của ông trước cơn nguy biến, trong khi ông Kerry được mô tả là người lừng chừng, hay thay đổi ý kiến. Bây giờ thì chính khả năng lãnh đạo của ông Bush bị nghi ngờ. Nhiều người do ông dùng không tỏ ra có khả năng. Cựu giám đốc FEMA không có kinh nghiệm nào về cứu cấp nhưng được bổ nhiệm vì là bạn của người giám đốc cũ, một cựu chánh văn phòng tổng thống. Bà Julie Myers được bổ làm giám đốc Di trú và Quan thuế không có kinh nghiệm nào về ngành này, nhưng có họ với Tướng Richard Myers và lấy người chánh văn phòng của ông Bộ trưởng Nội An. Ông Donald Rumsfeld, Bộ trưởng Quốc phòng đã bị chỉ trích về khả năng hoạch địch và điều khiển cuộc chiến tranh Iraq. Viên chức cao nhất trong chính phủ về Tiếp liệu bị bắt trong tháng Chín vì dính líu tới một vụ án về tham nhũng của những người cộng tác với dân biểu Tom DeLay, trưởng khối Cộng Hòa ở Hạ viện. Ông DeLay, đồng minh mạnh nhất của Tổng thống Bush ở Hạ viện cũng đã bị truy tố vi phạm luật gây quỹ bầu cử của tiểu bang Texas, trong lúc Nghị sĩ Bill Frist, trưởng khối Cộng Hòa ở Thượng viện đang bị Cơ quan Chứng khoán quốc gia điều tra về một vụ bán cổ phần.

Nhiều người chống ông Bush từ lâu nay bây giờ các ý kiến của họ được nhắc lại, lấy vụ bão Katrina làm bằng chứng. Những người bảo vệ môi trường chỉ trích ông là từ lâu ông vẫn không quan tâm đến việc bảo vệ miền bờ biển thấp quanh Vịnh Mexico. Người chống chiến tranh cho là vì ông đưa quân đội và vệ binh qua Iraq nên thiếu người cứu trợ và bảo vệ trật tự. Đảng Dân Chủ nhân dịp này chỉ trích đảng Cộng Hòa chú trọng đến những người giầu, người da trắng, bỏ rơi các nạn nhân da đen nghèo khó. Trận bão Katrina mở lại vết thương chia rẽ chủng tộc trong xã hội Mỹ, lâu nay tưởng đã yên. Tai họa xẩy ra ở một thành phố với hai phần ba dân chúng là người da đen. Có 35 phần trăm người da đen ở đó không có xe hơi để chạy bão, so với 15 phần trăm trong số người da trắng.

Hiện nay ngay các đại biểu quốc hội thuộc đảng Cộng Hòa cũng tỏ ra độc lập với Tòa Bạch ốc, nhất là những người sắp phải tái tranh cử năm 2006. Hiệp ước tự do mậu dịch với một số nước Trung Mỹ đã được Hạ viện thông qua với đa số một phiếu duy nhất sau khi dân biểu Tom DeLay đi thúc đẩy từng người, mặc dù đảng Cộng Hòa chiếm đa số trên 30 phiếu. Nhiều nghị sĩ Cộng Hòa cũng đặt lại vấn đề về ngân sách chiến tranh Iraq và các chương trình chi tiêu của chính phủ, sau hai trận bão lớn.

Khi tái đắc cử năm ngoái, Tổng thống Bush tuyên bố rằng ông đã được dân chúng ủy nhiệm và cho ông một số "vốn liếng chính trị," ông sẽ đem dùng trong nhiệm kỳ thứ hai. Mọi người tiên đoán trong bốn năm này ông sẽ thúc đẩy những chương trình chính trị bảo thủ của đảng Cộng Hòa, với uy tín chính trị đó ông sẽ thành công. Trong những năm 2001, 2003 Tổng thống Bush đã biết sử dụng uy tín của ông lên cao sau vụ khủng bố 11 tháng Chín và các cuộc chiến thắng ở Afghanistan và Iraq. Ông đã đưa ra những chương trình cắt giảm thuế mà người chỉ trích nói là mang lợi ích quá nhiều cho lớp người giầu có. Ông Bush muốn thúc đẩy quốc hội chấp thuận cho các luật cắt thuế đó thành vĩnh viễn, thay vì sẽ hết hiệu lực sau năm 2010. Ông Bush cũng muốn cải tổ Quỹ hưu bổng xã hội Social Security, trong đó có tham vọng thành lập những quỹ hưu bổng cá nhân, được những người trẻ có lợi tức cao ủng hộ.

Nếu những dự định trên được thực hiện, Tổng thống George W. Bush sẽ được ghi vào lịch sử như là người đã làm cuộc cách mạng xã hội ở Mỹ, thay đổi đường lối quốc gia đã được định hướng từ thập niên 1930 thời Tổng thống Franklin Roosevelt. Nhiều người đã trông đợi Tổng thống Bush sẽ biến đổi nước Mỹ, từ nay sẽ theo khuynh hướng đảng Cộng Hòa, một triết lý chính trị đề cao tự do cá nhân, trách nhiệm cá nhân; thay thế cho triết lý của đảng Dân Chủ trong đó vai trò của nhà nước được coi trọng. Triết lý "chính phủ nhỏ" đã được các vị tổng thống đảng Cộng Hòa hô hào từ lâu, như khi ông Reagan tranh cử, ông nói: "Chính phủ không giải quyết được vấn đề; chính phủ là vấn đề ta phải giải quyết!" Khuynh hướng bảo thủ nhìn thấy toàn những nhược điểm của bộ máy công quyền, họ muốn cắt nhỏ chính phủ thêm được bao nhiêu hay bấy nhiêu. Ngược lại, các xí nghiệp tư, tổ chức tư được coi là kiểu mẫu làm việc có hiệu năng và mang lại lợi ích cho tất cả mọi người. Tư tưởng này đã lây lan ra trong dân chúng, được tầng lớp trung lưu ủng hộ. Ngay Tổng thống Bill Clinton thuộc đảng Dân Chủ, năm 1996 cũng hô khẩu hiệu "Chúng ta biết chính phủ lớn không có mọi giải đáp. Chúng ta biết không thể cứ mỗi vấn đề lại có một chương trình chính phủ ... Thời đại của chính phủ lớn đã qua rồi!" Ông Clinton đã hạ thấp vai trò của các nhà chính trị trong việc trị quốc! Trong một nước Mỹ kinh tế tăng trưởng lâu kỷ lục thời ông Clinton làm tổng thống, chính các nhà quản trị xí nghiệp mới là anh hùng được mọi người ngưỡng mộ.

Nhưng ông Clinton tuyên bố quá sớm. Vụ 11 tháng 9 làm thay đổi tất cả. Ông Bush lại là người đã làm cho guồng máy chính phủ phồng to lên. Năm 2001 lúc ông Bush nhậm chức, ngân sách chính phủ Mỹ chiếm 18.5% Tổng sản lượng Nội địa; năm nay, trước khi tính các chi phí vì bão Katrina và Rita, ngân sách chính phủ lên tới 19.8% GDP. Cứ tính tròn GDP của Mỹ là 11 ngàn tỉ đô la một năm, số gia tăng là 143 tỷ mỹ kim. Cùng lúc đó, trong lãnh vực tư, bao nhiêu vị quản đốc xí nghiệp bị truy tố ra tòa về tội những lạm, gian dối lừa đảo các cổ đông và chính quyền.

Bão Katrina có thể làm cho nhiều người nhìn thấy viễn tượng khác. Vai trò của chính quyền trở thành cần thiết khi phải đối phó với những tai họa lớn chung cho cả xã hội. Báo *Wall Sreet* lấy vụ Katrina ra để chỉ trích sự bất lực của guồng máy công quyền. Nhưng có thể trao phó mọi việc cho tư nhân hay không? Người ta có thể đang ca ngợi hiệu năng của công ty Wal Mart trong những ngày bão lụt. Công ty đã di chuyển được hết nhân viên của họ, đồ cứu trợ được đưa tới một cách nhanh chóng, công ty cam kết cho công nhân viên việc làm ở nơi đang tị nạn, và cũng đóng góp 23 triệu mỹ kim cho quỹ cứu trợ quốc gia. Nhưng liệu có thể trao phó tất cả việc phòng vệ thiên tai, giữ trật tự, an ninh, cứu cấp cho các xí nghiệp tư được không? Một xí nghiệp tư như Halliburton đang bị kiện vì gian lận khi đấu thầu cho bộ Quốc phòng; liệu có thể hoàn toàn tin tưởng ở các xí nghiệp tư hay không?

Bão Katrina sẽ làm cho nhiều người nghĩ lại về vai trò của chính quyền. Nếu chính quyền bất lực trong những ngày đầu thiên tai xẩy ra, thì phải tìm cách sửa chữa. Và có thể tin rằng người Mỹ có khả năng sửa chữa.

Ông Bush sẽ lãnh chịu hậu quả chính trị về sự chậm trễ của guồng máy chính quyền liên bang trong việc cứu lụt. Nhưng không riêng gì ông Bush, cả nước Mỹ sẽ phải suy nghĩ lại về đường hướng chung của quốc gia. Chúng ta đã thấy những dấu hiệu. Quốc hội Mỹ hầu như đã bỏ qua không đem chuyện bãi bỏ thuế di sản ra bàn nữa, dù rằng tháng trước cơn bão ai cũng coi đó là chuyện quyết định xong rồi. Trong lúc này ai lại đem chuyện cắt thuế cho những người giầu nhất nước, mà con số những người được hưởng chỉ có vài chục ngàn người thôi! Ngân sách chính phủ Mỹ sẽ còn tăng và khiếm hụt nhiều hơn vì hậu quả vụ bão lụt. Liệu điều đó có ảnh hưởng tới cuộc chiến ở Iraq hay không? Không ai ngờ một cơn bão lại thay đổi bàn cờ chính trị của một cường quốc như vậy!

Lãnh tụ đảng Christian Democratic Union (CDU) và Thủ tướng Đức Gerhard Schroeder lãnh tụ đảng Social Democratic (SD)

CUỘC BẦU CỬ ĐẦY KỊCH TÍNH TẠI ĐỨC

TS BÙI HẠNH NGHI
(Đức Quốc)

Trong mấy tuần qua giới chính trị và quần chúng tại Đức xôn xao về cuộc bầu cử hạ viện, một cuộc bầu cử **bất thường**, đem lại kết quả **bất ngờ** và lối hành sử **bất xứng**.

Bầu cử bất thường

Gọi là bất thường vì cuộc bầu cử đã phải tổ chức một năm trước kỳ hạn. Có hai lý do chính đưa đến sự việc bất thường này.

Thứ nhất là vì chính quyền đương nhiệm của thủ tướng Schrưder đã không giải quyết được nhiều vấn nạn to lớn gây ra cơn khủng hoảng trầm trọng tại Đức: khoảng năm triệu người thất nghiệp (tỉ số 10-11 %), kinh tế ngày càng suy sụp, chính sách thuế khóa rườm rà và bất công, quĩ hưu bổng cạn kiệt, hàng năm phải vay thêm một số nợ khổng lồ để bù vào lỗ hổng ngân sách...

Thứ hai là vì tương quan lực lượng giữa thượng viện và hạ viện bất lợi cho chính phủ, do đó chính phủ bị bó tay không hoạt động được bình thường và phải tự cho là bất lực.

Vai trò thượng viện và hạ viện

Để hiểu thêm về ảnh hưởng tương quan lực lượng hạ viện/thượng viện đối với hoạt động của chính quyền, xin ghi lại một vài chi tiết về hai viện này. Danh xưng thượng viện và hạ viện có thể khiến hiểu lầm là có sự phân biệt ngôi thứ và giá trị giữa hai viện. Thực ra hai viện chỉ khác nhau ở thành phần và nhiệm vụ:

- Hạ viện (Bundestag) gồm nghị sĩ do dân trực tiếp bầu, các nghị sĩ của một đảng họp chung thành một phân nhóm (Fraktion). Hạ viện có nhiệm vụ dự thảo, thảo luận và biểu quyết các đạo luật. Ngoài ra hạ viện còn có nhiệm vụ bầu thủ tướng (Bundeskanzler). Thủ tướng do phân nhóm nhiều ghế nhất đề cử.

- Thượng viện (Bundesrat) được hình thành không do bầu cử mà gồm đại biểu từ các tiểu bang. (Đức quốc là một liên bang gồm 16 tiểu bang). Nhiệm vụ lập pháp của thượng viện là thông qua tối hậu các đạo luật đã được hạ viện biểu quyết.

Quyền quyết định tối hậu của thượng viện có thể gây khó khăn cho chính quyền nếu phe đối lập nắm được đa số tại viện này vì các đạo luật do chính quyền đề nghị và đã được hạ viện biểu quyết lúc chuyển lên thượng viện khó được thông qua. Tương quan lực lượng bất lợi này hạn chế khả năng hoạt động của chính quyền.

Bế tắc của chính quyền đương nhiệm

Hiện nay phe đối lập nắm đa số tại thượng viện nên hoạt động của chính quyền Gerhard Schrưder hầu như bị tê liệt. Thủ tướng Schrưder còn bị bế tắc khác không kém trầm trọng là một số nghị sĩ thuộc đảng Dân Chủ Xã Hội (SPD) của ông công khai chống đối sách lược cải tổ ông đề ra vì cho rằng sách lược này không phù hợp với tinh thần xã hội vốn là đặc điểm của đảng này từ trước tới nay. Sự chống đối này đưa đến tình trạng trống đánh xuôi kèn thổi ngược ngay

trong nội bộ đảng và làm lung lay thế lực của ông Schrưder tại hạ viện. Sau khi tính toán thiệt hơn ông thấy chỉ còn một giải pháp duy nhất là bầu lại hạ viện.

Giải tán quốc hội

Căn cứ vào điều 67 hiến pháp ông đã yêu cầu hạ viện bỏ phiếu bất tín nhiệm để có thể xin tổng thống giải tán hạ viện và tiến hành bầu cử hạ viện mới. Giải pháp này được phe đối lập thuộc đảng Cơ Đốc Dân Chủ/Cơ Đốc Xã Hội (Christdemokraten/Christsoziale CDU/CSU) và đảng Dân Chủ Tự Do (FDP) rất hoan nghênh, vì hai đảng này căn cứ vào kết quả các cuộc thăm dò dư luận đinh ninh rằng sự thất bại to lớn của chính quyền Schrưder sẽ khiến cử tri dùng lá phiếu hạ bệ chính quyền này và sẽ bầu phe đối lập lên thay thế nhằm thực hiện một chương trình cải tổ rộng lớn có triển vọng giải quyết những bế tắc nói trên. Còn ông Schrưder thì hy vọng nếu thắng thế trong cuộc bầu cử để tiếp tục cầm quyền thì sẽ thêm thế lực không những trong hạ viện mà cả đối với thượng viện, vì lúc đó, theo tính toán của ông, tuy đa số thượng viện vẫn thuộc phe đối lập nhưng sẽ vị nể ông hơn vì sự thắng cử chứng tỏ ông được dân chúng tín nhiệm và ủng hộ sách lược cải tổ của ông.

Sau khi thẩm định tính chất hợp hiến hợp pháp của diễn tiến bất tín nhiệm, tổng thống giải tán hạ viện và ấn định ngày bầu hạ viện mới 18 tháng 9 năm 2005.

Hoạt động đảng phái tại hạ viện

Đức quốc không theo chế độ lưỡng đảng mà áp dụng chế độ đa đảng. Không hạn chế số đảng ghi danh ứng cử, nhưng chỉ đảng nào chiếm được tối thiểu năm phần trăm tổng số phiếu mới được vào hạ viện. Hiện nay hạ viện gồm bốn đảng: Hai đảng liên hiệp cầm quyền là SPD (gọi là đảng Đỏ vì lấy mầu đỏ làm biểu tượng) và đảng Xanh, hai Đảng đối lập là CDU/CSU (Đen) và đảng FDP (Vàng).

Điều thường xảy ra trong các cuộc bầu cử hạ viện tại Đức là không có đảng nào đạt được đa số tuyệt đối, nên các đảng phải tìm cách liên hiệp để có đa số. Theo luật chơi dân chủ truyền thống tại Đức thì đảng nào chiếm nhiều phiếu nhất – dầu chỉ là đa số tương đối – được ủy thác đứng ra thành lập chính quyền. Để hoàn thành trách nhiệm này họ phải tìm cách liên hiệp với một hay hai đảng khác, mới có đủ đa số bảo đảm được việc bầu thủ tướng do họ đề cử và biểu quyết các đạo luật do họ dự thảo. Như đã nói, liên hiệp của chính quyền đương nhiệm thủ tướng Schrưder là liên hiệp Đỏ-Xanh.

Một đảng mới xuất hiện

Kỳ bầu cử này xuất hiện một đảng mới. Đó là đảng Tả (Linke), mới được thành lập cách đây không lâu, do sự sát nhập hai thành phần khác nhau, một là PDS (đảng Xã Hội) hậu thân của đảng Cộng Sản Đông Đức trước đây và hai là đảng WASG (Liên Danh Công Bằng Xã Hội) tại Tây Đức do ông Lafontaine mới thành lập. Ông này vốn là trưởng đảng SPD của ông Schrưder cách đây mấy năm và từng giữ chức vụ tổng trưởng tài chánh trong nội các Schrưder, nhưng sau đó hai người đã trở thành thù địch nên Lafontaine từ chức, rút lui khỏi đảng và từ đó không ngớt đả phá Schrưder. Nay Lafontaine lập đảng mới tại Tây Đức nhằm thu hút những thành phần bất mãn của SPD và dư luận cũng cho ông có mục đích trả thù Schrưder. Vì đảng ông mới lập không hy vọng đạt được chỉ tiêu 5 phần trăm tổng số phiếu nên ông đã sát nhập đảng ông với đảng hậu cộng sản. Trong những cuộc bầu cử trước đây, đảng hậu cộng sản này đã khá thành công tại các tiểu bang bên Đông Đức, nhờ dùng một danh xưng mới ẩn dấu vết tích cộng sản và nhờ khai thác được sự bất mãn của một số người Đông Đức vừa có mặc cảm là bị Tây Đức khinh thường vừa tự cho mình là nạn nhân của nền kinh tế thị trường sau ngày hai miền Tây và Đông Đức thống nhất.

Thế thượng phong của CDU/CSU và FDP (Đen + Vàng)

Kỳ tranh cử này đảng CDU/CSU và đảng FDP cam kết liên hiệp với nhau, đề ra khẩu hiệu «thay đổi chính trị» vận động cử tri hạ bệ chính quyền «bất lực» Schrưder để thay thế bằng chính quyền mới của họ với bà Angela Merkel làm thủ tướng. Bà Merkel vốn là người Đông Đức, tiến sĩ vật lý. Thân phụ của bà là một mục sư tin lành. Bà gia nhập đảng CDU từ những ngày đầu sát nhập Đông Đức vào Tây Đức. Chỉ trong 15 năm bà đã từ địa vị một đảng viên thường lên làm trưởng đảng CDU và cầm đầu phân nhóm CDU/CSU tại hạ viện. Còn ông Schrưder thì vốn là luật sư trước khi trực tiếp hoạt động chính trị. Ông đã từng giữ chức vụ thủ hiến tiểu bang Niedersachsen, trưởng đảng SPD và sau khi được bầu làm thủ tướng năm 2002 vẫn kiêm nhiệm chức trưởng đảng SPD.

Sau một thời gian ông đã phải nhường chức trưởng đảng cho một nhân vật khác để dốc toàn lực vào vai trò thủ tướng.

Tất cả các cuộc thăm dò dư luận lúc khởi đầu tranh cử đều ghi nhận liên hiệp Đen-Vàng của bà Merkel nắm đa số tuyệt đối. Riêng đảng CDU/CSU chiếm 48 %. Ai cũng tiên đoán bà Merkel sẽ là vị nữ thủ tướng đầu tiên của Cộng Hòa Liên Bang Đức. Nhưng càng đến gần ngày bầu cử thì các cuộc thăm dò dư luận cho biết đa số tuyệt đối của CDU/CSU và FDP giảm dần còn tỉ số của đảng SPD lúc đầu nằm ở 26 % lại đột ngột tăng lên.

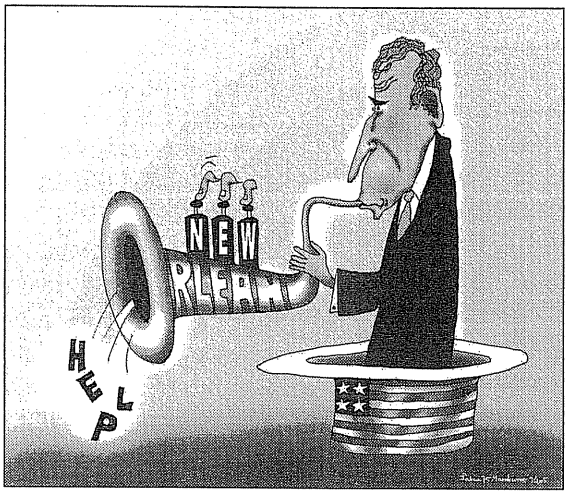

Theo sự phân tích của giới truyền thông thì một trong những lý do của sự thay đổi bất lợi cho bà Merkel là vì liên hiệp của bà chủ trương một chính sách cải tổ theo đó dân chúng phải thắt lưng buộc bụng để cứu vãn nền kinh tế. Thắt lưng buộc bụng trong hoàn cảnh hiện tại là những biện pháp tối cần nhưng chạm đến quyền lợi của nhiều người, nhất là người nghèo và người thất nghiệp. Schrưder cũng đã từng chủ trương thi hành một số biện pháp tương tự và đã bị quần chúng và đảng ông chống đối vì thiếu tinh thần xã hội. Nay vì nhu cầu tranh cử ông trở lại chủ trương xã hội theo phe tả của đảng ông để ve vuốt cử tri và khai thác nỗi lo sợ của dân chúng trước chương trình cải tổ gắt gao của bà Merkel. Nhất là vì thời gian tranh cử quá ngắn, không đủ để phe bà Merkel thuyết phục quần chúng tin rằng phải thắt lưng buộc bụng mới làm tăng trưởng kinh tế và nhờ đó giảm thiểu nạn thất nghiệp. Thông thường đại đa số quần chúng chỉ nghĩ đến quyền lợi bản thân mà không màng gì đến kinh tế tổng quát, họ chỉ thấy mình bị thiệt thòi mà không tin rằng những hy sinh của mình sẽ góp phần cứu vãn kinh tế quốc gia.

Một lý do bất lợi khác cho bà Merkel là quần chúng đã bị thu hút bởi tài hùng biện và tài diễn xuất của ông Schrưder. Mỗi lần xuất hiện trước công chúng hay trên truyền hình ông đã sử dụng hữu hiệu mọi phương pháp tu từ khiến quần chúng tin vào những luận điệu của ông. Lắm khi điều ông nói không đúng sự thật nhưng cách trình bày của ông khiến người nghe vẫn tin là ông nói đúng. Ngay cả khi điều ông nói khác với điều ông nghĩ ông vẫn trình bày một cách hấp dẫn khiến khán thính giả nghĩ rằng ông nói theo xác tín của ông. Ai cũng công nhận nghệ thuật tranh cử của ông quả là xuất chúng và đã có khả năng thúc đẩy một số quần chúng xa dần phe bà Merkel.

Kết quả bất ngờ

Nhưng dầu sao các cuộc thăm dò dư luận cho đến ngày bầu cử vẫn cho phép tiên đoán là liên hiệp Đen-Vàng của bà Merkel sẽ thắng lớn và riêng CDU/CSU sẽ đạt được ít nhất là 42 %. Nào ngờ cuộc bầu cử hôm 19.8. mang lại kết quả khác với tiên đoán:

- CDU/CSU (Merkel) 35,2 %
  (thay vì 42 % theo tiên đoán)
- SPD (Schrưder) 34,3 %.
- FDP 9,8 %
- Đảng Tả 8,7 %
- Đảng Xanh 8,1 %

Rút cục đã xảy ra tình trạng không có đảng nào và không có liên hiệp nào được đa số tuyệt đối.

Liên hiệp CDU/CSU + FDP (Đen + Vàng) = 45 %

Liên hiệp SPD + đảng Xanh (Đỏ + Xanh) = 42,4 %

Một đàng liên hiệp Đỏ-Xanh (Schrưder) thất bại vì số phiếu đạt được không đủ để ngồi lại chính quyền. Đàng khác liên hiệp Đen-Vàng (Merkel) thất bại vì không đạt mục đích chiếm đa số tuyệt đối để đương nhiên lên nắm chính quyền. Nhưng điều khác nhau là CDU/CSU của bà Merkel đứng hàng đầu vì được nhiều phiếu nhất, chiếm nhiều ghế nhất tại hạ viện và đương nhiên, theo luật chơi dân chủ truyền thống đã trình bày ở trên, bà có trọng trách thành lập chính quyền và bà sẽ là thủ tướng. Để hoàn thành trọng trách này bà Merkel sẽ phải đối thoại với các đảng khác – ngoại trừ đảng Tả mà phần lớn là hậu thân của đảng Cộng Sản Đông Đức cũ – để tạo được một liên hiệp có đủ đa số tại hạ viện.

Bất ngờ động trời và hành sử bất xứng

Nhưng một bất ngờ động trời đã xảy ra. Ông Schrưder bất chấp luật chơi dân chủ, bất chấp việc đảng ông thua phiếu đảng bà Merkel và liên hiệp của ông không còn đủ đa số để có thể ở lại chính quyền, ngang nhiên tuyên bố là chính đảng ông thắng cử và ông có trọng trách thành lập chính phủ mới với ông là thủ tướng. Lý do ông viện dẫn là từ tỉ số rất thấp trong kết quả thăm dò dân ý trước đây đảng ông rút cục đã chiếm được số phiếu không còn thua đảng bà Merkel bao nhiêu. Điều đó chứng tỏ dân chúng tín nhiệm ông và muốn ông tiếp tục cầm quyền. Và nếu CDU/CSU chịu liên hiệp với SPD của ông thì bà Merkel phải nhường ông làm thủ tướng. Dĩ nhiên CDU/CSU không bao giờ chấp nhận điều nghịch lý này. Một phóng viên truyền hình mượn chuyện ngụ ngôn sau đây để phản bác luận cứ ngược ngạo của Schrưder: Trong một trận thư hùng giữa hai đội bóng tròn, tỉ số của hai đội lúc gần kết thúc là 5-0. Nhưng trong mười phút cuối cùng đội đang thua gồng mình đá được 4 gôn. Đội này quả quyết rằng nâng được tỉ số từ 0 lên 4 là một thành công vĩ đại nên trọng tài phải cho họ thắng trận và trao cúp cho họ mặc dầu họ chỉ được 4 bên kia được 5. Quả thật "Ông vua cũng thua thằng gàn."

Phản ứng của dư luận và truyền thông

Đa số dư luận và truyền thông – ngoại trừ những phần tử thiên vị đảng SPD - bình phẩm lập luận của ông Schrưder là ngược ngạo và chê trách Schrưder đã hành sử bất xứng, tham quyền cố vị, đặt chức quyền cá nhân trên quyền lợi dân tộc, xem thường dư luận, xem thường lá phiếu của cử tri, bất chấp luật chơi dân chủ.

Nhắc lại cuộc bầu cử năm 2002, SPD chỉ hơn CDU/CSU khoảng 6.000 phiếu. Nhưng CDU/CSU đã không kỳ kèo tranh chấp, trái lại đã công nhận SPD thắng cử và có thẩm quyền đứng ra thành lập chính phủ, dầu chỉ hơn 6.000 phiếu. Nay CDU/CSU (Merkel) hơn SPD (Schrưder) trên 400.000 phiếu và liên hiệp Đen-Vàng (Merkel) hơn liên hiệp Đỏ-Xanh (Schrưder) 1.200.000 phiếu mà Schrưder vẫn dằng dai viện dẫn lý do này nọ để tranh ghế.

Làm cách nào để giải quyết bế tắc?

Như vậy là lối hành sử của ông Schrưder đã đưa đến bế tắc trầm trọng. Về phía bà Merkel thì một mặt không thể chấp nhận liên hiệp với SPD trong điều kiện ông Schrưder đưa ra, một mặt thì liên hiệp Đen-Vàng của bà không đủ đa số tuyệt đối tại hạ viện, bà phải mời đảng Xanh liên hiệp với bà (Có người gọi đùa liên hiệp Đen-Vàng-Xanh là liên hiệp Jamaica vì đen, vàng, xanh là mầu cờ của nước này). Nhưng điều khó khăn là đảng FDP và đảng Xanh xem nhau như kẻ thù vì xu hướng chính trị, kinh tế và xã hội hoàn toàn trái ngược nhau. Có thể là họ sẽ không chịu đứng chung trong một liên hiệp mà nếu chịu đứng chung thì cũng khó tránh được tranh chấp và chống đối nhau thường xuyên.

Về phía ông Schrưder thì càng gặp khó khăn hơn, mặc dầu ông ráo riết vận động kết hợp một liên hiệp đủ đa số tại hạ viện để ông được bầu làm thủ tướng với danh chính ngôn thuận. Khổ nỗi chỉ có đảng Xanh chịu liên hiệp với ông, nhưng, như đã thấy, liên hiệp này ít ghế hơn liên hiệp Đen-Vàng nên không có tư cách để ở lại chính quyền. Ông Schrưder đang tìm cách ve vãn và lôi cuốn FDP là đồng minh của bà Merkel, nhưng FDP đã khẳng định dứt khoát là sẽ không bao giờ đứng chung với ông Schrưder. Lập luận chắc nịch của FDP: Chẳng lẽ khi ra ứng cử đã tuyên bố là chỉ liên hiệp với bà Merkel nhằm hạ bệ chính quyền Schrưder, mà nay lại nhận lời đứng chung với SPD để giúp chính quyền Schrưder phục sinh. Một số tai to mặt lớn của đảng SPD đang cổ võ và thôi thúc ông Schrưder chụp lấy cái phao cuối cùng là liên hiệp với đảng Tả hậu cộng sản để giữ được ghế. Nhưng cho đến nay ông Schrưder vẫn không chọn giải pháp này.

Nếu không bên nào nhượng bộ và không phe nào tạo được liên hiệp đủ đa số thì có thể sẽ phải bầu lại. Nhưng đó là điều không ai muốn và sẽ làm cử tri chán nản, ngày càng mất tin tưởng vào giới chính trị. Giải pháp tốt nhất mà đa số quần chúng mong muốn là đại-liên-hiệp, nghĩa là hai đảng lớn nhất CDU/CSU và SPD liên hiệp với nhau. Nhưng bao lâu ông Schrưder còn khư khư đòi tiếp tục làm thủ tướng thì không thể có đại-liên-hiệp, vì phía bên kia xem đó là điều nghịch lý, vi phạm luật chơi dân chủ, luật chơi này không chấp nhận một giải pháp nào khác là đảng nhiều phiếu hơn (CDU/CSU) đề cử thủ tướng (Merkel). Nếu chấp nhận điều kiện tiên quyết này, hai bên sẽ thỏa hiệp để phác hoạ chương trình hoạt động chung và phân phối các chức vụ khác trong nội các.

Cuộc tranh chấp còn dài. Chắc tấn tuồng tranh dành chức vụ còn tiếp diễn với nhiều màn ngoạn mục. Chờ xem!

THẾ-GIỚI THẾ-KỶ 21 ĐI VỀ ĐÂU

Trung-Hoa vươn lên: Hai cái nhìn

CỔ LŨY

Trong số Thế-Kỷ 21 tháng Chín qua chúng tôi trình-bầy về Trung-Hoa trên đường phát-triển kinh-tế đi liền với những hệ-quả quân-sự và chính-trị đến thế-giới, nhất là Hoa-Kỳ bên kia bờ Thái-Bình-Dương và Việt-Nam ngay cận-kề.

Trong vòng hơn nửa năm nay, nhiều sách-vở, giấy-bút đã viết khá nhiều về kinh-tế, chính- trị, quân-sự và những thay-đổi lớn trong xã-hội Trung-Hoa trong bối cảnh hiện-đại-hóa một-phần-tư thế-kỷ. Điều cần-thiết là rút từ đây những cái nhìn quan-trọng, tương-đối vô-tư, và sau hết có ý-nghĩa đối với người đọc Việt-Nam.

Trong chiều-hướng này, chúng tôi chọn đưa ra hai cái nhìn về xã-hội Trung-Hoa và mặt-trận Thái-Bình-Dương sắp tới giữa Trung-Hoa và Hoa-Kỳ —hai đại-cường trong Thế-kỷ 21 với ảnh-hưởng lớn-lao toàn-cầu, và có lẽ nhiều nhất với Việt-Nam trong nhiều thập-niên tới .

CỔ-LŨY

Cùng với những phát triển kinh tế, kỹ thuật và áp lực của cơ hội làm ăn thăng tiến và tiêu thụ vật chất, người ta như dễ bị căng thẳng thần kinh (stress) đi cùng với những lo lắng bất an trong lòng (anxiety). Đây là hiện tượng xã hội học thông thường trong các xã hội phát triển kỹ nghệ hóa (industrialized), hậu-kỹ-nghệ (post-industrial), hay xã hội tiêu thụ (consumer society) hoặc xã hội đám đông quần chúng (mass society).

XÃ-HỘI TRUNG-HOA TRONG CƠN LỐC "MỸ-HÓA"

A. Căng thẳng và lo lắng giữa phồn thịnh

Cũng không mấy ngạc nhiên khi hai ký giả Mark Magnier và Yin Lijin của nhật báo *Los Angeles Times* hiện ở Bắc-Kinh, đưa ra nhận xét rằng cùng với những phát triển kinh tế, kỹ thuật và cơ hội làm tiền cũng như tiêu thụ những dấu hiệu căng thẳng thần kinh và lo lắng bất an như mỗi ngày một lan rộng trong xã hội Trung-Hoa. Chữ Hoa "jiaolu," hay anxiety, là chữ được cả triệu người hỏi tới để tìm giải đáp trên máy điện toán.

Hai ký giả Mỹ và Hoa trên như quên hỏi phải chăng đây cũng là hiện tượng thông thường trong xã hội Mỹ cùng những xã hội trong cơn lốc kinh tế thị trường toàn cầu? Phải chăng đây cũng hợp với ý muốn đồng hóa toàn cầu vào hệ thống kinh tế, văn hóa và chính trị của globalization? (Xin xem *Thánh-Chiến Chống Lại Đồng-Hóa Thế-Giới*, Thế-Kỷ 21, tháng Tư, 2003, cùng người viết).

Ở Trung-Hoa ngày nay giới trẻ thành thị sống theo lối mới mẻ kiểu Mỹ mà cha mẹ họ chưa từng thấy bao giờ. Số người có xe hơi và nhà ở chung cư lên cao hơn bao giờ hết và mức tiêu xài bừa bãi chỉ với mỗi mục đích phô trương cạnh tranh ("conspicuous consumption," một danh từ xã hội học cách đây không lâu và khá phổ biến, nhằm mô tả xã hội tiêu thụ hậu-kỹ-nghệ Mỹ) lan tràn khắp nơi. Nhiều người đang kiếm được những món tiền lớn lao bằng các khả năng chuyên môn mà thời trước đây (thời Cách-mạng Văn-hóa giữa thập niên 1960 của chủ tịch Mao-Trạch-Đông) có thể đưa họ vào đường tù đầy cải tạo: hiểu biết thành thạo hệ thống, đường lối tư bản, ngoại ngữ nhất là Anh ngữ, và có đầu óc làm ăn "quốc tế." Bàn tay xiết chặt đời sống dân chúng của đảng Cộng-sản Trung-Hoa mỗi ngày một yếu kém, và đảng chỉ có thể nhòm ngó chứ không đủ sức quản chế nền kinh tế phát triển rầm rộ và những người có khả năng thăng tiến về mặt kinh tế.

Vậy tại sao có quá nhiều căng thẳng thần kinh, những lo lắng bất an trong lòng ngay giữa phồn thịnh?

Các chuyên viên về xã hội học giải thích rằng những lực cung cấp cơ hội chưa từng thấy cho giới trẻ ở một nước Trung-Hoa mới cũng chính là những lực mang đến các căng thẳng thần kinh và lo lắng bất an trong lòng, nhất là ở —tuy không

chỉ hạn chế vào— các khu vực thành thị. Rất nhiều người thuộc giới trẻ cảm thấy như họ đang sống trong một kỷ nguyên có một không hai trong lịch sử trong đó các "triều đại," định chế sụp đổ và cơ hội đạt những tài sản kếch xù có thể thành hình —và họ có thể mất cơ hội bằng vàng này.

Giáo sư xã hội học Zhou Xiaozheng thuộc Viện Đại-học Nhân-dân Bắc-Kinh giải thích, "Cả xã hội Trung-Hoa như náo nức điên cuồng, nhất là giới trẻ. Chủ tịch Hu Jintao mới đây tuyên bố người Trung-Hoa chúng ta phải học tính khiêm nhường và thận trọng, và phải tránh tính kiêu căng. Dĩ nhiên, đây có nghĩa là chúng ta chẳng có ba đức tính nói trên."

Dù áp lực thành công vật chất hay kinh tế hầu như hiện diện ở khắp mọi nơi trên thế giới, các chuyên viên nói áp lực này mạnh mẽ và rõ rệt ở Trung-Hoa hơn cả. Lý do một phần là dân chúng ở đây nghĩ rằng nước họ đã đến "ăn cỗ" trong buổi tiệc kinh tế toàn cầu khá chậm trễ, vì vậy họ phải vội vã hơn để bù cho thời gian và cơ hội bỏ lỡ. Chạy đuổi cho kịp về mặt kinh tế với các hàng xóm giầu có như Nam-Hàn và Nhật-Bản được xem như cách "lấy lại" hay xác định lại vai vế của Trung-Hoa trên sân khấu quốc tế.

Những hoang mang, âu lo và bất ổn trong giới chuyên viên trẻ tuổi, thường thấy qua việc nhẩy thoăn thoắt từ công ăn việc làm này sang việc làm công ăn khác, càng gia tăng vì giới truyền thông chú mục vào giới cực kỳ giầu có, ví dụ như "vua" trò chơi điện toán Chen Tiankiao với tài sản trị giá hơn tỉ bạc ở tuổi 31. Hoặc "vua Internet" Ding Lei, cũng cỡ tuổi ngoài 30 với hơn sáu trăm triệu rưỡi.

Ở tuổi 32 Wang Sunjun so với đại đa số người Hoa hiện nay có thể xem là rất khá giả. Anh có bằng cao học tại viện Đại-học Bắc-Kinh, ngang hàng với viện Đại-học Harvard ở Hoa-Kỳ, và việc làm danh giá với công ty điện thoại Bắc-Kinh Mobile. Anh cho biết mình có vợ đẹp con khôn, và trong một nước với mức lợi tức trung bình một ngàn đô-la một năm anh có thể kiếm số tiền này trong một tháng. Nhưng anh không cảm thấy mình đã thành công. Anh nói với một giọng hấp tấp, "Đời sống thật đầy căng thẳng lo âu. Nếu có cách nào làm tiền khá hơn tôi có thể sẽ giầu có và hạnh phúc hơn."

Khi gặp ba bạn thân, anh và bạn bè chỉ bàn cách làm thế nào để "thành công" hơn. Anh muốn làm nhiều tiền hơn và lo rằng người đồng lứa với anh có công ăn việc làm tốt hơn, nhà ở sang trọng hơn và xe cộ "gồ ghề" hơn. Và anh sợ rằng không còn đủ thì giờ nữa, như thể ở tuổi rất trẻ anh đã lỡ chuyến tầu!

B. Ba chuyển hướng

Ba chuyển hướng tàn khốc đang như giông bão đập ào vào xã hội Trung-Hoa, và các chuyên viên xã hội học nói rằng bất cứ một trong ba chuyển hướng này cũng đủ để làm mất thăng bằng thần kinh ở tất cả mọi người —không cần đến cả ba.

Hệ thống kinh tế Trung-Hoa đang chuyển mình 180 độ, từ xã hội chủ nghĩa sang kinh tế tư bản thị trường. Hàng trăm triệu người đang di chuyển về các khu vực thành thị kỹ nghệ từ vùng thôn quê nông dã. Và những yên ổn vững bền cùng bổn phận trách nhiệm đã bị cuốn mất; thay vào đây "có gan, làm giầu" là khẩu hiệu phổ biến.

Ngày nay phần lớn người Trung-Hoa khá giả hơn trước nhiều, khi chính quyền bắt đầu thả rộng kinh tế. Hàng trăm triệu người đã ra khỏi vòng nghèo khó thiếu thốn; họ có nhiều cơ hội chọn lựa tiêu thụ và cơ hội học hỏi lớn rộng hơn. Khoảng ba trăm năm-mươi triệu người có điện thoại di động và gần một trăm triệu ghi mua Internet. Ngày trước mọi người nghèo khổ thiếu thốn như nhau, nhưng ngày nay cái hố cách biệt giầu nghèo mỗi lúc một rộng lớn hơn giữa kẻ có người không.

Ông Zhou Pei, một tài xế xe vận tải gần năm-mươi tuổi ở Bắc-Kinh, nói, "Chẳng có gì là hay khi vài người thành giầu sụ và đẩy vô số người khác vào vòng nghèo đói. Tôi chỉ mong trở lại thời Chủ-tịch Mao khi mọi người đều bình đẳng như nhau."

Các nhà xã hội học có tên gọi chính xác cho hiện tượng này: "thiếu thốn tương đối."

Giáo sư xã hội học Wang Zhenyu giải thích, "Đây rất đúng khi áp dụng vào trường hợp cá nhân: người ta nhìn thấy láng giềng thành giầu có dù trước đây họ là bạn học và hoàn cảnh y hệt như nhau. Người Hoa khó kiên nhẫn được khi nói đến hơn thua tiền bạc."

Có lẽ nhận rõ nguy hiểm cho ổn định chính trị từ đây, giới lãnh đạo như ông Hu và thủ tướng Wen Jiabao đã đặt ưu tiên vào phát triển kinh tế một cách quân bằng. Mối lo sợ của nhà nước rất là đúng. Giới học sinh Trung-Hoa ngày nay luôn luôn xem một người là thần tượng: tỉ phú Bill Gates của Hoa-Kỳ, chứ không phải Mao-Trạch-Đông. Khi cúng lễ người chết, tục lệ đốt vàng và tiền giấy để giúp người đã khuất thông thường

trong họ hàng bây giờ bao gồm thêm thẻ tín dụng, xe cộ sang trọng và điện thoại lưu động. Truyền thanh và truyền hình tràn ngập hình ảnh âm thanh quyến rũ của nếp sống giầu sang Tây phương.

Người Trung-Hoa trẻ tuổi muốn tìm cách làm quân bằng làn sóng vật chất cuồng loạn không tìm thấy câu trả lời trong một xã hội định nghĩa thành công bằng dấu hiệu đô-la, chứ không phải yên tâm với hoàn cảnh, đầu óc uyên bác hay hành vi đạo đức. Tôn giáo, một chọn lựa quân bằng trong nhiều xã hội khác, bị nhà nước chèn ép hạn chế với mối lo tôn giáo có thể thành chất keo Xiaozheng cũng thấy lối suy nghĩ và hành động tương tự. "Vô số những cô gái trẻ nhất định làm giầu và muốn dùng sắc đẹp của mình trước khi nó mất đi. Họ xem chuyện làm việc siêng năng là mất thì giờ vô ích và nghĩ rằng sắc đẹp cũng là thừa nếu họ không lợi dụng nó ngay tức khắc. Ai cũng muốn cắn một miếng là no bụng ngay."

Thêm vào đây là cái chú mục, nghị lực và hy sinh các gia đình Trung-Hoa đã chuyển từ thế hệ này sang thế hệ tới, cái lực từng thúc đẩy thành công và phồn thịnh trong các cộng đồng Trung-Hoa hải ngoại —cũng như các cộng đồng Á-châu

"SHOPPING" Ở BẮC-KINH: Y hệt như ở Hoa-Kỳ; chỉ khác người và tiền là Trung-Hoa.

qui tụ chống đối chính trị.

Cơn sốt làm tiền thật nhanh đưa đến nhiều hành động quá quắt. Theo báo *Bình-Minh Đông-Phương*, mới đây một bé gái mười-lăm tuổi bắt cóc một người trong họ hàng và đòi hai-mươi-lăm ngàn đô-la tiền chuộc, vì muốn làm tiền thật nhiều trong một thời gian thật ngắn.

Trong một nghiên cứu về kỹ nghệ mãi dâm ở vùng thôn quê, giáo sư xã hội học Bắc-Kinh Zhou hải ngoại khác cùng chia ảnh hưởng Khổng giáo (như người Việt, Hàn, Nhật, mà giới truyền thông Mỹ dồn vào cái tên khá kỳ thị, "nhóm thiểu số gương mẫu," model minority, cho các nhóm thiểu số da mầu khác tại Hoa-Kỳ). Cái lực này rất mạnh ở Trung-Hoa ngày nay: những bất mãn, của cải và kỳ vọng của cha mẹ như đổ hết vào con cái. Những phụ huynh thuộc "thế hệ bi thảm" đã bị mất mát rất nhiều trong những năm Cách-mạng

Văn-hóa (bắt đầu năm 1966) thời Chủ-tịch Mao-Trạch-Đông, khi ông Mao muốn giới trẻ nếm mùi gian khổ và tinh thần cách mạng, đẩy cả thế hệ vào Vệ-binh Đỏ, đưa xã hội vào tình trạng hỗn loạn, đóng cửa trường học và làm tiêu hủy nhiều cuộc đời và sự nghiệp.

Nói chung chính sách dân số mỗi nhà một đứa con có nghĩa là "đứa con" trẻ tuổi sẽ có nhiều tiền hơn vì nó là con một. Nhưng đứa con này cũng có một cha một mẹ và bốn ông bà chằm chằm vào mọi suy nghĩ hành động của mình để đi đến thành công —sáu người trưởng thượng với những âu lo, sợ hãi và kỳ vọng đặt lên vai người trẻ tuổi với nỗ lực sống hờ qua thế hệ trẻ.

Không có gì đáng ngạc nhiên khi có tới hai-phần-ba người trẻ trong xã hội Trung-Hoa ngày nay xem mình bị áp lực quá mức, và chưa tới một phần trăm người trẻ cảm thấy mình không âu lo căng thẳng thần kinh chút nào.

Mới đây, có lẽ còn đi nhanh và quá xã hội tiêu thụ Mỹ, một công ty bánh Trung-Hoa cho chạy cái quảng cáo: "Nếu quí bạn ăn bánh hãng chúng tôi, quí bạn sẽ giầu có hơn người." Sau đó bánh hãng này bán đắt như tôm tươi. Nhưng rồi nhà nước phải can thiệp: Nhiều người tiêu thụ than phiền rằng nếu bỏ không ăn bánh hãng này, họ sợ sẽ không có cơ hội giầu có hơn người.

TRẬN-CHIẾN TRÊN BIỂN THÁI-BÌNH

Ông Robert D. Kaplan, phóng viên thuộc nguyệt san *Atlantic Monthly,* mới đây đưa ra một cái nhìn về triển vọng quân sự trên Thái-Bình-Dương giữa Hoa-Kỳ và Trung-Hoa —một siêu cường độc nhất trên thế giới hầu như từng khống chế biển này từ lâu cả đông ngạn lẫn tây ngạn và một siêu cường đang lên muốn giành lại phần đông ngạn của mình, và với tham vọng xa hơn nữa cùng với phát triển kinh tế kỹ nghệ.

Ông Kaplan, tuy không thuộc giới học giả, chuyên viên đại học nhưng cũng không phải là một phóng viên thường. Ông từng đi và viết về khắp mọi nơi trên thế giới, với kiến thức uyên bác và hàng chục tác phẩm nghiên cứu chính trị, quân sự và văn hóa quan trọng —mới nhất trong tháng Chín năm nay là *Imperial Grunts: The American Military on the Ground,* tập đầu trong một loạt sách của ông về quân lực Mỹ, xuất bản bởi Random House. Ông có cái kiến thức sách vở cộng với sự hiện diện và con mắt nhìn tại chỗ —không khác một số phóng viên trong cuộc chiến của Hoa-Kỳ ở Việt-Nam vừa qua, những người có tác phẩm được người đọc xem là quan trọng nhất về cuộc chiến, hơn hẳn sách vở nghiên cứu của các học giả, chuyên viên đại học.

A. "Tọa hổ, tàng long"

Theo ông Kaplan, từ rất lâu nay không có một hải quân hay không quân nước nào thành mối đe dọa cho Hoa-Kỳ. Những tranh chấp trong hơn nửa thế kỷ qua đều là ở trên bộ, hoặc chiến tranh qui ước hay chiến tranh nổi dậy. Nhưng cũng theo ông cuộc tranh chấp sắp tới giữa Hoa-Kỳ và Trung-Hoa sẽ xảy ra trên biển cả và liên quan nhiều đến hải lực: Trung-Hoa đang sửa soạn đưa sức mạnh ra biển Thái-Bình —và khi chuyện này xảy ra, ngay tức khắc Trung-Hoa sẽ chạm vào hải quân và không lực Mỹ, đã ở đây từ lâu và chắc chắn sẽ không chịu di chuyển khỏi thềm lục địa châu Á. Kết quả là một tranh chấp kiểu Chiến-tranh Lạnh kéo dài với trọng tâm không phải là Âu-châu trước đây nhưng là nhóm hải đảo trong vùng đông ngạn biển Thái-Bình.

Trong nhiều thập niên tới có lẽ Trung-Hoa sẽ chơi trò qua lại với Hoa-Kỳ trên biển Thái-Bình, dựa vào vùng duyên hải rộng lớn cũng như vùng hậu cứ trải rộng đến tận Trung-Á —từ đây Trung-Hoa có thể dội những hỏa tiễn chính xác xuống tầu bè Mỹ di chuyển trong vùng. Trong những xung đột hải lực Trung-Hoa sẽ có lợi thế rõ rệt hơn Hoa-Kỳ, dù Trung-Hoa có thiếu ưu điểm kỹ thuật chiến lược. Trung-Hoa có cái lợi thế ở sát cận khu vực tranh chấp; một quân lực năng động uyển chuyển, dễ thích ứng, thông minh và học hỏi nhanh. Nếu những nhóm khủng bố rải rác nhắm vào các khoảng trống an ninh, Trung-Hoa nhắm vào các khoảng trống kinh tế. Trên khắp thế giới, ngay ở những vùng xa xôi hẻo lánh hoặc bất an như các quần đảo Thái-Bình-Dương, vùng kênh đào Panama và các nước Phi-châu hang hóc, người Hoa đang trở thành bậc thầy trong việc gây ảnh hưởng gián tiếp —bằng cách xây dựng những cộng đồng làm ăn buôn bán và tiền đồn ngoại giao, bằng những thương thảo các hợp đồng xây cất và thương mại. Với khả năng tiêu thụ cùng sức mạnh quân sự, với một tầng lớp nông dân có mức học vấn cao chưa từng thấy trong lịch sử nhân loại, Trung-Hoa là mối đe dọa chính thức đối với đế quốc Mỹ tự do tiến bộ và phè phỡn.

Lịch sử cho thấy khi một đại cường đang lên, hoặc đi lên trở lại sau khi tàn lụi (Nhật và Đức đầu Thế-kỷ 20 chẳng hạn) khuynh hướng gây hấn là dấu hiệu dễ nhận ra —và từ đây đại cường này thường đưa thế giới vào hỗn loạn bạo tàn

(hai thế chiến với trọng tâm ở Âu và Á-châu chẳng hạn). Trung-Hoa không phải là ngoại lệ: hiện nay Trung-Hoa đang đầu tư vào tầu ngầm chạy bằng đi-ê-den và năng lượng nguyên tử —một dấu hiệu rõ ràng cho thấy Trung-Hoa có ý định không những bảo vệ vùng duyên hải của mình mà còn phát triển vùng ảnh hưởng tầm xa trên Thái-Bình-Dương và xa hơn nữa. Khách quan mà nhìn điều này hoàn toàn hợp lý và chính đáng với người Trung-Hoa. Giới lãnh đạo Trung-Hoa không phải là những người ái mộ dân chủ, nhưng họ có tham vọng mang lại đời sống no ấm đầy đủ cho cả trăm triệu người trong cái khối một tỉ ba trăm triệu người trong nước —chưa kể cả trăm triệu người Hoa ngoài nước. Để thực hiện điều này họ cần phải bảo vệ những hải lộ di chuyển các nguồn nhiên liệu sinh tử từ Tây-Nam Á-châu (người phương Tây cho đến nay hay gọi là "Trung-Đông," từ vị trí "trọng tâm thế giới" của họ) và những vùng khác. Dĩ nhiên họ không tin Hoa-Kỳ và Ấn-Độ ở nam Á-châu sẽ làm chuyện này cho họ. Dù ai có nói gì làm gì, trong nhiều thập niên tới Trung-Hoa sẽ gia tăng ngân sách quân sự. Mục tiêu thực tiễn của Hoa-Kỳ có lẽ chỉ hạn chế vào việc khuyến khích Trung-Hoa đầu tư vào những gì có tính cách phòng bị hơn là tấn công. Nhưng với một giới lãnh đạo đóng khung cứng nhắc trong ý thức hệ và kiêu căng như tổng thống George W. Bush với phó tổng thống Dick Cheney, tổng trưởng quốc phòng Donald Rumsfeld, tổng trưởng ngoại giao Condoleezza Rice cùng những phụ tá và cố vấn trong khối tân-bảo-thủ (néo-conservatives, xin xem *Phái Tân-Bảo-Thủ Và Chính-Sách Ngoại-Giao Mỹ,* Thế-Kỷ 21, tháng Mười 2004, cùng người viết) Hoa-Kỳ khó hướng về đường lối thực tế. Giới lãnh đạo Hoa-Kỳ hiện nay không đủ tế nhị và uyển chuyển cùng tự chủ và chín chắn cần thiết để chọn con đường thực tiễn. Họ cũng gồm đa số người da trắng với khả năng tương đối hạn chế, và thành công hơn mức thường vì hoàn cảnh và may mắn đưa tới: họ khó dứt bỏ nhiều thành kiến thủ cựu và sẽ không mềm dẻo với một nước Trung-Hoa, hoặc sẽ coi thường giới lãnh đạo Trung-Hoa da vàng "chậm tiến" mới đi lên.

Nhìn theo chiều hướng các sự kiện này và chiều hướng lịch sử về những tranh chấp giữa các đại cường đều có mục tiêu chính đáng, ta có thể hé thấy tương lai gần: tranh chấp quân sự giữa Hoa-Kỳ và Trung-Hoa —nếu không phải là trận chiến qui ước lớn lao và tàn khốc thì cũng là một loạt những xung đột kéo dài nhiều năm hoặc cả thập niên, kiểu Chiến-tranh Lạnh giữa "thế-giới tự-do" và cộng sản hơn nửa thế kỷ vừa qua.

Hiện nay thách đố từ phía Trung-Hoa xem ra vẫn còn chưa đáng kể, hoặc chưa thấy rõ. Tổng số trọng tải hải lực Mỹ lên tới 2.86 triệu tấn, so với tổng số trọng tải hải lực toàn thế giới là 3.04 triệu tấn; như thế Hoa-Kỳ có hải lực bao trùm lên trên hết. Tổng số hải lực Trung-Hoa chỉ có 263,064 tấn; chỉ bằng một-phần mười-hai Hoa-Kỳ. Hải lực Mỹ bao gồm hai-mươi-bốn hàng không mẫu hạm, trên tổng số ba-mươi-bốn toàn thế giới; Trung-Hoa chưa có hàng không mẫu hạm nào. Những con số thống kê tiếp tục cho thấy Trung-Hoa hoàn toàn đi lọt tọt quá xa phía sau hải lực Mỹ. Nhưng ông Robert Work, một nhà phân tích cao cấp thuộc Trung-tâm Nghiên-cứu Chiến-lược và Ngân-sách ở Hoa-Thịnh-Đốn, cũng đưa ra nhận xét rằng, trong cuộc chiến giữa hai thị-quốc Hi-Lạp cổ kính Sparta và Athens, Athens có nhiều ưu thế hải lực trong vùng Địa-Trung-Hải gấp bội Sparta (không có hải quân) nhưng sau lại bị Sparta khắc phục.

Trung-Hoa từng gia tăng chi phí quân sự lớn lao, nhưng cả hải lực và không lực Trung-Hoa phải nhiều thập niên nữa mới bắt kịp lực lượng Mỹ hiện nay. Dĩ nhiên Trung-Hoa không dại gì mà nghênh đón hải và không lực Mỹ trong chiến tranh qui ước như Nhật-Bản ở mặt trận biển Thái-Bình khoảng năm cuối Thế-chiến II (1939-1945). Những trận đánh như trận Phi-Luật-Tân tháng Sáu, trận Vịnh Leyte và Eo biển Surigao, tháng Mười 1944, là những hải chiến qui mô cuối cùng trong lịch sử hải quân Mỹ —và có lẽ vẫn là những trận qui mô cuối cùng trong tương lai. Giống như khủng bố du kích hiện nay, Trung-Hoa sẽ lâm chiến khác hẳn chiến tranh qui ước: ở Iraq dân quân nổi dậy chống Mỹ bằng nổ bom cảm tử; trên biển Thái-Bình Trung-Hoa sẽ áp dụng sở trường chiến thuật du kích với vũ khí mới. Đây là đe dọa lớn và có thực.

Trung-Hoa có nhiều cách sử dụng quân lực kém về mặt kỹ thuật so với quân lực Mỹ để đạt những mục tiêu chiến lược tương đương với Mỹ. Giới quân sự Trung-Hoa theo dõi kỹ càng những chi tiết chiến trận Mỹ ở vùng Balkans (đông và đông-nam Âu-châu) và vùng vịnh Ba-Tư (Iran), và họ hiểu tận tường rằng sức mạnh quân lực Mỹ dựa phần lớn vào hải lực —khả năng của các hàng không mẫu hạm cùng các tầu chiến trên và dưới mặt nước hộ tống đến gần mục tiêu để bắn

phi đạn và phóng máy bay tấn công ào ạt. Để đối phó với khả năng siêu việt này Trung-Hoa đang chuyển hệ thống fiber-optic tối tân xuống hầm sâu dưới đất và đưa vũ khí phòng thủ chiến lược sâu vào nội địa Trung-Hoa phía Tây-Á, xa khỏi tầm hoạt động của các phi đạn từ biển bắn vào. Đồng thời Trung-Hoa cũng phát triển chiến lược tấn công sử dụng phi đạn với khả năng chính xác nhằm tiêu diệt biểu tượng của tài sản và quyền lực Mỹ: các hàng không mẫu hạm viễn chinh, hoạt động ngoài hải phận và đi quá biên cương an ninh Mỹ xác định bởi vị trí bá chủ hoàn cầu. Nếu một phi đạn tầm xa Trung-Hoa đánh trúng vào một hàng không mẫu hạm Mỹ ngoài khơi Thái-Bình-Dương, dù không làm chìm nổi hàng không mẫu hạm này cũng gây ảnh hưởng chính trị và tâm lý ghê gớm không kém gì vụ al-Qeda tấn công hai tháp Thương-vụ Thế-giới ở Nữu-Ước năm 2001. Trung-Hoa đang đặt trọng tâm vào việc sử dụng phi đạn và tầu ngầm để gây tiếng vang lớn nếu có đụng độ thật sự với Hoa-Kỳ trên bể cả. Hoa-Kỳ chắc phải bận tâm với kế hoạch phi đạn tầm xa của Trung-Hoa.

Với kế hoạch phi đạn tầm xa tối tân Trung-Hoa có thể phóng hàng trăm phi đạn lên Đài-Loan, chỉ cách lục địa Trung-Hoa một trăm dặm, trước khi Hoa-Kỳ có thể tới gần để bảo vệ đảo này. Khả năng này, cộng với một hạm đội tầu ngầm mới (chẳng bao lâu sẽ lớn hơn, nếu không nói là có phẩm lượng cao hơn hạm đội tầu ngầm Mỹ) chắc chắn sẽ thừa thắng quyền để Trung-Hoa thuyết phục những nước Á-châu "đồng minh" với Hoa-Kỳ không cho tầu bè Mỹ sử dụng hải phận và hải cảng địa phương. Phần lớn tầu ngầm trong hạm đội bẩy-mươi chiếc hiện nay của Trung-Hoa thuộc kiểu cũ của Nga chạy bằng đi-ê-den; nhưng những tầu này có thể được sử dụng như các bãi mìn di động trong vùng Nam-Hải (biển Đông của Việt-Nam), Đông-Hải và Hoàng-Hải sát nách Trung-Hoa. Những vùng biển này có "mức sâu không đều nhau, mức ồn ào đáy biển cao, luồng nước mạnh và nhiều lớp nhiệt độ thay đổi nhanh chóng" (theo mô tả của phóng viên David Lague thuộc nhật báo *Wall Street Journal*) làm ra-đa thăm dò dưới nước của hải lực Mỹ thiếu chính xác. Ngoài số tầu nói trên Trung-Hoa còn thêm mười bẩy tầu ngầm đi-ê-den mới và ba tầu ngầm nguyên tử khoảng cuối thập niên, đủ để làm hải lực Mỹ bối rối và khiến đồng minh của Mỹ ở Á-châu phải nghe lời.

Trung-Hoa cũng có thể bí mật phá hoại hệ thống điện lực Đài-Loan mà không cần sử dụng vũ lực và với dụng ý làm dân chúng trên đảo mất tinh thần. Đây không phải chuyện khoa học giả tưởng; Trung-Hoa hàng ngày tập dượt và đầu tư vào những kỹ thuật tấn công "ảo" nhắm vào Đài-Loan và xa hơn nữa. Giới lãnh đạo dân sự và quân sự Trung-Hoa cũng hiểu rành rọt cách ảnh hưởng chi phối vào tâm lý yếu ớt, lệ thuộc và suy nghĩ hời hợt, nông cạn của giới cử tri đi bầu trong một xã hội tiêu thụ (mass manipulation, bằng quảng cáo, tuyên truyền qua các phương tiện truyền thông có sức mạnh ghê gớm như truyền hình, truyền thanh) —nói chung là dân chúng trong các xã hội "dân chủ" như ở Hoa-Kỳ.

Trong tương lai gần Trung-Hoa sẽ làm nhiều biểu dương lực lượng —như buộc chiếc máy bay thám thính EP-3E thuộc hải quân Mỹ phải hạ cánh xuống lãnh thổ Trung-Hoa mùa xuân năm 2001. Đây có thể là chiều hướng chiến thuật trong thế kỷ 21 hơn là những gì đang xẩy ra ở Iraq — và Trung-Hoa sẽ có vô số cơ hội làm chuyện này. Trong các tập trận hàng năm của hải lực Mỹ ở riềm đông ngạn Thái-Bình-Dương, hải quân Trung-Hoa có thể cho một tầu ngầm chui xuống dưới rồi trồi lên ngay giữa hạm đội Mỹ. Hoặc cho tầu ngầm hay phi đạn đặt trên đất liền đánh chìm một cái bia sát nách hạm đội Mỹ để biểu dương khả năng tấn công gây tiếng vang hoặc những nhốn nháo xa rộng trên nội địa Mỹ —như vụ khủng bố tấn công tầu hải quân Mỹ *Cole* trong hải phận Yemen năm 2000. Trung-Hoa cũng có thể dùng tầu dàn cảnh tai nạn đâm vào một tầu chiến Mỹ trong vùng duyên hải Á-châu. Tuy đây không là gì hết nhưng trong thời đại truyền thông nhanh và mạnh với tin tức hai-mươi-bốn tiếng một ngày tiếng vang chiến lược của nó rất là lớn và bất lợi cho Hoa-Kỳ.

B. Hoa Kỳ cần sẵn sàng

Theo ông Kaplan, với một đối thủ như Trung-Hoa đang lên có lẽ Hoa-Kỳ phải đáp ứng uyển chuyển khác với những suy nghĩ tính toán qui ước. Hải quân Mỹ hiện nay là một guồng máy trấn ngự trên biển cả rộng lớn —một nhiệm vụ và thành tích không nhỏ, nhất là để bảo vệ tự do mậu dịch hầu hết khắp nơi. Trong lịch sử, các đế quốc lớn trước đây như Tây-Ban-Nha và Anh đều dựa vào hải lực để phát triển quyền lợi kinh tế, chính trị và văn hóa. Hiện tượng kinh tế toàn cầu hóa không thể thành hình và tồn tại với Hoa-Kỳ

trong vai trò chủ trương chủ động nếu không có sức mạnh của hải lực Mỹ. Nhưng mỗi ngày như một rõ hơn hải lực này phải thay đổi, hoặc chia thành ba khối khác nhau: một nhằm bảo đảm khả năng sử dụng biển cả như một căn cứ tấn công tiền phương (như đang xảy ra ở Iraq và A-Phú-Hãn); một kiểu lực lượng đặc nhiệm duyên hải để sử dụng vào việc chống nổi dậy, khủng bố (chống lại các nhóm khủng bố có căn cứ ở vùng quần đảo Nam-Dương và nam Phi-Luật-Tân chẳng hạn); và, một nữa để gia tăng khả năng lưu động bí mật (để tuần hành các vùng biển Trung-Hoa và eo biển Đài-Loan cùng những vùng chiến lược khác). Ba nhánh hải lực này có vai trò

dài khoảng một trăm thước và chỉ cần một thủy đoàn điều khiển nhỏ, có thể hoạt động trong vùng nước rất cạn, chạy rất nhanh (lên tới bốn-mươi hải lý) và có thể chuyên chở các nhóm biệt kích như người nhái của Hải quân (SEAL, Sea,Air and Land). Một loại LCS khác là chiếc Mark V đặc nhiệm, dài khoảng hai-mươi-lăm thước, chạy nhanh tới năm-mươi hải lý và có tầm hoạt động sáu trăm hải dặm. Với cái "mồm há" chưa tới hai thước tầu này có thể trực tiếp thả một tiểu đội SEAL lên bờ —và với giá năm triệu một chiếc bộ quốc phòng có thể mua hàng tá tầu này với giá mua một chiến đấu cơ F/A-22.

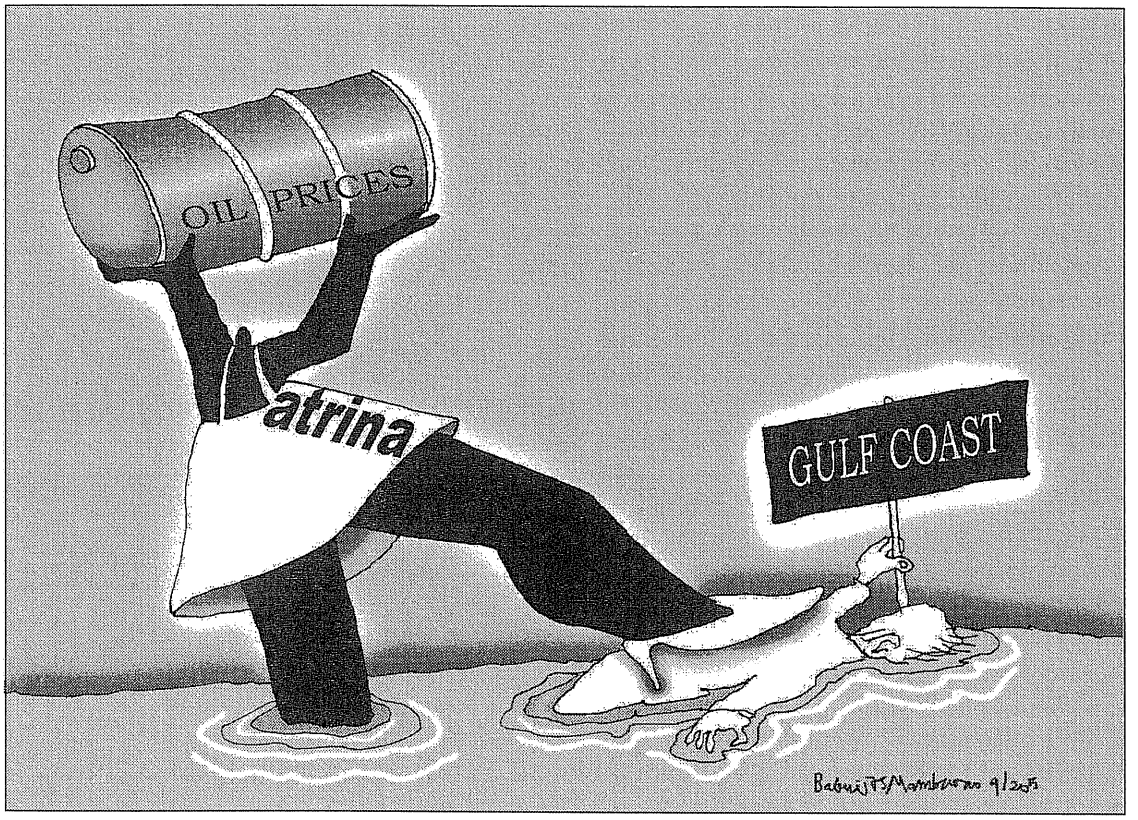

ứng chiến Trung-Hoa trực diện lẫn gián tiếp — nhất là ở các vùng đảo quốc bất ổn trong Thái-Bình-Dương đang gắn bó chặt chẽ với Bắc-Kinh.

Các hạm đội hùng hậu với hàng không mẫu hạm hiện thời giữ vai trò căn cứ tấn công tiền phương; Hoa-Kỳ cần phát triển hai nhánh hải lực khác. Hải lực đặc nhiệm sẽ cần rất nhiều tầu chiến nhỏ, trong số đó phải kể loại tầu chiến cận duyên do hai đại công ty General Dynamics và Lockheed Martin phát triển. Loại tầu chiến cỡ nhỏ này, gọi là LCS (Littoral-Combat Ship),

Phát triển nhánh hải lực thứ ba cần những thay đổi thật sự. Vì giới truyền thông mỗi ngày một nhòm ngó thêm vào các hoạt động của chính quyền, nhánh này cần bí mật hơn trong các nhiệm vụ như thả biệt kích bằng tầu ngầm để bắt sống hay giết chết khủng bố, hoặc thả gián điệp vào những nơi không chính quyền nào kiểm soát. Tầu ngầm có nhiều bất lợi về tấn công tiền phương so với hàng không mẫu hạm, và đắt giá gấp bội. Nhưng đây là chọn lựa tương lai; lý do chính: đây là cách bảo vệ hàng không

mẫu hạm chống lại phi đạn hữu hiệu nhất so với các phương tiện khác.

Hải lực bí mật sẽ hữu hiệu hơn nếu có thêm tầu ngầm chạy bằng đi-ê-den, loại tầu ngầm mà Úc, Nhật, Nam-Hàn và Thụy-Điển đang phát triển hoặc đã có sẵn —loại tầu ngầm mà Trung-Hoa chẳng bao lâu nữa sẽ có. Nhưng vì vai trò cảnh binh toàn cầu cần phải sử dụng tầu ngầm nguyên tử Hoa-Kỳ khó mà chuyển qua tầu ngầm chạy bằng đi-ê-den. Hoa-Kỳ đang trang bị tầu ngầm kiểu Trident với vũ khí thông thường, và khả năng giúp thả những toán SEAL, và có lẽ sau cùng là khả năng giúp máy bay thám thính không người lái. Tầu ngầm kiểu Trident có thể trang bị để được dùng như những tầu mẹ cho các hoạt động cận duyên.

Dĩ nhiên các căn cứ có sẵn và quyền sử dụng căn cứ ở những nơi khác trong Thái-Bình-Dương là nhu cầu hàng đầu. Càng có nhiều căn cứ Hoa-Kỳ càng dễ uyển chuyển hơn —để hỗ trợ máy bay không người lái, tiếp vận nhiên liệu và có lẽ quan trọng hơn hết là buộc giới quân sự Trung-Hoa phải đối phó với một loạt những khó khăn thay vì chỉ một vài vấn đề có thể giải quyết nhanh chóng và dễ dàng. Hiện nay bộ tổng chỉ huy mặt Thái-Bình-Dương, PACom (Pacific Command), nằm ở Hạ-Uy-Di, gần như giữa biển Thái-Bình với lục địa Hoa-Kỳ một bên và Trung-Hoa một bên. Đảo Guam là lãnh địa thuộc Hoa-Kỳ và Hoa-Kỳ có thể sử dụng và đầu tư tùy nghi mà không sợ bị đẩy ra khỏi đây. Guam lại nằm sát châu Á (chỉ cần bốn giờ bay là đến Bắc-Hàn) và gồm căn cứ không quân Andersen với đủ loại máy bay thuộc không lực (kể cả căn cứ máy bay bỏ bom khổng lồ B-52), một trăm ngàn bom và phi đạn thường trực và sáu-mươi-sáu triệu ga-lông dầu cho máy bay phản lực. Guam cũng là căn cứ hải lực với một đội tầu ngầm, hải cảng cho hàng không mẫu hạm Kitty Hawk đang mở rộng và quân số tương đương với một sư đoàn bộ binh hoặc thủy quân lục chiến.

Guam, với tất cả những khả năng và ưu điểm nói trên có thể thành bộ chỉ huy tiền phương của PACom sát cạnh châu Á, nhưng với mức tập trung lực lượng và tiếp liệu chiến lược lớn lao Guam cũng dễ thành mục tiêu cho các tấn công từ Trung-Hoa. Có lẽ Hoa-Kỳ sẽ sử dụng Guam như trung tâm với nhiều phân phối rẻ quạt tỏa đến những căn cứ nhỏ hơn nhưng quan trọng không kém ở vùng đảo Palau, giữa Mindanao (Phi-Luật-Tân) và Tiểu-Á (Micronesia), có thỏa thuận quân sự với Hoa-Kỳ để đổi lấy viện trợ. Hoa-Kỳ cũng mở mang các căn cứ ở Trung-Á (gồm Karshi-Khanabad thuộc Uzbekistan, và Manas, thuộc Kyrgizstan —đã được phát triển và mở rộng trước khi Hoa-Kỳ xâm chiếm A-Phú-Hãn cuối năm 2001) sát ngay phía tây Trung-Hoa, cùng những "địa điểm hợp tác an ninh" (Cooperative Security Location, CSL, như một phần phi trường dân sự, hoặc chỗ hẻo lánh cho máy bay lên xuống, thường qua tư nhân Mỹ sắp xếp với chính quyền địa phương để tránh lộ liễu hay mích lòng dân chúng) ở nhiều nơi khác nữa ở Á-châu, Đông-Phi, vân vân.

Rất âm thầm Hoa-Kỳ cũng điều đình những thỏa thuận, quan hệ an ninh song phương với Việt-Nam, Tân-Gia-Ba, Thái-Lan, Kampuchea và Phi-Luật-Tân. Sĩ quan cao cấp từ những nước này thường đến Hạ-Uy-Di họp bàn về an ninh vùng với bảo trợ tài chánh của PACom. Trong chiều hướng này chắc chắn Hoa-Kỳ phải thực hiện nhiều nỗ lực xích gần lại Liên-Đoàn Âu-Châu (European Union, EU) mà chính quyền Bush đã gây nhiều ác cảm và chia rẽ vì vụ xâm lăng Iraq, và khối NATO với các nước quan trọng như Pháp và Đức hay hục hặc với chính quyền Bush.

Trong những năm tới ưu tiên an ninh và quốc phòng có lẽ sẽ chuyển từ "Trung-Đông" sang biển Thái-Bình. Các tổng thống sau ông Bush hiện nay, dù Cộng-hòa hay Dân-chủ, có lẽ sẽ phải đi theo một chính sách ngoại giao mềm dẻo thực tiễn giống như thời các tổng thống Cộng-hòa ôn hòa như Richard Nixon, Gerald Ford và ông Bush bố. Các vị tổng thống tương lai có đủ mềm dẻo và thực tiễn để công nhận thế lực và "chủ quyền" Trung-Hoa ở Thái-Bình-Dương và châu Á nói chung tới mức nào là câu hỏi khó trả lời.

Điểm khá rõ là trong thế kỷ 21 Hoa-Kỳ và cả Trung-Hoa đều có khả năng tiếp tục chiến trận tàn khốc dù bên này hoặc bên kia có thua một trận lớn hay đợt trao đổi phi đạn đầu tiên. Muốn chấm dứt trận chiến sau đợt đầu Hoa-Kỳ buộc phải tiêu hủy khả năng quân sự Trung-Hoa ở một mức cao. Điều này sẽ đe dọa trực tiếp vào nguồn nhiên liệu sinh tử của Trung-Hoa và số phận đảng cộng sản: ở mức độ này thế giới sẽ không thể nào còn như trước nữa.

Đây là con đường nguy hiểm khôn lường.

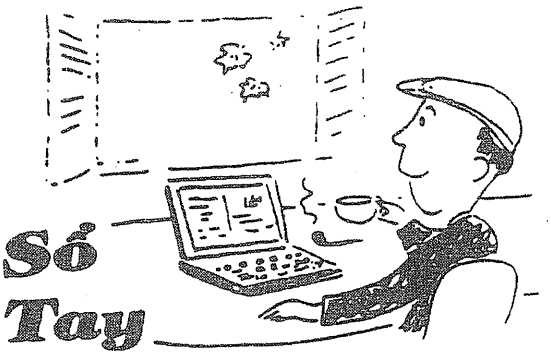

NGÔ NHÂN DỤNG

ĐẠI HỘI X ĐI VỀ ĐÂU?

Đến tháng Sáu sang năm đảng Cộng Sản Việt Nam mới họp Đại hội Mười. Nhưng ngay từ bây giờ, những người Việt Nam quan tâm đến tương lai đất nước đã thất vọng về Dự thảo Báo cáo chính trị mà Trung ương Đảng sẽ đưa ra trước đại hội này, căn cứ trên bài trình bầy của ông Nguyễn Phú Trọng về "nội dung cơ bản" của bản dự thảo đó, có thể coi là một thứ "dự thảo của bản dự thảo báo cáo chính trị." Nói như nhà báo Bùi Tín, đây là những tài liệu "cực kỳ bảo thủ."

Điều duy nhất ông Bùi Tín coi là có tiến bộ trong bản dự thảo điều lệ, là ý định cho đảng viên làm kinh tế, kinh doanh và kết nạp các nhà kinh doanh vào đảng, ông Bùi Tín cho là "có tác dụng hợp pháp hóa tài sản của giới tư bản đỏ." Điều này không được nói tới trong bài của ông Nguyễn Phú Trọng.

Kiểm điểm lại "20 năm đổi mới," bản dự thảo nói "Đặc biệt là, nhận thức của chúng ta về chủ nghĩa Xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa Xã hội ở nước ta ngày càng sáng tỏ hơn." Sáng tỏ như thế nào? Đây là lời giải thích: "*Đến nay, đã bắt đầu hình thành được trên những nét cơ bản một hệ thống quan điểm lý luận về công việc đổi mới, về xã hội xã hội chủ nghĩa và con đường đi lên chủ nghĩa Xã hội ở Việt Nam.*" (Các chữ in nghiêng trong nguyên văn.) Nhưng khi đọc hết các lời giới thiệu của ông Nguyễn Phú Trọng, ủy viên Bộ Chính trị, chủ tịch Hội đồng Lý luận trung ương, người đọc không thấy có cái gì sáng tỏ cả.

Từ một năm trước đây, nhiều người ở trong nước đã đặt câu hỏi. Hỏi rằng khi chính những người lãnh đạo đảng Cộng Sản chưa nói ra được chủ nghĩa Xã hội họ đang theo là cái gì, đi lên chủ nghĩa Xã hội là đi về đâu, đi thế nào, vậy thì tại sao họ vẫn cứ đòi lãnh đạo cả nước 80 triệu con người "Theo định hướng xã hội chủ nghĩa," và "đi lên chủ nghĩa Xã hội?" Vào tháng Bẩy vừa qua, ông Hoàng Tùng, tổng thư ký Hội đồng Lý luận Trung ương đã tuyên bố rằng Trung ương Đảng sẽ dần dẫn chỉ vẽ cho các đảng viên thấy chủ nghĩa Xã hội là cái gì, mọi người hãy kiên nhẫn chờ đợi. Nhưng khi đọc bản dự thảo báo cáo chính trị do ông Nguyễn Phú Trọng thì người ta thấy ông nói rất dè dặt, nói loanh quanh. Ông chủ tịch Hội đồng Lý luận không nói tới "một hệ thống lý luận" nào về chủ nghĩa Xã hội cả. Ông chỉ dám nói tới "những nét cơ bản" của cái hệ thống đó. Nhưng như vậy cũng còn nhiều tham vọng quá. Ông Trọng khiêm tốn hơn, nói thêm rằng quý ông mới "hình thành những nét cơ bản" đó chứ chưa mô tả được chúng ra thế nào. Chưa đủ dè dặt, ông Trọng thòng thêm hai chữ nữa cho lời văn càng khiêm cung: "đã bước đầu hình thành." Nói như vậy là giới lãnh đạo đảng, ông chủ tịch Hội đồng Lý luận của đảng coi các đảng viên khác như một lũ trẻ con. Cũng giống như một bà vú dụ con nít. Mấy em bé đòi ăn bánh, bà vú bèn dỗ dành đám trẻ rằng bà sẽ có "những nét cơ bản" của cái bánh; sẽ "hình thành những nét cơ bản của cái bánh." Sau đó chữa lại, bà nói rõ hơn: "đã bước đầu hình thành những nét cơ bản của cái bánh."

Tóm lại, vẫn chưa được coi là một cái bánh vẽ.

Như ông Bùi Tín nhận xét, người ta "phải thật kiên nhẫn mới đọc hết được" cái dự thảo về bản dự thảo này. Đó là một cuộc hành hạ tinh thần người đọc rất tàn nhẫn. Đọc bản dự thảo của dự thảo đó giống như rơi vào một mê hồn trận của những khẩu hiệu trống rỗng mà người dân đã phải nghe từ ba kiếp trước!

Chủ nghĩa Xã hội là cái gì? Ông Nguyễn Phú Trọng nói là nó phải phát triển xã hội dân giầu, nước mạnh, công bằng, dân chủ, văn minh, kinh tế phát triển cao, nền văn hóa tiên tiến, của dân, do dân và vì dân, vân vân và vân vân. Nếu có một cái đảng Củ Khoai đưa ra một chủ nghĩa mới, họ cũng có thể giải thích chủ nghĩa Củ Khoai của họ với tất cả những khẩu hiệu trống rỗng như vậy.

Còn con đường đi lên chủ nghĩa Xã hội là cái gì. Ông Nguyễn Phú Trọng lại nói tiếp, nó tức là phải phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân, vân vân và vân vân.

Cái lối "lý luận" như vậy cho thấy hình ảnh những người đã hết khả năng suy nghĩ mạch lạc. Nếu không, phải thấy là họ coi khinh tất cả các

đảng viên cộng sản khác. Bà vú muốn nhồi vào đầu đám trẻ nít cái gì thì chúng cũng phải chịu hay sao? Đối xử với các đảng viên, với các đại biểu đại hội đảng của họ mà như vậy. Họ còn coi dân ra cái gì nữa?

Một cách cụ thể, họ vẫn nhắc lại phải kiên định nền tảng chủ nghĩa Mác-Lê-nin. *Xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa đặt DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG.* (Chúng tôi nhấn mạnh.) *Kiên quyết đấu tranh bảo vệ chủ nghĩa Mác Lê-nin. Thực hiện nguyên tắc dân chủ tập trung (*tức là tư tưởng Mao Trạch Đông.) *Cán bộ phải tuyệt đối trung thành với đảng. Kiên định lý tưởng và con đường đi lên chủ nghĩa Xã hội (*chưa biết chủ nghĩa đó là gì.) Khi nói đến đoàn kết, Bản dự thảo của dự thảo nói rõ là "Đại đoàn kết dân tộc trên nền tảng liên minh giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG." (Nghe như hồi Đại hội II!) Bản dự thảo của dự thảo vẫn báo động "Các thế lực thù địch âm mưu diễn biến hòa bình, gây bạo loạn lật đổ," vân vân. Đó là một thứ còng số tám treo sẵn trên đầu toàn dân.

Về kinh tế, họ vẫn hô khẩu hiệu "kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo." Chưa đủ, họ còn bảo đảm cho các quan chức kinh tế yên tâm ngồi ăn, rằng 'kinh tế nhà nước cùng với kinh tế tập thể NGÀY CÀNG TRỞ THÀNH NỀN TẢNG." Biết nhân dân Việt Nam bây giờ ai cũng hoảng hốt khi nghe ba tiếng "hợp tác xã," đảng bèn giải thích "kinh tế tập thể mà nòng cốt là hợp tác xã kiểu mới!" KIỂU MỚI! Ông Lê Đăng Doanh năm ngoái tha thiết kêu gọi bỏ cái nền tảng đó, thật phí lời!

Với tất cả những lập trường "kiên định Mác Lê-nin" như vậy rồi, người ta sẽ phải đọc những khẩu hiệu khác với thái độ dè dặt, dù đó là những điều mới nói lần đầu.

Mở cửa cho tư doanh vào đảng

Có một số điều có vẻ mới, như hé ra một số tia sáng hy vọng để cho những đảng viên muốn thay đổi yên tâm chờ đợi. Họ nói tới "phát triển các loại thị trường" trong đó có "thị trường quyền sử dụng đất và bất động sản gắn liền với đất." Như vậy thì hy vọng người dân bắt đầu được đối xử giống như được làm chủ ruộng đất, nhà đất, nếu nhà nước cho phép. Những điểm khác cũng có vẻ tiến bộ: Giảm hẳn sự can thiệp hành chánh vào hoạt động của thị trường và doanh nghiệp (một tiến bộ, nếu thực là GIẢM HẲN.) Tách biệt chức năng quản lý hành chính của nhà nước với chức năng quản lý kinh doanh của doanh nghiệp; xóa bỏ chế độ chủ quản (tiến bộ, nếu làm đúng quy tắc này.) *Quyền sở hữu tài sản và quyền tự do kinh doanh được pháp luật bảo hộ; (mọi công dân) có quyền bình đẳng trong đầu tư, kinh doanh, trong tiếp cận các cơ hội, nguồn lực kinh doanh, trong thông tin và nhận thông tin.* Nghĩa là các doanh nghiệp nhà nước và tư doanh được quyền vay tiền của ngân hàng bình đẳng, được quyền nghiên cứu thị trường mà không bị coi là làm gián điệp hoặc tiết lộ bí mật quốc gia! Nếu hiểu theo nghĩa tiến bộ như vậy thì đây cũng là một điều khích lệ!

Có những câu viết mập mờ khó hiểu, chắc với dụng ý. Thí dụ: Kinh tế cổ phần (sic) ngày càng phát triển, trở thành hình thức kinh tế phổ biến. Không ai hiểu kinh tế cổ phần nghĩa là gì, chữ này không có trong từ điển kinh tế học. Nếu coi ý tưởng chính là thúc đẩy việc "cổ phần hóa" tức là tư nhân hóa các xí nghiệp, thì đây là một tiến bộ. Có những câu hoàn toàn không hiểu được, chắc cũng viết với dụng ý, như "thúc đẩy xã hội hóa sản xuất và sở hữu, đặc biệt là xã hội hóa vốn của các nhà đầu tư." Nói "xã hội hóa" nghĩa là gì? Có thể giải thích câu này theo ý nghĩa tư nhân hóa các xí nghiệp quốc doanh, như trên, và cho phép các công ty cổ phần, thị trường chứng khoán được bành trướng. Nhưng người dân Việt Nam cũng từng nghe ba chữ "xã hội hóa" với nghĩa ngược lại. Ruộng đất, nhà cửa bị xã hội hóa, tức là bị nhà nước tịch thu! Giáo dục được xã hội hóa tức là học sinh vào trường công cũng phải trả tiền; y tế xã hội hóa tức là vào nhà thương công cũng phải trả tiền bông, băng, kim chích, và mua từng viên thuốc.

Một câu mập mờ có thể giải thích thuận lợi cho việc thu nhận các doanh nhân tư vào đảng Cộng Sản, là "tạo điều kiện để các doanh nhân phát huy tiềm năng và vai trò tích cực của mình trong phát triển sản xuất, kinh doanh." Còn tạo điều kiện nào tốt hơn là cho họ hưởng những ưu quyền của các đảng viên? Điều này chỉ được nêu lên trong dự thảo sửa điều lệ của đảng.

Một câu khác có thể coi là mở cửa cho các đảng viên làm ăn riêng, biến thành các nhà tư bản, là: "Mọi công dân có quyền tự do tham gia các hoạt động đầu tư, kinh doanh." Các đảng viên cũng là những công dân! Nếu sau này Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam muốn, họ có thể coi hai câu trên là những chìa khóa mở cửa cho các đảng viên làm ăn tư và thâu nhận các nhà tư sản

vào đảng. Việc đó có thể xẩy ra nếu Bộ Chính trị gồm những người có đầu óc muốn đổi mới nhanh hơn! Nhưng nếu Bộ Chính trị sau này đa số là những tay thủ cựu thì những câu trên sẽ bị chìm lấp, bị quên dần, giống như những câu có ý nghĩa tương tự trong các báo cáo chính trị trước đây.

Cuối cùng thì chính sách của đảng Cộng Sản Việt Nam hoàn toàn tùy thuộc yếu tố nhân sự. Cho nên, từ nay cho tới khi Đại hội X kết thúc, người ta vẫn không thể đoán được đại hội đó sẽ đi về đâu! Nước Việt Nam sẽ đi về đâu? Tất cả 80 triệu người dân Việt Nam không biết! Tất cả vẫn chỉ tùy thuộc một nhóm người đang lo bảo vệ quyền hành để khỏi mất những quyền lợi mà họ đã chiếm được. Chỉ khi nào hầu hết các đảng viên cộng sản cảm thấy buồn nôn vì tham nhũng, ma túy, bất công xã hội; khi nào họ phải thấy tự xấu hổ về những vụ T2, T4, thấy phải rửa mặt cho chính họ; thì họa may nước ta mới có thay đổi! Mà nếu không có gì thay đổi trong 5 năm, 10 năm tới thì chính đảng Cộng Sản cũng sẽ tự hủy diệt và đưa đất nước tới cảnh ngày càng tụt hậu hơn nữa!

ĐOÀN KẾT DÂN TỘC NHƯ THẾ NÀO?

Ông Võ Văn Kiệt muốn ảnh hưởng tới những người đang muốn leo lên các chức vị cao trong đảng, kỳ Đại hội X sắp tới. Cho nên, ông lại vừa mới viết một bài trên báo *Tuổi Trẻ*, hô lại khẩu hiệu "đoàn kết dân tộc." Mở đầu bài tham luận về đoàn kết dân tộc, ông Võ Văn Kiệt lại làm cho người đọc thất vọng. Vì ông lập lại một khẩu hiệu cũ của Hồ Chí Minh: "Đoàn kết, Đoàn kết, Đại đoàn kết! Thành công, Thành công, Đại thành công!" Muốn xưng tụng Hồ Chí Minh để các đảng viên khác vui lòng, ông có nhiều cách. Ông Hồ Chí Minh có rất nhiều tài, ông Hồ nói cũng hay nữa, muốn khen dễ lắm. Nhưng đề cao ông Hồ với khẩu hiệu Đại đoàn kết thì rất vụng về. Vì ai cũng biết ông Hồ chỉ hô khẩu hiệu chứ không làm đúng như lời nói.

Trong thực tế ông Hồ không cần đoàn kết với ai trừ những người theo ông. Ngay từ khi thành lập nhóm Thanh Niên, ông đã muốn tìm biến cả nước thành một nước cộng sản nằm trong Đệ Tam Quốc Tế, đó mới là mục tiêu thật của ông, từ lúc ông còn lưu lạc ở Trung Hoa. Cứ đọc lại những tờ báo Thanh Niên mà ông Hồ viết ở Quảng Châu, trong đó ông đã vạch ra con đường đấu tranh thực hiện chủ nghĩa Cộng Sản, phải tiêu diệt những giai cấp "phản động," theo đúng chính sách của Stalin.

Ông Võ Văn Kiệt nói rằng ngay từ năm 1945 Hồ Chí Minh đã "chủ trương xóa bỏ mọi hận thù và chia rẽ." Thế thì ai đã giết những Khái Hưng, Tạ Thu Thâu, và ám hại Đức Thầy Huỳnh Phú Sổ? Ông Võ Văn Kiệt bây giờ cũng công nhận những chiến dịch đấu tố, cải tạo thương nghiệp từ thập niên 1950, là sai lầm. Vì, theo lời ông giải thích, "tư tưởng đại đoàn kết bị coi nhẹ, quan điểm giai cấp đã được vận dụng một cách máy móc, một chiều." Thế thì vào lúc những chiến dịch đó diễn ra, ai đứng đầu đảng Lao Động (Cộng Sản) Việt Nam. Ai đứng đầu cả miền Bắc Việt Nam? Ông Hồ là người tin tưởng phải theo chính sách Mao Trạch Đông thì mới cộng sản hóa được nước Việt Nam. Ngay sau chiến thắng Điện Biên Phủ, Hồ Chí Minh nói chuyện với các chiến sĩ từ mặt trận về, ông đã nêu ra nhiệm vụ mới của các chiến sĩ là đấu tố. Ông nói rằng chiến thắng quân sự vừa qua không quan trọng bằng cuộc chiến đấu sắp tới, là đấu tranh chống giai cấp địa chủ. Cho nên, ông yêu cầu các chiến sĩ phải tích cực tham dự cuộc cải cách ruộng đất! Ai cũng biết cuộc cải cách ruộng đất là do các cố vấn Trung Cộng chỉ huy. Khi ông Hồ Chí Minh muốn tha cho bà Nguyễn Thị Năm, một địa chủ có công đóng góp tiền cho kháng chiến, các con đều theo Việt Minh, mà cố vấn Trung Quốc không cho, Hồ cũng không cãi lại. Cuốn hồi ký của Đoàn Duy Thành, cựu phó thủ tướng, cho biết chuyện đó. Khi có người thưa với các cố vấn Trung Quốc là nên tha cho bà Năm vì bà chỉ là một phụ nữ, cố vấn phán rằng: Cọp đực hay cọp cái, cọp nào cũng ăn thịt người! Thế lúc đó ông Hồ Chí Minh đoàn kết với dân tộc hay chỉ đoàn kết với các cố vấn Trung Quốc?

Ông Võ Văn Kiệt còn nêu ra lời Hồ Chí Minh trong đại hội thành lập Đảng Lao Động năm 1951: "Chính vì Đảng Lao Động Việt Nam là đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, cho nên nó phải là đảng của dân tộc Việt Nam." Câu nói đó không chứng minh điều gì cả, muốn nói thế nào cũng được. Nếu một đảng là đảng của tất cả dân tộc, thì cần lập ra riêng một cái đảng đó làm gì? Tại sao phải xét thành phần, kê khai lý lịch ba đời mới hy vọng được vào đảng? Tại sao sau đó còn đi vu cáo những người không vào đảng là địa chủ, là cường hào, là Quốc Dân đảng để giết người ta? Cho nên việc ông Võ Văn Kiệt nhắc lại cái khẩu hiện treo ở Ba Đình mấy hôm nay không ích lợi gì hết. Chỉ làm cho mọi người nghi ngờ mà thôi.

Tiếp theo, ông Võ Văn Kiệt lên giọng chê bai những người lãnh đạo cộng sản Việt Nam sau khi chiếm được miền Nam, năm 1975: "Rất tiếc là ý thức đoàn kết dân tộc lại một lần nữa bị phần nào xao nhãng... Tiếp đó, cuộc cải tạo công thương nghiệp tư nhân ở miền Nam và việc hợp tác hóa nông nghiệp một cách rập khuôn..." Ông Kiệt không nói rõ nhưng ai cũng nhớ chính ông Đỗ Mười là người đi đánh tư sản ở miền Nam hung hăng nhất. Vì bị đánh nên hàng triệu người đã phải bỏ nước ra đi, một nửa đã bỏ mình trên biển cả.

Một điều đáng khen ngợi trong bài mới viết, là ông Võ Văn Kiệt đã thẳng thắn nhận trách nhiệm, dù không nhận trách nhiệm của cá nhân mình. Ông chỉ nói: "Lúc bấy giờ Thành ủy vẫn có nhiều bất lực và có phần trách nhiệm." Có trách nhiệm, đúng. Nhưng tại sao lại "bất lực?" Ông Võ Văn Kiệt cũng công khai nhận rằng việc ông ký giấy thành lập Tổng Cục 2 với uy quyền lấn lướt tất cả các cơ cấu đảng và chính quyền là một sai lầm. Chưa có lãnh tụ cộng sản nào bây giờ dám nhận lỗi như vậy. Chúng ta có thể tin ông Kiệt thật sự đau lòng khi thấy những người trí thức, chuyên gia, đã "đành dứt áo ra đi" và "phải liều mình nhắm mắt đưa chân" vì không thể sống với chế độ cộng sản khi nhìn rõ bộ mặt thật của đảng.

Ba mươi năm sau, bây giờ ông Võ Văn Kiệt lại hô hào phải đoàn kết dân tộc, một lần nữa. Nhưng làm cách nào đoàn kết dân tộc đây? Có phương pháp cụ thể nào hay không? Ông chỉ nêu lên mấy nguyên tắc. Thứ nhất, "Đất nước Việt Nam ... không phải là của riêng ai, của một giai cấp hay đảng phái nào, mà là tài sản chung của mọi người Việt Nam, của cả dân tộc Việt Nam." Thứ hai, "Mọi người Việt Nam ... đều có quyền được đóng góp" vào việc nước. Sau cùng, "Phải làm sao cho mọi người Việt Nam đều được sống với giang sơn gấm vóc này, được hưởng mọi giá trị tinh thần và vật chất của nền văn hóa này." Vẫn chỉ là những khẩu hiệu, nói người ta phải làm gì, nhưng không nói phải làm như thế nào.

Nguyên tắc thì bao giờ cũng đẹp đẽ và chỉ nói không thì rất dễ. Các ông Lê Duẩn, Đỗ Mười cũng có thể tuyên đọc những lời lẽ văn hoa đó.

Muốn thực hiện khẩu hiệu "Đất nước không phải là của riêng ai, của một giai cấp hay đảng phái nào" thì trước hết hãy bỏ ngay điều số 4 của bản Hiến pháp hiện hành đi. Muốn đoàn kết thực sự thì mọi người phải coi nhau là bình đẳng, phải kính trọng lẫn nhau, không ai đóng vai cha chú với ai hết. Khi còn những vị cha chú nghênh ngang ngồi trên đầu cả nước thì mối tương quan trở thành trên bảo dưới nghe, là "liên hệ chủ tớ," chứ không phải là cộng tác bình đẳng, không thể gọi là đoàn kết được.

Muốn cho "Mọi người Việt Nam có quyền được đóng góp" vào việc nước thật sự, thì phải coi mọi người Việt Nam khác ít nhất ngang hàng với mình. Người ta kính trọng mình, mình cũng phải kính trọng người ta. Hãy cho các tín đồ Phật giáo tham dự các hoạt động của Giáo hội Phật giáo Việt Nam Thống nhất; các tín đồ Hòa Hảo, Tin Lành được tự do hành lễ. Tôn giáo lo việc cứu khổ con người, đừng cấm đoán người ta. Hãy bãi bỏ cái nghị định cho nhà nước quyền quản chế tất cả những ai bất đồng ý kiến. Chính ông Võ Văn Kiệt đã đầu têu ra cái nghị định đó. Bây giờ ông hãy phủ nhận nó đi, hãy yêu cầu ông Phan Văn Khải xóa bỏ nó đi. Nếu không, hễ có ai nói ý khác mình một chút là vu cáo cho người ta cái tội âm mưu lật đổ chính quyền vô sản, vu cáo là làm gián điệp cho ngoại quốc. Hành động độc đoán như thế thì làm sao đoàn kết với ai được?

Trước khi đoàn kết được với cả dân tộc, quý vị lãnh đạo đảng Cộng Sản hãy cố đoàn kết với những người đồng đảng đi. Quý vị có đoàn kết được với các ông Hoàng Minh Chính, ông Phạm Quế Dương Nguyễn Vũ Bình hay không? Hay là hễ ai có ý kiến khác mình thì bắt bớ, vu cáo, kết tội, buộc người ta đến chỗ phải từ bỏ đảng? Một cách cụ thể, muốn đoàn kết dân tộc thì phải có tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp và lập hội. Sau đó quyền tự do bầu cử mới thực hiện được. Những điều này bao nhiêu người ở Việt Nam đã kêu gào hàng chục năm nay. Không đem ra thực hiện mà chỉ hô hào xuông khẩu hiệu đoàn kết dân tộc thì không ai tin được.

Trên mạng lưới báo *Tuổi Trẻ*, sau bài viết của ông Võ Văn Kiệt thấy những lời góp ý kiến của độc giả. Giáo sư Nguyễn Nhã cho rằng muốn phát động tinh thần đoàn kết dân tộc thì mọi người Việt Nam phải ý thức rằng "nghèo nàn, lạc hậu là mối nhục không thể chấp nhận được." Ông Nguyễn Nhã mong thế hệ trẻ sẽ chỉ nhìn thấy một kẻ thù chung là cảnh nghèo nàn, lạc hậu của đất nước.

Ông Võ Văn Kiệt góp ý

Sau bài trên, ông Võ Văn Kiệt còn viết một bài "Góp Ý kiến vào Báo cáo Tổng kết Lý luận và thực tiễn hai mươi năm đổi mới" được phổ

biến trên mạng lưới. Trong phần đầu ông đặt ra những vấn đề lý thuyết. Ông nêu lên vấn đề phải hiểu Chủ nghĩa Mác Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh như thế nào, nhưng chính ông không đề nghị một cách nào cả. Ông cũng hỏi phải xác định khái niệm "Giai cấp công nhân" ra sao, không thể nói chung chung mãi được. Ông nhận xét: Giai cấp công nhân trong thực tế không biết và không có quyền được biết đội tiên phong của mình (tức đảng Cộng Sản) đang làm gì. Điều này thì đúng quá! Ông bác bỏ lối chụp mũ nhau là "chệch hướng" cũng như "diễn biến hòa bình" mà ông cho là các nước Tây phương không còn có ý định dùng diễn biến hòa bình để cho ai hết. Ông Võ Văn Kiệt cũng nêu lên cách giải quyết những tệ nạn xã hội, mà ông cho là chưa tìm cách trị đến căn bệnh. Nhưng cái gốc của bệnh là chế độ độc tài thì ông không nhắc tới.

Phần quan trọng sau đó là ông Võ Văn Kiệt phê bình "phương pháp tư duy" của đảng, vẫn chưa thoát khỏi tính cách tả khuynh, chủ quan, duy ý chí như 30 năm trước. Trong dịp này ông chính thức nói "Hiện tượng di tản, thuyền nhân cần được nhìn nhận như là những vết thương trên cơ thể đất nước." Tuy muộn, nhưng còn hơn không nói gì.

Một mũi dùi mà ông Võ Văn Kiệt nhắm vào là những lãnh tụ đảng đã già rồi nhưng còn giữ "quyền uy" gây ảnh hưởng trên Bộ Chính trị và Trung ương Đảng; quyền uy của họ lấn át cả quyền lực của những người đang nắm quyền. Rõ ràng là ông muốn ám chỉ đám Lê Đức Anh, Đỗ Mười đang lũng đoạn các cán bộ cao cấp và trung cấp.

Phần đóng góp ý kiến của ông Võ Văn Kiệt về đổi mới kinh tế có tính cách vụn vặt không đạt tới những vấn đề nền tảng và có chiều sâu. Những chuyện như phải tổ chức lại tình báo kinh tế, như phải vận động lobby (sic), phải nâng cao giá trị nội địa của hàng xuất cảng, liên kết chặt chẽ với ASEAN, là các vấn đề của các chuyên gia trung cấp. Có những đề nghị ngớ ngẩn như phải cho các doanh nhân Việt Nam đi đầu tư ở các nước Phi châu để học hỏi kinh nghiệm quản trị! Ông Kiệt vẫn chủ trương đảng Cộng Sản làm tất cả, coi các chính sách từ trên ban xuống là quan trọng, chứ không đề nghị tháo gỡ guồng máy chỉ huy kinh tế của đảng và nhà nước, để cho nhân dân tự phát triển. Nhưng trong các ý kiến nho nhỏ đó cũng có những điều đáng chú ý, như khi ông Võ Văn Kiệt than phiền về "nguy cơ nhũn não" trong hàng ngũ trí thức, kể cả các nhà nghiên cứu khoa học. Nguyên nhân gây nên tình trạng này là chủ trương toàn trị của đảng Cộng Sản, nhưng ông Kiệt không đề cập tới.

Điều đáng hoan nghênh trong bài của ông Võ Văn Kiệt là lời hô hào "quyền tự do tư tưởng, tự do ngôn luận, tự do nghiên cứu phải được mở rộng hơn nữa." Không nói gì đến tự do báo chí và tự do hội họp!

KHÔNG THĂM MỘ HỒ CHÍ MINH

Lần đầu tiên thuật lại chuyến đi Việt Nam vào mùa Xuân vừa qua, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh cho biết đã nhiều lần ông bị chính quyền cộng sản yêu cầu phải đi thăm mộ Hồ Chí Minh mới được về nước hoằng pháp, nhưng ông đã từ chối. Đó là một lý do khiến nhiều lần chuyến hồi hương của ông đã tưởng phải bãi bỏ. Trong bài pháp thoại ngày cuối cùng sau khóa tu năm ngày tại Tu viện Lộc Uyển, thành phố Escondido ở miền Nam California, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh cũng cho biết chính quyền cộng sản đã gây rất nhiều trở ngại trong cuộc hành hương ba tháng của ông, lần đầu tiên ông trở về nước sau gần 40 năm. Chuyến đi gồm cả tăng ni đoàn của Tu viện Làng Mai và hàng trăm Phật tử khắp thế giới tháp tùng, trong đó một nửa là người ngoại quốc.

Ngay từ khi chính quyền cộng sản chịu thương thuyết để cho ông về nước, họ đã yêu cầu Hòa thượng Thích Nhất Hạnh phải đến thăm mộ Hồ Chí Minh, thường gọi là "Lăng Bác," ở Hà Nội. Lời yêu cầu này đã được nhắc lại nhiều lần mỗi khi đại diện của Hòa thượng gặp gỡ nhân viên chính quyền, ở tòa Đại sứ ở Pháp cũng như ở trong nước. Mỗi lần cuộc thương thuyết gián đoạn, khi nối tiếp lại họ đều nhắc lại yêu cầu đó và lại bị từ chối. Ngay cả khi Hòa thượng Thích Nhất Hạnh đi thăm Chùa Một Cột ở Hà Nội, cán bộ cộng sản cũng tìm cách dẫn đường đưa tăng đoàn Làng Mai qua khu mộ Hồ Chí Minh, nhưng Hòa thượng đã bình tĩnh và cương quyết chọn đường khác khi phái đoàn rời khỏi chùa.

Một chủ trương của đảng Cộng Sản Việt Nam là ngăn cản không cho nhiều người tới dự các buổi pháp thoại của hòa thượng, dù ở trong chùa hay ở các nơi khác. Ngay một buổi thuyết pháp do tòa Đại sứ Đức ở Hà Nội tổ chức tại Trung tâm Văn hóa Đức Goethe Institut cũng bị gây khó khăn về phương tiện di chuyển. Đến giờ chót, những chiếc xe buýt không đến đón, nhiều Phật tử phải tìm taxi chạy tới. Nhiều cuộc pháp thoại của Hòa thượng ở Sài Gòn giữa chừng đã bị cắt mất âm thanh mặc dù các cán bộ vẫn tiếp tục

thâu băng cho họ dùng. Sau đó, tăng đoàn đã phải tự lo lấy hệ thống âm thanh, đem theo suốt chuyến đi. Tin tức về các hoạt động của tăng đoàn không được loan tải trên báo chí trong nước, trừ bản tin về ngày tới và ngày về. Nhưng tin đồn miệng đã báo cho mọi người tới dự các buổi thuyết pháp. Khi Hòa thượng Thích Nhất Hạnh vào Sài Gòn, chính quyền cộng sản dự trù chỉ có dăm chục người được mời đi đón, đều thuộc giáo hội nhà nước. Nhưng các Phật tử tự động kéo năm, bảy ngàn người tới phi trường Tân Sơn Nhứt đón chào.

Đảng Cộng Sản đã hứa sẽ cho phép ấn hành 12 cuốn sách của Hòa thượng Thích Nhất Hạnh để phổ biến, như một điều kiện ông yêu cầu trước khi về nước. Nhưng khi tăng đoàn về tới nơi cũng chỉ có bốn cuốn được in. Ngoài ra, những thùng sách và băng ghi âm, đĩa CD mà tăng đoàn đem theo đã bị giữ lại ở nhà kho phi trường cho họ kiểm duyệt, đến khi phái đoàn sắp ra đi mới được giải tỏa. Tuy nhiên, tăng đoàn Làng Mai đã chuẩn bị máy móc, mỗi ngày các bài pháp thoại đã được cho lên đĩa và lên mạng cho công chúng vào đọc và nghe. Hàng trăm ngàn bản sao đã được phổ biến ở trong nước. Không khí nghi ngờ và sợ hãi thể hiện trong thái độ của các cán bộ tôn giáo thuộc đảng Cộng Sản ngay từ khi phái đoàn về tới phi trường Nội Bài. Hòa thượng yêu cầu cho tăng đoàn được đi thiền hành nhưng bị ngăn cản; sau đó phải đổi lại, chỉ yêu cầu được đi bộ thăm thành phố, nhưng trong thực tế vẫn là một cuộc thiền hành. Các buổi thuyết giảng bị giới hạn trong các chùa, và nhiều đảng viên cộng sản không dám tới chùa sợ bị phê bình, kiểm thảo.

Trước những nỗi khó khăn đó, theo lời thầy Thích Pháp Ấn, một vị thượng tọa ở Làng Mai cho biết, có lúc tăng đoàn đã tính đến việc bỏ ngang cuộc du hành để bầy tỏ thái độ phản đối. Tuy nhiên sau cùng lòng kiên nhẫn đã thắng, và phái đoàn tìm cách đối phó với các khó khăn. Vào cuối cuộc hành hương, số Phật tử tham dự các buổi pháp thoại đã ngày càng đông hơn, có lúc lên bốn, năm ngàn người. Và ngay các cán bộ cộng sản sau cùng cũng được phép đến nghe và đặt câu hỏi.

Tại thiền đường tu viện Lộc Uyển, một ngàn người đã được nghe Hòa thượng Thích Nhất Hạnh tóm tắt nói về chuyến đi trong một giờ đồng hồ vào buổi sáng một ngày Chủ Nhật, kết thúc khoá tu. Nhiều lúc các thiền sinh đã bật cười khi nghe kể đảng Cộng Sản đòi kiểm duyệt những câu trong các sách của Hòa thượng; những câu nghe rất vô hại đối với người bình thường nhưng cũng làm cho các cán bộ cộng sản sợ hãi. Có lúc vị tu sĩ đại diện hòa thượng từ Việt Nam gọi điện về nói rằng ban kiểm duyệt cộng sản muốn xóa bỏ một câu như, "Trong cái lá xanh ta có thể thấy hình ảnh của những giọt nước mưa, những đám mây, của mặt trời, vân vân." Tại sao cán bộ văn hóa cộng sản lại sợ những câu như vậy? Hòa thượng Nhất Hạnh giải thích: Nói như vậy thì người ta hiểu là trong kẻ thù cũng có thể có người bạn, không còn phân biệt bạn với thù nữa!

Sau buổi pháp thoại, các Phật tử còn được coi mấy đoạn phim qua DVD, trong đó đoạn làm mọi người thích thú hoan hô nhất là khi Hòa thượng Thích Nhất Hạnh trả lời một cán bộ văn hóa của đảng Cộng Sản. Vị giáo sư trên hỏi rằng Hòa thượng khuyên mọi người hãy lo đời sống tâm linh, nhưng những người cộng sản như ông ta theo chủ nghĩa duy vật thì làm sao có thể đổi sang duy tâm được. Hòa thượng Thích Nhất Hạnh đã giải thích về quan niệm và hiểu biết mới trong vật lý học lượng tử ngày nay cũng như trong y khoa trị liệu, cho thấy sự phân biệt duy tâm và duy vật là một quan niệm đã lỗi thời rồi.

Chính quyền cộng sản cũng đòi hỏi một điều khác và bị Hòa thượng Thích Nhất Hạnh từ chối ngay từ đầu, là khi họ yêu cầu Hòa thượng đến thăm xã giao Mặt trận Tổ quốc, cơ quan phụ thuộc của đảng Cộng Sản dùng để kiểm soát tất cả các tổ chức dân chúng không trực thuộc đảng, trong đó có tổ chức Giáo hội Phật Giáo của nhà nước. Được biết vào năm ngoái, khi Hòa thượng Huyền Quang ra Hà Nội trị bệnh, ngài cũng được đưa tới thăm ông Phạm Thế Duyệt, chủ tịch của Mặt trận Tổ quốc.

Trong cuộc nói chuyện này, Hòa thượng Thích Nhất Hạnh cũng cho biết trước khi về nước ông đã đặt điều kiện phải được đi thăm các Hòa Thượng Huyền Quang và Quảng Độ mặc dù các cán bộ cộng sản viện nhiều lý do để chống đối và dùng mọi lý lẽ để ngăn cản. Sau cùng, chính quyền cộng sản phải chấp nhận điều kiện trên, nhưng khi hòa thượng về rồi thì họ xin không ghi việc đi thăm Hòa thượng Thích Quảng Độ trong chương trình chính thức. Họ nêu lý do: Nếu công bố ra, ngày đó hàng vạn người kéo đến chùa Thanh Minh thì có thể xẩy ra chuyện gì không thể nào lường được! Hòa Thượng Nhất Hạnh tỏ ý tiếc là sau cùng ông không được gặp các Hòa thượng Thích Quảng Độ và Hòa thượng Thích Huyền Quang, vì việc gặp gỡ đó là điều mà đảng Cộng Sản Việt Nam từ đầu vẫn muốn không xẩy ra.

Trang Chuyện Phiếm

SONG THAO

Con Tạo là một anh đại kỳ thị. Khi không anh bắt phe tóc dài đeo cái màng trinh nhưng lại làm lơ với phe tóc ngắn. Cũng chỉ vì cái màng ơ hờ đó mà cuộc đời sinh nhiều rối rắm. Thuở xa xưa nó là một mối nguy cho các thanh nữ. Muốn tế thần người ta phải tìm cho được trinh nữ để hiến dâng cho những vị thần thánh thích ăn cơm mới. Muốn hối lộ anh hà bá để anh ấy đừng nổi tam bành làm mình làm mẩy trên sông nước, người ta cũng tìm cho được trinh nữ để đẩy xuống sông. Nếu không có cái màng trinh, biết ai là trinh nữ?

Biết chứ sao không? Các ông tác giả chuyện chưởng nói chắc như đinh đóng cột. Cứ nhìn vào Thủ Cung Sa là biết liền. Chỉ cần cấy hạt thủ cung sa trên cánh tay một trinh nữ rồi nhìn sắc của nó mà đọc. Nếu cái hạt này đỏ tươi là trinh ngon lành, nếu hết đỏ là... tiêu tùng. Hơn nữa, nếu trong đầu cô thiếu nữ có ý tà dâm, thích mộng mơ chuyện ái ân, sắc đỏ của thủ cung sa sẽ bớt tươi. Sao lại cần phải biết một cô gái có còn đồng trinh không? Bởi vì có những môn phái chỉ tôn làm Giáo chủ những thiếu nữ còn đồng trinh. Như Minh Giáo chẳng hạn. Ngôi giáo chủ này đều do các thiếu nữ đồng trinh đảm nhận để duy trì sự trong sạch thiêng liêng của môn phái. Trong Ỷ Thiên Đồ Long Ký, Kim Dung đã cho Tạ Tốn luận về việc này như sau khi Đại Ỷ Ty là người Ba Tư lai Trung Hoa được chọn để chuẩn bị lên ngôi giáo chủ của Minh giáo Ba Tư: "Bất cứ vị nữ giáo chủ nào cũng vậy, khi vừa nhận chức xong là phải lựa sẵn ba người con gái, con của các nhân sĩ thuộc hàng có địa vị cao trọng nhất trong giáo để làm thánh nữ. *Ba thánh nữ ấy phải thề độc trước bàn thờ tổ rồi đi bốn phương lập công tích đức cho Minh giáo. Tới khi giáo chủ tạ thế, các trưởng lão liền họp bàn xét xem công đức ba thánh nữ đó để lựa người có công đức lớn nhất làm giáo chủ. Còn như trong ba thánh nữ mà có người bị mất trinh tiết thì người đó phải ghép tội hỏa thiêu. Dù chạy đến chân trời góc biển nào cũng bị người của Minh giáo ở Ba Tư truy tìm rượt bắt nhằm duy trì trinh thiện của thánh giáo."*

Nước Mỹ không có thủ cung sa nên việc hô hào giữ cái ngàn vàng trong giới nữ sinh cần phải có một phong trào. Đó là phong trào tiết dục được nhà cầm quyền và các chính khách ra công cổ võ. Đài truyền hình CBS có nguyên một chương trình đặc biệt Abstinence- Only Programs On Rise để cứu vãn cái màng nho nhỏ của các em. Tại sao phải ồn ào như vậy? Vì đây là một vấn đề xã hội. Nếu trong xã hội có nhiều thiếu nữ mang thai khi tuổi còn trẻ thì chúng sẽ trở thành gánh nặng cho cả gia đình lẫn xã hội. Họ không đặt nặng vấn đề đạo đức! Phong trào này được khởi xướng đầu tiên tại tiểu bang Louisiana và đã tỏ ra có kết quả. Số em to bụng trong niên khóa 1998-99 là 50 em, qua niên khóa 2000-01 chỉ còn sáu em. Một số quốc gia khác, trong đó có Úc, cũng đã phát động chiến dịch True Love Waits, chờ đó không đi đâu mà vội, tới ngày cưới hãy... hành động. Số các em tình mguyện ghi tên tham gia chiến dịch này đã lên tới ba triệu.

Đối với ngài Khổng thì đây lại là chuyện đạo đức cá nhân và tập thể. Làm thân con gái phải biết giữ cái... ngàn vàng đó. Nếu không thì làng xóm sẽ ra tay xởn tóc bôi vôi làm xấu xa cả gia đình dòng họ. Khi lấy chồng, sau cú test trong đêm tân hôn, nếu vắng chứng tích của cái màng... cầu chứng tại tòa đó thì thảm họa kéo tới tức thời. Giông bão chẳng phải chỉ ở bên ta hay bên Tàu mà còn mù mịt tận bên Haiti. Trong truyện ngắn "Giao Thừa Ở Một Nơi Khác," tôi đã ghi lại cái tình huống khó ăn khó nói này: "*Đôi mắt của Claude lém lỉnh như đôi mắt của một con sóc tinh ranh. Nó ánh lên vẻ ranh mãnh cời cợt nhiều khi làm Thịnh bất ngờ thích thú. Như có lần đọc báo thấy người ta làm cuộc thăm dò về cái trinh của con gái xứ này Claude hô hoán lên. Hỏng hết! Hỏng hết! Trăm đứa không có tới chục đứa đàng hoàng. Tụi này mà ở bên nước tao thì phải biết! Mặt Claude căng lên phẫn kích. Bên tao mà đứa nào léng phéng trước khi về nhà chồng thì sau đêm tân hôn, bên nhà trai sẽ gởi về bên nhà gái một cái bánh. Thịnh dương mắt dò hỏi. Cái bánh này có hình thù như hai bàn tay khum khum úp*

vào nhau ở giữa có một khe hở. Thế là rồi đời cái danh tiếng của cả họ! Thịnh phá lên cười. Sao nước mày cách nước tao cả vạn dặm mà cũng nghiệt ngã như nhau vậy? Bên nước tao coi chữ trinh của con gái đáng giá... Thịnh muốn nói tới chữ ngàn vàng mà không biết nói làm sao. Các cụ dậy bảo con cháu vắn tắt toàn bằng vần điệu nên nhiều khi làm khó con cháu quá. Ngàn vàng thì nói sao cho anh tây đen này hiểu. Thịnh cương như kép hát quên tuồng tích. Đáng giá một ngàn ...lạng vàng. Một lạng vàng ở nước tao nặng hơn một ounce vàng ở bên này, theo thời giá chắc cũng phải năm trăm đô. Mày cứ nhân lên một ngàn lần năm trăm đô khắc biết. Một núi tiền chứ ít ỏi gì. Thế cho nên về nhà chồng mà mất cái ngàn vàng thì chỉ đáng giá cái... tai heo. Nhà trai sẽ gửi cho nhà gái một đầu heo barbecue bị cắt tai. Tới lượt Claude cười hô hố. Bên mày rắc rối quá! Tao không hiểu cái bánh có đường rãnh ở nước tao và cái tai heo của nước mày cái nào có lý hơn."

Chẳng anh nào có lý cả! Lý đâu lại có cái thứ lý trưởng thượng như vậy? Trưởng thượng như mấy ông đạo của Hồi Giáo. Tại miền nam Ai Cập và Sudan ngày nay vẫn còn tập tục cắt âm hạch người con gái khi tới tuổi dậy thì. Để làm chi vậy? Để ngăn chặn những ham muốn tình dục và để giữ gìn đức hạnh, trinh tiết khi trưởng thành! Phần lớn việc cắt này là do các bà già trong cộng đồng thực hiện bằng những dụng cụ đơn sơ nên rất thường xảy ra những tai biến, nhiễm trùng nhiều khi đưa đến vong mạng. Bộ Y Tế Ai Cập đã chính thức ra lệnh cấm. Các giáo sĩ Hồi Giáo chống lại lệnh và kiện ra tòa án Hồi Giáo. Bộ Y Tế thua kiện! Bằng vẻ mặt hân hoan của một người thắng kiện, một giáo sĩ đe dọa sẽ thừa thắng xông lên kiện luôn Bộ Giáo Dục đòi sửa lại sách giáo khoa để giáo dục các thế hệ mai sau phải làm theo như thế!

Tại vương quốc Jordan, nếu một cô gái bị xã hội nghi là có quan hệ tình dục trước khi kết hôn sẽ lập tức bị cha hoặc anh trai bắn chết một cách công khai! Mọi người trong gia đình sẽ hoan hỉ cảm ơn kẻ sát nhân và pháp luật cũng chỉ giam thủ phạm vài tháng rồi thơ thới ra về. Một anh trai giết em gái đã cười cười trả lời một nhà báo: "Nó phải chết. Đó là truyền thống của chúng tôi. Một đứa con gái hư phải chết! Chọn cách nào tốt hơn, giữa một người chết hay cả ngàn người chết? Chúng tôi gồm toàn thể bộ tộc, và đứa con gái hư hỏng đó có thể bôi nhọ cả một bộ tộc. Bất kỳ ai giết người để bảo vệ danh dự đều có quyền tự hào!" Theo thống kê, những "tội phạm vì danh dự" này chiếm tới một phần tư tổng số vụ giết người ở Jordan! Ông Mumen Hadidi, Giám đốc Học viện Pháp y Quốc gia của Jordan cho rằng đây là một bệnh dịch của xã hội. "Người Jordan đang bắt đầu làm mọi việc để thay đổi một khái niệm văn hóa về thế nào là danh dự. Không phải chỉ giới hạn trong vấn đề trinh tiết và cũng không chỉ đặt lên cổ của riêng giới phụ nữ." Ông Hadidi cũng như những nhà cải cách ở vương quốc này đang đứng trước một thách thức không đơn giản: những truyền thuyết đã kéo dài hàng bao nhiêu thế hệ đối với "tội ác vì danh dự" được tập đoàn các giáo sĩ Hồi giáo kiên quyết duy trì và ảnh hưởng trên ngành tư pháp của Jordan.

Dân gian đất nước chúng ta ăn đứt các anh giáo sĩ cổ lỗ sĩ ở Jordan. Ca dao đã từ lâu... phản kháng:

Đánh tôi thì tôi đau dòn
Tính tôi hoa nguyệt mấy con chẳng chừa.
Quen rồi, chừa chẳng được đâu
Lệ làng, làng bắt mấy trâu kệ làng!

Trâu có thể vá được cái màng con gái chăng? Chẳng cứ trâu mà bò cũng được. Mà chẳng phải từ xưa mà mới đây, năm 2001. Trong năm này, tại Swaziland, nhà vua Mswati III đã ra lệnh umchwasho bắt các cô gái trẻ dưới 18 tuổi phải đeo những cục len to bằng trái mướp ở trước ngực như một biểu tượng của sự trinh tiết. Khi bị một chàng trai đòi tù ti, cô gái phải ném... trái mướp này bên ngoài nhà của anh chàng toan dụ dỗ hái hoa và gia đình của anh ta phải nộp phạt một con bò! Lệnh này sẽ được duy trì trong năm năm để đề phòng bệnh AIDS. Trong bốn năm qua rất nhiều gia đình phải... mất bò nhưng người tốn chú bò đầu tiên lại chính là nhà vua Mswati! Sở dĩ có chuyện gậy ông đập lưng ông như vậy là vì, chỉ hai tháng sau khi ban hành lệnh, nhà vua cưới thêm một cô vợ mới có 17 tuổi! Hơn ba trăm cô gái kéo tới cung vua, ném những trái mướp len xuống đất để phản đối. Cận thần của vua giải thích là lệnh umchwasho chỉ áp dụng cho việc làm tình ngoài hôn nhân chứ không áp dụng cho hôn nhân. Nhưng cuối cùng nhà vua cũng đành nộp phạt một con bò để cho các cô gái nướng ăn ngay tại chỗ! Mới đây, ngày 22 tháng 8 năm nay, các nàng lại biểu tình nữa để thủ tiêu cái lệnh khó chịu này. Họ kéo tới cung điện của mẫu hậu hô to: "Chúng tôi chán cái trò umchwasho lắm rồi!" Và họ liệng bỏ những trái mướp... đắng, chất thành một đống và công khai hỏa thiêu. Nhà vua

đã phải ra lệnh bãi bỏ umchwasho sớm hơn kỳ hạn một năm! Nhà vua năm nay 36 cái xuân xanh và mới cưới thêm một cô vợ nữa, cô thứ 13. Người ta nghĩ rằng, với thú cưới vợ không ngừng nghỉ, vua Mswati III sẽ qua mặt vua cha, người có tới 70 bà vợ trước khi thăng hà vào năm 1982.

Chơi cho thủng trống long bồng
Rồi ra ta sẽ lấy chồng lập nghiêm
Chơi cho thủng trống lăn chiêng
Rồi ra ta sẽ lập nghiêm lấy chồng.

Ca dao ngon lành chưa? Có bao nhiêu cô nàng... thủng trống lăn chiêng trước khi về nhà chồng? Theo cuộc điều tra Quốc gia về vị thành niên - thanh niên Việt Nam vừa được công bố thì tuổi quan hệ tình dục lần đầu ở Việt nam là 19,6 mà nữ biết mùi đời sớm hơn nam. Khoảng 7.600 thanh thiếu niên trong độ tuổi từ 14 đến 25 tham dự vào cuộc điều tra lớn và toàn diện về vấn đề khó nói này. Vì khó nói nên người ta nghi ngờ về kết quả. Chẳng hạn như trong lứa tuổi 14 đến 17, trong tổng số 3200 em được hỏi chỉ có tám em gật đầu xác nhận đã biết mùi đời! Trong số các chị em chưa lập gia đình thì chỉ có 2,3% cho biết đã... chơi cờ người. Nhưng trong số các phụ nữ đã lập gia đình thì có tới 15% nhìn nhận là đã... ăn cơm trước kẻng! Sự khác biệt này có thể vì những nàng chưa chồng không muốn tiết lộ bí mật vì e ngại trong khi các nàng đã yên bề gia thất dạn dầy sương gió hơn.

Phải 19,6 tuổi mới... người lớn. Hơi trễ! Trẻ em tại các nước Tây Âu... hoạt động sớm sủa hơn. Có khi 13, có khi 14. Thường thì 17 tuổi, tốt nghiệp trung học, mà còn trinh thì mắc cở với bạn bè! Nữ ca sĩ Kelly Osbourne tung hê cái ngàn vàng năm 16 cái xuân xanh. Em ca sĩ Britney Spears mất trinh năm 18 tuổi. Bạn có tin không? Cô nàng đang mang bầu sau khi kết hôn với Kevin Federline trước đây đã từng tuyên bố là sẽ giữ gìn cái ngàn vàng cho người chồng tương lai nhưng khi trả lời cuộc phỏng vấn của tạp chí W vào năm 2003, cô nàng thú thực là đã bồ với anh chàng ca sĩ Justin Timberlake được hai năm rồi. Đánh trống khua chiêng là mình còn nguyên si là một chiêu quảng cáo của các minh tinh. Nó làm nổi bật họ lên trong cái thường tình của Hollywood là nơi ai cũng có thể leo lên giường của người khác được. Nữ ca sĩ Jessica Simpson bảnh hơn cô nàng Britney nhiều. Cô hứa và làm được. Anh chồng ca sĩ Nick Lachey là người may mắn. Trường hợp Brooke Shields mới lạ. Cô nàng bom lửa này, vào năm 13 tuổi, đã đóng vai cô bé bán... hoa tên Violet bán đấu giá cái trinh tiết trong phim Pretty Baby. Ngoài đời, cô chẳng bán cái quý giá đó cho ai mà giữ cho chồng. Chính anh chồng Dean Cain đã xác nhận như vậy. Họ cưới nhau vào năm Brooke Shields vừa tròn 20 tuổi.

Bán rao cái trinh tiết là chuyện thương tâm của các cô gái Việt Nam hiện nay. Hơn là thương tâm, đây là chuyện đau lòng của người Việt chúng ta. Phóng viên của báo Tiền Phong trong nước đã ghi nhận là trên các đường phố Đài Loan có nhan nhản các bảng quảng cáo trắng trợn như: " Cô dâu Việt Nam bao trọn gói, về nhà chồng trong vòng ba tháng, sang Việt Nam cưới chỉ trong sáu ngày, bảo đảm bốn khoản: còn trinh; ba tháng mang được cô dâu về nhà; không tăng giá; trong vòng một năm bỏ trốn sẽ đền cô dâu khác! Xin liên lạc số điện thoại 8324xxx." Hoặc : "Cô dâu Việt Nam 20 vạn tệ, đảm bảo còn trinh, không bỏ trốn!" Chữ trinh ra đứng nơi đầu đường xó chợ không biết có làm đỏ mặt những người có trách nhiệm trong nước chăng? E rằng không! Vì trên trang nhất báo *Liberty Times* của Đài Loan số ra ngày 30/7/2005 đã loan tin là trong năm 2004 Đài Loan đã đạt kỷ lục về số lượng kết hôn với các cô dâu Việt Nam, vượt qua con số 12 ngàn vụ! Để có một sự so sánh thì trung bình mỗi năm chỉ có khoảng 3800 cô gái Việt nam kết hôn với người Mỹ. Trong số những người Mỹ này dĩ nhiên có rất nhiều người Mỹ... nước mắm!

Con Tạo là một anh chàng đành hanh. Đã chế tạo ra cái màng trinh mà không phú cho nó làm cái nhiệm vụ... gác cửa. Con người vẫn tin màng trinh là anh gác cửa bảo vệ sự trong trắng của những phụ nữ chưa chồng. Đã là trinh nữ thì cái màng mỏng manh này phải nguyên vẹn mà bằng chứng là việc có những giọt hồng trong đêm tân hôn. Thế là sự thiếu vắng... màu sắc trong cái đêm trở thành đàn bà là lý do để đi một đường... cắt tai heo! Tội của nhà chế tạo ra cái màng này là chuyện tưởng như vậy nhưng không phải vậy! Trên thực tế, nhiều phụ nữ sinh ra đã không có màng trinh, hoặc có nhưng do một tai nạn vô tình như tập thể thao, trèo cây chẳng hạn, miếng da mỏng mảnh đó đã rách mất từ thời niên thiếu mà chính đương sự cũng không biết. Theo một khảo sát của báo VnExpress với 9600 phụ nữ tham gia trả lời thì chỉ hơn một nửa (54%) có máu trong lần ra trận đầu tiên; 17% không biết rõ và 29% không hề có dấu hiệu hồng nào! Như vậy nếu tất cả các anh chồng mới đều dựa vào mấy giọt máu hồng để đánh giá sự trinh nguyên của vợ thì sẽ

có gần 1/3 các tân giai nhân chịu oan ức với chồng. Mà các anh chồng này dường như vẫn tin vào cái dấu chỉ trinh nguyên này. Cũng trên báo điện tử VnExpress, trong mục Sức Khỏe, một mục thường xuyên cung cấp các kiến thức về giới tính, có để một ô thăm dò ý kiến dành cho nam giới. Trong số 10200 thanh niên tham gia thì 27% cho rằng chắc chắn người con gái còn tân sẽ có máu trong lần quan hệ đầu tiên, 10% trả lời không biết. Không ai cho là có thể chảy máu, có thể không! Các chuyên gia thì khẳng định rằng, không thể dựa vào bất kỳ biểu hiện vật chất nào để khẳng định trinh tiết của một cô gái. Đây là vấn đề mà y học bó tay!

Những người buôn bán cái gọi là trinh tiết thì không bó tay. Họ thay quyền con tạo recycle lại cái đáng giá bạc triệu. Tú Bà trong truyện Kiều là chuyên viên thượng thừa.

Nước vỏ lựu, máu mào gà
Mượn màu chiêu tập lại là còn nguyên.

Ngày nay cần gì những nguyên liệu thiên nhiên như nước vỏ lựu với máu mào gà! Khoa học lo liệu được tất cả. Chỉ một phẫu thuật nhỏ thì rách cũng thành lành.

Đã phục chế được màng trinh thì... trinh làm chi nữa? Màng miếc chi cho phiền phức! Thúy Kiều ong bướm rộn rã lượn tới lượn lui bao phen mà khi tái hồi Kim Trọng, chàng Kim vẫn thấy... trinh.

Xưa nay trong đạo đàn bà
Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường
Có khi biến có khi thường
Có quyền nào phải một đường chấp kinh?
Như nàng lấy hiếu làm trinh
Bụi nào cho đục được mình ấy vay!

Ba bảy đường trinh, có đường nào cho người vợ của anh tù cải tạo mà Tạ Chí Đại Trường kể trong cuốn hồi ký Một Khoảnh Việt Nam Cộng Hòa Nối Dài không? *"Người vợ trẻ dắt theo cả mẹ chồng, thuật với anh chồng phi công về chuyện mình bị công an hãm hiếp bao nhiêu lần, những lúc bị đòi lên lấy khẩu cung chuyện ngụy. Một vài lần riêng lẻ, một lần bề hội đồng, và kết quả là cái thai mấy tháng. 'Mẹ nói, để mình mẹ lên thuật chuyện với anh cũng được, để tránh cho em điều khó nói. Nhưng em nghĩ em chẳng có điều gì phải ngượng vì không hề có ý nghĩ phản bội anh. Em muốn tự tử, nhưng cũng muốn gặp thẳng anh bởi vì nghĩ rằng trước sau gì anh cũng biết chuyện — biết một mình chắc có nhiều vương vấn thắc mắc hơn là biết với em để ít ra em cũng còn sống mà chia sẻ, chịu đựng với anh...' Đêm kéo dài với những lời kể lể và anh phi công nọ về trại ngẩn ngơ ít ngày rồi vượt biên giới trong một buổi đẫn cây rừng. Bây giờ anh ở nơi nao?"*

Tiếng Việt mình có một từ rất đắt cho loại trinh lúc biến này. Đó là chữ "trung trinh"!

08/2005

NHIỀU

Nếu cần chọn giữa lớn nhỏ thỉ suya trăm phần trăm ai cũng sẽ chọn lớn. Không trừ một ai, cả đàn ông lẫn đàn bà. Duy chỉ có người đầu gối tay ấp thì ngược lại, ai cũng thích nhỏ. Nhỏ đây không phải là nhỏ người mà là nhỏ thứ bậc. Từ thứ hai trở xuống. *Vợ cả vợ hai hai vợ đều là vợ cả!* Nghe vậy mà không phải vậy. Hai vẫn mát hơn! Có cả có hai, đôi khi còn có ba có bốn nữa thì... được việc hơn.

Sớm mai đi chợ Gò Vấp,
Mua một xấp vải.
Đem về con hai nó cắt,
Con ba nó may,
Con tư nó đột,
Con năm nó viền,
Con sáu đơm nút,
Con bảy cắt khuy,
Con tám nó níu, con chín nó trì...
Ới mười ơi! Sao em để vậy, còn gì áo anh!
(Ca dao)

Mười thì hơi nhiều. Sở dĩ nhiều như vậy là vì cái lá gan của anh đàn ông.

Đàn ông năm bảy lá gan
Lá ở cùng vợ lá toan cùng người.

Câu ca dao này được các bà ngày nay diễn nghĩa đại khái như sau: đàn ông các ông không tin ai được, hở ra một cái là mất lấm la lấm lét! Khi anh chồng được nghe câu chì chiết này thì phải hiểu ngay rằng mình cũng ở trong số các đàn ông. Nể vợ là... đức tính của các ông, nhưng sao vẫn nhiều?

Trái tim vợ cột đầu giường
Nửa đêm lén tháo dây cương nhảy rào
Chữ tình em mắc ngọn cau
Ta làm rễ nút bám vào gốc cây
Rót đầy ly cạn xuống đây
Một hơi uống cạn ly đầy chiêm bao
Trống trơn mây gió ùa vào
Có cùng muốn nhớ thương nhau. Cũng đành!
(Quan Dương)

Chuyện hình như không phải từ trong lá gan, cũng không phải từ trong trái tim, cũng không

phải chỉ là đặc tính của các ông mà là chuyện... trời đất. Theo các tác giả David Barash và Judith Lipton của cuốn sách nghiên cứu *The Myth of Monogamy: Fidelity and Infidelity* thì trong thực tế sự chung thủy bất di bất dịch là vô cùng hiếm ở các loài động vật, trong đó có linh trưởng. Dựa trên kết quả nghiên cứu ADN của cha mẹ và con thì 90% loài chim và thú có bạn đời lâu năm đều không chung thủy! Lý do có thể ở chỗ con đực có một thôi thúc bản năng phát tán bộ gene của mình cho nhiều con cái, càng nhiều càng tốt. Trong khi đó, con cái muốn có bộ gene tốt nhất cho con mình sẽ tìm kiếm những con đực khỏe mạnh và hấp dẫn.

đàn bà sanh thì anh chồng phải đau! Nhưng cứ mười ca sanh thì lại có một ca anh chồng không đau mà cái bụng của anh hàng xóm lại đau. Thật là phiền phức. Đàn bà bèn kéo nhau lên đề nghị lại với nhà trời. Thôi, đau thì đau, cứ để đàn bà đau luôn cho tiện! Trời vốn là một ông vừa nể đàn bà vừa ba phải nên gật đầu chấp thuận. Thế là cứ... Vũ Như Cẩn!

Tại sao con người lại cứ muốn nhiều? Đó là bản tính. Thế tại sao con người lại cần phải sống với chỉ một người? Bởi vì đó là cách sống tốt nhất cho việc bảo vệ nòi giống. Cũng vẫn theo các nhà nghiên cứu thì việc sống chung của các loài nguyên do là bởi vì điều đó mang lại cho con

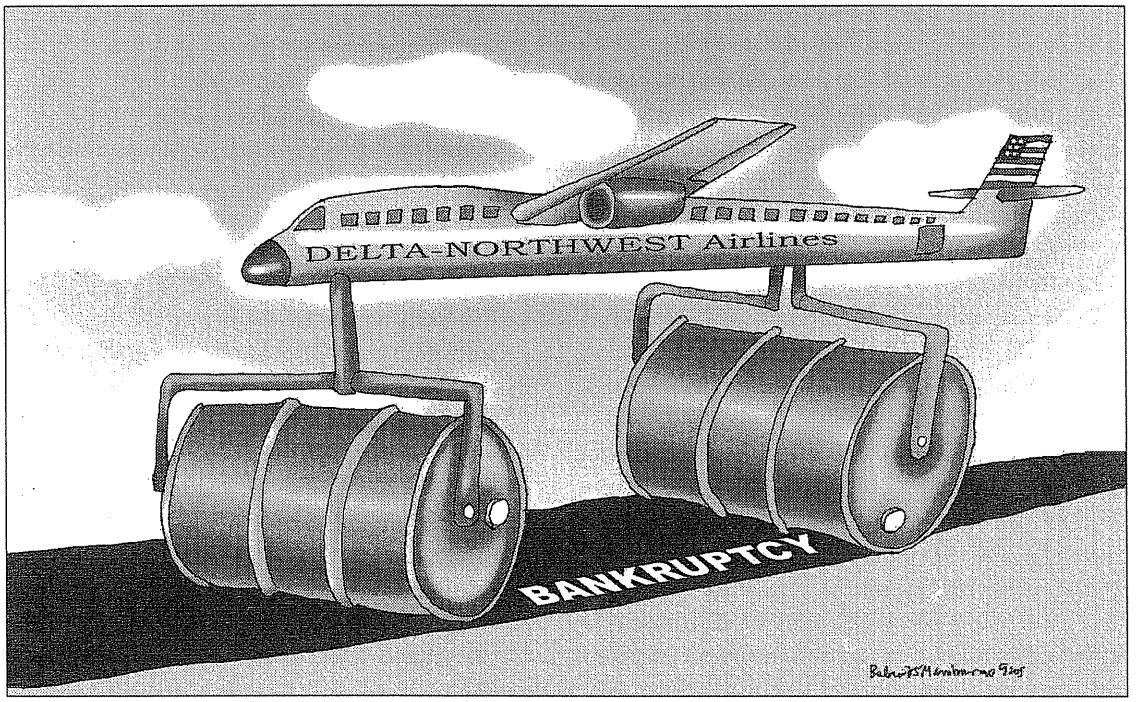

Đó là chuyện loài vật, loài người có đầu óc biết suy nghĩ phải khác chứ! Nhiều người sẽ cãi như vậy. Nhưng những con số thống kê lại bảo là không khác. Các cuộc nghiên cứu gene nơi con người cho thấy là trong 10% dân số, người cha sinh học không phải là người đàn ông đang sống với người mẹ trong thời điểm thụ thai. Dân làng tếu... minh họa thống kê này như sau. Một ngày kia, các bà nhận thấy là ông trời thật bất công. Con là con chung của hai vợ chồng nhưng khi đứa con ra đời thì người đàn bà lãnh đủ: vừa đau đớn, vừa banh da xẻ thịt. Anh đàn ông chẳng góp... đau gì vào cả. Họ bèn lên khiếu nại với ông trời. Ông trời nhận khuyết điểm và sửa sai. Từ nay khi cái cơ hội sống sót tốt nhất. Con cái ở nhà chăm sóc con trong khi con đực ra ngoài kiếm ăn. Ở những loài không sống chung, khi con đực bỏ đi, con non sẽ có nguy cơ bị giết bởi kẻ thù hoặc bởi con đực khác muốn thay thế con non bằng chính con của mình. Hai nhà nghiên cứu Barash và Lipton dựa vào thực trạng đó để phân biệt ra thành hai loại chung thủy: sự chung thủy xã hội và sự chung thủy tình dục. Trong các mối quan hệ chồng vợ, về mặt xã hội họ chung sống với nhau nhưng về mặt thể xác chưa chắc họ đã chung thủy.

Con người đặc biệt chung thủy về mặt xã hội bởi vì sự trưởng thành của những đứa con đòi hỏi một thời gian dài. Để đầu tư và bảo vệ con cái,

người cha và người mẹ chấp thuận chung thủy về mặt xã hội với nhau. Qua thời gian khi mà xã hội con người ngày càng có tổ chức, chế độ một vợ một chồng đi vào luật pháp và tôn giáo như một thể chế hôn nhân. Ai ngoại tình có nghĩa là vi phạm luật pháp và tôn giáo sẽ trở thành tội phạm, bị xã hội tẩy chay, mất tài sản, bị tù tội hoặc thậm chí có thể bị xử chết. Từ đó bắt đầu nghịch cảnh trớ trêu giữa bản năng nguyên thủy với những cấm đoán nghiêm khắc của xã hội và tôn giáo.

Một linh mục quá mệt mỏi vì giáo dân của mình cứ liên tục xưng tội ngoại tình, nói với con chiên bổn đạo:

"Nếu các con còn phạm tội ngoại tình ta sẽ bỏ xứ để đi chỗ khác."

Giáo dân bàn tán với nhau và đi đến chỗ lách chữ nghĩa. Từ nay, khi xưng tội, họ sẽ không nói là ngoại tình nữa mà thay vào đó bằng hai chữ "vấp ngã." Mọi việc êm xuôi cho tới khi vị linh mục già qua đời. Vị linh mục mới, sau một thời gian ngồi tòa giải tội, đến gặp ông Thị trưởng với vẻ mặt lo lắng:

"Ông Thị trưởng này, tôi nghĩ ông nên cho sửa chữa đường xá trong thị trấn lại vì các giáo dân của tôi than phiền họ bị vấp ngã quá nhiều."

Ông Thị trưởng ôm bụng cười vì sự ngây ngô của vị linh mục trẻ. Cảm thấy mình bị chế nhạo, vị linh mục bực tức lớn tiếng:

"Tôi không hiểu tại sao ông lại cười! Trong tuần qua, vợ của ông bị vấp ngã ba lần rồi đấy!"

Làm sao để con người khỏi vấp ngã? Trong cuốn *The Moral Animal: Evolutionary Psychology and Everyday Life* được xuất bản vào năm 1994, tác giả Robert White đã viết là trong một số xã hội sơ khai, con người đã được... cởi trói bằng cách cho phép chế độ đa thê. Trong 1154 cộng đồng con người đã được nghiên cứu thì đã có gần 1000 cộng đồng cho phép người đàn ông có hơn một vợ. Có điều cần nói là hầu hết những cộng đồng được nghiên cứu này là những xã hội thời hái lượm săn bắn. Ngược lại, cũng có những cộng đồng cho phép người đàn bà được cưới hơn một chồng nhưng trường hợp này rất hiếm. Đó là nơi các bộ lạc ở châu Phi, châu Đại Dương, một số bộ tộc da đỏ ở châu Mỹ và đặc biệt là các bộ lạc trên dãy núi Hy Mã Lạp Sơn.

Cho tới nay, bên dãy Hy Mã Lạp Sơn tập tục đa phu này vẫn còn tồn tại. Như ở Tây Tạng. Trong bài Đa Phu đăng trên nguyệt san *Phụ Nữ Gia Đình Người Việt*, số xuất bản trong tháng 5/2005 vừa qua, tác giả Trần Chính đã kể lại chuyện nhiều chồng ông được thấy trong một chuyến du lịch Tây Tạng vào tháng 3 năm 2003. Người đàn bà mà tác giả được gặp có tên là Tsering, nghĩa là "sống lâu." Chồng bà ta là... ba anh em ruột đều sống với bà dưới một mái nhà. Phòng ngủ chính là căn phòng lớn nhất trong nhà có một chiếc tủ với hoa văn và màu sắc sặc sỡ kê ở góc phòng dùng làm bàn thờ Phật. Hai chiếc giường lớn và dài kê đâu với nhau theo hình chữ L. Giường không có nệm mà được trải bằng những miếng thảm len rất dầy, trên giường có mấy chiếc chăn bông kiểu Trung hoa và nhiều chiếc gối vứt ngổn ngang. Tác giả hỏi người đàn bà qua một thông dịch viên tên Chamba.

"Những ai ngủ trong phòng này?"

"Tôi và hai đứa con trai nhỏ."

"Cô con gái của bà ngủ ở đâu?"

"Nó ngủ ở phòng bên cạnh."

"Còn mấy ông chồng của bà?"

"Cũng vậy, họ ngủ ở phòng bên cạnh với con gái chúng tôi."

"Cô bé ấy là con của ông nào?"

"Tôi không biết nữa (cười)... "

"Còn hai đứa con trai?"

"Tôi cũng không biết... Làm sao mà biết được?"

Anh thông dịch viên Chamba xí xô với bà Tsering một hồi rồi giải thích: bà ấy cho biết vì cả ba ông chồng đều sinh hoạt thân mật thường xuyên với bà nên khi có bầu bà không thể biết chắc người nào là cha của cái bầu ấy. Một bà trong đoàn du lịch cười khúc khích phụ họa: ăn chung ở lộn như vậy, nếu là tôi chắc tôi cũng chịu, làm thế nào mà biết đứa nào là con của ông nào! Cuộc đàm thoại thú vị tiếp tục.

"Ba đứa nhỏ xưng hô thế nào với ba ông chồng của bà?"

"Cả ba đứa con của tôi đều phải gọi ông thứ nhất là cha, bởi vì ông là anh cả trong ba anh em."

"Thế hai ông em thì chúng gọi là gì?"

"Là chú, cho dù họ có là cha ruột của chúng đi nữa, bởi vì phong tục là như vậy. Nhưng thật ra chúng đều coi cả ba người là cha của chúng."

...

"Tại sao bà lại lấy cả ba anh em? Ai quyết định điều ấy?"

"Anh em họ quyết định."

"Bà có bị ép buộc không?"

(Đỏ mặt, cười) "Tôi cũng bằng lòng."

"Tại sao cả ba anh em lại muốn lấy một mình bà?"

"Họ muốn bảo vệ điền sản và cả tài sản do cha mẹ để lại."

"Ai làm chủ tài sản ấy?"

"Ông anh cả là người đứng tên đất đai và mọi thứ tài sản. Nhưng tất cả mọi thứ đều thuộc về tất cả mọi người."

...

"Bà có dành ưu tiên cho ai được vào ngủ trong phòng của bà không?"

(Đỏ mặt, cười) "Ai muốn vào với tôi cũng được, nhà của chung mà."

"Họ có bao giờ xích mích vì dành nhau chuyện ấy không?"

"Không, lúc nào hai ông em cũng nhường nhịn ông anh cả."

"Xin lỗi bà, có bao giờ mấy ông chồng dùng vũ lực với bà không?"

"Không, không bao giờ."

"Bà yêu người nào nhất?"

(Cười) " Người nào cũng đối xử tốt với tôi... Ông thứ ba quý mến tôi nhiều nhất!"

Đàn ông hay đàn bà cũng vậy, nhỏ vẫn cứ có giá hơn lớn!

Ngày nay thời vàng son của con số nhiều coi bộ không còn nữa. Đó là những vang bóng một thời mà các ông mỗi lần nghĩ tới cứ tiếc hùi hụi. Nhất là khi giở những trang thơ xưa, ngâm nga những vần điệu của những cụ chỉ sống trước chúng ta chưa đầy hai trăm năm. Như cụ Nguyễn Công Trứ chẳng hạn. Thời đó cụ chẳng những muốn lấy bao nhiêu bà thì lấy, lại còn dõng dạc mần thơ.

Trẻ tạo hóa ngẩn ngơ lắm việc,
Già Nguyệt ông cắc cớ trêu nhau.
Kìa những người mái tuyết đã phau phau,
Run rẩy kẻ tơ đào còn manh mảnh.
Trong trướng gấm ngọn đèn hoa nhấp nhánh,
Nhất tọa lê hoa áp hải đường.
Từ đây là tạc đá, nghi vàng.
Bởi đâu trước lựa tơ chắp chỉ.
Tân nhân dục vấn lang niên kỷ,
Ngũ thập niên tiền nhị thập tam.
Tình đã chung lứa cũng phải vam,
Suốt kim cổ lấy làm phận sự,
Trong trần thế duyên duyên, nợ nợ,
Duyên cũng đành mà nợ cũng đành.
Xưa nay mấy kẻ đa tình,
Lão Trần là một với mình là hai
Càng già, càng dẻo, càng dai!

Ngài hoàng đế Mswati III của nước Swaziland có mang họ Trần không nhỉ? Ông vua 37 tuổi, chỉ bằng nửa cái ngũ thập niên tiền nhị thập tam này vừa chọn vợ một cách ồn ào hơn cụ Nguyễn Công Trứ của chúng ta nhiều. Hơn 50 ngàn trinh nữ từ khắp nước đổ về thủ đô với bộ ngực trần, váy ngắn đính hạt cườm rực rỡ, quấn những chiếc khăn tua rua sặc sỡ đủ màu, một tay ôm bó sậy, một tay cầm dao rựa, diễn hành qua sân vận động hoàng gia, vừa đi vừa hát những bài hát ca ngợi nhà vua. Họ mong được lọt vào mắt xanh của vị vua có quyền chọn thêm vợ bất cứ lúc nào ngài muốn. Ngài chắc cũng mang tên là Nhiều nên dù đã cưới 12 vợ rồi mà cũng vẫn còn muốn... làm phận sự lần thứ 13! Công nương ngực trần nào được vua lựa chọn sẽ được ban cho một cung điện riêng và một chiếc xe BMW sang trọng!

Vị vua thích nhiều nhiều này chắc không phải là đạo hữu Do Thái giáo hoặc Thiên Chúa Giáo vốn vẫn nghiêm cấm con số nhiều. Một vợ một chồng, đó là ý của Thiên Chúa. Đi xa hơn nữa, Chúa còn kết án những người chỉ có ý thích nhiều trong lòng bởi vì đó là ngoại tình trong tư tưởng. Không phải là ngẫu nhiên mà từ "infedility"(không trung thành) lại bắt nguồn từ từ "infidel" có nghĩa là "ngoại đạo"! Từ đó người phản bội cảm thấy mình tội lỗi và người bị phản bội cảm thấy cay đắng. Phần lớn con người ngày nay vẫn cứ cơm nhà quà vợ, lỡ có đi ăn phở thì lấm la lấm lét, nhìn trước nhìn sau. Ăn xong thì chùi miệng bằng giấy Kleenex loại thưởng hảo hạng!

Sống trong cái hộp hôn nhân là một cách sống thông thường, chung thủy cả về mặt xã hội và tình dục. Đó là cách bảo tồn cuộc hôn nhân và những lợi ích đi kèm cũng như để tạo sự công bằng nam nữ trong xã hội. Nhưng sống như vậy không phải dễ. Tính con người vốn tham lam, có một lại muốn hai, có hai lại muốn ba... Nhiều người đã ăn gian bằng cách thực hiện cái mà nhà nghiên cứu Robert White gọi là "chế độ một vợ một chồng luân phiên." Đánh đu giữa hôn nhân và ly dị rồi lại kết hôn và ly dị. Cứ thế mà ít thành nhiều!

Các ông cũng như các bà cứ gươm lạc giữa rừng hoa rồi hoa nở giữa rừng gươm đều đều. Cũng xong! Sự gì xã hội muốn ít mà ta muốn nhiều thì ta cứ chơi chiến thuật du kích tích tiểu thành đại. Ít đấy mà nhiều đấy. Con người quả là tổ sư luồn lách!

09/2005

Website: www.songthao.com

Chủ Đề

Màu Da và Ngôn Ngữ:
Văn Chương Di Dân Việt Trong Bối Cảnh Hoa Kỳ

Thực hiện:

đặng thơ thơ – nguyễn hương

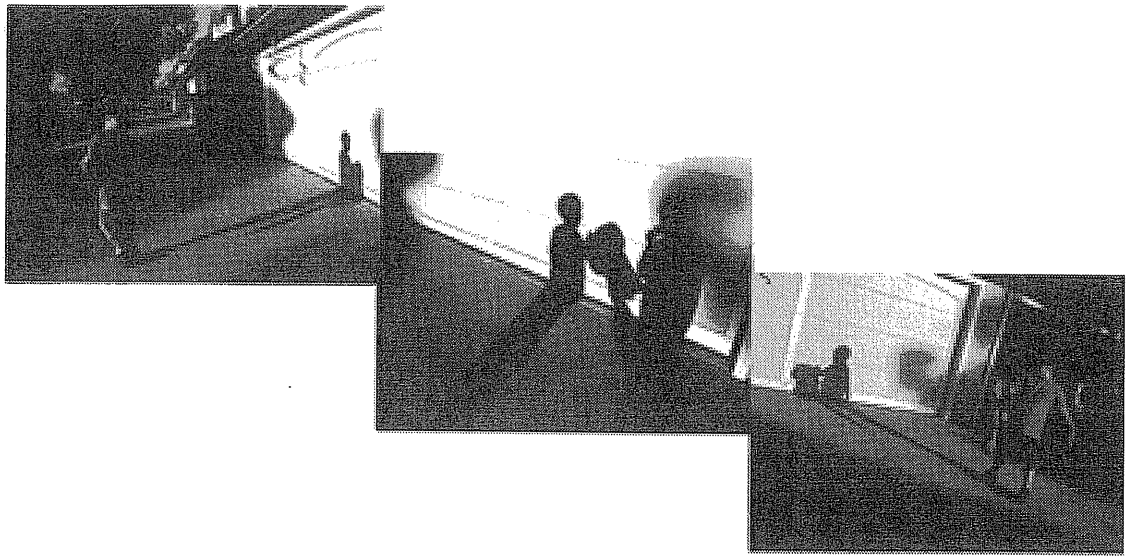

Với sự cộng tác của:

quốc bảo - nguyễn thị hoàng bắc
nguyễn danh bằng - christine cao - nguyễn nguyệt cầm
đỗ lê anh đào - phan nhiên hạo - đỗ kh - jenni trang lê - đinh linh
ban mai - phạm thị ngọc - taylur thu hiền ngô - việt nguyễn - nguyễn thị ngọc nhung
isabelle thuy pelaud - aimee phan - bảo phi - chân phương - thường quán
trần tuệ quân - đinh từ bích thúy – trịnh thanh thủy – lê thị thấm vân

Hình ảnh:

đặng thơ thơ – việt lê – nguyễn hương

Giới Thiệu

Màu Da và Ngôn Ngữ

Văn Chương Di Dân Việt trong bối cảnh Văn Chương Hoa Kỳ và Thế Giới

nguyễn hương

Chúng tôi xin được giới thiệu với độc giả *Thế Kỷ 21* tập hợp chủ đề *Màu Da và Ngôn Ngữ Văn Chương Di Dân Việt trong bối cảnh Văn Chương Hoa Kỳ và Thế Giới* qua đóng góp của 26 người viết và người dịch Việt và gốc Việt. Vì sao nói đến văn chương da màu tại Hoa Kỳ trong lúc này, ở thời điểm bốn thập kỷ sau phong trào tranh đấu dành quyền bình đẳng cho các sắc dân thiểu số, giữa bối cảnh kinh tế toàn cầu của thế kỷ mới? Bối cảnh văn học này liên quan gì đến chúng ta, người viết và người đọc những tác phẩm bằng tiếng Anh và tiếng Việt? Và sau cùng, chúng ta phải đặt vấn đề ngôn ngữ sáng tác (Việt ngữ hay ngôn ngữ sở tại) trong bối cảnh này như thế nào?

Hoa Kỳ: Không gian đa chủng và cô độc

Trong giây phút im lặng ngay sau tai nạn trên xa lộ Los Angeles, nhân vật cảnh sát da đen trong phim *Crash* lẩm bẩm: "Vấn đề là xúc giác." Làm sao để có được cảm giác chạm vào một người khác, bằng đầu ngón tay, bằng thân thể, hay thậm chí bằng khối sắt của chiếc xe. Có người nói nếu Paris là thủ đô của thế kỷ 19, New York là thủ đô của thế kỷ 20, thì Los Angeles là thủ đô của thế kỷ 21. Không phải vì nó chiếu rọi ánh sáng của một nền văn minh mới, mà vì nó chính là hiện thân của những mâu thuẫn thời đại, một cách gay gắt nhất. Ở LA (tên thành phố được viết tắt như một ẩn hiệu), không gian trải rộng, xám nhợt một màu bê tông, sương mù, và thán khí. Ở LA không thấy mấy người, chỉ thấy xe vào ban ngày, và thấy những chấm sáng vào ban đêm. Lái xe trên xa lộ LA, một sinh hoạt chiếm nhiều giờ trong một ngày và quá nhiều ngày trong một đời, dù người lái xe có là người da đen, da vàng, da nâu, hay da trắng, chúng tôi cũng chỉ nhìn thấy ánh đèn đuôi xe trước trong chuỗi những ánh đèn chạy cùng một hướng. Buổi tối, trên xa lộ 105, chúng tôi lái song song hay ngược chiều với chuỗi chấm sáng treo lơ lửng, ánh đèn chớp tắt của dãy phi cơ nối nhau nhiều dặm, chờ hạ cánh xuống phi trường LAX.

LA là nơi cô độc, ở chỗ giáp giới giữa quá nhiều văn hóa, ngôn ngữ, và màu da. Ở đây người ta sống trong thế giới khép kín của họ: nếu không phải trong *barrio*, *the hood*, thì là những khu nhà có tường thành và cổng mở theo mật mã. Giao tiếp giữa người và người, nhất là giữa những nhóm chủng tộc khác nhau và giai cấp khác nhau, xảy ra qua quan hệ của một nền kinh tế thị trường hàng hóa. Một người đàn ông hay đàn bà trung lưu da trắng, hay đôi khi da đen, sẽ gặp một người Việt Nam cắt dũa móng tay cho họ. Áo quần chúng tôi mặc được sản xuất tại Guatamala, Trung Quốc, Việt Nam, Tích Lan, hay ngay cả do những người Việt Nam hay Châu Mỹ Latin làm với giá lương rẻ mạt trong những xưởng may ở LA và các vùng phụ cận. Mang đi giặt ủi thì có thể chúng tôi sẽ gặp một người Việt Nam hay Trung Quốc. Vườn tược, nhà cửa, con cái của giới trung lưu da trắng sẽ do người Châu Mỹ Latin chăm sóc. Thực phẩm của mọi người thì được nuôi trồng bởi những người gốc Mexico, và chế biến trong những nhà hàng của gần hết tất cả những sắc dân trên thế giới. Chúng tôi đi ăn ở các nhà hàng Việt Nam, sẽ gặp người phụ bếp, dọn bàn, rửa chén Châu Mỹ La-tin. Tất cả sống nhờ vào lao động của những người di dân mà đa số là những người biến thành da màu khi đặt chân đến đất này.

LA không khác những đô thị thế giới trong tiến trình kinh tế toàn cầu và hiện tượng di dân, chỉ dữ dội hơn, trong độ cô độc và đa chủng của nó, trong độ thờ ơ và phẫn nộ của nó. Thành phố đã từng và chờ chực bùng cháy, không phải chỉ do những cơn địa chấn. Chúng tôi đã đốt cháy thành phố năm 1965, và một lần nữa năm 1992, vì xung đột màu da.

LA là hình ảnh cô đọng của Hoa Kỳ, phóng về phía trước.

Trong tương quan với những vùng khác trên thế giới, Hoa Kỳ giữ vai trò một loại thủ phủ, với tất cả những mâu thuẫn ngày càng gay gắt của một đô thị như LA. Lịch sử thế giới và tương quan trong

một nền kinh tế toàn cầu đã biến Hoa Kỳ thành vùng đất di dân. Di dân tìm đến đây và nơi này cần họ.

Phong trào dành quyền công dân bình đẳng cho các sắc dân da màu trong thập niên 60 đã đưa đến Luật Di Dân năm 1965, xóa bỏ một số hạn ngạch về sắc dân, màu da, chủng tộc. Kết quả là Hoa Kỳ đã nhận vào đông đảo di dân, gồm cả các sắc dân sẽ biến thành thiểu số da màu trên xứ sở này.

Ngay sau đó, nền kinh tế toàn cầu từ những năm đầu thập niên 70 đã bắt đầu đòi hỏi các thành phần lao động đặc thù và uyển chuyển mà cách tổ chức một xã hội thuần nhất về mặt văn hóa không còn khả năng đáp ứng. Nói một cách khác, nền kinh tế toàn cầu không những cần thêm lao động để hạ giá thành, mà còn cần những người lao động không giống nhau và không bình đẳng. Cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 1973 tiêu biểu trong đợt tăng giá dầu đã biến thành bước rẽ khởi đầu cuộc chạy đua của các doanh nghiệp đi tìm lợi nhuận bằng nhiều cách khác hơn là phương thức sản xuất đồng dạng và đồng loạt giây chuyền kiểu Ford đã được hoàn chỉnh trong mấy thập kỷ trước. Nếu trước đó, các xí nghiệp cần công nhân sống theo đời sống và làm những công đoạn được tiêu chuẩn hóa với số lương và điều kiện làm việc, thì bây giờ những khác biệt về thuế má, luật bảo vệ môi sinh hay môi trường lao động, mức sinh hoạt, giới tính, màu da, chủng tộc, đẳng cấp, văn hóa đều có thể tạo lợi nhuận cho các doanh nghiệp biết cách khai thác những khác biệt ấy.

Kết quả không chỉ là hiện tượng sản xuất tại các nước nghèo hơn, lao động rẻ hơn và đa số là nữ bị bắt buộc phải ngoan ngoãn và khéo tay, mà còn là hiện tượng di dân vào các nước cựu đế quốc như Anh và Pháp, hay những nước thủ phủ khác như Đức, Canada, Úc, và dĩ nhiên, Hoa Kỳ. Chúng ta ai sống hoặc có thân nhân sống ở miền Nam California chẳng hạn sẽ không lạ gì những shop may trả lương tối thiểu mướn đa số là đàn bà Việt Nam và đàn bà Châu Mỹ La Tinh, hay cách tổ chức bỏ đồ may tại nhà. Lao động dĩ nhiên là dân da màu, ít cơ hội hơn vì màu da, ngôn ngữ, văn hóa. Các doanh nghiệp có thể trả lương họ rẻ hơn, mà còn có thể sa thải họ bất cứ lúc nào, mướn làm nhiều ít tùy theo nhu cầu sản xuất và thị trường tiêu thụ.

Dựa vào thành quả của phong trào tranh đấu dân quyền bình đẳng cho da màu từ thập niên 60, nhu cầu của nền kinh tế đang toàn cầu hóa từ đầu thập niên 70 đã biến Hoa Kỳ thành quốc gia thật sự đa chủng, xứ sở của di dân, đất nước của sự bất bình đẳng, cách ly, và cô độc.

Như LA, thay vì *the United States of America*, người ta bây giờ chỉ cần gọi Hoa Kỳ là *the US*, một ẩn hiệu không cội rễ và phi địa lý. *The US* là hiện thân của những mâu thuẫn thời đại, một cách gay gắt nhất. Với tất cả sức mạnh của nó.

Dòng văn chương da màu với những chiến thuật cũ và mới

Trong bối cảnh trên, 40 năm sau bộ Luật Di Dân 1965, và hơn 30 năm sau đợt toàn cầu hóa kéo dài cho đến nay, phải chăng chúng ta bắt đầu thấy hình thành một dòng văn chương da màu mới của những đợt di dân mới, khác với văn chương Mỹ gốc Á (Asian American literature), khác cả với văn chương Da Đen trong truyền thống Harlem Rennaisance của thập niên 20, nhưng đến gần hơn với khuynh hướng hậu thuộc địa và xuyên quốc gia sau này?

Văn chương Mỹ gốc Á, tiêu biểu ở các tác giả như Frank Chin, Maxine Hong Kingston, Carlos Bulosi, Amy Tan v.v., đã được nuôi dưỡng từ trước để trổi lên mạnh mẽ từ phong trào đòi quyền bình đẳng của thập niên 60. Nhưng bình đẳng với ai? Và trong cộng đồng chính trị nào? Là những cây bút có tài, đến từ một lịch sử gần gụi và cay đắng, các tác giả Mỹ gốc Á này trả lời cho người đọc những câu khá rõ nét: chúng tôi viết lại lịch sử nước Mỹ, trong đó có chúng tôi.

Lịch sử Mỹ đã viết chồng lên sức lao động và sự hiện diện của người Mỹ gốc Á, bôi xóa những đóng góp mồ hôi và cơ bắp của cu-li người Hoa cuối thế kỷ 19 trên mấy mươi ngàn dặm đường rày xe lửa dọc ngang xuyên suốt một lục địa; bôi xóa cả những cuộc đời cần kiệm trên nông trại của người di dân gốc Nhật trong những thập kỷ trước Thế Chiến Thứ Hai; bôi xóa cả máu xương người lính Nhật, Hoa, Phi đã đổ trong 2 cuộc thế chiến bảo vệ những biên thùy xa của một cường quốc đang hình thành theo chiều dài của thế kỷ. Bôi xóa công lao của các nhóm người này đến độ khi Hoa Kỳ đánh nhau với Nhật, thì cả công dân Mỹ gốc Nhật cũng không được coi là người Mỹ, trong cộng đồng dân tộc Mỹ, và 1/4 triệu người gốc Nhật bị giam vào trại tập trung trong những vùng sa mạc miền Tây Hoa Kỳ. Những tác phẩm trong dòng văn chương Mỹ gốc Á đồ theo những vết mờ đã xóa, để vẽ lại địa lý, một địa lý thấm đẫm lịch sử, một lịch sử có mặt người Mỹ gốc Á.

Sự hiện diện của họ trong quá trình hình thành cộng đồng dân tộc Mỹ đòi hỏi một lý lẽ đương

nhiên: sự bình đẳng với người da trắng trong cộng đồng dân tộc được định nghĩa bởi người da trắng.

Rất hợp lý.

Nhưng để đòi chỗ đứng trong cộng đồng dân tộc Mỹ, văn chương Mỹ gốc Á đã giữ nguyên vị cái lõi da trắng của cộng đồng này. Mẫu mực dân tộc, trong khuôn khổ của một quốc gia, không suy suyển. Đây là một cộng đồng dân tộc đóng vai một cộng đồng chính trị. Hành động đòi hỏi quyền bình đẳng trong cộng đồng chính trị này chỉ có thể tái tạo lại chỗ đứng của người gốc Á là ngoại nhân, ở ngoài lề, khao khát địa vị trung tâm của người da trắng. Điều độc giả dòng chính mong đợi ở họ là loại truyện kể về truyền thống, văn hóa, lịch sử đặc thù (do đó phải ngoạn mục, đau đớn càng tốt, lấp lánh như vàng mã) của dân họ, như một cách nhận diện các nhóm thiểu số bằng lịch sử đặc thù của da màu được đối chiếu qua những giá trị lẫn cảm tính phổ quát của cốt lõi da trắng. Tất cả những đòi hỏi của người Mỹ gốc Á càng làm rõ hơn khoảng cách từ ngoại biên đến trung tâm, khoảng cách của khát vọng và oán hờn.

Trái với ưu tư thèm khát được công nhận công sức trong cộng đồng dân tộc Mỹ, phong trào Harlem Renaissance của người da đen bắt đầu quan tâm đến nguồn gốc Phi Châu và da đen tính của họ để viết lại một lịch sử dài hơn lịch sử Hoa Kỳ và vẽ lại một địa lý rộng hơn nước Mỹ. Bị tình phụ, cô tớ gái da đen Docia trong *Cái Chết Đen* của Zora Neale Hurston đi tìm cách trả thù và chợt thấy: "ba trăm năm nước Mỹ tan như sương sớm. Châu Phi vươn cánh tay đen đòi lại đứa con của nó." Phong trào này đánh dấu một bùng nổ trong tâm thức và văn chương. Sức sáng tạo của họ được tiêu biểu qua các tác giả như Zora Neale Hurston, Countee Cullen, Langston Hughes. . . . Nếu cuộc tìm kiếm cội nguồn Phi Châu của phong trào này không khác xa loại tìm về hào quang Thủy Hử ở Frank Chin (quả tình chỗ đứng của người gốc Á tại Mỹ không vượt qua một loại thủy hử—bìa nước), thì phong trào Harlem với cái nhìn về da đen tính đã dự báo tư tưởng *négritude* xuyên quốc gia trong thời thuộc địa và hậu thuộc địa bắt đầu ở thập niên 30 (xin xem bài của Christine Cao trong số này), và tư tưởng Đại Tây Dương Đen (Black Atlantic) thời hậu thuộc địa cuối thế kỷ 20.

Chỗ khác biệt với dòng văn chương Mỹ gốc Á và tư tưởng đi kèm là văn chương da đen gồm cả những tác phẩm như của Ralph Ellison, Richard Wright hay James Balwin không mang cùng mặc cảm ngoại nhân của người gốc Á, và mức độ phẫn nộ về lịch sử nô lệ phá tan khoảng cách khao khát giữa ngoại biên và trung tâm trong một cộng đồng quốc gia. Cũng chính lịch sử nô lệ và đường dây mua bán nô lệ trải dài theo lịch sử và địa lý đế quốc đã đẩy một phần của dòng văn chương da đen đến gần tâm thức nhuốm hơi hướm hậu thuộc địa và xuyên quốc gia tương tự như *négritude* của Aimé Césaire, L. Senghor hay Black Atlantic của Paul Gilroy sau này.

Vậy dòng văn chương da-màu-mới này thừa hưởng hay quay lưng lại những dòng văn chương Mỹ gốc Á, văn chương Mỹ gốc Phi Châu, hay cả Mỹ gốc Mễ Tây Cơ/Châu Mỹ Latin trước đó? Và văn chương bằng tiếng Anh và tiếng Việt của các tác giả gốc Việt nằm đâu trong tương quan lịch sử văn học Hoa Kỳ và bối cảnh kinh tế chính trị tại Mỹ và trên thế giới?

Để bắt đầu suy nghĩ về những câu hỏi này, chúng tôi mời các bạn đọc bản dịch 2 tác phẩm khá tiêu biểu cho dòng văn chương da-màu-mới trong bối cảnh đương đại. Truyện *Bẫy* của Edwidge Danticat, một tác giả nữ da đen gốc Haiti, mở đầu với câu "Một tháng nữa sẽ đúng 7 năm tròn từ ngày anh quen vợ anh" và tâm trạng của người đàn ông Haiti di dân chuẩn bị đón người vợ được bảo lãnh sang định cư cùng mình tại New York. Ở Mỹ, họ đã phải đối diện với biến cố Patrick Dorismond, một người lai Haiti bị cảnh sát New York bắn chết, vì anh ta mang màu da đen. Da đen tính trong bối cảnh hậu thuộc địa ở Haiti được chuyển sang bối cảnh tương quan màu da ở một đô thị Hoa Kỳ. Ký ức trong thứ tiếng Pháp lai (créole) được kể bằng Anh ngữ, và đến với chúng ta bằng giọng văn dịch tinh tế của Trịnh Thanh Thủy. Hai đợt chuyển ngữ, từ ký ức créole rắc vào Anh ngữ vàtừ tiếng Anh chuyển sang Việt ngữ, lồng vào nhau như 2 lần giấy mỏng chồng lên nhau, những đường nét của bản trước ẩn hiện trong bản sau, lẫn bản sao.

Truyện ngắn *Lục Địa Thứ Ba và Cuối Cùng* của Jhumpa Lahiri nằm trong tập truyện ngắn *Interpreter of Maladies* đã được giải Pulitzer. Cũng là truyện người đàn ông di dân ở Massachussetts bảo lãnh vợ sang, lần này thì từ Bengal bên Ấn, cô Lahiri đã dẫn người đọc theo suốt cuộc hành trình không chỉ từ Nam Á, sang TâyÂu, sang Bắc Mỹ - lục địa cuối cùng - mà còn theo chân gã di dân qua mỗi dặm đường: "Tôi không phải là kẻ duy nhất đi tìm kho tàng ở chốn xa xăm, và dĩ nhiên không phải là người đầu tiên. Dù thế, có nhiều lúc tôi đã ngẩn ngơ trước mỗi dặm đường tôi đã từng đi, mỗi bữa ăn tôi đã từng ăn, mỗi một người tôi đã từng

quen, mỗi buổng tôi đã từng ngủ. Dù tất cả đều xem như tầm thường, có những lúc chúng như nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi." Bản dịch của Phạm Thị Ngọc giữ lại một số dấu vết của nguyên tác như những đứa trẻ sợ mất đường về phải rắc vụn bánh mì đánh dấu cuộc hành trình từ tiếng Anh sang tiếng Việt, từ lục địa này sang lục địa khác, kỳ diệu như chuyến du hành đến mặt trăng trong câu truyện.

Trở lại câu hỏi dòng văn chương da-màu-mới hôm nay khác thế nào với dòng văn thiểu số (ethnic) có rễ lâu đời hơn như văn chương Mỹ gốc Á. Đời sống di dân đầy những chuyến vượt qua đi về ngang dọc rất hiện thực, không phải một chiều để hồi ức không tưởng về quê hương. Dòng văn chương da-màu-mới, trong bối cảnh di dân đương đại ít than vãn hơn, ít dùng những hồi ức không tưởng về truyền thống lịch sử họ để đòi chỗ đứng xứng đáng gần trung tâm hơn trong cộng đồng dân tộc Mỹ. Những mô tả về những người ở quê hương không nằm trong quá khứ mà thường là những tiến trình đang xảy ra, vì những quan hệ xuyên quốc gia vẫn tiếp diễn, nếu không muốn nói chúng đã biến thành kinh nghiệm phổ quát của đa số con người trên mặt đất ở thế kỷ chúng ta. Cốt lõi da trắng, cái tâm điểm lý tưởng, cái đích của người da màu nhìn từ bên lề hình như cũng mờ nhạt hay bị lệch đi. Bài học của người đàn bà da trắng 103 tuổi, cư dân lâu đời ở vùng New England trong truyện *Lục Địa Thứ Ba,* dạy gã di dân về thành tựu tuyệt diệu của nước Mỹ ở chuyến đổ bộ cắm cờ trên mặt trăng lại chính là bài học không tưởng, vì gã di dân đã phải dấu bà sự kiện lá cờ Hoa Kỳ đã được gỡ đi. Dòng văn chương da màu mới không là chuyến đi từ ngoài lề vào trung tâm của cộng đồng dân tộc Mỹ, mà là dòng văn chương *itinerant*, đi về theo gót di dân.

Chính vì những chuyến vượt biên không một chiều đi đi về về đó mà dòng văn chương mới này mang tính xuyên quốc gia, đến gần hơn với dòng văn chương hậu thuộc địa/hậu đế quốc như ta thấy ở Salman Rushdie hay Hanif Kureishi trong văn chương Anh. Tính hậu thuộc địa bắt đầu lấn tính thiểu số trong dòng văn chương da màu mới. Tâm thức hậu thuộc địa cho thấy rõ nét hơn lịch sử của tương quan quyền lực mà không bị khuôn mẫu dân dộc chủ nghĩa bao trùm và làm mờ mắt. Dân tộc chủ nghĩa được đặt vào đúng chỗ của nó trong quá trình chinh phục của đế quốc. Cũng chính trong cái nhìn mới này mà những tiếng nói bản địa bỗng dưng mang giọng khác. Văn phong, truyện kể của tác giả người Mỹ bản xứ (mà ta thường gọi là 'da đỏ') Sherman Alexie bỗng dưng không khác mấy với mỹ quan hậu thuộc địa, một thứ mỹ quan chân đi, lưu mà không lạc, *itinerant*. Dòng văn mới, trong bối cảnh di dân mới, không sợ nhãn hiệu lưu dân *sojourner* của những thế hệ trước. Bài phân tích của Thường Quán trong số này về tâm thức nghệ thuật thổ dân thế hệ mới trên 2 lục địa Úc và Mỹ làm ta phải suy nghĩ về chiến thuật vừa giống dân thuộc địa cũ vừa thích nghi hơn với thế giới hiện toàn cầu nhưng phân mảnh (thể hiện trong bối cảnh đa chủng nhưng cách ly và cô độc như ta đã nói đến về Hoa Kỳ). Trong chiến thuật này, người thổ dân Úc "mưu cầu bản sắc" trong thổ dân tính, trong cả da đen tính của họ, như Sherman Alexie đòi hỏi một bản sắc da đỏ, rất cần thiết nếu ta muốn có được câu trả lời trắng đen cho câu hỏi "có hay không có sự bình đẳng?" Vấn đề đáng nghiệm là họ không ngừng ở bản sắc đen hay đỏ (ở thời chống thực dân tại các thuộc địa thì nó là chủ nghĩa dân tộc), mà lại lập tức đập tan chính bản sắc thổ dân đó ra thành những mảnh vỡ. Có nghĩa là cùng lúc đập tan cả bản sắc của kẻ cai trị, phá vỡ cặp nhị nguyên lịch sử đặc thù của dân bị trị ở ngoại vi và tính phổ quát của kẻ cai trị ở trung tâm. Theo Thường Quán, mỹ quan của họ là thứ mỹ quan vừa phải mưu cầu bản sắc, vừa phải vỡ mảnh, lưu động, giữa một thế giới "không tâm điểm, mất hệ trục."

Văn Chương Di Dân Việt

Còn những tác phẩm của người viết gốc Việt có mối tương quan như thế nào với dòng văn chương da-màu-mới? Chúng tôi xin mời bạn đọc thưởng nghiệm 3 tác phẩm bằng Anh ngữ của các tác giả gốc Việt: Đinh Linh, Aimee Phan, và Việt Nguyễn.

Hai Nhà Trí Thức trong truyện cùng tựa của Đinh Linh không mang dấu ấn của màu da hay sắc tộc, ngay cả trong bản dịch Việt ngữ sắc cạnh của Phan Nhiên Hạo. Hai nhân vật chỉ mang dấu ấn của tội ác. Isabelle Pelaud, qua bản dịch của Chân Phương, cho rằng những truyện ngắn của Đinh Linh trong tuyển tập *Fake House* đảo ngược những mong đợi của thị trường và độc giả giòng chính về những câu chuyện kể của người Việt lưu vong trở về xứ sở. Như thế, có phải những nhân vật ở trung tâm những câu truyện của Đinh Linh gồm Việt tại Việt Nam, Việt tại Mỹ, và cả những nhân vật da trắng nghèo, giang hồ, tội phạm, xấu xí, ngoài lề cho ta thấy một khoảng không gian đa dạng, làm mất ổn định quan hệ giữa lề và trung tâm mà chúng ta vẫn thấy trong dòng văn chương

Mỹ gốc Á?

Ta Không Bao Giờ Nên Gặp Nhau của Aimee Phan, qua giọng văn dịch rất phù hợp với đời thường như kể chuyện của Trần Tuệ Quân, cho ta thấy những khát vọng trong thế giới của những nhân vật lai, bụi đời, băng đảng. Nhân vật Kim không khát khao trung tâm da trắng để đi tìm người cha Mỹ, mà lại đi tìm hình ảnh người Mẹ Việt của cô ta, một lựa chọn tai ương. Như thế thì lối kể truyện này mang ta đến gần với thế giới đa dạng ngoài lề như Pelaud đã nhìn thấy ở Đinh Linh hay đáp ứng mong chờ của đọc giả về loại nhân vật băng đảng gốc Á Châu?

Trong truyện *Một Cuộc Sống Đứng Đắn* của Việt Nguyễn qua bản dịch vừa chuẩn vừa truyền cảm của Nguyễn Nguyệt Cầm, người đàn ông trẻ tị nạn Việt Nam được 2 người đàn ông bảo lãnh. Nhưng cả 2 người bảo lãnh đều không thể là mẫu người trong dòng chính của xã hội Mỹ. Địa lý, lịch sử, và cả tính dục của căn cước người đàn ông tị nạn biến thành phức tạp hơn là nếu anh ta chỉ thèm khát một hình ảnh người Mỹ được xem là lý tưởng đứng gác cổng cho cộng đồng dân tộc da trắng. Nếu truyện này đồ theo một số hoa văn quen thuộc của dòng văn chương Mỹ gốc Á, thì có phải chăng nó cũng đồng lúc phá vỡ khuôn mẫu nhị nguyên ngoại biên và trung tâm trong dòng văn chương này?

Đó là những sáng tác bằng tiếng Anh. Còn sáng tác bằng tiếng Việt? Chúng tôi hân hạnh mời bạn đọc tác phẩm của 4 tác giả quen thuộc Phạm Thị Ngọc, Nguyễn Danh Bằng, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, và Nguyễn Thị Ngọc Nhung.

Khoảng cách giữa ngoại biên và trung tâm là một khoảng cách văn hóa, xã hội, chính trị, thể hiện lên màu da của thân thể. Nhưng thế giới trung tâm da trắng có thoát được định mệnh chung? Sau thời gian dài bặt tin, Judith, cô bạn da trắng từ thời vị thành niên những năm đầu Yến đến nước Mỹ trong truyện *Bạn* của Phạm Thị Ngọc, gửi đến Yến bản thông điệp từ trung tâm thế giới 'toàn trắng,' trắng như những dải đất thấp đóng muối ở Utah. Cũng cảm giác lạc lõng, cũng sự phân rã của thể xác. Mất mát. Không khác thế giới tị nạn ngoài lề.

Vậy ra kinh nghiệm đặc thù của những kẻ đứng ở ngoại biên chính là điều kiện phổ quát của con người thời đại. Ngoại biên chính là cốt lõi. Nhị nguyên tan biến. Tất cả lịch sử đều là lịch sử đặc thù. Mọi cảm tính đều phổ quát.

Chẳng thế mà Adrienne Rich, một nhà thơ đồng tính da trắng đã từng than vãn như di dân chúng ta than vãn:

Và ở xứ sở kia
của những chọn lựa bởi kẻ khác
xứ sở mà tôi đã không hề lựa chọn
xứ sở của những chuyến đi về khủng khiếp
xứ sở mà địa đồ tôi mang theo ở lòng bàn tay
những cánh rừng đang cháy: lịch sử đang cháy.
("Turning," *Time's Power*)

Mọi đất nước đều xa lạ. Như định mệnh.

Ngay cả xứ sở của ký ức. Khai quật, chúng ta sẽ tìm thấy gì ở vùng đất của ký ức? *Nhà Cũ* chăng như tựa truyện của Nguyễn Danh Bằng? Người kể truyện tìm thấy gì dưới lòng đất? Địa đạo ở di chỉ khảo cổ của Nguyễn Danh Bằng giữ người đọc lại không phải bằng kỷ vật hay cổ vật - thứ vàng mã lấp lánh người ta hay dùng để đánh tráo sự trải nghiệm một lịch sử đặc thù - mà bằng sức thôi miên của động tác khai quật, phổ quát và bao trùm trong tính phúng dụ của nó.

Đinh Từ Bích Thúy trong số này cho rằng kinh nghiệm di dân là kinh nghiệm chung của cộng đồng Mỹ nên cô quả quyết văn chương của chúng tôi - người Mỹ gốc Á, người di dân, người da màu, người hai văn hóa hai thứ tiếng, người của những "vùng đất hoang"—chính là văn chương chảy trong dòng chính với "sứ mệnh khai phá" của nó, và đã chảy như thế từ thời lập quốc, qua những cánh đồng đêm tối giữa nền cộng hòa của Gatsby, qua *Thanh Âm và Cuồng Nộ*, ngang *Kẻ Vô Hình*, qua thửa lúa mạch của Holden Caulfield, xuyên suốt đến giữa cuộc hôn nhân hiệp chủng của vợ chồng họ Hull, trong những món ăn của gã đầu bếp Việt trong *Sách Muối* của Monique Thùy Dung Trương, và chảy cuốn theo cả lời than của người viết bằng Việt ngữ như bà Hồng Khắc Kim Mai không có tiền thuê người dịch tác phẩm sang Anh ngữ.

Màu Da của Ngôn Ngữ

Ngôn ngữ. Trong những luận bàn hết giấy hết mực của học giả, của nhà phê bình, ít ai quan tâm đến ngôn ngữ, nhất là trong ngành Á Mỹ Học (Asian American Studies). Có quan tâm đến vấn đề ngôn ngữ chăng là trong nghành học hậu thuộc địa, nhưng lại nằm ngoài bối cảnh của dân thiểu số tại Mỹ. Trong khuôn khổ văn học Mỹ, không ai thách thức sự kiện văn học Mỹ sao không bao gồm văn chương bằng tiếng Việt hay bất cứ thứ tiếng nào khác viết trên đất Mỹ như Christine Cao đã hỏi trong số này. Họ không quan tâm có phải vì họ không thấy ngôi vị độc tôn của Anh ngữ là một nan đề?

Nhưng chúng ta, người viết và người đọc gốc Việt, hình như không có cái xa xỉ đó. Chúng tôi

nghĩ đây là một vấn đề then chốt khi chúng ta nói về vị trí ngoại vi hay trung tâm, bị trị hay cai trị, đặc thù hay phổ quát, hồi ức và bôi xóa, ngay khi chúng ta nói về sự hóa giải những cặp nhị nguyên này trong văn chương, với những đòi hỏi thẩm mỹ và cảm quan của nó. Vì thế, đặc biệt trong số này, chúng tôi đã thực hiện phần phỏng vấn 10 người viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh, Việt và gốc Việt về vấn đề chọn lựa ngôn ngữ viết: Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Phan Nhiên Hạo, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Nguyễn Danh Bằng, Đỗ Khiêm, Trịnh Thanh Thủy, Đinh Linh, Việt Nguyễn, Đỗ Lê Anhdao, và sau cùng, Ban Mai, một người viết trong nước nhìn về văn chương di dân gốc Việt bằng tiếng Việt và tiếng nước sở tại. Ban Mai nhắc nhở chúng ta không thể quẳng nước Việt Nam, người Việt Nam vào quá khứ, như Nguyễn Quốc Chánh phải kêu lên từ Sài Gòn: "Tao là đứa bé nghẻo trên lưng Linda Lê" khi nhà văn di dân viết tiếng Pháp này trả lời phỏng vấn rằng cô mang trên mình nước Việt Nam như một đứa bé đã chết. Còn tiếng Việt? Chúng ta có thể quẳng tiếng Việt và văn chương tiếng Việt vào quá khứ trong bối cảnh di dân? Những câu trả lời phỏng vấn phản ánh vị trí và nét đa dạng của tất cả chúng ta. Ngoài ra, nhiều bài nhận định trong số này cũng xoay quanh vấn đề ngôn ngữ trong văn chương da màu gốc Việt.

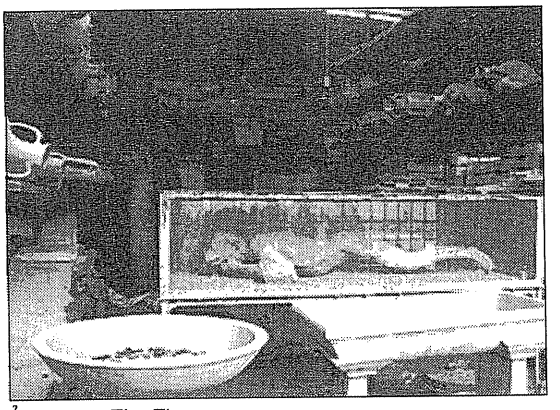
Ảnh Đặng Thơ Thơ

Có nhiều người trong chúng ta ở thế hệ mà cả hai thứ tiếng bám vào chúng ta như hai thứ tóc. Lúc nào thì chúng ta viết và đọc tiếng Anh, lúc nào tiếng Việt, với những hệ quả nào? Có thể chăng chúng ta theo chân nhân vật trong truyện cực ngắn của Nguyễn Thị Hoàng Bắc "qua sông đổi ngựa qua vựa đổi trâu," "bông rua Diêm Vương, cười hỏi How are you?" Nhân vật của Hoàng Bắc không mất gì trong cuộc qua sông, ngoài "đau kịch liệt một tháng, đầu hàng một giây, nặng nhẹ ăn thua mẹ gì?" Còn chúng ta?

Đinh Từ Bích Thúy cho rằng khả năng song ngữ là một lợi điểm, cho phép những người viết song ngữ "chất vấn bất cứ mọi ngôn ngữ và lối nhìn hà khắc.... Dạng chân qua hai dòng văn hóa, chúng tôi không phải là thành viên của một Lost Generation, mà là hiện tại và tương lai của nền văn học xuyên văn hóa, xuyên màu da." Đinh Linh, thành viên trong thế hệ song ngữ, hẳn đồng ý với tuyên ngôn vừa thơ mộng vừa quả quyết của Đinh Từ Bích Thúy khi anh trả lời phỏng vấn: "Thật sự thì tôi là hai nhà văn, một Mỹ, một Việt. Tôi viết bằng tiếng Việt vì tôi gắn bó với số mệnh của nước Việt. Tôi viết bằng tiếng Anh vì tôi gắn bó với số mệnh của nước Mỹ."

Căn cước đôi còn thể hiện trong một loại vận dụng tiếng Việt mới mà điển hình là những bài thơ bằng tiếng Anh lai Việt trong số này. Bên cạnh những khai phá ngôn ngữ thi ca trong các bài thơ nguyên tác và thơ dịch của Lê Thị Thấm Vân, Phan Nhiên Hạo, Trịnh Thanh Thủy, chúng ta còn có Jenni Trang Lê, Bảo Phi, Đỗ Lê Anhdao, Quốc Bảo, Taylur Thu Hiền Ngô là những nhà thơ đang khai phá vùng đất của một loại ngôn ngữ nước đôi. Thơ của họ là thơ để nói, để hét, để trình diễn. Những âm điệu tiếng Anh, lẫn với tiếng Việt chẳng những không làm cho thơ họ khó hiểu mà còn tạo ra một cách hiểu khác cho người nghe. Nó khuyến khích người nghe vận dụng cảm quan xuyên ngôn ngữ, giữa những ngôn ngữ. Có vài bạn đọc đã từng phàn nàn rằng đây là thứ tiếng Việt bị lai căng. Chúng tôi mong các bạn nhìn một cách khác: rằng các nhà thơ trẻ đang quăng molotov cocktails vào tiếng Anh. Những từ vựng, thanh âm tiếng Việt phựt cháy trên mặt phẳng của Anh ngữ, chất vấn địa vị độc tôn của nó, chất vấn cả độc quyền sở hữu Anh ngữ. Nếu tiếng Anh là thứ tiếng bá quyền vì lịch sử thực dân, vì đồng tiền của kinh tế toàn cầu, nếu tiếng Anh là thứ tiếng áp đặt bởi cốt lõi *Anglo* da trắng lên những nhóm người bị trị thổ dân hay di dân, thì chúng ta cũng có thể chiếm hữu nó làm tài sản của chúng ta. Tiếng Anh không chỉ thuộc về người Anh, người Mỹ mà còn thuộc về các nhóm người có những truyền thống ngôn ngữ khác, ngay trong lòng thế giới Anh ngữ. Kết quả có phải chăng là một thứ créole, một ngôn ngữ mới, như Christine Cao dự đoán?

Nhưng trong số chúng ta cũng có người chỉ có

thể viết và đọc bằng duy nhất một thứ tiếng Việt hay Anh, vì lịch sử, vì hoàn cảnh, vì tuổi tác. Như thế ngôn ngữ nhiều khi như định mệnh thay vì một chọn lựa có tính cách đạo đức, chính trị hay văn hóa như Việt Nguyễn đã trả lời phỏng vấn. Việt Nguyễn và Christine Cao, trong bài *Tại Sao Viết Tiếng Việt* của cô, đồng ý rằng viết bằng tiếng Anh, không phải là một hiện tượng mất gốc, hay bị giới hạn trong những chiến thuật thách đố lại dòng chính. Chẳng những thế, Việt Nguyễn đã rất thuyết phục khi anh viết: "Không có thế hệ sinh ra tại Mỹ hay lớn lên ở đây như Monique Truong, le thi diem thuy, Aimee Phan, Kien Nguyen, và những người khác nữa, thì tiếng nói của cộng đồng di dân Việt Nam sẽ bị giới hạn trầm trọng, không phải trong khả năng nói mà trong khả năng được nghe." Xác đáng.

Xác đáng đến phũ phàng. Thực tế là chúng ta sống trong một cộng đồng dân tộc áp đặt Anh ngữ lên những thành viên của nó. Rộng hơn, sống trong thế giới hôm nay, di sản của thực dân và sản phẩm của nền kinh tế toàn cầu, mấy ai thoát khỏi Anh, Pháp, Tây Ban Nha ngữ? Vậy trước hết, chúng ta hãy nói đến đế quốc của Anh ngữ mà trong lãnh thổ của nó, tất cả mọi thứ tiếng khác đều biến thành tiếng ồn, một thứ tạp âm, không phải tiếng người, nên để ngoài tai. Chúng ta viết bằng tiếng Việt không ai hiểu đã đành, chúng ta viết bằng tiếng Anh thì độc giả dòng chính hiểu như thế nào, và thị trường văn học mua bán sản phẩm văn hóa của chúng ta như thế nào?

Văn chương Mỹ hay xem trọng tính trung thực, một loại hiện thực chủ nghĩa dựa lên kinh nghiệm sống của tác giả. Tốt lắm. Nhất là khi tác giả muốn làm một loại chứng nhân cho thời đại hay lịch sử của họ. Nhưng với các tác giả da màu thiểu số thì áp lực này có nguy cơ biến tác phẩm họ thành một thực thể khác. Những điều họ viết *thường* được độc giả và thị trường văn chương dòng chính xem như tiêu biểu cho văn hóa và lịch sử đặc thù của dân họ như Isabelle Thuy Pelaud nhắc nhở chúng ta trong số này. Tệ hơn nữa, thỉnh thoảng chúng ta còn thấy vài tác phẩm bằng Anh ngữ lấp lánh hào quang món đồ lưu niệm *exotic*, hay vàng mã, dùng để tiêu biểu cho văn hóa đặc thù và lịch sử đau đớn của dân họ, những người đã phải sống những biến cố lịch sử đó. Khi mô tả người dân họ bằng Anh Ngữ, theo thị hiếu của độc giả và thị trường dòng chính, đôi khi, một vài tác giả gốc Việt (đôi khi và một vài thôi, vì đa số các tác giả viết bằng tiếng Anh là những người tài năng và hiểu biết) đã vô hình chung *nói thay* dân mình, trong một ngôn ngữ khác.

Mình không nói cho dân mình thì để ai nói đây? Đúng. Đương nhiên chúng ta hết lòng ủng hộ những người viết về người Việt và người Việt di dân bằng tiếng Anh hay tiếng nước sở tại khác. Nhưng người viết chúng ta đĩ nhiên nên cẩn thận khi văn bản của ta dễ bị dòng chính xem như đại diện cho tính đặc thù của dân mình, có nghĩa là mãi mãi đặc thù trong thế giới phổ quát của dòng chính, trong cách hiểu bao trùm của kẻ cai trị. Nhất là trong một ngôn ngữ khác. Kỳ lạ thay, một văn bản viết bằng tiếng Anh của cốt lõi da trắng lại không trắng da trong hệ thống tín hiệu của tương quan màu da và quyền lực. Cũng không phải lớp da màu của tác giả sẽ tất nhiên biến những điều họ viết thành văn bản chống lại màu da trắng của Anh ngữ. Ngôn ngữ mang theo nó tư duy về thế giới, về lịch sử, về vị trí trong tương quan quyền lực. Và cả ký ức. Ngũgĩ wa Thiong'o, nhà văn Kenya hậu thuộc địa xử dụng thứ tiếng cả 5 triệu người dùng mà chúng ta ít ai nghe đến—Gikuyu, đã cảnh cáo cách bôi xóa ký ức lịch sử của một nhóm người dễ nhất là áp đặt một thứ tiếng khác. Nó dễ dàng biến thành hành động viết chồng, nuốt chửng sự hiện diện và lịch sử của kẻ khác chính bằng hành động nói lên tính đặc thù của nền văn hóa hay lịch sử của nhóm bị trị.

Đương nhiên văn chương, mỗi văn bản, mỗi tác giả là một thế giới phức tạp. Christine Cao trong số này cũng cảnh cáo chúng ta không nên để chính trị giản lược hóa nghệ thuật. Các vận dụng ngôn ngữ, ẩn dụ, mỹ quan, và cả diễn giải đều đa dạng trong những bối cảnh xã hội của chúng. Văn chương nó buồn cười và kỳ kiệu thế, như các tác phẩm của Đinh Linh, Aimee Phan, và Việt Nguyễn cho thấy trong số này. Cả cuộc đời nữa, buồn cười và kỳ diệu. André Schwartz-Bart, tác giả Do Thái Pháp da trắng có lần nói giùm nhân vật tình nhân da đen của Solitude, cô gái nô lệ lai Pháp cầm quân nổi loạn trên đảo thuộc địa Guadeloupe bị xử tử năm 1802, rằng tâm thức của người da trắng là một thế giới huyền bí, "tất cả những ai bước vào đều thất lạc; họ biến thành những chiếc bóng, con múa rối trong cuộc chiêm bao của người da trắng. Họ ngừng hiện hữu, như thể họ chưa từng hiện hữu" (*La mulâtresse Solitude*). Hay Paul Celan, viết sau những kinh nghiệm Do Thái trong trại diệt chủng, bằng tiếng Đức:

Nhưng những gì đến gần ta, duy nhất,
trở thành ngôn ngữ vĩ đại của những âm tiết,
và chiếc bao tải chứa hạt hạnh nhân
nổi sấm

nở hoa.
(*Force of Light*)

Những tương quan quyền lực và nghệ thuật chằng chịt lắm, không thể giản đơn hóa thành công thức chính trị. Chúng ta chắc chắn nên để mở mọi cánh cửa cho người sáng tác bằng tiếng Anh. Và cổ võ họ.

Nhưng chúng ta cũng nên để mở mọi cánh cửa cho người sáng tác bằng tiếng Việt. Vì ngoài thực tế phũ phàng về địa vị bá quyền của Anh ngữ ra, chúng ta còn có, hay *có thể* tạo ra, những thực tế khác. Hay đúng hơn, ta có thể đục khoét những lối thoát ra ngoài cuộc chiêm bao của người da trắng mà Lawrence of Arabia từng gọi là những cơn mơ ngày. Vì chúng ta hiện hữu.

Dù không thoát ly được như những giấc mơ (lại mơ) cách mạng giải phóng từ rạng đông thời hiện đại ở thế kỷ 18, nhưng chúng ta có thể đi đi về về thế giới chiêm bao của người da trắng như những chuyến đi về xuyên quốc gia của di dân. Chúng ta có thể vẫn mang căn cước *ethnic* thiểu số, vì chúng ta là sản phẩm của lịch sử dân tộc Mỹ, và để đòi bình đẳng trong lịch sử đó; nhưng đồng thời chúng ta vẫn có thể đi về những thế giới khác tự tạo, như thổ dân của Thường Quán. Đây không phải là điều bất khả.

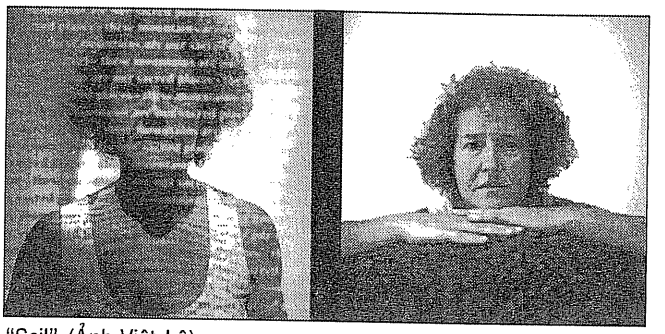
"Soil" (Ảnh Việt Lê)

Đi về đòi hỏi điều kiện kinh tế, đường bay, và kỹ thuật viễn thông. Nhưng trong văn chương điều đó còn đòi hỏi những công trình dịch thuật. Christine Cao, theo Rushdie (và cả Walter Benjamin), bảo dịch không chỉ là mất mát chồng lên mất mát, mà chúng ta còn được nhiều thứ ở những đường ngang dọc xuyên ngôn ngữ (hay qua một thứ ngôn ngữ siêu ngôn ngữ như Benjamin hy vọng?). Dịch thuật là nhu cầu tuyệt đối. Không có Trịnh Thanh Thủy, Phạm Thị Ngọc, Phan Nhiên Hạo, Trần Tuệ Quân, Nguyễn Nguyệt Cầm, Đỗ Lê Anhdao, Lê Thị Thấm Vân và Chân Phương đã làm công việc hết sức khó khăn là dịch thuật, thì chúng ta đã không thể có cuộc trao đổi trò chuyện trong tập họp này, những vấn đề màu da và ngôn ngữ đã không thể bàn thảo. Đó là chưa kể những điều các dịch giả này đã cho ta nhìn thấy, ở giữa những ngôn ngữ, xuyên ngôn ngữ, siêu ngôn ngữ.

Đỗ Kh trong bài phiếm luận về văn chương thế giới và ngôn ngữ đã phàn nàn rằng chúng ta chỉ có những tương quan hàng dọc, giữa những vùng thủ phủ da trắng ban phát giá trị văn chương và các vùng thiểu số hay nhược tiểu, mà không có những tương quan hàng ngang giữa các nền văn chương và các thứ tiếng không bá quyền. Có lẽ vì thế mà chúng ta không nghe đến ngôn ngữ Gikuyu của Ngũgĩ wa Thiong'o và công trình khuyến khích dịch các tác phẩm Phi Châu sang các tiếng Phi Châu khác, không thông qua tiếng Anh hay Pháp . Nguyễn Thị Ngọc Nhung qua *Lần Gặp Cuối* cho ta thấy khó khăn của quan hệ cá nhân hàng ngang giữa những nhóm thiểu số tại Mỹ. Chúng ta phải xử dụng tiếng Anh với nhau đã đành, chúng ta còn đứng cùng vị trí thấp kém trong tâm thức người da trắng, cho dù chúng ta rất khác nhau về lịch sử và tập quán.

Dịch thuật là phương tiện đi về, đường dọc và đường ngang. Còn thế giới tự tạo để chúng ta có chỗ đi về? Christine Cao nhắc đến sự hiện diện của đài radio, truyền hình, báo chí Việt ngữ nhan nhản trong cộng đồng Việt trên đất Mỹ. Chúng ta không chỉ là người nói tiếng Việt trên đài, viết tiếng Việt trên báo, mà chúng ta còn là người nghe người đọc tiếng Việt. Chúng ta chỉ bị giới hạn trầm trọng về khả năng được nghe nếu chúng ta chỉ kể cộng đồng nói tiếng Anh và quên kể đến chính chúng ta trong một cộng đồng nói tiếng Việt trên khắp thế giới, không giới hạn biên giới quốc gia.

Tại sao chúng ta không đẩy mạnh hướng tiến của một dòng văn chương tiếng Việt trên khắp thế giới? Nó có thể đẩy văn chương ra khỏi sức đè của mô hình dân tộc tại Việt Nam từ lâu bị giam cầm trong rào cản của chủ nghĩa dân tộc và mưu đồ của những tập đoàn cai trị. Một dòng văn chương như thế không cạnh tranh với dòng văn chương Anh hay Pháp ngữ của các tác giả gốc Việt, mà nó song hành, có thể làm chỗ đi về cho nhau. Dĩ nhiên chúng ta phải thúc đẩy những giao tiếp, đối thoại, đào những con kinh thông nhau giữa 2 dòng văn chương này bằng những nỗ lực chung như thế này, và bằng dịch thuật.

Như thế, thay vì mặc cảm tiếng Việt là tiếng

mang lớp da màu, nhược tiểu, không ai nghe, không ai hiểu, tại sao chúng ta không để nó cho ta thêm một chọn lựa khác hơn là phải tự nhìn chính chúng ta qua chỉ một ngôn ngữ—tâm thức, tư duy bá quyền của Anh hay Pháp ngữ? Trong bối cảnh Hoa Kỳ, các sáng tác tiếng Việt đã và đang xói mòn sự cố vị của trung tâm cốt lõi trắng, vì nó từ chối thế đứng ngoại vi trong tương quan đó, vì nó làm điều khó tưởng: tạo nên một thế giới đặt trung tâm ở một ngôn ngữ khác ngay trong lòng một cộng đồng Anh ngữ và nền kinh tế tư bản toàn cầu nói tiếng Anh. Có thể chăng chúng ta đòi hỏi có thêm nhiều chủ nghĩa hiện đại khác, chủ nghĩa thế giới *cosmopolitanism* khác hơn là chủ nghĩa hiện đại đặt tâm điểm ở nền văn minh Âu Châu, sản phẩm của tương quan quyền lực từ lịch sử thực dân đã dẫn chúng ta đi từ chủ nghĩa đế quốc đến chủ nghĩa quốc gia dân tộc. Aihwa Ong từng đề nghị ta nhìn mạng lưới Hoa Kiều trên khắp thế giới như là một cách tổ chức hiện đại khác, một *alternative modernity* không tách rời (vì không thể tách rời một cách co cụm), mà dựa trên bình diện thế giới đương đại.

Chúng ta có thể nhìn tương tự về những cộng đồng di dân khác? Về chính chúng ta? Và mang khái niệm này vào văn chương? Như Christine Cao viết trong số này, một dòng văn chương tiếng Việt khác hơn văn chương *Francophone* vì chúng ta không có chiều dọc của lịch sử viễn chinh và bề rộng của đế quốc Pháp với nhiều sắc dân và màu da. Nhưng chúng ta có bề rộng của thế giới chúng ta lưu vong, lưu trú, định cư, tạm cư, đi về, không phải chỉ một lần đi mà là hết lớp này đến lớp khác di chuyển từ Việt Nam sang nước khác, có khi sang đến nước thứ 3 hay thứ 4, và có cả những cuộc trở về. Có thừa khoảng trống xuyên quốc gia để phát triển đa dạng trong mỹ quan, tâm thức, và ngay cả trong lương tâm chính trị, xã hội, lịch sử.

Sáng tác bằng tiếng Việt của người Việt di dân không chỉ luyến tiếc, hoài cổ, nghèo nàn, lạc hậu, co cụm, *ghetto* như một số người không theo dõi lầm tưởng. Những người di dân viết tiếng Việt ít bị giới hạn đề tài phải đại diện cho lịch sử đặc thù, ít bị sức ép của thị trường dòng chính. Kết quả là trong hơn thập kỷ qua, họ đã có rất nhiều thử nghiệm trong văn phong, cấu trúc, đề tài, và trong cách vận dụng ngôn ngữ. Thơ tiếng Việt chỉ cần mở một tuyển tập như *26 Nhà Thơ Việt Nam Đương Đại* là có thể thấy những bước khai phá quá vững vàng và tự tin, hoàn toàn không theo sau thi ca ngoại ngữ. Văn xuôi di dân thì ngoài các nhà văn đã có tên tuổi như Nguyễn Mộng Giác, Nguyễn Xuân Hoàng, chúng ta không thể bỏ qua thành tựu gây kinh ngạc của Trần Vũ, Mai Ninh, Phạm thị Ngọc, Nguyễn Danh Bằng, Đỗ Kh, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Hồ Minh Dũng, Phạm Thị Hoài, Đặng Thơ Thơ, Miêng, Lê Minh Khuê, Trần Sa, Lê Thị Thấm Vân, và bao nhiêu là ngòi bút xuất sắc khác. Họ đã cặm cụi khai phá bằng thứ tiếng bị đe dọa như Nguyễn Thị Hoàng Bắc lạc quan trong tình thế bi quan khi trả lời phỏng vấn. Với độ dày đáng kính, những thành tựu của họ phải được công nhận và đẩy mạnh.

Với sự có mặt của một dòng văn chương tiếng Việt vững mạnh thách thức lại cương vị độc tôn của Anh ngữ, lời khuyên của Phan Nhiên Hạo trong bài phỏng vấn rằng chúng ta cứ sáng tác trong bất cứ thứ tiếng nào quen thuộc, biến thành tất nhiên. Và dự phóng của Nguyễn Danh Bằng về tương lai lớn mạnh của dòng văn chương lưu vong trong tính phổ quát của nó, trong bất cứ ngôn ngữ nào, biến thành thuyết phục.

Dòng văn chương da-màu-mới, trong bối cảnh di dân ở một nơi như Hoa Kỳ, không thể thiếu những chỗ để đi về, để không bị giam lỏng trong nền văn học dân tộc Hoa Kỳ hay lệ thuộc vào những vùng đất bị/được nền kinh tế toàn cầu nói tiếng Anh chinh phục. Nó không thể thiếu những dòng văn chương bằng những ngôn ngữ bị thiểu số hóa, bị nói át, bị viết chồng lên, bị bôi xóa. Văn chương da màu gốc Việt rất cần những tác phẩm bằng Anh ngữ, nhưng nó cũng không thể thiếu văn chương bằng tiếng Việt, như mầm lửa ta nuôi trong lòng thế giới Anh ngữ.

Ai nói sau biến cố, sau trận cháy nhà, sau cuộc ra đi, sau chấn thương, sau định cư, sau hội nhập, tiếng Việt đã là quá khứ?

Chúng ta có thể trả lời họ bằng mấy câu thơ Thận Nhiên, một người viết lưu cư xuyên tổ quốc Hoa Kỳ và Việt Nam:

ngôi nhà sẽ cháy
căn phòng nghiêng 45 độ lăn từ hiện tại xuống tương lai
bỏ nắm tay vào miệng anh lôi ra một con chim hót trong cuống phổi
tiếng hót ứng cùng em
trồi lên từ giấc mơ trong một căn phòng khác
một hiện tại khác
với thời khắc anh đang thở.
("Ngôi Nhà Bắt Lửa")

9-2005
nguyễn hương

Bảy

Nguyên tác SEVEN
(from THE NEW YORKER)
edwidge danticat
trịnh thanh thủy *chuyển ngữ*

Edwidge Danticat sinh năm 1969 tại Port-au-Prince, Haiti. Năm 12 tuổi cô định cư tại Brooklyn, thành phố New York trong một cộng đồng đa phần là người Mỹ gốc Haiti. Tốt nghiệp cử nhân văn chương Pháp tại Barnard College và lấy MFA tại Brown University. Đã xuất bản một tuyển tập truyện ngắn Krik? Krak! và hai tiểu thuyết nhan đề Breath, Eyes, Memory và The Farming of the Bones. Tác phẩm đã được dịch qua các thứ tiếng Đại Hàn, Ý, Đức, Pháp, Tây Ban Nha, và Thụy Điển. Hiện giảng dạy văn chương và sáng tác tại đại học New York. Đề tài nổi trội trong các tác phẩm của Danticat là di dân, lịch sử, tình dục và giới tính, những vấn đề hậu-thuộc-địa thường trực ám ảnh tâm thức người lưu vong, di dân hay trong một chính quyền vừa được tự do. Hậu quả của chuyện di dân hậu- thuộc-địa, giao cắt với những vấn đề chủng tộc, giai cấp, ngôn ngữ, giới tính – chồng chéo trong bối cảnh xuyên quốc gia, trong đời sống những người Haiti phân tán - có tác dụng như lời kêu cứu trong các tác phẩm của cô. Với một thái độ tiêu biểu của thị trường văn chương dòng chính, Paule Marshall đã nhận xét như sau về văn nghiệp Danticat: "Một đất nước Haiti câm lặng đã tìm được tiếng nói của mình – qua văn chương." Có phải Haiti đã tìm ra tiếng nói hay những người da trắng chỉ thoát ra khỏi hội chứng điếc bẩm sinh khi có những tiếng nói được đào tạo từ những trường ốc Au Mỹ?

Một tháng nữa sẽ đúng 7 năm tròn từ ngày anh quen vợ anh. Con số 7, con số anh vẫn xem thường, bây giờ nghiệm ra, lại mang ý nghĩa sâu đậm. Có 7 ngày ở giữa những phiếu lương. Ngày làm việc của anh dài 7 tiếng, không kể giờ ăn trưa. Ban đêm, anh làm thêm việc khác, 7 tiếng nữa. Với tuổi tác của anh, 7 ở vị trí cuối, ba mươi bảy.

Và bây giờ, chỉ còn 7 tiếng đồng hồ, vợ anh sẽ tới. Nhưng có lẽ lâu hơn vì hải quan phải khám hành lý của cô theo thủ tục. Cô ắt lẫn vào đám đông chờ anh phía bên kia cửa kính của phi trường JKF. Đó chỉ là giả thuyết nếu chuyến bay đến từ Port-au-Prince không bị trễ như thông lệ hay bị hủy bỏ.

Anh sống dưới tầng hầm một căn nhà cho thuê vùng East Flatbush, Brooklyn và trọ chung với hai người đàn ông khác. Anh dọn phòng mình sạch sẽ để đón vợ. Chiếc áo sơ mi màu đỏ đã bị anh quăng vào sọt rác vì anh biết cô rất ghét nó. Anh lên lầu một báo cho bà chủ nhà biết vợ anh sắp đến. Bà là một kế toán viên người Haiti. Bà bảovới anh

"Tôi nghĩ việc vợ anh đến, không thành vấn đề". Bà đang hâm nóng thức ăn đông lạnh

" Tôi hy vọng cô ta là người sạch sẽ"

" Cô ấy sạch lắm". Anh trả lời.

Trong nhà này, anh mới chỉ được thấy căn bếp. Bà giữ nó rất sạch, không một vết bẩn. Bát đĩa nằm ngăn nắp trong tủ chè. Căn phòng lúc nào cũng thơm ngát mùi nhựa thông.

"Anh đã báo cho mấy anh kia biết chưa?". Bà hỏi.

Bà mở lò nướng và mang ra hai đĩa nhỏ bánh phó mát dâu tây.

Anh nói "Tôi đã bảo họ rồi."

Anh chờ câu nói bà sẽ tính thêm tiền nhà, vì trong hợp đồng cho thuê ghi, chỉ một người(không phải hai), một người đàn ông độc thân.

Bà thêm. "Tôi không biết phải sắp xếp thế nào nếu ai cũng có vợ đến ở chung."

Anh không dám tiết lộ với bà Michel và Dany cũng có vợ. Tuy nhiên anh không rõ vợ họ có tới đây ở không.

" Một người phụ nữ sống giữa 3 người đàn ông". Bà nói. " Có lẽ vợ anh sẽ cảm thấy bất tiện" .

Anh muốn nói với bà, vợ anh không phiền hà điều đó, cho hay không cho, ở quyết định của bà. Anh đã chuẩn bị sẵn câu trả lời, khi thấy bà tỏ ra không hài lòng lắm về sự hiện diện sắp đến của vợ anh. Anh sẽ dọn ra riêng và tìm phòng trọ khác.

Bà mở ngăn tủ lấy muỗng, nĩa, bảo.

"Được rồi, bây giờ là đầu tháng, anh phải trả nguyên tháng nhé"

"Cám ơn bà nhiều, Madame". Anh nói.

Lúc bước xuống thang lầu, anh tự trách mình sao gọi bà là Madame, sao hành động như một tên đầy tớ

sau lời phán của chủ vậy. Thật ra, anh tỏ ra tôn trọng bà không phải vì bà ở tầng lớp xã hội cao hơn, vì bà nói được tiếng Pháp hay vì anh ở đó 5 năm và chỉ phải trả 350 đô mỗi tháng mà vì vợ, anh đã tỏ ra lịch sự với bà.

Sau khi nói chuyện với bà chủ nhà, anh thấy có điều cần phải nói thêm với hai người bạn trọ chung. Một ngày trước khi vợ tới, anh gặp họ. Anh thấy họ chỉ mặc chiếc quần đùi lỏng lẻo, không đồ lót và đảo đôi mắt lờ đờ thiếu ngủ về phía anh.

"Tụi bay hiểu mà, cô ta là phụ nữ". Anh nói với họ.

Anh không lo cô ta sẽ nổi giận khi thấy họ như vậy(họ chỉ có xương và da). Tuy nhiên sự ăn mặc gần như loã thể của họ sẽ làm cô khó chịu vì anh còn nhớ cô rất nhạy cảm.

Hai người bạn tỏ ra cảm thông. Michel nói "Nếu là vợ tao..." Dany gật đầu nói theo "Tao cũng cảm thấy vậy thôi". Họ sẽ khoác thêm áo choàng như Michel hứa.

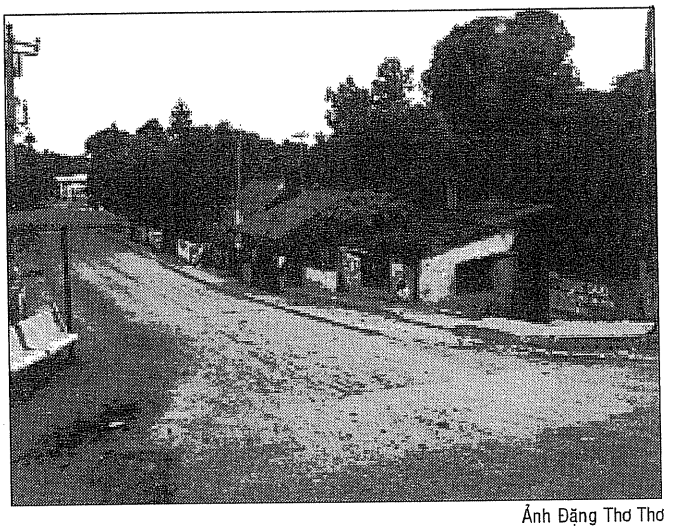

Ảnh Đặng Thơ Thơ

Thực ra, họ không có cái áo choàng nào cả - cả ba đều rõ điều này. Nhưng Michel sẽ mua để tỏ ra tôn trọng vợ anh. Michel, 40 tuổi, người lớn tuổi nhất trong bọn đã khuyên anh nên trang trí lại căn phòng. Anh nên mua hoa lụa, giấy dán tường(không phải tranh khoả thân) và hương liệu làm thơm căn phòng, thứ mùi Vanila sẽ dễ chịu hơn mùi nhựa thông của bà chủ nhà.

Dany nhắc lại kỷ niệm những buổi tối họ hay đi chơi với nhau. Những đêm đi khiêu vũ ở Rendez-Vous(bây giờ là hộp đêm Cenegal) . Tuy nhiên họ không thường đi nữa từ ngày nơi này trở nên nổi tiếng vì Abner Louima bị bắt ở đấy, bị hành hung và cưỡng dâm trong một trạm cảnh sát gần bên. Anh bảo Dany đừng nhắc gì đến chuyện vui chơi này. Vợ anh không biết gì và cứ đinh ninh anh là một người chân chỉ hạt bột chỉ biết làm việc.

Ban ngày anh làm lao công cho trường đại học Medgar Evers College, đêm lau chùi quét dọn cho bệnh viện Kings County Hospital. Anh cũng dấu nhẹm chuyện lâu lâu anh đem phụ nữ về phòng những buổi sớm trời còn nhá nhem tối. Các người đàn bà này phần lớn đã có gia đình, bạn trai, fiancé hay người yêu. Họ đối với anh không có nghĩa gì.

Michel, người đã trở thành mục sư ở một nhà thờ nhỏ gần Rendez-Vous và chưa bao giờ từng khiêu vũ ở đó, cười lớn nhạo anh.

" Con gà trống thôi không còn gáy sướng nữa"

Michel thêm " Nửa cuộc đời còn lại mày dành cho chúa là vừa".

Dany khôi hài " Tội quá, chúa cũng không biết làm gì với nửa đời còn lại của mày".

Không còn nữa những trò chơi Domino về khuya. Số điện thoại của những phụ nữ mà anh có từ năm năm qua sẽ đi vào quá khứ (anh cũng không cần họ gọi anh làm gì).

Bây giờ chỉ còn nỗi lo lắng không nhận diện ra vẻ mặt vợ mình khi anh đứng giữa đám đông những người đợi chuyến bay đến từ Kingston, Santo Domingo và Port-au-Prince.

Nghĩ đến đó anh thấy vui và tự dưng muốn nhẩy cẫng lên chụp lấy bất cứ người đàn bà nào có nét hao hao như bức hình mới nhất cô vừa gởi cho anh.

Họ đang kiểm soát hành lý của cô. Tai sao lại phải khám? Cô chỉ có cái túi vơi gồm vài món quà cho chồng và những món mà người thân cô không chận lại kịp sau khi giải thích cho cô biết bên đó cái gì cũng có, đừng "chở củi về rừng". Riêng cô, vài bộ đồ lót, áo ngủ, chiếc jumper đỏ và cái áo đầm màu xanh công chúa cô đang mặc trên người. Cô đã nghe theo kinh nghiệm những người đi trước gói cẩn thận tất cả như quà tặng để tránh hải quan mở ra ở phi trường New York. Bây giờ nhìn nhân viên hải quan đang xé toạc từng món quà, những mảnh giấy gói bay tả tơi, cô thấy hỡi ơi cho công trình của mình.

"Ki sa l ye?". Viên chức hải quan giơ cao một món quà trước khi mở và quát hỏi cô bằng thứ tiếng Creole ngọng nghịu.

"Cái này là cái gì?". Cô cuống lên không còn biết nó là cái gì nữa. Cô chỉ còn biết đoán theo hình dạng

và kích thước thôi. Ông ta mở hết các gói quà. Nào là xoài, mía, cam, mứt vỏ bưởi, đậu phộng, hạt điều, mứt dừa, trái bơ, cà phê. A lê hấp, tất cả đi vào cái thùng rác xanh có vẽ hình rau cỏ, trái cây bị một vách đỏ to tướng vạch ngang.

Dường như chỉ có một món duy nhất có thể thoát cửa hải quan là cái gói nhỏ đựng lông gà mà chồng cô thường dùng để ngoáy tai. Lúc trước, ngay từ khi anh đi, cô đã từng thử ngoáy những cọng lông này vào tai như anh và khám phá ra chúng tạo được khoái cảm gọi là jwisans tức khoái lạc hay một thứ tuyệt đỉnh ái ân. Cô tự nhủ có lẽ những chương trình TV ngoại quốc nói đúng khi có câu "Tình dục hầu như nằm giữa hai tai*".

Khi nhân viên hải quan cầm đến gói lông gà, ông nhìn chăm bẳm rồi quay qua cô. Ánh mắt ông lướt chậm trên mặt rồi đến tai cô. Dĩ nhiên, ông đã từng thấy những cọng lông gà này. Rồi chúng cũng đi vào thùng rác, chung số phận với những món kia.

Khi ông thi hành xong nhiệm vụ, cô chỉ còn một ít đồ. Hành lý giờ nhẹ tênh làm cô đi nhanh hơn.

Cô theo sau một người đàn ông đang đẩy xe, chiếc xe dềnh dàng dưới sức nặng của ba cái hộp lớn. Thình lình cô thấy mình đứng trước một cửa kiếng tự động. Cô đứng, thì nó đóng, cô nhích tới trước nó mở và cô đã nhìn thấy anh. Anh ôm chầm và bồng cô lên hổng mặt đất. Lúc anh thả cô xuống, cô mới thực sự tin cô đang ở một nơi khác, mặt đất khác, trong một quốc gia khác.

Anh có thể cảm được cô hạnh phúc như những bức hình cô gởi cho anh mà anh đang treo trên tường ở đầu giường. Trên đường lái xe về nhà anh suýt đụng xe hai lần. Anh cũng không rõ tại sao anh lái xe nhanh như thế. Họ lượt sơ những mẩu chuyện nhỏ, kiểm kê lại tình trạng sức khoẻ gia đình, bạn bè và người thân. Cô không đi sâu vào chi tiết chuyện của bất cứ ai. Người thì chết, người còn sống. Anh cũng không nhớ hết. Cô có vẻ mập hơn lúc anh đi, ở đây người ta thường gọi là có da, có thịt. Điều có thể nhận rõ là cô đã vào tiệm làm tóc vì tóc cô được chải khéo và săn sóc cẩn thận, cộng thêm một búi tóc giả kết phía sau đầu. Cô thơm phức mùi nước hoa chanh. Anh chỉ muốn mau mau đưa cô về nhà, về phòng mình(nếu căn phòng đó được xem như nhà anh) . Anh còn muốn thâu ngắn khoảng cách giữa hai người, hôn cô cho đến khi cô không còn không khí để thở và anh cũng vậy, khỏi thở luôn.

Chuyến đi đón vừa rồi gợi anh nhớ hôm chú anh lái đưa hai người đi hưởng đêm trăng mật ở khách sạn Ifé Hotel, anh đã năn nỉ ông lái nhanh hơn vì sáng hôm sau anh phải lên máy bay về New York. Đêm đó anh không biết rằng, bảy năm sau anh mới gặp cô lần nữa. Anh dự trù tất cả. Anh biết anh không thể hợp thức hoá tình trạng di trú của hai người ngay được vì anh chỉ được lưu lại với một chiếu khán du khách. Nhưng anh đã làm việc cực nhọc để có tiền, tìm một luật sư lo thẻ xanh cho hai người. Thẻ xanh mất 6 năm 9 tháng mới xong. Tuy nhiên, giờ cô đã ở đây, đang ngắm những bức ảnh treo tường mà tưởng như người trong ảnh không phải là cô.

"Em nhớ bức đó không?". Anh hỏi để xác định và chỉ vào một tấm ảnh được lồng khung 8x12. Cô đang nằm trên tấm thảm đỏ trải gần cây giáng sinh bé tí trong phòng chụp ảnh. "Em gởi cho anh Noel năm rồi?". Cô nói nhỏ. Trong ảnh, cô nhìn giống như đang tuyệt vọng, cố tìm đủ cách để gợi anh nhớ đến cô.

Anh bảo "Anh không bao giờ quên em, dù một giây"

Cô kêu khát.

"Em muốn uống gì?". Anh liệt kê các thức uống trái cây anh mua ngoài chợ của người Cuba dưới đường. Có đủ thứ, anh chắc là cô thích, đu đủ, xoài, ổi, thơm và mãng cầu.

"Một chút nước lã thôi" Cô thêm "Lạnh nhé anh"

Anh không muốn bỏ cô một mình khi anh đi ra bếp lấy nước. Nếu anh có thể gọi xuyên tường nhờ lũ bạn lấy dùm anh đã gọi rồi. Tuy nhiên có lẽ chúng ẩn trong phòng khóa kín cửa dành cho tự do cho anh. Khi anh trở lại với ly nước, cô xem có bụi bặm gì không và nốc cạn. Dường như cô chưa uống gì từ sáng tới giờ.

"Em uống nữa không?". Anh hỏi. Cô lắc đầu.

Anh nghĩ thật khó để diễn tả bằng tiếng Creole chữ yêu, renmen, vì thế khi nói yêu cô, anh cố gắng dùng tất cả mọi từ ngữ để diễn tả cường độ mãnh liệt của nó. Tình yêu đó, ngày càng sâu đậm từ ngày xa cô, mênh mông và bát ngát hơn đại dương cô mới bay qua. Để tránh phải lập lại những câu tình yêu lẩm cẩm ướt át, anh nhảy chồm lên người cô và đè cô xuống giường. Cô không còn vẻ nhút nhát, e thẹn đêm tân hôn nữa. Cô kéo mạnh chiếc cà vạt đen của anh đến nỗi cần cổ ắt phải sưng vù lên. Anh hăm hở cởi nút áo đầm, ném qua một bên, trong khi cô nhanh tay cởi chiếc sơ mi trắng được hồ cứng và ủi thẳng nếp kỹ lưỡng của anh.

Anh đã không bịt miệng ngăn tiếng rên của cô như đã dự tính. Anh mặc kệ lũ bạn có nghe tiếng rên hay không. Anh thoáng nghĩ thật tiếc cho họ nếu họ chưa được trải qua những giây phút tuyệt vời như vậy.

Anh mệt rũ người khi cô khoác tấm khăn trải giường quấn quanh người đi vào phòng tắm.

"Anh đưa em đi nhé" Anh bảo.

"No No" cô nói "Em tìm ra mà"

Anh không thể ngăn được không ngắm cô đang quay người, biến đi. Anh nghe tiếng động dưới bếp, cô nói chuyện với bạn anh, giới thiệu chính mình. Anh bật dậy bước ngay ra khỏi giường khi nghĩ đến cô không có gì trên người ngoài tấm khăn trải giường. Khi anh vừa tới cửa, anh đụng cô đang bước trở vào.

Cô nói với anh có hai người đàn ông chơi Dominoes trong bếp mặc áo choàng hồng bằng Satin bóng.

Anh đi làm lại ngày hôm sau cùng với hai người bạn và không quên đưa cô chìa khoá cửa với lời dặn đừng mở cửa cho ai vào.

Anh chỉ cho cô cách xử dụng lò nướng và phương pháp dò tìm các đài phát thanh Haiti trên chiếc Radio AM/FM đầu giường.

Cô dậy trễ, nằm nướng, nhớ lại đêm qua và trận cười của hai người khi anh cho cô biết lũ bạn anh vì muốn tôn trọng cô đã vội vã đi mua trúng hai chiếc áo choàng phụ nữ.

Họ làm tình lần nữa và lần nữa. Họ gắng bảo nhau cố giữ im lặng tuyệt đối. Tất cả 7 lần, anh đếm- mỗi cái tượng trưng cho một năm hai đứa xa nhau- nhưng theo cô đếm thì ít hơn.

Anh nhắc cô mình đã lấy nhau, làm phép cưới trước cha, trước chúa, không việc gì phải mắc cở. Điều anh nhắc thật quan trọng vì nó tượng trưng cho sự gắn bó hợp pháp giữa hai người hơn là một lời hứa suông. Vì thế cho dù nếu họ có là nạn nhân của sự chờ đợi cũng không dễ để họ bỏ nhau. Họ đã ký giấy, rời nhau, viết thư, nói chuyện điện thoại về việc này. Anh không muốn rời cô lần nữa dù là một giây. Anh đã xin chủ cho anh nghỉ một ngày nhưng ông từ chối. Ít ra họ cũng có những ngày cuối tuần, thứ bảy và chủ nhật, để làm những điều họ muốn làm như đi khiêu vũ ngắm cảnh, dạo phố và tìm chỗ trọ mới. Chắc hẳn cô phải thích một căn hộ riêng để tha hồ làm tình bao nhiêu cũng được mà không lo lắng về việc những người đàn ông mặc áo choàng đàn bà nghe thấy.

tu xuất

(người đàn ông)

Không thể tưởng được
người ta có thể tự giam 20 năm trong dòng tu
miệng ngậm thiền thay cơm*
thở đầy hơi bánh thánh
khai sáng bằng hào quang của chúa
ngước mặt lên trắng xóa áo choàng lừng lẫy
không ai tìm được lửa trong mắt mẹ Maria
nhưng
anh đã nhận ra màu đỏ
máu của tình yêu và quỷ dữ
nơi hàng chữ EXIT cánh cửa sau nhà nguyện
và anh đi ra ở đó

(người đàn bà)

Không ai biết được
thế giới người đàn bà không thính giác
ở dòng tu Kamakura (cấm đàn ông vào)
hỗn độn vú, Phật, Kinh pháp cú
cơn mây mưa câm
không tiếng cục tác gọi dâm buổi sớm con gà đực,
phút động tình co giật những bóng mây màu xám
không tiếng xé toạc da thịt
OPEN WIDE
xúc giác khai hoa
Và em đã ra khỏi ni viện như thế

trịnh thanh thủy

Chú thích

** "Thiền" ở đây chỉ "Thiền niệm" hay "Trầm tưởng" dịch từ chữ "Contemplation" của dòng tu Dominic, Công giáo*

Buổi trưa điện thoại reo vang. Anh gọi. Anh hỏi cô đang làm gì. Cô nằm và kể anh nghe cô đã nấu nướng và ăn xong rồi. Anh hỏi cô ăn gì. Cô bảo trứng vì cô đoán trong tủ lạnh thế nào chẳng có trứng. Anh lo cô ở nhà một mình sẽ phát ngấy. Cô nói không đâu, cô đang nghe đài và viết thư về nhà. Sau khi cúp điện thoại, cô vặn radio lên. Cô dò tìm những đài mà anh đã chỉ cho cô. Cô mừng rỡ khi nghe được họ nói tiếng Creole. Có cả âm nhạc nữa, một ban nhạc tên Top Vice đã hát bài "konpa". Cô đổi qua đài khác có mục đối thoại với thính giả. Họ điện thoại vào đài bàn luận về một người có hai giòng máu Mỹ và Haiti tên Patrick Dorismond bị giết chết. Cảnh sát đã bắn anh ta ở Manhattan. Bỗng dưng cô muốn gọi cho anh nhưng anh không để số lại điện thoại. Cô nằm xuống trùm khăn trải giường qua đầu và chăm chú lắng nghe những thính giả thay phiên nhau phát biểu ý kiến, hết người này tới người kia. Sự phẫn uất mỗi lúc tăng dần.

Lúc anh về tới nhà, anh thấy cô đã dùng hết tất cả những gì cô lục được trong tủ lạnh để sửa soạn một bữa ăn đủ cho 4 người. Cô nhấn mạnh, chúng ta phải đợi bạn anh ăn cùng, mặc dù anh chỉ có vài tiếng đồng hồ trước khi đi làm ca đêm. Lúc ăn cơm, bạn anh khen ngợi lòng nhiệt thành của cô. Anh cảm nhận được bữa ăn đã cho họ cái cảm giác ấm cúng gia đình mà họ là một thành phần. Họ trông hạnh phúc, ăn uống thoải mái và nhai chậm hơn mọi lần. Thường thường họ đứng để ăn ở quầy thực phẩm ăn liền của tiệm Tàu hay Jamaica dưới đường. Đêm nay họ nói chuyện một chút trước khi bắt đầu thủ tục cầu nguyện thượng đế trong bữa cơm. Bạn anh đòi rửa chén sau khi ăn. Anh nghĩ, họ đã liếm sạch trước khi rửa.

Anh và cô về phòng, lên giường ngơi nghỉ. Anh cắt nghĩa tại sao anh làm 2 ca. Một phần để khoả lấp nỗi trống trải thiếu cô, nhưng phần chính để nuôi thân và giúp đỡ cô ở Port-au-prince. Bây giờ thì phải dành dụm tiền để dọn ra riêng, bước kế tiếp là một cái nhà. Cô tỏ ý muốn đi làm giúp anh. Cô đã học xong lớp thư ký có lẽ sẽ dùng được ở đây. Anh báo trước cho cô biết vì không nói được tiếng Anh, có thể cô phải bắt đầu như một người may gia công ở một xưởng may và anh thiếp ngủ. Cô đánh thức anh dậy khoảng 9 giờ sáng trước giờ đi làm. Anh chạy vội vào phòng tắm rửa mặt, trở ra thay đồ, miệng thì nguyền rủa chính mình ngu quá ngủ quên đến trễ làm. Anh hôn cô và chạy mất. Anh ghét đi làm trễ, ghét bị người quản lý quở mắng câu " có hàng tấn người giống như anh trong thành phố này, phân nửa cần việc làm". Cả tuần cô ở trong nhà, lo lắng bước ra đường sẽ bị lạc không tìm được đường về. Công việc thường nhật biến thành thói quen. Sáng cô dậy nghe tin tức ở đây và nơi quê nhà. Ở một nơi nào đó không xa chỗ cô ở, người ta xuống đường, biểu tình phản đối cái chết của Dorismond, vết thương dân tộc này xem ra còn lan rộng hơn sự nổi tiếng trước kia của cậu ca sĩ lai Mỹ này. Cô nghe trong radio tiếng hét to lồng lộng " Không có luật pháp, không có hoà bình" . Cô hát trong khi hầm gà và chiên cá. Buổi chiều cô viết thư về nhà, cô kể về những món ăn cô nấu, tranh treo trên tường, các bài hát và chuyện biểu tình trong radio. Cô viết cho gia đình, bạn gái thân thiết đã chia vui với cô khi cô đi đoàn tụ, các người bạn quen ưa ganh tị ở trường dạy nghề thư ký. Cô cũng viết cho bạn trai và một người hàng xóm tốt bụng đã đến han hỏi cô tại sao khoá trái cửa ở trong nhà ba ngày sau khi anh xa cô.

Anh gõ cửa lâu lắm, cô mới mở. Cô vẫn mặc chiếc áo lúc anh đi làm. Khi cô ngả vào vòng tay anh, anh hôn lên trán và mang cho cô ly nước. Cô uống vội, nhanh đến nỗi muốn sặc. Đêm đó anh nằm gần cô, trong bóng tối anh thì thầm đây là tình yêu em ạ. Khi yêu, người ta có thể can đảm đánh đổi hiện tại lấy tương lai mà người ta tưởng tượng, ước muốn. Anh khẳng định với cô rằng chồng cô yêu cô lắm.

Buổi chiều khi cô viết thư, cô nghe tiếng chân người đi lại trên lầu. Cô đếm từng bước chân người đó và ngồi đợi chồng về. Cô muốn kể với anh về người hàng xóm đã đến ngủ bên cô sau ngày anh đi. Và cô đã ngủ nhiều đêm như thế. Cô mong trong tương lai ước mơ thành sự thật. Người ta nói khi mới quen nhau người ta thường nói dối, sau đó là sự thật phũ phàng. Nhưng giữa anh và cô sẽ không có kết cuộc như vậy. Tất cả sẽ là một khởi đầu đẹp và kết thúc có hậu.

Anh gặp cô trong một lễ hội trên núi vùng Jacmel. Anh thích nhất phần cuối của lễ hội được tổ chức một ngày trước ngày Lễ Tro. Khi đám đông thấm mệt, những người tham dự tụ họp lại ở bờ biển và ngồi đốt những chiếc mặt nạ, lễ phục, và các tàng tích của cuộc vui chơi say sưa mấy ngày qua. Cô là một trong những tình nguyên viên đóng vai những kẻ thương vay khóc mướn của buổi lễ. Cô đứng than khóc thảm thương khi nhìn những vật tưởng niệm lễ hội từ từ cháy tan thành tro trong đống lửa lớn trên bãi biển.

"Papa Kanaval ou ale?". Cô gào to trong khi những giọt nước mắt lả tả rơi trên mặt.

"Cha Lễ ơi, cha đi đâu rồi?". Anh chợt nghĩ nếu

cô có thể cảm nhận được nỗi đau khổ của một vai trò mà khóc than được như thế có lẽ khi yêu cô cuồng nhiệt hơn nữa.

Sau khi những người khóc muốn ra về, cô ngồi lại cho tới khi từng đốm lửa lụi dần. Thật khó chọc cười hay kéo cô ra khỏi cơn cảm xúc. Cô bảo anh cô không bao giờ khóc giả. Mỗi lần khóc cho một điều gì bao giờ cô cũng khóc luôn cho những điều khác đã từng làm cô đau.

Anh đã phải đi lại giữa Jacmel và Port-au-prince trong thời gian anh đợi chiếu khán được chấp nhận. Đến lúc có ngày đi, anh hỏi cưới cô.

Một chiều khi đi làm về, anh bắt gặp cô đang ngồi thừ ở mép giường căn phòng nhỏ, nhìn những bức hình của cô trên tường như thôi miên. Khi anh hôn lên tóc cô, cô bất động. Anh không nói gì, anh không muốn phiền nhiễu suy tưởng của cô. Anh những muốn dập tắt những đóm lửa lễ hội đang rực cháy trong đầu cô.

Cô thấy thật vui vì cuối cùng thì ngày cuối tuần cũng đến. Mặc dù anh ngủ nướng cho tới trưa, cô thức từ sớm và chạy vội vào phòng tắm trước khi những người bạn anh dậy dành chỗ. Cô mặc một chiếc áo đỏ lồng vào chiếc áo thung và ngồi ngắm anh trên giường đợi anh mở mắt. Cô hỏi anh khi anh thức.

" Chúng ta sẽ làm gì hôm nay?".

Anh nói, gì cũng được tùy cô.

Cô ngỏ cô muốn xuống đường dạo phố. Cô muốn ăn cái gì đó, táo hay đùi gà, muốn ra ngoài cho khuây khỏa, cho ánh mặt trời chan hoà phả xuống mặt cô.

Khi họ rời nhà, họ chạm trán người đàn bà có những bước chân đi lại ở tầng trên cô đã nghe suốt tuần qua. Bà cười lặng lẽ và nói " Bienvenue". Cô lịch sự gật đầu chào và đưa tay lôi anh đi.

Họ hòa nhập vào khu phố chật ních người đi dạo ngày thứ bảy. Có người mua thực phẩm ở quầy bán trái cây và rau cải.

Anh hỏi cô có muốn đi xe bus không. Cô hỏi 'Đi đâu?". Anh bảo " Bất cứ đâu"

Trên xe bus, cô ngồi đếm những dãy nhà, biển quảng cáo, nhà thờ, trạm xăng. Cô dán mắt vào cửa sổ đến nỗi hơi thở phả mờ cửa kính che phong cảnh bên đường. Bây giờ cô quay lại nhìn anh và thấy nét ngái ngủ còn vương trên mặt. Anh ngồi ngắm cô, đặt mình vào địa vị cô như một người chân ướt chân ráo, mới nhìn thấy nơi đây lần đầu nhưng anh chịu thua không tưởng tượng được.

Anh dẫn cô đến công viên Prospect Park ngay giữa Brooklyn nơi có bóng mát, cây cối và đường mòn. Họ hút sâu trong công viên cho đến khi chỉ còn thấy nóc của vài căn nhà bao bọc chung quanh như ngọn núi ngất ngưởng trên đồng bằng. Ban ngày khi ngồi mơ mộng, cô chưa bao giờ nghĩ đến một nơi như thế này. Anh kể cô nghe, khuôn viên bao la này là nơi anh thường đến để trầm tư những gì được, mất trong đời và nghĩ về tương lai bất định đang diễn biến không ngừng.

Lúc họ rời công viên đi xuống con đường Parkside Avenue, đã quá 7 giờ chiều. Cô nắm tay anh từ 5 giờ 10 chiều đến giờ không rời(anh ghi nhận). Và bây giờ, khi họ dẫn nhau đi trên con đường nhập nhoà ánh sáng, cô vẫn giữ mắt mở lớn, ngước nhìn lên cửa sổ những căn apartment lấp lánh phản chiếu ánh sáng màu xanh của màn truyền hình.

Cô than đói, họ quay về đường Flatbush Avenue, để kiếm gì lót bụng.

Tay trong tay, anh dẫn cô xuyên đám đông theo đuôi những người lạ mà đi. Một cô dâu, chú rể trang phục áo cưới trông rất rườm rà, đang đứng chặn đường khách bộ hành, chọn người nào có bộ mặt lạnh lùng nhất để hỏi "Bạn có muốn lấy tôi không?". hay " Bạn có muốn cặp đôi với tôi không?". Và "Bạn có muốn thắt một cái nơ tình yêu quanh cổ tôi và bạn không?". Trò đùa lộ ra khi một người tới gần họ tháo nhanh đồ hoá trang và khám phá ra cô dâu là đàn ông và chú rể là đàn bà. Họ trang điểm thật khéo, chỉ người tinh mắt lắm mới phát hiện được.

Trên chuyến xe bus trống về nhà, anh ngồi đối diện, không gần cô như ban sáng. Cô giả vờ nhìn bóng đêm đang lướt qua cửa sổ phía sau anh. Anh nhìn cô lần nữa, lần này anh cố tưởng tượng như hai người mới gặp nhau lần đầu nhưng anh chịu thua. Cô cũng vậy, cô ngồi nghĩ miên man về quá khứ, đến buổi lễ hội ngày xưa, đến ngày thành hôn anh và cô đã mặc áo cưới đưa nhau xuống đường hỏi người qua lại có chịu lấy họ không. Tuy nhiên họ làm trái với trò đùa là cô mặc áo cô dâu và anh, trang phục chú rể. Cuối buổi lễ, anh và cô đã đốt hết áo cưới bên đống lửa. Cô ước gì mình vẫn còn giữ chúng để hai người có thể mặc lại và lang thang trên con đường lạ, tái diễn cuộc vui năm nào. Nhưng cô không biết tiếng Anh, không thể hỏi những bộ mặt lạnh lùng có lấy mình hay không. Anh và cô sẽ đi trong yên lặng. Yên lặng như một đám cưới đang âm thầm diễn ra trong lòng họ bây giờ.

Chú thích

** Đây là một thành ngữ " Sex was mostly between the ears" hay "The most important sex organ is between the ears". Ý ám chỉ, những hình ảnh, âm thanh, ngoại cảnh, rung cảm của sự khích dục do nhìn thấy, nghe được, hình dung hay tưởng tượng đều được truyền tới bộ óc. Bộ óc là trung tâm tình dục nằm giữa hai tai.

lục địa thứ ba và cuối cùng

jhumpa lahiri
(phạm thị ngọc *dịch theo nguyên tác*
The Third and Final Continent)

Jhumpa Lahiri sinh năm 1967 tại Luân Đôn – Anh Quốc, sau đó định cư tại tiểu bang Rhode Island – Mỹ Quốc. Cử nhân Văn chương Anh tại Barnard College, cao học văn chương và tiến sĩ ngành Renaissance Studies tại Boston University. Tuyển tập truyện ngắn đầu tay Interpreter of Maladies *được trao nhiều giải thưởng quan trọng: Pulitzer 2000 cho bộ môn sáng tác, giải thưởng PEN/Hemingway... , được dịch qua 29 ngoại ngữ, trở thành bestseller trong và ngoài Hoa Kỳ. Giải Pulitzer dành cho một tuyển tập đầu tay chỉ với 9 truyện ngắn thực sự là một ngạc nhiên lớn cho chính tác giả ; nhưng theo những nhà phê bình thì không phải chuyện tình cờ: tất cả những truyện ngắn của Lahiri được kể bằng một giọng văn tinh tế, lôi cuốn, và gợi cảm; trong một hình thức có cấu trúc chặt chẽ như phương trình toán học.*

Cô quan niệm viết như một lối thoát hay giải đáp cho tình trạng nhập nhằng của người di dân da màu; cho cảm giác là một người lạ mặt vừa bị thương hại vừa được kính trọng cùng lúc, vừa nhảy rào vừa kéo mỏng căn cước cùng lúc. Những nhân vật của Lahiri, những người Ấn di dân sẽ luôn luôn tự tìm cách đặt tên cho chính mình - những cái tên kép, những tên gọi ghép đôi ghép ba, bằng những gạch nối - như một nỗ lực tột cùng để khẳng định nhân dạng và bản sắc đặc thù của họ – như một thái độ sống làm chủ đề chính cho truyện dài The Namesake *vừa xuất bản.*

Trân trọng mời bạn đọc thưởng thức truyện ngắn đặc sắc dưới đây do Phạm Thị Ngọc dịch từ nguyên tác "The Third and Final Continent" nằm trong tuyển tập Interpreter of Maladies.

Tôi rời nước Ấn năm 1964 với mảnh bằng kinh tế và số tiền, tương đương với thời buổi đó, là mười đô-la trong tay. Trong ba tuần lễ, tôi vượt đại dương trên chiếc SS Roma, một thương thuyền Ý Đại Lợi, buồng hành khách hạng ba của tôi sát bên buồng máy, băng xuyên biển Ả Rập, Biển Đỏ, Địa Trung Hải, và cuối cùng thì đến Anh Quốc. Tôi cư ngụ tại phía bắc Luân Đôn, ở Finsbury Park, trong một căn nhà chứa toàn đàn ông Bengali nghèo mạt như tôi, cả tá mạng người là ít, tất cả đều đang loay hoay để tự lập và học hỏi tại nước ngoài.

Tôi tham dự các khóa học ở trường LSE, và làm việc tại thư viện đại học để sống qua ngày. Chúng tôi ba bốn đứa chung nhau một phòng, dùng chung cái toa lét duy nhất, và thay phiên nhau nấu những nồi cà ri trứng mà chúng tôi đã ăn bằng tay trên mặt bàn trải giấy nhật báo. Ngoài việc làm sinh kế, chúng tôi có ít trách nhiệm khác. Cuối tuần, chúng tôi thư thả chân trần, pyjama thắt dây cạp, uống trà và hút thuốc Rothmans, hoặc đi xem đấu banh cricket ở Lord's. Cũng có những lần cuối tuần nhà chật ních với khách Bengalis, những người chúng tôi đã làm quen ngoài siêu thị hay trên xe điện, và vì thế chúng tôi nấu thêm ra cà ri trứng, nghe nhạc Mukhesh trên máy băng Grundig reel-to-reel, rồi ngâm chén bát dơ trong bồn tắm. Thỉnh thoảng có người trong bọn tôi dọn ra, để dọn vào với người đàn bà đã được gia đình hắn ở Calcutta chọn cho hắn cưới. Năm 1969, khi tôi đã ba mươi sáu tuổi, hôn nhân của riêng tôi cũng được xếp đặt. Trong cùng thời gian này, tôi tìm được một việc làm toàn thời gian tại Hoa Kỳ, trong thư viện đại học MIT. Lương bổng cũng vừa đủ để nuôi vợ. Tôi hãnh diện được làm việc cho một đại học lừng danh thế giới, và tôi xin lãnh thẻ xanh ưu tiên cấp sáu, sẵn sàng đẩy đưa cuộc lữ hành của tôi xa hơn nữa.

Đến lúc này tôi đã có đủ tiền để đi hàng không. Trước hết, tôi bay về Calcutta làm đám cưới, và tuần lễ sau thì sang Boston, bắt đầu công việc mới. Trên những chuyến bay này, tôi đọc sách cẩm nang hướng dẫn học sinh đến Bắc Mỹ, một quyển sách bìa mỏng tôi đã mua với giá bảy xu sáu tại đường Tottenham Court trước khi rời Luân Đôn, vì dù không còn là sinh viên nữa tôi vẫn phải tần tiện như vậy. Tôi học được rằng người Mỹ lái xe bên mặt, không phải bên trái, họ gọi thang kéo là thang máy, và điện thoại đang xử dụng là điện thoại bận. "Nhịp sống tại Bắc Mỹ khác hẳn với nhịp sống tại Anh, như các bạn sẽ thấy. Ai cũng muốn leo lên tầng cao nhất. Đừng nghĩ mình sẽ được thưởng thức một tách trà Anh". Khi chiếc phi cơ bắt đầu hạ cánh xuống Cảng Boston, viên phi công thông báo thời tiết và giờ giấc, tổng thống Nixon tuyên bố ngày cả nước ăn mừng: hai người Hoa Kỳ vừa đặt chân lên mặt trăng. Nhiều hành khách hoan hô. "Chúa ban phép lành cho nước Mỹ". Ở hàng ghế bên cạnh, tôi thấy có người đàn bà đang cầu nguyện.

Buổi tối đầu tiên tôi ngủ tại trung tâm YMCA ở Central Square, Cambridge, một nơi tá túc rẻ tiền được liệt kê trong sách cẩm nang. Nơi đây cách MIT một quãng đi bộ, cách bưu điện vài bước, và gần siêu thị mang tên Purity Supreme. Gian phòng vỏn vẹn chỉ một chiếc giường, chiếc bàn, và một thánh giá gỗ trên tường. Tấm biển treo ngoài cửa phòng cấm ngặt nấu nướng. Cửa sổ trần trụi không màn che mở về hướng Massachusetts Avenue, mạch lộ chính với hai giòng lưu thông về hai phía. Còi xe thay phiên nhau gấu ó inh ỏi, loang loáng không ngớt ánh đèn cấp cứu vô tận. Những đoàn xe buýt rần rật chạy ngang, những cánh cửa xe của chúng mở và đóng xập lại mạnh mẽ tạo nên âm thanh như gió hú suốt đêm. Sự ồn ào ấy là nỗi khó chịu thường trực, lắm lúc đến mức ngộp thở. Nó thấm sâu vào tận xương sườn tôi, hệt như tiếng máy gào thét thịnh nộ của chiếc SS Roma năm xưa. Nhưng ở đây, tôi không có sân tàu để trốn, không có mặt biển óng ánh để kích thích tâm hồn, không có gió làm dịu mặt, không người để trò chuyện. Tôi quá mệt mỏi để còn có thể mặc quần ngủ rảo bước qua những hành lang tăm tối của YMCA. Tôi ngồi trước bàn, nhìn qua cửa sổ đến tòa đô chính Cambridge và một dãy tiệm tạp hóa lụp xụp. Sáng ra, tôi trình diện sở làm ở Thư Viện Dewey, một kiến trúc giống như một cái pháo đài màu nâu nhạt nằm trên đường Memorial. Tôi cũng đi mở trương mục ngân hàng, thuê hộp thư, và mua bộ bát dĩa tại tiệm Woolworth, một cái tên tôi đã biết đến khi còn ở Luân Đôn. Tôi vào chợ Purity Supreme, rảo đi rảo lại để chuyển ounce sang gram, và so sánh giá cả với bên Anh. Cuối cùng, tôi mua hộp sữa tươi nhỏ và một hộp cốm ngô. Đây là bữa ăn đầu tiên của tôi tại Mỹ, trên chiếc bàn nhỏ. Tôi chuộng món này hơn hamburgers hoặc hot dogs, vì nó là một lựa chọn vừa túi tiền so với những món ăn khác trong các quán cà phê trên Massachusetts Avenue. Vả lại, tôi chưa hề tiêu thụ thịt bò. Ngay cả công việc giản dị như mua sữa đối với tôi giờ đây trở thành rất mới mẻ. Bên Luân Đôn, người ta giao sữa hàng ngày, trong chai thủy tinh để trước cửa nhà mỗi sáng.

Sau một tuần lễ tôi thấy tạm thích ứng. Tôi ăn cốm ngô với sữa hai bữa sáng tối, mua thêm chuối để thay vị. dùng muỗng cắt từng khoanh chuối nhỏ vào bát cốm. Thêm vào đó, tôi mua trà và lọ thủy tinh mà người bán hàng ở Woolworth đã gọi đó là bình thủy (lọ thủy tinh, ông ta giải thích, chỉ dùng để đựng whiskey, một thứ mà tôi chưa hề biết đến). Với cái giá tương đương với một ly trà ở ngoài quán cà phê, tôi chế nước sôi đầy bình đem đi làm mỗi sáng để pha đúng bốn ly trà tôi sẽ uống trong một ngày. Tôi mua bình sữa lớn hơn, và biết cất nó ở góc khuất nắng bên cửa sổ, như tôi đã thấy có người cư trú tại YMCA làm vậy. Để cho qua thì giờ vào buổi chiều, tôi đọc nhật báo The Boston Globe nơi phòng đọc chung ở lầu dưới, một gian phòng rộng rãi có cửa sổ kính hoa. Tôi đọc hết các bài báo và đọc luôn cả các bài quảng cáo, để làm quen với cái lạ, và khi mỏi mắt thì tôi ngủ. Chỉ có vấn đề là tôi không được yên giấc. Mỗi tối tôi phải mở toang cửa sổ để làm thoáng không khí bưng bít trong phòng, rồi lại chịu không thấu sự ồn ào bên ngoài. Tôi nằm bịt tai trên chiếc giường xếp, nhưng khi thiếp ngủ tay tôi xuội đi và âm thanh bên ngoài lại đánh thức tôi dậy. Lông chim bồ câu bay phất phơ bên ngoài rồi đậu lại bên khung cửa, và có buổi chiều khi tôi chan sữa lên cốm tôi thấy sữa đã chua đóng váng. Dù vậy, tôi quyết chí ở lại YMCA đủ sáu tuần, cho đến khi giấy thông hành và thẻ xanh của vợ tôi đã sẵn sàng. Khi nàng sang, tôi phải thuê nhà tử tế, nên thỉnh thoảng tôi đọc mục rao vặt trên nhật báo, hoặc dừng lại văn phòng gia cư tại MIT trong giờ giải lao để tìm nhà vừa với túi tiền của mình. Qua cách này mà tôi đã tìm được một căn nhà trong khu phố yên tĩnh, với giá tám đô-la một tuần. Tôi ghi số điện thoại này vào sách cẩm nang, và gọi từ một chiếc điện thoại công cộng, tìm cho đủ tiền từ nắm bạc cắc tôi chưa quen, nhỏ và nhẹ hơn đồng shilling của Anh, nặng và bóng hơn đồng paisa của Ấn.

"Ai đó?" Người đàn bà hỏi. Giọng nói bà sắt thép, âm thanh vang.

"Dạ, chào madame. Tôi muốn hỏi về phòng cho thuê".

"Harvard hay Tech vậy?"

"Xin lỗi, bà nói chi?"

"Cậu là sinh viên Harvard hay Tech?"

Đoán rằng Tech có nghĩa từ Massachusetts Institute of Technology, tôi đáp, "tôi làm việc cho thư viện Dewey". và ngập ngừng nói thêm, "ở Tech".

"Tôi chỉ cho mấy thằng Harvard hay Tech thuê phòng thôi!"

"Vâng, madame".

Tôi lấy được địa chỉ và cái hẹn bẩy giờ chiều hôm đó. Ba mươi phút trước giờ hẹn, tôi rời chỗ ở, sách cẩm nang trong túi, miệng thơm phức mùi thuốc súc miệng Listerine. Tôi rẽ xuống một con đường hai bên rợp bóng cây, cắt ngang Massachusetts Avenue. Những cánh cỏ dại mọc trồi lên từ những rẽ nứt dưới lối đi. Dù trời nóng, tôi vẫn mặc áo khoác ngoài và đeo cà vạt, trịnh trọng như đi phỏng vấn. Tôi chưa hề ở chung nhà với người nào không phải

người Ấn. Ngôi nhà, chung quanh được rào bằng một vòng hàng rào sắt, mang nước sơn trắng và viền cửa sổ nâu. Khác với loại nhà viền vách tôi đã biết bên Luân Đôn, ngôi nhà này đứng riêng rẽ, bốn mặt tường bên ngoài kiến trúc gỗ, với những bụi cây liên kiều leo lên vách tường trước và hai bên nhà. Khi tôi nhấn chuông, người đàn bà trên điện thoại khi nãy the thé hét lên từ phía bên trong cánh cửa, "làm ơn chờ một phút!"

Nhiều phút sau cửa được mở bởi một người đàn bà nhỏ thó, già khốc. Mớ tóc trắng như tuyết được xếp đặt ngay ngắn như một cái bị nhỏ trên mỏm đầu của bà. Đang khi tôi bước chân vào nhà, bà ngồi xuống trên băng ghế gỗ kê bên cạnh chân cầu thang dẫn lên lầu. Khi đã ngồi xuống, ngồi ngay giữa vùng ánh sáng, bà ngước mắt nhìn tôi bằng một sự chú ý tuyệt đối. Bà mặc váy dài màu đen mà khi bà ngồi xuống chiếc váy bung ra như một chiếc lều được trải rộng trên sàn nhà, và một chiếc sơ mi trắng ủi thẳng nếp có viền rèm ở cổ và tay áo. Đôi tay bà, những ngón tay đan lại với nhau và đặt trên lòng, có những ngón tay dài và xám xịt, đốt xương sưng vù, móng dầy và vàng ố. Tuổi già đã xoá đi sắc nét khiến bà trông gần giống đàn ông với đôi mắt húp hí và hai nếp gấp ở hai bên mũi. Đôi môi bà, khô và tái, đã gần như biến mất, và cặp chân mày thì hoàn toàn không còn nữa. Bà trông thật dữ dằn.

"Khóa cửa!" Bà ra lệnh. Bà nói như hét dù tôi chỉ đứng cách đấy vài bước. "Gài then bên trên và nhấn nút ở ổ khóa nắm cửa. Đây là việc đầu tiên phải làm khi đã bước vào nhà, cậu hiểu chưa?"

Tôi khóa cửa như bà ta bảo, và quan sát bên trong. Bên cạnh băng ghế bà đang ngồi là một chiếc bàn tròn nhỏ, chân được che kín, như chân của bà già, bằng một chiếc khăn bàn phủ dài. Trên mặt bàn là chiếc đèn, máy truyền thanh, một ví da nhỏ, và cái điện thoại. Cây gậy gỗ phủ một lớp bụi mỏng dựng cạnh đó. Bên phải tôi là phòng khách chứa toàn những giá sách và bàn ghế móng thú cũ kỹ. Góc phòng có kê một chiếc dương cầm đóng nắp, trên đó chất lên từng chồng giấy tờ. Thiếu chiếc ghế đàn, có lẽ chính là băng ghế bà đang ngồi. Đâu đó trong nhà, đồng hồ treo tường đổ bảy tiếng.

"Cậu đúng giờ đấy!" Bà cụ trầm trồ. "Tôi muốn cậu trả tiền nhà cũng đúng kỳ như vậy".

"Tôi có lá thư này, madame". Trong túi áo khoác của tôi là thư chứng nhận tôi là nhân viên của MIT.

Bà lướt qua lá thư, rồi cẩn thận trao lại cho tôi, nắm vững trong tay như đấy là một đĩa đầy ắp thức ăn chứ không chỉ là một tờ giấy tầm thường. Bà không đeo kính và tôi thắc mắc bà có đọc một chữ nào trong đó chăng.

"Cái thằng ở đây trước cậu bao giờ cũng trễ! Nó nợ tôi tám đồng! Bọn Harvard bây giờ không như trước! Chỉ có Harvard hoặc Tech mới được ở đây thôi! Tech bây giờ ra sao, nhãi con?"

"Khá".

"Cậu khóa cửa chưa?"

"Rồi, madame".

Bà đập tay xuống chỗ ghế trống và bảo tôi ngồi cạnh. Trong giây lát bà bỗng trở nên thinh lặng. Rồi bà cất tiếng, như thể bà là người duy nhất vừa ý thức được một sự kiện mới mẻ.

"Cờ Hoa Kỳ đang hiện diện trên mặt trăng!"

"Vâng, madame". Trước đấy, tôi không nghĩ ngợi nhiều về chuyện mặt trăng. Chuyện này dĩ nhiên đã được báo chí tường trình đầy đủ từng loạt. Các phi hành gia đã đặt chân đến bến bờ của Biển Lặng, thám hiểm xa hơn bất cứ thời đại nào trong lịch sử văn minh. Họ thăm dò mặt trăng, thu nhặt đá sỏi, tả về một cảnh hoang vắng hùng vĩ, điện đàm cùng tổng thống, và cắm cờ lên cung trăng. Chuyến du hành được xem như một thành tích vĩ đại nhất của nhân loại. Tôi đã xem nhiều hình ảnh chiếm từng trang báo The Boston Globe, phi hành gia trong những bộ áo bay, sinh hoạt thường dân đã như thế nào trong chính giây khắc phi hành đoàn đặt chân lên mặt trăng trong một buổi trưa Chủ Nhật. Một người đàn ông đang chèo thuyền, radio dí sát tai. Một người đàn bà đang nướng bánh cho con cháu.

Bà lão chợt hú, "Cờ Hoa Kỳ trên cung trăng, nhãi con! Tuyệt diệu không?"

"Vâng, madame".

Nhưng bà không hài lòng với câu trả lời của tôi. Bà ra lệnh, "Nói *tuyệt* đi".

Tôi vừa bối rối vừa cảm thấy bị khinh thường. Tôi nhớ cách phải học làu bản cửu chương của ngày xưa còn bé, ngồi xếp bằng, không giày không bút, trên sàn lớp học của trường tiểu học ở Tollygunge. Tôi cũng hồi tưởng ngay đến ngày cưới, khi tôi phải lập đi lập lại sau vị chủ tế lễ cưới những câu kinh Sanskrit bất tận, những câu kinh kệ khó hiểu đã chắp nối tôi và người đàn bà tôi gọi là vợ. Tôi im lặng.

"Nói *tuyệt* đi". Bà lão lại léo nhéo lần nữa.

"Tuyệt". Tôi lí nhí, và lại phải gào lên, lập lại lần thứ hai, để bà ta nghe. Tính tình tôi nhỏ nhẹ nên không dám nói to với một người đàn bà tôi vừa mới gặp, nhưng bà ta dường như không giận. Ngược lại, câu trả lời có lẽ đã làm bà hài lòng vì mệnh lệnh kế tiếp của bà như sau:

"Đi xem phòng đi".

Tôi rời ghế và bước lên cầu thang hẹp lót thảm.

Trên lầu có năm cánh cửa, mỗi bên hành lang là hai cửa và cửa kia ở góc cuối cùng. Chỉ có một cửa được hé mở. Gian phòng này có chiếc giường đôi kê dưới trần nhà dốc thoai thoải, chiếc thảm nâu hình bầu dục, bồn rửa mặt với ống nước để hở không che đậy, và một chiếc tủ có nhiều ngăn. Một cánh cửa, sơn trắng, dẫn vào tủ quần áo, và một cửa khác mở vào phòng vệ sinh. Tường dán giấy xám có kẻ những đường kẻ màu ngà. Cửa sổ mở, gió lùa làm lay động chiếc màn. Tôi vén màn xem xét quang cảnh: sân nhỏ phía sau, vài cây ăn trái, và hàng dây phơi quần áo. Tôi vừa ý lắm. Từ dưới gác, tiếng bà già vọng lên:

"Cậu quyết định thế nào?"

Khi tôi trở xuống và cho bà câu trả lời, bà mở chiếc ví da trên bàn, lục và móc ra chiếc chìa khóa buộc lủng lẳng một sợi dây thiếc. Bà nói phía sau là nhà bếp. Tôi được tha hồ dùng bếp với điều kiện sau khi dùng tôi phải trả nó về tình trạng trước khi dùng. Khăn tắm và khăn trải giường đều có sẵn, nhưng việc giặt giũ chúng cho sạch sẽ là bổn phận của tôi. Tiền nhà mỗi sáng thứ Sáu phải có trên giá đàn dương cầm. "Và cấm ngặt khách phụ nữ".

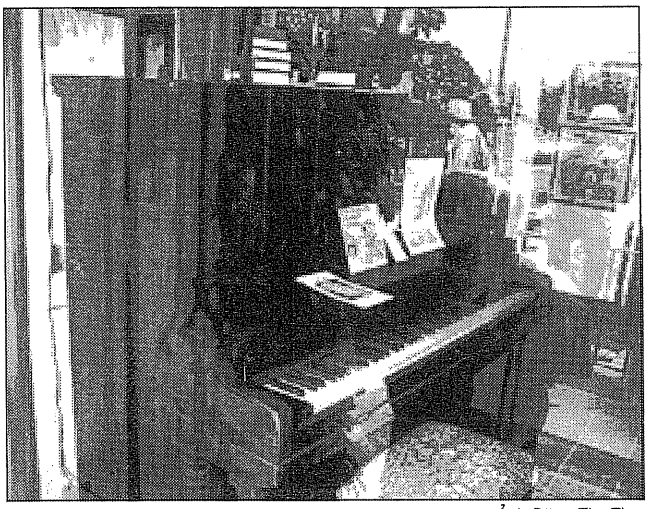

Ảnh Đặng Thơ Thơ

"Tôi có vợ rồi, madame". Đây là lần đầu tiên tôi nhìn nhận điều này với một người khác.

Nhưng bà ta không nghe thấy. "Cấm ngặt khách phụ nữ!" Bà cương quyết. Rồi bà tự giới thiệu mình là Mrs. Croft.

Tên vợ tôi là Mala. Cuộc hôn nhân này đã do người anh và chị dâu tôi định đoạt. Tôi đứng trước sự xếp đặt này không phản đối và cũng không hưởng ứng. Đây là một trách nhiệm đòi hỏi ở tôi, như ở mọi người đàn ông. Cô ấy là ái nữ của một nhà giáo ở Beleghata. Tôi được cho hay rằng cô ấy biết nấu nướng, đan áo, thêu thùa, làm vườn, và ngâm thơ Tagore, nhưng tất cả tài năng này không thể bù đắp cho một nhược điểm là cô không được trắng, cho nên đã có cả tá đàn ông chê cô thẳng mặt. Cô đã đến hai mươi bảy, số tuổi mà cha mẹ cô đã bắt đầu e sợ cô sẽ phải ở vậy suốt đời, và vì thế họ sẵn sàng đẩy cô đi xa nửa vòng trái đất để cứu cô khỏi phận gái già.

Năm đêm liền chúng tôi chung giường. Mỗi đêm, sau khi đã trát kem dưỡng da mặt, bện tóc rồi thắt nơ đen ở nốt bện sau cùng, cô quay lưng tránh tôi và khóc. Cô nhớ cha mẹ. Mặc dù tôi sẽ phải rời quê hương trong ít ngày nữa, tục lệ bắt cô phải trở thành một phần phụ thuộc gia tộc tôi, và trong sáu tuần lễ tiếp theo cô sẽ phải ở trong nhà anh tôi, nấu nướng, lau dọn, rót nước tiếp khách cho họ. Tôi không an ủi cô. Tôi nằm bên nửa giường của tôi, đọc sách cẩm nang và nôn nao chờ ngày lên đường. Có lúc tôi nghĩ đến gian buồng chật hẹp bên kia vách tường nơi mẹ tôi đã ngủ. Bây giờ gian buồng ấy hoàn toàn trống trải; cái sạp gỗ lúc xưa bà nằm giờ đây chất chồng lên đó những rương kệ và chiếu cũ. Gần sáu năm qua, trước khi đi Luân Đôn, tôi đã chứng kiến mẹ tôi chết trên sạp gỗ đó, đã nhìn thấy mẹ tôi bốc tay vào xú uế bài tiết của chính bà trong những ngày cuối cùng. Trước khi hỏa táng, tôi đã cạo sạch từng móng tay bà bằng chiếc rẽ tóc, và rồi vì anh tôi quá xúc động, tôi đã đứng thay anh làm phận sự trưởng nam, tự tay nhóm lửa hỏa táng, để giải thoát linh hồn đau khổ của mẹ về thiên đàng.

Sáng hôm sau tôi dọn vào nhà bà Croft. Khi mở cửa vào, tôi thấy bà đang ngồi trên băng ghế dương cầm, hệt như chiều hôm trước. Bà vẫn mặc chiếc váy đen đó, chiếc sơ mi trắng đó, và bà vẫn xếp đôi bàn tay đặt trong lòng như hôm qua. Không có sự gì thay đổi nơi bà khiến tôi nghĩ bà đã có thể ngồi đó suốt đêm. Tôi đem hành lý lên lầu, tra nước sôi vào bình thủy, và hăm hở đi làm. Chiều khi tôi trở về từ đại học, bà vẫn ngồi đó.

"Ngồi xuống đây, nhãi con!" Bà vỗ tay xuống chỗ ghế trống.

Tôi ngồi mép ghế bên cạnh bà. Tôi mới ôm về một giỏ chợ – lại sữa, lại cốm, lại chuối, và khi đi xem bếp ban sáng tôi không tìm thấy bóng dáng nồi, chảo hay bất cứ dụng cụ bếp núc nào. Chỉ có

hai nồi nhỏ trong tủ lạnh, cả hai đều chứa một thứ canh màu cam, và một siêu đồng trên bếp.

"Chào madame".

Bà hỏi tôi khóa cửa chưa. Tôi trả lời khóa rồi.

Một thoáng bà trở nên yên lặng. Rồi bỗng dưng bà reo, với đồng một mức vừa khó tin vừa mừng rỡ như tối trước, "cờ Hoa Kỳ đang bay trên cung trăng kìa, nhãi con!"

"Vâng, madame".

"Cờ bay trên mặt trăng! Tuyệt không?"

Tôi gật, hãi sợ điều tất đến. "Vâng, madame".

"Nói *'tuyệt'* đi".

Tôi chần chừ, nhìn quanh hai phía xem còn ai ở đấy có thể nghe tôi chăng, dù tôi biết rõ nhà chỉ có mình bà. Tôi cảm thấy dần độn. Nhưng đây cũng chỉ là một đòi hỏi nhỏ. *"Tuyệt!"* Tôi nói lớn.

Chỉ trong vài ngày điều này đã trở nên thông lệ. Sáng sáng khi tôi rời nhà ra thư viện bà Croft ẩn thân đâu đó trong phòng ngủ của bà, hay ngồi yên trên băng ghế, lắng nghe tin tức hoặc nhạc cổ điển trên máy truyền thanh, không đếm xỉa đến sự có mặt của tôi. Nhưng chiều chiều khi tôi trở về, bao giờ cũng diễn ra duy nhất một việc: bà chỉ ghế bắt tôi ngồi cạnh, khoe rằng có lá cờ đang bay trên cung trăng, và gọi điều đó là tuyệt diệu. Tôi cũng reo *tuyệt* và rồi chúng tôi lại ngồi giữa thinh lặng. Kỳ quặc và xem như vô tận nhưng những lần gặp mặt của chúng tôi chỉ kéo dài mười phút. Bà bắt đầu ngủ gật, đầu gục xuống ngực, để tôi tự do trở về phòng mình. Đến lúc đó, dĩ nhiên, không còn lá cờ nào trên cung trăng nữa cả. Phi hành đoàn đã gỡ cờ đem về trái đất. Nhưng tôi không nỡ để bà biết điều ấy.

Sáng Thứ Sáu, khi phải trả tiền nhà tuần lễ đầu tiên, tôi để tiền trên giá đàn dương cầm. Những phím đàn đã ngả màu vàng ố. Tôi nhấn một nốt đàn nhưng nó không phát ra âm thanh. Tôi cất tám tờ một đồng trong phong bì, và viết tên bà Croft lên đó. Tôi không hay để tiền bạc lay lứt không người thừa nhận. Từ nơi đang đứng tôi có thể chỉ thấy bóng dáng chiếc váy như chiếc lều của bà. Bà đang ngồi trên băng ghế, lắng nghe máy truyền thanh. Không cần phải bắt bà đứng lên để tới gặp tôi. Tôi chưa hề thấy bà đi lại, và đoán từ chiếc gậy luôn luôn được dựng cạnh chỗ ngồi, rằng bà đi lại rất khó khăn. Khi tôi đến gần, bà ngước nhìn tôi, và tra vấn:

"Cậu có chuyện gì đó?"

"Tiền nhà, madame".

"Để nó trên giá đàn đi!"

"Tôi có nó đây". Tôi trao phong bì về phía bà, nhưng đôi bàn tay bà, đan vào nhau và đặt trong lòng, vẫn bất động. Tôi cúi người, hạ thấp phong bì, để vừa tầm với cho bà. Sau một thoáng thì bà nhận, và gật đầu.

Tối đó khi tôi về bà Croft không chỉ ghế nữa, nhưng theo thói quen tôi vẫn ngồi xuống. Bà hỏi tôi đã khóa cửa chưa, nhưng không nhắc nữa về lá cờ trên cung trăng. Thay vào đó, bà nói:

"Cậu tử tế lắm".

"Xin lỗi, madame nói chi?"

"Tử tế lắm!"

Bà vẫn cầm chặt phong bì trong tay.

Sáng Chủ Nhật có người gõ cửa phòng tôi. Người đàn bà lớn tuổi tự giới thiệu là Helen, con gái bà Croft. Helen bước vào phòng và nhìn lên mỗi vách tường như tìm tòi dấu lạ, liếc mắt nhìn đến những chiếc áo sơ mi trong tủ, cà vạt máng trên nắm cửa, chén bát dơ trong bồn rửa mặt, hộp cốm trên nóc tủ. Bà ta thấp dáng và rộng eo, tóc bạc tém ngắn, môi son hồng chói. Bà mặc áo đầm sát nách, đeo chuỗi hạt trai trắng, và cặp kính buộc dây chuyền treo lủng lẳng xuống ngực như một chiếc xích đu. Bắp chân bà mập mờ chằng chịt những đường gân xanh, và bắp thịt tay trên chảy xệ xuống hai bên như hai quả cà tím già héo. Helen nói bà sống ở Arlington, một tỉnh nhỏ phía bắc Massachusetts Avenue.

"Tôi đến lo chợ búa cho mẹ mỗi tuần một lần. Bả chưa làm cậu bỏ chạy à?"

"Mọi việc tốt đẹp lắm, thưa bà".

"Có nhiều cậu thanh nhiên bỏ chạy la hoảng. Nhưng tôi thấy mẹ tôi hài lòng với cậu. Cậu là người thuê phòng đầu tiên bả khen là có ý tứ".

"Không có gì đâu, thưa bà".

Helen nhìn tôi, để ý đôi chân trần. (Tôi vẫn chưa quen đi giầy trong nhà, lúc nào cũng phải cởi giầy trước khi vào phòng.)

"Cậu mới đến Boston?"

"Mới đến Hoa Kỳ thưa bà".

"Từ đâu?"

"Từ Calcutta, Ấn Độ".

"Vậy sao? Năm trước chúng tôi có một cậu từ Ba Tây. Rồi cậu sẽ thấy Cambridge là một thành phố quốc tế".

Tôi gật đầu, và tự hỏi cuộc đối thoại này sẽ kéo dài đến bao giờ. Nhưng ngay lúc đó chúng tôi nghe tiếng thét dựng tóc của bà Croft vọng lên từ dưới lầu. Khi bước ra ngoài lối đi, chúng tôi nghe bà hét;

"Các người phải xuống đây ngay tức khắc!"

"Chuyện gì vậy, Mẹ?" Helen hét lại.

"Ngay tức khắc!"

Tôi lập tức xỏ giầy. Helen thở dài.

Chúng tôi xuống lầu. Vì cầu thang hẹp, tôi đi sau Helen đi trước không một chút vội vã và còn than phiền đầu gối bà bị phong thấp. "Mẹ lại không chống gậy hả?" Helen nói to. "Mẹ biết Mẹ phải chống gậy mà". Bà ngừng lại giữa lầu, vịn tay vào lan can nhìn ngược lên tôi. "Thỉnh thoảng bả ngã".

Lần đầu tiên bà Croft như bị phơi trần nhược điểm. Tôi tưởng như bà đang nằm sóng soài dưới đất, mắt trợn trừng nhìn lên trần nhà, chân tay cong tứ phía. Nhưng khi chúng tôi đã xuống đến nấc chót của cầu thang, bà Croft vẫn ngồi lù lù ở đấy, tay đặt trên đùi. Hai giỏ quà chợ bên chân bà. Khi chúng tôi đến trước bà, bà không vỗ ghế, cũng không bảo chúng tôi ngồi. Bà chỉ lườm.

"Chuyện gì thế, Mẹ?"

"Trái phép!"

"Điều gì trái phép?"

"Trái phép là khi một người đàn bà và một người đàn ông chẳng phải vợ chồng mà lại trò chuyện riêng với nhau trong một phòng kín không có người làm chứng".

Helen bảo bà đã sáu mươi tám tuổi, đáng tuổi mẹ tôi rồi, nhưng bà Croft nhất quyết chúng tôi phải nói chuyện trong phòng khách. Bà nói thêm Helen đã trái phép vì đã tiết lộ tuổi tác và vì mặc váy cao quá mắt cá.

"Mẹ à, thời buổi này đã là 1969. Mẹ sẽ ra sao nếu có bữa Mẹ ra đường và nhìn thấy một đứa con gái mặc váy ngắn?"

"Tao sẽ gọi cảnh sát".

Helen lắc đầu, xách lên một giỏ chợ. Tôi xách nốt giỏ kia, đi theo bà qua phòng khách vào đến bếp. Hai chiếc giỏ chứa toàn đồ hộp. Helen đổ nồi xúp cũ xuống bồn rửa bát, vặn nước rửa nồi, đổ xúp mới vào nồi sạch, rồi cất nồi lại vào tủ lạnh. "Vài năm trước mẹ tôi có thể tự mở hộp lấy". Helen nói. "Mẹ không thích tôi làm thay cho mẹ việc này. Nhưng phím đàn đã làm hỏng tay của mẹ". Helen đeo kính lên mắt, nhìn lên tủ ly và tìm ra hộp trà của tôi. "Chúng ta uống trà nhé?"

Tôi chế nước vào siêu đặt lên bếp. "Xin lỗi bà, bà nói sao về đàn dương cầm?"

"Lúc xưa mẹ dạy đàn. Trải bốn mươi năm. Đó là cách mẹ nuôi chúng tôi khôn lớn sau khi bố tôi mất". Helen đứng chống nạnh nhìn vào tủ lạnh mở. Bà thò tay vào tận trong cùng, lôi ra thỏi bơ, xịu mặt, rồi vứt nó vào xọt rác. "Thế là xong". Bà nói, và cất những hộp súp còn nguyên vào tủ. Tôi ngồi ở bàn, nhìn Helen rửa hết đống bát dơ, đổ rác, tưới chậu cây leo bên bồn chén, và rót nước sôi vào hai cái tách. Bà đưa tôi tách không sữa, giây gói trà thò lòng thòng ngoài miệng tách, và ngồi xuống cùng bàn với tôi.

"Xin lỗi bà, thế như vậy có đủ không?"

Helen hớp ngụm trà, để lại vết son trên mép tách.

"Cái gì đủ không?"

"Súp trong nồi. Bấy nhiêu đó có đủ cho bà Croft không?"

"Mẹ không chịu ăn gì ngoài súp. Mẹ thôi ăn chất đặc từ lúc mẹ thọ bách niên. Để xem, ngày ấy đến giờ cũng được ba năm rồi".

Tôi hãi hùng. Tôi cứ ngỡ bà Croft chỉ ngoài tám mươi, già lắm là 90. Tôi chưa hề biết một người nào đã sống hơn một thế kỷ. Sự kiện đây là một bà goá sống một mình càng làm tôi hãi hùng hơn. Chính cảnh góa bụa đã làm mẹ tôi mất trí. Cha tôi, khi xưa là nhân viên của toà bưu chính Calcutta, qua đời vì chứng sưng màng óc khi tôi mười sáu tuổi. Mẹ tôi không chịu thích nghi với đời sống thiếu vắng cha, chìm sâu vào một thế giới tăm tối, không ai có thể kéo bà ra khỏi, không tôi, không anh tôi, không họ hàng, không luôn cả các viện thần kinh trên đường Rashbihari. Điều làm tôi đau đớn nhất là phải chứng kiến bà không còn biết giữ gìn, ọc ợ sau bữa ăn, đánh rắm trước mặt khách mà không chút xấu hổ. Sau khi cha qua đời, anh tôi nghỉ học để bắt đầu lao động và cuối cùng quản lý một xưởng dệt để nuôi gia đình. Phận sự của tôi là ngồi bên chân mẹ học thi, nhìn bà đếm đi đếm lại những chiếc vòng trên tay như đó là những hạt bàn tính. Chúng tôi thay phiên nhau canh chừng bà. Một lần mẹ tôi phân nửa người trần truồng đi lang thang ra đến tận trạm xe lửa trước khi chúng tôi tìm thấy bà.

"Tôi không ngại nấu súp cho bà Croft mỗi chiều". tôi đề nghị, vớt gói trà ra khỏi tách và vắt cho ra hết nước. "Không có gì phiền hà cả".

Helen nhìn đồng hồ đeo tay, đứng dậy, đổ phần trà còn lại xuống cống. "Đừng làm vậy, cậu ạ. Đó chính là điều sẽ giết mẹ hoàn toàn".

Chiều hôm đó, khi Helen đã về Arlington, và khi chỉ còn lại tôi với bà Croft, tôi bắt đầu thấy lo. Bây giờ, khi đã biết được bà già cỡ nào, tôi lo những chuyện có thể xảy ra cho bà lúc nửa đêm, hoặc vào lúc tôi đi vắng vào ban ngày. Dù cho giọng nói bà có mạnh đến độ nào, và dù cho bà trông vẫn còn rất đáng sợ, tôi biết chỉ cần một vết trầy hoặc một cơn ho cũng có thể giết chết một người già cỡ đó; mỗi một ngày bà còn sống, tôi hiểu, là một

phép lạ. Dù cho Helen có vẻ thân thiện, tôi vẫn canh cánh lo âu bà sẽ bắt lỗi tôi nếu có chuyện gì xảy ra. Helen thì lại không có vẻ gì lo lắng. Bà đến rồi đi, đem súp cho bà Croft, hết Chủ Nhật này đến Chủ Nhật khác.

Cứ theo đà này mà sáu tuần lễ của mùa hè năm ấy đã trôi qua. Tôi đi làm về mỗi chiều, và bỏ ra vài phút ngồi ở ghế đàn với bà Croft. Tôi trò chuyện với bà, bảo đảm với bà tôi đã khóa cửa, và nói lá cờ trên mặt trăng trông tuyệt lắm. Có nhiều khi tôi cũng ngồi cạnh bà sau khi bà đã lãng đãng lạc vào giấc ngủ, kinh ngạc vì bà đã sống trên mặt đất này ngần ấy năm. Tôi cố hình dung ra một thế giới khi bà vừa chào đời, năm 1866 – một thế giới có phụ nữ mặc váy đen che kín chân, nói chuyện ý tứ trong phòng khách. Bây giờ, khi tôi nhìn đôi tay bà với những đốt xương sưng vù, tôi hình dung ra ngày xưa chúng thon gầy và bóng bẩy, dạo trên phím đàn. Thỉnh thoảng tôi lại xuống gác trước khi đi ngủ để biết cho chắc chắn bà vẫn ngồi ngay ngắn trên ghế hay đã an toàn nằm ngủ trong phòng riêng. Mỗi sáng thứ Sáu tôi đem tiền nhà đặt vào tay bà. Tôi không thể làm gì hơn cho bà ngoài những cử chỉ đơn giản này. Tôi không phải là con trai ruột thịt của bà, và ngoài tám đồng bạc mỗi tuần, tôi không nợ nần bà điều gì khác.

Cuối tháng Tám, giấy thông hành và thẻ xanh của Mala đã sẵn sàng. Tôi nhận được điện tín với chi tiết chuyến bay của cô; nhà anh tôi ở Calcutta không có điện thoại. Vào cùng thời gian đó tôi nhận được thư cô viết, ngày tháng trên dấu ấn bưu điện chỉ sau hôm tôi đi vài ngày. Không một chữ chào hỏi mở đầu, và nếu gọi tên tôi chỉ có nghĩa là xác nhận một sự gần gũi chúng tôi chưa kinh nghiệm. Lá thư chỉ vỏn vẹn vài giòng. "Tôi viết bằng Anh ngữ để sửa soạn cho chuyến đi. Ở đây tôi lẻ loi quá. Ở nơi anh có lạnh không. Có tuyết không. Mala".

Tôi không xúc động trước lời lẽ của cô. Chúng tôi mới ở với nhau có vài ngày mà đã bị trói buộc vào nhau. Sáu tuần liền cô đã đeo khuyên vàng trên cổ tay và đánh son đỏ lên trán để chứng tỏ cho thế giới biết cô là một nàng dâu. Trong sáu tuần lễ đó tôi đã chờ đợi cô như chờ đợi ngày tháng, tiết mùa, một điều gì đó tất phải đến, nhưng vô nghĩa. Tôi biết rất ít về cô, đến nỗi đôi khi vài nét về cô trở về trong trí nhớ tôi vẫn không thể gợi lên toàn thể khuôn mặt.

Vài ngày sau hôm nhận thư, một hôm đi bộ đến thư viện, tôi bắt gặp một người đàn bà Ấn đứng bên kia đường Massachusetts Avenue, mặc sari với vạt áo thả gần chạm mặt đất, tay đẩy xe em bé. Một người đàn bà Hoa Kỳ tay cầm dây xích một con chó đen nhỏ đi ngang ngay bên cạnh bà. Bỗng nhiên con chó cất tiếng sủa. Từ bên này đường tôi thấy người đàn bà Ấn giật mình, đứng lại, và cùng một lúc con chó chồm lên cắn lấy vạt áo của bà và kéo. Người đàn bà Hoa Kỳ mắng chó, dường như thốt lời xin lỗi và lại hấp tấp kéo chó bước đi, để lại người đàn bà Ấn đứng giữa đường sửa áo, dỗ dành đứa con nhỏ đang òa khóc. Bà không trông thấy tôi, tiếp tục bước đi. Sáng đó tôi nhận thấy những chuyện đáng tiếc như thế rồi sẽ trở thành những quan tâm của tôi. Tôi có bổn phận phải lo lắng cho Mala, chào đón cô, bảo vệ cô. Tôi phải sắm cho cô đôi giầy tuyết đầu tiên, áo lạnh đầu tiên. Tôi phải chỉ cô lối nào phải tránh, hướng nào đông xe, bảo cô khi mặc sari đừng để vạt áo lê dưới đất. Chỉ cách xa cha mẹ năm dặm thôi, tôi hồi tưởng lại với một chút khó chịu, cô đã khóc sướt mướt.

Khác với Mala, tôi đã quen với tất cả: quen ăn cốm với sữa, quen những cuộc thăm viếng của Helen, quen những buổi chiều ngồi với bà Croft. Chỉ duy nhất một điều tôi chưa quen là Mala. Dù vậy tôi vẫn làm nhiệm vụ tôi phải làm. Tôi đến văn phòng tìm nhà tại MIT và tìm được một căn chung cư cách đó vài góc phố có đầy đủ bàn ghế, bếp núc và nhà vệ sinh riêng rẽ, với giá bốn mươi đồng một tuần. Ngày thứ Sáu sau cùng tôi trao đến tay bà Croft tám tờ một đồng trong bao thư, đem giỏ hành lý xuống gác, và thưa bà rằng tôi phải dọn ra. Bà cất chìa khóa của tôi vào ví tiền lẻ. Điều cuối bà sai khiến tôi là lấy cho bà cái gậy để bà đứng lên đi khóa cửa. "Vậy thì từ giã cậu". bà nói và rút lui vào nhà. Tôi không trông chờ một màn phô trương cảm xúc, thế nhưng tôi vẫn thất vọng. Tôi chỉ là một gã thuê phòng, một gã trả cho bà ít tiền hàng tuần, ra vào nhà bà trong sáu tuần lễ. So với một thế kỷ, thời gian ấy thật không đáng kể.

Tại phi trường tôi nhận ngay ra Mala. Tà sari của cô không lết đất, nhưng phủ lên đầu như một dấu hiệu cô dâu kín đáo, giống như mẹ tôi cho đến ngày cha tôi qua đời. Đôi cánh tay nâu gầy của cô lủng lẳng nhiều chiếc vòng vàng, một dấu chấm đỏ tô trên trán, và đôi chân tô son đỏ. Tôi không ôm cô, không hôn cô, không nắm tay cô. Thay vào đó tôi chỉ hỏi cô bằng tiếng Bengali, lần đầu tiên trên đất Mỹ, cô có đói không.

Cô ngần ngừ, rồi gật đầu.

Tôi nói tôi đã nấu cà ri trứng ở nhà. "Người ta

cho em ăn gì trên máy bay?"

"Em không ăn gì".

"Suốt từ Calcutta sang đây?"

"Thực đơn chỉ có món súp đuôi bò".

"Chắc chắn phải có món gì khác chứ".

"Nghĩ đến chuyện phải ăn đuôi bò làm em mất khẩu vị".

Khi chúng tôi về nhà, Mala mở hành lý và lấy ra cho tôi hai chiếc áo len chui, cả hai đều được đan bằng len màu xanh chói cô đã đan suốt thời gian chúng tôi cách xa, một chiếc có cổ chữ V, chiếc kia chằng chịt mẫu bện. Tôi mặc thử lên người, cả hai đều bị chật nách. Cô cũng đem cho tôi hai chiếc quần ngủ mới, một bức thư của anh tôi, và một gói trà Darjeeling. Tôi không có quà gì cho cô ngoài nồi cà ri trứng. Chúng tôi ngồi ở chiếc bàn cũ kỹ, cả hai chỉ biết nhìn đĩa. Chúng tôi ăn bằng tay, một tục lệ tôi đã quên từ ngày sang Mỹ.

"Nhà đẹp quá". cô nói. "Cà ri cũng ngon nữa". Cô giữ tà sari bằng tay trái, ép sát vào ngực, để nó đừng tuột khỏi đầu.

"Tôi không biết nhiều công thức nấu ăn".

Cô gật, bóc vỏ khoai trước khi ăn. Một lần, tà sari trễ xuống vai, làm cô phải sửa lại ngay.

"Em không cần phải che đầu. Tôi không đòi hỏi chuyện linh tinh đó đâu".

Cô vẫn che đầu như thường.

Tôi kiên nhẫn chờ để tập làm quen với cô, với sự hiện diện của cô bên tôi, tại bàn ăn và trên giường ngủ, nhưng một tuần sau chúng tôi vẫn là hai kẻ lạ. Tôi không quen bước vào căn nhà lộng hương cơm hấp, bước vào phòng tắm trước một chiếc bồn đã được chùi bóng, bàn chải đánh răng xếp ngay ngắn, bánh xà bông Pears của Ấn Độ đựng trong đĩa sành. Tôi không quen mùi dầu dừa cô xức lên da đầu mỗi tối, hay tiếng khua lách cách của những chiếc khuyên

vietnamese

người ta nói:
em là thi sĩ việt nam của thế hệ cuối cùng
vì sau em,
tiếng việt sẽ chết.

tiếng việt sẽ chết
tôi nghe nói và không tin,
khi trở về phòng ngủ bên ngoài Little Saigon,
đặt mình xuống bên cạnh người tình da trắng,
người rất yêu tôi và yêu dân tộc tôi.
sau khi thỏ thẻ một câu 'I love you',
bỗng nhiên giận vô cớ
và làm tình với hắn trong tất cả căm hận của giống người da vàng.

tiếng việt sẽ chết
tôi nghe nói và không tin,
khi hớn hở tới hộp đêm gặp bạn bè,
những người bạn sinh ở Phan Rang, Củ Chi, Sài Gòn, Đà Nẵng,
nhưng mang những tên anh ngữ pháp ngữ như Elle, Taylur, Nik, Etienne.
cả một đêm vui chơi nhậu nhẹt nhảy nhót,
tôi không một lần phát âm giọng mẹ đẻ.
khi hôn chia tay, tôi vang vửa một lời 'ciao' (1) – không phải chào.

tiếng việt sẽ chết
tôi nghe nói và không tin,
khi len lỏi giữa dòng xe buổi chiều,
chợt vui mừng khi bỗng thấy bảng quảng cáo tiệm quần áo mới mở mang tên "Ra",
để rồi chỉ thất vọng khi hiểu rằng "ra" có nghĩa "đời sống" trong ngôn ngữ Ai Cập,
không phải tiếng nước tôi.
tôi giận phát chửi thề:
fuck.

tiếng việt sẽ chết
tôi nghe nói và không tin.

Đỗ Lê Anhdao
04/30/05

Chân dung

(1) ciao – tiếng Ý mang nghĩa chào hay tạm biệt.

vàng mỗi lần cô rón rén đi lại trong căn chung cư. Sáng ra bao giờ cô cũng thức trước tôi. Buổi sáng vào bếp cô đã hâm nóng đồ ăn, và đã xếp một chiếc đĩa trên đó có một muỗng muối để tôi ăn cơm lót lòng, như tất cả mọi người đàn ông Bengali khác. Tôi nói tôi chỉ ăn cốm thôi, để sáng hôm sau khi tôi vào bếp cô đã chan sữa sẵn sàng vào bát cốm của tôi rồi. Một hôm cô thả bộ với tôi dọc đường Massachusetts Avenue xuống MIT, tôi đã đưa cô đi thăm trường. Trên đường về chúng tôi ngừng lại ở một tiệm phụ tùng, và tôi làm thêm chìa khóa nhà để cô có thể tự do ra vào một mình. Sáng hôm sau trước khi tôi đi làm nàng xin vài đồng. Tôi miễn cưỡng đưa tiền, nhưng biết rằng ngay cả điều này, từ giờ trở đi sẽ là chuyện thường. Khi tôi về thì trong ngăn kéo đã có dao gọt vỏ khoai, trên bàn có khăn trải, và trên bếp có nồi cà ri gà nấu với tỏi và gừng tươi. Ngày đó chúng tôi không có máy truyền hình. Xong bữa tôi ngồi đọc báo, còn Mala ngồi ở bàn ăn, tự đan cho mình một chiếc áo cùng màu len xanh chói, hoặc viết thư về nhà.

Cuối tuần lễ đầu tiên, tối thứ Sáu, tôi đề nghị đi chơi. Mala bỏ ngay que đan, và biến vào nhà tắm. Khi cô trở ra, tôi bỗng hối hận đã đề nghị như thế: cô mặc một chiếc áo sari lụa, đeo thêm vòng vàng, uốn tóc và rẽ ngôi lệch. Cô sửa soạn cho một bữa tiệc, hay ít nhất là cho một buổi xem phim, nhưng tôi lại không có dự định đó trong đầu. Gió chiều man mác. Chúng tôi tản bộ qua nhiều khu phố trên đường Massachusetts, nhìn vào những cửa hàng ẩm thực và thời trang. Và rồi, không suy nghĩ, tôi dẫn nàng về lại con đường vắng, nơi tôi đã từng đi một mình nhiều đêm.

"Đây là nơi tôi đã ở trước khi em sang". Tôi nói, ngừng chân lại trước nhà bà Croft.

"Nhà lớn như thế?"

"Tôi chỉ có cái phòng trên gác. Phía sau".

"Ai ở đó nữa?"

"Một bà lão rất già".

"Bà ở với con cháu?"

"Một mình".

"Nhưng ai trông nom bà?"

Tôi mở cánh cổng. "Phần lớn bà ta tự lo lấy".

Tôi tự hỏi bà Croft có nhớ tôi không; tôi tự hỏi không biết bà có người thuê khác chưa, họ có ngồi bên bà mỗi chiều chăng. Bấm chuông, tôi đoán mình sẽ phải chờ đợi lâu như ngày mới đến. Nhưng lần này cửa mở ngay, do Helen. Bà Croft không ngồi ở ghế. Cái ghế không còn ở chỗ của nó.

"Chào cô cậu". Helen nói, cười với Mala bằng đôi môi hồng chói. "Mẹ tôi ở trong nhà. Cô cậu định ở chơi lâu không?"

"Thế nào cũng được, madame".

"Vậy để tôi ra chợ một lát, nếu không phiền cô cậu. Mẹ bị một tai nạn nhỏ. Dạo này chúng tôi không thể rời bả được, một phút cũng không được".

Tôi khoá cửa sau khi Helen đã đi, và bước vào trong. Bà Croft nằm thẳng lưng, đầu đặt lên chiếc gối màu đào, tấm chăn bông mỏng đắp lên người. Tay bà đặt trên ngực. Khi thấy tôi bà chỉ chiếc ghế và bảo tôi ngồi xuống. Tôi ngồi xuống như ý bà muốn, nhưng Mala thì tiến tới chiếc đàn và ngồi xuống ghế đàn, bây giờ đã trở về đúng vị trí của nó.

"Tôi bị gẫy xương chậu".

"Tội nghiệp madame!"

"Tôi ngã ghế đàn".

"Chia buồn cùng madame".

"Nửa đêm đấy cậu! Cậu biết tôi phải làm gì không?"

Tôi lắc đầu.

"Gọi cảnh sát!"

Bà nhìn chăm chăm lên trần nhà và cười như mê man, để lộ hàm răng xám. Không thiếu một răng nào. "Cậu nghĩ sao, cậu nhỏ?"

Tôi sửng sốt lắm, nhưng vẫn biết mình phải nói gì. Không chút ngại ngùng, tôi reo lớn, "*tuyệt!*"

Mala bật cười. Giọng cười cô hiền lành, mắt cô long lanh thích thú. Tôi chưa hề được nghe cô cười, và cô đã cười lớn để bà Croft cũng nghe thấy. Bà quay nhìn Mala, sáng mắt.

"Ai vậy, nhãi con?"

"Cô ấy là vợ tôi, madame".

Bà Croft quay đầu để nhìn rõ hơn: "Cô biết chơi dương cầm không?"

"Không, madame".

"Vậy thì đứng dậy đi".

Mala đứng lên, sửa lại tà sari trên đầu, kéo lại gần ngực, và lần đầu tiên từ ngày cô đến, tôi thấy thương hại cô. Tôi nhớ những ngày mới đến, tôi phải tìm lối xe điện đi Russell Square, đi thang quấn lần đầu, chưa hiểu rằng khi người bán báo rao "piper" thì đó có nghĩa là "paper", một năm trời mới nghe ra người phu xe nói "coi chừng kẽ hổng" mỗi lần xe lửa rời ga. Như tôi, Mala luân lưu xa xứ, không biết mình đi đâu, sẽ tìm gặp được gì, không có mục đích nào khác ngoài việc làm vợ tôi. Dù lạ lùng bao nhiêu, trong thâm tâm tôi vẫn biết một ngày nào đó cái chết của cô sẽ ảnh hưởng đến tôi, và la hơn thế nữa, của tôi đến cô. Tôi muốn, bằng một cách nào đó, giải thích điều này cho bà

Croft, khi bà vẫn đang xem xét Mala từ đầu đến chân bằng một thái độ gần như là khinh thường. Tôi không rõ bà Croft có bao giờ nhìn thấy một người đàn bà mặc sari, có đốt son trên trán, và khuyên vàng một tá trên cổ tay. Tôi không hiểu bà Croft sẽ chê điều gì. Tôi không rõ bà có thấy không chân Mala còn vương màu nhuộm đỏ. Cuối cùng, bà Croft tuyên bố, với một giọng vừa ngạc nhiên vừa thích thú mà tôi biết rõ:

"Cô ấy tuyệt đẹp!"

Đến lượt tôi phải cười. Tôi cười khẽ để bà Croft đừng nghe. Nhưng Mala có nghe, và chúng tôi nhìn rồi cười với nhau lần đầu tiên.

Tôi thích nghĩ về giây phút trong nhà bà Croft như giây phút khoảng cách giữa Mala và tôi được thu hẹp. Dù chúng tôi chưa hẳn yêu nhau, tôi thích nghĩ về những tháng ngày sau đó như một loại trăng mật. Chúng tôi cùng đi thăm thành phố, và gặp gỡ nhiều người Bengali, nhiều người đến nay với chúng tôi đã trở nên bạn hữu. Chúng tôi tìm ra được ông Bill bán cá tươi trên đường Prospect, hiệu chạp phô Cardulla trong Harvard Square bán nguyệt quế và đinh hương. Chiều chiều chúng tôi thả bộ để nhìn những cánh buồm lướt trên mặt nước, hay ăn cà rem tại Harvard Yard. Chúng tôi mua máy ảnh lấy liền để đánh dấu cuộc sống chung, để tôi chụp hình cô trước tòa Prudential cho cô gửi về khoe cha mẹ. Buổi tối, chúng tôi hôn nhau, ban đầu còn thẹn nhưng dần dần trở nên dạn dĩ, và cuối cùng tìm ra khoái lạc và sự ủi an trong vòng tay nhau. Tôi thuật lại chuyến đi của tôi trên chiếc SS Roma, thuật lại đời sống ở Finsbury Park, ở YMCA, và những buổi chiều ngồi với bà Croft trên băng ghế. Khi tôi nhắc về mẹ tôi, Mala khóc. Chính Mala đã an ủi tôi khi một buổi chiều đọc tờ Globe tôi đã thấy tên bà Croft trong phần cáo phó. Tôi không hề nghĩ đến bà trong nhiều tháng – đến lúc đó thì sáu tuần mùa hè chỉ còn là một thời điểm xa xôi trong đi vãng – nhưng khi hay tin bà chết thì tôi buồn, đến nỗi khi Mala ngừng kim đan ngước lên cô thấy tôi nhìn trân trối vách tường, tờ báo thả lỏng trên đùi, câm nín. Bà Croft là cái chết đầu tiên tại Hoa Kỳ tôi thương tiếc, vì đó là một đời sống tôi khâm phục; cuối cùng thì bà cũng lìa xa thế gian này, cô đơn và cằn cỗi, không bao giờ trở về.

Phần tôi, tôi đã không đi đâu xa hơn. Mala và tôi chọn sinh sống ở một thành phố nhỏ cách Boston hai mươi dặm, trên một con đường rợp bóng cây hai bên, hệt như nhà bà Croft khi xưa, trong một ngôi nhà chúng tôi làm chủ, có phòng nghỉ riêng cho khách, có vườn cho chúng tôi trồng cà chua vào mỗi vụ hè. Chúng tôi hiện nay là công dân Hoa Kỳ, để từ đây chúng tôi có thể lãnh tiền an sinh xã hội khi đã đủ tuổi. Dù chúng tôi cách vài năm lại về thăm Calcutta, đem về quần ngủ thắt cạp dây và trà Darjeeling, chúng tôi quyết định sống già ở đây. Tôi làm việc tại một thư viện đại học nhỏ. Chúng tôi có con trai theo học tại Harvard. Mala không còn lấy vạt sari che đầu, cũng không còn khóc nhớ cha mẹ hằng đêm, nhưng thỉnh thoảng cô khóc vì nhớ con. Thế là chúng tôi lại đi Cambridge thăm con, hoặc đón nó về nhà một cuối tuần nào đó, để nó có thể dùng cơm với chúng tôi bằng tay, và nói ngôn ngữ Bengali, những điều mà chúng tôi sợ nó sẽ không tiếp nối sau khi chúng tôi chết.

Mỗi khi đi thăm con, tôi vẫn có ý đi lại trên đường Massachusetts Avenue, không ngại kẹt xe. Tôi không nhớ rõ từng tòa nhà, nhưng mỗi lần trở lại, trí nhớ tôi lập tức trở về với sáu tuần đi vãng như chúng mới chỉ là hôm qua. Tôi lái xe chậm, chỉ cho con tôi đường về nhà bà Croft và nói đây là nhàđầu tiên tôi ở khi mới đến Mỹ, nơi tôi đã sống với một bà già 103 tuổi. "Nhớ không?" Mala nói, rồi mỉm cười, sửng sốt, như tôi, là trước kia đã từng có một thời chúng tôi là hai kẻ lạ. Con trai tôi bày tỏ nỗi kinh ngạc, không vì tuổi tác của bà Croft, mà vì số tiền nhà nhỏ nhoi tôi đã phải trả, một sự kiện ngoài khả năng tưởng tượng của nó, tựa như một lá cờ cắm trên cung trăng cũng là chuyện khó tin đối với một người đàn bà sinh vào năm 1866. Trong mắt con trai, tôi nhìn thấy tính cầu tiến ngày nào đã đẩy tôi qua nửa vòng trái đất. Vài năm nữa nó sẽ tốt nghiệp và tự lên đường, một mình, không người che chở. Nhưng tôi tự nhắc nhở rằng con tôi có cha còn sống, có mẹ hạnh phúc và khoẻ mạnh. Khi nó xuống tinh thần tôi khuyên con rằng nếu tôi đã có thể sống còn trên ba lục địa thì không có một trở ngại nào nó không thể khắc phục. Khi những phi hành gia, mãi mãi là các anh hùng, chỉ tốn vài giờ đồng hồ trên cung trăng, tôi đã ở lại trên miền đất mới này gần ba mươi năm. Tôi biết những thành công của tôi chỉ là tầm thường. Tôi không phải là kẻ duy nhất đi tìm kho tàng ở chốn xa xăm, và dĩ nhiên không phải là người đầu tiên. Dù thế, có nhiều lúc tôi đã ngẩn ngơ trước mỗi dặm đường tôi đã từng đi, mỗi bữa ăn tôi đã từng ăn, mỗi một người tôi đã từng quen, mỗi buổng tôi đã từng ngủ. Dù tất cả đều xem như tầm thường, có những lúc chúng như nằm ngoài sức tưởng tượng của tôi.

Jhumpa Lahiri

(***Phạm Thị Ngọc*** *dịch theo nguyên tác* The Third and Final Continent)

Chuyện thổ dân, trước khi... một snapshot

thường quán

Thổ dân và di dân, màu da và ngôn ngữ, đất đai và sinh tồn, định cư và du mục, nghệ thuật và nghi lễ, nguyên chất và pha lai, bảo tồn và đồng hóa, ra đi hay ở lại, những cặp đôi này đi liền và đổ bóng lên nhau, lên tất cả. Nhớ một câu của Graham Greene: "Thế giới không phải đen và trắng. Đúng ra nó như là đen và xám." Đen, trắng và xám đây không phải là màu da thì đã đành. Greene, con người đã đi qua nhiều hành lang quyền lực và hậu trường xung đột, đang nói tới tông sắc của thế giới của những phán đoán và của những sự kiện. Những sự kiện không thể nào rạch ròi phân minh vì những góc nhìn khác nhau, những đan xen lập lệch, những bối cảnh, văn cảnh riêng biệt, làm nên những phóng ảnh tông sắc không đều của cùng một nguyên mẫu. Xám nhắc chừng sắc độ chìm của từng mỗi phiên bản của sự kiện còn tuỳ theo độ sâu trải nghiệm của con người nhìn, quán sát. Nhưng đã nói thế rồi thì ở thổ dân vẫn còn một chuyện đang rất cần đến trắng đen, ấy là câu hỏi, Có còn hay không còn sự kỳ thị? Có hay không có sự bình đẳng - bình đẳng trong cuộc sống và trong chỗ đứng của văn hoá thổ dân trong một nước.

Bình đẳng, không còn kỳ thị là mưu cầu lớn nhất, cốt tủy: chỉ trên nền tảng bình đẳng và không còn kỳ thị, một xã hội mới lành mạnh - nói như thổ dân trên nước Úc, lúc ấy mới có sự chữa lành, có hóa giải, có cái ngẩng cao phẩm giá làm người. Những công chức thư lại ở Canberra, ở Washington, hay nói tới những "vấn đề thổ dân", và sự lập đi lập lại mê mải những vấn đề như vậy có tác dụng tạm dời mưu cầu bình đẳng then chốt của thổ dân ra mãi ngoài phía ngoại biên, chậm chạp xê dịch cùng những bảng tường trình phòng giấy ty sở thường niên. Thổ dân vốn đã nằm ở ngoại biên tít tắp của mọi thứ, tới nỗi khi một thổ dân nào đó được chú ý, họ cuống lên, vì nó rất thường đồng nghĩa với trát toà, trại tạm giam, những ông cảnh sát to con, nặng tay, và da trắng. Thổ dân, như một cá nhân đơn lẻ, họ không ham được chú ý. Chẳng thà được bỏ quên, như thế, ít ra một người còn được tự do để đi trên những con đường. Sự đi, dù chỉ từ một miệt-trại reservation này đến một miệt trại khác, đi quá giang, đi không biết chắc khi nào tới, đi như ngoài thời gian, đi chia xẻ một chỗ ngồi, một không khí trầm ngâm - như trong "The Toughest Indian of The World" (Người Thổ Dân Lì Nhất Thế Giới) của Sherman Alexie, sự đi và chia xẻ đó tự nó đã là một lạc thú. Một lịch sử dài lâu bị trấn áp, người thổ dân sống được trước hết nhờ một kiên nhẫn đi. Một sự vượt, đều và chắc, cái khoảng cách - trong nghĩa phải khắc phục, nhưng mà phải là đi dưới bầu trời rộng rãi. Sự đi đó đã làm nên một phần căn cước, bản sắc của thổ dân.

Thổ dân là ai? Chẳng hạn nếu có ai một hôm hỏi bạn: Này bạn có phải là thổ dân không?, bạn sẽ trả lời thế nào? Làm sao bạn có thể đoan chắc bạn là thổ dân, hay nếu không phải, thì làm sao bạn có thể đoan chắc bạn không là thổ dân?

Một người bạn thời đi học của tôi từng đoan chắc rằng Joni Mitchell phải mang giòng máu thổ dân. "Chị ấy là một thổ dân da đỏ đấy," người bạn quả quyết. Không biết dựa vào chuẩn mực nào, linh tính gì mà bạn quả quyết. Những ngày 20 người ta có một cảm quan về chân dung, về âm tiếng, nào đó, nghĩa là có một cái gì trong cái giọng hát khao khan ấy của Joni Mitchell. Có thể vậy. Đọc những thứ báo bổ Rolling Stone (thời còn format cũ) hay đại loại thời rock folk còn thịnh như vậy, tôi chưa tìm được mảnh thông tin gì chứng thực điều người bạn đã nói cả. Thế mà hôm qua ngoài phố thấy bán một album mới của Joni Mitchell có nhan đề, *The Beginning of Survival* (Bắt đầu của Sống sót). Những chữ 'Beginning of Survival' này trích từ thư của Tộc Trưởng Seattle, viết vào những năm đầu thế kỷ 19, một thỉnh nguyện thư yêu cầu chấm dứt sự triệt hạ các quốc tộc thổ dân, những tàn phá môi sinh và đời sống của thổ dân trên đất Mỹ. Thư của Chief Seattle viết như thế này:

"Định mệnh của quí vị là một điều bí ẩn đối

với chúng tôi. Cái gì sẽ xảy ra khi những con bò mộng cuối cùng đã bị bắn gục? Khi những con ngựa hoang cuối cùng bị thuần hóa? Và cái gì sẽ tiếp tới khi chúng tôi nói giã từ với con ngựa non nhanh bộ vó và cuộc săn? Sự chấm dứt của đời sống và sự bắt đầu của sống sót, phải vậy không?

Thổ dân, đấy là mưu cầu bản sắc, cũng là sự chiếu rọi lại tương quan ta và kẻ khác. Một người Úc dù có rất ít giòng máu thổ dân (Aborigines, hay như một từ mới, Koori) pha trong thân thể họ cũng sẽ hiên ngang nhận mình là thổ dân. Người ta khai cả bộ tộc xuất sinh của cha, của mẹ, của ông, của bà, nội ngoại. Người Mỹ da đỏ ở Bắc Mỹ cũng vậy, họ nắm chắc bộ tộc nào, quốc tộc nào là nguồn của mình. Đây không phải là sự xác định hệ tộc để kỳ thị kẻ khác, đúng ra một nỗ lực biết mình là ai để được tồn vong. Con người hôm nay, ở điểm thời gian này [2005] đang bắt tay vào cuộc phân tích qui mô vào *gien* (di truyền tố) nhất là cuả các cộng đồng thổ dân ở các khu vực xa xôi của thế giới. Dự án *Genographic* vừa khởi phát bởi National Geographic Society đang cố gắng lập lại một đồ bản di cư, một chụp bắt lịch sử ra đi của con người, đi ngược lại nguồn, ngược 160 nghìn năm, dựa trên phân tích gien của vào khoảng 100 nghìn con người thuộc tất cả các sắc dân, các dân tộc, đang có mặt trên thế giới. Thế thì *gien*, máu huyết, là quan trọng. Nhưng mà không phải chỉ máu huyết thôi đã làm nên căn cước của một thổ dân. Căn cước của thổ dân là toàn bộ những gì quyện hoà với cuộc sống, ấy là hệ tín ngưỡng, niềm tin vào đất thiêng, tập tục sinh hoạt, môi trường sống, thú rừng, cây cối, huyền thoại, ca hát, nghệ thuật tạo hình, và không thể thiếu sự đi, cuộc trẩy bộ trên đất. Đi rất có thể là nhu cầu đã ăn sâu vào *gien* con người từ một thời du mục, du canh, nhưng mà nhu cầu này bám rễ sâu nhất ở đời sống thổ dân, nó được nuôi dưỡng, bảo tồn cẩn trọng hơn những con người định cư, của tiện nghi thị phố. Đi với người thổ dân là tiếp nối một hành trình tít tắp của tổ tiên họ, hai mươi nghìn năm đối với những thổ dân Sioux, Spokane, Coeur d'Alene ... trên đất Mỹ, sáu mươi nghìn năm đối với những thổ dân Koori trên đại lục Úc. Sáu mươi nghìn năm trước, hay hai mươi nghìn năm trước, hãy nghĩ lúc ấy Âu Châu đang là cái gì?

"Em bé nâu vàng" (Ảnh Đặng Thơ Thơ)

Hai mươi nghìn năm trước, có lẽ trên những đồng cỏ của Âu Châu, những người bà con xa của những thổ dân hôm nay cũng vừa đặt chân tới như những lưu dân mới mẻ. Tưởng tượng: cũng hang động, cũng phóng ngọn dáo, cũng đập chạm đôi nhát đá mồi một ngọn lửa sáng trời. Những bờ đất tới, sau những nhánh rẻ ngay thời điểm ấy đã là xa rời nhau kẻ trước người sau tới hàng muôn triệu bước chân trẩy bộ, nghìn sông rạch và một biển thời gian, nghĩa là tưởng như không bao giờ gặp cái kẻ quay nghịch một hướng đi từ khởi thủy. Ở những cõi tới hoang vu, không ai thấy ai, những kẻ du mục muôn phương, ở điểm thời gian ấy, dù sao cũng cùng một nhịp sống: tiền sử giản đơn, sinh tồn hay biến mất là chuyện sống được hay không sống được với thiên nhiên. Tới chạm thời đại gọi là văn minh mới là nhiêu khê, phức tuế cõi người. Những cái làm được, tích thu được, sang đoạt được từ từ góp thành một định kiến ở Kẻ Có rằng cái có, cái sở hữu là cao, và nó đối nghịch với cái không có là thấp; cái Ta là cao, Kẻ Khác là thấp. Thậm chí trong trò *Crosses & Noughts* này, Crosses còn đổ cho kẻ kia - Noughts - là savage, là dã man, là mọi. Trong lối nghĩ ấy, đất không có canh tác là *terra nullius*, đất hoang bỏ trống, không có người, và do đó ta có quyền chiếm hữu, truất hữu, ... Chinh phục hình thái thực dân - khởi đi vào đầu thế kỷ 16 ở Mexico cho tới nửa thế kỷ 20 - là sự gặp lại nhau của những nhánh người, nhưng thay vì ở cuộc trùng phùng này người ta sẽ đối chiếu những di sản văn hóa song hành, thì kẻ viếng thăm đã chỉ chăm chú vào mỗi một chuyện: chiếm đoạt. Dưới áo khoác văn minh các cuộc xâm lược trong thời đại thực dân đi chiếm đất không che đậy tính

thẳng tay trấn áp. Walter Benjamin khi nhìn lại lịch sử văn minh con người đã buột miệng than rằng, "Lịch sử văn minh luôn luôn đồng lúc là lịch sử của sự dã man." (The history of civilisation is always at the same time the history of barbarism). Câu nói này có lẽ cứ sẽ còn đúng cho mãi tới khi nào trái đất này còn con người. Văn-minh xác định một ngưỡng, một lằn ranh, ở đó xã hội con người đã tới, đã hoàn chỉnh, về mặt tổ chức và cả đạo đức, thế nhưng như một nghịch lý, như lịch sử giai đoạn thực dân ở các châu lục lớn đã cho thấy, sản phẩm này của văn minh được tiến hành bằng sự thanh toán những xã hội con người khác đã có văn hoá, nghĩa là thanh toán một nếp sinh hoạt đã sinh tồn hoàn thiện suốt quá trình thử thách dài của thời gian rồi, và làm thế bằng sự hạ thấp, xem khinh và trù dập toàn bộ nền văn hoá cũ. Văn hoá thổ dân, kết quả của hàng nghìn, hay hàng chục nghìn năm trong một phong thổ nhất định, bị thay thế như một chớp mắt bằng một hình thức khác. Để chinh phạt, văn minh cần cốt yếu sức mạnh của vũ khí. Chúng ta đã được nhắc nhở rằng những người Âu đi thực dân đi chinh phục người anh du mục của họ, ở Mexico, ở New England, ở Úc không phải là đại biểu của Âu Châu thời Khai Sáng, hay của Chủ nghĩa Nhân Bản. Đây là Âu Châu của thương buôn, cảnh binh, những cai tù, những tay súng phiêu lưu và những người nghèo khổ, những người tìm đất sống. Một thuyền trưởng hải quân, toán thủy binh, những cai tù ở Úc, những người lính Công Giáo đi ngựa của Cortez ở Mexico, những người Tân Giáo Anh, và Hà lan ở Bắc Mỹ, họ không là đại diện tiêu biểu của Âu Châu. Cho là thế đi, nhưng mà hậu phương Âu Châu chắc chắn đã ủng hộ triệt để cho sự ra đi của họ. Kẻ chinh phạt đem về tài sản cho giai cấp vua chúa? Kẻ nghèo thì đi cho nhẹ nợ, hay đi như một cách trả nợ. Chữ "khai sáng" trong thời đi xâm lược các châu lục lại bị mượn tạm và bẻ ngoặt thành khai sáng cho những vùng đất tăm tối, ánh sáng văn minh Âu châu chưa trờ tới. Trong hành lý mang theo, bên cạnh áo quần, thùng rượu, súng ống, thì những cuốn thánh kinh bìa da là niềm tin vững chắc, nhưng ngoại giả không có mấy nữa những di sản thuộc phần tinh thần: những kẻ tới nơi không thấy cần những di sản triết học, thơ ca, kịch nghệ, âm nhạc để mà sống, hay để giao lưu khách/chủ. Những thổ dân cũng không kịp trình bày đời sống nghệ thuật của mình. Những nghi thức tế tự, những sân khấu không kéo màn linh thiêng, con người và thân ái như sân khấu giữa chợ của Molière chưa kịp dựng lên thì súng đã nổ. Giết chóc không cần luôn luôn phải bằng súng bắn từ trên lưng ngựa. Những chiếc mền mang khuẩn trùng đậu mùa. Những ao giếng bị đánh thuốc độc. Những vùng bị tàn phá, để triệt tiêu thực phẩm không cho kẻ sót lại trốn lánh cả cơ hội sống sót. Những cuộc xuống tay đã được tiên đoán từ Cựu Ước? Cain và Abel - người anh định cư giết người em du mục, để văn minh định cư được tiến hành. Thiên hướng xung đột trong con người là có thể chứng minh được qua chiều dài lịch sử, mà rõ nhất khi thiên hướng này bùng nổ ở một nhóm mạnh, đã củng cố xong những hình thức quân bị, đối với những nhóm bản địa, cuộc sống còn gắn bó (hoà bình) cùng thiên nhiên. Lịch sử con người là lịch sử đẫm máu của những cuộc tương tranh. Chỉ có khác: ở trường hợp bị lấy đất của thổ dân, nó là chiến tranh từ độc một phía. Cũng không thể gọi các cuộc chinh phục thực dân là chiến tranh. Không có một tuyên chiến. Ở Bắc Mỹ những chiến binh da đỏ còn làm những cuộc kháng cự, ở Úc thì cuộc xâm lược hầu như hoàn tất rất nhanh. Nếu có những Saladin trong cuộc cầm cự của thổ dân, chắc chắn người ta đã nghe đến trong những thiên anh hùng ca của họ rồi. Không có Saladin da nâu nào được nhắc tới trong những truyện tích hiện đại của thổ dân Úc. Những thổ dân Úc có nhiều huyền tích để giải thích trời đất, phong thổ, nhưng họ không tạo dựng những thiên anh hùng ca. Họ vẽ sa mạc, nhưng không tạc tượng đài.

Thổ dân, nói gọn như một định nghĩa, là người bản địa từng là chủ cũ của một vùng đất mà những cuộc chinh phục xâm lược đã đẩy họ thành những người thiểu số, bị mất quê hương trên vùng đất của mình. Kết quả của cuộc chiếm đất có nơi đưa tới cận kề tuyệt chủng, tận tuyệt dân số, khắp nơi là sự đồng hoá trên nhiều bình diện, sự loại trừ khỏi giòng văn hoá chủ lưu của kẻ chinh phục. Nếu bạn chấp nhận định nghĩa này (thay vì chẳng hạn, "Thổ dân là đôi chân tuổi thơ và là vầng trán già nua nhất của con người", nghe cũng ra gì) thì thực sự trên bản đồ nhân văn của thế giới những cộng đồng thổ dân hiện diện đổ đốm khắp khắp, từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây - thế giới có thổ dân cư lưu ở Úc, thổ dân Maori ở Tân Tây Lan, thổ dân da đỏ ở Bắc Mỹ, ở Mexico, ở châu Mỹ La-tinh, khuất trong rừng già Amazon, thổ dân Inuit ở Canada, Alaska; thổ dân Polynesian, Melanesian ở những hải đảo Thái Bình Dương; những bộ lạc thiểu số sót lại trong

những quốc gia Phi Châu hậu thuộc địa trả lại từ ba nước Anh, Pháp và Đức; thổ dân Tây Tạng - nếu như Trung Hoa vẫn tiếp tục cuộc Hán hoá; thổ dân nằm dưới dạng "dân tộc thiểu số" ở Việt Nam mà dân tộc Chàm là một thí dụ. Khi nói tới thổ dân một nước, người ta cũng không nên quên, rất có thể chúng ta đang nói tới rất nhiều bộ lạc, bộ tộc khác nhau. Ở Úc thổ dân là tập hợp của hàng trăm bộ tộc có ngôn ngữ khác nhau, và giao lưu trên một nền luật cổ ôn hoà trong suốt quá trình cư lưu hàng chục nghìn năm.

Trải rộng, phân tán mảnh, phân cụm nhỏ, duy trì sự sinh tồn một cách ẩn lặng, không tạo thành thế lực chính trị, không liên minh, không gia nhập cái gì - liên kết hay phi-liên-kết, không có sức mạnh kinh tế, ngôn ngữ và văn hoá bị đe dọa biến mất, nếu không là đã biến mất rồi; thổ dân đúng là sự lãng quên và bỏ mặc khá lâu trong lịch sử những vùng đất bị lấy trắng. Nhưng như một nghịch lý, thổ dân cũng là sự tồn tại kiên trì lì lợm, sự thách thức cả gan, và gần đây có nơi thổ dân tìm được một sự hồi sinh trở lại. Điều quan trọng nữa là, chính bằng sự tồn tại gian nan của họ, thổ dân cho con người nhìn lại và tôn trọng những giá trị sống cơ bản nhất, những nguyên lý tiến hành đời sống, sử dụng năng lượng, kỹ thuật trong thế quân bình với môi trường phong thổ riêng biệt đặc thù của mỗi vùng. Những tổ chức môi sinh quốc tế như Green Peace, các hội đoàn bảo tồn đất và môi sinh của các quốc gia, các đảng Xanh ở Đức, Úc..., những hiệp ước quốc tế môi sinh kỹ nghệ như Hiến chương Môi sinh Kyoto, đã vô hình trung đón nhận nguyên lý về phát triển trong khả năng chịu đựng của môi sinh vốn đã có trong các xã hội thổ dân. Minh triết của thổ dân, nằm chính trong sự sống cẩn trọng, sự duy trì bản sắc và căn cước kinh qua một lịch sử bạo động của thế giới cận đại - đi từ thời thuộc địa qua giải thực, hậu thuộc địa, toàn cầu hóa. Bài học của sự tồn tại này vốn mang một ý nghĩa cấp thiết, sẽ còn cấp thiết hơn khi, sẽ không còn xa nữa, dầu hỏa, khí hơi, các nguồn nguyên liệu bị tận khai trên quả đất.

Nói rằng thổ dân là nội dung tiền kỹ thuật tân tiến của con người thì cũng không tâng cao hay hạ thấp tầm đứng của thổ dân. Thế giới kỹ thuật hoá, thì thổ dân vẫn như một khối thách thức, tiếp tục nói tới đất đai, sông ngòi, biển cả, nắng, nhật lượng, như những gì thiết yếu nhất của cuộc sống. Thế giới buộc toàn cầu hóa, thì thổ dân nói tới bản sắc, chống đồng hoá, chống những nhãn hiệu của các công ty liên quốc. Thế giới đặt tài lực lên ưu tiên hàng đầu, thổ dân quay lưng lại với Wall Street, cổ phần đầu tư, Index này, Chỉ số nọ. Thế giới đi đào, đi lấy, đi phung phá cho Mục Tiêu Lớn - Phát Triển, thổ dân nói tới nuôi dưỡng, *nurture*, tái tạo. Con người chơn chất không đọ nỗi cú đấm đầu của con người mạnh tay, con người hoang phí, con người hiếu thắng, dương oai, nhưng con người chơn chất tồn tại kiên trì, kiên nhẫn. Con người tiền kỹ thuật tân tiến khi bước đi hôm nay anh ta có nhìn ngắm con người kỹ thuật, trong khi con người kỹ thuật thì bay rất nhanh trên cái quĩ đạo hãnh tiến, không nhìn lại phần nội dung cũ, những mục tiêu buổi đầu. Và cũng vì thế, nên ngày nay thế giới có đủ mọi món hàng, cần thiết và không cần thiết, làm nên từ kỹ thuật. Nhưng kỹ thuật không chỉ phục vụ tiêu thụ, bất kể phí phạm, kỹ thuật còn để đánh át nỗi hoảng sợ miên man của con người: kỹ thuật cho quốc phòng, cho vũ khí bán ra, cho những cuộc chiến tranh không dứt, lúc lơi, lúc nổ bùng, tùy sự điều động của những quyền lực chủ chốt. Những kỹ thuật ấy cũng trực tiếp ảnh hưởng tới thổ dân. Những vùng đất của thổ dân đã bị biến thành địa trường thí nghiệm. Nó xảy ra ở Mỹ, Úc, Tây Tạng, các đảo Thái Bình Dương. "Kỹ thuật không phải là làm chủ thiên nhiên mà là tương quan giữa thiên nhiên và con người," khi nói thế Walter Benjamin như đang đặt chúng ta trước, cùng một lúc, người thổ dân Inuit tên Nanook, của năm 1922, như trong cuốn phim của nhà làm phim tài liệu tiên phong Robert Flaherty: Nanook, với kỹ thuật xây mái nhà tuyết *igloo*, cách phóng ngọn dáo có dây buộc tay của anh, là một cực; và ở cực kia những chiếc tàu đi giết cá voi, hay trải lưới rộng rà vét lòng biển của người Nhật trên biển cả ngày nay. Hay một thổ dân Úc hoàn thiện chiếc *boomerang* mài cho cái dụng khí đi săn có được một đường bay vòng về tay, theo một độ chuẩn xác của lực động học, và ở cực kia một thản nhiên cho nổ thử nghiệm vũ khí nguyên tử lộ thiên, trên những vùng đất bộ tộc còn người sống, như đã xảy ra trong thập niên 1950 ở trung bộ Úc.

Hiện diện ở ngoại biên, ngoài tầm chú ý của truyền thông, thực tại thổ dân là một thực tại câm nín. Di sản văn hóa thổ dân truyền tải ngầm lặng lẽ, chiếu nội, cầm cự : một sự truyền tải văn hóa có cả hàng rào tự dựng để tự bảo vệ. Trong không khí đó, một kẻ bên ngoài không dễ mà xâm nhập, khảo cứu. Những bức hình, những đoạn phim của những chuyên viên dân tộc học của thời gian tiên

phong lưu trữ trong văn khố đã nổ bọt thủy theo thời gian mà thực tại văn hóa thổ dân cứ nằm riêng trong lòng các bộ tộc. Văn học bên ngoài cũng không thể xăm xăm bước tới hình thành tác phẩm nói về thực tại thổ dân. Bruce Chatwin với *The Songlines* là một trong vài biệt lệ. Octavio Paz ở thơ và tiểu luận về văn hóa Mexico hậu Cortez là một trường hợp khác. Nhưng Paz là đứa con của cuộc chinh phục, là một kẻ có đứng trong lòng một di sản văn hóa ngổn ngang của kẻ chinh phục mang giòng máu Tây Ban Nha và thổ dân mang giòng máu bản địa da đỏ, chứ không phải là người ngoài. Ở kịch, Peter Brook và chuyến đi vào Phi Châu vào năm 1972 cùng 11 diễn viên thế giới để tìm một ngôn ngữ kịch mới là một trường hợp cũng có thể nhắc tới, dù không hẳn tách biệt như một cố gắng đi vào khu vực di sản thổ dân. Đúng ra, nó là sự tìm tới di sản truyền khẩu, truyền thống, cổ sơ của du mục, của dân gian, của huyền thoại nói chung, hầu lấy ra một thứ nghệ thuật sân khấu mới cho thế giới cuối thế kỷ thứ hai mươi.

Khi đi tìm Songlines, Chatwin cũng muốn tìm xem đâu là di sản của thế giới trong di sản này của thổ dân Úc. Những con đường được đánh dấu như lộ trình thiêng kia không chỉ có riêng trong sa mạc Úc, nó có cả trong những vùng đất văn hóa cổ, như ley-lines (vòng đá xếp tròn) ở Anh, như Lapps (vùng đá hát) của Phần Lan. Văn học truyền khẩu cổ của thế giới nói chung còn được lưu giữ là nhờ một trí nhớ cộng đồng và một cấu trúc gắn bó với phong thổ. Những con đường ca hát của thổ dân Úc, là nơi chứa giữ thơ ca cộng đồng cổ sơ nhất, cấu trúc của nó là những điểm thờ phượng (sacred site) mà người ngoài bộ tộc không thể xâm nhập. Songlines trên mặt địa lý là những con đường đi từ phương Bắc của châu lục đi xuống, một hành trình di cư trong cổ thời. Nhưng những con đường làm nên từ những bài thơ truyền khẩu đã được sáng tạo khởi đầu với những những thi sĩ cổ sơ, khi họ trẩy bộ xuống khám phá vùng đất mới sáu mươi nghìn năm trước, còn là những tương quan giữa địa lý và nhân văn. Những bài thơ (dreamings) không phải là thứ ngôn ngữ mô tả cảnh quan, tái hiện nó trong nghĩa mô phỏng (mimesis) mà đúng với ý nghĩa khởi thuỷ của thơ là sáng tạo: những người ca hát khởi thuỷ ấy tin rằng phong thổ đất nước được dựng lên sau cái phép xướng lời của họ. Những bài thơ truyền từ đời này qua đời khác là phong thổ, biên cương, sự dẫn dắt, phương hướng, sự thúc gọi hành trình, đồng thời là căn cước linh hồn linh khí của bộ tộc. Chúng là di sản ẩn mật của các bộ tộc, được giữ gìn suốt thời kỳ trấn áp dài gần hai thế kỷ. Những đứa con của bộ tộc cũng dùng màu sắc từ đá khoáng vẽ lại bài ca ấy bằng ký hiệu: những chấm, những vòng cung, vòng tròn, ký hiệu của phong thổ, của tô-tem vật tổ, như trong bài ca của lời, của lưỡi. Và, một lần nữa, ở lĩnh vực tạo hình này, cũng chỉ có người của bộ tộc mới được vẽ bài thơ của bộ tộc mình.

The Songlines của Chatwin, xuất bản năm 1987, ra mắt trong thời kỳ sống lại của nghệ thuật thổ dân Úc, cuốn tiểu thuyết ít chất hư cấu nhất trong tất cả các thể loại tiểu thuyết này tình cờ là một trang ghi nhận đẹp đẽ về cái nền đất thổ mà người da trắng Úc trước đấy đã không muốn thấy là "thiêng", là có chủ, có lịch sử. Những bức tranh vẽ Dreaming của những thổ dân bộ tộc sống trong sa mạc ngày nay nhờ những curator bừng tỉnh và can đảm, đã đi tới với những gallery trưng bày tranh trên thế giới. Biết đâu sự này cũng một phần nhờ vào cánh cửa mở ra từ *The Songlines*. Có nhà phê bình từng nói những chấm màu, những ký hiệu trong những tranh Dreaming truyền thống (ngàn đời rồi) của thổ dân tình cờ đã gặp gỡ những ký hiệu trừu tượng trong tranh của Âu Châu, làm như những thổ dân sa mạc, lập tranh trên cùng một viễn kiến với những hoạ sĩ hiện đại gốc Âu, như Kandinski, Miró Ryder, Orozco, và nhất là Pollock, người hoạ sĩ trong thập niên 1940 đã kiếm tìm để hầu như toàn bộ hoạ phẩm trong thời kỳ này của ông mang những ảnh hình tô-tem, huyền thoại. Hơn hai trăm năm trước, 1788, ai có thể nói về nghệ thuật thổ dân Úc với những người bước xuống từ Hạm Đội Thứ Nhất chở tù đi tìm đất ngục? Và có nói, thì sẽ có ai quan tâm để tai?

Sự sống lại của nghệ thuật thổ dân Úc gần đây đi liền với sự công nhận mối tôn trọng hỗ tương trong môi trường đa văn hóa. Nó đã tới vào giai đoạn chuyển biến mạnh nhất về mặt ý thức của thế giới hiện đại, giai đoạn đặt định lại giá trị ở Tây Phương - bắt đầu giữa thập niên 1960. Thập niên 1960 của những xung đột chưa ngã ngũ (Chiến Tranh Lạnh Tư Bản/Cộng Sản, Chiến Tranh Việt Nam - điểm nóng thoát lửa cho Chiến Tranh Lạnh), ở Mỹ là thập niên của những mảnh hình ảnh bạo động mà người dân Mỹ chứng kiến được trên màn TV nếu không là tận mắt: các cuộc ám sát lãnh tụ: John F Kennedy, Martin Luther King, Robert Kennedy, những cuộc bạo động trong khuôn viên đại học, trên đường phố, ở ngay

phan nhiên hạo

hà nội mùa đông 2004 (không phải 1946)

Khách sạn phố Hàng Trống
cửa sổ rèm hoa mở vào tường nhà khác
uống toàn nước Lavie
nhãn hiệu ngoại nhập danh tiếng an toàn
(xứ sở thường xuyên tiêu chảy
người giàu uống Hennessy
giới trung lưu thích đun sôi nước lã
cho thêm tí trà
dân nghèo giải khát bằng vé số
các anh hùng trong quá khứ uống căm thù
bây giờ vẫn thích món tiết canh).

Hoa nhựa lúc nào cũng tươi và miễn phí
giống hệt nụ cười MTV
trên truyền hình cáp tiếng Anh dễ dàng được
chấp nhận. Vì sự không biết.
Phố cũ như bút chì mòn vẹt
ký họa khuôn mặt nắng mưa
khuôn mặt bà cụ co ro dưới cột đèn
bán Marlboro trên mẹt tre.

Chiều Hà Nội mùa đông chập choạng sớm
tỉnh dậy từ cơn mê
thấy kẻ đánh cắp đời sống mình
vẫn đứng dưới đường kiên nhẫn đạp máy xe.

Hội Nghị Tiền Tuyển Cử các chính đảng, tất cả đó trên cái nền máu đổ những ngày nhiệt đới bên kia Thái Bình Dương. Ở Âu Tây nói chung 1960 cũng là thập niên bùng nổ những xuống đường, tranh luận, những đòi hỏi, từ trong lòng trí thức, các đại học, đến ra ngoài diễn trường xã hội, công xưởng, nhà thờ, các tổ chức tôn giáo, xã hội. 1960 ở Úc, tương tự, là thập niên xét lại về tính độc lập quốc gia (với Anh), tương hệ với Á Châu, và về tương giao chủng tộc trong nước, giữa di dân cũ và mới, đưa tới mở cửa và đa văn hóa. Với thổ dân Úc, cuộc trưng cầu dân ý vào năm 1967 về thổ dân là khúc quanh quan trọng nhất cho tương hệ màu da trên xứ sở này. Kết quả của Referendum 1967 chính thức trên mặt hiến pháp hủy bỏ những chính sách, luật tắc, thái độ kỳ thị đối với thổ dân. Từ điểm lịch sử này, nhiều chính sách không giấu che tính kỳ thị của quá khứ trước đó đã được xét lại. Các cộng đồng thổ dân bắt đầu có quyền bầu cử, biểu tình, vận động đòi lại đất đai bị tước đoạt, nhất là những vùng sinh hoạt cũ, những nền đất thiêng nằm trên những songlines. Cũng bắt đầu từ đây, người da trắng không có quyền ly tách những trẻ em thổ dân, nghĩa là giật chúng ra khỏi bàn tay của bà mẹ thổ dân, để đem đi nuôi vào những gia đình da trắng hay những trại mồ côi của nhà thờ. Thế hệ thổ dân lớn lên trong những gia đình da trắng tự gọi mình là *lost generation*, thế hệ thất lạc. Đây là thế hệ đang làm nên phần chủ lực của cộng đồng thổ dân hôm nay trên đất Úc. Quá khứ của thế-hệ-thất-lạc đang có mặt trong văn, phim ảnh, thơ, nhạc, nhạc kịch. Có thể nói những đứa con của thế hệ này đã làm lại cuộc phục hưng nghệ thuật thổ dân trong 20 năm qua, ấy là Sally Morgan ở tự truyện *My Place* (Chốn của tôi), Tracey Moffatt ở phim ngắn *Night Cries: a Rural Tragedy* (Những tiếng kêu của Đêm Tối: Một Bi Kịch Miệt Quê), Leah Purcell - *Box the Pony* (Lấy Thúng Úp Ngựa Non) ở nhạc kịch; những cuốn phim như *The Rabbit-Proof Fence* (Hàng Rào Ngăn Thỏ Hoang) của đạo diễn Philipp Noyce, những vở kịch như *Black Medea* (đạo diễn Wesley Enoch) trên sân khấu Belvoir và Melbourne Theatre Company. Những đứa con của thế hệ ấy làm nên Đoàn Vũ Bangarra hàng đầu của quốc gia Úc, là những tài năng lãnh đạo ở Adelaide Arts Festival 2004 với chủ đề "Phép chữa lành Thương tích ở Nghệ thuật".

Cũng nhìn từ nước Úc, riêng nói về hiện đại, sau khúc quành 1967 đã có một giòng thơ ca và kịch sân khấu phản ánh quá khứ của những sự tàn phá văn hoá thổ dân, nổi bật nhất là Kath Walker, Jack Davis và Judith Wright. Walker và

Davis là thổ dân, Wright là hậu duệ của một gia đình giàu có ruộng đất canh tác xây dựng trên đất bộ tộc. Cả ba nhà thơ này không chỉ viết mà còn là những nhà hoạt động cho phong trào đòi lại đất đai, và có những uy tín mạnh mẽ trong văn giới. Trong 30 năm trở lại đây, chỗ đứng của văn học nghệ thuật thổ dân Úc đã thoát ra và đi xa hơn chuyện tìm lại đất. Những đề tài và những cách thể hiện đi ra khỏi biên giới bộ tộc, nhất là ở lĩnh vực kịch, hội họa và phim ảnh. Nó xuất hiện ở Edinburg Festival, ở Venice Biennale, và tiếp tục đi tới ở những sân khấu và gallery ở các nước, như là nghệ thuật của Úc, chứ không còn đóng khung như nghệ thuật truyền thống bộ tộc. Người đọc, người thưởng ngoạn tìm thấy thế giới từng ẩn giấu kia đa dạng, phức tuế, khôn lường như đời sống đang biến dạng mỗi lúc của toàn xã hội. Ngay cả những phiên bản truyền khẩu ở thơ, truyện, du ký, những *footage* phim ảnh rơi rớt chỗ này chỗ kia, trong bối cảnh xóa đen làm trắng của hôm qua, khi được tái hiện lại bằng những hình thức nghệ thuật hôm nay nó làm bật hiện, không chỉ là đưa ra ánh sáng những cái từng bị khuất lấp ở quá khứ, mà cả những vấn đề đang sôi nổi trong lòng từng mỗi cá nhân, thổ dân, di dân cũ, di dân mới. Người ta sẽ bắt gặp ở đó những khiếm khuyết chung, những mảnh dễ đổ vỡ cũng là chung.

Như một tiêu đề của nghệ nhân thổ dân hôm nay: *Living Black, Living Deadly* (Sống Đen, Sống Ngon Lành) [deadly = cool một từ khẩu ngữ thổ dân], cái hôm qua lật lại, lại sống, người thổ dân cười vào chính họ *black fellas*, lẫn người anh em *white fellas*, *balanda* (ngoài bộ tộc), cái cười dung dị có thể được giải thích như một từ chối thế nạn nhân đã bị ức hiếp, nghĩa là không than khóc, không tự thương cảm. Thái độ nghệ thuật ấy đến từ cả một cái nhìn thấy rộng hơn, một viễn kiến, rằng mọi người đứng trên cùng một vùng đất sẽ gánh thực tại chung của vùng đất đó, không phân biệt thổ dân, di dân mới tới, hay là con cháu của kẻ chinh phục, những kẻ dẫn đạo văn hóa chính mạch. Nghệ thuật thổ dân Úc của hai mươi năm trở lại đây, trong cái mở cửa văn hoá của quốc gia, vừa là thổ dân, vừa là hiện đại đa văn, nó không khước từ sự tự phê phán, nhìn vào những đổ vỡ chính trong bản thân đời sống thổ dân, trong bạo động gia đình, sự vong thân, cuộc tranh đấu với nhịp sống. Tự nhiên như một hệ quả của đa văn hóa, văn hóa thổ dân là chất men cho nhiều nghệ nhân tới từ giòng chính mạch hay những di dân mới tới từ những nguồn văn hóa Á Châu. Ở âm nhạc, sức sống trong văn hóa thổ dân đã nhập vào trong những tác phẩm đặc sắc của những nhà soạn nhạc quốc gia như Peter Sculthorpe (*Earth Cry,Kakadu, Requiem*), hay Liza Lim - đứa con của làn sóng di dân thứ ba. Tính cách hoá thân biến thể trong nghệ thuật đa văn thổ dân sát cạnh di dân đã gầy đựng cụ thể ý thức chung trong công chúng, khi hơn một triệu người xuống đường ủng hộ cho mưu cầu Hóa Giải/Reconciliation của thổ dân.

Khi ruộng đất bị nạn xói mòn phá hoang, những nhà nông da trắng chợt nhận ra định mệnh của họ không cách ly khỏi định mệnh của những thổ dân đã từng có mặt trên đất ấy. Trong cơn hạn hán thiêu đốt đất canh tác, người lưu dân tìm ra Mặt trời của thổ dân, vừa là nguồn tạo sinh sự sống, vừa là nguồn của cái chết. Cũng thế, khi bị đặt trước sự kỳ thị của thiểu số cực đoan, những di dân Á Châu tìm ra thổ dân trong tuyến kháng cự của mình. Mối tương hệ giữa thổ dân và những di dân mới thực ra gần gũi, gắn bó hơn người ta vốn nghĩ rất nhiều, ngoài nạn kỳ thị chủng tộc, còn nhu cầu tồn tại, còn căn cước, bản sắc văn hóa. Trong bối cảnh Úc, có thể lập luận rằng chính sách Úc Trắng (White Australia) đã bị thay thế từ từ trong bốn mươi năm qua, trước hết vào năm 1966 với đạo luật cho phép người không phải gốc Âu được trở thành công dân Úc, kế tới là cuộc trưng cầu dân ý hủy bỏ kỳ thị thổ dân vào năm 1967, và thứ ba là sự thông qua Đạo Luật Chống Kỳ Thị Chủng Tộc (Racial Discrimination Act) vào năm 1975. Quan trọng không kém là quyết định của chính phủ Malcolm Fraser vào những năm 1976 trở đi cho hơn 70 nghìn người tỵ nạn Việt Nam vào Úc, bắt đầu "làn sóng di dân thứ ba" tới từ Á Châu. Bốn mươi năm cởi mở và mở cửa cho di dân tới từ mọi nơi, rõ nét nhất là Á Châu, cũng là 40 năm công nhận thổ dân có một chỗ đứng bình đẳng hơn. Ngược lại, Khi nước Úc xôn xao muốn quay lại thời kỳ cản trở di dân, quay về độc văn hoá, như vào giai đoạn 1997,1998 thì thổ dân và di dân gốc Á là hai thành phần bị tấn công đồng lúc và bằng một một cái nhìn nghi kỵ tương tự. Đa văn hóa hay đồng hoá, mở rộng cửa hay bảo vệ biên cương? Nước Úc vẫn dọ đẫm hai bước tiến, một bước lùi, và cũng khó để nói trước đảng phái nào là tiến bộ, đảng phái nào là bảo thủ. (Những người nghịch đảng có khi lại đồng ý với nhau trên bình diện mở cửa đa văn hóa. Khuynh hướng tiếp cận Á Châu, tôn trọng thổ

dân của Paul Keating (Labor) trong giai đoạn giữa thập niên 1990 gần gũi với khuynh hướng đón nhận Á Châu, chấp nhận đòi hỏi hòa giải của thổ dân của Malcolm Fraser (Liberal) trước đó). Ở bối cảnh dù là đa văn hoá của Úc, rõ ràng thổ dân và những nhóm di dân Á Châu cùng cảm thấy văn hoá của họ nếu không được hàm dưỡng sẽ nằm ở ngoại biên của văn hoá giòng chính. Cả hai đều tranh đấu để giữ được phần nào căn cước và bản sắc của mình trước lực đồng hóa (cố tình hay không) của giòng văn hóa chủ lưu. Sự vắng mặt thiếu tiếng nói của họ trên diễn đàn báo chí, trên các phương tiện truyền thông đại chúng chính mạch là rõ ràng, và không có mấy hy vọng cứu chữa, cũng là như nhau.

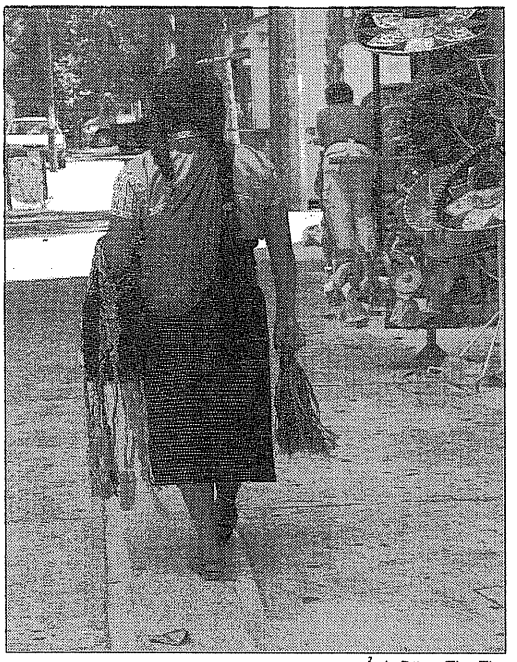

Ảnh Đặng Thơ Thơ

Những dữ kiện chính trị thực tế như vậy không nằm ngoài thực tại thổ dân, di dân. Chúng cũng là kết quả năng động của những vận động không ngừng và không nhỏ của rất nhiều con người cá nhân trong xã hội, mà những người cầm bút là đáng kể, họ đã đóng một vai trò không nhỏ cho mưu cầu bình đẳng thổ dân. Ở Úc Patrick White, Judith Wright, Kath Walker của thập niên 1960 - được tiếp nối với Thomas Kenneally, David Malouf, Germaine Greer, Sally Morgan, Brian castro, Lionel Fogarty.. ấy là chưa kể những hoạ sĩ đã đưa thổ dân vào tâm thức của quốc gia sau Thế Chiến II, như Russell Drysdale, Arthur Boyd, những nhà viết sử như Manning Clark, những nhà xuất bản, những nhà báo không ngừng đưa mưu cầu của thổ dân lên diễn đàn quốc gia (một chính khách Ở Úc từng gọi mỉa họ là những phần tử "đeo băng tay đen", trong nghĩa nhìn mãi vào quá khứ, để tang khi tang chế đã quá thời, đã mãn hạn).

Lẫn khuất trong những mảnh vỡ của một thế giới không tâm điểm, mất hệ trục (Paz), những tác phẩm cá nhân của những con người, thổ dân, di dân, lặn lội vượt biên giới, đã để lại một di sản nhân văn không nhỏ. Những tác phẩm ở ngoại biên hôm qua, hôm nay đang tiến vào cận kề với vòng lõi chính mạch. Liệu chúng có nằm trong những *Canon*, những Thư điển Lớn , những "Cuốn Sách Lớn" - nói như nhân vật Etta Joseph của Sherman Alexie? Điều này chắc là không cấp thiết bằng liệu chúng có nói lên được thời đại, cõi sống chung gộp của con người trong thời đại này không. Hậu hiện đại là một thế giới đa dạng, pha tạp, chung đụng, cộng hợp, va chạm, vỡ mảnh. Ấy cũng là thế giới đang đi tới những lằn ranh mới. Lằn ranh thời nào Chief Seattle đã cảnh báo - giữa sống bước qua sống sót - vẫn còn đó, đang đùn lấn tới một lằn ranh nữa: ấy là lằn ranh tiếp giáp sự tuyệt chủng, sự đe dọa tuyệt chủng, đang diễn ra hằng ngày ở những góc khuất của trái đất, ở mặt ngôn ngữ, văn hóa, lẫn số dân.

Chúng ta hãy đọc lời cảnh báo khẩn cấp của Dự án Genographic:

"Chúng ta có lẽ chỉ có một thế hệ độc nhất còn sót lại để chụp bắt một pô hình, một snapshot, di truyền tính của lịch sử nhân loại trước khi nó biến mất, không bao giờ thấy lại nữa ."

(We may therefore only have a single generation remaining to capture a genetic 'snapshot' of the history of our species before it is lost forever.)

Genographic Project - National Geographic Society

Ở cảnh báo trên, từ "snapshot" không dưng hàm chứa một nghĩa oái oăm. Khi kết tính thế kỷ thứ 20, thế kỷ có những cuộc chiến tranh khốc liệt nhất đã lôi kéo nhiều phe, nhiều phía, gây nên cái chết và thương tích cho hàng mươi triệu con người, thế kỷ đã nhìn thấy sự hình thành và cáo chung của những chế độ toàn trị, cái đến và đi của chúng còn khiến người sống bàng hoàng, ấy cũng là thế kỷ của những hố sâu cực lớn: sự thừa mứa quá độ sát kề những dân tộc chết đói; dục lạc và tự do sát kề bên tù đầy và xua đuổi ; kỹ thuật tân tiến sát kề bên trần truồng, trắng tay; sự chế ngự toàn cầu của một loại văn hóa sát

kề bên sự triệt tiêu của những nhóm người bé nhỏ, những nhóm ngôn ngữ, văn hóa bé nhỏ. Một *snapshot*. Tấm hình dương bản gian tố cho con người nhìn thấy gia đình tổ tông của mình trong một cái tóm thu chớp mắt, có lẽ là rất quan trọng. Nó cho người ta nhìn lại cái chung trong từng mỗi cá nhân. Đoạn đường con người đã đi qua là dài, nhưng so với tuổi trái đất, nó cũng chẳng là bao. Con người sẽ khắc phục dị biệt, sẽ lấp những hố sâu ngăn cách để cùng đi tiếp, hay tấm hình snapshot này là thêm một trữ vật nằm chìm trong kho tài liệu hoang phế, một di ảnh trên bệ đá bàn thờ mai hậu? Câu hỏi này cũng như nằm trong bí ẩn định mệnh mà Chief Seattle đã nhắc tới trong thỉnh nguyện thư gởi chính quyền Mỹ đúng 2 trăm năm về trước.

Phần Phụ Chú

Những mảnh rời về thổ dân

1. Kẻ khác không hiện hữu: đây là một niềm tin duy lý, một niềm tin không cứu chữa được của lý trí con người. Căn cước = thực tại, làm như là, sau cùng, mọi thứ cần thiết và tuyệt đối phải là một và như nhau. Nhưng kẻ khác từ chối biến mất; nó tồn tại ngầm, nó kiên trì sống; ấy là khúc xương cứng làm gãy răng lý trí.

Antonio Machado - đề từ vào tập Mê Lộ Cô Đơn (The Labyrinth of Solitude) của Octavio Paz

2. Muốn hiểu một ai đó, bạn phải xỏ chân vào đôi giày của họ mà đi.

Ngạn ngữ của thổ dân Bắc Mỹ.

3."Tự nhận là một người du mục da trắng, mối lân mẫn của Chatwin với những bộ lạc lang thang của sa mạc bất tận xư" Úc đem lại một trong những chân dung nồng nhiệt nhất của một chủng tộc bị phá nát bởi rượu, điều mà nhiều người Úc khác thầm kín hy vọng là một Giải Pháp Chung Cuộc, Tối Hậu, (lại cho phép) tự định liều lượng.

Trích đoạn, bìa sau của The Songlines, Daily Telegraph, 1987

4. "Trong văn hóa Islam, và đặc biệt giữa những dòng Sufi, hành tác đi, hay nhịp điệu đi, được sử dụng như một phương tiện thiện xảo để làm tan biến dần những ràng buộc vào cõi thế, cho phép con người tự tan mất vào Thượng Đế... Khi tôi nhắc điều này với Arkady, anh ta bảo nó tương tự gần gũi với một khái niệm của thổ dân Úc, 'Nhiều con người sau đó trở nên là một với quê hương, ở chốn ấy, họ là một với tổ tiên.' Bằng cả cuộc đời đi và xướng lên Bài Ca của tổ tông, một kẻ sau cùng trở thành con đường, tổ tiên, và bài ca."

Bruce Chatwin, The Songlines, 1987

5. "Cuộc dời là một cây cầu. Đi ngang qua, nhưng đừng xây nhà trên ấy."

Ngạn ngữ thổ dân Bắc Mỹ, ghi lại trong The Songlines

6. Những quân đoàn của cuộc Thánh Chiến đầu tiên theo giáo lệnh tối cao của Giáo Hoàng Urban Đệ Nhị tiến về biên cương của văn minh Islam bắt đầu vào năm 1095. Họ đi ngựa, đội mũ nồi và gọi cuộc chiến ấy là Thánh Chiến. Từ Á Rập cổ gọi những quân nhân này là franj (the Franks),giặc Tây Dương. Vị tướng Islam làm chấn động quân đoàn này là Saladin, người đặc biệt để lại một dấu ấn trong tâm thức Âu Châu trung cổ. Dante Alighieri đã cho Saladin vào trong tác phẩm Hài Kịch thiêng, đứng tách như một hiền nhân.

Theo Peter Craven, essay 'Holy War, Holy Wrongs', The Age May 7, 2005

7. Ngày 18 tháng 2, 1519, Cortez lên đường bắt đầu cuộc chinh phục Mexico, đoàn thuyền gồm 11 chiếc, với 508 binh nhân, 100 thủy thủ, và- quan trọng nhất - 16 chiến mã.

Theo Britannica

8. Người Mễ Tây Cơ, trẻ hay già, criollo hay mestizo, thuần Tây Ban Nha hay pha lai da đỏ, quan tướng hay phu phen hay luật sư, thầy cãi, với tôi họ đường đều tự đóng cửa để phòng thân: khuôn mặt họ là một chiếc mặt nạ, và nụ cười họ cũng thế.

Octavio Paz, The Labirynth of Solitude (Mê Lộ của Cô Đơn)

9.

Không còn tâm điểm
hội trường của tập tụ và lễ dâng
Không còn trục nối
những năm tháng phân tán
những chân trời giải thể
Họ đã dán nhãn lên thành phố
ở mọi cửa nhà
Ở mọi đầu trán con người
dấu $

(Octavio Paz, "Vuelta" [Trở Về])

10.

Họ đi vào cái làng nhỏ
Một nhúm người rách hở thân, trì nặng, im lặng
Những kẻ còn sót từ một bộ tộc.
Họ đến đây để trở về vòng bora ngày cũ
Nơi hôm nay nhiều người đàn ông da trắng vội vàng chạy quanh như kiến.

Bảng treo bán của công ty địa ốc: "Rác Có Thể Đổ Xuống Đây".

...

Chúng tôi là thiên nhiên là quá khứ, là tất cả lề lối cũ.

Bây giờ đã biến mất, đã tứ tán.

Những bụi cây đã biến mất, con đà điểu, con kăng-gu-ru

đã biến mất, khỏi chốn này.

Vòng bora đất thiêng đã biến mất.

Đêm lửa trại corroboree đã biến mất.

Và chúng tôi đang ra đi."

Oodgeroo Noonnuccal (Kath Walker), thi sĩ Úc "We Are Going" [Chúng tôi đang ra đi]

11. Thổ dân Tasmania là thổ dân Úc tới từ đại lục trước khi mực nước biển Bass dâng lên chia cắt vớt đất liền cách đây 10 nghìn năm. Người da trắng tới đảo vào năm 1803. Dân số thổ dân trên đảo vào thời điểm này có chừng 2 nghìn người. Năm 1804 người da trắng bắt đầu cuộc Chiến gọi là Black War. Đến năm 1835 số thổ dân còn sống sót là 2 trăm người, được đưa qua Đảo Flinders. Truganini là người thổ dân cuối cùng của Tasmania, bà ta mất vào năm 1876.

Người thổ dân Tasmania cuối cùng - theo Britanica

12. Là một thổ dân da đỏ Spokane, tôi chỉ cho lên xe những bạn xin quá giang là thổ dân da đỏ. Tôi học được nghi lễ này từ cha tôi, một người thổ dân giòng tộc Coeur d'Alene, người mà vẫn luôn luôn dừng xe cho những người du mục thổ dân thế kỷ hai mươi mà vẫn khước từ cá hồi đã biến mất. Tôi không biết chắc họ tin tưởng cái gì, nhưng họ đeo mang hy vọng như mang một chiếc sơ mi màu sáng rỡ

Sherman Alexie, nhà văn hai giòng máu da đỏ Spokane / Coeur d'Alene truyện ngắn "The Toughest Indian In the World"/Người Thổ Dân Da Đỏ Lì Nhất Thế Giới

13.

Cha tôi tộc Noonuncal Ông phải giữ tục xưa lề cũ

Tô-tem của ông là rắn hổ, không ai được lóc da

Mẹ tôi giòng Peewee, oang oang bà tỏ bày

rắn hổ chỉ là một tai họa

Oodgeroo, "Ballad of the Totems"/Thơ hát chuyện tô-tem

18.

Những Giai Cấp Sang Trọng Hơn - Những Giai Cấp Thấp Hơn; người Anh - người Úc ... Những sự khái quát hoá chung chung, và đặt kề bên nhau đối cặp là những trò mời mọc cái gì khiến cho một tình huống buồn cười cho một người Anh và ác nghiệt đối với một người Úc? Dường như những ngày đầu tiên trên đất Úc này đã quá bạo tàn để nó khuyến khích một đầu óc dí dỏm nhạy bén ở con người ta. Những con người đi chiếm đất khẩn hoang dường như là những kẻ canh cánh sự ăn làm cặm cụi hơn là những kẻ vui cười. Ngay cả người di dân Ái Nhĩ Lan dường cũng đã bỏ tính dí dỏm và trí tưởng tượng lại trên đất tổ, chỉ đem theo với họ một nhãn Công Giáo đặc thù, những gắt gỏng của họ, sự yêu chuộng rượu bia và cá ngựa trường đua của họ. Tôi nhận thấy tính khôi hài của Úc thực lù khù xóm cũ, cứ thế cho đến giữa thế kỷ thứ hai mươi.

Patrick White - Flaws in the Glass (Tự truyện Những Tì Vết trong Gương)

14. "Mẹ tôi rất mạnh. Một lần, bà nhặt một trái dừa và đập vào đầu cha tôi. Cú ấy dạy tôi về tự vệ, tự vệ thay vì gục xuống một đống."

Alice Walker, Maya Jaggi phỏng vấn, The Guardian Jan 15 - 2005

15. Dignity or Death

[Nhân phẩm hay là chết]

Graffiti trên tường phố Redfern, Sydney

16. "Tôi không quan tâm tới chụp bắt thực tại, tôi quan tâm tới chính mình tạo lấy thực tại đó"

Tracey Moffat, nhà làm phim, tác giả phim Night Cries: A Rural Tragedy

17. Night Cries: A Rural Tragedy: Phim ngắn, 1989, không đối thoại, cảnh trí lập thành từ sử dụng những tấm phông màu (tableau), hai diễn viên: một thiếu phụ thổ dân, đứa con của Lost Generation và một bà mẹ Úc da trắng đã già, sự sống tuỳ thuộc vào sự chăm sóc của người thiếu phụ thổ dân. Phim đi qua những điểm mấu chốt trong quan hệ thổ dân và người da trắng, khám phá quá khứ dằng co giữa đôi bên, cả mặt xã hội lẫn những thể hiện nghệ thuật của một thời chung đụng. Cuốn phim ngắn này vừa là một phê phán hình thái quán sát của lối phim dân tộc học thời kỳ thực dân, mà đã dõi nhìn thổ dân bằng ngôn ngữ bắt chụp làm tài liệu. Những bảng phông màu gợi cấu trúc của các hoạ sĩ Úc sau Thế Chiến II như Arthur Boyd, Russell Drysdale, và họa sĩ thổ dân Albert Namatjira, nền nghệ thuật đã cho lối khắc họa colonialist đi vào qúa khứ, cũng như đã biết nhìn thổ dân, di dân bằng con mắt bình thường, bình đẳng. Cuốn phim vừa mang những thông điệp

chính trị, phê phán, vừa là trình bày một cách thể hiện mới, của pha lai và cộng hợp. Phim chấm dứt với sự sử dụng phép lồng footage ca sĩ thổ dân Jimmy Little, một ca sĩ giải trí', entertainer, trong bộ quần áo trắng, với một khúc hoan ca nhà thờ, gợi nhắc thời kỳ đồng hóa.

Lynne Cooke, "Tracey Moffatt - Free-falling

18. "Đối với hầu hết người da đỏ, những vì sao trên nền trời đêm không gì hơn là những bia đá đầu nấm mộ rải rạc rời suốt một nghĩa trang tối tăm. Nhưng những người da đỏ cha tôi cho quá giang từ chối tin vào sự hiện hữu của bầu trời. Họ là những người chất phác chỉ tin vào ngón tay trỏ và cẳng chân . Cha tôi thèm có được sự chất phác bình dị kia. Ông muốn thay đổi cách nghĩ cách nhìn của họ về cá hồi; ông muốn tách mở tim họ ra và thấy tương lai trong máu họ. Ông yêu họ.

Sherman Alexie, " The Toughest Indian of the World/Người Da Đỏ Lì Nhất Thế Giới"

19.

"The Long Slow Death of White Australia"

Tựa đề sách, Gwenda Tawan, Scribe Publication, 2005.

20. Etta Joseph: Ông Cox, Spencer. Trong một trăm mười tám năm qua, tôi sống trong thế giới của ông, thế giới da trắng của ông. Để tồn tại, để gầy dựng đàn con đàn cái tôi phải trắng năm mươi bảy phút một giờ.

Spencer Cox: Còn ba phút kia?

EJ: Ấy, thưa ông Cox, ba phút ấy là khi tôi trở lại làm thổ dân, và ông không có khái niệm, ý niệm gì, không có cách gì biết cái gì diễn ra trong ba phút ấy.

SC: Thế thì bà cho tôi biết. Tôi có mặt ở đây là để biết điều ấy.

EJ: Ô! không, không, không. Ba phút đó thuộc về chúng tôi. Chúng rất bí mật. Các ông đã thực dân hóa đất của thổ dân nhưng tim tôi óc tôi là một cõi không ai thực dân hoá được.

Sherman Alexie, " Dear John Wayne", The Toughest Indian of the World

21. Trong xe, hay đúng hơn một chân trong xe, một chân đặt trên vệ đường ngoài cửa xe, Mary Lynn khóc. Ôi, God, cô ta yêu hắn, cô ta yêu đôi khi vì hắn da trắng, thường khi bất kể tới màu da trắng của hắn. Trong nỗi sợ hãi của Mary Lynn, cô nhận ra một sự thực Sitting Bull không bao giờ biết: Ít nhất có một người da trắng cô có thể tin tưởng được.

Sherman Alexie, " Assimilation/Đồng hóa", The Toughest Indian of the World

22

No I am not ashamed of our likeness,
of what is in that betrays me, a smell of salt
backwaters, a native
grasp on the gist
of things, our local patch
of not-quite-solid earth from which the vast swing of the sky
is trackable
(không tôi không xấu hổ
vì sự giống nhau của chúng ta, vì cái gì trong đó phản bội tôi
một mùi muối
ao sông nấp khuất, một cái nắm bắt bản thổ
cốt lõi của những vật thể, mảnh đất
của chúng ta, của đất không hoàn toàn chất đặc
từ đó cú đảo nghiêng rộng lớn bầu trời
là dõi tìm theo dấu được)

(David Malouf - "The Crab Feast")

23.

Spencer Cox: Những cuốn sách dối gạt này, như bà đang gọi chúng đây, là những văn bản chuẩn mực về khu vực thổ dân Trung Bộ Salish.

Etta Joseph: Không ông, chẳng có gì chuẩn mực cả Chúng chỉ là truyền thống truyền khẩu của quí ông, chúng chứa đầy những dối láo, khuếch đại, sai lệch và ngu muội như những truyền thống của chúng tôi, vậy thôi .

SC: Bà đã đọc cả những sách vở ấy à?

EJ: Tôi đọc tất cả những sách vở của qúi ông. Ông trưng ra cho tôi một cuốn sách của người da trắng viết về da đỏ, tôi đã đọc rồi. Ông trưng tiếp cho tôi bất kỳ cuốn nào trong kho gọi là Những Tác Phẩm Lớn của quí ông, tôi cũng đã đọc qua. Hemingway, Faulkner, Conrad. Đã đọc. Austen, Kafka, James, đã đọc. Whitman, Dickinson, Donne. Đã đọc. Chúng tôi đâm vào đại học này, college nọ, vào cả Harvard của ông, chụp lấy danh sách những cái cần đọc, tôi đã đọc. Như thế đã hàng trăm cuốn sách của qúi ông, những cuốn sách của người da trắng các ông, hàng nghìn cuốn. Tôi đã đọc chúng cả.

SC: Bà muốn đưa ra ý gì khi nói những điều này với tôi vậy?

EJ: Tôi biết về các ông nhiều hơn là các ông có bao giờ biết được về chúng tôi.

Sherman Alexie, " Dear John Wayne", The Toughest Indian of the World

Hai nhà trí thức

đinh linh
phan nhiên hạo *dịch*

Tôi không phiền lòng chuyện bạn tù của tôi là một "vợ". Hắn rộng rãi chia với tôi những thỏi chocolate và thuốc lá mà bọn "chồng" mua cho hắn. Tôi cũng không khó chịu việc hắn là trí thức. Tôi cũng trí thức. Trong chốn này, chỉ cần kể được tên thủ phủ hai tiểu bang và đọc bảng chữ cái không vấp, người ta được coi là trí thức. Nhưng chúng tôi trí thức thứ thiệt. Chúng tôi biết cách lý lẽ. Khác nhau duy nhất giữa tôi và hắn: tôi trí thức hữu cơ, hắn trí thức vô cơ.

Tôi nói vô cơ theo nghĩa, logic của hắn không được logic lắm.

Hắn cho biết cả đời bị ám ảnh vì hình dạng những lưỡi kéo: "Tao khoái chuyện một số lưỡi kéo đầu tà, một số đầu nhọn. Chúng có thể đâm, cắt, mở toang hoác như miệng." Hắn đưa hai ngón tay ngang mũi làm động tác cắt, cười tinh quái. Hắn nói cảm thấy ngây ngất được ở chốn này: "Suốt đời tao mong vào đây, dù không biết nó thế nào. Không phải sai lầm đâu, chỉ là một chọn lựa. Người ta chọn số phận mình."

Vớ vẩn. Tôi đâu chọn vào đây. Không ai chọn vào đây. Lý do đẩy tôi vào tù là một cơn bệnh ngoài tầm kiểm soát. Không ai có thể nói tôi thích ở tù hơn ở ngoài. Vì lý do đó, hắn là một trí thức vô cơ. Hắn suy diễn những quy luật phổ quát dựa trên nhầm lẫn cá nhân. Hắn nói thêm: "Biết chấp nhận số phận, thậm chí một số phận quái đản, đầy đau đớn khổ sở của chính mình và kẻ khác, sau cùng người ta sẽ trở nên thanh thản, thăng hoa!"

Ý tưởng này đến từ tên tù chung thân không có khả năng được ân xá! Chuyện hắn đã làm chắc chắn là tội ác, nhưng không ghê tởm hơn tôi, hay hơn hầu hết những kẻ trong này. Tôi không lên án hắn. Cũng không mong hắn ăn năn. Điều tôi phản đối là cách hắn nhìn tội ác như một phương tiện khám phá bản thể. "Để hoàn thiện một người," hắn triết lý, "nhiều kẻ khác phải bị hủy hoại. Điều này cũng đúng với những quốc gia."

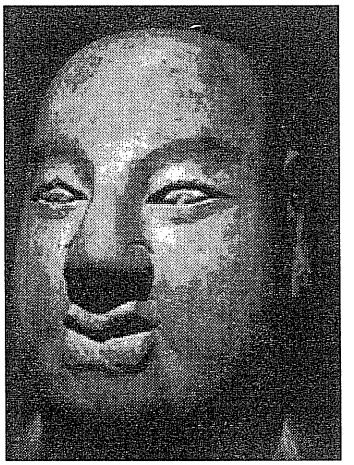

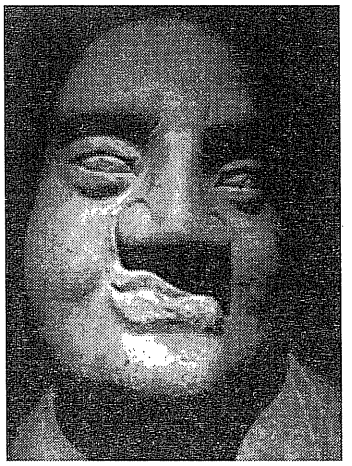

Hai nhà trí thức (ảnh Nguyễn Hương)

Nếu điều này sự thật, tôi không hứng thú một sự viên mãn như vậy. Tôi thà làm nửa người đứng đắn còn hơn thành quỷsứ nguyên con.

Tôi vào đây vì đã làm tổn thọ mười hai mạng. Tôi không hãnh diện. Tôi lấy làm tiếc việc phải tiêu phần tuổi thọ còn lại của chính tôi trong sở thú bê-tông và song sắt, giữa

đám nửa người nửa ngợm. (Tôi phục vụ trong quân đội bốn năm, nhưng chuyện đó chẳng là gì so với ở tù.)

Hàng tuần, trước khi được uống Depo-Provera, một thần dược giúp giảm cơn dày vò tính dục, tôi là kẻ nửa người nửa quái vật, nhưng lúc này quái vật đang ngủ yên trong ruột, nên phần lớn tôi có thể được xem là người.

Tôi tổn thương, khích động và căng thẳng đến mức bất cứ kích thích nhỏ nào - mẩu quảng cáo đồ lót, tách cafe, chiếc bánh donut - cũng đủ khiến tôi nghĩ: Máu! Tôi từng nghĩ thân thể mình là lưỡi dao dài, ngày ngày thọc về phía trước tìm kiếm nạn nhân.

Khởi đầu, tôi nhắm mắt giết bừa, như điên, chẳng triết lý, nhưng đến khi nạn nhân thứ sáu hoặc bảy gì đó câm miệng (Diana? Susan?), khi là kẻ duy nhất còn lại trong phòng, tôi bỗng nhận chân được mục đích. Hơn cả chuyện dứt bóng những mạng sống, tôi quan tâm việc tạo mối liên hệ với nạn nhân thông qua sự làm nhục. (Còn gì gần gũi hơn việc chia xẻ ô nhục). Sau phát hiện đó, mỗi lần chuẩn bị cắt cổ nạn nhân, tôi nói: "Giờ thì chúng ta đã biết bí mật nhau, đã hạ nhục nhau, chẳng còn gì để làm ngoài việc gặp lại kiếp sau. Anh yêu em."

Quá xúc động bởi tuyên bố tình yêu, mắt tôi đẫm lệ. Tôi hôn hàm răng lạnh giá của những người đàn bà.

Có một sự im lặng kỳ lạ sau mỗi lần ra tay. Có vẻ xác chết đang hút hết tiếng động thế giới vào quỹ đạo phân rã của nó. Ngay khi vừa giết xong, ta có cảm tưởng mình là người cuối cùng trên mặt đất. Một cảm giác thanh bình, tuyệt diệu. Người ta từng bịt mắt cả tá nô lệ ném vào vòng đánh nhau cho đến khi chỉ sót lại một mạng.

Sau nạn nhân thứ mười, tôi cảm thấy ngây ngất đến độ tin rằng Thượng Đế sẽ gọi tôi. Tôi chăm chú nhìn chiếc điện thoại, chắc rằng nó sẽ reng. Tôi tin Thượng Đế sẽ chúc mừng tôi việc tham dự trò đùa của ngài. Phụ nữ thông hiệp với Thượng Đế ở điểm khởi đầu trò đùa bằng sinh sản. Đàn ông ở điểm kết thúc, bằng giết chóc.

Mắt của nạn nhân thứ mười một mở trừng trừng. Tôi hơi run. Trong một lớp dạy làm thơ, tôi được học về chủ nghĩa Tượng trưng và Siêu thực. Tôi viết: "Mắt là cửa sổ tâm hồn. Khi tâm hồn rời chỗ lưu tồn, mắt nên nhắm lại." (Thầy giáo tôi, Mr. William, khen ngợi việc hiệp vần "hồn" với "tồn", "sổ" với "chỗ"). Tôi tham dự tất cả những lớp học trong tù. Điều quan trọng là không phung phí thời gian và phải mở rộng chân trời hiểu biết.

Nhưng nhân tố lớn nhất giúp tôi hồi phục sự tỉnh táo là những trao đổi với một bạn thư, tên Julie.

Julie ở Úc. Nàng ba mươi chín tuổi, ly dị, và ung thư vú. Trong quá khứ, khi đau khổ của người khác là nguồn mạch hoan lạc của tôi, sự kiện sau cùng sẽ khiến tôi ngây ngất. Nhưng giờ đây, tôi chỉ gởi lời an ủi đến nàng. Tôi cũng đều đặn tiêm cho nàng những liều bất hạnh của tôi, phóng đại khi cần thiết, để nàng cảm thấy dễ chịu khi so sánh. Tôi quan tâm Julie đến nỗi để giành hầu hết những chuyện tồi tệ nhất của đời sống ngục tù chia xẻ khi nàng thật sự xuống tinh thần. Tôi nhạy cảm đến thế.

Tôi cũng lưu ý giữ cân bằng giữa những chuyện kinh tởm và những chuyện thuần túy khôi hài. Chỉ trong thư thứ ba, tôi kể chuyện những tay gác tù phải khám dái và đít tôi thế nào trước khi cho phép vào sân đi dạo. Làm phụ nữ cười là điều tốt. Nụ cười sảng khoái có thể trì hoãn ung thư. Nhưng tôi thấy bạn đang nhăn. Bạn đã thấy tôi rơi vào trò tự bốc thơm. Bọn tù chúng tôi vẫn thường được cho là chỉ quan tâm đến mình. Đủ rồi. Tôi phải hít một hơi dài và đổi giọng đơn điệu này.

Julie cho phép tôi dòm ngó vào đời sống thường nhật của nàng. Trước nay tôi chưa bao giờ quan hệ bình thường với phụ nữ. Nàng kể chuyện ăn sáng món gì, đọc sách gì. Nàng mô tả chiếc áo choàng đang mặc khi viết thư cho tôi.

Thư của Julie không mùi. Giấy chẳng có mùi. Tuy vậy, nó đã được chạm vào bởi một phụ nữ, một phụ nữ bằng xương bằng thịt. Vì thế tôi áp chặt lá thư vào mũi hít lấy một cách ngây ngất. Đây là mẩu giấy có mùi tuyệt dịu nhất trần đời. Tôi không ngại thú nhận rằng tôi cũng vuốt ve mảnh giấy lên những bộ phận khác của cơ thể.

Một vài tay trong tù lạm dụng bạn thư bằng những trò đại loại như yêu cầu các nàng ngồi lên máy photocopy, nhưng tôi không phải loại đó. Thực ra, tôi chưa xin Julie tấm ảnh nào.

Julie chưa bao giờ hỏi lý do tù tội của tôi. "Tất cả chúng ta đều có một quá khứ đáng tiếc," nàng viết, "Em cũng vậy. Ai cũng có quyền giữ bí mật riêng mình. Nếu tất cả bí mật được phơi bày, chúng ta sẽ bị khai trừ vĩnh viễn khỏi xã hội loài người."

"Nếu gặp em cách đây mười năm," tôi viết, "anh đã không vào tù."

Kiếp này tôi sẽ chẳng bao giờ được ôm Julie trong tay. Hẹn kiếp sau. Mặt khác, tôi lấy làm

trỗi lên từ biển

dù cuộc điều tra ký ức
có kỹ lưỡng làm sao
lúc nào cũng sẽ có sai sót
trong câu chuyện của kẻ di dân

nó chưa đủ nếu ta chỉ hỏi:
có mất đất nước không và
trước đó và
chuyến đi tàu có dễ chịu không?

như những loài ngư vật, dân nhập cư
không chỉ có một loại:
những đói khát miên man, sự chọn lựa bạn đời
thì lờ mờ (họ đụ những gì có thể làm nơi nương náu),
cách định phương hướng – đơn âm.

giải đoán cách dùng Anh ngữ của họ
cũng như tính Lôgic họ áp dụng
trong đồ đạc - phoocmica, đồ vật bằng rơm -
không làm sao làm được.

taylur thu hiền ngô
đỗ lê anhdao *dịch*

Chân dung

vui vì Julie ở rất xa, tôi sẽ chẳng bao giờ làm được chuyện khủng khiếp với nàng. Không phải tôi muốn chuyện như vậy. Julie sẽ không bao giờ là nạn nhân thứ mười ba. Điều quan trọng là trong đời, đàn ông ít nhất phải một lần có quan hệ thành công với phụ nữ. Giờ tôi đã làm được chuyện đó.

Bác sĩ tâm lý của chúng tôi, ông Fang, nói sở dĩ tôi sợ đàn bà là vì trong quá khứ họ đã bắt tôi chiều chuộng, ý tứ, đê tiện, hy vọng, và can đảm, tất cả những phẩm chất tôi không có, không bao giờ quan tâm phát triển. Ông nói: "Tất cả các anh đều sợ đàn bà. Đó là lý do khiến các anh vào đây."

Trong sâu xa tôi vẫn tin sẽ có ngày thoát khỏi nơi này. Có thể động đất hay một cuộc cách mạng sẽ khiến cửa tù bật mở. Có thể một cuộc xâm chiếm của người hành tinh. Có thể một thiên thạch.

Đôi khi, khoảng trước giấc ngủ, lúc nửa tỉnh nửa mê, tôi mơ thấy đang thả bộ trên đường Pine ở Philadelphia. Nhưng mình không thể thả bộ được, đang ở tù mà! Trong giấc mơ chập chờn, tôi ý thức đang nằm trên giường, dưới tấm mềm mỏng ngứa ngáy, nhưng lại thấy rất rõ tiệm café Last Drop, đối diện với nó bên kia đường là quán rượu Dirty Frank. Nếu thật tập trung, tôi có thể mở cửa Dirty Frank, bước vào. Tôi cảm thấy cơn giận khủng khiếp dâng lên, mắt mở to, nhìn thấy đáy giường gã bạn tù.

Một lần, trong tình trạng này, tôi gọi gã bằng những cái tên ghê tởm mà tôi lập tức hối hận. Khi hắn thức dậy, tôi biện hộ mình vừa trải qua cơn ác mộng.

Gã bạn tù của tôi lập gia đình năm năm. Năm năm tuyệt diệu, hắn kể. "Tụi tao làm tình mỗi tuần hai lần, cãi nhau to tiếng mỗi tháng một lần, nấu nướng ngoài trời và đi biển mỗi mùa hè." Nhưng hắn đã vứt bỏ tất cả chỉ vì bị ám ảnh bởi hình dạng những lưỡi kéo.

"Suốt đời, tao bị thôi thúc không chịu nổi việc phải đâm đàn bà. Chỉ sau khi đâm chết vợ trong khi ả đang ngủ, chẳng vì lý do gì, bằng một chiếc kéo, tao mới nhận ra ham muốn thầm kín được ở tù. Tao muốn được ở giữa những thằng đàn ông. Tao muốn đến phiên được đâm để thỏa mãn số phận."

Phan Nhiên Hạo *dịch*
từ nguyên bản tiếng Anh trong
"Blood and Soap", Linh Dinh. New York:
Seven Stories Press, 2004.

Đọc Fake House của Đinh Linh:

Tự Sự Về Những Vỡ Vụn Xuyên Quốc Gia(1)

isabelle thuy pelaud
chân phương *chuyển ngữ*

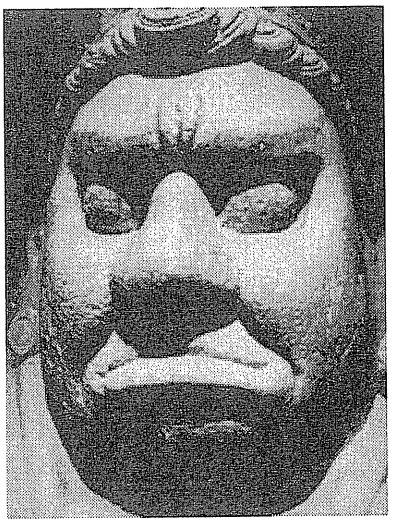

"Fake House" (ảnh Nguyễn Hương)

Văn chương người Mỹ gốc Việt nằm bên rìa xã hội Hoa Kỳ. Mối quan hệ của nó với một trung tâm quyền lực khó phủ nhận chi phối cách đọc, bình luận và thu nhận nó (2). Trong hai thập niên sau 1975, dòng văn chương này hầu như hoàn toàn bị lơ đi, phần lớn vì các lý do chính trị. Cả hai phe hữu cũng như tả phái Hoa Kỳ đều không ham nghe kể những câu chuyện người Mỹ gốc Việt vì chúng nhắc lại một cách sinh động mặc cảm phạm tội của nước Mỹ hoặc những chà đạp bức hiếp mà các chế độ tả khuynh đã tiến hành. Tương tự văn chương thế giới thứ Ba, những trang thơ văn ấy phóng rọi "một chiều kích chính trị dưới dạng dụ ngôn quốc gia" bất kể mức độ riêng tư của nội dung đề tài (3). Tuy nhiên trong thập niên cuối cùng này khi chiến tranh lạnh kết thúc kèm theo sự giải tỏa cấm vận kinh tế đối với VN từ 1994 cộng thêm sự trưởng thành của dân Mỹ gốc Việt được giáo dục tại Hoa Kỳ đã tạo ra một chuyển biến trong sự tiếp nhận, và dòng văn chương Mỹ gốc Việt đã đạt được mức ăn khách tương đối, đặc biệt khi nó đề cập đến chiến tranh VN và kinh nghiệm tị nạn. Các chuyến đào thoát của thuyền nhân (4) và gần đây loại truyện mà tôi gọi là "Trở Về Quê Nhà" của người Mỹ gốc Việt đã tạo nên một sự thu hút đặc biệt (5). Hồi ký của Andrew X. Phạm về chuyến lữ hành ở VN chẳng hạn đã nhận được nhiều giải thưởng và có lẽ đây là bản văn của người Mỹ gốc Việt được giảng dạy nhiều nhất tại các đại học Hoa Kỳ (6). Công ty Levi Strauss trả tiền cho Trương Trần du lịch VN viết về "đồng bào" của ông (7). Cũng có mối thu hút tương tự đối với những truyện kể Việt Kiều ở Mỹ trở về VN trong lĩnh vực truyền thông. Thí dụ đài PBS truyền hình Andrew Lâm trong phim tư liệu mang tên "Tôi trở lại quê nhà", rồi mướn Nguyễn Quí Đức tường thuật tư liệu khác tựa đề "Việt Nam: Đi tìm quê nhà" (8). Các tiếng nói người Mỹ gốc Việt trẻ tuổi đã được các tờ báo lưu tâm và đặt hàng cho những dự án tương tự (9). Qua các mẫu truyện ấy, chất người của dân VN đã hiện lên và cùng với tính chất ấy có lẽ được phục hồi cái cảm giác cho phép Hoa Kỳ lấy lại quyền hạn đối với đất nước này.

Tuy nhiên không phải tất cả các truyện qui cố hương đều được hoan nghênh như nhau. Các bản văn chương của người Việt gốc Mỹ ăn khách nhất là do những kẻ đích thân quay về VN thuật kể, ghi rõ cuộc hành trình in đậm các cảm xúc mãnh liệt với kỷ niệm thống khổ, một nhu cầu chưa lành nỗi đau và niềm ham muốn tìm được bản sắc của mình. *Fake House* (Ngụy Cư), tập truyện ngắn đầy chất khiêu khích của Đinh Linh đi lạc hướng kết cấu chủ đề nêu trên và như thế mở ra một không gian xuyên phá (trangressive space) mới, cho thấy những điều què quặt do các hoàn cảnh hậu thuộc địa và xuyên quốc gia sản sinh ra, qua phái tính, giai cấp, màu da, chủng tộc, tính dục, và địa dư (10).

Đinh Linh là một nhà văn quan tâm đến những người Việt và Mỹ gốc Việt sống vất vưởng ở nơi gọi là bên lề. Mới gần đây ông về sống ở VN

trong hai năm rưỡi, khoảng thời gian lâu hơn nhiều so với các ngòi bút Mỹ gốc Việt được truyền thông chủ lực mời mọc phát biểu như những tiếng nói uy tín về đất nước này. Tiếp theo kinh nghiệm đó ông viết *Fake House* (2000), cuốn sách một nửa lấy Hoa Kỳ và một nửa lấy Việt Nam làm bối cảnh. (11) Cuốn sách này đẩy bật đặc tính Hoa Kỳ khỏi vị trí trung tâm cùng với bản sắc quốc gia đi kèm với nó. Cuốn truyện cố tình phơi bày những hệ quả thô bạo do tư bản xuyên quốc gia gây ra đối với xã hội, tương tự như một ngọn đèn nê-ông chiếu rọi mấy góc bề bộn bẩn thỉu của một gian phòng. Bố cục và các vấn đề cũng như cách sử dụng ngôn ngữ phản kháng lại thuyết hệ phổ biến về Chiến tranh VN, về ý niệm coi VN là "biên cương cuối cùng của Hoa Kỳ", cùng với sự nảy sinh gần đây của loại truyện "Trở Lại Quê Nhà". Đề tặng "Những kẻ không được chọn", *Fake House* đan chéo nhiều tự sự về bọn sống bên lề xã hội và đảo ngược cách soi rọi bằng ngôn ngữ và hình ảnh biến đám dân Việt tha phương thành những nạn nhân bi thảm và những lữ khách bị trục xuất nay lại quay về VN. (12) Được chụp bắt dưới nhiều trạng huống của những kẻ bị tước đoạt hết thế lực và quyền làm người, các chủ thể trong *Fake House* được mô tả như bọn người có động cơ chủ yếu là sự sống sót cá nhân, thường thường hy sinh kẻ khác khi cần. Bọn "không được chọn" này là những kẻ bị xã hội ruồng bỏ và theo lời Đinh Linh là "bọn thua cuộc và bọn thất bại, những kẻ bị tống khứ và hạ nhục bởi một thứ văn hóa hào nhoáng, chỉ tôn vinh người thắng cuộc (13). Đó thí dụ là anh chàng VN thuyền nhân bỏ trốn nhưng không đi thoát hoặc chị đàn bà Mỹ Trắng thua kém về nhan sắc nên du lịch Á châu với hy vọng được đoái hoài. *Fake House* nằm vào chỗ mà Michel Foucalt gọi là không gian dị hóa (heterotopia), một vị thế được kỷ luật hóa qua những thứ xã hội định danh là mang tha tính, có nghĩa là sự hiện diện của các thao tác xã hội với thiết chế đã mã hóa một số không gian nào đó thành công cộng hoặc riêng tư, hợp pháp hay bất hợp pháp. Đó là các không gian của khủng hoảng mang dấu ấn của nạn mù chữ, tà đạo (deviance), và nghịch loạn. Những vị thế ấy nhắc tôi nhớ đến các phân tích trong loạt bài viết do Lisa Louse và David Lloyd biên tập trong cuốn *The Politics of Culture in the Shadow of Capital* (1997) trong đó họ lập luận rằng chủ nghĩa thực dân và tiền thực dân ngày nay vẫn tiếp tục được tiến hành, do đó sản sinh ra những địa hạt mâu thuẫn khiến cho nạn phân cực giai cấp càng thêm trầm trọng mà không thể quy góp sự phân cực ấy vào mối lôgíc giản đơn của sự thương phẩm hóa (logic of commodification) (15). Như Cynthia Enloe đã chỉ ra cái giá phải trả cho những mâu thuẫn ấy trong các hoàn cảnh hậu thuộc địa thường đè lên người phụ nữ. Nếu họ thường được đề cao như những biểu tượng của tinh thần dân tộc, thì là để đàn ông bản xứ trả đũa "sự lăng nhục nam tính," vì quá trình xâm chiếm thuộc địa và hậu thuộc địa đã dùng toàn đàn bà là đồ vật nhục dục đồng thời là cái cớ để can thiệp (16).

Xẻ ngang và chuyển dịch một cách có hệ thống mọi đối lập cố định, *Fake House* chỉ ra một cách hữu hiệu rằng chính các dị biệt được cấu tạo bởi xã hội và lịch sử không chỉ ở các cựu thuộc địa mà cả ở Hoa Kỳ nơi nhập cư của các chủ thể hậu thuộc địa đã sản sinh và làm nghiêm trọng thêm các thứ phản tác dụng. Các tự sự ấy mở ra một không gian trong đó dân Việt có thu nhập thấp và phụ nữ Mỹ gốc Việt chia nhau chỗ ngồi dưới đáy địa ngục của nền kinh tế xuyên quốc gia "cá lớn nuốt cá bé" [food chain: vòng quay thực vật – động vật ăn lẫn nhau trên quả đất – CP].

Những truyện ngắn trong *Fake House* soi rọi vấn đề tha hóa, sự truyền đạt giữa con người và các cố gắng đạt đến chủ thể tính đối với những di dân mới đến Hoa Kỳ, dân quê ở nông thôn Việt Nam cùng các nhân vật da trắng sống bên lề xã hội. Chúng đề cập đến tính trớ trêu buồn cười nếu không nói là đạo đức giả của chế độ phụ quyền của người Việt và người Mỹ gốc Việt đồng thời bàn luận về các thứ khủng hoảng nam tính đang tiếp tục in dấu trên chủ thể tính của người Việt và Mỹ gốc Việt (17). Những truyện ấy ngụ ý rằng lời nói do ai cất lên và từ vị thế nào sẽ làm biến đổi ý nghĩa do những kinh nghiệm tương tự cung ứng và chứng minh thêm rằng tư bản xuyên quốc gia đã gây ra những lệch lạc nhân tính như thế nào. Chẳng hạn trong "555", Thanh là di dân Việt mới đến Hoa Kỳ đi chơi đĩ để giải quyết sinh lý để tìm quan hệ với đồng hương và tạo dựng lại một diện mạo đã bị chiến tranh nhà tù cải tạo sau 75, và quá trình tái định cư phá hủy. Thanh cho rằng anh ta tìm đĩ vì nhu cầu hơn là vì "ảo vọng nhục dục". Bắt gặp gã Mỹ trắng "không xấu trai" đang ngồi chờ gái, anh ta tự hỏi: "tại sao thằng nhóc bảnh như thế lại phải vô động trả bạc trăm để chơi đĩ? Bộ nó không cua đào được sao?" (18) Mấy cái răng cửa của Thanh đã bị

Việt Cộng "đấm văng mất" anh ta không nói được tiếng Anh và cảm thấy mình không có chỗ đứng ở Bắc Mỹ. Trong lúc được một "gái chơi" chà xát xà phòng trên lưng, anh ta nhớ lại đêm qua "có ai đó lái xe ngang đã ném quả trứng vào người mình" (19). Ở Hoa Kỳ anh ta là mục tiêu của sự kỳ thị chủng tộc. Như nhân vật Old Pete trong truyện ngắn "Jackrabit" (Thỏ tai dài) của Jeffery Paul Chan, Thanh muốn kề cận một con điếm Đại Hàn hoặc Trung Hoa để xoa dịu kiếp độc thân tất yếu, số phận của nhiều người di dân mới đến nước Mỹ như anh ta (20). Khác với lão Old Pete, Thanh không đến với gái điếm Á đông để tìm người đồng thanh khí với bản sắc dân tộc của mình (21). Trái lại Thanh chọn một động đĩ ở Phố Tàu chứa phần lớn gái điếm Đại Hàn bởi lẽ ở cái xứ Hoa Kỳ phân biệt màu da thành đẳng trật này họ rẻ tiền hơn và cũng đủ khác biệt để anh ta nhìn họ như vật thể (22). Khi anh ta nhận ra con điếm mình chọn là một người đàn bà Việt, "dương vật của anh ta đột ngột mềm xìu" (23). Dựa vào gốc gác chung, cô gái điếm hỏi Thanh bằng tiếng Việt: "Anh tên gì?" Thanh tức khắc cắt ngang mọi khả năng liên đới và thân mật: "Cô làm gì ở cái chỗ như vầy?" Mất thoải mái vì gặp phải đồng hương, Thanh không nhìn thấy được mối tương quan giữa hai cuộc đời sa đọa của họ. Để tránh né hình ảnh của mình bị phản chiếu như một tấm gương từ sự hiện diện của người đàn bà trẻ tuổi, Thanh tìm nơi ẩn náu trong thói phụ quyền.

Cuối cùng anh ta rộng rãi chi tiền cho cô điếm nhưng không ngủ với cô ta. Bù lại anh ta yêu cầu ả chia động từ "être" bằng tiếng Pháp. Trong một khoảnh khắc, Thanh sống lại ảo tưởng anh ta vẫn còn ở trong cái hệ thống nơi phụ quyền vẫn lấn át vị thế chủng tộc hoặc di dân. Bằng cách không ngủ với người đàn bà Việt, Thanh thi hành một động tác dân tộc chủ nghĩa qua trung gian của các chủ thể tính hậu thuộc địa từ đó anh ta rút ra được một uy thế ngắn hạn. Sự phát ngôn mấy chữ: "Je suis. Tu es. Il est. Elle est. Nous sommes. Vous êtes. Ils sont. Elles sont," đưa ra cái thông điệp cho rằng "là" một di dân nghèo mới đến Hoa Kỳ không phải là sự chọn lựa mà là một tình cảm nằm trong tính liên tục của quá trình thuộc địa hóa (24). Cách chia động từ với âm điệu Việt Nam ấy có thể quen thuộc và dễ chịu đối với Thanh. Bị cầm tù trong một trại cải tạo cộng sản sau 1975, có thể trước đây anh ta là sĩ quan trong quân đội miền Nam và đã từng học trường Tây vào thời niên thiếu. Có những từ ngữ Pháp cho phép anh ta phá vỡ sự thân mật do nền văn hóa chung tạo ra đồng thời đưa anh ta trở về cái thời hòa bình khi mà trường Tây là chìa khóa của thăng tiến xã hội. Trong khoảnh khắc phù du ấy, ngôn ngữ có công dụng đánh thức ký ức, dân tộc tính cùng phái tính. Nó cũng nhắc lại một cách sinh động rằng khác với thời thuộc địa, sự kháng cự chống lại một kẻ thù chung vào ngày hôm nay gần như là một điều không thể thực hiện.

Cuộc đối thoại giữa "555" (Ba Số Năm) và "Hope and Standard" (Hy Vọng và Tiêu Chuẩn) mở thêm một không gian xuyên phá ở đấy chính trị, văn hóa và kinh tế rõ ràng tạo nên một trường năng động chằng chéo đầy mâu thuẫn. "Hy Vọng và Tiêu Chuẩn" đối chất cái ý kiến cho rằng hôn nhân cưỡng ép với Việt kiều hoặc ngoại kiều đã trở thành một sách lược của dân Việt thấp hèn để trốn khỏi sự nghèo túng. Trong "Hy Vọng và Tiêu Chuẩn", những phụ nữ VN có nhan sắc sinh ra từ các gia đình nghèo được khắc họa thành các nhân vật vừa mắc kẹt trong ảo vọng của đàn ông Mỹ trắng vừa lệ thuộc vào chế độ phụ quyền ở Việt Nam. Trong truyện ngắn này, một người cha Việt Nam vừa gả con gái cho người nước ngoài, nhờ đó ông ta có thể hưu trí và "xây cất ngôi nhà gạch nhỏ" (26). Gặp một tay bán rượu, ông bố đó kể lể như sau:

Con gái tôi đâu có lấy người Đài Loan! Tiêu chuẩn chúng tôi cao hơn thế nhiều! Nó cũng chẳng lấy Việt kiều mà lấy Mỹ. Mỹ thứ thiệt! Nó sẽ hy sinh tuổi trẻ để vắt cạn tên này! Trong vòng năm năm chúng tôi sẽ làm ly dị. Sau đó con gái tôi sẽ nhập tịch Hoa Kỳ rồi mang tôi qua Mỹ. Tôi đâu ngu dại gì! (27)

Thế giới quan của người bố dựa vào ý hệ cho rằng sự hơn kém giữa các dân tộc và quốc gia. Đối với ông, đàn ông Mỹ trắng chiếm địa vị trên cùng còn đàn ông Việt thì nằm dưới đáy. "Nạn nhân" là người con gái Việt phải lấy một người mình không yêu để làm tròn chữ hiếu, và người đàn ông Mỹ đã hơi ngây thơ khi tin vào huyền thoại về người phụ nữ Á đông phục tùng chồng. Hy sinh phần mình để việc bảo lãnh người cha sang Mỹ được thuận lợi, cô dâu Việt Nam có vẻ hiện thân cho biểu tượng dân tộc là Kiều, nàng điếm được đề cao như hình mẫu quốc gia về trinh tiết vì đã hy sinh thân xác của mình để cứu giúp cha và em trai. Tuy nhiên mọi chủ nghĩa lãng mạn, anh hùng và suy tôn đức hy sinh của phụ nữ trong truyện "Hy Vọng và Tiêu Chuẩn" tan biến trong giọng kể trần trụi không tô vẽ bên cạnh các

tình huống đời thường. Điều duy nhất sót lại dưới chủ nghĩa tư bản hậu thuộc địa là hành động hy sinh thô kệch tách khỏi mọi luân lý và đạo đức. Không giống nàng Kiều trong huyền thoại, việc bán mình trong *Fake House* không được thể hiện như tình cốt nhục mà như một sự thúc bách do bạo lực phụ quyền. Theo lời người kể, hình như người bố đã "đánh đập" đứa con gái ép cô ta "phải đi đến quyết định ấy" (28). Nằm theo tuyến liên tục của một lôgíc tiềm tàng do hoàn cảnh hậu thuộc địa và xuyên quốc gia, câu chuyện này gợi ý một điều: thân phận phụ nữ ngày nay về một số mặt có thể còn tệ hơn so với thời tiền thuộc địa.

Việc cưỡng bức phụ nữ trong truyện "Hy Vọng và Tiêu Chuẩn" có liên quan mật thiết với sự tước đoạt nam tính và quyền chính trị của đàn ông Việt Nam. Chẳng giống Thanh trong "555" không chỉ giai cấp và phái tính quyết định ý thức về nam tính ở đàn ông Việt mà còn phải kể đến quốc tịch. Không như phụ nữ Việt, đàn ông Việt Nam không có sự chọn lựa "bán mình" cho các hôn phu có triển vọng đến từ những nước thịnh vượng hơn. Kể cả một kẻ bại hoại như Thanh trong "555", vừa nghèo vừa sún răng, vẫn có vẻ hấp dẫn hơn một người đàn ông Việt khỏe mạnh vì anh ta mang quốc tịch Hoa Kỳ. Theo lời người kể trong "Hy Vọng và Tiêu Chuẩn", đàn bà con gái Việt Nam người nào cũng "chờ cơ hội làm quen với Việt kiều" (29). Chưa từng có chị Việt kiều hay đàn bà ngoại quốc ghé đến làng của bọn này để nhận lãnh bất cứ một tên đàn ông nào," ông ta thở dài kể tiếp. Theo cách nhìn ấy, đàn ông nghèo ở Việt Nam, trai tráng miền Nam cũng như miền Bắc, đều thua thiệt như nhau. Dưới con mắt người kể, trai tráng nghèo hèn ở Việt Nam bị tước quyền đến hai lần do không có khả năng cạnh tranh với đàn ông Việt Kiều và ngoại quốc được bao quanh bởi ánh hào quang của đặc quyền mà họ không với tới được và cũng do không có khả năng bán mình làm món hàng viễn xứ cho đàn ông ngoại quốc như các phụ nữ đồng cảnh ngộ với họ. Truyện này ngụ ý rằng tình trạng như hư hoại nam tính (emasculation) ấy làm xấu thêm cách đối xử với đàn bà hoặc như biểu tượng dân tộc trong chiếc áo dài trắng hoặc thường khi như những đối tượng của dục vọng khó chiếm đoạt nên bị hờn oán.

Do đề tài nhưng cũng do ngôn ngữ sống sượng *Fake House* phản chiếu các bộ phận xã hội có chiều hướng được lãng mạn hóa một cách đáng lo ngại cho phép duy trì những tệ nạn (30). Cách dùng ngôn ngữ thô nhám của Đinh Linh khiến cho một vài người điểm sách phê bình tác phẩm của ông là kỳ thị giới tính (sexist) (31). Cộng vào đó, người ta có thể nêu vấn đề tại sao viết về đĩ điếm hoặc những người con gái bị bán đi trong khi loại truyện về gái điếm Việt Nam và "Đàn Bà Việt Đàn Ông Mỹ" đã bão hòa cách thức biểu hiện chiến tranh ở VN. Các cộng đồng Việt và Á đông ở Hoa Kỳ đã kiên quyết lên án mối tương quan trên, kết tội nó thể hiện sai lệch văn hóa và phụ nữ Việt Nam cũng như đã giới thiệu đất nước Việt Nam như một nạn nhân thụ động. Nhiều cảnh huống trong *Fake House* vẽ chân dung bọn đàn bà thành đồ vật nhục dục trong tình trạng băng hoại. Khi Thanh gặp người kể truyện trong một quán bar, anh ta nói: "Hôm nay tôi xuống phố để đụ đĩ" (32). Chữ "đụ" được lặp đi lặp lại làm sáng rõ bản chất của cuộc trao đổi. Khác với nhạc kịch *Miss Saigon* trình diễn ở Broadway, ở đây hoàn toàn không có khả năng hình thành tình yêu giữa gái điếm và khách làng chơi (33). Người đàn bà anh ta gặp hôm đó được mô tả là "thấp người, vú nhỏ, có một gương mặt hồn nhiên yêu đời", biết làm vừa lòng người khách của mình như đã chứng tỏ trong cảnh cô ta dìu anh ta vào tắm dưới búp sen rồi xoa vuốt sau lưng (34). Cũng vậy cô đàn bà trẻ trong truyện ngắn "Hy Vọng và Tiêu Chuẩn" được phác họa với "cái mũi hếch và khuôn mặt trái soan" (35).

Người kể lưu ý sự kiện cô nàng có hàm răng "thật". Ông ta thêm, "Chỉ có khuyết điểm là cô ấy thiếu cặp ngực và phải mặc áo độn vú" (36). Chữ "gái" dùng để nói đến những đàn bà trẻ bộc lộ cương vị của kẻ cấp trên mà các đàn ông kể chuyện tự gán cho mình. Việc nhìn ngắm bộ răng của người đàn bà gợi lại chuyện người chủ nô quan sát tên nô lệ ông ta dự định mua về, trong trường hợp này cách quan sát đã kinh qua trung gian của mỹ học thuộc địa khi đánh giá cao "cái mũi hếch" và sự thèm muốn vú to của nam giới. Có thể so sánh cách mô tả gái điếm Mỹ gốc Việt và người phụ nữ VN trong những truyện ngắn ấy với cách lột tả một nhân vật gái điếm trong quyển *A Good Scent from a Strange Mountain* (1993) [Hương thơm từ núi lạ] của tác giả Robert Olen Butter, từng đoạt giải Pulitzer. Trong truyện ngắn "Fairy Tale" (cổ tích) từ tác phẩm vừa kể, nhân vật chính tự mô tả như sau:

Tôi hai mươi lăm tuổi và có cặp vú nhỏ, nhất là so với Mỹ, nhưng tôi vẫn là loại gái hạng nhất...

Tôi mang tình yêu đến với người đàn ông khi anh ta đang cô đơn khiếp sợ và mong muốn được kề cận sự mềm dịu... Tôi không phải loại đĩ gợi cảm, lắc vú lắc mông, oh boy oh boy, sướng quá đi thôi... Buổi sáng anh ta trong bồn tắm, tôi đi vào quì xuống bên cạnh nắm hai bàn tay rồi kỳ cọ sạch mở dần với cây giữa nhỏ. Khi rời nhà anh ta hôn đôi tay tôi. (37)

Người đàn bà trẻ này dịu dàng, tính nết trẻ con và sẵn sàng làm vừa lòng khách, các tính nết ấy được tô đậm bởi giọng nói thoáng nhẹ và không dọa nạt của cô ta. Chân dung tự họa này giống bức biếm họa của Tony Rivers nhạo các ảo tưởng về phụ nữ Á châu của đàn ông da trắng:

Nàng không có vú... Nàng dĩ nhiên bao giờ cũng trẻ, rất giống trẻ con, một đứa con gái ngoan ngoãn... Nàng săn sóc anh và bao giờ cũng tha thứ, cho anh chỗ trú náu và xoa dịu anh với phần yên tĩnh nhất của tâm hồn phụ nữ trong nàng... Khi anh về nhà sau một ngày nặng nhọc khác trên quả hành tinh, nàng hiện ra, cởi áo quần cho anh, tắm rửa anh và trần truồng dẫm chân trên lưng anh để giúp anh thư giãn. Sau đó là nhục dục... Nàng là lạc thú, bạn biết không, và nàng chẳng có gì rắc rối... (38).

Như cô gái điếm xuất hiện trong *A Good Scent*, nhiệm vụ của người đàn bà này xoay quanh việc phục vụ người đàn ông của mình như một người mẹ, như đứa con gái và như đồ chơi nhục dục. Cũng nên thông báo cho rõ là giới điếm sách đã có phản ứng rất trái ngược đối với tác phẩm của Robert Butler và của Đinh Linh. Ngôn ngữ các nhân vật Mỹ gốc Việt trong truyện Butler được quan niệm là "mất chữ trật cú một cách dễ thương" (39). Khi ngôn ngữ trong truyện ngắn Đinh Linh được mô tả là mang dấu ấn của "đối thoại đầy mánh khóe, tràn ngập thông tin sai lạc mang tính kỳ thị màu da, nhiều câu chữ rối rắm tối nghĩa, nhiều chỗ tục tĩu khó chịu..." (40). Trong *A Good Scent*, Butler sử dụng tiếng Anh vụng về ráp nối cho đến "những câu cực kỳ trữ tình nhịp nhàng êm tai như thơ" khiến độc giả có cảm tưởng rằng những người gốc gác từ VN đều "tốt vô cùng" (41). Không giống cách Butler thể hiện cô gái điếm Mỹ gốc Việt, nét dịu hiền, tính phục tùng và sự hồn nhiên trẻ thơ không ngự trị những trang viết Đinh Linh. Trong truyện "555" sau khi xoa bóp lưng Thanh xong, Hương gái điếm bảo người khách chơi đang hứng tình đợi cô ta chợp mắt năm phút. Khi anh ta lột quần lót của cô ta mà không có sự thỏa thuận "ả mạnh tay kéo quần lên" và gắt gỏng, "Lạnh đít quá" (42). Nếu đúng là thô tục, sử dụng chữ "đít" lôi độc giả khỏi cái thế giới ảo tưởng, để lộ cho thấy cái đồ vật giống búp bê có nụ cười nhựa dẻo sơn đỏ sẵn sàng phục vụ đàn ông thật ra là một con người mệt mỏi, chai sạn và hung tợn đã quen bị đàn ông bức hiếp. Khi nhận ra khách hàng mình là người Việt cô gái trẻ liền đổi thái độ. Do liên hệ dân tộc, cô ta chuyển qua tiếng Việt và hỏi: "Anh tên gì?" dùng đúng cách xưng hô khi nói năng với người đàn ông lớn tuổi hơn mình. (43) Khi Thanh nói chuyện với cô gái anh ta chỉ gọi tên "Hương mấy tuổi?" do đó vạch rõ nét địa vị xã hội thấp hơn của cô ta. (44)

Thoạt đầu tò mò và cởi mở Hương nhanh chóng hiểu ra một điều: người đồng bào có thể phán xét và nhục mạ mình trong khi đàn ông các nước khác thì không thể. Mặc dù cô gái "hồ hởi" thoáng chốc khi nghe anh ta bảo rằng anh ta không còn muốn "đụ" nữa và cho anh ta biết cô cũng là sinh viên, khi anh ta yêu cầu cô ta chia động từ "être" bằng tiếng Pháp, cô gái lập tức thu mình lại. "Bộ anh tưởng tôi ngu à!" cô ta thốt to để tự vệ (45). Cô ta chỉ nhận lời trả bài chia động từ, không phải để tỏ vẻ phục tùng khách hàng hoặc kính trọng một người cùng dân tộc, mà với điều kiện là anh ta sẽ không bao giờ trở lại tìm gặp cô ta. Qua yêu cầu của mình, bên cạnh việc mở ra cho anh ta một không gian tiếc nuối, người khách chơi là Thanh có thể còn hiện ra trước mắt Hương như một kẻ mượn lại mặt nạ ông thày Pháp để đánh giá khả năng ngôn ngữ của thổ dân và khả năng cô gái phản chiếu hình bóng anh ta với sự đồng ý rằng cô ta sẽ khó thành công do địa vị thấp kém của mình. Trong tình huống đặc thù khi những kẻ sống bên lề trong một cộng đồng ngoại vi gặp nhau như thế, và chỉ cần mối tương quan giữa ngôn ngữ và sự hiện diện của Ông Thầy thuộc địa để tạo ra địa vị kẻ trên người dưới, có cùng gốc gác dân tộc không đưa đến sự đoàn kết mà trái lại gây xung đột không như cách thể hiện gái điếm của Butler, bị vật thể hóa đến hai lần thành gái làng chơi và cô em gái gặp người đồng bào nói cùng thứ tiếng, Hương không trả bài chia động từ một cách ngoan ngoãn như làm phận sự mà lại "hằn học" gằn giọng "từng âm tiết".

Tràng phát ngôn ấy khiến độc giả không còn cảm thấy tò mò thích thú như lúc đọc *A Good Scent* mà mơ hồ ý thức rằng họ đang chứng kiến một hành vi bạo lực, tinh tế, phức tạp và nhắc gợi hiện thực.

Fake House phản bác các tự sự đề cao phát triển và tiến bộ. Đinh Linh xuyên phá các tín điều bản chất chủ nghĩa (essentialist assumptions) và chối bỏ các tự sự bình thường về dân tị nạn, nói theo chữ của triết gia Althusser, ông là một "kẻ xấu" (mauvais sujet). *Fake House* cống hiến một lăng kính quyết liệt và có lúc méo lệch về thế giới để đối chất các tác động thô bạo của chủ nghĩa xuyên quốc gia, một không gian ít được đề cập qua ngôn ngữ dân tộc. Đáp lại những người phê bình mình, Đinh Linh nói: "Tôi ý thức cao độ về mọi quan hệ quyền lực không bao giờ đứng chung với những kẻ có quyền... Tôi viết về bọn tớ gái người hầu đàn bà bị chà đạp; tôi nhạo báng văn hóa về đĩ điếm ở Việt Nam, và nam tính (machismo) Việt Nam nói chung" (46). Mục tiêu của Đinh Linh trong *Fake House* là gọi tên cái xấu bốc lên từ các góc thế giới, cái xấu không dễ gì đối diện với rất nhiều người, để biết đâu gây ra chuyển biến xã hội. Đặt bên cạnh nhau tiếng nói từ những vị thế quốc gia, chủng tộc, giai cấp, giới phái và địa lý đa dạng cho thấy những cá nhân bị mắc bẫy trong những cõi miền và chu kỳ của khổ đau. Ở đây mọi khả năng liên đới giữa các con người, đàn ông và đàn bà, đều bị cắt ngang hoặc chặt đứt một cách thô bạo và không thích nghi được với các thiết chế hiện đại của bộ máy nhà nước. Những dời đổi do chiến tranh, chính sách thực dân và chủ nghĩa xuyên quốc gia tạo ra các thứ mâu thuẫn như được gợi lên trong cuốn truyện, khiến những con người theo cá nhân chủ nghĩa cực đoan đánh mất quan hệ giữa người và người, kết quả là họ bị chà đạp ức hiếp và trở thành những kẻ chà đạp người khác. Các nhân vật trong *Fake House* là những vỡ vụn, nạn nhân vừa kẻ thù chống hệ thống xuyên quốc gia mà bạn và tôi đang thủ lợi trong đó. Trong sách *The Politics of Culture in the Shadow of Capital* (các chính sách văn hóa dưới bóng tư sản) Lisa Lowe và David Lloyd viết rằng "thời điểm của chúng ta không phải là thời kỳ tuyệt vọng do số mệnh an bài; các gương mặt quay nhìn về quá khứ". Mục tiêu của họ không phải "hàn gắn nguyên vẹn những gì đã bị đập nát mà là xuyên qua bão tố đi vào tương lai ở đó những vỡ vụn không phải chỉ là tàn tích". Họ lập luận rằng "Những vỡ vụn ấy chứa đựng sự chọn lựa khác" (47). Các tự sự về vỡ vụn trong *Fake House* tự chúng không đề xuất những chọn lựa đáng mơ ước mà chỉ biểu hiện những không gian bão hòa bởi sự phô trương quyền lực sắt máu không còn thấy dấu vết gì của hy vọng. Đối với Đinh Linh, hy vọng không ở trong các truyện mà ở trong quá trình kể truyện. Nếu không gọi đích danh và dựng một tấm gương, dù méo lệch hay không, trước mặt cái xấu, cái xấu sẽ tồn tại mãi. Đó là lời báo động của tập truyện.

Chú Thích

1. Tôi (Isabelle Thuy Pelaud) xin cảm ơn Russell Leong, người điểm sách nặc danh trên Amerasia Journal, và Yuki Obayashi vì các góp ý phê bình của họ. Tôi cũng cảm ơn Antoine St. Pierre đã giúp tôi về mặt biên tập.

2. Bàn về ký ức và dân Mỹ gốc Á đông, xem Marita Sturken "Absent Images of Memory...", trong Positions (1997).

3. Frederic Jamerson, "Third World Literature in the Era of Multinational Capitalism", Social Text (15,1986), 69.

4. Xem Thomas A.Dubois, "Construction Construed..." in Amerasia Journal 19:3 (1993), 1-25

5. Michelle Janette phân chia văn chương Mỹ gốc Việt thành ba loại: "Truyện của chứng nhân", "Truyện Học tập cải tạo", và "Truyện Đời Sống ở Hoa Kỳ". Bà lập luận rằng cảm giác chiến thắng mới được hồi phục khi chấm dứt chiến tranh lạnh cho phép Hoa Kỳ chuyển từ chính sách cấm vận chống VN với sự bôi xóa khỏi ý thức đối với dân Mỹ gốc Việt sang thái độ công nhận rộng lượng một cách tai quái" Michelle Janette, "Vietnamese American Literature in English, 1963-1994", Ameriasia Journal 29:1 (2003). Trong loại truyện "Trở Về Quê Nhà" tôi bao gồm cả hai dạng trở về cụ thể (thí dụ: Andrew Phạm Catfish and Mandala (1999) và trở về ẩn dụ, như trong các hồi ký (thí dụ: Lan Cao, Monkey Bridge (1997)

6. Andrew X. Pham, Catfish and Mandala (New York, 1999). Tác phẩm này đã được trao nhiều giải thưởng dành cho loại sách không hư cấu.

7. Xem Isabelle Pelaud "Difference in Truong Tran's dust art concience" Michigan quarterly Review, VN: Beyond the Frame (Fall 2004), 720-727.

8. Năm 1994, Giáo sư Hiền Đỗ cũng được mời làm người tường thuật phim tư liệu "VN: at the crossroads" do KTEH sản xuất cho các đài PBS, SJ, tiếp theo chuyến đi của ông không bao lâu sau khi Tổng thống Clinton hủy bỏ cấm vận. Phim tư liệu này tìm hiểu về những chuyển biến xã hội, chính trị và văn hóa đã xảy ra ở VN.

9. Hai tờ Nhật báo Seattle Post Intelligence (6-2-2000) và San Francisco Examiner (4-24-2000) đã đăng bài "A Daughter's Journey" của Phuong Le. Truyện "A Child of Two Worlds" của Andrew Lam được đăng trên báo San Francisco Examiner (23-4-2000)

10. Cảm ơn người điểm sách nặc danh đã nêu lên những nhận xét liên quan đến tập truyện này (16-5-2005)

11. Đinh Linh, Fake House (NY: 2000) sách đã in của Đinh Linh gồm có Drunkard Boxing (1998) và Blood and Soap (2004).

Năm 1996 Đinh Linh dịch và biên tập một tập truyện từ tiếng Việt mang tên Night Again: Contemporary Fiction from VN, gồm cả sáng tác của các tác giả VN hải ngoại. Khi được yêu cầu giải thích về tên sách, Đinh Linh trả lời như sau: "Đặt tên

sách là "Contemporary Vietnamese Fiction" thì chính xác hơn" nhưng nhà xuất bản đã từng in hai truyện khác có tên là "Contemporary Fiction from Central America" và "Contemporary Fiction from Cuba". Họ muốn thể hiện tính trước sau như một trong cách đặt tên sách... Dĩ nhiên không phải ngôn ngữ cũng không phải không gian làm ra một dòng văn học. Khi nào còn viết bằng tiếng Việt thì nó vẫn còn là Văn Học Việt Nam (trao đổi qua e-mail, Đinh Linh, 11-2-2005).

12. Cảm ơn người điểm sách nặc danh (May 16, 2005).

13. Trao đổi qua e-mail, Đinh Linh, 7-12-2000.

14. Xem M.Foucault, Language, Counter-Memory, Practice (NY, 1969).

15. Luận điểm của Lowe và Lloyd nhằm đáp lại cách lĩnh hội chủ nghĩa xuyên quốc gia như là "sự triển khai khắp trái đất một phương thức sản xuất khác biệt dựa vào tích lũy luôn chuyển dịch và sản xuất pha tạp để thâu gộp mọi khu vực của kinh tế toàn cầu vào lôgic thương phẩm hóa (commodification)." Họ lập luận rằng cách hiểu như trên "thiên về sự thừa nhận tính đồng bộ hóa của nền văn hóa toàn cầu, giảm trừ một cách triệt để các khả năng sáng tạo những chọn lựa khác."

16. Enloe viết thế này: "Như vấn đề vệ sinh và Thiên Chúa Giáo, phẩm giá phụ nữ được nêu ra để thuyết phục dân chúng ở các nước thuộc địa cũng như ở các nước đi chiếm thuộc địa rằng sự xâm lăng của ngoại bang là đúng đắn và cần thiết... Giới chức thực dân Anh lên án các ý hệ của đàn ông ở các xã hội thuộc địa đã làm đổi trụy phụ nữ,... nếu ý thức về nam tính của bọn đàn ông này không bao gồm sự tôn trọng phụ nữ thì họ không đủ tư cách để cai trị xã hội của chính họ". Cynthia Enloe, Bananas, Beaches and Bases (Univ of Calif, Press, 1997), 48.

17. Cảm ơn người điểm sách nặc danh (16-5-2005).

18. Đinh Linh, Fake House (NY: 2000). 106.

19. Như trên, 107.

20. Jeffery Paul Chan "Jackrabbit" trong Frank Chin & Shawn, eds, Yardbird Reader (NY. 3,1974).

21. Elaine Kim, Asian American Literature (Philadephia: 1982), 190.

22. Joe Feagin, Racial Ethnic Relations (Pratice Hall, 1989), chương Hai có bài tóm lược các lý thuyết liên quan đến các dẳng trật sắc tộc và màu da ở Hoa Kỳ.

23. Đinh Linh, Fake House, 108.

24. Như trên, 109.

25. Truyện này ra đời sau khi tác giả trở về VN, khi ở VN trong cuộc phỏng vấn với Leakthina Chau-Pech Ollier, tác giả nói: "Người ta hỏi tôi: Chắc Anh có quen người này người kia, tôi có đứa con gái đẹp lắm. Tội nghiệp, nhưng không trách họ được!... Tôi cũng nghe những chuyện kinh hoàng nhất: chẳng hạn người Đài Loan sang đây kiếm vợ. Có những người mối làm việc móc nối. Anh Đài Loan trả chi phí cho người mối đâu khoảng 10 nghìn đô, và người mối về làng tìm một cô gái mang lên Sàigòn". Winston & Ollier, eds, Of Vietnam: Identities & Dialogue (NY: 2001), 163.

26. Đinh Linh, Fake House, 145.

27. Như trên, 146.

28. Như trên, 146.

29. Như trên, 144.

30. Xuyên qua ngôn ngữ Đinh Linh liên kết nhục dục với quyền lực, điều đặc biệt có ý nghĩa đối với nam giới Mỹ gốc Việt, những kẻ từng có lịch sử bị vùi dập nam tính. Hơn nữa đàn ông Mỹ gốc Việt không quen viết về nhục dục. Như vậy có thể Fake House đã cố ý xuyên phá sự hợp nhất giữa bản sắc và địa phương trên cả hai bình diện sắc tộc và màu da.

31. Xem http://www.talawas.org/talaDB/showFile.php?res=4199&rb=0102

32. D.Linh, Fake House, 105.

33. Miss Saigon là nhạc kịch cải biên từ Madame Butterfly, của Pucccini, lấy chiến tranh VN làm bối cảnh. Trong vở kịch, Kim nhân vật chính là người đàn bà trẻ đẹp, trong trắng, đài các và lãng mạn phải đi làm điếm vì những biến động do chiến tranh gây ra. Khách chơi đầu tiên của nàng, một anh lính Mỹ trẻ, yêu nàng và "cứu" nàng khỏi chốn lầu xanh. Bị chia ly do sự hỗn loạn vào những ngày kết thúc chiến tranh VN về sau nàng tự tử để bảo vệ người tình cũ đã lấy vợ mới và cũng để bảo đảm cho đứa con của họ có một tương lai tốt đẹp hơn. Có lập luận cho rằng loại truyện ảo tưởng ấy gánh một phần trách nhiệm trong tệ nạn bóc lột đàn bà Mỹ gốc Việt ở các phòng tắm hơi, hay doanh nghiệp cưới gả qua bưu điện và kỹ nghệ du lịch Á châu buôn bán phụ nữ như những món hàng.

34. Đinh Linh, Fake House, 107.

35. Như trên, 144-145.5

36. Như trên, 145.

37. Robert Olen Butter, A Good Scent from a Strange Mountain (NY: 1992, 47-50).

38. Tony Rivers "Oriental Girls...", GQ British Edition (10/1990), 160.

39. Robert Towers, "From Saigon" The NY Review of Books (8-12-1993), 41.

40. Trích dẫn trọn câu: "Những truyện đầy khổ đau của Đinh Linh đưa ra phong cách đối thoại đầy mánh khóe, tràn ngập thông tin sai lạc mang tính kỳ thị màu da, nhiều câu chữ rối rắm tối nghĩa nhiều chỗ tục tĩu khó chịu, gợi lên một cách nhìn người đa nghi nhưng trìu mến, về tinh thần nếu không nói về nghệ thuật văn chương tương tự với truyện của Sherman Alexie và Aleksandar Hemon" (2001, 216), trong Donna Seaman, Booklist (97-2, 9-15-2000), 215-216.

41. Monique Truong, "The Reception of Robert Olen Butler's A Good Scent from Strange Mountain..." VN Forum 16 (1997), 75-94.

42. Đinh Linh, Fake House, 108.

43. Như trên, 108.

44. Trao đổi qua e-mail, Đinh Linh giải thích: "Trong tình cảnh đó, bởi vì cô ta trẻ hơn, tuy nhiên nói tiếng Việt thì anh ta phải gọi "em" không ai *gọi đĩ là "chị"*. Tôi dùng từ "brother" để ngụ ý "anh" "bigger brother", vì đó là cách xưng hô của gái điếm, hay một phụ nữ đang yêu, với người đàn ông. "Sister" trong trường hợp này nghe công thức quá. Một độc giả VN sẽ nghĩ đến chữ "chị" làm cho đoạn văn mất tính chân thực, thậm chí trở thành khôi hài". (3-6-2005).

45. Đinh Linh, Fake House *(NY: 2000), 109.*

46. Trao đổi qua e-mail với Đinh Linh (7-4-2005).

47. Lisa Lowe and David Lloyd eds. The Politics of Culture in the Shadow of Capital *(Durham 1997), 27.*

Ta Không Bao Giờ Nên Gặp Nhau

aimee phan
trần tuệ quân *chuyển ngữ*

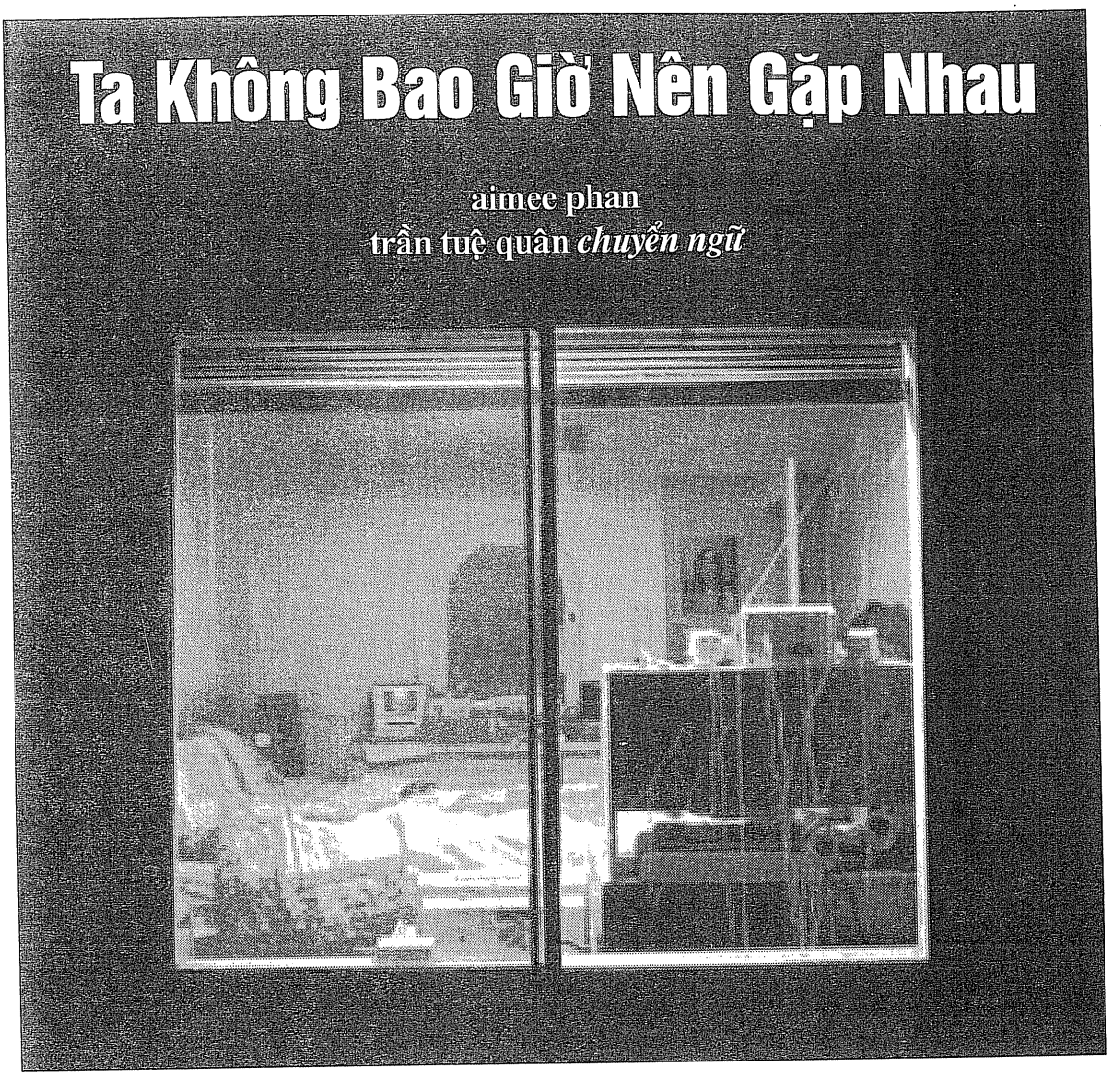

"Girlhood Among Ghosts" (ảnh Việt Lê)

Cửa tiệm có nhược điểm. Nó nằm ngoài rìa của Little Saigon, khuất trong góc một khu buôn bán cách đường Magnolia mấy lô đất. Hầu như không có tên cảnh sát nào lai vãng vào giờ này. Người chủ chắc là ngớ ngẩn nên mới chọn chỗ này để mở tiệm. Như Vinh có nói, *mình không thể thương xót tất cả mọi người, nhất là những kẻ ngớ ngẩn.*

Kim không tính làm chuyện gì khủng khiếp cả. Cô ta không phải hạng người như thế mặc dù cô đã có lần theo bạn cũ của cô và Vinh tham gia vào những việc trộm vặt. Chiều cao cộng thêm sự mơ hồ về bản chất chủng tộc của cô rất có lợi. Rất nhiều người tưởng lầm cô thuộc gốc Tây Ban Nha, thậm chí còn thuộc giống da trắng. Nhưng Kim không hề để đến những điều đó. Cô thừa thấy những mối ưu tư đó đã cắn rứt Vinh như thế nào. Cô ta không phải như vậy. Có những cách kiếm ra tiền dễ hơn. Cô đã làm tại tiệm Tasty Burger gần nhà cha mẹ nuôi và có đủ tiền để không phải mạo hiểm như thế.

Nhưng đây là một trường hợp khẩn cấp. Cô đã lỡ làm bể máy bíp của Vinh đêm hôm trước và cần thay cái mới trước khi hắn khám phá ra. Vinh đã tốn hết năm mươi lăm đồng cho cái máy loè loẹt đó, cái đắt tiền nhất trên thị trường. Đồ phù phiếm. Đồ phù phiếm. Trong cửa tiệm, cái máy bíp nằm phía sau quầy tính tiền gần cửa ra vào. Kim cần đánh lạc hướng bà chủ tiệm ít nhất khoảng hai mươi giây đồng hồ.

Tao không làm đâu. Mai đã nói với cô sáng sớm nay.

Mày không cần phải làm gì hết. Mày chỉ cần nói chuyện với bả thôi.

Tao không giúp mày ăn cắp. Bộ tao không cho mày mượn tiền được hả?

Cho một cái máy bíp hả? Còn lâu. Kim ghét những cái máy bíp. Ýnghĩ cô có thể bị gọi bất cứ lúc nào và chỗ nào không có gì hấp dẫn đối với Kim, nhưng nó đã cuốn hút người bạn trai cũ của cô.

Nếu mày ghét máy bíp đến vậy, sao mày mượn của nó làm cái gì?

Nó bắt tao.

Nó bắt mày, Mai lặp lại và nheo mắt. *Vậy sao mày phải lo nếu nó biết mày làm bể của nó?*

Tại vì Kim không muốn nợ Vinh bất cứ cái gì hết. Cô đã tạm ở nhờ tại apartment của hắn rồi, một chỗ nhỏ xíu với hai phòng ngủ ở Santa Ana mà hắn ở chung với ba người bạn khác—tạm thời—chỉ đến khi nào cô có thể có đủ điều kiện để sống một mình. Chuyện đã đủ tệ, lừa cho Vinh nghĩ là cả hai sẽ có cơ hội làm hòa. Cô không cần chuyện này xảy ra.

Ráng đi Mai, Kim năn nỉ. *Chỉ có mày mới có thể giúp tao được thôi.*

Thật là đúng như vậy. Mấy anh chị em nuôi khác của Kim nhìn dơ dơ làm sao. Lúc nào cũng bị theo dõi trong những cửa hàng bách hóa bởi vì quần áo bụi bặm và những viền môi sẫm đen của họ. Mai thì khác, nó có một khuôn mặt dễ thương và sạch sẽ. Và sự vụng về của nó, lúc nào cũng đụng vào đồ đạc không dễ giả mạo.

Kim không bao giờ cần nhiều thì giờ để thuyết phục Mai. Kim và Mai biết nhau từ khi còn nhỏ. Hai cô gái đã được giao cho những gia đình nuôi chung với nhau cùng với Vinh. Tuy không cùng dòng máu, Mai lúc nào cũng nghe lời Kim, như một cô em ngoan ngoãn nên nghe lời của chị vậy.

Theo dự tính thì hai cô đáng lẽ sẽ gặp nhau trước cửa tiệm lúc ba giờ chiều. Mãi đến ba giờ mười lăm phút mà Mai vẫn bặt tăm, sự bối rối trên mặt Kim làm cho cô nhìn hơi đáng nghi. Mặt trời của buổi trưa vẫn còn cao, làm chói nhòa bảng tên của tiệm *Mekong Gifts and Collectibles*.

Đây là một khu thương mại rất thiểu não. Một dãy lầu hai tầng rẻ tiền với một lớp sơn màu kem nhạt nhẽo đã trở nên xám xịt bởi sự ô nhiễm trong môi trường. Bên trong là những cửa tiệm buôn bán điển hình của vùng Little Saigon: tiệm uốn tóc, văn phòng bác sĩ nắn khớp xương, tiệm bánh và những tiệm chạp phô nho nhỏ. Chỗ đậu xe trơ trụi với những cây mới trồng đang héo dần trên nền nhựa đường đen.

Kim kéo tóc của cô ra khỏi cái cổ rướm mồ hôi. Trời nóng quá. Vỉa hè trở nên lòi lõm dưới đế dày của cô. Cái mùi của nồng nặc của những lon nước Coke từ tiệm chạp phô gần đó làm cô muốn nôn. Mai sẽ không bao giờ đổi ý. Nó không bao giờ cho Kim leo cây.

Một dáng vóc nhỏ trong áo sát nách màu vàng và quần jean hiện ra từ góc khu buôn bán. Kim mỉm cười. Mai, rất trung thành và tốt. Tuy nhiên thời gian chờ đợi dài đã trải qua nhắc nhở Kim là những giây phút này sẽ không tồn tại mãi như thế. Mai đã lớn dần. Rồi nó sẽ ra trường trung học năm nay. Có lẽ sẽ học tiếp lên đại học. Tuy nó không cố ý, nhưng có lẽ nó sẽ bỏ Kim lại đằng sau.

Tao ghét làm mấy chuyện này, Mai nói thẳng sau khi cô đứng trước mặt Kim. Cô chuyền quai cặp táp qua vai bên kia. *Tao có được phép nói là tao ghét làm chuyện này biết bao nhiêu không?*

Xong rồi nói sau, Kim trả lời và đẩy cô bạn của mình về hướng tiệm.

Mai lườm Kim trước khi bước vào cửa tiệm. Kim nhìn theo qua cửa kính trong lúc Mai tiến tới quầy tính tiền và bắt đầu trò chuyện với người đàn bà Việt Nam đứng tuổi phía sau quầy hàng. Sau đó một vài phút bà ta gật đầu và bước ra khỏi quầy hàng để chỉ cho Mai xem những mẫu vải treo trên tường.

Kim đẩy cửa kính qua một bên, tiếng chuông treo trên bản lề reo lên, báo hiệu sự có mặt của cô. Bà chủ tiệm không thèm quay lại để nhìn. Kim để cánh cửa đóng nhẹ lại sau lưng cô. Tuyệt vời.

Má của cháu mặc áo đầm cỡ mấy vậy? bà chủ tiệm hỏi Mai bằng tiếng Việt. Họ ngắm nghía những tấm vải màu ngọc thạch và bạch yến dùng để may những bộ áo dài.

Con hổng biết. Mẹ con cũng không cao hơn con bao nhiêu. Giọng của Mai hơi run run, đầy tội lỗi. Kim âm thầm điều khiển Mai bình tĩnh lại.

Trong tiệm không có máy quay phim nào cả. Không máy dò trộm cắp nằm ở phía cửa. Những tiệm bán quà lặt vặt như tiệm này không bao giờ có những thứ này làm chúng trở nên những mục tiêu dễ dàng. Cũng như những tiệm khác, tiệm này có nhiều hàng hơn là chỗ để trưng bày hàng, đủ những thứ linh tinh bằng gốm và thủy tinh, nằm chồng chất lên nhau, dường như sắp đổ và bể loảng xoảng trên nền đất lót vải lino.

Phía sau quầy tính tiền cái máy bíp của Vinh treo tòn ten trên dãy thứ ba từ bên trái đếm qua.

Khi cô biết rõ là bà chủ tiệm đang bận rộn với Mai, Kim liền lẩn ra phía sau quầy và nhẹ nhàng nhấc cái gói hàng nhỏ ra khỏi móc. Kim nhìn lên. Họ vẫn đang quay lưng về phía cô. Kim hít một hơi thở ngắn và giấu cái máy bíp đằng sau lưng, rồi nhét nó vào quần lót của cô. Khi nó tuột xuống, cô quay ra đằng sau để kéo nó về vị trí.

Cô đang làm cái gì đó? Một giọng nói hỏi.

Kim ngẩn đầu lên. Tóc cô xõa xuống trước mắt, nhưng qua những khẽ hở Kim thấy bà chủ tiệm nhìn chằm chằm ở cô, hai tay khiêng đầy vải. Kế bên bà ta, Mai từ từ rút lui.

Kim giữ bình tĩnh. Cô nghiêng cằm lên về phía người đàn bà, hất tóc ra khỏi mắt, cố gắng ra vẻ to cao hơn.

Cái gì ở đằng sau lưng cô vậy? Bà ta hỏi.

Kim quay về phía Mai và ra hiệu. Chạy.

Ê! Bà ta la lên khi Mai bước lui và vội vã ra khỏi tiệm. Bà ta quay lại phía Kim, *đây là cái gì? Đưa tui coi.*

Kim lần ra phía sau và ném cái máy bíp lên quầy hàng.

Bà chủ tiệm ngó cái máy bíp rồi lại ngó Kim. Kim thọc hai tay vào túi quần phía sau, làm ra vẻ như không có gì trầm trọng lắm, như Vinh có lẽ sẽ dặn cô. Cô nhớ khẩu hiệu. *Brookhurst 354*, băng đảng của Vinh, đó là bảo hiểm an toàn của cô. Và bà chủ tiệm sẽ phải cân nhắc về chuyện gọi cảnh sát một khi bà ta biết được là Kim đang ở dưới sự che chở của họ.

Kim tự hỏi tại sao người đàn bà chưa nói gì với cô hết. Cô dồn sức nặng của cô từ chân này qua chân kia, cái nhìn của cô vẫn còn đầy thách thức. Cô sẽ không thừa nhận bất cứ cái gì.

Cô hãy đi đi, cuối cùng bà chủ tiệm lên tiếng.

Kim xuýt cười to lên. *Cái gì?*

Đi đi, bà ta ra lệnh. Khuôn mặt bà ta tỏ vẻ nghiêm khắc, nhưng đồng thời đầy thương hại – đó là một gương mặt mới đối với Kim. Cô đã quen với những lời sỉ nhục và đe dọa mỗi khi cô bị bắt quả tang, nhất là khi người ta nhận ra cô là Mỹ lai. Nhưng người đàn bà này chỉ gật đầu về phía cô, có lẽ bà ta cũng thương hại cô vì cô mang hai dòng máu, và bà ta quay lưng lại, cho cô bỏ đi một cánh đơn giản, không hình phạt.

Mai nấp sau cột điện thoại phía bên kia đường đợi Kim.

Tao không nghe ai la, Mai nói. *Cái gì đã xảy ra?*

Không có gì hết, Kim trả lời. Cô ngó lại phía cửa tiệm. *Không có gì xảy ra hết.*

Mai thở phào. *Mày hên đó.* Mai nhìn như cô sắp phá lên cười, nhưng cô tự kềm chế và nghiến quai hàm lại. *Mày sẽ không bao giờ làm chuyện này nữa*, cô nói.

Không có ai ở trong căn apartment khi Kim trở về. Căn phòng dường như sáng sủa hơn, to hơn khi trống rỗng, một chuyện rất hiếm có. Cô tắm rửa, hâm lại phần cơm Thái cô tìm được phía trong tủ lạnh, và ngồi xuống để xem tivi.

Tuy xóm này như rác, chen chúc giữa một dãy tiệm bán hàng hóa người ta gửi bán và những tiệm bán rượu, căn apartment không đến nỗi tệ lắm. Phòng khách và phòng ngủ to vừa cỡ, tuy đa số đồ đạc trong nhà là những thứ lượm lại từ vỉa hè và những garage sale, dàn máy âm thanh còn rất xuất sắc. Cái tivi với màn ảnh to, máy CD có thể thay 20 đĩa nhạc, hai đầu máy dùng để thâu phim, và kể cả máy quay đĩa hát. Lúc đầu Kim hơi lưỡng lự khi Vinh và mấy người bạn rinh cả bộ về, nhưng trong vòng bốn tháng nay không có chuyện gì trục trặc và cũng không có ai đòi chúng lại cả.

Cân bằng hai chiếc đĩa trên một tay và remote control trên tay kia, Kim tìm một đài truyền hình đáng giá để xem, ở lại mỗi đài không lâu hơn một vài giây đồng hồ. Cô luôn luôn đánh giá những gia đình nuôi của cô qua số lượng tivi cô được phép xem. Đây là một cách cho cô biết những tháng hoặc năm kế tiếp trong những gia đình này sẽ như thế nào. Một vài tiếng đồng hồ, có nghĩa là cha mẹ nuôi của cô là những người nghiêm khắc, ưa quấy rối cô, và lúc nào cũng sẵn sàng mách lẽo với những người từ sở xã hội. Nếu thời giờ xem tivi không được khẳng định, thì họ thường thường để cho cô yên thân. Đôi khi, nếu đó là sự thật. Thường thường nếu người cha nuôi là kẻ cà chớn thì hắn sẽ tìm cách khác để quấy rầy cô, để cho cô không có tự do. Và dĩ nhiên, đó là những gia đình mà cô cần một thời gian dài mới thoát ra được.

Ở đây, không có cha mẹ nuôi nào ra lệnh cho cô làm cái gì hết. Cô có quyền coi bao nhiêu tivi cũng được. Cô có thể đi chơi lúc nào cô muốn. Tuy hắn có thử, nhưng Vinh không kềm chế cô được. Và hắn biết rõ là không nên ráng quá sức.

Kim đi ngủ lúc mười một giờ. Gần hai giờ sáng cô nghe tiếng của bọn Vinh về nhà. Tiếng leng keng của xâu chìa khóa bị thảy lên bàn ăn, mùi thuốc lá phảng phất trong cái nóng ẩm và rít của Nam Cali. Kim tự hỏi là biết đến khi nào Vinh mới chịu kêu người sửa máy lạnh. Cô không tin

là cô đã có thể cầm cự được lâu đến như vậy. Hy vọng sao cô không phải chịu đựng lâu, hy vọng đến lúc đó cô sẽ thoát ra khỏi căn apartment này. Kim úp mặt vào gối và giả vờ ngủ.

Ba gã con trai ở cùng một phòng trong khi Kim và Vinh ở trong phòng thứ nhì. Cô nghe tiếng cửa phòng ngủ cọt kẹt mở rồi lại đóng. Quần và áo của Vinh được cởi ra và có lẽ bị thảy một đống trên sàn nhà. Rồi sức nặng thình lình của Vinh rơi lên nệm, làm náo động sự thăng bằng trên giường. Đây là một cái giường đơn, cho nên Kim miễn cưỡng hiểu là thân thể của Vinh sẽ chạm vào cô khi họ nằm ngủ. Vinh ngọ nguậy trên giường, ngực của hắn kề lưng của Kim, tay phải của hắn trườn vòng quanh bụng cô.

Kim cắn răng và giữ mắt cô nhắm lại. Từ khi cô có thể nhớ, Kim luôn luôn nằm nghiên và đối diện bức tường. Vinh tưởng đó có nghĩa là Kim muốn được ôm ấp mỗi lần họ nằm chung với nhau.

Anh biết em chưa ngủ, Vinh nói, hơi thở của hắn ẩm trên tai cô.

Cô xoay lưng về phía Vinh và đẩy tay của hắn ra. *Xích qua đi, nóng quá.*

Em không muốn biết anh vừa ở đâu về? Vinh hỏi.

Tôi biết..

Không, em không biết, hắn nói một cách sôi nổi, và vén mấy sợi tóc khỏi mặt của Kim. Tay của hắn đầy mồ hôi. Kim chỉ mong có một lần nào đó, hắn chịu vào phòng vệ sinh và rửa ráy trước khi đi ngủ.

Anh vừa ở một cuộc họp với tụi Pomona Boys, hắn nói.

Trong bóng đêm Vinh không thể thấy nét mặt thật của Kim. Thật vậy.

Em không hiểu sao, em? hắn nói, rung tay cô, làm như làm như vậy sẽ có ích. *Tụi nó có thể đem mình vào L.A., và sau đó Houston. Em có tin không?*

Tuy Vinh có nhiều nhược điểm, hắn có rất nhiều hoài bão, kể cả cho những việc ngu ngốc, chẳng hạn như phát triển tiếng tăm của băng Brookhurst 354, một nhóm vẫn còn bị coi là những cầu thủ nhỏ so với những băng đảng khác trong vùng Little Saigon. Bọn của Vinh chỉ mới hoành hành một vài đợt xâm nhập thành công trong vùng.

Vậy mấy anh đang tính làm gì? Kim hỏi.

Mấy cái nhà ở Monterey Park. Một trong mấy thằng chủ đó có tiền trong một hiệu phở dây chuyền ở miền Bắc. Thằng chả và gia đình mới dọn về đây.

Sao họ cần mấy anh giúp làm chi?

Mấy tuần nay tụi nó gặp khó khăn qua mặt cảnh sát.

Để mấy anh bị bắt à?

Cô có thể cảm thấy Vinh xoay xa ra cô, sự hăng hái của hắn xẹp xuống. *Sao em phải nói lên mấy chuyện như vậy?*

Kim quay mặt đối diện với hắn. Vinh nhìn không tệ lắm. Cô đã không bao giờ đi với Vinh nếu như hắn xấu trai. Kể cả với cái đầu cạo trọc, hắn vẫn dễ nhìn, với cặp mắt sáng và nụ cười dễ lây. Rất tiếc là hắn chỉ cao hơn cô có một tấc thôi. Kim biết cái đó không phải lỗi tại hắn, nhất là khi chiều cao của cô là do dòng máu da trắng đang chảy trong cô. Nhưng cô vẫn bắt tội hắn. Lúc nào cô nhìn hắn cái chiều cao đều nhắc nhở với cô là hắn sẽ không bao giờ đạt tiêu chuẩn. Đó là một điều thậm tệ để nghĩ đến, nhưng nó cứ nhìn chằm chằm vào cô.

Xin lỗi, cô nói nhưng không có ý định xin lỗi.

Sao em không thể mừng cho tụi anh? Vinh hỏi. *Tụi anh làm chuyện này cũng là làm cho em luôn đó.*

Kim không hỏi họ sẽ làm bằng cách nào vì cô không muốn biết. Cái đồng hồ báo thức ửng đỏ 2:28 và Kim mệt nhoài đi.

Em đã đi đâu tối nay vậy? Vinh hỏi. *Anh có bíp em.*

Vậy hả? Tôi không nhận được.

Có lẽ máy hết pin. Hắn ngồi dậy. *Nó ở đâu? Anh coi coi.*

Ở ngoài phòng khách. Mai coi, ok? Tôi mệt. Cô kéo Vinh về phía mình.

Vinh chần chừ nhưng rồi buông lơi ý định và ngả lưng trên giường. Hắn bắt đầu vẽ những hình tròn trên tay của cô một cách chậm rãi và nhẹ nhàng, làm cô nổi da gà mặc dù trời nóng. Kim cho phép chuyện này, hy vọng là hắn sẽ dần dần xoa mạnh hơn để cô được một xuất xoa bóp thật sự. Nhưng khi hắn bắt đầu kéo quần lót của cô, cô ngăn hắn lại.

Cái gì vậy?

Tôi không muốn.

Có cái gì không ổn hả? Lại ác mộng à?

Ừ.

Chúa ạ.

Họ trở nên im lặng trong vài phút, nhưng Kim biết là hắn vẫn còn thức và sẽ thử một lần nữa.

Anh có bao giờ nghĩ về họ không? Kim hỏi.

Hả? Giọng hắn hơi ngái ngủ. Có thể hắn không muốn làm tình.

Ba mẹ của anh. Họ đang ở đâu.

Chúa ạ, Vinh nói. *Bộ em lại nói chuyện với Mai nữa hả?*

Im đi.

Năm nào Mai cũng như vậy, nhưng thường thường là vào dịp lễ. Sao nó lại phải làm em bị ám ảnh về mấy chuyện đó luôn làm chi?

Tôi không có bị ám ảnh. Tôi chỉ muốn biết thôi. Anh chưa từng bao giờ muốn biết à?

Không.

Đồ nói xạo.

Sao anh phải nói xạo? Mình hai mươi tuổi rồi. Mình không cần họ.

Bộ anh không muốn biết họ có còn sống hay không sao?

Họ chết rồi, Vinh nói. *Tụi mình là những đứa mồ côi.*

Anh không biết chắc mà. Thật ra, Kim được coi là một đứa trẻ mồ côi khi cô đến Mỹ dưới chương trình Operation Babylift. Nhưng đó không có nghĩa là cha mẹ cô đã chết, chỉ có nghĩa là họ đã cho giao cô cho chương trình đó thôi. Không có vật gì để nhận ra cô trừ tên của cô. Ngày sinh nhật thật của cô cũng không ai biết. Người ta phân cho cô ngày một tháng giêng như những đứa trẻ mồ côi không giấy khai sinh khác. Trường hợp của Vinh cũng tương tự, tuy nhiên hắn đến Mỹ sau Kim dưới dạng trẻ em không thân quyến trong lớp sóng người vượt biên. Cả hai không biết là cha mẹ của họ còn sống hay đã chết.

Ba má của anh chết rồi, Vinh khẳng định. Đó là một lời tuyên bố mà hắn rất tin. Hắn thả lỏng cánh tay qua eo của Kim, rồi kéo mền lên.

Chẳn mấy chốc hơi thở của hắn trở nên nặng nề và đều. Kim cẩn thận gỡ thoát ra khỏi vòng tay của hắn và trườn gần vào tường, kéo hai đầu gối của cô về phía mặt và từ từ ngủ thiếp đi.

Thường thường thì Kim đi bộ thẳng từ trạm xe buýt đến chỗ làm, nhưng cô đã tìm ra một lối đi vòng để đi ngang qua cái cửa tiệm mà bà chủ đã thả cô đi. Lúc đầu, Kim đứng phía bên kia đường để bà ta khỏi nhìn thấy cô. Kim thường cho phép cô ta chậm bước lại mỗi khi cửa tiệm hiện lên trong tầm nhìn của cô và nheo mắt, cố thử nhìn xem bà ta có ở trong đó không.

Phần lớn thời gian bà chủ tiệm ngồi phía sau quầy tính tiền, đọc báo, nói chuyện trên điện thoại, hay giúp một trong những người khách hàng vốn ít ỏi của bà. Sau một vài lần quan sát, Kim đoán bà ta khoảng chừng bốn mươi tuổi. Cô nhớ là giọng của bà ta nghe loáng thoáng giọng Nam và nặng, vậy có lẽ bà ta đã đến Mỹ cách đây không lâu.

Dần dần Kim trở nên can đảm hơn, đến gần tường của dãy buôn bán, băng qua chỗ đậu xe, rồi đứng trước cửa tiệm. Nhưng bà chủ tiệm không thèm nhìn lên và Kim tự hỏi không lẽ bà ta đã quên cô.

Ở chỗ làm, Kim bị mất chỗ đứng ở quầy tính tiền sau khi người quản lý bắt quả tang cô tranh luận với khách hàng. Nancy đã không có mặt ở đó từ lúc bắt đầu. Nếu mà bả có thì bả sẽ hiểu tại sao Kim cự tuyệt không đưa cho con của lão khách hàng một món đồ chơi khác. Thằng nhỏ ranh đó.

Để cô học được bài học là đứa trẻ nào ở tiệm Tasty Burger đều xứng đáng một món đồ chơi, Kim bị giao nhiệm vụ ngồi trong bếp và lắp ráp mấy món đồ chơi. Một món hàng rẻ tiền bằng nhựa trong mỗi một hộp giấy trang điểm bởi những cái hình lắp ráp khổng lồ và những câu đối knock knock.

Kim đang đứng ở quầy tính tiền để phân phối mấy món đồ chơi khi cô thấy người đàn bà từ cửa tiệm xuất hiện. Cô đi thẳng tới quầy của Frank, nơi chỉ vỏn vẹn ba người khách hàng đang đứng đợi.

Ê, Kim nói với Frank khi cậu ta đi tới máy làm soda, *để tôi làm thế cho.*

Tôi mới nghĩ giải lao mười lăm phút, Frank nói. *Hơn nữa, cô chưa được làm lại mà.*

Nancy đâu có ở đây. Làm ơn đi, rồi tôi sẽ làm thế cho anh thứ Bảy này.

Frank do dự, nhưng rồi gật đầu và đóng nắp ly nước soda lại. Frank mới bắt đầu làm khoảng một tháng nay, nên chưa được phép nghỉ ngày thứ Bảy.

Người đàn bà nhận ra Kim khi cô lễ phép cười và đợi bà ta kêu thức ăn. Đây là vị trí gần nhất giữa hai đối tượng sau lần gặp gỡ đầu tiên của họ tại cửa tiệm. Kim học thuộc lòng tất cả những gì mà cô có thể: một mái tóc dài đen cột lên một cách đơn giản và thòng xuống sau lưng, khuôn mặt của bà ta không trang điểm để lộ những nét nhăn vòng quanh mắt, một vài đốm tàng nhan trên hai gò má, một nốt ruồi trên cằm.

Cô có thể vô tiệm, bà chủ tiệm nói trong khi Kim thối tiền lại cho bà. *Miễn là cô đừng cố lấy cắp cái gì nữa.*

Sau ca làm việc, Kim tính chỉ đi ngang qua cửa tiệm rồi đi về. Cô chợt thấy và hơi kinh hoàng khi thấy gương mặt mình phản chiếu trên cửa kính của một nhà băng. Cô nhìn thật khủng khiếp. Sau

tám tiếng đồng hồ làm việc, mái tóc của cô bị xẹp lép, bệt lại, và cô nồng nặc mùi khoai tây chiên. Cô muốn trình diện một chân dung tốt hơn. Mặt trời bắt đầu chảy lên trên đại lộ. Kim không thích đi xe buýt sau khi trời tối, nhưng cô biết là cô không nên bỏ lỡ cơ hội này.

Cái bản treo trên cửa tiệm lập lòe một màu xanh neon rực rỡ, cửa tiệm duy nhất còn ánh sáng và mở cửa trong khu thương mại. Một lần nữa người đàn bà lại ngồi phía sau quầy tính tiền. Kim bước vào.

Để hai tay của cô ra phía trước, bà ta lên tiếng.

Kim từ từ bước vào và ngắm chung quanh. Không có ai khác ở trong tiệm cả. Họ đứng đối diện nhau với quầy tính tiền nằm ở giữa.

Có đông khách không bác? Kim dè dặt hỏi.

Cũng được được, bà ta trả lời. *Chỗ này không phải là chỗ tốt nhất để mở tiệm, nhưng chúng tôi chỉ có đủ khả năng như thế thôi. Một tiệm video có thể sắp mở ra kế bên. Hy vọng sẽ khá hơn.*

Có ai phụ bác không?

Không. Chồng tui có công việc khác của ổng.

Còn con cái của bác?

Tụi tui không có con.

Trong quầy kính trước mặt Kim, những chiếc vòng cẩm thạch và những sợi dây chuyền bạc chiếu lấp lánh dưới ánh đèn rọi xuống từ phía trên.

Tại sao bác nói tôi có thể vô tiệm? Kim hỏi.

Tại sao cô lại muốn vô?

Câu trả lời ngồi đó, nghẹn trong cổ của Kim, nhưng cô không nói được vì cô tin là nó quá sớm.

Tui cũng không biết nữa, bà chủ tiệm nói. *Nhưng cô coi bộ vô hại.*

Xương sống của Kim thẳng lên. *Tôi không phải vô hại.*

Bà ta mỉm cười nhìn cô. *Cô nghĩ cô cứng cỏi lắm à. Tất cả các cô trẻ. Như vậy sẽ bị coi là vô lễ ở Việt Nam.*

Nhưng ở đây thì không.

Không, bà ta nói, và cái nhìn, một cái nhìn quen thuộc trộn lẫn với sự khuây khuẩn và nhớ nhà, nhỏ giọt xuống gương mặt của bà, làm sâu thêm những nét lo âu đã có sẵn xung quanh mắt và miệng của bà ta. *Ở đây thì không.*

Kim chuyển cái nhìn chằm chằm của mình về phía những món nữ trang. Những cái vòng cẩm thạch, với đủ màu sắc xanh, đỏ, trắng, và cam chiếu sáng rực rỡ trên nền nhung đen.

Có thấy cái nào cô thích không? Bà ta hỏi.

Kim không trả lời, chỉ nhìn thoáng lên đủ để xem cái vòng của bà – màu xanh. Nhiều phụ nữ Việt Nam đeo vòng cẩm thạch. Truyền thuyết có nói ai đeo cái vòng càng lâu thì màu sắc sẽ càng trở nên đậm đà và sặc sỡ, biểu lộ sự trưởng thành của người đeo. Những chiếc vòng là những món quà phổ biến được trao tặng giữa những người trong gia đình. Cái vòng của Mai là do một trong những bà má nuôi của nó tặng nhân dịp sinh nhật lần thứ mười sáu của nó.

Sao bác biết tôi người Việt Nam? Kim hỏi. Thường ít ai đoán được trừ khi họ cố gắng tìm hiểu. Nhưng người đàn bà này đã biết và nói chuyện với cô qua tiếng mẹ đẻ ngay từ ban đầu.

Bộ cô không phải sao?

Phải.

Tui biết, bà ta nói. *Qua cách cô đi đứng và những cử chỉ của cô. Mấy cái đó rất rõ ràng.*

Nhưng tôi lớn lên ở đây, Kim nói, và, trước khi cô tự kềm chế mình, *tôi mồ côi cha mẹ.*

Bà chủ tiệm lắc đầu. *Cái đó không quan trọng. Ai đã nuôi cô, ở đâu cũng vậy, cô là người Việt Nam.*

Những tiếng chuông reo lên. Kim nhìn qua vai cô. Hai người phụ nữ Việt Nam tản bộ vào, mải mê trò chuyện và những đôi dép của họ kéo lê trên đất. Cánh cửa kính đóng lại và những tiếng chuông lại rung lên.

Kim nhìn đồng hồ. Chuyến xe buýt cuối cùng mà cô có thể đón có lẽ đã chạy qua năm phút về trước.

Tôi phải đi, Kim nói.

Bà chủ tiệm lộ vẻ thất vọng, nhưng gật đầu. *Hẹn gặp cô.*

Dạ, Kim nói. *Có thể.* Cô nhanh chóng ra khỏi cửa, cố lờ đi những cái những nhịp đập đang phập phồng trong tim cô, mong đợi đến ngày mai, lần kế tiếp họ sẽ gặp nhau.

Đêm đó đến lượt phiên Vinh làm chủ cuộc họp. Cô có thể nghe họ chuyện trò trên đường lên cầu thang, những giọng cười mạnh bạo và tàn nhẫn, những bước chân nặng nề lay động cả khu apartment. Kim đứng ở cửa trước tiếp thu hết tất cả. Không có lối vào nhà nào khác.

Kimmy! một giọng trầm la lên. Cả một bọn thanh niên ngồi rải rác trong phòng khách một cách tự nhiên, đầu tóc dính đầy gel và những đôi giày bám sình đất làm bẩn cả thảm và ghế sofa, những hộp đựng pizza đầy mỡ và những lon bia bị ném tùm lum trên nền nhà và bàn cà phê.

Hi, cô miễn cưỡng chào. Cô băng qua phòng khách, bước qua những thân thể nằm ngổn ngang,

nơi những bàn tay đùa cợt kéo chân cô.

Em ở đâu nãy giờ vậy? Hùng hỏi, hắn là một trong những đứa bạn Vinh quen lâu nhất. Hắn cũng chính là người đã móc nối cho Vinh vào băng 354. *Tụi anh gần như không bao giờ gặp em.*

Tôi phải đi làm, Kim nói, vấp vào chân của ai đó.

Mày bắt Kim đi làm hả Vinh? Kim, nếu em ở với anh, anh sẽ luôn đảm bảo em sẽ không bao giờ phải lo về tiền.

Những tiếng cười đểu cáng rộ lên. Kim cảm thấy dễ chịu hơn khi cô đến phòng ngủ, đóng cánh cửa lại phía sau lưng, ước mong sao nó đủ dầy để chặn những tiếng ồn ào ở ngoài.

Cách đây không lâu chính cô đã nghĩ họ là những kẻ cứng rắn, dũng cảm. Cô rất biết ơn sự che chở của họ khi còn học trung học, đánh đập những đứa cà chớn đã quấy rối cô. Cô đã chăm chú lắng nghe những câu chuyện họ kể về những cuộc xâm nhập nhà người khác và những vụ ăn cướp như một đứa bé trong giờ kể chuyện, bị quyến rũ bởi những xe Honda Civic và Integra bóng bảy của họ với những dàn máy và dụng cụ phức tạp, hiểu lầm sự nóng nảy của họ là cách bày tỏ danh dự và sự hãnh diện. Nhưng cái đó là thời trung học. Bây giờ có những kẻ trong bọn 354 đã gần hai mươi lăm tuổi, nhưng họ không có ý định tìm một công việc chính đáng. Bọn họ nghĩ là họ đang sống trong thực tế. Kim cảm thấy xấu hổ vì cô còn nhớ đã có một thời cô cũng suy nghĩ như họ.

Trong lúc cô thay ra khỏi quần áo làm việc, Vinh bước vào phòng. Hắn đóng cửa lại và đứng trước mặt cô. Hắn hình như đã say rượu. Có lẽ say thuốc. Và cả giận dữ nữa.

Sao em về trễ quá vậy?

Kim cho hắn xem đồng hồ của cô. Đồng hồ chỉ tám giờ rưỡi.

Em làm tới năm giờ hôm nay thôi mà.

Tôi có hẹn với Mai.

Anh có gọi nó.

Bộ anh đang theo dõi tôi à?

Em có hẹn với ai vậy?

Kim ngồi lên giường. Vinh bước đến gần cho đến khi hắn đứng trước mặt cô với dáng điệu như thể hắn sắp sửa đánh cô, nhưng cô thừa biết là hắn không dám. *Anh không có quyền hỏi tôi những câu đó nữa*, cô nói.

Tại sao không? Vinh hỏi. Nhưng nét mặt của hắn thổ lộ với cô là hắn đã biết tại sao. Hắn thách thức cô nói lên những điều đó. Đôi mắt của hắn bắn ra những tia nhìn xung quanh bốn vách tường, nhắc với cô là cô vẫn đang còn cần những gì hắn hiện có.

Kim trượt xuống giường và đi chỗ khác. *Tôi sẽ dọn ra.*

Lúc đầu Vinh không nói gì cả. Hắn chỉ quay lưng về phía cô, hai vai thẳng, phồng lên bởi sự tự ái. *Ngay bây giờ à?* hắn hỏi.

Không, Kim nói. *Tuần sau.*

Tôi không hiểu cô, Vinh nói. *Cô muốn gì ở tôi?*

Không gì hết. Kim nhìn xuống sàn nhà, cái thảm dơ bẩn xấu xí. Cô thọc tay vào túi quần và ném cái máy bíp hư của hắn lên giường. *Anh đã làm đủ rồi, cảm ơn.*

Hắn không thèm nhìn đến nó.

Tôi nói thật đó, Kim nói. *Thật mà.* Cô hy vọng là giọng cô thổ lộ sự biết ơn, nhưng đó là một cảm tính xa lạ, cô không biết bộc lộ bằng cách nào.

Chúa ạ, Vinh nói. *Tôi cóc cần biết.*

Kim tưởng cô sẽ cảm thấy nhẹ nhõm hơn. Bao nhiêu tháng sống với cảm giác có lỗi và sợ hãi về việc cô giả vờ với hắn, nụ hôn đầu tiên của cô, người bạn trai duy nhất của cô, người bạn lâu nhất của cô. Bây giờ hắn đã biết tất cả. Nhưng cô vẫn không tìm thấy sự yên ổn, không có sức nặng nào được nâng khỏi ngực hoặc đầu của cô. Kim vẫn cảm thấy như thường lệ. Đáng lẽ cô phải hiểu rõ hơn. Không có cái gì dễ chịu như những gì cô đã hình dung.

Cô với cậu quen nhau được bao lâu?

Đó là một câu hỏi khó trả lời. Kim không thể nhớ được một thời gian nào mà Vinh không có ở trong đời của cô, kể từ khi cả hai bị đưa vào những gia đình nuôi chung với nhau. Trong một thời gian dài, cô đối xử với Vinh như một người anh cho đến khi họ lên mười hai tuổi và sống cách biệt. Cả hai ở trong phòng của cô, nằm kề nhau trên giường và đọc những quyển truyện hoạt họa cũ mới mượn từ thư viện buổi sáng hôm đó, khi Vinh bắt đầu hôn lên cổ của cô, thò tay vào quần short của cô, và nói với cô là hắn yêu cô. Cô để cho hắn làm chuyện ấy, tự nghĩ là hắn có mùi khác với những người cha nuôi của cô. Mùi xà bông và mùi kẹo hình giun dai làm cô mỉm cười và tin chắc là lần này không kinh khủng như những lần khác, và có lẽ là đây là một cảm giác bình thường.

Một thời gian khá lâu, Kim trả lời. Cô vừa xong phần đánh bóng cái vòng tay, đặt nó qua một bên và cầm một cái khác lên.

Bà chủ tiệm lắc đầu trong khi bà mở một hộp đựng chất đánh bóng nữ trang ra. Lúc đó đã sau giờ mở cửa, ánh đèn trong cửa tiệm mờ xuống, những mành cửa đã được đóng lại. Kim đang giúp bà ta với việc lau chùi hàng hóa hàng tuần. Một băng casette với những bài dân ca Việt Nam đang được chơi từ máy hát phía sau quầy hàng, những bài hát mà Kim mơ hồ nhớ từ nhà của những gia đình nuôi cũ.

Cô còn quá trẻ để có thể có một người bạn trai chính thực, bà ta nói. *Mấy cái đó chỉ đem lại phiền phức thôi.*

Bác nghĩ như thế à?

Ồ, tui biết rõ, cô tin tui đi.

Kim nhìn bà một cách kỹ lưỡng. *Vậy bác đã đợi cho đến khi bác làm đám cưới.*

Đúng vậy. Lúc đó tui đã gần ba mươi tuổi và tui không có vấn đề gì cả.

Còn về chuyện con cái thì sao?

Bà chủ tiệm chùi kỹ hơn, cố chùi đi những vết dơ vô hình nào đó trên một cái bông tai. Sau khi bà ta đã bằng lòng, bà nhìn lên. *Tôi không nghĩ đến chuyện đó*, bà ta nói. *Tôi không bao giờ nghĩ tôi sẽ là một người mẹ tốt.*

Kim liếc nhìn đống nữ trang mới được chùi bóng nằm gọn gàng trên quầy hàng. Phản chiếu từ một cái bông tai to, khuôn mặt của bà chủ tiệm nhìn rõ hơn. Bà ta nhìn quá nghiêm nghị. *Tôi cũng vậy*, Kim nói.

Ồ cô không nên nói như vậy, bà chủ tiệm nói. *Cô còn trẻ. Cô không biết sẽ ra sao.*

Vậy thì bác biết từ lúc nào?

Bà ta nhún vai. *Tui không rõ cho lắm. Tui nghĩ tui luôn có linh tính.* Bà nhìn phía bàn tay của Kim và mỉm cười. *Cô thích cái vòng đó.*

Kim nhanh chóng bỏ nó xuống.

Cô có muốn nó không?

Kim ngần ngừ. *Tôi không đủ tiền để mua nó.*

Tui biết, cô đang để dành tiền để mướn apartment khác. Cầm nó đi, tui tặng cô.

Kim không động đậy.

Cầm lấy đi, bà ta lặp lại và nhấn cái vòng vào tay của Kim. *Coi như nó là một món quà sinh nhật sớm đi, được không?*

Kim nhìn bà ta, sững sờ. Cô không nhớ là cô đã nói với bà ấy là sắp tới sinh nhật của cô. Cô phản đối một cách yếu ớt và rồi cả hai cùng đẩy cái vòng qua xương cổ tay trái của Kim.

Thấy chưa? Bà chủ tiệm nói trong lúc cả hai ngắm cái màu biển xanh lợt của ngọc thạch. *Dễ thương quá.*

Kim chưa hề gặp người đàn bà làm ở sở xã hội từ ngày cô được giải phóng năm ngoái. Họ đã chào tạm biệt dưới một tình huống không vui. Bà ta đã muốn Kim tiếp tục ở lại nhà cha mẹ nuôi cho đến khi cô học xong trung học. Nhưng Kim đã thừa sức biết là với số điểm thấp từ mùa thu cô ở lại cũng vô ích. Bà ấy đã cảnh cáo Kim là cô sẽ hối hận.

Không có ai sẽ mướn cháu đâu, bà ta tuyên bố. *Cháu sẽ không có một tương lai tốt.*

Bả không hiểu gì cả. Kim đã chứng kiến những đứa trẻ nuôi sau ngày giải phóng và ngày ra trường. Không có gì khác biệt giữa chúng nó và những đứa thôi học. Kim không cần những chuyện nhức đầu không cần thiết này. Hơn nữa cô không chịu đựng được một ngày nào nữa dưới căn nhà của cha mẹ nuôi của cô và cô biết họ cũng cảm thấy như vậy. Nhân dịp ngày sinh nhật thứ mười tám của cô, mẹ nuôi của cô đã đưa cho cô năm mươi đồng và một cái va li cũ. *Bây giờ con là người lớn rồi,* bà ta nói. *Đừng có làm chuyện gì dại dột.*

Phần đó của cuộc sống đã ở phía sau lưng của Kim. Ngoại trừ giữ liên lạc với những anh chị em nuôi của cô, cô không muốn dính dáng gì tới những người khác, những người lớn mà đáng lẽ phải chăm lo cho cô và ngược lại đã làm hỏng tất cả mọi chuyện. Nhất là bà nhân viên từ sở xã hội. Có những lần Kim tự hỏi có phải bà ta đã cố tình làm như thế: thảy cô vào những gia đình không thích hợp nhất như thể là hình phạt cho một tội lỗi mà Kim không hề biết là cô đã mắc phải. Hầu hết những đứa trẻ mồ côi trong chương trình Operation Babylift trưởng thành một cách bình thường, yên thân trong những gia đình đã nhận nuôi họ. Chúng nó không bị trả lại như Kim. Bây giờ, nhìn thẳng vào bà ta, rủng rỉnh mỡ ở eo, đôi mắt to chớp lia lịa và dường như chỉ hiểu một chút đỉnh, một nụ cười ngu xuẩn đã nở ra quá sớm, Kim nhận thức ra là bà ta chỉ là một người không đủ trình độ.

Bà nhân viên từ sở xã hội muốn ôm Kim khi cô đi vào văn phòng, một chỗ không máy lạnh bé xíu trong góc của một tòa nhà đối diện với trụ sở cảnh sát và nơi giam giữ trẻ em phạm tội. Bà ta buông ra khi cảm thấy Kim không giơ hai tay lên để ôm lại. Bà ta đã chóng quên là Kim không thích bị ai đụng.

Tôi muốn coi hồ sơ của tôi, Kim nói.

Bà ta quan sát Kim một cách kỹ lưỡng và cô lập tức đáp lễ cái nhìn của bà ấy. Cô đang mặc

một cái áo và váy mượn của Mai cho cuộc viếng thăm này, không phải để gây ấn tượng gì cho bà ta cả, mà để xua đuổi những câu hỏi hóc búa và những giả thiết đáng ghét.

Cháu muốn biết về cái gì? Bà ta hỏi.

Cha mẹ của tôi.

Kim. Cô đã nói với cháu trước đây rồi, có những cơ sở tư nhân mà cháu có thể tới nếu cháu muốn tìm cha ruột người Mỹ của cháu.

Kim lắc đầu. *Tôi không cần biết về ổng. Tôi muốn biết về mẹ của tôi.*

Bà ta lục trong đống hồ sơ trên bàn, đây là một cử chỉ Kim nhớ rất rõ, đó là cách bà ấy tỏ ra vẻ bận rộn và quan trọng.

Cô không biết là ở đây có giấy tờ gì liên quan tới mẹ của cháu, bà ta nói, *nhưng cô sẽ đem hồ sơ của cháu ra, và ta có thể xem chung tuần sau nhé.*

Xem bây giờ không được sao?

Cô phải đi họp trong nửa tiếng. Vả lại, hồ sơ của cháu không còn ở trong tòa nhà này nữa. Cô phải đi tới văn khố để lấy nó.

Chỉ mới có một năm trôi qua mà cô đã bị ném

Quyền lực

Sự dị biệt giữa thi ca và tu từ
là
sẵn sàng để giết
chính mình
thay vì con cái mình.

Tôi bị kẹt trên sa mạc của những vết đạn bắn
rỉn máu
và đứa trẻ chết kéo lê khuôn mặt đen rách nát
của nó
khỏi bờ giấc ngủ của tôi
máu từ đôi má và đôi vai lủng của nó
là chất lỏng duy nhất mãi hàng dặm và bụng tôi
quặn thắt vì cái vị giác tưởng tượng trong lúc
miệng tôi nứt thành môi khô
không với chung thủy hay lý tính
khát khao cái ướt của máu nó
đang chìm vào màu trắng
của sa mạc trên đó tôi lạc hướng
không với ẩn dụ hay ma thuật
cố biến thù ghét và tàn phá thành quyền lực
cố chữa lành đứa con đang chết của tôi bằng
những cái hôn
chỉ có mặt trời mới làm bạc màu xương nó
nhanh hơn.

Người cảnh sát đã bắn gục đứa bé mười tuổi
ở Queens
đứng sững nhìn thằng bé mang đôi giầy
cảnh sát vấy máu trẻ con
và một giọng nói cất lên "Chết đi thằng đụ má
ranh con" và
có băng thâu chứng minh việc này. Trong buổi
xử
người cảnh sát nói để tự bào chữa
"Tôi không lưu ý tầm vóc hay gì khác
mà chỉ màu da." Và
có băng thâu để chứng minh cả việc này nữa.

Hôm nay người đàn ông da trắng 37 tuổi với 13
năm cảnh sát
được trả tự do
bởi 11 người đàn ông da trắng nói rằng họ
thỏa mãn
công lý đã được thực hiện
và một người da đen nói
"Họ thuyết phục tôi" có nghĩa là
họ kéo lê cái tầm vóc da đen 4'10" của bà
qua than hồng của bốn thế kỷ dưới tiêu chuẩn
đàn ông da trắng
cho đến khi bà buông bỏ cái quyền lực thực sự
đầu tiên mà bà từng có
và tráng tử cung của bà bằng xi măng
để làm nghĩa trang cho con cái chúng ta.

Tôi vẫn chưa chạm được cái tàn phá trong tôi.
Nhưng trừ phi tôi biết cách sử dụng
sự dị biệt giữa thi ca và tu từ
quyền lực của tôi cũng đổi bại như lớp mốc độc
hay ủ xìu và vô dụng như sợi dây điện không
cắm
và một ngày nào đó tôi sẽ dùng cái chốt niên
thiếu của tôi
cắm vào lỗ điện gần nhất
hãm hiếp một người đàn bà da trắng 85 tuổi
là mẹ của người nào đó
và lúc tôi đánh bà bất tỉnh và phóng hỏa đốt
giường bà
một điệp khúc hi lạp sẽ vang lên theo nhịp 3/4
"Tội nghiệp. Bà có làm hại ai bao giờ đâu. Bọn
này đúng là lũ ác thú."

Audre Lorde [The Black Unicorn]
lê thị thấm vân *chuyển ngữ*

vào văn khố, Kim bỗng cảm thấy mình già đi.

Cô không thể hứa gì với cháu cả, bà nhân viên xã hội nói trong khi Kim đứng lên ra về. *Cháu hiểu điều đó phải không?*

Tôi hiểu, Kim nói. Cô cố kềm mình khỏi nhắc bà ta là bà đã không bao giờ hứa được cái gì cả, nhưng Kim biết làm như vậy chỉ gây thêm hằn thù. Kim rất ngạc nhiên về sự quan tâm của cô. Mấy năm về trước cô đã không im miệng như bây giờ. Có lẽ cô đang trưởng thành.

Số tiền mà Kim dành dụm để đóng thế chân tiền mướn phòng đã mất hết. Kim sẽ cần đến hơn cả tháng đi làm mới có thể dành dụm lại được, nhưng khu apartment mà Kim muốn cần phải có tiền security deposit ngày mai nếu không họ sẽ cho người khác mướn. Kim cần tiền ngay bây giờ.

Tiền của mày bay đi đâu mà hết? Mai hỏi. *Tao tưởng mày đảng để dành mà.*

Ừ, Kim nói. *Tao cần tiền đi bác sĩ.*

Hai cô gái đang ở tiệm phở Gia Định, họ rất thích ăn trưa ở đó — lần này do Mai bao. Tiệm phở sẽ bị đóng cửa tháng sau. Với những cái bàn bằng nhựa và những cái ghế xếp bằng sắt, và những bức tường rích chịch đầy mốc, Phở Gia Định không thể nào cạnh tranh với những tiệm phở khác mới hơn đang mọc lên như nấm trong khu Little Saigon với những thực đơn song ngữ và hoa tươi trang trí trên những cái bàn có khăn trải mới được ủi thẳng tắp.

Vùng Little Saigon đang dần dần thay đổi, thay vào những khu thương mại xây theo kiến trúc chùa là những khu buôn bán nhiều tầng rộng rãi. Khu mới nhất vừa mới được khai trương tháng trước với bốn tầng lầu và một tượng phật Di Lặc tổ chảng ngồi giữa hai cột đỏ chói có một sân với những vòi phông tên. Kim không lấy gì khâm phục những nơi buôn bán này, nhất là khi tiệm ăn thích nhất của cô không cạnh tranh nổi. Cô và Mai đã đi ăn ở phở Gia Định suốt mấy năm nay, từ khi hai cô đủ lớn để hùn lại ba đồng và ăn chung một tô phở.

Mày sẽ không đủ tiền mướn nhà nếu mày không dành dụm, Mai nói trước khi húp một muỗng đầy bánh phở.

Mai nói như thể nó hiểu về chuyện tiền bạc phiền phức. Nó đã không bao giờ hiểu nó hên đến mức độ nào được sống với những cha mẹ nuôi chịu cho nó tiền xài vặt, và không coi nó như một gánh nợ, lo cho nó đầy đủ thức ăn và quần áo.

Tao cần kiếm thêm việc làm, Kim nói.

Mày đã làm bốn mươi tiếng ở tiệm ăn rồi.

Tao sẽ giảm giờ làm việc ở đó, Kim nói. *Hơn nữa tao cần một công việc trả lương nhiều hơn.* Cô cảm thấy chán nản nói về chuyện này. Cô ghét việc làm của cô hiện nay, nhưng cô sắp sửa được lên lương trong hai tháng. Cô không thể nghỉ việc bây giờ.

Vinh sẽ không đuổi mày đi đâu, Mai trấn an.

Kim khuấy cái muỗng trong tô phở gần cạn của cô, đầu tiên theo chiều kim đồng hồ, rồi ngược lại. Húp phần nước còn lại, mát một cách kỳ lạ với những miếng thịt bò vụn nổi ở trong, đó là giây phút cô thích nhất trong những bữa ăn. Nhưng lần này Kim không ăn hết được.

Ngay từ lúc đầu Mai đã phản đối Kim chung sống với Vinh. Mai và Vinh đã ghét nhau khi chúng còn con nít. Hắn hay bắt nạt nó và con nhỏ là mít ướt. Trong nhà nuôi thứ nhì mà ba đứa ở chung, Mai mét người lớn là Vinh đã đục vào bụng nó sau một cuộc phân tranh những cây cà rem. Bà nhân viên từ sở xã hội liền chuyển Vinh đến một nơi khác ngay lập tức, và chia rẽ Vinh khỏi Mai và Kim. Kim không thể trách Vinh. Bà ta luôn ưa Mai hơn, thấy tội nghiệp cho nó, đem nó đến những nhà nuôi dưỡng khá hơn, trong khi Vinh và Kim luôn luôn bị đối xử như những kẻ thừa thãi. Kim sẽ luôn chia sẻ nỗi lòng đó với Vinh.

Bà ta có gọi hôm qua, nói là bà ấy không tìm được thông tin gì về mẹ của Kim. Kim cũng không nên ngạc nhiên cho lắm. Có lẽ bả đã không tìm kỹ càng gì. Bà ấy đã nghĩ là Kim đã mất hết hy vọng về tương lai lâu rồi khi cô làm lỡ cơ hội để có một gia đình Mỹ thật sự. Kim không hiểu tại sao ông bà Johnson đem trả cô lại cho cơ quan xã hội sau chỉ có một tháng. Lúc đó Kim chỉ có ba tuổi. Chắc có lẽ cô đã làm một cái gì sai trái. Chuyện đó đã quá lâu để nhớ rõ.

Vinh luôn luôn nói là hắn rất mừng vì gia đình Johnson đã trả cô lại. Nếu không hắn đã không có cơ hội quen cô.

Tao không ở lại đó được, Kim nói. Cô không muốn hắn ghét cô, và chuyện đó sẽ xảy ra nếu cô còn ở đó. Cô sẽ làm hỏng tất cả mọi chuyện. Đáng lẽ ra cô không nên dọn vào ở chung với Vinh và cho hắn ngủ với cô để tỏ lòng cảm tạ. Một bài học khó khăn và tốn kém mà cô đã học. Cô phải dùng số tiền lãnh được tháng này cho việc phá thai. Nhưng cô cũng vẫn cần xa lánh Vinh.

Tao cần cái apartment đó.

Vậy mày lấy đâu ra bốn trăm đồng? Mai hỏi.

Sau bữa ăn, Kim và Mai đi đến trạm xe buýt. Chuyến xe của Mai đến trước và họ chào nhau, hứa là sẽ gọi điện thoại sau. Năm phút sau, chuyến xe của Kim trờ tới, nhưng cô phẩy tay và để nó chạy qua. Cô lập lại với chuyến thứ hai. Sau nửa giờ đồng hồ, cô đứng dậy và bắt đầu tản bộ về phía đường Magnolia.

Trong tiệm có vài người khách cho nên Kim đợi cho đến khi họ mua sắm xong và bỏ đi.

Bà chủ tiệm nở nụ cười đón chào, nhưng khi ba ta nhìn thấy nét mặt của Kim, trán bà nhăn lại một cách lo lắng. Kim cảm thấy nhẹ nhõm một chút khi biết là bà ta quan tâm đến cô, bà ấy sẽ không quay lưng đối với cô.

Có chuyện gì vậy?

Tôi cần bốn trăm đồng, Kim nói. *Ngày mai là trễ nhất.*

Sao vậy? Cô đang gặp khó khăn gì hả?

Tôi cần tiền để thuê apartment, Kim nói.

Vậy tiền cô đã dành dụm được ở đâu?

Hết rồi, Kim trả lời. *Xin bác làm ơn giúp tôi.*

Tui đâu có nhiều tiền như vậy mà để cho cô.

Có, bác có mà, tôi đã thấy nó ở trong máy tính tiền của bác và còn nhiều nữa ở trong tủ sắt.

Đôi mắt bà chủ tiệm nheo lại. *Đây là một chuyện không thích hợp. Tui không thể cho cô số tiền đó.*

Tại sao không?

Vì cô gần như người lạ đối với tui.

Tôi không phải là kẻ lạ.

Phải, cô là người lạ.

Vậy tại sao bà cho tôi cái này? Kim hỏi và tay cô giơ cái vòng cẩm thạch lên. *Tôi biết là bà chỉ cho những người trong gia đình cái này thôi. Từ những người mẹ tặng cho những đứa con gái, tôi biết.*

Nhưng bà chủ tiệm lắc đầu, nét mặt của bà nằm giữa sự bối rối và kinh tởm.

Tui cho cô cái đó tại vì tui thấy tội nghiệp cô, bà ta chậm rãi nói, như thể bà ấy đang nói chuyện với một kẻ lạ nào đó mà bà đã không hề tìm hiểu trong ba tuần qua. *Tui thấy cô cứ nhìn chằm chằm vào nó thấy tội. Chỉ có vậy thôi.*

Kim nhìn chằm chằm về phía bà ta, biết rõ là trong mỗi cái chớp mắt bà ta đang thay đổi thành một con người khác. Đã có lần quen thuộc, bây giờ bà ta lại trở thành một kẻ lạ. Những nét mặt của bà ấy không còn giống của Kim nữa, gương mặt và cử chỉ của bà ta không còn âu yếm nữa. Kim ghét nhất là lúc cô sai.

Đột xuất, cô quay người và đi thẳng ra khỏi cửa tiệm với nửa tia hy vọng là bà ta sẽ gọi cô, sẽ nói một cái gì đó để kêu cô lại. Nhưng Kim chỉ nghe tiếng nhạc vọng lại từ phía cửa tiệm, những tiếng vù vù của máy lạnh đang chạy, và tiếng chuông cửa mà cô đã đẩy và bước ra.

Cái vòng cẩm thạch bắt đầu chật đi vòng quanh cổ tay của cô, làm nghẽn giao thông máu, nên cô ráng nắn nó ra và thấy nó qua phía bên kia phòng khi cô về đến nhà. Năm phút sau, cô không thấy nó nữa. Cô đảo khắp cả phòng lên, lục tung mọi thứ, nhưng cũng vô ích.

Khi Vinh về đến nhà, hắn thấy cô nằm một đống trên sàn nhà.

Bàn tay của hắn giữ mặt của Kim tại chỗ, đôi mắt hắn rọi khắp thân thể cô để tìm những vết thương rõ ràng.

Chuyện gì đã xảy ra? Vinh hỏi. *Ai đánh em?*

Đồ chó cái, cái con mụ chó cái đó.

Ai?

Bả đã không muốn tôi từ trước, và bây giờ cũng không, ngay cả bây giờ.

Em đang nói cái gì vậy?

Kim nhớ đến lần đầu tiên họ gặp nhau, khi bà chủ tiệm bắt quả tang cô đang ăn trộm.

Đồ ăn cắp, Kim nói. *Bả lúc nào cũng nghĩ như vậy. Tôi không là cái gì hơn đối với bả.*

Ai? Vinh lắc hai vai của cô. *Ai dám kêu em là đồ ăn cắp?*

Cuối cùng Kim nhìn thẳng vào Vinh. Cô nghĩ đến lần đầu tiên Vinh khám phá ra được những vết bầm của cô. Cái đêm mà Kim chạy trốn đến nhà của Vinh và nói với hắn về người cha nuôi của cô. Cái mùa hè thậm tệ trước khi lên trung học khi họ dự định chạy trốn chung với nhau. Những điều mà cô ráng không nghĩ đến, ráng quên, bởi vì cô rất đau lòng vì cô quá yếu ớt, dễ bị tổn thương, ngu xuẩn, và cô muốn thay đổi và trở thành một người khác. Cô sẽ không bao giờ thoát khỏi đứa trẻ hay bồn chồn, run rẩy đó, bởi vì cô vẫn là cô, vẫn là một mảnh vỡ to lớn trong cuộc đời của cô mà cô không thể nào phớt lờ đi, không thể phớt lờ tất cả được. Vì cách Vinh nhìn cô như hồi cả hai còn bé và vẫn đang nhìn cô. Vì hắn hiểu ý của cô trong những khi cô không thể biểu lộ rõ ràng qua chữ nghĩa. Vì hắn đã thấy hết. Hắn đã biết nhiều quá mà những chuyện đó vẫn không là một vấn đề đối với hắn.

Mekong Gifts, Kim nói. *Mấy lô đất cách đường Magnolia. Dưới quầy tính tiền, phía sau mấy tượng Phật. Cái khóa số bí mật.*

Vinh gật đầu. Hắn chớp mắt nhiều quá như thể hắn muốn che giấu một cái gì đó, sự phẫn nộ đương nhiên, nhưng trong đó cũng có sự phấn khởi. Đã lâu rồi Kim không nhờ vả cái gì ở hắn. Hắn đã không làm cho Kim thất vọng.

Vinh bế Kim lên giường và Kim quay khuôn mặt sưng của cô vào cái mền cũ kỹ, nửa lắng nghe Vinh nói chuyện điện thoại, kêu gọi những đứa khác. Cô với tay lấy một cái gối, thọc đầu của cô vào trong cái áo gối như một cái mặt nạ. Cái áo gối mỏng không được đan chặt lắm nên tia nắng mặt trời rọi thẳng qua từ phía cánh cửa sổ duy nhất trong phòng.

Người ta không ngưng hỏi cô. *Bộ cô không muốn biết về người cha Mỹ trắng của cô à? Cô nhìn giống ổng lắm. Có khi ổng đang đi tìm cô. Có khi ổng muốn sum họp với cô. Có khi ổng giàu có.*

Kim không giống như những đứa trẻ mồ côi khác. Vinh cũng vậy. Cả hai không bao giờ khóc lúc ban đêm nghĩ về những người cha mẹ đã mất tích/chết/bỏ đi. Chúng không bao giờ bịa ra những lý do về sự vắng mặt của họ. Cha mẹ của chúng đã đi mất rồi. Và không có cái gì chúng có thể nói để thay đổi hoàn cảnh cả.

Kim đã quên chuyện này một thời gian. Cô đã quên đi nhiều thứ. Cố tìm một cái gì khác, cô đã đánh bỏ những gì cô đã có. Đáng lẽ cô phải biết là không ai sẽ hiểu cô như Vinh hiểu cô.

Cô nghe tiếng cửa trước đóng sầm lại, rồi im lặng. Kim nằm yên ngóng nghe những tiếng chân chạy xuống cầu thang phía dưới, tiếng cửa xe đóng sầm lại, tiếng máy xe nổ, và tiếng Vinh lái xe đi để gặp đồng bọn. Cô tưởng tượng những gì Vinh sẽ nói với những thành viên của nhóm trước cuộc tấn công: *vô lễ, lấy lại danh dự, cho con mẹ đó một bài học, không ai lộn xộn với 354.* Trong những năm qua Vinh đã hiểu cái gì kích thích đồng bọn của hắn, cái gì xua đuổi đi những do dự về những việc họ đã làm, cái gì thay thế sự sợ hãi với sự căm phẫn và giận dữ.

Họ không phải là những kẻ tồi tệ. Kim đã quen với họ từ khi tất cả còn bé. Tuy họ có những vấn đề riêng, phần đông là những người thân thiện, vui tính, và trung thành. Lý do duy nhất mà họ có thể làm những gì họ đã làm là vì họ cảm thấy họ phải làm. Mấy năm nay, họ đã bị phủ nhận bởi đất nước mới của họ và những gia đình trên giấy tờ của chính phủ. Họ cướp nhà và những cửa tiệm buôn bán để làm sòng phẳng, để sống. Họ tin là họ không có sự lựa chọn nào khác hơn cả.

Đa số những người họ tấn công là đàn ông. Để cướp từ một người đàn bà, Vinh phải thuyết phục họ là bà ta còn tệ hơn gấp mấy lần nữa. Hắn dư sức làm điều đó, Kim đã thấy hắn làm rồi. Hắn sẽ biến bà ta thành những người mẹ nuôi, những người giáo chức, những người chủ đã từng chế nhạo họ, đã từng nói với họ là họ sẽ trở thành những kẻ không ra gì. Và bây giờ, hãy nhìn đi: họ không phải là số không. Họ là 354. Họ sẽ cho bà ta thấy.

Họ sẽ xông vào tiệm không ngừng ở đâu cả, gài những cái mặt nạ đan từ tiệm Kmart, cà mòn những đôi giầy của họ trên nền vải sơn lót sàn nhà. Tiếng chuông trên cửa sẽ vang lên, và một người trong đám họ sẽ bứt lấy và vứt nó xuống đất. Họ sẽ đập nát cửa kính của những quầy hàng, làm sạch hết mấy giá hàng. Một người nào đó sẽ đi đến cái máy tính tiền. Hai người khác sẽ bắt đầu tìm cách mở khóa. Họ sẽ thấy bà chủ tiệm, nét mặt hoảng hốt của bà và hiểu lầm nó với một cái nhìn khinh bỉ. Một người nào đó sẽ lôi súng ra, nhưng Vinh sẽ nhìn ra phía cửa sổ, ngó chừng, và la lên, *chưa đến lúc.*

Rồi thì. Rồi thì Kim không biết nữa. Cô không biết họ sẽ làm cái gì sau đó. Cô ngồi dậy.

Nó lướt qua cô một cách chậm rãi và kỹ lưỡng, từ đáy bụng sâu lên đến cổ lên đến những sợi tóc của cô, sự nhận thức về chuyện mà cô đã vừa làm. Vinh chưa bao giờ nói với cô về những gì họ đã làm với những người buôn bán và những gia đình họ đã cướp. Cô tin chắc rằng họ đã không thể nào không được để yên. Bọn Vinh đã không làm những chuyện đó chỉ vì tiền. Họ muốn trả lại những đau đớn của họ.

Kim nhoài người trên giường, với tay dưới giường để tìm cái điện thoại. Cô bấm số máy bíp của Vinh, đợi tín hiệu rồi bấm nút để lại số điện thoại ở nhà. Rồi cô cúp phone và đợi. Và đợi. Cô bíp Vinh lần thứ nhì, lần này bấm thêm 911 vào đó. Năm phút trải qua, mà Vinh vẫn chưa gọi lại. Cô thử một lần nữa. Mười phút sau. Một lần nữa. Cũng vậy.

Kim vẫn không hiểu tại sao. Cô ngồi trên giường, bấm số điện thoại và đợi, bấm số và đợi, bàn tay của cô trở nên trơn tuột vì mồ hôi tiết ra khi cô nắm chặt phone. *Chưa đến lúc, chưa đến lúc,* cô vẫn tin là cô còn có thể hủy bỏ những gì đã đang xảy ra trong lúc cô đang ngồi trên giường, chờ đợi, chờ đợi.

Trần Tuệ Quân *chuyển ngữ*

Một cuộc sống đứng đắn

việt nguyễn
nguyễn nguyệt cầm *chuyển ngữ*

"Hom(m)e" (Ảnh Việt Lê)

Khi cảm thấy cú giật do bánh xe máy bay chạm mặt đường băng, anh ngồi thẳng lên một chút. Qua cửa sổ, anh nhìn thấy một đường băng rộng, hiện đại, không hề vướng cỏ hay bụi cây dại, giống hệt đường băng ở San Diego, nơi máy bay anh xuất phát mới hơn một giờ trước đó. Một vài chiếc máy bay hành khách khác chạy trên các đường băng song song; xa hơn nữa, anh có thể nhìn thấy dãy nhà ga đón đưa của phi trường San Francisco, với những ô cửa sổ phản chiếu nắng chiều. Anh nuốt nước miếng để làm giảm áp lực trong tai, nhưng cho đến khi máy bay dừng ở cầu hàng không, những âm thanh vô hình vẫn như chọc vào tai, làm ù đi tiếng trò chuyện của hành khách xung quanh. Nắm chặt trong tay tờ đơn, trong đó có tên người bảo trợ, Parrish Coyne, người anh không biết gì nhiều hơn ngoài việc ông ta sẽ đợi anh ở cửa ga. Ïiều gì sẽ xảy ra nếu Parrish Coyne không có ở đó đã làm anh lo lắng suốt chuyến bay, khiến anh hết vo tròn rồi lại vuốt thẳng túi bánh mặn pretzel, tưởng tượng ra cảnh mình đi xin tiền lẻ ở chỗ nhận hành lí, hoặc vẫy xe đi nhờ ra khỏi sân bay mà không biết phải tới đâu; anh không có tiền, không bạn bè, và không có một địa chỉ để liên lạc nào, ngoại trừ người bảo trợ mình. Biết đâu cảnh sát sẽ bắt giữ anh. Điều đó có thể lắm. Họ có thể bắt anh với bất kì lí do gì họ thích, kể cả cái tội đơn giản anh là người nước ngoài, lỗi anh thường xuyên vi phạm mỗi lần anh nói một từ.

Trong khi chờ ra khỏi máy bay với mảnh giấy trong tay và túi hành lí nhỏ duy nhất, anh cảm thấy không những tim đập nhanh và khẩn trương, mà anh còn nghe tiếng tim rất rõ. Mười tám tuổi, anh nghĩ mình được rèn luyện kiên cường qua những gì trải qua năm ngoái, nhưng cơ thể vẫn quen phản bội anh như vậy. Khi ra khỏi máy bay, điều đó lại xảy ra một lần nữa; thay vì điềm tĩnh đi qua đám đông những gương mặt xa lạ như anh dự tính, anh không thể nào tránh không lo lắng điểm lướt qua mặt họ. Nhưng tức thì anh thấy một người hẳn phải là Parrish Coyne, đứng mỉm cười và cầm bảng chữ viết tay đề Ông Liêm, một hình ảnh gần như làm anh choáng vì nhẹ nhõm và biết ơn. Trước đó chưa từng có ai gọi anh bằng "ông" bao giờ. Người đời thậm chí hiếm khi gọi anh bằng tên.

Parrish Coyne trạc trung niên và, ngoại trừ mớ tóc đuôi ngựa, nhìn gây ấn tượng, với cặp mắt xanh sâu cùng một cái mũi mỏng và thẳng. Ông đội mũ nâu, mặc áo khoác da đen, khuy cài thay vì khóa kéo. Sau khi Liêm lí nhí tự giới thiệu, ông lặp lại tên Liêm hai lần, như thể thiêng liêng hóa độ quan trọng của việc thốt ra cái tên ấy.

"Tôi đoán là Li-am, phải không?" Parish nói giọng Anh, siết chặt tay Liêm và phát âm sai tên anh, dùng hai âm tiết thay vì chỉ một. "Li-am, đúng không?" Trước khi Liêm có dịp sửa phát âm của ông, Parrish bất ngờ ôm lấy anh, khiến anh không biết làm gì hơn là ngượng ngập vỗ vào vai ông. Anh nhận thấy những người khác đang nhìn họ và rõ ràng tò mò về quan hệ giữa họ. Rồi Parrish lùi lại, nắm chặt vai anh, chăm chăm nhìn đến độ làm anh bối rối, do không quen là đối tượng của sự chú ý đặc biệt như vậy. "Trời ạ," cuối cùng Parrish nói, "tớ không ngờ cậu xinh trai như vậy." Liêm vẫn cười và tự hỏi không hiểu mình có nghe đúng không, vì chưa ai dùng từ xinh trai để tả anh bao giờ cả.

"Anh làm cậu ấy ngượng đấy," một thanh niên đứng cạnh Parrish nói; vừa lúc đó, áp lực trong màng tai Liêm giảm xuống. Những tiếng động tại nhà ga phi trường vang lên bình thường và rõ ràng. "Đây là Marcus Chan," Parrish nói, "bạn tốt của tớ." Marcus cũng nói giọng Anh, nụ cười của anh ta có phần hơi khinh thị khi bắt tay Liêm. Liêm không trách anh ta; đứng cạnh Marcus, đau đớn thay, anh thua kém hầu như về mọi mặt. Trạc khoảng 24, 25, Marcus có hàm răng trắng đều, đôi môi mỏng mọng, dáng người thẳng đứng, đầu hơi hất về phía sau, với tư thế của một người sẽ được thừa kế cả gia tài. Cảm giác mắc nợ của Liêm khiến anh luôn nhìn xuống, như thể tìm kiếm tiền lẻ, và vì anh thấp hơn Marcus và Parrish, anh phải nhìn lên khi nói, "Tôi rất vui được gặp hai anh." Rồi, chỉ vì lo lắng, trong khi vẫn nắm tay Marcus, anh nói thêm, "San Francisco num bờ oăn."

"Dễ thương quá." Marcus nhẹ nhàng rút tay khỏi tay anh. "Thế thì số hai là gì?"

"Im nào. Sao cậu không tỏ ra hữu ích và cầm giúp Liêm cái túi?"

"Tuân lệnh, thưa ngài," Marcus nói. Anh ta cầm giúp chiếc túi và đi sau. Parrish dẫn Liêm qua hết nhà ga, ra chỗ đậu xe. Ông nắm khuỷu tay Liêm, hăm hở hỏi về những kinh nghiệm anh đã trải qua. Những ngày đó thế nào? Cậu cảm thấy ra sao? Thật buồn quá, phải không? Viễn cảnh của việc ôn lại câu chuyện làm Liêm kinh khiếp, vì vậy trong khi Marcus lái xe ra khỏi bãi đậu và bắt đầu vào đường cao tốc, anh miễn cưỡng kể lại một phần nhỏ của mười hai tháng vừa qua, trong vai của lại thêm một người Tị nạn Trẻ vô danh khác, một vai phụ không hơn trong vở kịch bắt đầu bằng việc để lại cha mẹ ở Long Xuyên mùa hè năm ngoái, làm việc tại một nơi được gọi là phòng trà ở Sài Gòn, bị cắt đứt với gia đình vào thời điểm cuối cuộc chiến trong tháng Tư, và chạy trốn bằng tàu. Thậm chí cả phần nhỏ này của câu chuyện cũng làm anh mệt nhoài. "Vậy là," anh nói, "bây giờ tôi đã đến đây."

Parrish ngồi ghế trước, thở dài. "Không phải chỉ là một bi kịch," ông nói, "mà cả hài." Rồi ông xắn tay áo để lộ một vết sẹo hồng chạy vòng quanh cổ tay, kỷ niệm một cuộc biểu tình chống chiến tranh năm 1968, ông nói, do cảnh sát Oakland trao tặng. Cả hai chăm chăm nhìn vết còng đóng sẹo một hồi, trong khi đài phát một bài hát quảng cáo một loại thuốc chải bóng đồ gỗ mới: không cần dùng chổi mà vẫn bóng nổi.

"Cảm ơn," Liêm nói.

Marcus vặn đài to lên một nấc. "Cậu sẽ thấy thời tiết ở đây lạnh và xám, mặc dù bây giờ là tháng Chín," anh ta nói. "Mùa đông có mưa. Không phải khí hậu nhiệt đới, nhưng rồi cậu sẽ quen." Anh ta bắt đầu chỉ cho Liêm những địa điểm nổi tiếng trên đường xe chạy qua. Trong kí ức Liêm đọng lại hình ảnh của Công viên Đèn Cầy với tường bao quanh đầy ấn tượng và mặt nước cẩm thạch động sóng của vùng vịnh. Khi xe từ một xa lộ khác hòa dòng, xe họ chạy chậm lại. Parrish vặn nhỏ đài, vuốt mớ tóc bạc, và nói tới điều Liêm cần biết về Marcus và ông. "Chúng tớ là một cặp," Parrish nói. Liêm chớp mắt và mỉm cười. "Theo nghĩa lãng mạn," Parrish nói thêm. Một cơn rùng mình lo lắng xuyên qua Liêm, nhưng anh quyết định coi đây chỉ là một chuyện đùa kỳ quặc kiểu Mỹ và phá lên cười theo phép lịch sự, cho đến khi anh thấy Marcus chăm chú nhìn mình qua gương chiếu hậu.

"Ô-kê," anh nói, vốn từ vựng bị choáng. "Ối chao."

"Tớ hi vọng cậu không quá sốc."

"Không, không, không, tôi..." anh điếm vội vốn từ trong đầu, "...thoáng?"

"Vậy tớ hi vọng cậu sẽ ở với chúng tớ."

"Cởi mở," anh nói thêm. Anh chẳng còn chỗ nào khác để đi. "Tôi tốt thôi. Đừng lo cho tôi. Thật đấy."

Nhưng không phải vậy. Tâm trí anh cố quên, nhưng cơ thể anh vẫn nhớ rõ cảm giác điện giật khi một người bạn chạm vào đầu gối anh, làm những sợi lông tay và lông gáy dựng đứng lên. Điều này xảy ra nhiều lần hơn anh đếm được. Những khi anh đi dạo tay trong tay, hoặc ngồi khoác vai các bạn trên những băng ghế ở Sài Gòn, nhìn xe cộ và đám đàn bà con gái lướt qua trước mặt. Và đêm xuống. Anh ngủ trong một căn

phòng tối, chật cứng đàn ông độc thân và những cậu bé đang cố dỗ giấc. Khi nhắm mắt, anh thấy hiện ra những người đàn ông tình cờ quen hoặc thấy ở phòng trà, thậm chí cả những người bạn của anh. Tâm trí anh ghép những gương mặt họ lại thành một chuỗi dài thất thường, và khi chúng đảo lộn trong đầu anh, anh cũng nghe được những tiếng thủ dâm sột soạt vụng trộm của người khác. Sáng ra, họ tỉnh giấc và nhìn nhau một cách vô tri, nếu có, và không ai nói tới điều xảy ra trong đêm, như thể đó là một việc xấu xa xảy ra trong rừng, không nên nhớ thì hơn. Lúc này anh tự hỏi, liệu bằng chứng của đêm đó và nhiều đêm khác còn tồn tại trong những đường chỉ tay của anh không. Anh lo lắng chùi tay vào quần gin trong khi xe họ chạy qua một khu dân cư, nơi hai bên đường tấp nập người đi lại, với những màu da khác nhau, chủ yếu là da trắng và người Mê Hi Cô, cũng có một số người da đen và rải rác một vài người Hoa. Trong số họ, không ai buồn nhìn lại hai lần những biển hiệu trên các cửa sổ hoặc những dòng chữ nghuệch ngoạc trên tường, những chữ trước đây anh chưa từng thấy: Peluquería, Chuy es maricón, Ritmo Latino, Dentista, Iglesia de Cristo, Viva La Raza!

"Tới nhà rồi," Parrish nói khi Marcus đánh xe vào một chỗ đậu nhỏ dốc của một căn nhà hẹp hai tầng. Sau này Liêm được biết họ ở quận Mission, và kiến trúc ngôi nhà thuộc kiểu Victoria, nhưng hôm nay, tất cả những điều anh thấy là màu vôi.

"Ồ." Anh chưa từng thấy một ngôi nhà nào quét vôi màu này. "Một ngôi nhà tím."

Parrish cười khùng khục và mở cửa. "Gần đúng," ông nói. "Màu hoa cà."

...

Thoạt đầu, Liêm muốn gọi điện cho những người lo việc tái định cư ở San Diego và nói rằng họ đã gây ra lỗi cực lớn. Nhưng khi so sánh thành kiến của mình với sự hào phóng của Parrish, sự hổ thẹn đã ngăn anh không gọi điện. Thay vì vậy, những tuần tiếp sau đó anh quyết định hàng sáng chăm chú soi mình trước gương và nói: "Chẳng phải sợ ai ngoài chính ta cả." Anh cũng đã lặng lẽ nói với mình như vậy hồi năm ngoái, vào cuối mùa hè 1974, khi anh chào tạm biệt cha mẹ tại bến xe đò Long Xuyên. Trước khi anh đi, cha anh giúi vào túi anh vài đồng, bảo anh phải kiếm tiền gửi về nhà, trong khi mẹ dặn anh phải tốt và chăm sóc bản thân. Có thể cha mẹ anh còn dặn thêm những điều khác, nhưng đó là tất cả những gì anh nhớ được trong vai trò người con cả, được gửi đi một mình để trở thành phao cứu gia đình từ Sài Gòn, cách nhà vài giờ đồng hồ theo hướng bắc. Anh vốn quen lao động. Khi lên mười hai, anh bỏ học để đi đánh giày cho lính Mỹ; khi mới lên tám, anh đã đi lục những đống rác phế thải của họ để tìm sắt, bìa các tông, tạp chí Playboy cũ nhàu, những hộp C-ration chưa mở, đôi khi cả những trái banh rổ xẹp hơi và những con chữ đi lạc, in trên các thùng gỗ, chẳng hạn CẨN THẬN, DỄ VỠ, COI CHỪNG, và USA. Học tiếng khá nhanh, anh ghi nhớ tất cả những chữ đó, cũng như những từ khác mà lính Mỹ dạy anh; ở Sài Gòn, anh đã mở rộng vốn từ khi làm việc tại một phòng trà trên đường Tự Do, nơi anh quét dọn và nhìn những cô gái bán bar đổi thân thể mình lấy đô la, và kiên trì mài rũa hai thứ ngôn ngữ bãi rác và nhà thổ thành một loại tiếng Anh sử dụng được.Vào mùa xuân, tin đồn ngầm trước đó bùng nổ thành một bệnh dịch lớn, truyền nhiễm trong dân nỗi sợ hãi là hàng ngàn người sẽ bị tàn sát nếu Sài Gòn rơi vào tay cộng sản. Anh chỉ cần nghe có vậy, và, vào cuối tháng Tư, khi ở trong thành phố có thể nghe rõ những tiếng nổ đại bác và tên lửa ở ngoại vi, anh đã xô đẩy, đạp, quào cấu để lên được một chiếc sà lan rời thành phố. Bằng cách này, không những anh phát hiện ra rằng, cuộc sống của những người khác so với anh không mấy đáng kể, mà anh còn biết mình sẽ làm lại như vậy nếu phải thế. Khi anh tới được trung tâm định cư ở Trại Pendleton, anh cố quên đi nhận thức này về bản thân mình, cũng như cố quên hình ảnh những người cố hớp không khí khi rơi xuống sông, một số ngã gục trong khi chen lấn, những người khác bị lính bắn vào lưng trong cơn tuyệt vọng tìm đường thoát cho chính họ. Thường thì anh chỉ có thể giả đò quên, một việc mà đối với những người khác hẳn không dễ, nhưng với anh là việc trong nháy mắt, do tâm trí anh được rèn luyện đã lâu. Nếu đôi khi anh nhận thấy mình đang tự lừa dối, anh tự bào chữa rằng sớm hay muộn, ai rồi cũng sẽ tự lừa dối mình một điều gì đó.

Anh không hề đả động đến những điều này trong thư gửi về nhà chẳng bao lâu sau khi anh đến ở nhà Parrish. Anh đã gửi một lá thư trước đó vào tháng Sáu, từ Trại Pendleton, qua phòng định cư. Trong cả hai thư, anh chỉ viết về nơi mình ở và cách liên lạc với mình, vì anh cho rằng không có lá thư nào gửi từ Mỹ về mà không bị cộng sản đọc. Mặc dù anh sợ gây nguy hiểm cho gia đình vì có người thân trốn chạy, anh còn sợ hơn khi nghĩ đến khả năng thư không bao giờ đến được.

Thời điểm duy nhất anh không nghĩ đến số phận của gia đình là vào những giây phút anh mới tỉnh giấc trên chiếc giường ấm áp, dưới ba lớp chăn, với cảm giác mình đang ở chính nơi mình muốn ở. Rồi anh mở mắt và nhận thấy một ánh xanh nhạt chiếu vào phòng qua cửa sổ đầy sương mù, tia sáng đục lung linh của đáy sâu một bể bơi. Ïó là khi nỗi lo lắng ùa trở về trong anh, giống như một lời nhắc cần thở.

Xuống nhà, anh thấy Parrish và Marcus đang ăn sáng và bình luận về tin tức địa phương hay tình hình chính trị thế giới, hoặc về bộ phim mới nhất. Parrish là dân di cư người Anh, còn Marcus là một sinh viên người Hồng Kông. Sau hai năm sống chung, họ hay cãi nhau về những điều vặt vãnh, thường bằng giọng bông đùa. "Cái gì cơ!" Một sáng Parrish nói. "Cậu không hề nghiêm chỉnh khi nói sẽ bỏ phiếu bầu Ford – ngay cả khi cậu có thể." "Ông ta hẳn đã làm điều gì đó tốt đẹp," Marcus nói. "Ai đó mới định bắn ông ta, phải không? Thường thì đó là một dấu hiệu tốt." Khi họ bắt đầu thực sự cãi nhau trước mặt anh, anh biết mình đã trở thành một thành viên trong gia đình. Đôi khi các trận cãi cọ xảy ra mà không có lí do. Chẳng hạn vào một sáng tháng Mười, khi Parrish hỏi bao giờ thì Marcus phải thi cuối kì. Câu hỏi dường như vô hại đó đã làm Marcus nổi giận đùng đùng. "Sao anh không đi thi hộ tôi đi?" anh ta độp lại trước khi bỏ ra khỏi bếp. Parrish đợi đến khi anh ta lao rầm rập lên cầu thang, rồi mới ghé sang Liêm thì thầm, "Hai tuổi khủng khiếp. Năm thứ hai bao giờ cũng khó nhất."

"Thật ư? Liêm thì thầm đáp lại. "Tôi thấy ông cũng la hét khối lần rồi."

"Mặc dù cậu ấy lớn tuổi hơn, nhưng lại không người lớn bằng cậu," Parrish lẩm bẩm. "Cậu ấy chưa từng thấy những gì tớ và cậu đã trải qua. Tất nhiên khi trẻ thì tớ cũng ngu dốt, chưa kể đến lười biếng và được nuông chiều đến hư hỏng, như cậu ấy. Nhưng giờ thì tớ đỡ rồi. Tổ tiên của tớ kiếm tiền bằng những phương tiện tớ thấy xấu hổ, nhưng không có lý do gì để tớ không thể dùng tiền ấy vào những việc tốt, phải không nào?"

"Không có?"

"Không có," Parrish nói. Liêm hiểu anh là một trong những việc tốt để tiêu những đồng tiền Parrish kiếm được với tư cách, theo như ông nói, là cổ đông của công ti Hoodwick, Bamboozle và Con. Hiện thời Parrish làm việc cho Earthwatch, một tổ chức bảo vệ môi trường. Mặc dù Parrish không chịu để Liêm trả tiền thuê nhà, Liêm vẫn kiếm việc làm vì, như cha anh yêu cầu, anh cần kiếm tiền và gửi về nhà. Trong vòng một tuần kể từ khi đặt chân xuống San Francisco, anh đã cuốc bộ xuống phố đến khi thấy một tiệm bán rượu và tạp hóa ngay giữa trung tâm khu Tenderloin, góc đường Taylor và Turk, nơi có hai chữ "Tuyển người" viết nguệch ngoạc trên cửa sổ, cạnh chữ "Se Habla Espađol." Đối diện phía bên kia đường, mấy cô điếm mặc phong phanh, run rẩy, khe ngực đầy mụn trứng cá, không đếm xỉa đến anh, và những chàng chuyển đổi giới tính nhưng cánh tay vẫn đầy lông lá. Anh làm ca từ tám giờ sáng đến tám giờ tối, sáu ngày một tuần. Anh được nghỉ ngày thứ Năm. Anh lau sàn, xếp đồ lên giá, cọ rửa nhà vệ sinh, chùi cửa sổ, trông coi sổ sách và lặp lại từng ấy động tác cho đến việc cuối cùng trong ngày là kéo hai túi rác ra bãi thải ở cuối đường hẻm, nơi những người có lí lịch đáng nghi ngờ đến tiểu bậy và nôn mửa vào chân tường lúc trời tối, có khi cả khi trời chưa tối. Bất kể anh có cọ rửa tay bao lâu sau đó, anh cảm thấy chúng không bao giờ thực sự sạch sẽ. Dầu mỡ và rác rưởi mà anh xử lý đã bám vào các vết chai sâu đến mức anh tưởng chừng mình đã để lại khắp nơi dấu vân tay vĩnh viễn.

Khi anh về đến ngôi nhà kiểu Victoria, Parrish và Marcus đã ăn tối xong. Anh ăn đồ còn lại trong bếp khi họ xem ti vi. Ngay sau khi ăn xong, anh rút lên gác, khiếp sợ trước mối quan hệ của họ và hơn cả là sợ chính Marcus. Thân hình mảnh mai, xanh xao của Marcus cứ hiện ra trước mắt khi anh đứng tắm, ngay cả khi anh cố gắng đến mức tuyệt vọng để khỏi nghĩ đến anh ta. Dòng nước nóng nuôi dưỡng trí tưởng tượng của anh và cuối cùng uốn cơ thể anh mềm mại và bình tĩnh lại. Trong trạng thái thư dãn như vậy, một tối anh mở cửa nhà tắm bước ra, chỉ quấn độc có chiếc khăn tắm, và gặp Marcus đi dọc hành lang.

Họ im lặng nhìn nhau rồi cùng bước tránh về một phía. Rồi họ lại cùng bước tránh về phía bên kia, chân lê những bước lúng túng. "Những tư tưởng lớn thường gặp nhau, phải không," cuối cùng Marcus nói, mắt lướt nhanh qua thân thể Liêm trước khi cúi nhẹ người với vẻ giễu cợt và ra dấu cho Liêm đi qua. Liêm đi nhanh về phòng và đóng cửa, không hề ngoái lại phía sau; khi dựa lưng vào cửa, lắng nghe tiếng bước chân Marcus xa dần ngoài hành lang, anh cảm nhận được lớp mồ hôi dấp dính sau lưng. Anh toát mồ hôi vì hơi nóng sau khi đứng tắm dưới vòi sen quá lâu.

...

Một sáng thứ Năm âm u giữa tháng Mười một,

Marcus và Liêm lái xe đưa Parrish ra phi trường. Ông bay sang Washington dự một cuộc hội thảo về sức mạnh hạt nhân và môi trường. Gió quất vào cửa kính xe trong khi Parrish giảng giải về các chất plutonium và uranium, sau khi sử dụng và được chính phủ chôn tại sa mạc, vẫn tiếp tục phóng xạ, nhiễm độc đất đai và gây tác hại tới hàng nghìn năm. "Và phần lớn là người nghèo sống ở những vùng đó," Parrish nói. "Cứ nghĩ đến nó như bãi mìn khổng lồ ngay sân sau nhà nước Mỹ mà phát khiếp." Liêm ngồi ghế sau, lễ độ lắng nghe, nhưng Marcus gõ nhịp vào tay lái trong khi lái. Parrish tỏ vẻ không hề để ý. Đến sân bay, ông hôn tạm biệt Marcus trước khi ôm Liêm và chào. "Chủ nhật gặp lại nhé," Parrish nói. Ngay sau khi Liêm leo vào ghế băng trước, trước khi anh kịp đóng chặt cửa thì Marcus đã phóng xe khỏi sân bay. Anh ta vừa tăng tốc vừa nói, "Đến chừng nào ông ta mới thôi không lý tưởng hóa như vậy nữa?"

"Ông ấy là một người tốt." Liêm cài dây an toàn. "Ông ấy rất quan tâm, phải thế không?"

"Sống với một người tốt có khi rất mệt," Marcus nói. "Đó là lý do tại sao các thánh phải tử đạo. Chẳng ai chịu được họ cả." Chuyến lái xe quay về thành phố là khoảng thời gian dài đầu tiên họ ở bên nhau mà không có người thứ ba nào khác. Trước đó, một người trong hai bọn họ bao giờ cũng tìm ra lý do chuồn đi chỗ khác. Giờ thì họ ngồi im lặng trong xe cho đến khi họ về đến gần trung tâm thành phố. Liêm lên tiếng, "Anh có đói không? Tôi thấy đói rồi."

Marcus lái vượt qua lối rẽ ra đường Army rồi nói, "Đừng nói Tôi thấy đói rồi, nói Tôi đói rồi. Cậu phải học cách nói tắt nếu cậu muốn nói như người dân bản địa. Uốn môi và lưỡi của cậu như thế này này, thấy chưa?"

"Tôi đói rồi. Còn cậu?"

Quán ăn mà Marcus chọn nằm ở đường Jackson trong Khu phố Tàu, rộng gần một sảnh khiêu vũ, với những cột nhà gỗ anh đào sẫm màu và những ngọn đèn lồng đỏ có tua rủ từ trần nhà xuống. Thậm chí vào sáng thứ Năm, quán vẫn ồn ào và nhộn nhịp; những cô phục vụ bàn mặc áo

một

poetic immersion
ngâm trong bụng mẹ mình
có ai không đồng bào ta-tha-gá-ta
call gọi tất cả
mọi
người
siêu ngộ
bỏ văn chương
in the saffron flames
cho lửa mát
phá concepts
xé hình
chả thành khái niệm gì!
không quên
đừng nhớ
what does that mean?
ai biết
alone
feeling
your friends lost
ma mà ma
enemy
ở trong gương

two

it's not that you don't understand me
really, tại vì chân không còn
muốn hiểu gì?
you are always wanting
but even I cannot appropriate
nói cho tôi biết
who is talking about appropriation
to reify the induced seizure
chết đi
power
privilege to have this intellectual
blah blah
bán sex vợ
có ai mua sách vở
bán xác vợ
upon the streets
all sprawled out
kiếm cô hả
she would yêu to come
to america
for cultural appropriation
because there is a dream
có thể she can một ngày nào đó
buy antique buddha statues để thờ
on the other shore
con tôi lai
đứa trai
bò đi đây đi đó
ở ngoài đồng nai

Quốc Bảo

choàng tạp dề đẩy xe khay đồ ăn ngược xuôi dọc các bàn, trong khi những anh phục vụ đeo nơ mang phiếu tính tiền và ấm trà chạy hết từ bàn này sang bàn khác. Họ ngồi xuống một bàn cạnh cửa sổ, nơi họ có thể nhìn thấy dòng đầu đen đi lại bên ngoài. Hình ảnh đám đông châu Á khuây dịu lòng Liêm. Khi các xe ăn đến bên bàn, Marcus thành thạo chọn và từ chối các món bằng tiếng Quảng Đông, rồi giải thích bằng tiếng Anh cho Liêm những món tỉm sắm xếp đầy trước mặt họ, trông thật hấp dẫn, gồm síu mại, bánh hấp nhân thịt heo xay và hành, cải làn cọng dài, thịt heo quay chặt miếng, với những miếng da giòn tẩm mật màu hạt dưa. "Parrish không động đến món này," Marcus nói vẻ tán thưởng khi thấy Liêm gặm hết da chân gà, chỉ chừa lại trơ xương.

Sau khi phục vụ bàn đã dọn sạch chén đĩa, họ ngồi lặng lẽ với ấm trà cúc ở giữa. Liêm xoay tách trà theo vòng vết mỡ trên khăn bàn rồi hỏi Marcus về gia đình anh ta, điều Marcus chưa từng thảo luận trước mặt anh. Tất cả những gì Liêm biết về Marcus là anh ta sống ở Hồng Kông đến năm mười tám tuổi, sau đó theo học ngành quản trị kinh doanh tại trường Đại học San Francisco, nhưng rất ít khi đến lớp, và anh ta say mê đi tập thể dục tại phòng tập. Cha anh ta, Marcus nói với một giọng khinh bỉ, là quản trị một hãng cao su. Ông nghĩ tốt nhất là gửi con trai đi học ở nước ngoài, rồi trở về với một tấm bằng ngoại quốc để tham gia vào điều hành kinh doanh. Kế hoạch này bị hủy hoại khi một người tình cũ đáng ghê tởm của Marcus gửi cho cha anh ta một lá thư tình do con trai ông viết, với những tấm hình thành thực ("những tấm hình hết sức thành thực," Marcus lẩm bẩm mơ hồ). Sau đó, cha anh ta từ bỏ anh ta, và giờ thì Parrish thanh toán mọi chi phí cho anh ta.

"Cậu có tưởng tượng ra được điều gì tồi tệ hơn thế không?" Marcus hỏi.

Liêm không chắc Marcus muốn nói đến sự phản bội tình yêu, kế hoạch của người cha, hay tiền của Parrish. Điều anh thực sự muốn biết là "thành thực" có nghĩa gì, nhưng khi Marcus đang nhấp trà, có vẻ không chờ câu trả lời, thì Liêm lại kể về chính gia đình anh. Tất cả đều làm ruộng, bán hàng rong và đi quân dịch. Chẳng có anh hùng nào cả, chẳng ai đi đâu xa khỏi Long Xuyên trừ trường hợp bị động viên đi quân dịch, khiến anh trở thành nhà thám hiểm đầu tiên trong gia đình. Có lẽ điều đó giải thích thái độ lo lắng quá mức của cha mẹ anh ở bến xe đò Long Xuyên, một trong vài khoảng khắc quá khứ mà anh còn nhớ rõ, với hình ảnh một khoảng đất và nền xi măng không bóng râm chật cứng người ôm những thùng hàng buộc dây, cùng những lồng gà và heo. Sức nóng và bụi cuộn lên, mang theo hơi mồ hôi người và phân gia súc nồng nặc, khiến lỗ mũi anh đặc quánh lại. Cha anh nhét vào túi anh một cuộn tiền nhỏ và nói vào ngực anh, vì ông không thể nhìn vào mắt anh bằng cặp mắt xám đục vì bệnh đục thủy tinh thể của mình. "Gia đình nhờ ở con," cha anh nói. "Cha mẹ đã nuôi con khôn lớn, vì vậy cha biết con sẽ không đánh mất mình nơi thành phố." Mẹ anh nói rất ít, chỉ vuốt dọc tay anh và vỗ vào ngực anh như thể lục tìm gì. Rồi bà ôm chặt tay anh và chỉ nhìn vào đó. Những nếp nhăn sâu quanh khuôn miệng lúc nào cũng nhăn nhúm của bà dường như những sợi chỉ khâu chặt môi bà lại. Anh đã không nói anh yêu họ, và lý do duy nhất giờ đây anh có thể viện ra là do anh cuống cuồng leo lên xe buýt, vì nếu không có chỗ ngồi, anh sẽ phải đứng chen vai giữa xe hoặc mạo hiểm ngồi trên nóc suốt dọc đường đi cho tới Sài Gòn.

"Làm thế nào mà cậu biết được điều gì sẽ xảy ra?" Marcus ngả mình về phía trước và hỏi. "Cậu không phải là thầy bói. Dầu sao đi nữa, mọi việc đều đã thuộc quá khứ. Cậu không thể tiếp tục đào bới mãi. Cách tốt nhất để giúp họ bây giờ là giúp chính bản thân cậu."

"Ừ"

"Vấn đề là, cậu muốn trở thành gì?"

"Trở thành gì ư?"

"Trong tương lai ấy. Cậu muốn làm gì với bản thân cậu."

Chưa ai hỏi Liêm câu ấy bao giờ, bởi vì ở Long Xuyên, rồi ở Sài Gòn, có rất ít cơ hội cho một cậu bé nghèo. Ngoài việc quét dọn tiệm bar hoặc làm bồi phòng cho Mỹ, anh có thể trở thành một người lính, một tên ăn trộm, một kẻ ma cô, một gã ăn xin, một người lao động, một anh đạp xích lô, hoặc nếu may mắn, thành người hầu cho một ông chủ giàu có, và kết quả của những niềm mong đợi thấp như vậy là, ngay cả bây giờ và ở đây, nhìn tương lai vượt qua công việc ở tiệm bán rượu và tạp hóa với anh cũng không dễ. Ý tưởng nếu anh nói muốn trở thành một bác sĩ, luật sư hay cảnh sát có vẻ hết sức nực cười; nhưng Marcus đang chờ câu trả lời của anh; một khao khát muốn trở nên cao quí trong mắt của Marcus, và có lẽ trong mắt của chính mình, chiếm lấy anh. Anh nói, "Tôi muốn trở thành tốt."

"À." Marcus liếc giấy tính tiền. "Ai mà chẳng muốn vậy."

...

Ngày hôm sau, tại tiệm bán rượu và tạp hóa, Liêm đếm từng giây theo nhịp chổi quét và chuông máy tính tiền. Ca làm việc với anh dường như không bao giờ chấm dứt, trong khi chỉ mới hôm qua thôi, anh đã ao ước ngày kéo dài vô tận. Khi thanh toán tiền cho bữa tỉm sắm, anh gần như phải vật Marcus xuống vì họ tranh nhau trả tiền. Sau đó họ cùng nhau đi dạo, ngắm các tủ kính đồ dọc các phố trong Khu phố Tàu, rồi lái ra Đảo Treasure ngắm Cầu Cổng Vàng; đến chiều, họ chui vào một rạp xinê ở đường Market xem phim Bay trên tổ chim cúc cu và ngồi bên nhau, gối kề gối. Họ ăn sushi tại một tiệm ăn Nhật trên đường Kearney trong khu Tiểu Đông Kinh. Cả hai không đả động gì đến sự đụng chạm đó, mà bàn về Jack Nicholson, người mà Liêm chưa hề xem phim, về Tây âu, nơi Liêm chưa hề đến, và về các loại sushi, những món mà trước đây Liêm chưa từng ăn; tóm lại, Marcus nói và Liêm không lấy đó làm vấn đề. Liêm thấy trò chuyện với Marcus thật dễ dàng; tất cả những gì Liêm phải làm là đặt câu hỏi. Tuy vậy, Marcus hầu như không hỏi Liêm câu nào, và có những lúc trong ngày, khi Liêm không nghĩ ra được điều gì để hỏi, đã có những khoảng im lặng không lấy gì làm thoải mái. Cả hai không nhắc đến Parrish, ngay cả khi về đến căn nhà kiểu Victoria và Marcus mở một chai vang đỏ từ tủ rượu của Parrish, chai pinot noir, chế tại vùng Napa Valley. Chưa từng uống rượu vang bao giờ, sáng hôm sau Liêm tỉnh giấc với cảm giác như bị cái mở nút chai khoan xuyên qua đầu. Anh hầu như không bò dậy nổi khỏi giường để vào nhà tắm. Trong khi đánh răng, anh lờ mờ nhớ lại rằng Marcus đã dìu anh lên gác, đắp chăn cho anh và hôn lên má anh. Không thấy Marcus trước khi đi làm, anh cho là Marcus đã ngủ nướng.

Khi trở về căn nhà Victoria vào buổi tối, anh thấy Marcus đang ngồi xem ti vi trong phòng khách. "Hôm nay có một lá thư gửi đến cho cậu," Marcus nói, tay bấm điều khiển từ xa tắt ti vi và chỉ vào bàn uống nước, nơi có một lá thư màu xanh nhàu nát, với những vạch chéo đỏ và trắng nơi mép rìa phong bì. Những nét chữ viết tay không lẫn vào đâu được, với nét bút nhấn mạnh đến mức gần như xuyên qua bao thư, mỏng đến mức chỉ có thể có một tờ thư trong đó. Cha anh đã trả lời lá thư đầu tiên của anh, vì thư được gửi đến Trại Pendleton, Khu 35, lều 27B, và đã được nhân viên tái định cư ở San Diego chuyển tiếp đến cho anh.

"Cậu có định mở thư không đấy?" Marcus hỏi.

"Không," anh lẩm bẩm, xoa xoa bao thư giữa những ngón tay, không giải thích nổi rằng, dù thư mang tới bất cứ tin gì, một khi anh đã mở, anh không thể giả đò như chưa đọc. Anh đã sợ lá thư này tới nơi cũng nhiều hệt bằng việc anh mong chờ nó tới nơi, vì một khi anh mở thư, cuộc đời của anh sẽ lại thay đổi, và có thể anh muốn nó vẫn như cũ. Thu hết ý chí, anh đặt lá thư xuống bàn và ngồi xuống ghế nệm cạnh Marcus. Họ cùng nhau nhìn chăm chăm vào bao thư xanh, như thể nó là một bức thư nặc danh, nhét qua khe cửa nhà một người ngoại tình.

"Họ nghĩ là chúng ta bị nhiễm bệnh tây," Marcus nói. "Cha tôi nói vậy."

"Chúng ta ư?" Liêm nói. "Bệnh tây nào?"

"Từng nghĩ là tôi không biết."

Liêm tránh ánh mắt của Marcus bằng cách xem xét bức thư. Anh có cảm giác mình biết chính xác điều gì trong đó, vì cha anh hẳn cũng đã thận trọng y như anh, không viết gì ngoài những điều cần viết. Kiếm tiền và gửi về nhà, giữ gìn sức khỏe và tốt, đó hẳn là những thông điệp được nhấn mạnh và lặp lại một lần nữa, để anh phải tự đoán điều gì quá nguy hiểm, không thể nói trắng ra được. Ngôn ngữ trong thư hẳn sẽ rất đơn giản, vì cha anh cũng không hề được giáo dục cao hơn anh. Nhưng cha anh không bao giờ đi tìm từ mới, còn anh thì ngược lại. Anh ngước nhìn Marcus và hỏi cái câu mà anh muốn hỏi từ hôm trước.

"Thành thực có nghĩa là gì?"

"Thành thực ư?" Marcus nói. "À, ừ. Thành thực. Có nghĩa là tình cờ bắt gặp, giống như trong ảnh hoặc trong phim, khi ai đó chụp ảnh mà ta không để ý. Hoặc cũng có nghĩa là một người ngay thẳng. Một người trung thực và thẳng thắn."

Liêm hít một hơi thở dài. "Tôi muốn thành người thành thực."

"Tôi muốn trở thành người thành thực."

"Im," Liêm nói, tay đặt lên đầu gối Marcus. Khi Marcus đặt tay lên tay anh, chạm vào làn da mềm mại của Marcus khiến anh tự hỏi không biết Marcus thậm chí có thể cảm thấy bằng đôi tay không lao động của mình hơn là anh với đôi tay chai cứng không; thế giới chưa bao giờ có vẻ không công bằng đến như vậy vào chính khoảnh khắc ấy. Không hề biết những suy nghĩ của Liêm, Marcus nâng tay anh lên miệng anh ta, như thể anh ta sắp hôn những đầu ngón tay anh. Liêm nắm chặt tay Marcus trong tay mình, rồi lật ngửa

chúng lên. Trông chúng cũng mềm mại như anh sờ thấy, không hề có một đường da trắng khô nào, và khi Liêm lướt lưỡi trên lòng bàn tay ấy, anh nếm được một chút xíu vị mặn của muối và chỉ có vậy. Thế là đủ.

...

Sau đó, anh cảm thấy mọi sự không diễn ra trơn chu. Trước hết, quần áo họ cởi ra không êm thấm như anh tưởng, khuy cài và dây kéo bỗng nhiên trở nên nhỏ lại, và ngón tay anh trở nên to lớn và vụng về hơn. Nhịp điệu của anh cũng không đều. Đôi lúc, vì quá hăm hở, anh cử động quá nhanh, và để bù đắp lại, vì xấu hổ, anh lại cử động quá chậm, khiến họ mất nhịp và khiến anh phải xin lỗi luôn, lúc thì vì cùi trỏ, lúc lại vì đầu gối, đến lúc Marcus phải nói, "Vì chúa, cậu đừng xin lỗi nữa, mà hãy hưởng thụ đi." Thế là anh cố gắng thư giãn và thả lỏng cơ thể cho kinh nghiệm; lúc sau, khi anh nằm, tay vắt ngang qua người Marcus, nhìn lưng anh ta, anh không hề ngạc nhiên khi thấy mình nhớ được rất ít. Thói quen cố quên đã ăn sâu nơi anh, như thể anh qua đời mình, vĩnh viễn đi ngược qua sa mạc và xóa đi những dấu chân, chỉ sót lại những hồi tưởng rải rác về một đôi môi gắn vào môi anh, về cảm giác dễ chịu đáng yêu từ sức nặng của một người đàn ông, và trên cả, cái cảm giác nếu khi đó anh là một kẻ tị nạn thì đây là chốn cư ngụ của anh, anh đã tìm được từ nơi thân thể và vòng tay của một người đàn ông khác.

"Tôi yêu anh," anh nói.

Marcus không quay lại, không nhìn qua vai, cũng không nói "Tôi yêu cậu" để đáp lại, và thực ra chẳng nói gì cả, như thể anh ta bước vào một bữa tiệc bất ngờ dành cho anh ta và sau đó hồn nhiên bước ra. Tiếng tíc tắc từ chiếc đồng hồ cổ do ông của Parrish để lại nghe mỗi lúc một to thêm theo từng giây, và đến khi nghe rõ cả tiếng mưa rơi trên mái, sự trần truồng của Liêm làm anh hổ thẹn. Anh lóng ngóng ngượng ngập với chiếc quần lót khi Marcus với tay về phía sau, nắm lấy cổ tay anh và cầm lấy nó trong khoảng thời gian có thể đếm được đến mười, rồi quay lại. "Cậu chờ một chút được không?" anh ta nói, một chân choàng qua người Liêm. Khi Liêm không trả lời, Marcus nói, "Cậu có nghĩ là mình đang phản ứng thái quá không?"

"Thái quá về gì?" Liêm chăm chú nhìn vào một nốt ruồi nơi xương đòn của Marcus.

"Phản ứng thái quá. Về điều này. Sớm muộn gì rồi cậu cũng sẽ nhận ra tình yêu chỉ là phản ứng nội tâm của một số người mà thôi. Cậu chỉ bị bất ngờ, đơn giản là vậy." Marcus chạm vào tay Liêm. "Một tuần sau, cậu sẽ thậm chí không biết tại sao cậu nói với tôi như vậy."

"Ô-kê. Chắc vậy."

"Cậu có biết còn điều gì đang chờ cậu trong tương lai không?"

"Không. Đừng - đừng cho tôi biết."

"Một năm nữa thôi, chính cậu sẽ nghe những người đàn ông khác nói họ yêu cậu," Marcus nói. "Họ sẽ nói rằng cậu quá xinh trai để sống đơn độc."

"Ha," anh nói, nhưng anh để Marcus kéo anh lại gần. Khi Marcus hỏi anh có hối hận về những gì họ đã làm không, anh nói "Không," và đó là sự thật. Họ nằm ôm nhau trong khi mưa tiếp tục rơi. Bên ngoài, một chiếc xe hơi bấm còi liên tiếp. Con phố hẹp trước cửa nhà có lẽ đã bị ai đậu xe chắn ngang đường. Anh nghĩ Marcus đã ngủ, cho đến khi Marcus cựa mình và hỏi, "Cậu có định đọc thư không đấy?"

Hóa ra anh ta chưa quên lá thư. "Tôi không bao giờ đọc cho anh đâu."

"Tôi sẽ không bao giờ đọc cho anh đâu. Thì tương lai."

"Tôi sẽ không đọc thư cho anh."

"Bây giờ thì đến cậu chấp nhặt. Thế thì đừng đọc cho tôi nghe."

"Nhưng tôi sẽ đọc anh nghe tôi sẽ viết gì."

"Chỉ khi cậu muốn vậy," Marcus vừa nói vừa ngáp.

Giọng văn, anh ta nói, cũng quan trọng như nội dung. Lá thư anh viết phải tả về một thành phố hấp dẫn lạ thường, với một cái tên Tây Ban Nha, nổi tiếng bởi xe dây cáp, đảo Alcatraz và Cầu Cổng Vàng. Sau khi kể về những địa điểm du lịch, anh kể về việc sống ở một thành phố mà thậm chí những người không phải là người châu Á cũng biết Tết trung thu thì buồn cười thế nào, rồi ở phố Tàu, có cơ man nào là người ăn mừng Tết âm lịch ra sao. Anh ném pháo dưới chân con lân đang múa và hi vọng gia đình cũng đang làm như vậy; khi anh giẫm lên xác pháo hồng, tiếng sột soạt dưới chân khiến anh nhớ nhà, nghĩ đến gia đình, và biết rằng nếu anh quên kể về những người xếp hàng dài ở tiệm rượu hay những tia phóng xạ trong các sa mạc Mỹ, mọi người cũng sẽ tha lỗi cho anh. Đừng lo cho con, anh viết cuối thư. Con đang làm việc chăm chỉ để kiếm tiền. Thậm chí con còn có bạn. Và chúng con ở một ngôi nhà màu hoa cà.

Khi anh nghe hơi thở nhẹ nhàng của Marcus và nhận thấy Marcus đang trôi tuột khỏi anh theo từng nhịp thở, anh không thể ngăn mình. Anh cần

biết một điều trước khi để Marcus đi. "Cho tôi biết," anh nói và hi vọng giọng mình nghe không đến nỗi quá tuyệt vọng. Marcus chớp và mở mắt ra. "Tôi có tốt không?"

Một làn nước táp nhẹ lên cửa sổ. Đêm thứ Sáu trời mưa.

"Có." Marcus lại nhắm mắt lại. "Cậu rất tốt."

Ít nhất anh có thể viết chừng đó trong thư gửi về nhà.

...

Sau khi Marcus đã ngủ, Liêm chui ra khỏi giường và vào phòng vệ sinh. Anh lau sạch người rồi đi tắm. Anh mặc quần dài vào. Khi đang chải đầu, anh nghe chuông điện thoại trong phòng khách kêu reng. Anh lao dọc hành lang và nhấc kịp sau hồi chuông thứ năm. "Tớ chỉ muốn xem các cậu thế nào," Parrish nói to và vui nhộn, có vẻ như mới đi uống về. "Tốt đẹp cả," Liêm nói. Anh nhìn lá thư nằm trên bàn nước, nơi anh để nó đó. "Chẳng có gì đặc biệt cả." Anh không thích nói chuyện qua điện thoại, khi ngôn ngữ cơ thể chẳng giúp người khác hiểu anh hơn, và anh nói ngắn gọn. Parrish có vẻ không lưu tâm đến điều đó và chào tạm biệt, cũng vui vẻ hệt như lúc mới gọi. Liêm gác điện thoại và ngồi xuống ghế nệm. Anh thận trọng bóc thư; khi mở tờ giấy mỏng dính, đục mờ, anh lại một lần nữa nhận ra nét chữ cha anh, vừa tháu vừa vụng, anh phải đánh vật để hiểu cũng như cha anh phải đánh vật khi viết.

Con trai thương yêu, nhà nhận được thư con hôm qua. Ai cũng vui là con còn sống và khỏe mạnh. Cả nhà đều khỏe. Tin lớn ở bên này là hồi tháng Sáu các chú bác và anh em họ của con được đi cải tạo cùng những người đi lính khác. Tội ác của họ đã được tha thứ. Họ nói tất cả chúng ta nên lao động cật lực cho tương lai và vững lòng tin vào đảng, vì giờ đây Mỹ ngụy đã bị đánh bại, miền Nam đã được giải phóng và đất nước đã thống nhất, không còn người thua kẻ thắng nữa. Chỉ có người Việt mà thôi! Các chú bác của con tin Ỉảng và đã hiến nhà cho cách mạng. Các cán bộ cho dân biết mọi việc sẽ sớm được cải thiện và ta sẽ có việc làm. Họ nói chúng ta phải cùng nhau xóa bỏ quá khứ và xây dựng lại đất nước vinh quang! Nhưng nếu bây giờ con có thể gửi tiền thì được đồng nào tốt đồng nấy.

Cuộc sống vẫn tiếp tục. Anh họ Khanh con lấy vợ hồi tháng Sáu và vợ nó đã có bầu được năm tháng rồi. Nó vẫn dê cụ như trước! Khi nào con rảnh, nhớ gửi tin cho nhà. Mỹ còn tội lỗi hơn Sài Gòn, vì vậy con nhớ phải tốt. Như các cán bộ nói, người cách mạng phải sống văn minh, mạnh khỏe và đứng đắn! Ở đây ai cũng nhớ con và thường nghĩ về con. Má bảo con phải chăm sóc bản thân và ba cũng vậy. Ba của con.

Sau khi đọc xong lần thứ hai, anh gấp lá thư và nhét lại vào bao thư. Nó nằm trơ trên bàn nước. Anh bồn chồn đứng dậy, bước về phía cửa sổ kính vòng, nhìn xuống phố và hai bên đường, vào giờ này ban đêm rất vắng lặng. Ánh đèn trong phòng biến cửa sổ thành một tấm gương, hắt bóng anh xuống cảnh vật bên ngoài. Khi anh giơ tay lên, bóng anh cũng giơ tay; khi anh sờ mặt mình, bóng anh cũng làm như vậy; và khi anh miết theo những đường vòng trên má và quanh quai hàm, cái bóng làm y như thế. Vậy thì tại sao anh không nhận ra chính mình? Tại sao anh lại nhìn xuyên ngay qua chính mình và vào phố đêm đen bên ngoài?

Những giọt mưa trên kính điểm lốm đốm bóng gương mặt anh. Anh đứng vài phút bên cửa sổ ngoằn ngoèo nước cho đến khi nhìn thấy dấu hiệu của sự sống. Hai người đàn ông rảo bước xuống phố, vai họ đôi khi chạm vào nhau, tay đút sâu trong túi áo khoác. Đầu họ cúi thấp để tránh mưa, nghiêng nghiêng về phía nhau để nghe xem người kia nói gì. Mặc dù họ bị mưa ướt, vẫn có điều gì đó gần như là hạnh phúc trong cách họ bước đi, như thể họ vui sướng được ở ngoài đường, trong không khí ẩm ướt và lạnh lẽo. Đã có thời anh hẳn sẽ nghĩ họ chỉ là hai người bạn mà thôi. Giờ thì anh nghĩ họ rất có thể là tình nhân.

Khi họ đi qua dưới ngọn đèn đường, một người nói điều gì đó khiến người kia phá lên cười, đầu hơi ngửa về phía sau, khiến gương mặt không có gì đặc biệt của anh ta được soi sáng trong giây lát. Ánh mắt của anh ta bắt gặp Liêm trong khoảnh khắc đó. Liêm nhận ra rằng ánh đèn trong phòng khách chiếu qua cửa sổ sẽ làm người dưới phố dễ dàng thấy anh. Anh tự hỏi không hiểu dáng vẻ mình thuộc kiểu nào, một gã trai ngực trần tóc bóng, tay chống nạnh, vì người đàn ông kia bỗng giơ tay như thể vẫy chào anh. Người bạn đồng hành của anh ta cũng nhìn lên cửa sổ. Liêm vẫy tay đáp lại; trong giờ khắc ấy, chỉ có ba người bọn họ chia hưởng một trong những giây phút phù du của tình bằng hữu thường xảy ra giữa những người xa lạ nơi một thành phố lớn. Rồi họ đi qua. Rất lâu sau khi họ đã biến vào bóng đêm, anh vẫn còn đứng chống tay lên cửa sổ, lặng nhìn màn đêm và tự hỏi không biết liệu có ai, nấp sau cửa chớp và rèm vải, cũng đang xem.

Bạn

phạm thị ngọc

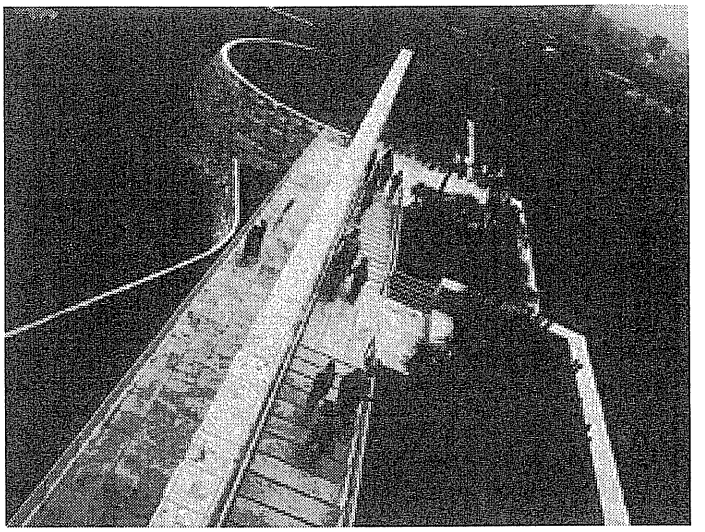

Ảnh Đặng Thơ Thơ

Gần một thập niên sau ngày họ gặp lần chót, Yến lại nhận được điện thoại của Judith vào một tối cuối tuần. Giọng nói Judith vẫn vang vang như thuở xưa, để Yến mường tượng ra một con người chưa chịu để thời gian ảnh hưởng. Yến mừng, nhưng không ngạc nhiên, vì đây chẳng phải là lần đầu Judith lại đột ngột lên tiếng sau nhiều năm im bặt. Judith kể lể chị đã mất sáu năm trời tìm Yến. Yến cười, thì những thay đổi đã xảy ra trong bốn năm Judith không tìm, và thật sự thì Yến đã chưa hề đi đâu trong suốt thời gian họ mất liên lạc, đã gọi tìm Judith khắp nơi kể từ ngày Judith ngang nhiên bỏ việc về ở với mẹ. Yến nhớ, lần cuối cùng họ gặp nhau là lúc Judith đang tơi bời trong một cuộc ly dị không êm thấm. Lọt vào đâu đó chính giữa là lần Judith gọi cho Yến ở sở làm, kể mẹ chị đang phải chữa trị ung thư vú, còn Yến thì kể bố chị vừa trở thành một con số tử vong cho chứng ung thư phổi. Judith yên lặng, như không tìm ra lời, rồi ngập ngừng chia buồn, rồi từ đó bặt tin. Gần thập niên sau, đôi bạn lại tìm ra nhau, để ôn lại từng dấu mốc thời gian, dù họ không chính xác lắm.

Giọng nói Judith vẫn không thay đổi, trong vắt như thuở mười ba, rõ mồn một, chói và lạnh, giữa giờ khuya. Yến hỏi thăm về bà Lemoine, mẹ Judith, dù rất sợ mình phải nghe một tin buồn. Nhưng Judith trả lời mẹ chị vẫn thường.

"Mẹ muốn tao về nhà," Judith nói, rồi thở dài, như có điều ray rứt trong lương tâm. "Bả nghĩ tao có bổn phận phải lẩn quẩn bên bả mãi."

"Vậy bây giờ mày đang ở đâu?"

"Utah."

"Utah? Tại sao lại tận Utah?"

Judith trả lời tại việc làm đưa đẩy. Chị không chọn ở Utah, nhưng cuối cùng cũng đã ở đó nhiều năm rồi. Judith nói Utah buồn, nhưng không khí chưa bị ô nhiễm, và ở đó chị vẫn có thể đạp xe đạp đi làm.

"Nhưng Utah là một trong những con voi béo nhất trong bản đồ chính trị cho bọn trắng cực đoan." Yến trêu.

"Đúng đó Yến, trắng thì ở đây thật là trắng. Còn chính trị thì tao đã đăng ký vào đảng Cộng Hòa từ năm mười bảy."

Yến phì cười, "điều đó tao chưa hề được biết, bận rộn như mày thuở xưa. Cho tao hỏi, vậy

bây giờ mày là vợ thứ mấy trong cộng đồng Utah đa thê?"

"Thứ bảy, Yến ạ. Số bảy là số hên."

Họ cười với nhau, giọng cười Judith hề hề, cười từ bụng. Giọng cười ấy ngày xưa cũng khanh khách mỗi lần đứa con gái đó trêu Yến, túm và ôm lấy đầu Yến và bảo nó đang nặn mụn black-head. Judith bảo giọng nói Yến vẫn vậy, có điều không còn ngọng như ngày xưa.

"Cám ơn mày đã so sánh tao với ba mươi năm trước."

"Mày nói sheet cake một lần nữa đi." Judith nói.

Yến nói "shit cake."

"Giỏi. Nhưng giọng mày nói chuyện sao giống Emily Dickinson quá."

"Đó là nãy giờ tao chưa nói gì hết?" Nhưng Yến cũng xin lỗi, rồi hướng câu chuyện về những cái tên thuở trước, những mối dan díu qua đêm của Judith với những Richard, Bobby, Douglas, vân vân. Judith gợi ý cho Yến về vài người bạn Việt của họ ngày xưa.

"Mày còn liên lạc với Trúc không?"

"Trúc dường như không muốn liên lạc. Những người không muốn góp mặt thì đừng tìm họ."

"Còn Tuấn?"

Tuấn. Yến biết trước Judith sẽ nhắc đến Tuấn. Không lần nào Judith gọi, dù mỗi lần gọi cách nhau ngần ấy năm, mà Judith không nhắc đến Tuấn, như chỉ để khiêu khích. Mấy mươi năm rồi khiêu khích thì có thay đổi được gì. Yến cảm thấy muốn trả lời một câu khó chịu, hoặc gác ngay điện thoại.

Yến không khỏi cảm thấy bị khiêu khích vì đây dường như đã là tính bẩm sinh của Judith, chọc vào nhược điểm của người khác chỉ mục đích mời sự chú ý về mình. Judith lần đầu tiên Yến để ý đã bước vào lớp vạn vật năm mười bốn tuổi bằng câu chào "heil Hitler" với bà giáo viên già gốc Ukraine nổi tiếng khó tính. Lần ấy Judith lãnh giấy vào gặp hiệu trưởng lần thứ nhất, và lần thứ nhì là khi nó hiên ngang gọi thầy toán bằng tên cúng cơm, Ralphie, một điều thầy tối kỵ. Năm mười bốn là năm để những đứa học trò mới mẻ xác nhận vị trí của mình trong một cộng đồng học sinh trung học độc ác. Bước vào lớp có Judith là trước tiên bước vào một chiến trường trong đó sẽ có những sỉ vả vèo vèo bay giữa Judith và bọn con trai, không tục tĩu nhưng dữ dằn đến nỗi mất đi hết nét hài hước. Độc ác và dữ dằn để tồn tại, Yến đã nghĩ về Judith như thế khi mười bốn tuổi Judith nhại Yến phát âm Taco Bell bằng âm A dài, giữa phòng ăn đông học trò đồng lứa. Đứa thì cười đứa thì nhìn Yến thương hại, nhưng Yến đã không nghĩ mình sai như thế, và cũng không giận, không cải chính, tỉnh bơ như Judith chỉ là kẻ muốn sự chú ý, dù nhiều khi với giá một tình bạn. Judith ví xe của Arnette là chiếc bat mobile, và khi gọi luôn Arnette da đen bằng chữ nigger sỉ nhục thì họ trở nên thù hận. Yến không giận, vì bất cứ bất mãn nào Judith mang trong lòng, bộc phát qua hành động khiêu khích người khác, thì thật ra cũng chẳng có ai để ý mà tìm hiểu.

Thật ra, Yến không có vị thế nào để giận. Trong một thế giới trung học được chia thành những thái cực của kẻ đẹp và kẻ xấu, của kẻ được chú ý và kẻ bị lãng quên ngay từ ngày đầu, Yến hoàn toàn lạc lõng, bơ vơ giữa một thế giới học đường mới mẻ, trong một đất nước mới mẻ. Nếu thuở trung học là một giai đoạn cực kỳ khó khăn cho những đứa trẻ mới lớn bình thường, thì đối với riêng Yến đó là một giai đoạn chỉ có thể nổi hoặc chìm đắm. Mỗi buổi sáng, khi bước ra từ chiếc bus học đường, bước vào khuôn viên trường, Yến chỉ có một lựa chọn là chạy trốn vào thư viện để trốn đám đông, trốn vị trí không mấy khả quan của mình trong thế giới đó để đừng chìm đắm. Ý nghĩ trốn học đến thường trực, nhưng ngay cả một người bạn để cùng lang thang Yến cũng không tìm ra. Ngồi một mình trong thư viện những buổi sáng sớm, nhìn ra cửa sổ đón bóng dáng những khuôn mặt quen thuộc hơn, Yến dần cảm thấy nỗi lạc lõng ngày càng lớn ra ngoài khả năng khỏa lấp của sách vở. Judith có mẹ đưa đến tận trường, nhưng thường là đến muộn. Những hôm đến sớm, Judith chỉ vào thư viện tìm Yến khi nó cần bài vở của ngày hôm trước nó đã thiếu vì vắng mặt. Từ chỗ đang ngồi Yến quan sát dáng Judith bước đi, từng bước nhịp nhàng thoăn thoắt, mái tóc dài gờn gợn xỏa xuống ngang vai, trông từa tựa như một nữ nhân trong thi ca cổ kính thời Lãng Mạn. Judith thoăn thoắt bước vào thư viện, mái tóc nhún nhảy theo từng nhịp bước, để Yến sẽ chào:

"Hello, Snoopy."

Để Judith sẽ cười, rồi chỉ ra ngoài khung cửa, nói, "Coi kìa, the brain cũng vừa đến."

Trúc mặc jeans, Yến còn thấy loáng thoáng từ xa hai bên đùi bạc thếch. Tóc Trúc cũng dài, nhưng thẳng mượt, dắt vào bên trong chiếc áo lạnh bồm xồm bông chính bố Trúc đã may. Một tay ôm sách, tay kia Trúc nắm mớ giấy mùi-xoa lúc nào

cũng ướt nước mắt nước mũi của cơn dị ứng kinh niên. Cũ kỹ và kỳ dị như thế, Trúc xem ra vẫn hợp thời hơn Yến. Con gái mười bốn, cũ kỹ và kỳ dị như họ có muốn quên đi thân phận cũng khó hơn giải đáp một phương trình toán học. Nhưng Yến tự nghĩ mình nhạy cảm với thân phận hơn Trúc. Trúc đầy đủ hơn, nên tự tin hơn. Đối với Yến, có một người bạn để nói tiếng Việt đã là điều sung sướng lắm.

Trúc thong thả bước đều qua sân cỏ, đôi vai co ro làm cho sống lưng trông như gù. Nét mặt Trúc bao giờ cũng ưu tư về một điều gì ngoài thế giới. Những phương trình toán học, những câu hỏi vật lý. Trúc vào thư viện gặp Yến, thường mở sách tự học tiếng La Tinh, sửa soạn trước cho một tương lai hàn lâm. Trúc nói, tiếng La Tinh là nguồn gốc của các ngôn ngữ Âu Mỹ.

Judith nói có lẽ vì vậy mà nhiều khi nó nghe như Trúc đang nói tiếng La Tinh.

Năm đầu trung học, cô giáo Anh văn ra đề tiểu luận: viết về kinh nghiệm đau buồn nhất đời của em. Yến đoán cô giáo đang muốn tìm hiểu tâm lý học trò, đặc biệt là những khuôn mặt lạ vừa đến đây từ nửa vòng bên kia trái đất. Cô Naomi trẻ đẹp nhất trong đoàn giáo viên, con gái của một ông chủ tiệm vàng nổi tiếng thành phố, phục sức cầu kỳ, lúc lắc đầy vòng vàng tay và tai khiến người nhìn cô rất thích mắt. Trúc viết về kinh nghiệm di tản, còn Yến thì dù đã đủ giàu nhưng chưa sẵn sàng để chia xẻ nỗi đau.

Kinh nghiệm đau buồn nhất đời? Khi John Travolta từ giã tiết mục tivi hàng tuần Welcome Back, Kotter.

"Gia đình Tuấn không thích Vinnie Barbarino," Tuấn nói. Năm ấy, Tuấn mười ba, Yến mười hai, và họ vừa đến Mỹ. Trời bên ngoài hội trường lạnh căm, nhưng những đứa trẻ háo hức với những câu chuyện thì không bao giờ biết lạnh.

"Ừ, khó quen như hamburger vậy đó. Nhưng quen rồi thì thấy ngon. Xem Travolta hoài sẽ thích."

"Không phải vậy," Tuấn lắc đầu. Mái tóc Tuấn bù xù, cằm chẻ, miệng cười dễ dãi. Yến thích nghĩ Tuấn hao hao giống John Travolta. Nếu Tuấn mặc áo lạnh bằng da thì chắc trông cũng du côn lắm. "Yến không hiểu đâu. Khó giải thích."

Vừa đến Mỹ, những đứa trẻ bỗng nhiên phải giải thích rất nhiều. Giải thích sự có mặt của họ tại đây, giải thích về cuộc chiến, về những hình ảnh chiến tranh thảm khốc. Lớn lên, nhìn lại thảm kịch và đổ nát của chính cuộc đời mình, những đứa trẻ khi xưa bây giờ đứng tuổi nhận ra rằng giải thích gia đình mình vẫn là điều khó khăn nhất.

Gần một chục đứa trẻ đồng tuổi rủ nhau chạy lên đỉnh đồi bên cạnh hội trường nhà thờ, để người lớn ở lại với những ưu tư của họ. Người bản xứ đã đem đến đó những thùng quần áo cũ to lớn. Lũ trẻ đổ quần áo ra đất, lôi những chiếc thùng không ra ngoài. Từ trên đỉnh đồi, chúng sẽ trượt xuống trong những chiếc thùng giấy. Từ trên đỉnh đồi, Tuấn đẩy Yến xuống. Yến trượt xuống vùn vụt, gió lạnh tạt ngược như cắt da mặt. Những trận cười chữa trị đã vang lên ở đấy.

Mỗi cuộc gặp mặt của cộng đồng tha hương diễn ra cách tuần. Sang xuân, trò chơi cũ thưa dần. Có hôm Yến nói:

"Lớn lên, Trúc muốn làm một physician."

"Để khỏi hoài công bố mẹ đem sang đây? Physician là gì?" Tuấn hỏi.

"Là y sĩ đó."

"Sao Trúc không nói doctor cho rồi."

"Có lẽ Trúc không hiểu doctor là gì."

"Yến muốn làm gì?"

"Yến muốn làm cô giáo. Còn Tuấn?"

"Tuấn muốn đi bụi đời."

Tuấn trả lời không đắn đo suy nghĩ. Tuấn hay đùa nhưng Yến chợt chùng lòng. Như nghe điệu nhạc đệm Welcome Back, Kotter chỉ làm Yến thấy nỗi hoang vu.

"Đứa con trai nào cũng muốn đi bụi đời. Mẹ Tuấn sẽ buồn chết."

Mẹ Tuấn, một người đàn bà nhỏ người, phấn son, giọng nói lanh lảnh điều khiển. Có hôm cả hội trường chứng kiến bà mắng một người đàn bà đồng hương, "Đừng bốc tay vào thức ăn! Có người Mỹ ở đây bà đừng làm chúng tôi xấu hổ!"

"Mẹ Tuấn sẽ mắng: mày đừng làm tao xấu hổ," Yến nhại giọng người đàn bà mẹ Tuấn.

Chiều Chủ Nhật đầu xuân nắng muộn hơn. Yến lướt mắt lên da thịt Tuấn mịn màng, vàng dòn trong nắng như vỏ mơ.

Những cuộc gặp gỡ cách tuần rồi cũng dần thưa. Rồi Yến không thấy Tuấn ở nhà thờ. Thứ hai đầu tuần đi học Yến cảm thấy hình như mình nhớ bạn. Sáng thứ hai ngồi từ ghế thư viện nhìn ra ngoài ngắm gió thổi tung những hạt bụi đời, Yến mệt mỏi ngóng chờ Trúc và Judith, có nhiều lúc ngồi ngủ bù chờ đợi những kẻ thất thường cũng chẳng khác gì chờ chuông reo.

Cũng có nhiều khi Yến lấy giấy bút viết thư cho bố còn ở lại Việt Nam.

"Con ở đây đến bao giờ," Yến viết. "Bao giờ thì hồi hương. Bao giờ thì đoàn tụ một gia đình không còn nguyên vẹn nữa."

Judith đốt những điếu thuốc lá đầu đời năm mười lăm tuổi, lén lút trong nhà cầu trường, vào giờ ra chơi. Yến quan sát nét dịu khoái trên nét mặt Judith khi nó kéo hơi thuốc dài, nuốt khói. Chất nicotine ngấm nhanh chóng vào máu, lan lên óc làm dịu xuống những bứt rứt, bực dọc.

"Bố tao mới bỏ đi rồi," Judith kể với Yến năm họ mười lăm tuổi, trong nhà cầu, khi Judith kéo những ngụm thuốc vội vã rồi vứt mẩu đầu lọc vào cầu tiêu, cứ như màn khói lãng đãng và mùi thuốc lá sặc sụa ấy sẽ không đủ làm bằng chứng cho giám thị rằng nó đang lén hút thuốc. Yến đứng tựa bồn rửa mặt, nhìn Judith vặn nước súc miệng. Không hiểu vì điếu thuốc hút vội vàng, hay vì sự xúc động mà đôi môi và những ngón tay của nó run lẩy bẩy, đôi chân dặm những bước không yên qua lại trong khu vệ sinh.

"Đi như thế nào?" Yến hỏi.

"Không biết. Chắc đi ban đêm. Tao chỉ biết ông đã vắng mặt vào bữa sáng."

"Mẹ mày giải thích thế nào?"

"Bả giải thích, lớn lên tao sẽ hiểu, rằng đến một lúc nào đó họ không thể kéo dài hơn những ngày tháng không hạnh phúc."

Hai đứa rơi vào sự lặng thinh. Một thoáng sau, Judith vỏn vẹn buông thõng, "fuck them," rồi chúng chạy nhón gót ra khỏi khu nhà cầu, chạy ngoặt vào các nẻo hành lang, chạy trước tiếng giầy của hiệu trưởng đang gõ đều trên nền gạch.

Bố Judith sau khi bước sang nẻo ngoặt đời ông đã gửi đơn ly dị về sau đó không lâu. Ông trở về quê quán ngày chưa lập gia đình, bổn phận với những đứa con, ít nhất là qua sự hiện diện của mình, đến đó đã đủ. Mỗi tháng một lần ông về thăm vợ cũ, đem bốn người anh của Judith đi săn. Judith thì Giáng Sinh ở với mẹ, tân niên ở với bố, những ngày lễ quanh năm chia đồng đều giữa hai bên. Khi hai anh lớn của Judith cũng theo nhau ra đi để tự lập, trong căn nhà gạch trắng rộng trải đó chỉ còn lại bà Lemoine và ba đứa con còn vị thành niên, Patrick, Nathan, và Judith. Mấy lần Yến đến rủ Judith đi ciné, Patrick đầu óc chậm chạp nói năng ú ớ tay chân quờ quạng nhảy ra ôm chầm lấy Yến, còn Nathan ẩn vào phòng riêng. Bà Lemoine, thân hình nặng nề phục phịch trong chiếc áo thung rộng khổ, hút thuốc lá liên tục. Làn khói phủ quanh khuôn mặt hằn nếp gấp của tuổi tác, bay lên chậm rãi rồi đậu xuống trên mái tóc hung đỏ khô và thưa, lấm chấm trên đó những mảng hở chân tóc đã bạc trắng.

Mẹ Judith luôn niềm nở với Yến. Bao giờ cũng thế, khi hai đứa đã ra xe bà còn chạy theo căn dặn đủ điều, và cuối cùng là một lời xin xỏ.

"Judith, để lại cho mẹ một vài đồng mua thuốc lá."

Judith đưa tiền cho mẹ nhưng không nén được sự bực dọc, đóng mạnh cửa xe rồi nhấn chân ga.

"Từ ngày lấy chồng bả chỉ ở nhà nuôi con. Bây giờ chồng bỏ bả không biết làm gì ra tiền. Tao hận bố tao."

Để kiếm tiền một cách dễ dàng nhất, bà Lemoine cho thuê phòng trong căn nhà thừa chỗ đó. Keith, người đàn ông ngoài hai mươi, đã trả lời rao vặt phòng cho thuê của bà Lemoine. Có một người đàn ông đáng tuổi anh trai quanh quẩn để thấy an toàn, tối ngủ không phập phồng lo âu, Judith nói. Yến không thể tả với Judith rằng trong cảnh sống của Yến, hoàn cảnh của Yến, nhiều lần trong mơ Yến thấy một người đàn ông đội mũ lên đầu, mở cửa, và bước ra đi. Như thế, lập đi lập lại, một người đàn ông đội mũ lên đầu, mở cửa, rồi bước ra đi. Rất nhẹ nhàng, trong mơ.

Yến không đến chơi với Judith nữa từ lúc có Keith bước vào bối cảnh này. Và cũng từ lúc có Keith bước vào bối cảnh này, Judith cũng vắng mặt trường lớp thường xuyên hơn, tận dụng tối đa số ngày được vắng mặt mà không rớt năm học. Ngày nào Judith đi học ngày đó nó mệt mỏi, mượn chép lại của Yến bài giảng ngày hôm trước. Những khi thi cử, Judith dặn Yến giúp nó thi gian để thi đậu. Một hôm, thò tay vào xách tay Judith mượn bút, Yến khám phá vỉ thuốc ngừa thai.

Năm lớp mười một, Judith đi prom với Keith. Dẫn một người đàn ông nhiều tuổi hơn mình đi prom là một chuyện lớn để khoe. Nhưng đến năm Judith ra trường trung học, Keith đã biến mất. Mùa hè, vài hôm sau ngày ra trường, Judith gọi cho Yến để báo tin về Nathan. Nathan, người chưa hề hoàn tất trung học như em gái, tinh thần thường xuyên chòng chành từ đỉnh cao xuống vực sâu, cuối cùng rồi không còn muốn có liên can gì với thế giới nữa, đã dùng súng thường đi săn với bố tự sát bằng phát súng bắn xuyên qua cổ họng.

Trong bọn họ thì Trúc có lẽ đến từ một gia đình lành lặn nhất. Gia đình Trúc đông chị em gái, những thiếu nữ xinh đẹp hát hay và hay hát đã thu hút nhiều nam nhân đến nhà thờ. Vào những năm tháng xa xôi ấy họ chưa chồng, quy tụ vào dưới căn nhà nhỏ đơn giản thẳng đuột mà về sau

bố Trúc đã xây thêm một gian ngoài làm phòng tiếp khách, một thứ tiền sảnh, để tăng góc cạnh cho kiến trúc thêm tí cầu kỳ. Những lần Yến đến nhà Trúc, gia đình đông con gái ấy vắng bặt âm thanh, một không khí cô đọng ngột ngạt bao trùm gian tiền sảnh. Yến đứng vài bước từ ngưỡng cửa nhìn qua bên kia tấm rèm, nói câu chào bác ạ với bố của Trúc đang ở trong phòng ăn, lúi húi với một công trình may vá, hoặc một công trình máy móc nào đó của ông. Bao giờ cũng thế, hình như chỉ bằng một sự hiện diện của ông ở nhà ngoài, vợ con sẽ biến đi đâu hết. Ông mặc may-ô ba lỗ, dắt vào chiếc quần tây cạp kéo lên cao quá bụng, thắt lưng cẩn thận. Trên cổ ông đeo dây áo Đức Bà. Ông ngước lên, ánh mắt qua cặp kính treo trễ trên sống mũi xác nhận sự có mặt của Yến, nhưng không nói với Yến lời nào ngoài câu gọi Trúc ơi khàn đục. Và Trúc sẽ sàng bước ra từ dãy hành lang bên trong, mặt ngái ngủ, chưa hề sửa soạn cho công việc giữa họ đã hẹn trước.

Mẹ Trúc cũng từ một nơi nào đó vén màn bước ra, đôi bàn tay ánh lên lớp ướt át của bếp núc. Tóc bà búi tó. Cần cổ nơi tuyến giáp trạng hơi sưng ở chỗ cúc cổ áo bà ba. Mẹ Trúc cũng mặc dây áo Đức Bà, để Yến nhận ra sự hao hao đồng dạng, đồng hóa của đôi vợ chồng lâu năm. Những chiếc áo Đức Bà ấy, trong những giây phút gần nhau họ có cởi ra không. Yến lúng túng xua đuổi ý nghĩ hỗn láo, để mẹ Trúc cười, xoa tay vào nhau, hỏi Yến đấy à, mẹ cháu có khoẻ không. Yến trả lời, dạ khoẻ ạ. Bà lại hỏi, thế mẹ cháu có cần bác trai đến giúp điều gì không. Yến trả lời, dạ cháu không biết ạ. Không còn gì hỏi thêm, bà bảo, nhắc mẹ cháu cuối tuần hai bác sẽ đến đi họp cộng đồng nhé, cho vui.

Trên bốn vách tường, những văn bằng ban khen công trạng học hành trí tuệ của chị em Trúc che kín. Yến có thể đứng ngắm hàng giờ vẫn chưa hết. Bố Trúc hẳn phải hãnh diện vì đàn con. So sánh vào đấy thì nhà Yến chỉ vỏn vẹn trên tường một tấm khung duy nhất lồng hình của bố Yến, như họ không thiết tha đến điều gì khác ngoài người vắng mặt.

Trong sự lượng định của nhiều người, Trúc không đồng lứa với những kẻ đồng tuổi. Cùng lớp nhưng Trúc thuộc về một trình độ cao hơn, với những câu hỏi về những vấn đề chứng tỏ sự suy nghĩ đã đi trước người khác nhiều bước. Những câu hỏi ít khi Trúc xung phong, chỉ được nêu lên khi giáo viên mời, và thỉnh thoảng khi có giáo viên nào đó thay vì trả lời thì lại phê bình Trúc đã đi trước lớp thì Trúc chỉ cười trừ nhút nhát rồi lặng yên.

Nhưng trên bốn bức tường gia đình tuyên dương công trạng đã không có cái gì mang tên Trúc. Có lần Yến hỏi, Trúc cũng chỉ cười trừ.

"Đó chỉ là bố Trúc thôi. Trúc đâu có gì. Mười lăm tuổi những thứ đó chẳng có ý nghĩa gì."

Cuối năm học mười lăm tuổi, giải học sinh khoa học xuất sắc nhất lại về một học sinh Mỹ tầm thường nhưng được giáo viên ưa chuộng. Vẫn một thái độ xem nhẹ khoa bảng, Trúc không khiếu nại. Yến thấy tự thẹn về giải thưởng của chính mình. Đi với Judith ra về ngày cuối năm, Yến vứt nó vào thùng rác.

Mười bảy tuổi Trúc trả lời lại sự tầm thường thiển cận của nhà trường bằng thư nhận Trúc vào năm đầu của đại học. Nhưng cũng trong năm ấy một sự việc nhỏ đã xảy ra gây ngạc nhiên cho những ai đã biết. Mười bảy tuổi Trúc lên đại học, thoát được phần nào sự gò bó của giờ giấc và sự kiểm soát của người lớn. Một hôm mẹ Trúc điện thoại cho Yến tìm Trúc, và Yến trong lúc bất ngờ không biết nhanh trí để nói dối, ấp úng mập mờ không ra câu, rồi đẩy ngay điện thoại sang cho mẹ. Về sau, qua những câu chuyện giữa hai người mẹ, Yến biết mẹ Trúc qua những hơi mùi lạ lùng trong giỏ quần áo của con gái, qua những thay đổi áo quần thất thường giữa những lúc đi lúc về, qua những chiếc xiêm y kỳ lạ, đã tra hỏi con gái để rồi cuối cùng thì Trúc vỡ khóc, thú nhận những lần hẹn hò với bạn trai. Những buổi chiều Trúc nói đón xe buýt thành phố đi học là những buổi chiều bước vào xe bạn trai đã chờ đầu đường.

Như thế, Trúc đã đến trước Yến, đã trưởng thành hơn Yến về một khía cạnh rất người. Mối tình đầu luôn làm trưởng thành con người, dù đã bị công khai hóa ngoài ý muốn. Những buổi chiều mười bảy tuổi, khi Trúc đã biết hẹn hò với bạn trai, Yến vẫn chỉ biết rơi vào giấc ngủ ngắn sau ngày học, rồi tỉnh dậy bắt gặp một màu trời tím, không rõ màu của buổi chiều đang chết hay là màu buổi sáng sớm hôm sau. Tính hủy diệt của thời gian như muốn dìm Yến chìm đắm, trong một khoảnh khắc không có cơ hội nào cho hạnh phúc.

Ngày Yến bước vào đại học, một lần đi ngang thư viện, Yến thấy Trúc và bạn trai ngồi giữa sân cỏ ngập nắng. Thế giới của họ là thế giới thu hẹp của đôi tình nhân chỉ nhìn thấy nhau giữa muôn người. Đức cắt móng tay cho Trúc, đôi bàn tay đã thôi không nắm giấy mùi-xoa chùi mũi. Tình yêu đã chữa lành cơn dị ứng của Trúc. Tình quá, Yến

trêu Trúc như thế, và bắt được nét ngượng ngùng trong nụ cười của Trúc.

Cuối khóa học, mùa đông, Yến hẹn Trúc giữa một chiều trong mùa thi cử. Trong một góc quán cà phê vắng, nhìn ra một con đường vắng, Yến ngồi với Trúc, không biết rằng lần ấy sẽ là lần sau cùng. Chân tóc Trúc vẫn còn rịn mồ hôi đổ ra từ lớp học khiêu vũ trước đó. Hẹn Trúc để Yến nói từ giã.

"Yến sẽ đổi trường, Trúc ạ."

"Yến đi chuyển thành mộng lớn?"

Yến cười.

"Ai bảo Trúc thế. Không phải. Trúc chỉ bỏ một nơi chốn khi đã thất bại ở đó. Yến rối tinh thần, không giữ gì được lâu trong tay, không tha thiết vào đâu để bám víu."

"Trúc không hiểu."

"Bởi vậy Trúc không thấy mỗi lần Yến nói gì Đức cũng cười lăn."

"Đức giản dị, như Trúc vậy."

"Sang năm, Yến không còn ở đây. Yến chỉ muốn Trúc biết lúc nào Yến cũng nghĩ về Trúc như một mẫu người cho Yến bắt chước. Bao giờ vào trường y Trúc phải cho Yến biết để Yến khao tiệc ăn mừng."

"Yến ơi, Yến đã nhìn sai mẫu người. Y khoa không còn kêu gọi Trúc nữa."

"Vậy à. Vậy giờ đây điều gì đang kêu gọi Trúc?"

Trúc không nói. Một lúc, hiểu lời Yến theo ý riêng, Trúc có câu trả lời rất thích hợp:

"Những gì kêu gọi Trúc thì không xứng đáng với Yến đâu."

Họ đánh mất tình bạn từ đấy. Nhiều năm sau, Yến đau lòng mà kết luận rằng cả hai đều đã nhìn quá sai con người của nhau. Nhiều năm sau, cũng vẫn qua câu chuyện giữa hai người mẹ, Yến biết Trúc đã tốt nghiệp, và cũng đi xa, như thể đoạn tuyệt, ngay sau ngày đó. Nhưng ngày xưa theo đuổi kiến thức miệt mài thế nào thì giờ đây cũng cùng mức miệt mài đó Trúc theo đuổi khiêu vũ. Một con người tự do và độc lập miệt mài theo đuổi đam mê để giữa những đam mê Trúc đã tìm thấy tình yêu thật. Một hôm Trúc đưa về người đàn ông mình yêu để bố chấp thuận hôn nhân nhưng ông đã từ chối. Trúc chọn nghe lời bố, nhưng thề suốt đời sẽ không lấy chồng. Qua nhiều năm, Trúc giữ lời thề đó.

Khi bố Trúc qua đời sau một thời gian hôn mê, người ta đồn rằng không có Trúc trong đám tang.

Năm Yến bốn mươi tuổi chị được gặp lại mẹ Trúc. Bà khỏe mạnh hơn mẹ Yến. Cái chết của người chồng vào khi bà còn đủ sức để chống lại sầu khổ không làm bà xuống dốc nhanh như mẹ Yến. Bà nói Trúc cũng vừa kết hôn, năm bốn mươi tuổi, với một người đàn ông da trắng. Hôn lễ xong, họ đã lánh đi rất xa.

Một lần Yến đi chơi khuya với Judith, mười bảy tuổi đi mừng buổi liên hoan liên trường vào một ngày tất niên, Tuấn đã xuất hiện để một nỗi ước mơ nhỏ nào của Yến đã thỏa. Thằng bé mười ba lớn vào tuổi mười tám với nét phong trần non nớt. Tuấn vẫn cười dễ dãi, như trí nhớ vừa trở về triền đồi của thuở mười ba. Judith hỏi ai vậy, rồi cười cười bỏ đi. Yến cũng chen chân với Tuấn vào giữa vòng học trò vây quanh lửa bonfire liên hoan bừng cháy. Họ nói với nhau những gì Yến không nhớ rõ, nhưng Yến biết những lần gặp Tuấn thời gian bao giờ cũng mang ý nghĩa riêng, và năm nay không còn như năm xưa. Chẳng biết nói gì, Yến nói một câu đại khái.

"Mình lớn rồi, người ta gọi là trưởng thành. Sự trưởng thành của Tuấn và sự thành công của gia đình Tuấn có làm Tuấn quên mất niềm vui trong những điều giản dị? Tuấn ra trường rồi sẽ làm gì."

"Trưởng thành thì không bao giờ. Thành công thì là của gia đình. Tuấn không thành công. Tuấn là một dị thai."

Tuấn nắm tay Yến tự nhiên. Bàn tay Tuấn mười tám tuổi có những đường gân nổi hằn vất vả.

"Thấy không, Tuấn không có gì trong tay. Tuấn chỉ thở để sống thôi cũng là quá sức."

Tuấn lớn lên nói chuyện như một kẻ thất lạc. Những kẻ thất lạc trong hiện tại, mù tịt về tương lai, thương tiếc một báu vật nào đó đã đánh mất để mãi mãi đi tìm.

Gió cận hè thổi hất khí nóng bừng bừng của mùa và của lửa. Qua gió, Yến nhận ra từ Tuấn một mùi ngòn ngọt, chay cháy của cần sa.

Không lâu sau đó, một buổi sáng mẹ Yến gọi cô dậy.

"Yến ơi, mẹ con Trúc vừa gọi. Thằng Tuấn bị cảnh sát bắt tối hôm qua. Nó đi ăn cướp cây xăng."

Trong một cộng đồng thiểu số gương mẫu tin xấu lan nhanh. Gia đình Tuấn lập tức rao lời từ con.

Judith thì xem đó như một chuyện cười, hỏi sao Yến đã không thể nhìn ra một con người. Tại sao thông minh như Tuấn lại có thể vứt cả cuộc đời đi như thế.

Yến chống đỡ, mày chỉ gặp Tuấn một lần thôi,

làm sao biết nó thông minh, làm sao biết nó ngu si, làm sao để có thể đánh giá về một cuộc đời là hoang phí.

Trải qua vài thập niên, họ chia tay rồi tái ngộ vài lần, những lúc mất liên lạc do sự luân chuyển liên miên của Judith theo quân đội, và theo việc làm bấp bênh sau ngày giải ngũ. Dù cách xa, Yến vẫn được Judith kể về những cuộc phiêu lưu ái tình tạm bợ, những cuộc tình không vững bền, những đam mê biến thành thất vọng. Lần giải ngũ, Judith kể về một sĩ quan Việt Nam Judith đã quen, tên Nguyễn Huy. Huy thích Judith, thư từ quà cáp thường xuyên.

"Huy đẹp trai lắm Yến, và đối xử với tao có trước có sau, khác với đàn ông Mỹ."

"Vậy à," Yến nói, "thế thì đàn ông Việt Nam nhất rồi."

"Huy gửi quà cho tao hoài. Gấu bông và thiệp Valentine. Nhưng..."

Yến chờ Judith ngập ngừng diễn tả điều đi theo chữ nhưng.

"Nhưng Huy..."

"Nhưng Huy là người Việt." Yến nói đỡ cho Judith, và sự im lặng của Judith sau đó là một thú nhận.

"Để tao giới thiệu Huy cho mày."

"Cám ơn mày, nhưng...tao không hợp với Huy."

Ngoài ba mươi tuổi Judith rồi cuối cùng cũng lấy chồng, như nó đã bất ngờ gọi và báo tin Yến như thế. Chồng Judith là một người đàn ông buôn bán đổi chác tiền tệ đi xa thường xuyên và khi về nhà thì nói chuyện liên tục với những đứa con đã có với người vợ trước còn không thì uống hết chai rượu này đến chai rượu kia rồi nằm bất tỉnh trên giường. Brian Utey là một cái tên Yến bao giờ cũng phát âm sai khiến Judith phải vất vả chữa lại. Nhiều lúc Yến muốn hỏi họ Utey ở đâu đến, nghe không gốc gác bằng họ Nguyễn.

Judith lấy chồng hơn một năm thì một tối chị gọi cho Yến và nói vừa mới cãi nhau với Brian ở rạp hát và hắn đã bỏ chị lại ở đó. Yến đến đón, rồi đưa Judith đi ăn, nhưng rồi Judith cũng vẫn phải về với chồng. Ngày hôm sau, Judith dọn về với mẹ, và Yến mất liên lạc với chị từ đó.

Hiện giờ, gần mười năm sau, Judith vẫn là người tìm ra Yến, vẫn là người với những câu hỏi khiêu khích.

"Tuấn bây giờ ra sao?"

Yến biết Judith đã chẳng hỏi nếu đã chẳng hiểu Tuấn giữ một chỗ rất đặc biệt trong lòng Yến. Bất chợt Yến hiểu rằng, bao nhiêu lâu nay Judith tiếp tục khiêu khích vì Yến luôn trốn tránh không trả lời. Hiện giờ, Yến có thể giận dữ trả lời, hoặc có thể gác ngay điện thoại. Nhưng trải qua ngần ấy thời gian, trong bao nhiêu người vẫn chỉ có một mình Judith tìm kiếm Yến, và điều này khiến Yến không thể kết luận rằng Judith chỉ muốn khiêu khích. Có một điều gì thôi thúc, bảo Yến hãy trút bỏ đi những gánh nặng trong lòng, bỏ xuống những gươm đao trong lời nói, bỏ xuống những phòng thủ, bỏ xuống gánh nặng dĩ vãng. Judith, cũng như Yến, chỉ là kẻ đi tìm trong cuộc sống một ý nghĩa nào đó, thì hãy nói lên điều ý nghĩa, cho nhau. Lần đầu tiên Yến trả lời, với cả khả năng tưởng tượng, và một lòng tôn trọng tuyệt đối dành cho Tuấn, cũng như cho Judith.

"Tuấn có vợ, có con, có nhà cửa. Nơi đó chiều chiều hắn ngồi ngắm mặt trời lặn với vợ con," Yến nói, lặng nghe xúc động khuấy lên bên trong, chỉ vì tự nghe mình nhắc đến một cái tên đã từ lâu cất kín. "Còn mày, Judith, bao giờ thì mày trở về với thế giới văn minh."

"Ừ, Utah quả là một thế giới lạc hậu giữa lòng nước Mỹ, Yến ạ. Phụ nữ ra đường vẫn phải mặc váy dài che mắt cá."

"Nhưng toàn trắng mà, phải không?"

"Ừ, nhưng sao tao vẫn cảm thấy lạc lõng như đang ở một đất nước khác."

Yến mường tượng đến những triền núi Utah, và nỗi cô độc lớn hơn núi của Judith. Giọng nói Judith vang vang giữa một không khí hoàn toàn vắng bặt âm thanh ở đầu dây bên kia. Judith kể chị vừa đi bác sĩ hôm qua, nhận giấy chuẩn bệnh tiểu đường. Chị phải bắt đầu tập làm quen với cách ăn uống mới, một chương trình thể thao mới.

Yến biết họ đang đứng trước một chặng đời trong đó họ không còn nhiều cơ hội để đi tìm điều đã mất. Họ chỉ có thể mất, mất nhiều. Chính vì thế Yến sẽ không dễ dàng vứt qua cửa sổ những gì đã được trao cho mình, như ngày trẻ. Yến hẹn Judith một lần tái ngộ, ở thành phố quê quán của Judith khi xưa.

Về đấy, Yến sẽ một mình thăm lại triền đồi bé nhỏ, ngồi đó để nghe dĩ vãng sống lại trong mình, ngồi đó để sửng sốt làm sao mình đã sống, và có sức nào để sống lại từng giai đoạn đó không. Biết đâu, Yến sẽ được khóc, vì dù sao đi nữa, nơi đó đã là nơi dung túng một thời Yến đã từng yêu.

Nhà Cũ

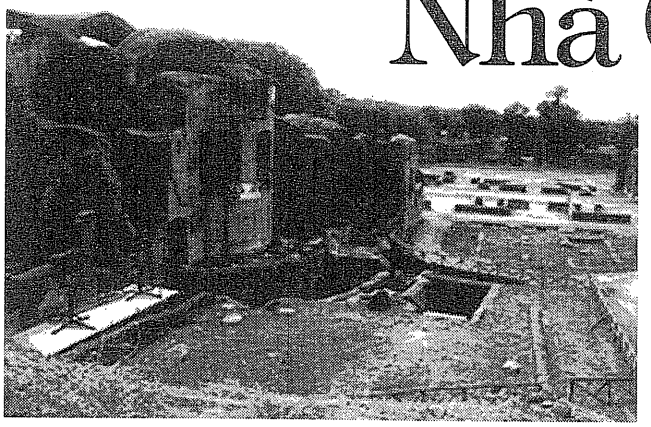

Ảnh Đặng Thơ Thơ

nguyễn danh bằng

Đó là một ngôi nhà ngói lớn. Nó chạy dàn ngang thành ba gian. Nhiều cột vuông chia đều lêu nghêu. Vách gỗ chia giữa các gian, có thể do lúc mới dựng ván còn ướt sau co lại tạo những khoảng hở đều đặn mà bố tôi phải dùng giấy báo dán lên. Ngoằn ngoèo chằng chịt đường mối đùn. Tôi hay cạy vỡ những đường mối đùn ấy cho những con gà nhỏ bắt ăn mấy con mối trắng phềnh. Có lần cả ngôi nhà rúng động, một cột chống phần hông nhà gẫy đổ khục xuống, ngói xô ràn rạt. Bố tôi cậy hết mấy người quen xúm vào bẩy cả phần mái lên rồi lót hòn đá tảng dưới chiếc cột gẫy.

Tôi hay nằm nhìn lên cái mái hình tháp mục nát, ánh nắng rọi thành luồng vàng ong những hạt bụi bay vơ vẩn. Ngôi nhà trống tuềnh trống toàng, ở góc nhà là cái chạn bát tối om, cũ kỹ.

Tôi đã sinh ra trong những năm tháng khó khăn, nghe kể lại thế. Ông bố tôi là một người nghiêm khắc độc đoán. Những bữa cơm chiều thường rất im lặng trong sự cay nghiệt của ông ấy. Cả nhà, anh chị em đông đúc gầy gò chen chúc vừa đập muỗi vừa và những miếng cơm rau, sồn sột soàn soạt. Những bữa cơm như thế rất yên ổn, rất bình dân, rất đức hạnh, nhưng tù túng buồn bã! Tôi là một đứa bé mải chơi, hay nhìn vào những cái bóng của mọi người run rẩy trên vách, hoặc nhìn chằm chằm vào đôi đũa cả trên cái nồi gang khổng lồ đen đặc mun khói đặt gọn gàng trên cái ré tre. Tôi nhìn ông bố tôi cau có, trông ông đầy quyền lực, nhưng mãi lâu lắm sau này tôi mới biết thật ra ông là một người bất an và đa nghi!

Đó là tất cả những gì tôi nhớ được về nơi tôi đã sinh ra. Trí nhớ tôi như một cái xơ mướp với nhiều khoang rỗng trơ xác, mất dấu, mà tôi cũng đã một đôi lần cố bịt trét làm đầy. Trí nhớ hành hạ tôi, xúi bẩy tôi, khiến tôi trở thành một người bất ổn, dằn vặt, tìm kiếm.

*

Khoảng thời gian khi tôi đã có thể nhớ được rõ ràng thì lúc ấy đã lớn. Tôi sống trong đô thị lớn, có văn hóa. Tôi đã làm sao, lang bạt thế nào để đến thành phố này, trời biết. Có dễ đến mươi cuộc dời chuyển. Đời sống ở đây bình lặng và êm ả...

Ngoài đường người ta chào ngắn ngủi vài câu trao đổi về thời tiết:

"Ê chào buổi sáng."

"Chào buổi sáng. Dẫn chó đi bộ hả?"

"Ừ hôm nay khô ráo."

"Thế nhé."

"Chào."

Đại loại thế. Cũng có những câu bàn tán bẩn thỉu đôi khi nhưng nhẹ thôi:

"Ê đừng đến cái nhà hàng đó nữa, đổi chủ rồi, một thằng đầu bếp thối tha!"

"Thế à?"

"Chắc lâu lắm không ra ngoài hả? Có gì mới không?"

"Ừ, bị trật chân."

"Thế à, thôi nhé."

"Chào."

Quán xá ở đây sáng sủa nhưng người ta đến đây không phải để tán gẫu mà để làm việc. Có nhiều buổi sáng cuối tuần mùa đông tôi chẳng có gì làm, ra quán ngồi đọc sách. Một lần tôi vớ đọc cuốn sách nói về những lý thuyết Vật Lý hiện đại. Đấy là lần đầu tôi đọc về lý thuyết không gian thời gian của Einstein. Thời gian có thể co giãn! Nếu chúng ta di chuyển nhanh hơn ánh sáng,

chúng ta có thể đi ngược về quá khứ. Có thể. Nhiều ngày tôi nhìn ra ngoài quán thấy những điều chung quanh mình không hoàn toàn hiện hữu, chúng là những biểu tượng tạm thời.

Tôi ở trong một khu chung cư xuống cấp, giá rẻ, nơi ngụ cư của những người già, thất nghiệp, học sinh, những tay tìm kiếm thể nghiệm. Tôi không lấy làm lạ khi gặp đủ thứ người lôi thôi, bộ dạng kì lạ ở đây. Đối diện phòng tôi có một bà già da đen trồng đủ thứ cây cảnh nhiệt đới trong phòng. Bà trò chuyện quát mắng với cây cối như thể chúng là người. Bà ồn ào một mình ở trong phòng nhưng im lặng ngoài đường. Còn ở góc bên trái gã da trắng gốc Anh suốt ngày đi nhặt rác ở hành lang, gã nhặt từng mẩu giấy nhỏ, cành vụn, thu vén. Gặp ai gã cũng chào hỏi lí nhí, nhưng hay nhìn theo. Tầng trên có những người thanh niên đẹp đẽ nhưng khó hiểu, họ hay biến mất nhiều ngày rồi ồn ào náo nhiệt suốt đêm khi trở về. Thỉnh thoảng tôi chạm trán ở cầu thang máy, thấy họ nhem nhuốc bê bết nhưng ánh mắt vui vẻ hân hoan. Tôi lấy làm lạ! Nhiều lần tôi ngạc nhiên để ý khi mình đã bước ra ở tầng một, họ vẫn ở lại trong thang máy đi tiếp xuống tầng hầm! Đó là một tầng hầm lớn trước đây dùng làm bãi đậu xe, nay hư hỏng, chất đầy rác rưởi, vật dụng hư cũ, không đèn đuốc, toàn chuột bọ.

Một lần không cầm nổi sự tò mò, tôi mon men mò xuống căn hầm xực mùi ẩm mốc. Chẳng có gì. Đồ đạc ngổn ngang, ghế sô pha, bàn gỗ gẫy chân, máy giặt móp méo, quần áo cũ... Giữa núi đồ đạc phế thải ấy tôi nhận ra một lối đi luồn lách qua các chướng ngại. Tôi đi len qua những hàng cột, đi quanh vào một ngách nhỏ. Ngách này là nơi tiếp giáp giữa hai dãy chung cư, một lằn hẹp ánh sáng ở trên cao, đất ở dưới. Mặt đất nhẵn thín với nhiều vết chân đi lại. Tôi đi sâu vào và nhận ra một miệng hầm ăn sâu vào lòng đất. Đúng lúc ấy một con bé bước ra nhem nhuốc, nó nhìn tôi trô trố. Tôi ấp úng:

"Tôi tò mò quá! Chỉ muốn biết qua các bạn làm gì dưới này."

"Tìm kiếm" Giọng con bé rề rề.

"Tìm gì thế?"

"Chẳng biết." Một lúc sau nó nhún vai: " Anh xuống đi." Nó đi trước tôi đi sau. Và như thế, lần ấy tôi khám phá ra thế giới của họ.

Tôi bị cuốn hút và gia nhập ngay vào cái thế giới ấy. Tôi và những người trẻ sống và đi lại trong những tầng hầm đào khắp dưới lòng thành phố. Cuộc đào xới hứng thú lắm, chúng tôi tìm được nhiều vật lạ, cất lại, lau chùi, đem bán ở phiên chợ trời cuối tuần trên phố. Thường những món có thể dùng hoặc trưng bày được dễ bán hơn, những món quá xa lạ và khác biệt bán được giá cao nhưng rất khó bán. Dẫu vậy chúng tôi chẳng kiếm chác được bao nhiêu, thường bọn mua đi bán lại biết đánh bóng, mời chào ở cửa hiệu riêng kiếm chác hơn nhiều. Chúng tôi không quan tâm lắm, cái việc đào bới trong những tầng ngầm tách biệt tối tăm thì kích thích đến kỳ lạ.

Khoảng thời gian đầu tôi đào cần mẫn lắm, khoét rộng nhưng thi thoảng chỉ được những món nhỏ thường thấy: bộ ấm vuông mẻ miệng không hoàn chỉnh, cái khay đèn bằng đồng có chạm khắc hoa văn, con dao bạc cong vòng mất phần nạm ở cán, đại loại thế. Hầu hết tôi không bán được những món ấy, nó đã sẵn đầy ở chợ.

Mãi lâu sau nhờ con bé gặp buổi đầu mách, tôi mới nhận ra mình chỉ đào quanh. Những đứa kinh nghiệm đào về một phía, chúng đào xa lắm, có khi mất biệt, rồi thình lình xuất hiện mang về món bở. Thế là tôi và con bé cùng đào mãi xa vào một hướng, tìm được những món lớn hơn. Những viên đá có khắc hình nổi dáng người cổ nhảy múa, những đồng xu hoen rỉ, cây súng nòng dài mất báng, vân vân.

Một lần tôi mang ra chợ món đặc biệt tìm được. Người ta đứng xúm xít lại coi. Đó là một khối vuông vức màu nâu trong và thẫm. Bên trong có nhiều vệt hình dáng của rơm rạ, một ổ tròn đan như ổ chim, và có vài vết phẩy dáng như chữ viết.

"Thôi phải rồi, đấy là cái lồng đúc để giữ lại được những món trong ấy chứ gì?" Người ta bàn tán.

"Một văn bản cũng nên."

"Nó làm tôi nghĩ đến một cái gì hết sức đặc trưng, hết sức đơn giản về một điều nghiêm túc nào đó"

"Trò nỡm!" Cũng có người bảo.

Cứ thế họ bàn luận giả thiết.

Một người trả tôi món tiền khá rồi mang nó đi. Đám đông tản ra ngay, tôi ngồi trơ lại. Thật tức cười, tôi cảm thấy mất mát.

Một lần tôi khám phá ra cái ngách nhỏ. Đằng sau cái ngách độ chục đứa bé độ bẩy tám tuổi kéo tay tôi chạy thụt vào căn hầm dài hoăm hoắm. Sau một hồi dài đi quanh queo những khoảng đá hẹp chúng dẫn tôi ra bãi phẳng trống đầy tuyết, dòng nước đóng băng, cành cây trĩu xuống những thanh đá dài. Có mấy căn nhà quét vôi trắng, sơ sài nhưng sạch sẽ. Đứng dưới những lùm cây rải

rác đây đó nhiều cặp đang ôm hôn nhau, họ cũng bất động như khối băng. Cái gì đó rất yên bình và thanh khiết. Mãi lâu lắm tôi mới dứt ra mà đi được.

Khi trở về tôi khoét rộng một phần hầm lớn thành hai gian ngăn nắp. Con bé mang dọn vào một ít đồ đạc. Mỗi bận đào được chút gì có được ít tiền, chúng tôi lại mua sắm thêm vật dụng thiết yếu để bày biện. Chúng tôi trữ cả một ít rượu, uống mỗi ngày, nhiều hôm chẳng thiết ra đến ngoài.

Nhưng dù vậy, đêm đêm trong căn hầm hai gian ấy, tôi cứ thấy dường như mình đang rơi xuống một cái hố vuông vắn, mà khi ngước nhìn lên chỉ thấy vách đất cao vút, mãi trên đỉnh thấp thoáng tàn cây của cánh rừng già nguyên thủy. Không hiểu sao tôi cứ nghĩ gia đình tôi ở trên đấy. Có thể họ đang chất những khúc gỗ mới xẻ, có thể bố tôi đang bổ từng nhát búa vào những miếng củi tròn, có thể mẹ tôi đang to tiếng la hoảng anh chị tôi, tất cả vẫn còn là những đứa bé nhem nhuốc bồng bế lẫn nhau, có thể những con heo mọi bụng phệ đang ủi tung một vũng lầy, đất đen đặc và ướt sau những trận mưa rừng nhiệt đới dữ dội, cây đang mọc vượt lên tranh giành sự sống, những sợi dây rừng to lớn cong vòng vắt vẻo đan vào nhau như một bức tường vững chãi hiên ngang. Tôi muốn gọi to lên nhiều lần nhưng điều đó làm cho con bé hoảng sợ! Con bé hỏi:

"Sao thế?"

"Chẳng sao cả." Tôi đáp. Con bé ngoảnh đi tư lự rồi thở dài. Tôi hỏi:

"Sao thế?"

"Chẳng sao cả." Nghĩ sao nó lại nói thêm: "Nhớ ngày còn bé!"

Cả hai chúng tôi ngoảnh đi.

Cũng có lúc tôi nói thật ra mọi điều vẫn chưa ổn. Con bé vẫn im lặng nhìn mãi lên những mảng gỗ trên đỉnh trần. Chúng tôi nằm đó rất tạm bợ!

Một hôm cả nhóm đang ngồi tán phét bên chiến lợi phẩm, một gã trung niên thình lình chui ra từ một ngách hầm. Trông gã râu ria bụi bặm, trầm ngâm và vững chãi. Tụi tôi nhao nhao hỏi gã:

"Được miếng nào không?"

Gã chẳng trả lời nhìn chiến lợi phẩm của chúng tôi một lúc rồi nói:

"Đào nông quá! Quí vị còn đào xơi!"

"Thế có tìm được gì không?" Tôi nóng nẩy.

Người gã trống trơn. Dù vậy trông gã thảnh thơi như một người được của.

"Tớ thấy rồi, các cậu cứ đào về hướng ấy, nhưng đào sâu xuống." Nói rồi gã bỏ đi về hướng ngược lại.

Tôi nghĩ mãi. Đồ gàn.

Cả bọn đã tan ra, nhưng tôi vẫn ngồi đó nghĩ mãi. Tới tận bây giờ tôi vẫn sống như một miếng ván bị nhổ bật quăng xuống dòng nước. Nó bập bềnh vướng víu. Thật ra vẫn cứ có điều gì đó xúi bẩy!

Tôi quay trở về căn hai gian nhưng chỉ đứng ở bên ngoài, gọi khẽ. Con bé bước ra chạm khuỷu tay tôi trong bóng tối...

Thế là tôi "ly khai" với bọn thanh niên, tiếp tục với rất nhiều ngày dài một mình. Tôi kiên nhẫn đào xới và mất dần nhu cầu gần gụi tiếp xúc. Sau một thời gian dằn vặt cô đơn tôi bắt đầu thấy ý tưởng mình sáng rõ và mạnh mẽ, nhận ra trí óc mình trước đây chưa từng bao giờ sáng rõ như thế do những chung đụng và co kéo tầm phào với những người chung quanh. Tôi cảm nhận thân thể mình trọn vẹn, cảm nhận hơi thở mình trọn vẹn, cảm nhận khả năng tìm kiếm và chiếm lĩnh trọn vẹn.

Thay vì hùng hục đào xới cả ngày, tôi bắt đầu lắng nghe. Trong những giờ khắc yên tĩnh nhất, áp tai vào thành đất tôi nghe cả trăm ngàn âm thanh li ti hỗn độn. Tiếng ấu trùng cựa mình, tiếng rễ cây tách vào lòng đất, tiếng róc rách mạch nước ngầm, tiếng lạ lùng. Tôi cứ vừa nghe vừa đào, không hối hả không dằn vặt. Ngày ngày trôi qua, những âm thanh trở nên rõ dần. Có lúc nghe như tiếng nước chẩy trước mặt, tôi vội vàng bẻ ngoặt hướng đào.

Ngày kia tôi phát hiện một cánh cửa gỗ nặng nề trễ xuống một bên. Có tiếng rì rầm ở bên kia. Tôi hé mắt nhìn vào qua kẽ nứt khe cửa. Dọc dài theo vách hai dãy giường dài, đủ thứ người chen chúc nằm, tôi chỉ thấy được những bàn chân hếch lên hướng ra phía ngoài. Những bàn chân chìa ra ngay trên hàng số. Tiếng một người đàn ông rên rỉ:

"Chán quá đi mất các bác nhỉ!"

"Có ai kể chuyện gì đi nào." Một giọng khác.

"Trò ấy nhàm!"

"Này cậu, cậu đừng nằm co như thế, đã chật." Có tiếng trở mình.

"Thế đã đủ chưa?"

"Đủ thế nào được."

"Thế thì tôi chịu."

"Ừ biết thế." Im lặng hồi lâu.

"Bao lâu rồi nhỉ?"

"Chẳng nhớ"

Nhiều tiếng sột soạt người ta trở mình. Tiếng gãi lưng. Tiếng ngáy. Có tiếng thở dài. Rồi tất cả

im lặng. Chỉ thấy những đôi bàn chân và gấu quần.

Tôi thở dài ngao ngán đào qua hướng khác.

Có lúc nghe tiếng líu ríu, tôi moi thốc tới, đất sạt ra lộ căn hầm thấp và dài, vài trăm con vịt trắng cạc cạc chạy dồn về một góc. Rơm lầy nhầy vẫn ướt rải rác. Ở một góc hầm vẫn leo lét lửa thấp của ngọn đèn dầu, một cái nón lá, một cái sào trúc và cái áo tơi. Chiếc áo làm từ sơ dừa, đập dập và đan kết, có cả phần choàng qua vai. Nó cũ đen, xơ mướp ra ở phần tà. Phía cuối hầm, tấm phên tre xộc xệch. Bên ngoài tấm phên ấy chắc hẳn hướng ra cánh đồng lúa nước, hẳn có nhiều bờ đất và con sông nhỏ chạy qua một xóm với nhiều lưới vó chắn ngang. Tôi nhìn rất lâu, cảm thấy phấn khích một cách kỳ lạ, không thể lý giải được vì sao lại thích thú như thế khi chỉ khám phá ra một khung cảnh tầm thường như thế. Hình như nó không hẳn chỉ là sự phấn khích, một phần nào cảm động. Sau đó tôi se sẽ trám lại lỗ hổng mà mình vừa moi ra. Căn hầm nằm đó như một dấu diếm.

Nhưng thậm chí còn thích thú hơn khi một lần tôi tìm ra hẳn một phiên chợ đêm. Cảnh mua bán lào xào, bóng những người đàn bà mặc áo bà ba, quấn khăn, đi chân đất, gánh hai rổ hàng với những ngọn đèn hột vịt le lói. Họ ngồi dọc bên một con đường cát, cũng co kéo, cũng rao hàng, cũng gà qué quang quác, cũng cãi vã, khẽ thôi, cũng mặc cả cũng gọi giật lưng, bằng lòng nhưng chặc lưỡi.

Tôi ngồi xuống hỏi người đàn bà bán hành củ:

"Bà ơi đây là đâu?" Bà vẫn nhanh nhẩu chào hàng với những người đang rảo. Lúc sau bà nói:

"Ngã ba Chợ Hôm."

"Thế gần xã Giồng Trôm à?" Tôi hồi hộp.

"Cậu đang giỡn à?" Bà trợn mắt. Tôi hỏi tiếp: "Sao?"

Bà tiếp tục rao hàng "Năm chục hai mớ, hai mớ năm chục, mại dô."

"Thế xã Giồng Nềnh?"

"Nghe nói xã giải tán từ hồi còn đánh nhau!" Lần này bà trả lời.

"Sao thế?"

"...chắc là tàn phá, nghe nói còn rặng tre cháy."

Bây giờ thì tôi lại nhớ ra thêm, xã Giồng Nềnh có con đường rất trơ, mỗi buổi trưa nắng nó đỏ lên, bốc hơi lên như thể sắp cháy. Thỉnh thoảng có những người đàn bà mặc quần đen đội nón lá gánh đi liêu xiêu bé tí. Tôi nài nỉ hỏi thêm:

"Thế người ta đi đâu?"

"Chắc là vào thành phố, hay đi đâu không rõ."

"Thế còn những con bò?"

"Chắc là bị bắn chết quá!"

"Sao lại thế?" Tự dưng tôi nhớ lại hình ảnh đàn bò đi trên những ngọn đồi đất đỏ, đằng sau xa xa là dãy rừng nhiệt đới, chúng chậm rãi, mắt chúng ướt nhèm.

"Làm sao đi tới ấy?"

"Mất đường rồi, cậu đừng giỡn nữa." Bà quấn lại cái khăn vuông kẻ sọc ca rô lớn trên đầu. Sau thấy tôi thất vọng, bà lại nói thêm:

"Mà có ai biết chắc đâu, chỉ nghe nói thế. Chuyện từ hồi xưa!"

Bà già làm tôi buồn rầu. Tôi không tin thế, tôi vẫn nghĩ hẳn đâu đó giữa rừng vẫn còn vẹt ra một khoảng vuông, mà trong đó những ngôi nhà vẫn còn nguyên vẹn, có lẽ chẳng còn ai, lâu quá rồi còn gì! Hẳn vẫn phải còn những cái cổng tre xộc xệch, mà khi muốn mở phải nhấc hẳn một đầu lên. Hoặc chí ít những con heo mọi với thứ tồn tại bản năng cũng thích nghi được với đời sống rừng rú mà thỉnh thoảng trở về đi lại nghênh ngang giữa những ngôi nhà trống vắng.

Tôi lờ đờ chán nản. Cũng chẳng biết tại sao!

Một ngày kia khi tất cả sự ham muốn tìm kiếm gần như sắp lụi tàn, sự thờ ơ làm tôi lười biếng, thì tôi lại đào trúng ổ. Thoạt đầu tôi moi ra được chiếc cầu thang gỗ có cánh tay vịn, nó bị gẫy ngang, có phần mục nát. Tôi phủi những lớp đất bên ngoài và nhận ra chiếc thang quen lắm. Bên thành của chiếc thang còn đường vẽ rất mờ hình một con ngựa, nét vẽ nguệch ngoạc con nít. Ở mặt bên kia tấm gỗ có vài chữ ghi ngày tháng năm 1957. Rồi tôi moi ra cơ man là ngói, đỏ một mặt rêu một mặt, một đầu hình cong như vẩy cá đầu kia nhô ra núm ngạch nhỏ. Tôi hổn hển moi nữa lấy ra một con dao quắm đầu uốn cong, đầu kia mất cán trơ ra mũi nhọn. Sau con dao tôi lại tìm thấy một khung gỗ đóng nẹp quanh miếng lưới ruồi, bên thành khung vẫn còn dính cái núm kéo tròn bằng nhôm. Tôi ngồi bệt xuống đất nhìn mãi vào chiếc lưới ruồi thủng nát, bây giờ thì tôi đã nhận ra, nó chính là cái cửa nhỏ xíu của cái chạn bát.

Và tôi ngồi như thế rất lâu có cảm giác như mình đang là một người đức hạnh hoặc tử tế gì đấy, một cảm giác rất cũ. Chẳng biết tôi ngồi đến bao lâu, chỉ biết là lâu lắm! Rồi loáng thoáng tôi thấy ánh nắng đang soi thẳng xuống thành luồng rực lên rõ ràng trong một khoảng rộng tối đen. Hàng tỉ tỉ những hạt bụi nhỏ vàng ong cuộn lên, bay lên vơ vẩn trong luồng nắng ấy.

Thật đấy, tôi muốn nói có cả hàng tỉ tỉ hạt bụi nhỏ vàng ong cuộn lên bay lên.

những ngụ ngôn miền đất hoang

Tháng Tư là tháng ác nghiệt nhất, sinh ra
Đinh hương từ đất chết, trà trộn
Ký ức và ao ước, khơi dậy
Rễ mòn với mưa xuân.
T.S. Eliot, Đất Hoang (The Wasteland)(1)

đinh từ bích thúy

Lời Dẫn

Trong bài tôi muốn chứng minh rằng văn chương dòng chính và văn chương da màu là một. Trong cách phân tách đề tài, tôi không phân biệt giữa văn chương của các tác giả đã được "tôn vinh" (canonized) trong dòng chính và văn chương của các tác giả da màu đang hội nhập vào dòng chính, mà chỉ chú trọng vào nội dung của các tác phẩm với những đề tài xuyên văn hóa và xuyên màu da. Trong khuôn khổ của bài, văn chương da màu/văn chương dòng chính được định nghĩa là văn chương được xuất bản trong Anh ngữ trên lãnh thổ Hoa Kỳ. Bài được chia làm ba phần: (I) bối cảnh nhìn tổng quát văn chương dòng chính Hoa Kỳ và văn chương da màu, chú trọng đến những tác phẩm bằng Anh ngữ của những nhà văn Mỹ gốc Á Đông (mà trong thành phần này có bao gồm những nhà văn Mỹ gốc Việt); (II) hoàn cảnh mô tả và phân tách những kỷ niệm cá nhân của người viết như những thí dụ điển hình của văn chương da màu trong bối cảnh Hoa Kỳ; và (III) nhận định vai trò người viết trong bối cảnh văn chương dòng chính Hoa Kỳ.

Ngoài những tác phẩm văn thơ được đề cập trong bài, tôi đã chọn hai tác phẩm, bài thơ Đất Hoang của T.S. Eliot và tiểu thuyết Người Vô Hình (Invisible Man) của Ralph Ellison để đóng khung cho bối cảnh thảo luận.

Đất hoang ở đây vừa là nền văn minh Tây Phương mà ở thế kỷ trước Eliot đã chán nản nghĩ rằng chỉ còn những mảnh vụn điêu tàn và vô nghĩa, vừa, theo tôi nghĩ, là tiêu biểu của Hoa Kỳ—miền đất gần như đối nghịch với quá khứ và lịch sử. Tháng Tư trong câu đầu của bài thơ vừa là cách T.S. Eliot ám chỉ đoạn mở đầu bài thơ Trung Cổ Canterbury Tales của Chaucer, vừa có thể tiêu biểu cho "tháng Tư đen" của Việt Kiều hải ngoại. Tôi thấy dùng Eliot như một cái khung cũng rất hợp với bối cảnh thảo luận vì ông không những là nhà thơ thích khai phá những thể thơ mới vừa là một nhà phê bình văn chương mà ngay ở đoạn đầu của thế kỷ hai mươi đã muốn phong phú hóa dòng chính văn hóa Tây Phương với những tác phẩm từ văn chương Á Đông. Đất Hoang là một cách Eliot sáng thế lại truyền thống văn chương thế giới, gom nhặt những mảnh vụn của những nền văn minh cũ để xây dựng lại một nền văn minh phổ quát với cái nhìn trung thực theo chủ thuyết hiện sinh.

Ý niệm vô hình mà Ellison đã khai thác trong tác phẩm được nhìn từ nhiều phía, vô hình như một trạng thái của người da màu đứng bên lề cuộc sống, bị xã hội dòng chính từ chối sự hiện hữu của mình. Vô hình cũng là cách người da màu, khi muốn hội nhập vào dòng chính, đã làm mình "trắng ra" để không bị soi mói để ý. Hay vô hình cũng có thể như một phương thức du kích ngụy trang, trà trộn vào dòng chính nhưng chưa hoàn toàn lột xác.

I. Bối Cảnh

Từ lâu lắm rồi, tôi viết vì tôi đã mất niềm tin. Như một tên du kích, tôi viết để giải tỏa và cùng lúc chất vấn cái nhìn nước đôi của mình. Tôi không muốn bị coi như một người viết da màu, hay chỉ cho da màu đọc. Có thể vì tôi là người viết thuộc thế hệ 1.5: đến Hoa Kỳ vào lứa tuổi mười ba và đã sống ở Hoa Kỳ trong 30 năm qua; có thể tôi đã hấp thụ nền móng văn hóa rất mâu thuẫn của Hoa Kỳ: tinh thần hợp chủng quốc như một áp chế chính trị cần thiết nhưng luôn luôn bấp bênh trên những văn hóa di dân cô lập nằm trong lãnh thổ; có thể Anh ngữ và Việt ngữ đã xoắn lại như vòng DNA trong tâm cảnh tôi và trở nên hai phương tiện trao đổi tuỳ tiện; có thể vì ngành chuyên môn của tôi là ngành Luật (và vì bị méo mó nghề nghiệp tôi thường nhìn trắng hóa đen),

mà tôi không thấy có sự khác biệt giữa văn chương da màu và văn chương Hoa Kỳ dòng chính: văn chương da màu là văn chương dòng chính. Như nhà văn gốc Do Thái Saul Bellow đã nói, nếu chúng ta chỉ bấu víu vào định nghĩa rất hạn hẹp của Hoa Kỳ như một nền văn hóa da trắng phát xuất từ Tây Âu, thì hầu như tất cả mọi sắc dân khác sinh sống trên Hoa Kỳ sẽ trở thành vô hình(2). Văn chương da màu ở Hoa Kỳ là một cách "tạo hình" hoặc tạo sự hiện hữu trong một tổ quốc đa chủng và vì thế trở nên một định nghĩa căn bản cho văn chương Hoa Kỳ.

Cảm giác mất niềm tin của một người không làm chủ ngôn ngữ và văn hóa đã xuyên qua màu da, gần gũi như một nỗi cô độc bất tận. Vì những xung đột về văn hóa đã không làm cho ngôn ngữ có bờ cõi rõ rệt, vấn đề hằng làm tôi suy tư là vấn đề nhân dạng văn hóa nhập nhằng giữa dân bản xứ Hoa Kỳ và người di dân. Dân bản xứ Hoa Kỳ cũng chỉ là những người di dân đã đến Hoa Kỳ từ bao thế hệ trước. Văn chương di dân, với đề tài thế giới cũ đối nghịch với thế giới mới, cá nhân đối nghịch với cộng đồng, qua khứ đối nghịch với tương lai, kẻ ngoài lề đối nghịch với xã hội hà khắc và bài ngoại, theo định mệnh lịch sử đã và đang tái sinh những huyền thoại khởi nguyên của nền văn minh Hoa Kỳ. Huyền thoại chính của Hoa Kỳ là huyền thoại của một xứ sở mãi mãi ở tuổi thiếu niên hoang giống, dấn thân khai phá một thế giới bao la và huyền ảo. Nhà thơ Walt Whitman, mẹ người Hòa Lan, bố người Anh, ngay từ giữa thế kỷ 19 đã cảm nhận được sức sống đa văn hóa căng đầy của Hoa Kỳ ở lứa tuổi mới lớn:

Tôi nghe Hoa Kỳ đang ca hát, những bài hát đa ý đa tình

tôi đã nghe. . .

Mỗi người hát với tiếng hát riêng, không ai giống ai . . .

Vươn cao giọng hát với miệng mở rộng, những bài hát hùng tráng, với điệu nhạc say lòng....(3)

Hoa Kỳ là hình ảnh một xứ sở tự cho mình một sứ mệnh khai phá (manifest destiny) không dung túng quá khứ hoặc địa vị giai cấp. Văn chương dòng chính của Hoa Kỳ từ thế kỷ 19 đã là văn chương của những kẻ không nhà mất nước, bị xã hội bỏ bên lề đã dùng lý trí, hoặc cái nhìn "bất cần đời" hoàn toàn độc lập của mình để sáng tạo lại thế giới mới, đồng thời cứu vớt kẻ sa thế đã bị thế giới cũ ruồng bỏ. Trong tiểu thuyết nổi tiếng của Mark Twain, Huck Finn, một đứa trẻ mồ côi cả cha lẫn mẹ, một đứa trẻ mà xã hội kỳ thị màu da trước cuộc Nội Chiến Hoa Kỳ đã không thể nào "văn minh hóa," đã cùng Jim, một người nô lệ da đen muốn thoát khỏi số phận cùm xiếc, ngồi chung cái bè trôi trên giòng sông Mississippi, hai nhà cách mạng tiền phong cho một thế giới bình đẳng không phân biệt màu da. Tương tự, bài thơ khắc trên bệ tượng thần Tự Do - Bà Mẹ của Người Lưu Vong - đã như một lời tuyên ngôn sứ mệnh:

"Đất xưa ơi, mi giữ lấy những phong cách màu mè,

Tượng Thần phán với bờ môi im lặng,

Đưa cho ta đám dân nghèo, mệt mỏi,

lam lũ co ro muốn thở bầu không khí tự do,

đám rác rưởi khốn cùng trên bến bờ lộn nhộn,

Gửi cho ta, những kẻ không nhà, bị bão gió cuốn trôi,

Ta sẽ soi đuốc đứng bên cạnh cửa vàng."(4)

Tuy nhiên, chính vì Hoa Kỳ hình như chỉ hướng về tương lai mà không cần đếm xỉa gì đến lịch sử, văn chương Hoa Kỳ trong thế kỷ 20, qua chiến tranh, những đợt di dân từ Đông Âu và Á Châu, và quá trình kỹ nghệ hoá đã biểu lộ nhiều mất mát, nhiều mảnh vỡ, mà nguyên nhân cũng là sự đánh đổ tan tành thế giới cũ. Trong Gatsby Huyền Thoại (The Great Gatsby) của F.Scott Fitzgerald, Gatsby cố phủ lấp những kỳ thị về giai cấp để chinh phục lại Daisy, người yêu cũ thuộc gia thế thượng lưu đã bỏ y đi lấy chồng giàu. Trong tác phẩm, Daisy đẹp rực rỡ và hay mặc những y phục màu trắng, tiêu biểu cho "Giấc Mơ Hoa Kỳ" mà bao nhiêu người di dân muốn theo đuổi như một cách thu hồi lại danh dự và nhân bản. Mặc dù Fitzgerald chỉ hàm ý nhưng không nói thẳng, nhân vật Gatsby có thể là người di dân Do Thái cố hủy diệt gốc gác cũ và bỏ tên cũ là James Gatz bằng cách tạo cho mình một nhân dạng "Anglo" đầy những huyền thoại của phiêu lưu và chiến thắng, nhưng cuối cùng cũng vẫn mất Daisy, và mất cả tính mạng. Trong Âm Thanh và Phẫn Nộ (The Sound and The Fury), William Faukner mô tả sự sụp đổ lương tâm và đạo giáo của gia đình Compson, một gia đình bề thế da trắng ở miền Nam Hoa Kỳ dần dần lụn bại trong những năm sau Nội Chiến, qua cái nhìn gẫy vụn không thời gian (một cái nhìn "vô nhiễm nguyên tội" cho một bối cảnh đầy tội lỗi) của Benjy, người con trai trong gia đình bị bệnh chậm phát triển tâm lý. Trong Người Cứu Thế Trên Đồng Lúa Mạch (The Catcher in the Rye), cậu thiếu niên Holden

Caulfield, vì không muốn lớn lên để trở thành con người đạo đức giả (phony), đã tự cô lập hóa và chỉ có thể gìn giữ được tuổi thơ—giữ lại trạng thái vô nhiễm nguyên tội trước sự tàn phá không thể tránh của tương lai—bằng cách cắt đứt mọi liên hệ với xã hội. (Holden Caulfield, với cái nhìn tiêu cực, có thể xem như phản luận của Huck Finn, nhân vật đã cứu người nô lệ da đen Jim). Rồi đến câu thơ mở đầu bài thơ Gào (Howl) của Allen Ginsberg,"Ta nhìn tận mắt những đỉnh cao trí tuệ của thế hệ ta bị hủy tiêu vì cơn điên, đói say cuồng trần trụi" đã tiêu biểu cho một thất vọng não nề: sứ mệnh khai phá của Hoa Kỳ đã trở nên một thái độ xâm lăng áp chế tự do tư tưởng, mà lối thoát duy nhất cho người nghệ sĩ là cần sa và ma túy. Văn chương dòng chính Hoa Kỳ trong thế kỷ 20 đã ra mặt thách thức ánh nhìn tự tôn tự mãn của chính quốc gia này, phơi bầy những ngụy trang của huyền thoại khai phá/sáng thế và những hoài nghi ê chề.

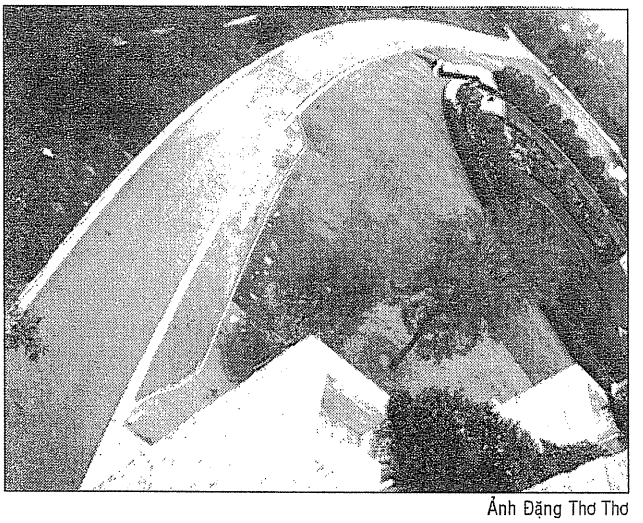

Ảnh Đặng Thơ Thơ

Tương tự, về phía văn chương da màu được xuất bản trong Anh ngữ trong vòng năm mươi năm qua, song song với sự bị cưỡng bách vào xã hội dòng chính là một thái độ chất vấn nội tâm: phanh phui cách cấu trúc nhân dạng của người da màu như những ngụy trang cho sự sống còn trong xã hội dòng chính, hoặc như những cô lập hóa để chống lại cái nhìn "chụp mũ" về màu da của xã hội dòng chính: tất cả đều là những nỗ lực hầu cố hàn gắn lại, hoặc trả thù, những mất mát, những vụn vỡ quá lớn lao của số phận ngoài lề. Giao điểm của văn chương dòng chính và văn chương da màu, oái oăm thay, đã bắt đầu từ một ý niệm sứt mẻ, từ một ý niệm bị mất Thiên Đường, từ một ý niệm phạm tội tổ tông (original sin) và bị Thượng Đế bỏ rơi. Như quỷ Lucifer, người da màu phải sáng thế lại thế giới của địa ngục. Bắt đầu với Người Vô Hình, Ralph Ellison, một văn hào Mỹ người da đen, đã định nghĩa sự vô hình của người da màu qua hai thái độ: sự kỳ thị của xã hội dòng chính, và cách người da màu phải làm mình "trắng đi" để sống trong xã hội da trắng. Để trả thù lại, người vô hình da đen trong tác phẩm đã thành một tên du kích câu điện trộm từ nhà nước, dùng bóng đèn châm tỏa sáng căn phòng như ngục tù cô lập."Ánh sáng là sức mạnh," người da đen vô hình quả quyết như một đấng Tạo Hóa "bất hợp pháp."

Gần đây, trong Trường Hợp Vợ Chồng Người Họ Hull (The Hull Case), với phong cảnh lịch sử của Hoa Kỳ trong thập niên 1950, Peter Ho Davies, một nhà văn người Welsch gốc Trung Hoa hiện đang dạy học ở Mỹ, mô tả sự rạn nứt gần như vô hình của một cặp vợ chồng sau khi bị "aliens" bắt cóc. Người chồng da đen, vì đã có kinh nghiệm bị kỳ thị màu da, không tin là mình đã được bọn aliens kén chọn như một giống dân điển hình cho loài người với những điều kiện đặc sắc, lo chuyện gặp gỡ là điềm không may mắn và muốn ém nhẹm chuyện bị bắt cóc. Người vợ da trắng với nhiều lý tưởng nhưng không có một kinh nghiệm gì về tâm trạng tự ti của anh chồng, nghĩ rằng điều họ gặp aliens cũng giống như một nhiệm màu trong Kinh Cựu Ước, một sứ mệnh thiêng liêng, và lúc được thả về muốn đi báo hết cho mọi người...(5)

Đối với thân phận người da màu, hình như ý niệm "được chọn" (như một giống dân được Chúa chọn) chỉ là một ngụy biện về ngôn ngữ, là phương pháp kẻ mạnh dùng để cưỡng hiếp người "bị chọn." Trong Nhà Ngụy (Fake House), Đinh Linh đã định nghĩa "nhà ngụy" như tâm trạng mất căn bản (và nhân bản) của một con người bị văn hóa và lịch sử đào thải —một tâm trạng chỉ có phông mà không có nền móng của một căn nhà hay một bản sắc thực thụ...(6) Đinh Linh đề tặng Nhà Ngụy cho "the unchosen"—có lẽ chỉ có những người không "bị" chọn mới là những con người thực sự tự do.

Monique Thùy Dung Trương, trong Sách Muối

(The Book of Salt), đã cấu trúc một giọng nói rất văn vẻ màu mè, một giọng nói lịch lãm nhờn nhụa với dối trá cho Bình—người đầu bếp của Gertrude Stein và Alice B. Toklas. Cô dùng giọng nói của Bình để mô tả một nhân dạng con người "bị chọn" trong thời thực dân Pháp—đồng tình luyến ái, nửa đực nửa cái, nửa ta nửa tây. Bình hiến dâng thân xác da vàng và nấu thức ăn, với cơm ta trộn lộn xộn những gia vị và sauce béo ngậy, "toàn là những vị đệm có tính chất xâm lăng xỉa xói"...(7) cho bọn người da trắng. Monique Trương thí nghiệm với những giọng nói như một cách du kích trong văn chương: "ăn cướp" giọng nói của dòng chính để thốt lên những gì đã bị sự kỳ thị văn hóa và màu da bóp nghẹt. Trong bài Ký "Kelly" về thời gian Monique Trương cùng với gia đình mới đến định cư tại Boiling Spring, North Carolina, cô cấu trúc giọng nói người dân miền Nam Hoa Kỳ, để mô tả tâm trạng của cô—một cô bé tỵ nạn không có tiếng nói trong cả nghĩa đen và nghĩa bóng (vì lúc đó cô chưa nói được tiếng Anh và cảm tưởng, với khuôn mặt Á Châu "bí hiểm," bị bà giáo coi như một "con giặc Nhật" với cái tên là Pearl Harbor)(8). Tuy nhiên, tình cảm của Monique Trương với miền Nam Hoa Kỳ, như tình cảm của người da màu với lãnh thổ Hoa Kỳ, có nhiều phức tạp. Monique Trương nhận rằng cô ghét cay ghét đắng Boiling Spring—"chửi rủa nó và muốn nó bị hủy diệt" nhưng đồng thời cô yêu và hiểu thấu những đau buồn ray rứt trong nhạccountry và văn chương miền Nam. Cô nhận xét, "Khi tôi đọc tiểu thuyết Absalom! Absalom! của William Faukner, tôi đã hiểu bối cảnh tác phẩm đó một cách sâu sắc hơn là bối cảnh của [Maxine Hong] Kingston."(9)

Cũng vì văn chương da màu đã hội nhập vào ý thức hệ của văn hóa dòng chính, mà những loại văn quảng cáo trong môi trường thông tin cũng chơi kiểu nhập nhằng châm biếm với ý niệm "colonial": vừa tiêu biểu cho lục địa, vừa tiêu biểu cho thời gian dành độc lập từ Anh Quốc trong lịch sử Hoa Kỳ. Colonial Williamsburg - một thành phố chuyên về nghề du lịch thuộc tiểu bang Virginia - đã đăng trên New York Times Sunday Style Magazine một "huyền thoại" quảng cáo tựa đề: "phần thuộc địa của tôi đã sinh trưởng ở bờ cõi xa (the colonial me was born on distant shores" kèm với chân dung một cô gái da vàng, mà subtext là sự liên hệ của Hoa Kỳ (người đàn ông) và một văn hóa thiểu số (người đàn bà sa cơ):

nàng căng buồm đi tìm kiếm một cuộc sống tốt đẹp hơn

ở đất mới

Ở đó, một người đàn ông giàu có, nhưng thiếu thốn tình yêu,

đến theo đuổi nàng với thơ tình và những cuộc khiêu vũ,

hậu hĩ tặng nàng xa xỉ phẩm và thời trang Âu Châu.

Họ lấy nhau và có rất nhiều con,

hình như lúc đó người ta chưa nghĩ ra chuyện lo sợ vấn đề liên kết lâu dài. (10)

Lý tưởng tự do và sứ mạng khai phá đã thành một đề tài quảng cáo cho một địa danh du lịch thiết lập lại thời huy hoàng của lịch sử Hoa Kỳ chỉ để kiếm tiền. Có phải lối châm biếm nhập nhằng này rất điển hình cho cái nhìn nước đôi của dòng chính—một cảm giác "nhận tội" trộn lẫn với cái nhìn hạ cố của chính sách tư bản?

*

Nhưng tôi không phải là người Nga; tôi từ Lithuania, là một người Đức thật.(11)

Hầu như chỉ có những tâm hồn với một căn bản văn hóa rõ rệt, hay một nhân sinh quan rất "Thiền" mới có thể dung túng những xung khắc ngay trong bản sắc hoặc nhân dạng mà không cảm thấy mình bị chi phối. Trong tác phẩm Ký viết bằng Anh ngữ Từ Thành Phố Bên Sông Hồng (From the City Inside the Red River), cố giáo sư Nguyễn Đình Hòa đã giải nghĩa rằng trong truyền thống Khổng học, con người có cơ hội được thay đổi tên gọi nhiều lần trong cuộc đời để hợp ứng với những thay đổi của hoàn cảnh. Ông định nghĩa ý niệm đổi tên này là "cách không gọi thẳng cái xẻng là cái xẻng" (how not to call a spade a spade)(12). Trong tác phẩm, giáo sư Nguyễn Đình Hòa kể chuyện ông được học bổng sang học Union College ở Schenectady thuộc tiểu bang New York vào năm 1948. Tên mẹ đẻ mà ông đã dịch ra tiếng Anh là "người yêu hòa bình" đã được anh em sinh viên trong fraternity bảo trợ ông "phiên âm lại" là Wing-Ding, cái tên có nghĩa trong tiếng Anh là một cuộc liên hoan ồn ào náo loạn, gần ngược hẳn ý nghĩa nguyên thủy của tên mẹ đẻ. Mặc dù giọng văn giáo sư Hòa trong tác phẩm rất Mỹ Hóa (được nhiều nét hài hước nhẹ nhàng của cách ăn nói bản địa trong thập niên 1950), lối nhìn đời của ông là lối nhìn Khổng Học, mẫu mực, kín đáo. Giọng văn của ông, mặc dù viết thể Ký, vẫn là một giọng văn dùng cho công chúng của một nhà học giả, tuy thỉnh thoảng

có tính cách khôi hài, không được một chút thổ lộ gần gũi gì về bản thân—con người riêng tư của ông gần như đã trở thành vô hình.

Có lẽ giáo sư Hòa, một học giả da màu, chỉ thấy "nhân dạng công chúng" của mình (public self) là nhân dạng đáng được bày tỏ. Trong tác phẩm Ký Sự Đói Khát của Trí Nhớ (Hunger of Memory), nhà văn Hoa Kỳ gốc Mễ Richard Rodriguez nhận định rằng nhân dạng công chúng là nhân dạng cần thiết cho một nhà văn da màu viết trong dòng chính vì hai lý do: (1) ngôn ngữ của đời sống tinh thần không được định nghĩa hay bị hạn hẹp bởi những đặc thù cá nhân và (2) thành phần độc giả, ngoài trình độ hiểu biết mà tác giả hy vọng là sâu sắc, không có một khuôn mặt, quốc gia, chủng tộc, hay tính giống nào nhất định.(13) Như Đinh Linh đã nói, "Là một người viết da màu tôi luôn luôn sợ bị đày ải vào 'xóm nhà lá' (ghetto) của những người cùng màu da, hay thỉnh thoảng chỉ được một anh da trắng hay anh da đen nào đó lạc vào cái xóm của mình chỉ vì lý do hiếu kỳ muốn nếm của lạ."(14) Dù trong thể Ký hay lối viết hư cấu, người viết da màu trong dòng chính thường nhạy cảm về yếu tố exotic của mình, và muốn cách biệt sự cấu trúc của ngôn ngữ công chúng trên trang giấy (một ngôn ngữ dùng đúng văn phạm và cốt cách của dòng chính) ra khỏi ngôn ngữ của đời sống văn hóa và tình cảm cá nhân. Nữ văn sĩ Mỹ gốc Ấn Độ Jhumpa Lahiri đã khai thác sự cách biệt giữa nhân dạng công chúng và nhân dạng cá nhân trong tác phẩm Tên Gọi (The Namesake)(15). Trong sách, nhân vật Gogol Ganguli cảm thấy bị đè nặng bởi cái tên của mình (15). Gogol là tên anh đã được bố mẹ gọi trong nhà vì ông bố thích đọc truyện của văn hào Nga Gogol và cũng là một cách tưởng nhớ lại một tai nạn hiểm nghèo mà chính bố Gogol đã thoát chết, lâu rồi quen miệng đã thành cái tên chính thức của anh. Gogol không chịu được cái tên này vì nó tiêu biểu cho quá khứ của bố mẹ anh và cho phần nhân dạng cá nhân thầm kín gần như một nỗi xấu hổ mà anh không muốn xã hội dòng chính biết đến. Lúc trưởng thành, Gogol đổi tên trên giấy tờ. Như Gatsby, Gogol muốn được một cái tên không làm anh bị chú ý—một cái tên có thể làm anh vô hình—trong xã hội dòng chính. Sự vô hình trong xã hội dòng chính là một lựa chọn dĩ nhiên lý tưởng hơn là sự vô hình bên ngoài dòng chính.

Trong Từ Thành Phố Bên Sông Hồng, giáo sư Hòa, đã chọn đề tài ngôn ngữ—môn ông dạy và cũng là nhân dạng công chúng của ông—để nói đến "vành đai trắng" (no man's land)—về những danh từ và ý niệm không thể nào dịch thoát giữa tiếng Việt và tiếng Anh. Trong thập niên 1950, khi dạy tiếng Anh cho một nhóm sinh viên người Việt, giáo sư Hòa thấy sách giáo khoa soạn ra bởi người Anh trong bối cảnh thành thị bỗng nhiên trở thành trừu tượng với bối cảnh nông thôn đương thời của Việt Nam, những từ như "hoa tulip," "máy lạnh," "xe điện ngầm."(16) Ngược lại, khi còn là sinh viên đại học trong khí hậu miền đông ác nghiệt của miền bắc tiểu bang New York, ông mơ về mãng cầu, đu đủ, bánh chưng, chè đậu xanh của Hà Nội nhưng không thể nào diễn tả những từ này cho nhóm bạn Mỹ không một chút ý niệm gì về Việt Nam.(17) Dưới mắt người Mỹ thời bấy giờ, giáo sư Hòa được "tái sinh" với cái tên Wingding giản dị và bất cần. Nhân dạng công chúng của ông là một nhân dạng vừa mẫu mực, vừa hồn nhiên hoàn toàn trước thế giới mới—một nhân dạng không có gì bí hiểm. Khi bị gọi là người Hoa trong lúc đang giặt quần áo, giáo sư Hòa chỉ tức cãi lại mình là người Việt. Một vài năm sau, ông có dịp đi chơi lên Nữu Ước và nhìn thấy rất nhiều tiệm giặt ủi có người Hoa làm chủ. Theo cách suy nghĩ rất điềm đạm, ông nghĩ lại kỷ niệm xưa, không cho rằng đó là một sự chụp mũ hoàn toàn có tính cách kỳ thị mà giải nghĩa rằng chuyện ông bị gọi cũng là điều dễ hiểu.(19)

Nếu ngôn ngữ có thể dùng như một cách ngụy trang trong dòng chính, những từ, những tình cảm và ý niệm không thể dịch thoát cũng là những bế tắc ép nhốt người di dân trong những hẻm cụt và biến họ thành người vô hình bên lề xã hội dòng chính. Trong truyện ngắn Giáp Mặt (Face to Face), bà Hồng Khắc Kim Mai đã nói đến sự cô lập hóa của lớp nhà văn nhà thơ Việt Nam trong thế hệ bố mẹ tôi—những người không có khả năng sáng tác bằng tiếng Anh:

Sách của tôi không bán được ra ngoài vì chúng được viết trong tiếng mẹ đẻ của tôi. Tôi không nhờ ai dịch sách được, vì tiền thuê dịch sách quá mắc, tự tôi thì không dịch được vì khả năng sinh ngữ của tôi quá hạn hẹp. Tôi không bán sách cho đồng bào tôi được, vì ít ai muốn đọc chúng. Cuộc sống lưu vong đã đào tạo quá nhiều người viết so với người đọc trong cộng đồng di dân.(20)

Đây là điều đáng tiếc trong quá trình tiến hóa của nền văn học nghệ thuật di dân da màu. Anh ngữ, dù muốn dù không, đã thành ngôn ngữ phổ quát (lingua franca.) Nếu muốn được vào dòng

chính, nếu muốn được xã hội dòng chính nhìn, nghe, và xác nhận sự hiện hữu của mình, người viết di dân da màu phải dùng ngôn ngữ của dòng chính để phơi bày trạng thái "mất di sản" (dispossessed) của mình. Hơn nửa thế kỷ trước, nhà văn Saul Bellow đã đặt câu hỏi: "Ngôn ngữ nào mà tất cả chúng ta có thể dùng để nói chuyện, sự việc nào mà tất cả chúng ta có thể cảm nhận, có thể thấy cháy lòng, có thể làm chúng ta khóc, vai trò nào chúng ta có thể tự dành cho chính mình, ngôn ngữ nào là ngôn ngữ chung của ý thức hệ?"(21) Theo ông, tác phẩm Người Vô Hình đã thành công trong giọng văn độc lập của Ellison, một giọng văn "trung dung" xuyên màu da (middle of consciousness), dùng như ván cầu đối thoại cho những sắc dân thiểu số đang sinh sống trên lãnh thổ Hoa Kỳ.

Tuy nhiên, sự bắt buộc phải dùng ngôn ngữ dòng chính để phát biểu, như chuyện ngư nữ phải bỏ đuôi cá để có chân người, đã biến người da màu trở thành một con người luôn luôn hòai nghi, hay tệ hơn, một loại "ếch ngồi đáy giếng coi trời bằng vung" dương dương tự đắc tưởng lầm hoặc tự dối lòng mình, là ta đây đã chinh phục được dòng chính. Điều này làm tôi liên tưởng đến những truyện cực ngắn đầy ý thức soi mói (self-consciousness) của Đinh Linh. Anh cấu trúc "Người Tù Với Tự Điển" như một truyện ngụ ngôn đảo ngược lại huyền thoại sáng thế, mang máng giấc mơ bướm của Trang Tử. Trong truyện này, Đinh Linh mô tả tâm trạng nửa hoài nghi, nửa tự mãn vô căn cứ của nhân vật chính, có thể là một người tù vì sự sống còn đã trở nên Tạo Hóa (hay quỷ Lucifer), hoặc chính y là Tạo Hóa đã bị thế giới mình sáng tạo ra cầm tù:

Hắn cảm thấy chiến thắng: đầy ải trong ngục tù trống trải, hắn đã bị tước đoạt hết mọi cái, *nhưng qua sự cố gắng dũng cảm, hắn đã sáng thế lại vũ trụ. Hắn có (gần hết) mọi thứ vì hắn có (gần hết) mọi chữ trong cả một ngôn ngữ. Nhưng thực sự ra người tù ấy không thu hồi được gì cả.*

Hắn chỉ nghĩ như vậy vì hắn phải nghĩ như vậy. Sau bao nhiêu thập niên vận dụng trí lực không ngừng, kết quả của sự lao động này, một từ mà hắn chắc chắn biết là "tự điển," cũng chỉ vì nó được in trên bìa quyển sách mà hắn biết chắc chắn là quyển tự điển. Vì ngay cả khi hắn tiếp xúc với định nghĩa "người tù," và còn thuộc lòng định nghĩa ấy, hắn cũng chẳng biết rằng hắn đã đọc về hắn.(22)

*

II. Hoàn Cảnh:

Tôi bắt đầu viết từ khi tôi nhận rằng ngôn ngữ có thể giúp tôi khám phá một giọng nói trung thực thoát ra khỏi những bế tắc của mất mát. Có thể tôi đã mất niềm tin ngay lúc bé vì tôi không có một ý niệm rõ rệt gì về văn hóa hay cộng đồng. Tôi sinh ra và lớn lên ở miền Nam, nhưng gia đình bố mẹ và ông bà hai bên nội ngoại là dân Bắc Kỳ di cư năm 1954. Lúc bé, tôi đọc Hà Nội 36 Phố Phường của Thạch Lam nhưng chưa bao giờ biết Hà Nội. Ở trường, tôi nói giọng Nam để khỏi bị chúng bạn trêu ghẹo. Ở nhà, bà tôi cho tôi ăn rau muống luộc chấm nước mắm dầm sấu chua, thịt heo luộc chấm tương ớt Cự Đà, nhưng ngoài gia đình tôi, tôi không quen biết ai là người Bắc cả. Nhà tôi ở trong quận Năm, gần Chợ Lớn, chung quanh là những tiệm tạp hóa, nhà cửa của những thương gia người Hoa. Người lớn nói người Hoa tính luộm thuộm, không ăn ở sạch như người mình.

Lúc tôi mười một tuổi, tôi hay nghĩ về những ý niệm so sánh, giữa những điều tôi dùng trí tưởng tượng để đoán mò và những điều tôi được biết. Hình như cách tôi được giáo dục từ lúc bé dựa trên nhiều điều đoán mò, vì người lớn ít cắt nghĩa cho tôi những điều tôi thắc mắc. Lúc đó tôi dùng ngôn ngữ như một thể trắc nghiệm, đưa ra những ý kiến nửa như kết luận, nửa như thử thách. Ngay trong tiếng Việt là tiếng mẹ đẻ tôi đã hay hoài nghi. Ý niệm cộng đồng của tôi là một hòai bão, một trừu tượng. Khi còn là học sinh Đệ Thất Trưng Vương nhận được đề luận "Tả Một Đàn Kiến," tôi đã viết như sau: "Đàn kiến, có con vàng, con đen, con đỏ, không như dân Mỹ kỳ thị màu da, đã cần cù làm việc rất chăm chỉ suốt một buổi sáng mà không hề có vụ xô sát cãi nhau." Khi phân tích tác phẩm Con Trâu của Trần Tiêu trong một buổi thuyết trình, tôi đã ra câu hỏi cho đối thủ: "Theo chị thì dân làng trong tác phẩm theo thuyết duy vật hay duy thần? Đối thủ của tôicùng với cả lớp ngớ ra trước câu hỏi gần như lạc đề này.

Duy vật hay duy thần, hiện hữu hay lập luận—hai thế cực này như đã dằng co cái nhìn của tôi từ ngày còn bé. Lúc ấy, tôi có ý niệm lờ mờ về nước Mỹ qua những câu chuyện nghe lỏm từ người lớn. Người Mỹ bốc đồng. Người Mỹ ồn ào. Người Mỹ hồn nhiên. Mùa hè 72, lúc đi nghỉ hè ở Vũng Tàu với gia đình, một hôm cùng với chị giúp việc

tôi tình cờ đi ngang qua terrace bar của biệt thự Grand Hotel. Trong sân biệt thự, một người đàn ông Mỹ, có lẽ là lính Mỹ trong thời gian R&R, đang nhảy múa trần truồng trên bàn rượu. Có thể anh ta đang ca hát một bài nhạc rock cuồng điên, hay cũng có thể anh ta đang khóc lóc rống than. Những âm thanh kỳ lạ phát xuất từ anh ta đã làm nhiều người chú ý đứng lại, nhưng hầu như không ai để ý đến thân thể trần truồng của anh. Họ lào xào, chắc nó "mát," chắc nó nhớ nhà nên nó khóc. Là con nít, tôi đứng trố mắt nhìn. Màu da trắng, gần như đỏ hồng quá sáng sủa của người lính Mỹ là một gì quá xa lạ, nhưng bỗng chợt trở nên rất tầm thường, bỗng chợt tan hoang không còn huyền bí, hình như đã phủ lấp cái trần truồng như đập vào mắt kia. Tôi đã nhìn thấy những phụ nữ Tây Phương trên đường phố Sàigòn gần như topless, nước da xạm màu đồng và thân hình khỏe mạnh mà người lớn nói đã hồn nhiên hóa cái hở hang rất phây phới, "rất tự do độc lập" của họ, chứ (người lớn) coi không "bẩn" như loại con gái Việt Nam bán bar.

Mẹ tôi nói những gì bẩn là những gì ngấm ngầm, không rõ ràng, không hồn nhiên. Tôi hỏi gái bán bar bán cái gì mà không hồn nhiên. Mẹ tôi nói họ bán đồ tạp hóa cho Mỹ. Tôi hỏi bán đồ tạp hóa cho Mỹ thì có gì mà xấu? Mẹ tôi nói nghề đó giống như nghề buôn lậu không có cửa tiệm, lúc lớn tí nữa mẹ sẽ cắt nghĩa thêm. Không hiểu được ý của mẹ, hay cũng tưng tức vì mẹ không nói thêm, tôi kết luận rằng chắc người Mỹ giống như những đứa trẻ khổng lồ, vô tư, gần như dại dột, nên không ai chấp họ. Người Việt, ngược lại, như những người lớn úp mở chung quanh tôi, chắc khôn lanh hơn người Mỹ nên "xấu" hơn họ. Mẹ tôi thường nói người lớn không dẹp bằng trẻ con vì người lớn không trong trắng như trẻ con. Từ lúc ấy tôi đã định nghĩa trong trắng với cởi mở, và tội lỗi với sự úp mở.

chiều 26 tháng 12

dừng xe ngã tư
màu bóng đèn âm thanh dội trời rất lạnh
chuyện thế giới: tố cáo saddam hussein giấu đầu bom nguyên tử
chuyện nước mỹ: a tale of non fucking love lewinsky & clinton
chuyện cali: cam, chanh do khí hậu lạnh, giá cả tăng vọt.
chuyện hà nội: một cái ợ to đùng qua điện thoại, ngợp ngụa mùi chả rươi & thìa là sống.

lững thững hai cha con người mễ ủ ê giữa cánh đồng những gốc thông mủ nâu óng mật bám đọng đồng ngã rợp người cha đuôi cây khiêng da mùa hè đã qua vẫn chưa bốc thằng con đầu cây khiêng baseball cap đội ngược

thông thì chất đống chở đi/về đâu? chiều qua lễ hội chiều nay mất mùa

những tờ tiền xanh in god we trust không còn cơ hội đếm chúng vuột khỏi kẽ tay rằn khô nút nẻ rơi xuống mặt đất hay la đà trong không gian về cùng nước chúa?

chuyện thế giới chuyện mỹ chuyện cali chuyện hà nội chuyện người cha và thằng con giữa đống thông mừng chúa (đã) giáng sinh giờ đang nằm rạp cần phải thanh toán gấp gấp gấp!!!!

american dream
lost in a wonderland?

Lê Thị Thấm Vân

Tôi nhớ những buổi trưa hè không chịu ngủ trưa lén ra hiên nhà nhìn ra đường qua cổng sắt nhà có hình chữ X bằng kẽm gai. (Kẽm gai, bao cát, và những mảnh chai vụn cắm trên bờ tường xây cao là những hình ảnh cô lập rất quen thuộc trong tuổi thơ—tự nhiên đến nỗi mà tôi không bao giờ chất vấn.) Nhà tôi nằm trên đường Cao Đạt, vào những năm chiến tranh tấp nập những quán ăn vỉa hè, xe sinh tố, về đêm là nơi tụ tập của dân ăn chơi, lính Mỹ, gái bán bar và đào kép cải lương. Chiều chiều mấy người đàn bà ngồi ở quầy sinh tố trước cửa nhà tôi đánh mạt chược và phàn nàn với nhau. Em dạy cho con Đẹt mấy mớ hé lô hao a du, ai dè ít bữa nó xin thôi việc đi lấy Mỹ. Mỹ mà cũng lấy người ở hả chị, thôi con Đẹt người Cần Thơ cũng được cái nước da trắng. Ôi chao, thời buổi này sâu bọ lên làm người tụi bay.

Thỉnh thoảng tôi thấy văn hóa Tây Phương cũng có một vài điểm không khác gì văn hóa Việt Nam. Tôi đã khóc khi được mẹ cho đi xem phim Vũ Điệu Trong Bóng Mờ (dịch từ tựa tiếng Pháp, La Valse Dans L'Ombre, tựa này dịch từ Waterloo Bridge nguyên thủy của Hollywood). Trong phim, Vivien Leigh, một vũ công ballet, vì tưởng người yêu lính là Robert Taylor đã tử trận, buồn quá đành đi "bán tạp hóa." Nhiều năm trôi qua. Đệ Nhất Thế Chiến chấm dứt. Vivien Leigh một hôm bất chợt gặp lại Robert Taylor. Không thể nói với người yêu là mình vì đã không đủ sống nên phải đi bán tạp hóa trong những năm chiến tranh, cuối cùng Vivien Leigh tự tử. Phim của Holywood đã hóa thành phim Việt Nam.

Từ bé tôi chỉ thấy những đoạn kết cổ tích trong cấu trúc gượng ép, hầu chỉ duy trì nền nếp cũ trong những ngụy trang lễ giáo mà không lật đổ những bất công. Tôi không hiểu sao trong truyện Lưu Bình Dương Lễ, người vợ lẽ của Dương Lễ đã chịu đi làm "con cờ người" đến ở với Lưu Bình cốt chỉ để hai người đàn ông thêm khắng khít với nhau ở đoạn kết chuyện. (Mẹ tôi nói người đàn bà ấy không quan trọng vì chỉ là "thiếp thứ ba" của Dương Lễ chứ không phải vợ cả nên Dương Lễ có thể "cho tạm" Lưu Bình để giúp anh lười này học hỏi nên người.) Về sau tôi không hiểu tại sao Melville đã nói rằng mầu trắng là mầu của những huyền bí dầy đặc, là tuyết trắng che lấp thiên nhiên, là một sự phủ nhận tột cùng. Trong tuổi thơ tôi, và suốt thời niên thiếu, mầu vàng của văn hóa Việt chính là mầu sắc của ngập ngừng và nuối tiếc, của những kỳ thị về giai cấp và địa vị, của những thụ động "quân tử Tàu" và hy sinh phi lý. Tôi muốn chối bỏ định mệnh này. Hơn ba mươi năm sau, một hôm kể chuyện Trương Chi Mỵ Nương cho con gái đầu lòng, nó thản nhiên nói, con biết chắc rằng, nếu chuyện này xẩy ra ở Mỹ, Trương Chi sẽ lấy được Mỵ Nương, mặc dù Trương Chi tuy lúc đầu nghèo và xấu, sẽ đi thi hát trên American Idol và thành ca sĩ nổi tiếng.

Những màu da từ xứ lạ đến Sàigòn trong những năm chiến tranh đã cho tôi lờ mờ hiểu rằng ở đâu đó trên trái đất, có những đám dân trong những xã hội không theo định luật của xã hội Việt Nam. Lúc ấy, ước vọng xa xứ của tôi chỉ như một ước vọng giả tưởng, vì tôi không hề nghĩ gia đình tôi có phương tiện sinh sống ở ngoại quốc. Về sau, tôi hiểu tại sao ngày xưa còn bé tôi đã muốn thoát ly. Có thể vì tôi tưởng ở đâu đó ngoài nước (abroad rộng rãi sáng sủa), khi có sự chọn lựa, định mệnh sẽ không còn là chuyện may rủi, mà thành điều tự quyết rõ ràng. Ngày xưa ở Việt Nam chúng bạn tôi dùng tiếng lóng "to be" có nghĩa là "bị" khi chúng tôi có kinh nguyệt lần đầu tiên, vì không có sự chọn lựa gì trong chuyện gặp "của nợ" cả.

Ước mộng giả tưởng của tôi bỗng trở thành một biến cố lịch sử. Tôi mãi mãi mất đi môi trường mà tôi tưởng rằng đã đối nghịch lại với trí tưởng tượng con nít của tôi, và như một khách du lịch bất đắc dĩ được lạc vào chính xứ sở mà tôi hằng mong ước, nhưng đồng thời hoàn toàn không có quyền lựa chọn. Để định nghĩa cuộc đổi đời ấy là một hy sinh vô cùng đau đớn nhưng có giá trị, bố mẹ tôi khuyên các con cố học hành cho khá nhé, mình qua đây tay trắng mất hết mọi cái rồi chỉ còn nền nếp. Cái học thức nên người là một cách trau dồi nền nếp. Đừng làm bố mẹ thất vọng. Đừng có chuyện đổ đốn tòe hoe coi xấu lắm. Mình phải cố gắng hơn người bản xứ để được họ kính trọng.

Lúc đó chúng tôi là dân tỵ nạn. Tay trắng là tay trần, tay trống rỗng. Trong ngày tháng định cư lúc ban đầu, những người bảo trợ cho gia đình khi nhìn thấy chúng tôi có bát rau sam trên mâm cơm đã tưởng chúng tôi là dân chỉ ăn cỏ dại. Mấy hôm sau họ bèn dậy tỉ mỉ cho chúng tôi cách đi xe đạp và cách làm nước đá bỏ tủ lạnh. Để đáp lại ơn cưu mang, sau này chúng tôi thức suốt đêm làm tiệc "xuất gia" (trước ngày dọn về nhà mới). Nhìn món canh cải xanh mướt như ngọc, món miến gà trong suốt, những lát chả giò cua vàng óng ả, những người bảo trợ tròn xoe mắt. Làm những món này có khó không. Không đâu, thưa bà, dễ lắm, chỉ là món chúng tôi ăn thường ngày. Lòng kiêu hãnh Á Đông (hay cũng là một cách

cải tạo Mỹ rất cao tay) đã làm người bề trên chúng tôi biến những gian lao cùng cực thành chuyện bỏ qua để được sự kính trọng của người bản xứ. Một sự kính trọng có nhiều xa cách, như chống lại mọi thông cảm (vì sự thông cảm có thể làm người ta sinh ra tật ỷ lại).

Để tránh chuyện nhận foodstamp lâu dài, bố mẹ tôi đi làm nghề lao động, mang những miếng bánh mì sandwich sơ sài kẹp dăm ba miếng ham, một vài lát Velveeta cheese. (Ăn như Mỹ cho nó tiện, hơi đâu bầy ra kiểu Việt Nam mùi nước mắm khắm inh lên thì đừng bảo sao nó chê mình là đồ nhược tiểu.) Những người bạn cùng sở bố mẹ chúng tôi (khen như chê) trời sao anh chị hay vậy ăn được đồ của Mỹ, em đây là cứ ba màn mắm tôm mắm tép mới chịu nổi. Ở trong nhà, mặc dù là dân tỵ nạn, bố mẹ tôi vẫn gọi người Mỹ là người ngoại quốc. Chúng tôi vẫn ăn cơm theo kiểu Việt Nam. Mẹ tôi vẫn nấu những món ăn tỉ mỉ và tốn nhiều thì giờ, như muốn cho chúng tôi biết rằng mặc dù chúng tôi đã mất tất cả, chúng tôi chưa trở thành cỏ rác. Tôi coi chuyện ăn uống rình rang trong gia đình là một gánh nặng, gần như là một mặc cảm tự ti. Là con cả, việc phụ bếp và rửa bát làm tôi đình trệ chuyện làm bài vở cho trường. Mãi sau này, mặc dù biết nấu những món ăn Việt Nam, lúc mới có con tôi chỉ nấu cho nó những thức ăn organic theo lối Tây, lối Ý. Tôi lo sợ con gái đầu lòng bị "ám" cái mặc cảm tự ti từ những món ăn Việt Nam, những món ăn đầy mùi mắm muối, những món ăn cô lập hóa gần như taboo mà thành chậm lớn.

Có thể bố tôi, một người cầm bút, đã hiểu thấu được mặc cảm tự ti của đám di dân trong tình cảnh đổi đời. Trong một bài báo viết về những ngày bắt đầu "đi lao động" ở xứ sở Tự Do cách đây 30 trước, bố tôi nói đến cách nói nhập nhằng của những người bạn đi làm. Người làm việc đổ rác và quét dọn cho một văn phòng luật sư thì nói là làm cho văn phòng luật sư. Người làm bồi cho nhà hàng thì nói rằng mình "đứng coi một tiệm ăn." Người làm cho nhà táng thì nói một cách quan trọng rằng mình có việc tham khảo dân số, có khách hàng tốt không bao giờ than phiền. Mặc dù bài viết của bố tôi có nhiều nét trào lộng, tôi hiểu được nỗi cô đơn của ông và những người cùng cảnh ngộ. Vì không ai dám nói thật (nói ra mất mặt), ai cũng tưởng rằng người khác đều may mắn hơn mình. Tôi cũng không khác bố. Khi viết thơ cho cô bạn D. ở Biloxi, Mississippi mà tôi quen từ ngày học ở Trưng Vương, tôi không hỏi D. có thấy lẻ loi ở cái tỉnh miền Nam chuyên về nghề đánh cá đó không. Tôi cũng không kể là tôi mặc quần áo cũ nhà thờ cho, và không ai ngồi cùng ghế với tôi trên xe buýt đến trường. D. và tôi trao đổi ảnh glamour chụp mỗi đứa mặc quần áo diện ngày Tết, đứng nhìn mơ mộng dưới cây, trên cỏ. Một cô bạn khác ở Fresno, California, chân thật hơn, viết cho tôi những là thư dài để giải tỏa những đè nén u uất. Gia đình cô đông người, mọi người phải đi làm bồi ở sòng bạc hay lang thang làm công nhân cho những trại trái cây hết mùa này sang mùa khác. Cô chua chát với đời sống ở Mỹ và cuộc sống bon chen trong một gia đình "kém trí thức." Tôi không biết phải an ủi cô bạn làm sao, vì ở lứa tuổi mười ba, tôi chưa có nhiều kinh nghiệm với thảm kịch và chưa bao giờ học được cách chia xẻ tình cảm hết lòng.

Như những con ngựa kéo xe thổ mộ bị bịt mắt ngoại vi trong thời thơ ấu, chúng tôi cắm đầu cắm cổ vào sách vở mong mai sau thoát kiếp tỵ nạn. Chúng tôi tưởng chỉ có một cách phiến diện đó thôi. Bất cứ mọi cách khác nếu không mang đến thành công vật chất hay thành công khoa bảng sẽ tầm thường hóa chuyện mất xứ sở của chúng tôi. Tôi quan sát dân bản xứ, đồng thời, như lúc còn bé, tôi bắt đầu phán xét hoặc phân tách những sinh hoạt trong nhà với thái độ tách rời. Tôi cố chìm vào đám đông, như trở thành vô hình. Tôi không gây khó khăn cho thầy giáo. Tôi nghĩ thầy giáo Mỹ lúc đó là những người gần như vô tình, hoặc quá e dè với những sắc thái của văn hóa và ngôn ngữ. Cái gì tôi làm trong lớp cũng tốt hết vì tôi như một thành phần của một hành tinh khác chưa bị văn hóa Mỹ làm hư hỏng. Chữ good nghe như một lạm phát của ngôn ngữ. Một hôm thầy giáo khen tôi đã có điểm cao nhất lớp trong bài thi về lịch sử Hy Lạp, nhưng mắng cả lớp đã trượt đề thi. (Các anh các chị thử tưởng tượng coi, để một học sinh tỵ nạn với vốn liếng Anh ngữ rất kém qua mặt các anh các chị.)

Năm lớp chín trong trường Mỹ tôi sáng tác một truyện ngụ ngôn, tựa đề là Ambitious Antonius. Antonius dốt đặc, nhưng chê vợ là nhà quê, bèn bỏ vợ đi đến thủ đô Athens và xin vào yết kiến Voltarius, được tôi tả là một triết gia và luật sư lừng danh của Athens. Antonius hỏi Voltarius, làm thế nào để được hạnh phúc, nếu tôi không yêu con vợ xấu và quá đỗi nhà quê của tôi. Voltarius mắng Antonius và bảo hắn phải quay về làng xin lỗi người vợ, "Hạnh phúc là gì nếu không phải là chính nhà ngươi tạo ra. Con người

những em bé nâu vàng của cuộc cách mạng

Bài thơ này không viết về những em bé nâu vàng của cuộc cách mạng
Bài thơ này không viết về cuộc hành trình tìm cá tính cho riêng tôi khoái cảm
Bài thơ này không viết về dương vật của những lá cờ dân tộc chủ nghĩa đâm vào âm đạo đất mẹ
Bài thơ này không viết về chuyện lột da làm cờ.
Bài thơ này không viết về những cặp mắt màu tương và những cặp đùi màu gạo
Bài thơ này không viết về vua hay hậu, chúa hay phi
Bài thơ này tôi viết về tình yêu

Bài thơ này tôi viết về tiếng cười trong ngôn ngữ riêng của chúng ta,
Thứ ngôn ngữ mà chỉ có ta mới sáng tạo được,
Những tiếng cười ta làm
Nếu như ta cùng biết điều gì sẽ xảy ra khi ta sống mà không cười,
Ta cùng biết mình đã trộn bánh mì với gạo,
Và ăn sự câm nín:
Thành phần im lặng nhất trong cái nồi văn hóa
Và ta đã sống bằng thứ đồ ăn này-

Bài thơ này
Tôi viết về tình yêu,

Mở âm thanh của tình yêu thật lớn cho đến khi chúng ta cùng rung,
Cho đến khi chân tay ta cùng lắc, khi ta cùng hét bằng nhiều thứ tiếng,
Và thỏ thẻ trong tai nhau:
Anh sẽ không bao giờ đòi em đổi tên
Anh sẽ không bao giờ đòi em đổi tên
Tên em nằm ở nhà nằm trên lưỡi anh

Em có nghe anh nói không?

Trên đất nước này khi họ muốn ta mù, điếc, tê cóng, và thất bại,
Ta sẽ phải tự sáng tác âm nhạc của riêng mình
Vì chưa có bài hát nào đã được viết cho ta,
Cho cuộc chiến bên trong chúng ta,
Trái tim đập vào linh hồn,
Những nốt nhạc bất đồng trong tâm trí ta,
bài thơ này viết để biết
chúng ta chiến đấu thế nào
để có thể tự yêu bản thân mình
Sự hút trọng lượng này,
Hát bài ca vòng quanh trong lòng ruột ta,
Ta sẽ biến những bài ca này thành những ngôi nhà và làm chủ chúng.
Những cửa sổ trong đôi mắt nâu và câu chuyện của em
Cầu thang trong đầu óc em và cà phê trong tóc huyền
Vậy mình sẽ thức trễ,
Mình sẽ sống bằng những núm cửa quay tròn,
Sấm sét của những tiếng cười song ngữ
Và nếu như ta cần đêm đen hơn,
Ta sẽ vùi đầu vào tóc nhau và lạc mất trong đó,

Và mưa sẽ là những hạt trai,
Những thanh kiếm tia chớp sẽ vỡ tanh tách trên xương sống đôi ta
Và ta sẽ nâng nhau vào trong cơn dông tố

Bài thơ này viết về tình yêu
Những hạt mưa rơi dần để làm thành âm nhạc,
Âm nhạc là cơn giông tố rung trong hạt rơi trên mái ngói
Và trên đường phố làm cho nó coi giống như những ngôi sao biết khóc
Thứ tình yêu làm nhiều người chạy trốn
Nhưng sẽ có những người
sẽ liều mạng đứng hong
Với vòng tay mở rộng và vầng trán dâng cao
Bởi vì có những điều cần phải thấm vào da thịt chúng ta

Đó là bài ca tôi cần được nghe
Đó là bài ca tôi biết tôi nghe
Đó là bài ca sống trong tai tôi

Đó là bài ca tôi biết sẽ có một ngày, sẽ trở thành sự thật
Đó là bài ca không thể tồn tại
Nếu không có em

Đây là bài ca cuối cùng trên trái đất
Đây là bài ca cuối cùng trên trái đất
Sẽ không có gì khác
Sẽ không có gì khác
Vậy em hãy thở một hơi sâu
Và hát

2001

Bảo Phi

Đỗ Lê Anhdao *dịch*

khinh bạc như nhà ngươi thì phải về nhà tu thân tề gia trước đã rồi tính tới cái chuyện hạnh phúc. Hạnh phúc là một thứ xa xỉ phẩm, là bọt xà phòng thôi, mày phải biết phận mày mà suy ngẫm điều này." Với cái trí tưởng tượng còn nhiều ảnh hưởng Á Đông, tôi đã phác họa Voltarius như một triết gia Tàu thời Xuân Thu. Có lẽ Voltarius cũng giống như bố mẹ tôi, không tin hạnh phúc như một quyền lợi căn bản của xứ sở tự do—vì hạnh phúc kiểu này là hạnh phúc bạc bẽo theo cái mới bỏ cái cũ. Có lẽ tôi không muốn cho Antonius có một sự trốn thoát trách nhiệm quá dễ dàng (như những Thánh Tông Đồ xưa tỉnh bơ bỏ vợ theo Chúa để tìm hạnh phúc thiên đàng).

Nhưng lúc đầu, mặc dù viết truyện ngụ ngôn như một lời tự cảnh cáo mình, tôi thật sự muốn đeo đuổi cái hạnh phúc của thiên đường mới—một hạnh phúc hướng ngoại dựa trên thành công qua sự cần cù, một hạnh phúc dựa trên tiếng Anh mà một ngày trong tương lai tôi sẽ nói lưu loát để phủ lấp những điều không thể giải tỏa được trong văn hóa Việt Nam, để như phủ lấp cái cảm giác xa lạ đã theo đuổi tôi triền miên từ ngày còn bé. Một hạnh phúc như định mệnh phải đoạt được. Bố mẹ tôi thì khác. Mặc dù mong muốn chúng tôi được thành công—vì thành công vật chất là sự yên ủi duy nhất cho thân phận lưu vong, Việt Nam, chứ không phải Hoa Kỳ, mới là thực tạo đối với bố mẹ tôi. Mặc dù bên ngoài bố mẹ tôi có vẻ linh động về vấn đề hòa hợp vào nếp sống Hoa Kỳ, trong thâm tâm bố mẹ tôi trở thành bảo thủ và mong ước rằng, khi cánh cửa nhà đóng lại, văn hóa Mỹ (xã giao và hời hợt) sẽ không xâm nhập vào nội bộ. Lúc khép cửa: văn hóa Việt Nam sẽ dìu bố mẹ tôi đi ngược dòng thời gian vào quá khứ huy hoàng nào đó. Bố mẹ hy vọng rằng tôi sẽ có người đến xem mắt theo kiểu xưa mà tôi phải ra rót nước trà, và như một tiểu thư có nền nếp sẽ không bao giờ chất vấn chuyện "bị" xem mắt.

Nhưng có lẽ trạng thái tách rời ra khỏi văn hóa bản xứ của bố mẹ tôi, khi phân tách cho cùng, cũng là một cô lập hóa rất là "Mỹ." Thái độ cô lập của Hoa Kỳ được khởi nguồn vì một nhóm người theo đạo Thanh Giáo (Puritan) đã đáp tầu vào New England để tìm tự do tín ngưỡng. Richard Rodriguez đã phân tách sự cô lập này như sau:

Quốc gia Hoa Kỳ được thành lập trên sự sợ hãi đối với đám đông. Những tín đồ Thanh Giáo thuở trước chỉ tin vào cuộc sống cô lập. Người Thanh Giáo khuyên nhau lập hàng rào. Lập hàng rào lên để bao vây lại những gì họ yêu quý,và đồng thời tôn trọng hàng rào của người khác. Đạo luật Thanh Giáo đã dạy người Mỹ rằng nước Mỹ không hiện hữu—không hiện hữu trên phương diện văn hóa, không hiện hữu trên phương diện đồng sứ mệnh, không hiện hữu trên phương diện cộng đồng thực thụ. Chính vì đạo Thanh Giáo mà lý tưởng cá nhân của xã hội Hoa Kỳ luôn luôn bị xung khắc với kinh nghiệm đời sống và văn hóa của các sắc dân bản xứ.(23)

Theo Rodriguez, chính sự cô lập của đạo Thanh Giáo Hoa Kỳ đã oái oăm biến Hoa Kỳ thành một nơi cưu mang cho nhiều sắc thái di dân. Không có một tinh thần cộng đồng, Hoa Kỳ không thể chống lại sự xâm nhập của nhiều đợt khách lạ. Hoa Kỳ đã trở nên một quốc gia đa hoá, đa tín ngưỡng cũng chỉ vì một nhóm tín đồ Thanh Giáo đã chối bỏ thế gian. Không có một tinh thần cộng đồng từ ngày còn bé, và không thấu hiểu hoặc chấp nhận được những ý niệm hướng về tập thể trong văn hóa mẹ đẻ, mặc dù bố mẹ đã dậy bảo tôi trong khuôn phép cổ truyền của văn hóa Việt, tôi đã hấp thụ dễ dàng văn hóa Mỹ.

Tuy nhiên, với nỗi niềm mất mát và cảm giác hụt hẫng của một thiếu nữ chưa làm chủ hoàn toàn được ngôn ngữ "mẹ nuôi," tôi rung cảm thực sự khi đọc đến đoạn văn bất hủ của F.Scott Fitzgerald năm lên mười sáu tuổi:

Và tôi ngồi đó, ngẫm nghĩ về thế giới xưa bí ẩn. Nghĩ đến giấc mơ của Gatsby khi hắn mới nhìn thấy ánh đèn xanh từ bến thuyền Daisy. Hắn đã đến vườn xanh của Daisy từ một nơi xa lắm, và giấc mơ của hắn đã thấy như thật gần, gần đến nỗi hắn tưởng như đã nắm trong tay. Hắn không ngờ rằng giấc mơ ấy đã thụt lùi đằng sau hắn, ở xó xỉnh nào trong cái mù mờ dằng dặc của ngoại ô thành phố, nơi những cánh đồng tối tăm của nền cộng hòa trôi lặng lẽ trong màn đêm.(24)

Fitzgerald, nhà văn Hoa Kỳ da trắng gốc người Ái Nhĩ Lan, hơn bẩy mươi năm trước Rodriguez đã thấu hiểu được tâm trạng vừa chới với vừa "điếc không sợ súng" của người di dân trước một xã hội mới dựa trên ảo tưởng và lãnh đạm. Mà đâu có gì lạ, vì Hoa Kỳ là sân khấu tái diễn không ngừng huyền thoại Sáng Thế trong Cựu Ước lẫn lộn tạp nham vào huyền thoại nguyên thủy của triết lý Hy Lạp. Jay Gatsby đâu có khác gì tôi khi muốn chối bỏ quá khứ để tự tạo ra cho mình một định mệnh tự quyết—một manifest destiny—hoàn toàn từ một ý niệm hiện sinh đặc tính chất đàn ông:

Tôi nghĩ hắn đã sửa soạn cái tên [Gatsby] từ

lâu lắm rồi, ngay từ hồi ấy. Bố mẹ hắn là những người nông dân túng quẫn mà trí tưởng tượng của hắn không thể chấp nhận. Thật ra Jay Gatsby, người huyện West Egg, Long Island, đã tự mình nảy sinh ra từ ý niệm về quả trứng huyền thoại của Plato. Hắn là Chúa Hài Đồng Con Chúa Trời - một cách nói, nếu có nghĩa nào khác cho nữa, cũng chỉ vậy thôi—và hắn phải làm tròn sứ mệnh của Chúa Cha, phục vụ cho cái đẹp hào nhoáng vĩ đại nhưng hóa ra rỗng tuếch và thô tục.(25)

Gatsby Huyền Thoại, như truyện Người Tù Với Tự Điển của Đinh Linh, cũng là một truyện ngụ ngôn đặc tính chất Hoa Kỳ.

Sau khi tốt nghiệp bằng cử nhân văn chương Anh Pháp, vì sợ cái vốn liếng chữ nghĩa vẫn còn bấp bênh của mình sẽ không làm ra tiền, tôi trở thành sinh viên trường Luật. Trường tôi học áp dụng kinh tế trong ngành Luật. Giáo sư nói trong luật pháp ý niệm "đúng" hay "sai" chỉ là kết quả thương lượng giữa những thành phần có khả năng phân phối tài sản. Bên thắng là bên có nhiều tiền hoặc nhiều thế lực hơn bên thua.

Mùa hè sau năm thứ nhì ở trường Luật, tôi tập sự cho một tổ hợp luật sư ở thủ đô DC. Nói là "đi làm," nhưng thật ra tôi và những sinh viên khác phải học cách xử thế với những partners trong tổ hợp. Tôi cố ra vẻ theo dõi những câu chuyện "shoptalk" nhàm chán đặc tính chất Hoa Thịnh Đốn về những đạo luật Quốc hội và vấn đề tranh chấp của lobby groups. Tôi chỉ ước có thì giờ viết, xem xi nê và đọc tiểu thuyết. Tôi ghét những buổi cocktail, picnic, những hôm "bị bắt" phải ra chơi softball với những luật sư trong tổ hợp để "tìm hiểu" về họ. Nhưng họ không có thì giờ đọc văn chương, và tôi không thích nói chuyện về thể thao hay chính trị. Bấy giờ tôi mới thấm thía câu mẹ tôi vẫn hằng nói "ở bên Mỹ tiền nào của nấy."

Mặc dù như vậy, nhưng khi nhận được tấm check đầu tiên, tôi không thấy mình xứng đáng được nhận lấy nó. Tấm check cho một tuần tập sự của tôi nhiều gấp ba lương tháng lao động của bố mẹ. Tấm check như một cách đòi hỏi sự "vô hình" của tôi, để tôi trở thành rập khuôn như những luật sư da trắng khác. Nhưng tôi không muốn bắt chước họ, không muốn nơm nớp đợi ông partner ra khỏi văn phòng lúc chín giờ tối đêm mới dám ra về. Không muốn mặc bộ suit màu navy kẻ sọc trắng, nửa chiêu đãi viên hàng không nửa gangster. Tôi chán ngấy công việc. Tôi chán ngấy trường Luật. Tôi gọi điện thoại cho giáo sư cố vấn ở trường. Thưa thầy, chắc con không muốn thành luật sư. Giáo sư hỏi tại sao vậy. Tôi nói tại con chán và không có tài giả vờ, với lại con ghét chơi softball với mấy ông partners. Giáo sư nói hay con nghỉ một thời gian rồi trở lại. Con có nhiều thì giờ mà, chậm còn hơn ân hận. Mà con không muốn thành luật sư cũng không sao. Ở xứ sở này, chúng ta phải biết cách sống cho hạnh phúc.

Nhưng tôi không nghe lời giáo sư cố vấn. Cuối cùng tôi vẫn tốt nghiệp, thi vào luật sư đoàn, và hành nghề Luật. Tại sao? Có lẽ vì tôi sợ một tương lai lai lêu bêu nên phải bấu víu vào những khuôn cách của xã hội. Cũng có lẽ tôi muốn thành một phụ nữ tự lập có địa vị và những tiện nghi thoải mái về vật chất mà không phải phụ thuộc vào đàn ông, cho nên tôi đã chọn ngành Luật như một thái độ chống lại văn hóa cổ truyền của Việt Nam. (Có lẽ trong văn hóa và văn chương Việt Nam đã có quá nhiều hình ảnh phụ nữ "bán tạp hoá," hay phải sống theo cái nhìn của đàn ông mà bản thân tôi muốn chối bỏ hoàn toàn? Tại sao nàng Kiều, là tiểu thơ con nhà giàu, khôn ngoan, đảm đang, không biết đi mướn luật sư giỏi cãi cho bố mình khỏi oan ức mà phải đến nỗi đi bán mình?) Lúc đầu tôi chỉ nghĩ về sự chọn lựa ngành Luật trên phương diện cá nhân hạn hẹp, nhưng về sau, tôi nhận ra rằng nghề Luật cũng là môi trường để tôi có dịp "trở về" với ý niệm cộng đồng: ý niệm cộng đồng như một cấu trúc nhân tạo nhưng bao quát và cần thiết, để những phần tử di dân da vàng không trở thành vô hình. Ý niệm vô hình và có diện hình cũng tùy thuộc vào cách nhìn.

Một vài năm sau khi tốt nghiệp trường Luật, tôi làm luật sư thiện nguyện cho một chủ tiệm vàng người gốc Quảng Ngãi có tiệm vàng ở khu phố Washington DC bị cướp. Lúc đầu tôi hầu như không hiểu được giọng Quảng Ngãi rổn rảng quá khác biệt với giọng Bắc Kỳ sắc cạnh mà tôi đã nghe quen từ bé. Tôi không biết có phải người chủ nói là bà ta không mở cửa tiệm sau hôm bị cướp, hay là vì buồn nản quá mà muốn mửa. (Tôi đoán là bà đã không mở cửa tiệm sau hôm bị cướp, và đã dịch như trên cho cảnh sát và nhà báo địa phương.) Mặc dù tôi phải mất một thời gian dài mới được lòng tin của gia đình này, và mặc dù nhiều lúc tôi có cảm tưởng như sự giúp đỡ về sinh ngữ và luật pháp của tôi cũng chỉ là một mảnh băng rất nhỏ trên vết thương to loét lở của người gặp nạn, tôi thấy công việc tôi làm là điều đã mang đến ý nghĩa cho nghề chọn. Tôi đã may mắn hơn bố mẹ tôi vì dù sao tôi đã có cơ hội áp dụng kinh nghiệm giáo dục thẳng vào công việc làm. Tôi đã thấy rằng luật pháp không phải

chỉ cho những kẻ có tiền và thế lực mạnh. Luật pháp cũng cho tôi một chút hy vọng về sự tồn tại của những lý tưởng dựa trên sự công bằng.

Tuy rằng kinh nghiệm thiện nguyện của tôi dựa trên mối giao tiếp với đồng bào người Việt, vì bản sắc người Mỹ gốc Á Đông ở lãnh thổ Hoa Kỳ là một đoàn kết có tinh thần tranh đấu cho nhân quyền, những lúc dạy lớp huấn luyện ý thức đa hóa cho những viên chức trong chính quyền địa phương tôi đã đề cập đến đại cương lịch sử di dân và những thành tích của mọi sắc dân Á Đông tại Hoa Kỳ (bắt đầu với đường xe lửa xuyên lục địa Hoa Kỳ đã hoàn tất năm 1869 bằng mồ hôi, máu và nước mắt của những người lao động di dân từ Trung Hoa). Cách lập thuyết trên phương diện này là một cách củng cố về mặt chính trị trong xã hội dòng chính: rằng người Á Đông nói chung đã có một sự hiện diện lâu đời và quan trọng trên lãnh thổ Hoa Kỳ (thay vì chỉ chú trọng lẻ tẻ đến từng sắc dân Á Đông đã đến Hoa Kỳ qua nhiều đợt thời gian khác nhau, mà cộng đồng Việt Nam là cộng đồng kể như mới nhất). Cách lập thuyết này cũng được tôi áp dụng vào văn chương. Văn chương di dân Á Đông là văn chương dòng chính Hoa Kỳ.

Có phải Mary McCarthy, khi phân tách tỉ mỉ những định nghiã về người di cư, ngoại kiều và lưu vong, cũng chỉ nói ra những trạng thái chuyển dòng trong thâm tâm dân tộc Mỹ, đi từ trạng thái tập thể tạp nham đến một ý niệm cô lập để thu hồi nhân dạng—để có một chỗ đứng đặc biệt và riêng rẽ trong một xã hội hỗn hợp, mà ý thức không muốn nối rễ cũng là một phương cách chống lại sự vô hình hóa của lối nhìn rập khuôn (tuy cần thiết về vấn đề đoàn kết chính trị nhưng không chú tâm đến những đặc thù của từng sắc dân):

Một điều đã được hiểu ngầm trong những phân biệt giai cấp là sự tôn trọng của chúng ta đối với quyền lựa chọn cá nhân.

Kẻ lưu vong hầu như đã quyết định rời xa tổ quốc, còn dân tỵ nạn là chính hình ảnh của sự sa cơ tuyệt vọng, của những rối loạn, bị đẩy ải ra khỏi nước nhà bởi những thế lực ngoài sức hiểu biết và toan tính của họ . . . . Vì thường tình dân tỵ nạn chỉ được coi như là một tập thể, điều mọi người muốn làm tức thời là lo thủ tục định cư cho họ. Sau khi cho họ ăn uống và cấp cứu sơ đẳng. Nhưng không có một công chức sở xã hội nào dám mơ ước đến chuyện định cư kẻ lưu vong. Đặc điểm chính của một kẻ lưu vong là sự từ chối chuyện ăn rễ vào đất mới."(26)

*

III. Nhận Định Vai Trò:

Trong quyển Understanding Vietnam, Neil Jamieson đã mô tả xã hội Việt Nam với định nghĩa "tâm thần phân liệt" (schizophrenic) mà tôi nghĩ cũng áp dụng rất chính xác cho xã hội Mỹ: "Sự đối nghịch kinh niên giữa cơ cấu đa hóa và vòng áp chế của ý niệm thuần nhất, giữa tự do và trật tự, sẽ chắc chắn tiếp tục trong một thời gian lâu dài."(27) Vì ý niệm Hoa Kỳ theo Rodriguez không phải là ý niệm hiện hữu hoặc thuần nhất, khi những người da trắng miền Đông Bắc Hoa Kỳ vẫn đoái nhìn lại Âu Châu, tôi và những người cầm bút cùng thế hệ thường xuyên ngoái về Việt Nam. Lãnh thổ Hoa Kỳ 30 năm sau khi chiến tranh Việt Nam chấm dứt—hơn hai thế kỷ sau ngày Tuyên Ngôn Độc Lập Hoa Kỳ, như vẫn còn sắc thái tạm bợ của miền đất hoang tranh sáng tranh tối, của giằng co triền miên giữa tương lai và quá khứ. Cách đây mười năm, tôi viết một bài tiểu luận bằng tiếng Anh tựa đề Giờ Chính Thức cho Người Tỵ Nạn (Real Time and The Refugee) và tự đặt câu hỏi: "Quá khứ nào là hiện tại của người tỵ nạn, và quá khứ nào là tương lai của người tỵ nạn?"(28)

Đinh Linh đã định nghĩa một Việt kiều có quốc tịch Mỹ là dân "Nacirema" ("American" đọc ngược lại.)(30) Tôi nhớ đến mấy câu thơ của Rilke trong The Sonnets to Orpheus:

Mặc dù hắn chính hắn sợ bị mất đi nhân dạng hắn phải biến thân: người có hiểu chăng?

Từ lúc giọng hắn vượt qua tầm đời chúng ta—từ đây rồi hắn đến nơi nào người sẽ không còn thấy dấu vết

Dây đàn lyre không còn buộc những ngón tay của hắn

Và trong cách vi phạm hắn đã chịu quy tòng.(31)

Trong những câu thơ này, tôi không hiểu Rilke đã ám chỉ "hắn" để nói về Orpheus hay Euridyce. Trong huyền thoại Orpheus, Orpheus, nổi tiếng đánh đàn hay, có vợ là Euridyce. Euridyce bị rắn cắn chết. Orpheus tìm đến cõi chết và dùng đàn thuyết phục vua Âm Phủ là Pluto cho mang Euridyce về cõi sống. Pluto bằng lòng, nhưng với điều kiện là Orpheus không được ngoảnh mặt nhìn về phía sau cho đến khi lên trên mặt đất. Nếu vi phạm điều kiện này sẽ mất Euridyce vĩnh viễn. Orpheus nóng lòng muốn biết là có Euridyce ở đằng sau mình, trong một phút thiếu tự tin đã

quay mặt lại phía sau. Euridyce một lần nữa tan biến vào cõi âm. Orpheus và Euridyce có lẽ là hai khía cạnh của nhân dạng di dân Hoa Kỳ. Khi Euridyce mất đi, nàng đã biến thành một phần trong ý thức hệ của Orpheus. Đây là một hoài bão của những người cầm bút trong thế hệ chúng tôi: một đằng dùng phương tiện nghệ thuật để khai thác và giải nguôi những mất mát bất tận, và một đằng cố thu hồi lại di sản văn hóa nhưng đồng thời cũng hội nhập vào, và biến hóa nghệ thuật dòng chính.

Dù sao đi nữa, chúng tôi đã được cấu tạo trong truyền thống văn hóa của xứ sở tự do. Chúng tôi chất vấn bất cứ mọi ngôn ngữ và lối nhìn hà khắc. Nghệ thuật đối với chúng tôi cũng là chính trị. Lợi điểm của chúng tôi là khả năng viết trong hai ngôn ngữ Việt Anh. Dạng chân qua hai dòng văn hóa, chúng tôi không phải là những thành viên của một Lost Generation, mà là hiện tại và tương lai của nền văn học xuyên văn hóa và xuyên màu da. Chúng tôi muốn theo dấu chân Li-Young Lee, nhà thơ Mỹ gốc Hoa (sinh trưởng tại Nam Dương), tự đặt cho mình sứ mệnh tiếp nối sự khai phá trung thực của ý thức hệ:

Trực tiếp từ nỗi hận của cha
chậm trễ từ tử cung của mẹ
muộn màng trong thế kỷ này một buổi sáng thứ Tư
trên người mang dấu vết của một tên
không sống trên thiên đường cũng chẳng ở dưới địa ngục,
nơi sinh ra tiêu tán, quốc tịch mới vừa trao
như đá sỏi thế gian, ta đi vào
không vì sự thờ ơ hay trợ giúp của lịch sử,
những ngày như không ngày, thế gian ta
thế gian không, ta đi vào
thành phố trong đó ta yêu em.
Và ta không hề tin hàng vạn những giấc mơ
hàng vạn những lời thề đã trở thành hoang phí.(32)

Đinh Từ Bích Thúy
(Washington DC, July 2005)

Chú thích:

(1) Bản dịch của Đinh Linh đã được đăng trong Hợp Lưu Số 57 (Tháng 2 & 3 năm 2001).

(2) Trích từ "Man Underground," bài phê bình văn chương của Saul Bellow về Người Vô Hình đăng trên tờ Commentary (June 1952), trang 608-610. Mọi trích dẫn văn chương trong bài, trừ những đoạn thơ trong bản dịch Đất Hoang của Đinh Linh, đều do người viết chuyển ngữ.

(3) Walt Whitman, "I Hear America Singing," từ tuyển tập Lá Cỏ (Leaves of Grass) (Bantam Books: 1983), trang 9.

(4) Trích dịch từ The New Colossus (1883) của Emma Lazarus, một nhà thơ Mỹ gốc Do Thái, viết bài thơ này để quyên tiền xây bệ cho tượng Thần Tự Do. Mặc dù nhiều học giả hiện đại đã phê bình bài thơ có giọng điệu hạ cố khinh miệt đám người tỵ nạn trôi dạt vào bờ bến Hoa Kỳ, nhưng phần nhiều người gốc di dân Hoa Kỳ đều nhìn nhận hình ảnh tổ tiên tỵ nạn của họ như bà Lazarus đã mô tả, "khốn cùng" và bị "bão gió cuốn trôi" mà chỉ có lý tưởng tự do và lòng đại lượng của Hoa Kỳ mới có dịp thu hồi lại nhân bản.

(5) Peter Ho Davies, "The Hull Case," trong tuyển tập Charlie Chan is Dead 2: At Home in the World, ed. Jessica Hagedorn (Penguin Books: 2004), trang 93-107.

(6) Fake House (Seven Stories Press: 2000), trang 11-18.

(7) Monique T.D. Truong, The Book of Salt (Houghton Miflin: 2003), pp. 77-78.

(8) Được in trong tuyển tập Asian American Literature, ed. Shawn Wong (HarperCollins: 1996), pp. 288-295.

(9) Ibid., trích từ Notes to Dear Kelly, trang 293.

(10) New York Times Sunday Style Magazine Travel Summer 2005 Issue (May 15, 2005).

(11) Đinh Linh dịch từ nguyên văn tiếng Đức: "Bin gar keine Russin, stamm' aus Litauen, echt deutsch" trong bài thơ Đất Hoang.

(12) Nguyễn Đình Hòa, From the City Inside the Red River: A Cultural Memoir of Mid-Century Vietnam (McFarland & Co: 1999), trang 9-11.

(13) Richard Rodriguez, "Mr. Secrets," trong Hunger of Memory (Bantam Books: 1982), trang 182, 188.

(14) "In Conversation: Linh Dinh with Matthew Sharpe," The Brooklyn Rail (trang mạng http://www.brooklynrail.org/books/may04/linhdinh.html), May 2004.

(15) Jhumpa Lahiri, The Namesake (Houghton Miflin: 2003).

(16) From the City Inside the Red River, trang 132.

(17) Ibid., trang 119.

(19) Ibid., trang 120.

(20) Trích dịch từ trang mạng The Writers Post, (trang mạng http://www.thewriterspost.net/TWP_V6.htm), Volume 6 No. 2, July 2004.

(21) Trích trong bài phê bình "Man Underground," trang 2. (Xin xem chú thích 2 ở trên.)

(22) Nguyên tác "Prisoner with a Dictionary" trong tập truyện Blood and Soap (Seven Stories Press: 2004), trang 4.

(23) Rodriguez, "Asians," trong tuyển tập Race: An Anthology in the First Person, ed. Bart Schneider (Crown:1997),trang 63-64.

(24) F.Scott Fitzgerald, The Great Gatsby (Collier Books: 1992), trang 189.

(25) Ibid., trang 104.

(26) Mary McCarthy, "A Guide to Exiles, Expatriates, and Internal Emigres," in trên The New York Review of Books, Vol. 18, Number 4 (March 9, 1972)..

(27) Neil Jameson, Understanding Vietnam (University of California Press: 1993), p. 374.

(28) Thuy Dinh, P.O.V/PBS Stories from the War , ở website http://www.pbs.org/pov/stories/vietnam/

(30) "Two Who Forgot," trong tuyển tập truyện ngắn Fake House, trang 113-122.

(31) Rainer Maria Rilke, "The Fifth Sonnet," trong Ahead of All Parting: The Selected Poetry and Prose of Rainer Maria Rilke (The Modern Library: 1995),bản dịch Anh ngữ từ nguyên bản tiếng Đức của Stephen Mitchell, p. 419.

(32) Li-Young Lee, "The City in Which I Love You," trích dịch từ tuyển tập thơ cùng tựa đề (BOA Editions, Ltd: 1990), trang 56-57.

Hai truyện thật ngắn

Nó

nguyễn thị hoàng bắc

"Nó" (ảnh Nguyễn Hương)

Chuyện về nó

Nó là em tui. Có thể độc đáo. Có khi độc địa (chơi thôi.) Có lúc tập tành ziết zăng gửi đi đăng báo, nó ký Mai Danh, tui nói, đồng ý là mày mượn điển mai danh ẩn tích nhưng sao tao thấy nó giống tên đàn ông (làm sao?) Giật mình nó hỏi, thiệt ra bà nghĩ tui mơ làm đàn ông?

Suy nghĩ một hồi rồi đổi bút hiệu thành Mai Văn.

(Hay!)

Lần có chuyện kình cãi với một người đàn ông (kinh dị) trong họ (ngoài làng,) MV (tức MD) thuật, ổng biểu tui đi vô trong đi, vì không muốn to tiếng tay đôi với đàn bà. Ïâu phải giờ tý canh ba đâu mà cha này tính lẩm nhẩm chuyện con gái nữ nhi đàn bà ? Nhưng thể theo lời yêu cầu (tha thiết) của hai người đàn ông (anh và chồng), MV đi vô phòng, để vấn đề lại cho họ trọng đại bàn cãi.

" Thế rồi mày đi vô?"

" Phải, tui đi vô!"

" ?!"

" Rồi tui đi ra, nói, thôi em đi vô nghen, để cho hai con cặc nói chuyện với nhau!"

Độc địa, độc đáo, dễ thương (chẳng thích thì độc ác, vậy!)

Giờ đây nó chết rồi.

Nó nhỏ hơn chị hai tôi 6 tuổi, thua tôi 4 tuổi, trẻ hơn mẹ tôi 3 mươi tuổi, rồi nó đi trước, phom phom, êm ru, nhẹ hều. (Thật ra, hết rồi thì tôi nói vậy, đau kịch liệt một tháng, đầu hàng một giây, nặng nhẹ ăn thua mẹ gì.)

Hoa đẹp thì chúa hái trước, dứt nghiệp thì dông, qua sông đổi ngựa, qua vựa đổi trâu. Nói vậy hổng chừng xúc phạm Mẹ tôi, bộ mẹ là hoa héo xàu ủ rũ sao? (Con nào chẳng mong mẹ mình sống lâu trăm tuổi?)

Đêm, tôi mơ thấy MV phất tay, xì một tiếng, nghinh ngang bước vào Diêm đình, bông rua Diêm vương, cười hỏi how are you?

Nó học triết tây, bỏ thây bên Mỹ, trình diện (học tập cải tạo) Diêm đình, bắt tay Diêm vương Mẽo, sẽ không phải cần độc đáo, độc địa, độc ác gì ráo. Cũng chẳng cần (phải cứng mới) đứng đầu gió luôn đối đầu (mệt mỏi?) với nền văn hoá kỳ thị nam nữ lâu đời dai dẳng bốn ngàn năm văn hiến An Nam. Nhưng tôi ngán, mày sẽ lúng túng không, khi lão Diêm vương Mẽo hỏi, you want to be a man or a woman in your next life?

Ngày, tôi nói với Mẹ, nếu mẹ thương nhớ nó quá, mình có đủ tiền mẹ làm cloning không, vậy là có nó ở luôn bên mẹ, đi chơi với mẹ. Như ngày nào.

Mẹ xanh ngắt mặt, lạnh tanh, rùng mình.

Trò thầy

Anh học trò kia nói:

"Dạy không khó, học mới khó!"

Chuyện tới tai thầy.

Thầy trợn mắt, đuổi ảnh ra khỏi lớp. Hằm hè biểu về đọc lại sách thánh hiền, chương "Tiên học lễ, hậu học văn"

Tháng sau anh trở lại xin học. Thầy hỏi, đã suy cho kỹ nghĩ cho tường chưa mà xin trở lại làm trò?

Ảnh thưa:

"Dạy là dở sách ra mà đọc, học là mở sách ra mà nuốt. Một đằng khơi khơi phun châu nhả sạn, một đằng khó nhọc trợn trạo nhai nuốt, đã ì ạch tiêu hoá, còn phải ợ ngáp trả bài."

Thầy giận ứ, lại đuổi đi.

Về nhà, thấy sách Nhân Văn Giai Phẩm lấy ra đọc, ông Chương Dân nói, ăn dâu thì phải nhả ra thứ gì khác chớ không phải nhả ra dâu.

Ảnh lấy qua sách Lê Nin toàn tập đọc, Lê nin nói, học, học nữa, học mãi.

Quan đại thần Phan thanh Giản lúc sắp cứu dân hàng giặc, sửa uống thuốc độc tự vẫn, dặn lại Phan Tôn, Phan Liêm, sau khi chôn cha, làm mộ bia khắc hàng chữ Hải giác thiên nhai Phan thư sinh chi mộ, như mộ anh học trò góc biển chân trời họ Phan.

Trò trở lại hỏi:

"Lê nin là trò hay thầy? Chương Dân là thầy hay trò? Còn người học trò nơi góc biển chân trời?"

Thầy te tái:

"Tiên học lễ, hậu học văn. Không biết nghe lời ta, không phải là học trò !"

Anh học trò lại bôn ba lâm cảnh sẩy trường ra thất học.

Mọi người kể lại truyện ngụ ngôn này, sau khi đọc được các bản tin trong nước bỗng ba láp phát hiện ra chuyện các nhà giáo nhân dân, cô nhiệt tình bắt học trò (cả lớp) liếm ghế , thầy phấn khởi căng nọc trò ra cho lệnh lớp trưởng đánh 100 roi.

Không lâu sau đó, liền có kiến nghị gởi lên nhà nước, xin cho trường có học sinh liếm ghế (Xô Viết Nghệ tỉnh) được đặt là trường trung học cơ sở La văn Liếm, trường có trò ăn 100 roi (Nam kỳ khởi nghĩa) kêu tên là trường Trăm Con.

2/2005

Mời các bạn đọc
tham gia cuộc thảo luận liên quan đến
Chủ đề ***Màu Da và Ngôn Ngữ – Văn chương***
Di Dân Việt trong bối cảnh Hoa Kỳ
trên website **mydamau.com**
bắt đầu vào tháng 11/05

Đi dọc là lên, đi ngang là xuống?

Đỗ Kh.

Nhắm mắt lại mà thính ngoạn thì giọng hát tuy không phải Chế Linh, Duy Khánh nhưng cũng chẳng kém Trường Vũ, Mạnh Đình. Nhất là nếu vào chiều ngày 30.04.05 ở Tượng Đài Chiến sĩ Việt Mỹ (Westminster, California) thì không những *Rừng Lá Thấp* xôn xao mà *Tâm Sự Người Lính Trẻ* cũng phải rạt rào.

Mở mắt ra thì chung quanh là những ông già chĩu nặng chiến tranh và trên sàn diễn là một thanh niên vai năm tấc rộng, thân 6'2" chiều cao (1m88), hoàn toàn mang ngoại hình một người Mỹ gốc Phi châu. Điều đó không cản được quần chúng xúc động trước lời ca tiếng nhạc do một ca sĩ gần với vóc dáng của một cầu thủ football hay một gangster rapper hơn là với Nhật Trường yêu mến. Nhưng, không hiểu và liệu có thể nói tiếng hát Randy (cũng như Việt Ấn, cũng như Quốc Anh, cũng như... Dalena và Lynn-Công Thành, Thanh Hà...) là ngã rẽ, bước ngoặc của ca nhạc Việt Nam hay không?

*

Nếu những vị vừa mới kể trên là những thành tựu đáng quý trong lãnh vực hát hò thì trong lãnh vực của họ, những nhà văn da màu cũng có những đóng góp đáng kể với văn chương của chốn định cư, Anh Pháp Mỹ hay là gì đó. Việc này gợi cho tôi một số câu hỏi mà phần tôi không có trả lời.

Nhà văn, nhà thơ, nghệ sĩ da màu có cần chỗ đậu xe gần lối ra vào như những người khuyết tật hay không? Mỗi nhà xuất bản ở các nước phát triển phải xây một đường lên đường xuống cho các tác giả da màu (dùng xe lăn) hay không? Các tác giả này ốm yếu, có chịu đựng được cảnh màn trời chiếu đất, hay là phải vào bằng được căn lều của chú Tom? Nâng đỡ, gia ân là chuyện của bề trên, chấp nhận hay không là chuyện của những người phận thấp.

Cho đến giờ, việc trao đổi ngang tầm vẫn còn hiếm hoi. Trong lãnh vực kinh tế chẳng hạn, một số làng ở Senegal sống về ngư nghiệp có mùa trúng mẻ cá lớn lại không biết làm gì, để cho ươn, đến khi sóng to biển xấu thì lại đói. Họ có thể xin người Âu xây giúp cho phòng đông đá, phòng lạnh hay nhà máy đóng hộp, dĩ nhiên để những thứ này hoạt động thì cũng phải xây dựng luôn nhà máy điện và có chuyên gia quốc tế để bảo trì, có nhiên liệu nhập cảnh, vật tư mua từ các nước phát triển v.v... Giải pháp của các chuyên gia Việt Nam (của UNDP), là chỉ cho những ngư dân này cất nước mắm và nước mắm made in Senegal đã là một thực tế, không phải để xuất cảng sang... Thái Lan mà là để dùng tại chỗ. Đây là một thí dụ thành công của hợp tác giữa các quốc gia Nam Bán Cầu, khiến nếu đã có ngư dân Senegal ăn nước mắm thì chẳng bao lâu nữa sẽ còn có cả Tết Congo!

Nhưng trong lãnh vực văn hoá, những thí dụ này lại càng hiếm, chưa có nhà văn Việt nào được dịch sang tiếng Swahili hay là ngược lại. Ngay cả sang tiếng Khmer, tiếng Xiêm, tiếng Miến Điện cũng đã không thấy, nói gì Phi châu. Những tác giả Thái mà tôi được đọc, trước khi đến tôi, người đọc Việt, đã phải vòng vo đổi tàu ở Lausanne, Thuỵ Sĩ hay là Anh quốc, London. Những đường bay văn hóa cho đến giờ chỉ có đi lên và đi xuống, chưa hề đi ngang và đi thẳng.

Một trăm năm Pháp thuộc, ta ăn bánh mì và uống sữa đặc. Phải gần nửa thế kỷ độc lập, một số ít người Senegal mới biết ăn nước mắm. Khi nào thì người Việt mới ăn bơ dậu phọng và đọc văn chương wolof (thổ ngữ Senegal-Gambia-Cape Verde)? Tôi đề nghị foodstamps (phiếu trợ cấp xã hội dành cho thực phẩm) khi phát cho người Việt chỉ được dùng mua thực phẩm Caríb và ngược lại.

*

Con đường nhựa như một đường ngôi bóng đâm thẳng tắp vào phía núi chập chờn xanh. Hai hàng dừa như vừa mới ở tiệm Nails ra xộc những ngón mềm lơi lả lên trên rặng mái đỏ của con phố chải chuốt. Ở đây sạch, nếu không như Thụy Sĩ thì cũng như một Đan Mạch miền nhiệt đới, cô nhân ngư (tỉ lệ ½) của cảng Copenhagen ngồi

trong hồ nước ở đầu phố ngoan ngoãn, khép hai đùi. Khúc này những cửa hàng kim hoàn ("Giá rẻ nhất vùng Carib"), Rolex, Tag-Heuer, Longines, nhiều hơn cửa hàng t-shirt và đồ lưu niệm. Nhưng con tôi, đứa 11 tuổi, vẫn có điều gì như lo ngại. Nó nhìn quanh quẩn, những thảm cỏ cắt đều và tường vôi vàng mới quét, những chiếc xe hai trục đời mới đậu ngay ngắn bên lề nắng loáng nước sơn. Charlote Amalie, thủ phủ của St Thomas, quần đảo Virgin thuộc Mỹ, vẫn tranh chức "Địa dàng thế giới" mỗi lần tự giới thiệu, với vịnh Maagens giành ngôi hoa hậu toàn cầu. Thằng con tôi mắt trước mắt sau, nó nghiêng về phía tôi hỏi nhỏ "Bố ơi bố, đây có phải là khu người da đen?"

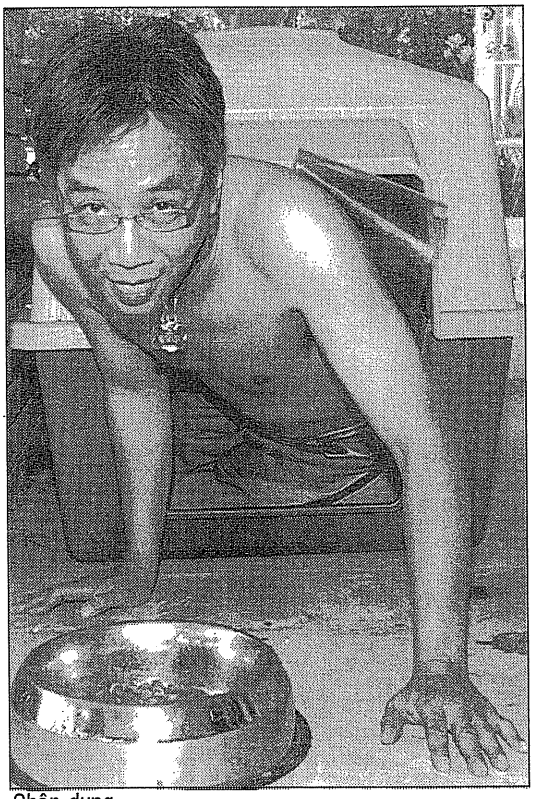
Chân dung

Thì đây vẫn là Mỹ, bãi Trunk ở St John bên kia uốn éo khoe mình là bãi đẹp nhất của quả đất, các du thuyền bạc triệu có lẳng lơ qua lại trên biển thì cũng vậy, vấn đề không tránh khỏi vẫn là chuyện da màu.

Người da màu đầu tiên mà tôi có dịp quan sát gần là lúc lên 3 tuổi ở Việt Nam. Đây là một ông Ấn Độ Sết ti, thu ngân hay thủ quỹ cửa hàng gì đó, ngồi đằng sau một cái quầy kiên cố, có bọc chấn song sắt tứ bề, chỉ chừa ra một cái lỗ hở nhỏ chắc là để đút thức ăn (lúc đó tất nhiên là tôi chưa hiểu giá trị của đồng tiền, đây là cửa sổ để trao bạc). Bé bèn ngây thơ hỏi mẹ "Đây là con gì ở trong chuồng vậy?" Thì có lem nhem cũng con người và quả báo, sau này tôi lấy (con) vợ trông cũng Ấn độ không kém, nhìn ắt phải lầm. Ông Ấn kiều kia có viết văn hay không thì tôi không biết nhưng giờ lại quả báo tiếp, tôi ngồi viết ở một nơi mà mỗi một cộng đồng da màu đều được hưởng một cái chuồng không ai buồn ra khỏi, lý do là ngồi trong sở thú thì mới có người đến coi?

Về Văn chương Da màu ở Hoa Kỳ tôi không rõ mấy, một ông Mỹ đen viết văn mà tôi có đọc thì lại ưa sống ở Pháp (James Baldwin), một ông Mỹ đen lập thuyết mà tôi có xem lại thích sống ở Guinea-Conakry (Stokely Carmichael). Bà Sandra Cisneros tôi đặt ở đầu giường mấy tháng nay, cứ lật 3 trang là tôi ngủ, thật tình tôi chẳng biết gì về văn chương này. Nếu văn chương Việt ở Mỹ được liệt vào Văn chương Da màu thì tôi lại càng lơ mơ, như mọi người Việt ở đây, tôi vẫn tưởng là tôi... da trắng, ai cũng có bằng đại học, con em đều valecdictorian và Bolsa là thủ đô của Bắc Mỹ hay chí ít cũng là trong dòng chảy (chính) của hội nhập. Da màu là Kẻ khác, Rợ Cao Ly phía Bắc đường Garden Grove, Man Mexico phía Nam đường McFadden (thương thay những Huyền Trân Santa Ana).

Đáp xe buýt từ Brea Mall, quận Cam (Cailfornia), ra tới Manhattan Beach ở quận Los Angeles, chỉ trong 3 tiếng ta có thể đi ngang 22 ghetto sắc tộc, bằng ấy tòa soạn báo "Người Philipin" và "Tagalog Báo Kinh Tế", Tiểu Delhi và Tegulcigalpa nhỏ hay thủ đô tị nạn Bengali. Nhưng bà Monica Ali hay bà Jhumpa Lahiri đến với chúng ta phải qua nhà xuất bản London- New York hay NewYork-London và phải viết bằng tiếng Anh như là Andre Dubus, Ha Jin hay là Monique Truong.

Vai trò của văn chương da màu là phục vụ da màu hay da trắng? Tôi viết cho người Việt hay là tôi viết cho Tây? Đó là một lựa chọn, không phải là một chiều hướng bắt buộc và tất yếu. Tôi cũng thích đọc Tây đen nữa nhưng khổ nỗi, như vừa đã nói, tôi chỉ đọc được những Tây đen đã được Tây trắng xoa đầu. Xoa đầu thì cũng tốt, còn hơn là bị đánh. Nhưng giờ có cách nào tôi tìm ra những ông Tây đen bị Tây trắng đánh?

Có dịp trước 1975 tôi đi viếng một đồn điền cao su ở Việt Nam. Tôi chẳng hiểu gì về cao su

cả và tôi đi với ông Giám đốc đồn điền là người Pháp. Vào nhà máy, ra rừng cây, muốn hỏi gì chị phu hay là anh thợ, tôi phải hỏi ông Giám đốc bằng tiếng Pháp. Ông này ra hiệu cho ông trợ lý người Việt để ông ta dịch thắc mắc này của tôi cho đương sự. Đương sự trả lời, ông trợ lý bèn dịch lại cho xếp người Pháp và ông Giám đốc quay sang tôi mà lặp lại. Tôi thấy là tôi oai dễ sợ trước những anh bắt vít lấm lét và những cô cạo mủ trầm trồ. Giờ, muốn người Lào đọc hay muốn đọc người Lào cũng như vậy, cũng phải qua ông Giám đốc (Xuất bản) Pháp và ông trợ lý (dịch thuật) Lào. Là người viết thì tôi oai ra phết, và nếu là người đọc thì tôi thấy ông/bà nhà văn Lào oai thật, đi bên cạnh ông Tây. Nhưng cái oai cũng có cái khổ, trong văn chương như là trong trường hợp đồn điền cao su. Trường hợp chót này, tuy oai nhưng tôi không cách nào mà hỏi tên cô cạo mủ làm quen, hẹn 6 giờ chiều ra bờ sông để tôi tặng cô một cành hoa dâm bụt.

Trong văn chương da màu nhược tiểu đại loại thì cũng thế. Khi tôi gặp bà Taslima Nasreen (nhà văn Bangla-Desh da màu-bánh mật- và lưu vong Thụy Điển), bà đang ngồi uống nước trong bar của KS Atrium tại Praha. Lúc đó bà đang mang án tử hình của quá khích Hồi giáo nên tôi có đôi phần thiện cảm sẵn. Bà lại là một phụ nữ dũng cảm, tuy bị đe dọa nhưng không mặc áo giáp mà còn ngang nhiên mặc áo... hở rốn (cũng màu bánh mật) nên đôi phần thiện cảm của tôi tăng lên thành những ba hay bốn. Tôi mỉm cười, nữ sĩ cũng mỉm cười, và tôi tiến lại quầy, định sẽ mời bà ly rượu, mặc 2 ông cảnh sát lầm lì đứng bên bảo vệ lăm lăm dù thường khi tôi rất sợ công an. Nhưng 5 bước này tôi chưa vượt kịp, từ đâu đã hiện ra một "trợ lý" hỏi tôi muốn gì? Tôi bảo tôi có chuyện muốn nói với Nasreen. Bà trợ lý này thấy mặt tôi nghiêm trọng (?), sợ tôi rủ rê tác gỉa của bà vào con đường văn chương bất chính nên chìa ngay danh thiếp, chuyện gì thì ông cũng phải liên hệ qua Nhà Xuất Bản! Vậy cho nên đến ngày nay tôi vẫn còn nợ Taslima Nasreen một ly gimlet ít gin và nhiều angostura.

*

Một năm Hội nghị Thượng đỉnh Pháp thoại, tôi vinh dự được mời tham gia vào Ủy ban Soạn thảo Cái gì (tôi không rõ) về Văn chương Pháp thoại cho các Bộ trưởng Văn hóa đồng ký thuận tại Hội nghị. Ủy ban làm việc tại trụ sở Trung ương ở Paris. Ngày đầu tiên, tôi không phải là người duy nhất đến trễ vì các thành viên khác có người từ Lebanon, từ Bờ biển Ngà, Senegal mới đáp máy bay qua, có người sáng sớm lấy tàu cao tốc từ nước Bỉ. Trong các thành viên, một phần là Giáo sư, Khoa trưởng Đại học đây kia, một phần Giám đốc NXB hay Trung tâm Văn hóa này nọ và một phần là Nhà văn gì đó. Chúng tôi đến từ Âu Á Mỹ Phi Trung đông và đại diện như thế là đầy đủ cả. Việc đầu tiên sau buổi họp giới thiệu là việc hành chánh, những vị từ xa có vé máy bay, vé tàu nhưng không có quỹ ăn ở và di chuyển tại Paris. Họ to nhỏ với Ban Tổ chức một lúc, cô thư ký đến hỏi trường hợp cá nhân tôi (vì có lẽ ở cấp thừa hành cô không rõ lý do tôi được mời). Tôi tượng trưng cho Viễn đông Pháp thoại rất tiện lợi vì tôi ở ngay Paris, không tốn quỹ đi lại, khách sạn, và tôi dùng xe tôi đi họp nên cô khỏi hoàn cả linh tinh vé tàu điện, tiền taxi! Chỉ có buổi ăn trưa chung với mọi người là do tổ chức phải đài thọ. Sau đó, an tâm rồi về phần tốn phí, chúng tôi mới đắc lực mà làm việc văn hóa được. Nhưng tôi vẫn nghe than phiền xầm xì của các thành viên lao động văn hóa, nhờ thế mà nhà hàng dùng cơm trưa được thay đổi mỗi ngày và thuộc vào cấp khá.

Sau tuần lễ tốt đẹp này, tôi vẫn thỉnh thoảng liên hệ với các bạn quốc tế trong Ủy ban cũ, thường là thông tin về sắp họp cấp này ở Bamako, Mali còn vài xuất, hay trường kia ở Louisianna cần "nhà văn tạm cư" trong một khóa, đã có tao một Madagascar rồi còn thiếu mày một nhà văn châu Á. Dĩ nhiên, họp ở Mali thì quỹ tổ chức là của Canada hay là Luxemburg, còn Đại học Lebanon chẳng hạn nếu có quỹ tự túc thì họ lại mời nhà văn...Pháp! Những lúc đó tâm hồn tôi len lén một nỗi buồn khó tả hoang sơ.

Trong văn chương và nghệ thuật, vẫn không có hệ thống hàng ngang vì khác với thí dụ kinh tế về nước mắm, người ta vẫn chưa thấy có ích lợi gì. Người viết vẫn thích được Tây cho đi thang máy, bấm vào nút là nó bay lên vùn vụt trong những nhà cao ốc nguy nga. Người đọc vẫn lấy đó làm ngưỡng mộ tràn trề và được cả cái sang lây. Giải pháp nào đây? Văn chương da màu thì tôi không biết nhưng ca nhạc thì cũng khá giản dị. Khi nhắm mắt lại và thả hồn theo tiếng hát, thì Randy tôi cũng những bồi hồi.

lần gặp cuối

nguyễn thị ngọc nhung

Tôi lẻn ra khỏi nhà. Không. Không đúng. Dùng chữ lẻn có vẻ cố tình trốn tránh. Phải nói lại, không ai để ý khi tôi rời nhà. Cũng không đúng nữa. Tôi phải hỏi Hải chìa khóa nhà để khi trở lại không đánh thức mọi người. Không phải là tôi dự tính sẽ về rất khuya, tôi không muốn bấm chuông cửa thể như báo cho tất cả mọi người đang có mặt trong nhà biết tôi về mấy giờ. Không phải mười ba trốn nhà đi chơi, hay mười bảy đi chơi về quá giờ cho phép. Tôi đã quá những tuổi ấy từ lâu. Tuy nhiên, khi ở nhà ông bà già hay ở nhà một người nào khác, tôi vẫn sợ không về đúng giờ như đã nói dù chẳng có ai bắt lỗi tôi điều này. Tôi chỉ không thích khiến cho mọi người lo lắng. Nhất là khi người tôi đi gặp là người chưa ai biết mặt, chưa được giới thiệu bao giờ, tuy cũng có lúc tôi nhắc tên.

Hải lần lựa mấy chùm khóa nơi bảng gỗ chạm hình con mèo treo ở nhà bếp. Bảng có mấy móc, móc nào cũng có một, hai chùm khóa trồng tréo. Tôi hỏi Hải.

"Ở đâu ra nhiều khóa quá vậy? Nhà này cửa trước cửa sau, kể luôn cửa hông cửa gỗ cũng chừng năm chìa tối đa, đây lại những chùm với chùm!"

Hải cười.

"Có mình chị thắc mắc. Từ trước tới giờ không thấy ai thắc mắc hết. Khóa nhà ông bà già. Khóa nhà bạn bè."

"Tin nhau đến thế à?"

"Nào phải tin nhau. Đây là việc làm phụ trội của tụi em," Hải cười to hơn một chút, "Khi mọi người đi nghỉ hè, có khi phải ghé qua trông chừng hoặc thỉnh chó mèo về nhà mình để người đi nghỉ hè thêm phần thanh thản."

Chùm khóa Hải đưa tôi cũng nhiều chìa nhưng tôi chưa kịp hỏi chiếc nào là khóa nhà thì Hải lấy lại, gỡ đôi chùm khóa rồi đưa tôi phần ít chìa.

"Đây, chìa này đây, mở cả hai khóa trên dưới. Chị cầm phần này thôi cho nó nhẹ."

Tôi nhét ví, nhìn qua phần kính trong nơi cửa trước thấy chiếc xe màu trắng ngừng giữa đường vì trong lề không còn chỗ đậu nào hết. Tôi nói với Hải.

"Thôi chị đi nhé. Lát nữa về."

Câu sau là câu nói thừa nhưng tôi có cảm tưởng yên tâm hơn khi đã thốt ra. Tôi khép cửa nhẹ sau lưng rồi nhảy nhanh mấy bậc tam cấp ra đường. Cửa xe không khóa. Tôi ngồi vào xe, cẩn thận liếc nhìn lên cửa nhà nhưng không có ai nhìn ra cả. Xe vòng quanh quay đầu lại vì đường nhà Hải là đường cùng. Mãi khi xe ra đến đầu đường Mulugeta mới lên tiếng, và tôi quay nhìn anh.

"Trông Thủy vẫn vậy. Còn có phần đẹp hơn. Cho tôi xin một cái ôm, được không?"

Nói rồi Mulugeta hơi nghiêng người sang. Tôi vòng tay phải ôm cổ vai, đầu hơi nghiêng nhưng vẫn không tránh được cái hôn đặt nơi má phải. Cái ôm lỏng lẻo từ tôi nhưng lại chặt chẽ thân mật từ Mulugeta. Tôi nói, mặt day nhìn đàng trước.

"Hình như phì ra nhiều đấy!"

"Tôi? Phì? Đâu có đâu!"

"Lại chối. Lâu không gặp tôi biết chứ. Phì ra nhiều quá coi chừng giống bà già!"

"Tôi biết. Tôi biết. Mà này, lâu ngày gặp lại không nói gì vui vẻ đằm thắm lại than phiền mập phì với lại cao máu cao mỡ?"

Lần gặp này, tôi có hơi bất buộc mình. Chẳng phải vì Mulugeta nài ép hay năn nỉ, mà vì tôi đã từng thất hứa với anh. Hai lần cả thảy.

Lần đầu ở Los Angeles. Lúc đó Mulugeta đã dọn đi Seattle sau khi mẹ mất. Bà mẹ là nguyên nhân tôi chia tay với anh. Bà không muốn Mulugeta lấy vợ không cùng xứ, không cùng đạo. Tôi là người ly dị chồng, không theo đạo Thiên chúa chính thống, lại da vàng. Đâu phải chỉ có mình người Tàu hay người Việt là không thích con mình lấy vợ lấy chồng không cùng xứ. Thỉnh thoảng tôi nhận ra quan điểm trọng nam khinh nữ nơi Mulugeta qua những lời kể vô tình, chuyện

gia đình họ hàng có con dâu da trắng hoặc da đen ở Mỹ. Thứ con dâu không biết chỗ ngồi, vai trò của mình là tụ tập cùng các bà ở nhà bếp hay quay quần với nhau to nhỏ chuyện đàn bà, mà dám ngang nhiên lên phòng khách góp chuyện với các ông. Đâu phải vì mẹ Mulugeta mà tôi bớt dần tình cảm với anh. Chính vì Mulugeta mà tôi dần xa.

Từ Radisson gần phi trường, Mulugeta gọi tôi. Anh vẫn gọi tôi mỗi ngày suốt tuần lễ đi việc hãng.

"Ngày mai tôi về, chiều này Thủy đến đây mình đi ăn."

"Không. Không được."

"Lạnh lùng thế sao?"

"Ừ, thế."

"Thôi đừng làm khó nữa. Tôi đợi Thủy đến ăn tối ở khách sạn."

"Đi ra ngoài ăn chứ khách sạn mấy chỗ đó có gì để ăn?"

"Ừ, Thủy muốn đi ăn ở đâu cũng được hết, nhưng phải đến đây đã."

"Để tôi suy nghĩ."

"Suy nghĩ? Cái tật! Gì cũng suy nghĩ. Lớn nhỏ gì cũng suy nghĩ. Không thấy là mất thì giờ sao? Chuyện bé tí xíu mà suy nghĩ lâu lắc. Chiều thứ sáu kia mà, hay lại có hẹn với ai đó? Nếu có thì thôi, tôi không ép Thủy." Giọng Mulugeta có vẻ dò dẫm. Tôi nghĩ thầm, người sao chậm hiểu, và trả lời.

"Không, không có hẹn với ai cả... Chỉ không biết có nên đến hay không."

Đến đây thì tôi có phần nói dối. Không hẹn với ai cả thì đúng nhưng biết đến hay không thì tôi đã biết là không. Tất nhiên cái dở nằm ở tôi đã không nói thẳng. Tôi chỉ biết đưa ra tín hiệu vì không muốn làm chạm tự ái Mulugeta. Nhưng nếu anh không hiểu hay cố tình không bắt lấy tín hiệu, thì lỗi có phải ở tôi hay không? Trong tôi chẳng còn gì để khơi dậy cả, còn chăng là tình bạn bè, đôi khi thăm hỏi hoặc cà phê một tách buổi sáng mà thôi. Đó là trong tôi, trong Mulugeta, tôi không mấy để ý, không còn là vấn đề tôi muốn lưu tâm. Cũng có lúc tôi ngờ vực việc Mulugeta muốn giữ tình bạn chỉ là cái cớ để anh không phải nhìn thấy điều tôi đã bóng gió đùa giỡn là mọi thứ đã chấm dứt.

"Cho tôi năm phút suy nghĩ nhé. Chưa đến giờ về."

"Thì ra sớm một tí, hôm nay thứ sáu."

Ừ thì thứ sáu có khi mọi người về sớm hơn thường lệ một chút nếu được nhưng không có nghĩa là thứ sáu nào cũng thế. Những khi không bận đề án, tôi cũng về sớm mười lăm phút hoặc nửa giờ, lấy cớ đi ăn cưới, tiệc tùng, đi chơi hay cắm trại cuối tuần, kể cả than mệt... để về sớm. Tất nhiên ai cũng biết là cớ dư thừa, cớ vô lý. Nửa giờ hay mười lăm phút, ngay cả một giờ cũng không thay đổi được gì hết nhưng nửa giờ về sớm vẫn là nửa giờ về sớm. Đôi khi về sớm chỉ để chạy ra bar tán dóc với bạn bè, có khi, cũng quan trọng chẳng kém gì ở lại đến nửa đêm cho một đề án khẩn.

Chân dung

Sau cùng, sau nhiều lần gọi đi gọi lại suốt hai giờ làm việc cuối ngày thứ sáu đó, tôi đợi khi đã lên xa lộ 405, gọi cho Mulugeta.

"Tôi không đến đâu, anh đi ăn đi, mai về bình an."

"Hử? Sao đổi ý nhanh như thế này?"

.n bà, tôi có quyền

.ı Compton."

.ại đi. Chưa xa lắm. Làm ơn, quay trở lại .ủy?"

"Không. Lần này nhất định là không."

"Có hẹn với ai phải không? Cứ nói đi, tôi hiểu. Thà Thủy nói thật là Thủy có hẹn, có bạn trai, có ai đó, tôi hiểu."

"Đã nói bao lần, tôi không có bạn trai, không có hẹn với ai cả, chỉ không muốn gặp anh thôi, không biết tại sao."

Đó là tôi nói thật. Chiều thứ sáu hôm đó, sau khi gọi qua gọi lại, hứa rồi đổi ý rồi hứa rồi suy nghĩ, sau cùng tôi lựa chọn ý tưởng lúc đầu là không muốn gặp Mulugeta. Mẹ Mulugeta mất rồi, giờ anh trọn quyền quyết định mọi chuyện trên đời mình. Nghe ra thì quả có buồn cười nhưng Mulugeta không thấy gì là buồn cười khi nghe lời mẹ, kể cả phải hy sinh đời tư. Tôi không trách anh sợ mẹ, tôi trách anh không dám chống đỡ tình yêu của riêng anh, không phải với cá nhân tôi mà là với người anh yêu. Giờ có trách, có nói thì cũng không thay đổi tình thế. Mulugeta lấy vợ, môn đăng hộ đối, cũng con nhà giàu, cũng giai cấp trưởng giả và chức quyền. Tôi không có những thứ tương tự. Tất nhiên Mulugeta cũng biết xấu hổ khi bị tôi đùa bỡn, sang thế kỷ hai mươi mốt rồi mà vẫn còn có nơi phải ngắm chân nắn cổ cô dâu. Tuy rằng cũng có phàn nàn tôi đã nói quá, lấy vợ chứ không phải mua nô lệ.

Mẹ của Mulugeta, một người đàn bà mạnh mẽ và quá khích. Quá khích trong tất cả mọi việc bà làm kể cả kinh doanh, dạy con. Lấy chồng sớm vì đó là chuyện bình thường ở xứ Mulugeta, mười sáu tuổi bà đã có anh là con đầu lòng. Là con trai cả thì mọi trách nhiệm bổn phận đối với gia đình dòng họ nằm trên vai Mulegeta. Tôi đoán vì vậy mà anh không dám cãi mẹ, vì phải làm gương cho tám người em còn lại. Lần đầu gặp bà, tôi có ngay ấn tượng bà là một người khó khăn không rộng lượng. Và những chuỗi xâm quanh cổ, cổ tay và cổ chân nhấn mạnh thêm cái ấn tượng cổ hủ khó khăn ấy. Nhưng ấn tượng đó sai. Năm bà mười ba hay mười bốn gì đó, trong một lần xuống phố, nghe lời bạn bè xúi biểu thách thức mà xâm những chuỗi trang điểm quanh cổ, cổ tay và cổ chân. Tôi đoán cũng phải mất cả ngày, hai ba người xâm để xâm cho hết ngần ấy thứ. Chưa kể cái gan chịu đau của bà. Những hình xâm đó là ấn tượng đầu tiên những người không cùng xứ, hoặc giả cùng xứ có khi cũng ngạc nhiên ngờ ngợ, tưởng bà theo cổ tục nào đó. Không, không phải vậy, Mulugeta nói với tôi, chỉ là một lỗi lầm tuổi trẻ, dại dột một ngày để rồi cả đời không tẩy xóa được. Đi đâu cũng gây sự chú ý không cần thiết.

Lần thứ hai tôi thất hứa với Mulegeta khi anh đã dọn đi Virginia. Tôi đi dự lễ ra trường của thằng cháu. Mulugeta biết chỉ vì anh tình cờ gọi tôi tuần lễ trước ngày đi. Anh vẫn gọi tôi nên tôi biết anh đang ở đâu làm gì, nhưng tôi gần như không gọi anh dù tôi có số điện thoại nhà, số di động, địa chỉ điện thư. Tôi là thế. Tôi đã nói với Mulugeta, đừng đợi tôi gọi, tôi không gọi ai hết trừ khi có chuyện cần, tất nhiên là quan trọng, đó là thói quen không mấy hay của tôi. Nếu Mulugeta không gọi khoảng tuần lễ trước khi tôi đi, chắc chắn tôi đã không thất hứa với anh. Tôi chỉ ngụy biện khi đổ thừa.

Lần thứ hai thất hẹn, tôi đã hứa sẽ gọi cho Mulugeta khi có dịp, một khoảng trống thì giờ, vậy mà tôi đợi khi đã ra phi trường lúc ngồi đợi lên tàu tôi mới gọi cho Mulugeta. Bốn ngày ở đó, tôi có lắm lúc không làm gì hết. Suốt mười lăm phút trên điện thoại chỉ mình Mulugeta nói, toàn là trách móc và trách móc. Tôi ngỡ anh đã nắm được tín hiệu. Nhưng không.

Tôi hỏi Mulugeta khi anh rẽ lên xa lộ.

"Đi đâu đây?" rồi lo lắng "Đừng đi xa quá, về khuya hơi kỳ."

Anh liếc tôi cười cười.

"Tôi chỉ đợi có phút này để bắt cóc Thủy suốt đêm."

"Đừng làm tôi sợ." Tôi nhìn anh dò hỏi và biết Mulugeta chỉ đùa.

"Thật ra tôi cũng chẳng biết đi đâu, cứ lại đằng này, thỉnh thoảng tôi ra đây với bạn bè."

"Quán cà phê hay tiệm rượu?"

"Club."

"Club? Anh có nhảy bao giờ mà vào club?"

"Chỗ này có quầy rượu bên ngoài, club nhảy bên trong. Giờ này thì quả thật tôi không biết tiệm cà phê hàng sách nào mở cửa ở đâu."

Tôi thở dài.

"Không biết đi đâu mà vẫn cắm đầu chạy là chạy, làm như rõ đường nơi đến lắm vậy."

Mulugeta vỗ nhẹ tay tôi rồi nắm luôn.

"Hay về nhà tôi?"

"Không."

Tôi nói ngay lập tức. Mulugeta cười.

"Biết mà, thế nào cũng phản đối!" rồi kể lể "Nhà tôi cách đây hơn cả giờ. Thấy chưa, tôi đã đi cả giờ đồng hồ chỉ để nhìn thấy Thủy, không thấy vui mừng gì cả, người vô ơn."

Tôi rút tay lại nhìn trước mặt không nói. Những bảng tên đường lạ ở một thành phố không quen biết vụt qua. Một lát bỗng Mulugeta lục lọi mấy tờ giấy lộn xộn chỗ tay dựa giữa tôi và anh. Tôi hỏi.

"Kiếm gì vậy?"

"Bản đồ."

"Trời ơi, giờ này còn kiếm đường nữa."

"Không, tôi nhớ hết nhưng vẫn muốn kiểm lại."

Nhớ hết nhưng vẫn muốn kiểm lại... tôi sực nhớ thêm một tính buồn cười của Mulugeta là dễ bị lạc hướng. Đàn ông ít có người như thế. Thường thì họ định hướng nhanh nên ít đi lạc trong khi thuở trước đi đâu chỗ nào lạ với Mulugeta, thế nào cũng phải quẹo vòng lại hai lần là ít nhất. Tôi giở giở mấy tờ giấy, hỏi.

"Tờ nào? Đi đâu?"

"Club Prada ở trung tâm thành phố."

"Hmmm, Prada hở, chỗ đó có bán ví đầm hay quần áo gì không?"

"Không."

"Không, thì đưa tôi đến làm gì?"

"Nó chỉ trùng tên thôi. Khách club này thường là người cuối hai mươi khoảng ba mươi nên không có lộn xộn thuốc men với lại ấu đả kiểu con nít. Đến đây vài lần thôi nhưng tôi nghĩ chắc Thủy thích."

Tôi đùa mà Mulugeta không biết. Anh quên mất hôm qua tôi kể chuyện đi New York mua ví đầm giả một cách vui vẻ trẻ con. Lần đầu mua đồ giả, tôi như trẻ được đồ chơi mới nhưng nhanh chóng thờ ơ vì đồ giả thì có gì hơn đồ thật ngoại trừ trò vui trả giá – cũng vờ vịt chẳng kém – giữa người mua và người bán. Tôi nói với Mulugeta, đi New York thì phải coi hàng giả, phải ghé ngang chỗ ACB thu hình Good Morning, America mỗi sáng, ghé coi shows Broadway, sắp hàng hy vọng vào được show của David Letterman... đó là bình thường du khách, nhưng Mulugeta thản nhiên khi nghe tôi vừa kể vừa đùa. Ôi trời, chuyện tẩn mẩn đời thường anh còn không để ý, không biết đến, thì nói gì đến những đòi hỏi hay ưa chuộng không mấy bình thường của tôi. Đồ giả không phải là đồ thật. Đâu cũng thế. Việc gì cũng thế. Tình yêu cũng vậy.

Tìm được tờ giấy chỉ dẫn đường đi, tôi lẩm nhẩm đọc dò xem đã đến đâu thì nghe Mulugeta nói.

"À, tới đây thì tôi biết rồi."

Tôi bỏ tờ giấy xuống. Mulugeta để tay nơi đầu gối tôi xoa xoa, tôi đẩy tay anh ra một cách nhẹ nhàng.

"Lo lái xe, đừng lơ đãng."

Giọng Mulugeta vui vẻ.

"Vâng, thưa bà!"

Đến nơi, giao xe cho người lo chuyện đậu, tôi theo Mulugeta vào cửa. Nhiều người vây quanh không biết đợi gì. Người gác cửa xin được xem bằng lái xe hay thẻ có hình. Tôi cười đùa.

"Tôi quá tuổi từ lâu."

Anh ta đùa lại, có lẽ để giữ khách.

"Tôi không tin," nhìn bằng lái xe của tôi "California? Trông cô không khác bọn đang đứng đàng kia!" Anh khoác tay mơ hồ bên trái bên phải gì đó. Tất nhiên là anh ta chỉ nói quá cho vừa lòng khách. Bọn mà anh khoác tay chỉ, là một đám trẻ tuổi đang nhố nhăng gì đó với nhau, giầy cao gót, mặt nặng phấn son, quần áo hở trên hở dưới. Váy cực ngắn, giày bốt cao hay giày cao gót, áo ống hở bụng hở ngực. Đám con trai thì không có gì khác lạ ngoại trừ không có quần jeans. Tôi vẫn biết có những club không cho mặc jeans dù chỉ là áo khoác. Tôi cũng không rõ lũ nhỏ tụ tập chờ đợi gì bên ngoài.

Bên trong club là một quày rượu thật dài. Dài từ cửa vào cho đến cửa trong dẫn vào sàn nhảy. Lần đầu tôi thấy một quầy rượu dài kinh khiếp như vậy. Ít nhất cũng là bốn hay năm bồi rượu sau quầy. Đối diện quầy rượu là nhiều ngăn phân chia ngồi được từ bốn đến sáu người rộng rãi, nệm đỏ, thứ booth giống ở tiệm ăn nhưng hình tròn, còn ghế ngồi quầy thì quả thật, rất nhiều, nhiều đến ngợp mắt vì chiều dài không ngờ của quầy rượu, của căn phòng mà nhìn từ cửa bên ngoài tôi đã cho là hẹp là nhỏ. Vào đến bên trong rồi mới biết là mắt bị lừa. Bên trong rộng bề ngang lại lắm chiều dài, đó là chưa kể cuối phòng dẫn sang club nhảy mà Mulugeta bảo là rất lớn và nhạc rất ồn. Ở phòng ngoài nhạc chỉ nghe văng vẳng nên thích hợp cho lớp người muốn trò chuyện hơn là nhảy nhót.

Lựa được hai ghế trống kế nhau nơi quầy rồi, Mulugeta lại ngần ngại.

"Thủy muốn ngồi chỗ riêng không?"

Nhìn quanh, hình như booth nào cũng có người,

tôi lắc đầu.

"Ngồi đây cũng được, gọi rượu lại nhanh hơn."

Tôi gọi Manhattan trong khi Mulugeta uống nước ngọt. Tôi lại quên mất Mulugeta không uống rượu. Lại thêm một người không cờ bạc, rượu chè. Cũng lạ, những người đàn ông của tôi, ừ thì của tôi trong một lúc nào đó, đều không uống rượu, đều không cờ bạc.

"Lúc này Thủy ra sao?"

"Vẫn vậy. Chắc làm cho đến khi về hưu, một chỗ này thôi, không có can đảm dời nhà đổi sở như anh."

"Lại nhạo báng gì đây. Tôi dọn vì... gia đình, không phải vì tôi muốn."

"Là sao? Có ai dọn nhà không vì gia đình?"

"Ý tôi nói vì vợ, không phải ý tôi muốn. Tôi thích California hơn, vẫn thích California. Nhưng gia đình vợ phần lớn đều ở Virginia."

Tôi hơi thờ ơ một chút vì không mấy quan tâm chuyện gia đình Mulugeta. Vợ giàu, con nhà quyền thế, bố mẹ đôi bên đều thỏa mãn hài lòng, có gì để kể lể than phiền trừ khi Mulugeta mang mặc cảm mình có quá nhiều hạnh phúc, quá nhiều may mắn, kể cả việc sanh ra đã là con nhà giàu, trưởng giả.

"Tôi có nhiều vấn đề hơn Thủy tưởng."

"Vấn đề? Kể nghe xem nào." Tôi vẫn đùa.

"Tôi với Helen không hợp."

Tôi nhướng chân mày.

"Không hợp sao lại bằng lòng lấy nhau."

"Lấy rồi càng ngày mới nhận ra là không hợp."

"Chuyện thường. Từ từ giải quyết rồi cũng xong. Vấn đề là có muốn giải quyết chia sẻ với nhau hay không đã."

"Xong? Làm sao xong dễ như Thủy nói? Phải được thế thì kể Thủy nghe làm gì?"

Tôi nghiêm mặt, tự nghĩ, bớt đùa cợt lại, câu chuyện có vẻ nghiêm trọng.

"Vợ chồng lâu ngày cũng có khi bất đồng ý kiến. Bất đồng ý kiến cũng là điều tốt."

"Phải chỉ có bất đồng ý kiến thôi thì cũng không đến nỗi. Đàng này chỉ có một ý kiến mà thôi."

"Ô... Một ý kiến thôi thì hơi phiền. Ý kiến của ai? Của anh hay là của Helen?"

"Của Helen. Và của mẹ Helen, của chị, của em, của dì, của cha của mẹ Helen."

"Phiền nhỉ."

Tôi chỉ biết nói thế. Không biết nên nói gì khác để an ủi Mulugeta. Anh lựa chọn Helen theo ý mẹ, và nếu tôi nhớ không lầm thì cũng có lần anh nói là có yêu Helen. Không yêu thì lấy làm vợ làm gì. Cũng có tình yêu ngắn ngủi, tình yêu sắp đặt, tình yêu đến sau nghĩa vợ chồng và tình yêu biến đổi dần thành nghĩa vợ chồng. Tôi nhiều tình cảm nên chỉ muốn tình yêu suốt đời, không nghĩa, không nợ nần, tôi chỉ muốn yêu và được yêu.

"Helen muốn ly dị."

"Hở?"

Tôi giật mình. Mulugeta nhìn tôi.

"Ừ, Helen muốn ly dị trong khi Thủy biết rồi, đạo thiên chúa chính thống như tôi không thể có chuyện ly dị. Một lần lấy nhau là suốt đời."

"Bất kể mọi chuyện?"

"Ừ bất kể mọi chuyện. Tôi không thể ly dị vợ. Helen thay đổi nhiều quá, chắc tại ảnh hưởng đời sống xứ này."

Tôi nhăn mặt.

"Đừng đổ thừa."

"Thật. Lúc mới qua Helen hiền lành dễ chịu, nói gì cũng nghe lời. Giờ, gì cũng cãi, gì cũng không bằng lòng. Đổi tánh vì sao?"

"Vì anh?"

"Tôi làm gì để Helen đổi tánh?"

"Tôi nói thế vì thấy anh trách Helen đủ thứ mà không nghe nói anh có gì đổi thay từ khi đặt chân lên xứ này."

"Tôi vẫn vậy."

"Thì thế."

"Mỉa mai gì đây?"

"Thì mình có thấy mình bao giờ. Toàn thấy người mà không thấy mình. Thấy người là dễ nhất, khỏi phải đối diện mình."

Tôi tìm cách đổi đề tài vì thật sự không thích nghe chuyện nhà rắc rối của Mulugeta.

"Vẫn hai đứa con gái? Học lớp mấy rồi?"

"Jenny lớp năm, Keshi mới vào mẫu giáo."

"Bé thế à? Có định có thêm con trai không?"

"Tôi muốn nhưng Helen không muốn thêm con nữa."

"Đừng ép nếu người ta không muốn."

"Thì tôi có ép đâu. Tôi có bao giờ ép ai chuyện gì đâu?"

Tôi sực nhớ ra một chuyện cũ.

"Hồi đó anh than phiền Helen thích nữ trang, bàn tay năm ngón mang nhẫn hết bốn, phải không?"

"Sao nhớ hay vậy?"

Mulugeta nhìn tôi êm ái. Tôi bực mình đã thất bại khi lái chuyện không xong.

"Mấy đứa em của anh thì sao? Còn ở Canada không?"

"Thằng em út về luôn rồi. Nó không thích ở Mỹ mà cũng không thích ở Canada. Không ai chịu nó nổi nên cho nó về ở với ông già. Em kế tôi ở Canada đã có vợ. Hai đứa em gái ở đây cũng có chồng rồi, vẫn còn ở Seattle."

"Ông già chưa lấy vợ khác à?"

"Tục lệ xứ tôi, chắc ông già muốn giữ, vợ mất rồi thì thôi không lấy vợ khác."

"Hay tại mấy anh em không cho ông già có bồ?" Tôi đùa. Mulugeta vội vã lắc đầu.

"Không, không có đâu. Tôi cũng muốn ông già có người bên cạnh săn sóc nhưng tùy ở ông chứ nào phải tùy ở tôi."

Ảnh Nguyễn Hương

"Anh phóng khoáng? Chắc phải xét lại. Không nghe nói anh sẽ chấp nhận ông già có tình mới tình cũ mà chỉ nghe là săn sóc. Săn sóc thì nhà anh đã có chục người làm rồi, ông già đâu cần."

Mulugeta gõ đầu tôi một cái nhẹ.

"Người hay bắt bẻ. Thủy hiểu tôi muốn nói săn sóc với nghĩa gì. Chừng nào Thủy lấy chồng? Quên, chừng nào Thủy có bạn trai? Thấy chưa, tôi vẫn nhớ Thủy nói là sẽ không lấy chồng."

"Nhớ giỏi. Tôi không có bạn trai. Không có bồ, chỉ có tình nhân."

Anh nheo mắt.

"Nói dóc."

"Thật mà. Không tin thì thôi."

Tôi liếc nhìn đồng hồ trên tường nhưng nó hơi xa không thấy rõ. Tôi hỏi Mulugeta.

"Mấy giờ rồi?"

Anh nhìn đồng hồ nói.

"Hơn mười một giờ."

Dãy ghế dọc theo quầy rượu không có mấy ghế trống. Số người đi vào nhiều hơn số đi ra, nhất là số đi thẳng vào sàn nhảy bên trong. Tôi tụt xuống ghế nói với Mulugeta.

"Đợi tí, tôi vào phòng vệ sinh."

Phòng vệ sinh nằm ở cuối quầy rượu. Tôi tò mò bước vào phía nhạc ồn ào. Phòng nhảy hình tròn rất lớn với một quầy rượu nhỏ cung ứng cho số người trong phòng. Trong này không có bàn ngồi chỉ có bàn đứng tức là những cái bàn rất cao trên đó đầy ly nhựa uống nửa chừng bỏ lung tung. Những người không nhảy thì đứng quanh nhìn ra sàn nhảy chật chội người với người. Những ly rượu trong này toàn bằng ly nhựa, không như ở quầy rượu ngoài kia. Bia cũng được rót ra ly nhựa chứ không ai được cầm chai hay lon. Nhạc lớn đến điếc tai. Chẳng trách ai muốn nói chuyện thì ngồi ngoài kia, còn vào trong này thì chỉ có nhảy và nhảy. Nhiều người nhảy với ly rượu cầm tay, không thì người đứng ngoài hai tay ôm ba bốn ly. Cuối phòng có dàn cao trên đầu người, hai vũ công gogo uốn éo cong người thật dẻo. Chợt có người đứng sát bên hỏi.

"Cô muốn nhảy không?"

Tôi lắc đầu nhìn lên. Ừ thì nhìn lên vì anh ta cao lớn, mặt trông rất trẻ.

"Lấy làm tiếc."

"Tôi mời cô ly rượu?"

"À không, cảm ơn, tôi ngồi với bạn ngoài kia."

"Xin lỗi."

Tôi vào phòng vệ sinh rồi trở ra bên ngoài nói với Mulugeta.

"Tôi vào trong coi tụi nó nhảy, lại được một chàng trẻ tuổi mời nhảy mời rượu."

"Chắc tại đèn mờ nên nó không thấy rõ."

Tôi hất lưng bàn tay vào vai Mulugeta.

"Vấn đề ở đây là chàng trẻ tuổi lịch sự, biết

xin lỗi khi mình từ chối chứ không quay ngoắt đi khi nghe chữ không."

"Tưởng Thủy muốn khoe mình còn trẻ, còn được khối người mời chào."

Tôi thúc cùi chỏ hông Mulugeta hơi mạnh một chút. Anh ôm hông kêu lên.

"Nhẹ tay, đồ dễ vỡ," rồi cười đưa hàm răng khỏe, "thêm ly nữa?"

Tôi gật đầu. Mulugeta ra hiệu với người đứng sau quầy, tay chỉ ly rượu của tôi rồi đứng dậy, cầu kỳ một cách giả vờ đùa bỡn.

"Xin lỗi, tôi có chút việc riêng, sẽ trở lại ngay."

Mulugeta đi về phía phòng vệ sinh. Chị bồi rượu hỏi.

"Thêm ly này nữa không?"

Tôi nhìn ly nước ngọt còn một phần ba của Mulugeta lắc đầu. Chị để ly rượu trước mặt tôi, tiện tay vơ lấy ly đã cạn dọn đi, và rất lịch sự không nói với tôi giá tiền của ly mới đem ra. Tôi ngồi nhìn bâng quơ mấy bồi rượu bận rộn qua lại pha rượu tính tiền đếm tiền. Chợt có người lầm bầm.

"Hết sức xứng đôi. Khỉ đột đi với thứ ăn thịt chó."

Tôi quay phắt nhìn bên phải.

"Anh vừa nói gì?"

Hai thanh niên đứng cạnh người vừa nói vội vã nghiêng người như chắn.

"Xin lỗi, xin lỗi. Nó uống hơi nhiều. Xin lỗi cô. Xin lỗi."

Tôi nhìn đăm đăm mặt người vừa nói. Hắn còn trẻ lắm không quá hai mươi lăm, tôi đoán, tóc nâu, áo sơ mi đen, không biết mắt màu gì, trong tối mờ tôi không thấy rõ. Tôi bực đến nỗi không biết nói gì ngoài trừ nhìn trừng mắt người nói. Giờ thì tôi chắc hắn mới vừa đến tuổi uống rượu. Không biết cái nhìn của tôi có hiệu lực gì không nhưng hắn nhìn đi nơi khác dù lúc đầu cũng có thách thức nhìn lại. Hai người đứng cạnh, có lẽ là bạn, vả lả hơn với tôi khi tôi rời ghế đứng ngay trước mặt cả ba.

"Tôi thành thực xin lỗi cô. Nó uống hơi nhiều, hôm nay ngày ra trường của nó. Xin lỗi cô. Đừng để ý lời kẻ say rượu."

"Say, không phải là cớ để toàn quyền kỳ thị người khác."

Tôi nói, cảm thấy mặt đỏ bừng nhưng tất nhiên là trong bóng tối của hộp đêm không ai nhìn thấy, nhận ra. Cô bồi rượu xen vào.

"Chuyện gì vậy? Mọi người bình an chứ?"

Giờ tôi mới sực nhận ra cô có màu da sậm, tóc thắt nhiều bím nhỏ, một người da đen. Một trong hai người thanh niên nói với cô.

"Không có gì cả, phải không?" hắn nhìn tôi có vẻ nằn nì rồi tiếp, "bạn tôi có lời khiếm nhã với cô đây, chúng tôi xin lỗi." Cô bồi rượu nhìn tôi dò hỏi. Tôi biết chỉ cần kể lại là cô gọi ngay người giữ an ninh lôi cả đám ra ngoài nhưng rồi dịu xuống, tôi trở lại ghế ngồi, nói với cô.

"Không có gì. Cảm ơn. Không có gì cả."

Mulugeta trở lại không biết chuyện gì vừa xảy ra nhưng nhìn mặt tôi lại đoán.

"Muốn về phải không? Uống hết ly đi rồi tôi đưa về. Đã hứa là gentleman thì giữ lời gentleman, đón tận nơi đưa về tận chỗ, còn nguyên."

Tôi không nói gì, uống hết ly rượu đỏ một cách không mấy bình thường. Một ly như thế, thường thì tôi đã nhâm nhi cả giờ, nhưng nỗi bực bội trong tôi nặng nề, không ra khỏi nơi ấy, tôi không biết sẽ có lúc ném ly vào mặt ai.

Tôi chỉ nghĩ thô bạo mà không bao giờ thực hiện điều mình nghĩ. Ngay lúc tôi rời ghế, tay ôm áo khoác mỏng, chợt người đã lầm bầm lúc nãy đứng phắt dậy chặn tôi lại. Ngỡ ngàng, tôi nhìn sững mắt hắn trong khi Mulugeta không hiểu gì nhưng có lẽ theo bản năng, hơi xấn vào giữa.

"... xin lỗi." hắn lại lầm bầm. Quá bất ngờ, tôi khựng ra như lúc nãy, như khi hắn lầm bầm câu kỳ thị. Mulugeta đứng cao hơn anh ta khoảng nửa đầu, dềnh dàng nhìn xuống, nét mặt ngơ ngác. Cô bồi rượu hốt hoảng hơi chồm người trên quầy nghe ngóng. Hai người bạn của hắn túm lại.

Mất một hai giây mọi người thẫn ra đấy, tôi sực nghe buồn cười, một tay đẩy ngực Mulugeta, chân nhích đi một bước, nhìn thẳng mặt người nói. "OK, tôi nhận lời xin lỗi. Thôi mình đi, Mulugeta." Cả đêm cho đến lúc ấy tôi mới gọi tên Mulugeta ra tiếng, một lần. Hai người bạn của người thanh niên nhìn Mulugeta cười nhẹ gật đầu chào. Tôi đi nhanh không cần biết Mulugeta có theo kịp hay không.

Về đến Los Angeles, Mulugeta đã gọi, hành lý tôi chưa mở ra, đang lựa thư ném thùng rác.

"Tôi gọi để cảm ơn đã giữ lời gặp nhau lần này. Tôi không ngờ tôi nhớ Thủy nhiều đến như vậy. Tối đó đưa Thủy về rồi, tôi không biết làm sao mà về được đến nhà."

Tôi lạnh lùng nhưng nhẹ nhàng một chút.

"Lần chót, Mulugeta. Lần chót."

Chắc Mulugeta không hiểu, không nghe ra điều tôi muốn nói.

Tại sao viết bằng tiếng Việt?

christine cao

Khi nghiên cứu nền văn học Việt hải ngoại, ngôn ngữ nguyên bản của tác phẩm là một điểm đặc trưng rất quan trọng nhưng thường ít được phân tích. Trong phạm vi văn học và lịch sử nước Mỹ, sự lựa chọn viết bằng tiếng Việt có liên hệ với nhiều vấn đề: chính kiến, lòng hoài hương, cách đồng hóa với văn hoá Mỹ, thể loại và phong cách văn học, ảnh hưởng của quốc gia hoặc truyền thống, đối tượng người đọc, v.v... Làm thế nào và dựa vào đâu để hiểu và phân tích dòng văn học này? Nội dung có gì khác so với văn học viết bằng tiếng Anh không? Có cần đối chiếu giữa những thế hệ không? So sánh theo giới hạn địa lý hay đặt trong bối cảnh quốc tế? Theo phạm trù dân tộc hoặc màu da trong nước Mỹ? Nếu so sánh với những tác giả ở Việt Nam, Pháp, và Châu Phi thì chúng ta sẽ rút ra những khác biệt hay khám phá gì mới lạ? Hoặc ở phạm trù nhỏ hơn là xét theo địa phương, tác phẩm sáng tác ở Nam Cali có gì khác so với tác phẩm ở Texas hay Louisiana không? Nếu muốn mở rộng việc phê bình tác phẩm viết bằng tiếng Việt thì phải chú ý tới nhưng câu hỏi này và nhiều hơn thế. Trong giới hạn của bài phân tích này, tôi muốn áp dụng những lý thuyết về ngôn ngữ trong ngành văn học về "hậu chủ nghĩa thực dân" Châu Phi-Caríb và ngành văn học da màu của dân tộc thiểu số tại Mỹ như của người Mỹ gốc Á.

Từ "francophone" - nói chung là tác giả viết bằng tiếng Pháp ngoài biên giới nước Pháp - ban đầu là một phạm trù văn hóa đế quốc vì những nhóm này bày tỏ sự bành trướng của chủ nghĩa thực dân Pháp và thành công của cái gọi là "sứ mệnh khai hóa" của thực dân (*mission civilisatrice*).1 Khái niệm này không khác gì mấy so với "anglophone" hoặc "lusophone" — sự truyền bá ngôn ngữ của thực dân Anh và Bồ Đào Nha trên thế giới. Nhưng theo Belinda Jack, những tác giả francophone thường không gắn bó chặt chẽ với văn hóa nước Pháp cho dù họ là công dân Pháp, nhất là người thời thực dân và hậu thực dân. Jack khẳng định về văn học francophone:

"...thứ quan hệ giữa văn học Châu Âu và văn học trong ngôn ngữ Châu Âu (hay một ngôn ngữ có liên hệ mật thiết với Châu Âu) ngày càng được xem không phải mối tương quan của việc cái sau bắt chước cái trước hay là một nhánh văn học phụ thuộc vào bố mẹ Châu Âu mà hơn thế. Đó là cơ sở có tính chất lật đổ, một đứa con nổi loạn mà bắt buộc bố mẹ phải định nghĩa lại bản sắc cuả họ đối với thế hệ ngày sau."2

Thế thì việc dùng tiếng Pháp mang theo lịch sử thống trị của chủ nghĩa thực dân nhưng không phải là một chứng minh của sự đồng hóa thành công. Tiếng Pháp không cần thuộc về một dân tộc duy nhất như một tài sản, vẫn không là một ngôn ngữ bị giới hạn về mặt địa lý. Nhưng hai phái này, giữa "theo" hoặc "chống" bố mẹ, không phải lúc nào cũng rõ ràng. Điển hình là văn học của giai đoạn *Négritude* năm 1930's và tác phẩm của Aimé Césaire (người Martinique), và Léopold Senghor (người Senegal).

Theo Césaire và Senghor, *négritude* là một tư tưởng chống chủ nghĩa thực dân và tán dương người da đen trên thế giới. Người Phi Châu không cần đánh giá văn hóa của họ theo tiêu chuẩn văn minh Pháp. Senghor viết về bản sắc của người da đen như thể của mọi người da đen trên thế giới – cái tính cách riêng bẩm sinh trong huyết quản khiến họ khác biệt với người da trắng, giàu cảm xúc hơn, gần thiên nhiên hơn, v.v... Dù là những mẫu rập khuôn (stereotypes), Senghor vẫn xử dụng những thứ mà ông cho là thuộc tính của da đen, nhưng trong ngôn ngữ Pháp, thí dụ ông dùng chính từ "*nègre*," nhưng để chống lại thành kiến cho rằng người da đen là hạng người hạ cấp.

Césaire, vì ông là người Caríb, đã dùng từ *négritude* không để chỉ một thuộc tính của người da đen nói chung, mà để chỉ một cộng đồng chính trị, dựa trên kinh nghiệm của người Phi Châu và người di dân trong lịch sử thực dân và đế quốc. Tiếng Pháp và những bài thơ của Senghor và

Césaire không hoàn toàn theo ý thức hệ Tây, và không phải lúc nào cũng đọc và nghe giống hệt tiếng Pháp của người Pháp sống ở mẫu quốc. Tuy nhiên, tác phẩm của hai nhà văn này vẫn là sản phẩm của nền giáo dục Pháp. Họ phải dùng tiếng Pháp vì không có cơ hội nào khác để biết và học tiếng mẹ đẻ hoặc văn hóa quê hương, nhưng mục đích của họ là biến tiếng Pháp thành một ngôn ngữ bày tỏ được tinh thần phản kháng cuả người da đen.

Dù hai nhà văn này thường được xem như hai cha đẻ cuả phong trào *Négritude*, tương lai chính trị cuả hai nước họ cũng không giống nhau. Senghor thành tổng thống Cộng Hòa Senegal độc lập và giữ cương vị này hai mươi năm. Césaire thành thị trưởng thủ đô *Fort-de-France* của Martinique hơn năm mươi năm và ông chấp nhận quyền bảo hộ của chính phủ nước Pháp. Hiện nay, hai nước này vẫn còn giữ tiếng Pháp là ngôn ngữ chính thức. Việc sử dụng ngoại ngữ hay tiếng mẹ đẻ là một vấn đề rất phức tạp vì ta không thể chỉ xét đến việc đâu là ngôn ngữ "đúng" hoặc "thật" của một dân tộc, mà còn phải chú ý đến những điều kiện lịch sử và chính trị khiến cho một dân tộc có tự do lựa chọn ngôn ngữ hay không. Việc sử dụng tiếng Pháp không đơn thuần là một di sản của lịch sử đàn áp thực dân mà còn mang theo tinh thần cách mạng của phong trào *Négritude* và nhiều phong trào khác.

Trong phạm vi chủ nghĩa thực dân Anh, Edward Kamau Braithwaite, người Barbados, giải thích về sự dùng tiếng Anh như một "quốc ngữ": "Xét theo từ vựng thì đó là tiếng Anh. Nhưng trong ngữ điệu, tiết tấu và âm sắc, cách phát âm, thì quốc ngữ không còn là tiếng Anh, dù những từ ngữ khi nói ra có vẻ ít nhiều là tiếng Anh." Vì ông ưa chuộng hình thức của những bài thơ truyền khẩu, Braithwaite nhắc, "Tạp âm cũng là một phần của ý nghĩa."[3] Ngôn ngữ không chỉ là những từ trong từ điển, và không xác định được mọi ý nghĩa trong *giọng* điệu cá nhân của người dùng tiếng Anh.

Trái ngược với Braithwaite là chiến lược của Ngũgĩ wa Thiong'o và việc xác định văn chương viết bằng tiếng quê hương của ông, Gikuyu. Ngũgĩ miêu tả, không viết bằng tiếng mẹ đẻ "cũng giống như tạo ra một xã hội của những thân thể không đầu và những cái đầu không thân thể."[4] Cách hình dung dữ dội này nhấn mạnh vai trò của ngôn ngữ trong ý muốn vẹn toàn bản thân. Nếu người ta không kính trọng mọi ngôn ngữ, thậm chí những ngôn ngữ không phổ thông và không có một truyền thống văn học lớn, thì đây là nguyên nhân quan trọng nhất để phải gìn giữ và phát triển những ngôn ngữ này.

Quyền lựa chọn dùng tiếng mẹ đẻ không dành cho tất cả người da đen di dân, vì người Caríb không có một tiếng mẹ đẻ nguyên thủy mà chỉ có tiếng "creole" là một hỗn hợp những ngôn ngữ Phi Châu, Pháp, và thổ ngữ. Nhưng ai biết tiếng này? Ai sẽ đọc và dịch "creole"? Theo *Eloge de la créolité* của ba tác giả Patrick Chamoiseau, Jean Bernabé, và Raphaël Confiant, họ viết tiểu thuyết, làm thơ, và dạy lớp ngôn ngữ "creole" để nhấn mạnh tiếng này cũng là một tiếng chính đáng, phức tạp, và phong phú. Nhưng có ngôn ngữ nào tuyệt đối thuần nhất không? Việc viết bằng tiếng mẹ đẻ hay bằng ngoại ngữ mang những ngụ ý rất phức tạp và tùy thuộc vào giai đoạn lịch sử và chính trị. Điểm qua sơ lược như thế, những phong trào này (những lý thuyết về *Négritude*, việc bị cắt lìa khỏi một ngôn ngữ, và tiếng "creole") liệu có giúp ta hiểu thêm những tác phẩm viết bằng tiếng Việt ở ngoài nước không?

Ngòai điểm tương đồng lịch sử là thuộc địa của Pháp, văn học francophone không có những điều kiện hoàn toàn trùng hợp với văn học và lịch sử của người Việt hải ngoại. *Négritude* là một khái niệm cần thiết để thách thức chủ nghĩa dân tộc thuần nhất (ethno-national homogeneity) của ngôn ngữ Pháp. Trái lại, ngôn ngữ Việt chiếm một vị trí rất nhỏ, và đa số người dùng tiếng Việt trong và ngoài nước là dân tộc Việt hoặc có gốc Việt. Dù liên hệ với quê hương có thể mạnh hay yếu, người Việt hải ngoại vẫn còn giữ được văn hóa và căn cước Việt khi dùng tiếng Việt.

Nhưng có thật « bản sắc » người Việt là cái gì đó sẵn có như một thuộc tính của người Việt hay gốc Việt? Tiếng Việt đang sử dụng ở ngoài nước có phù hợp với văn hoá, chính trị, tinh thần và căn cước nước Việt Nam hiện nay không? Tiếng Việt dùng trong ba miền Bắc-Trung-Nam có ý nghĩa khác biệt như thế nào? Người biết tiếng Việt phân biệt được giữa các "giọng" Bắc, Trung, và Nam, nhưng có thứ "giọng" riêng biệt trong văn học Việt-Mỹ, Việt-Pháp, và Việt-Úc không? Hay lý do của việc sử dụng tiếng Việt ngoài nước là để giữ gìn hoặc sáng tạo những đặc điểm chung của người Việt trong và ngoài nước?

Theo Ngũgĩ, sự lựa chọn viết bằng tiếng mẹ đẻ là cách giải quyết để xây dựng nền văn học

dân tộc Kênia sau khi giành được độc lập và để chống lại sự đàn áp văn hóa dân tộc. Nhưng sự phức tạp của vấn đề văn học Việt hải ngoại lại là không xác định được tác giả viết bằng tiếng Việt để chống lịch sử thống trị Pháp, Mỹ, hay Đảng cộng sản Việt Nam? Ai là bố mẹ trong thí dụ này? Viết bằng tiếng Việt có phải là một cách tạo ra chủ nghĩa dân tộc Việt ngòai biên giới Việt không? Ai được bao gồm trong cộng đồng này? Ai có quyền lực để quyết định căn cước người Việt? Đúng là người Việt hải ngoại vẫn còn viết bằng tiếng Việt để ngôn ngữ ta không mai một, để kính trọng văn hóa ta, để diễn dạt sâu sắc giọng nói của ta. Thêm nữa, nếu mọi ngôn ngữ không thuần nhất thì không có ngôn ngữ nào mà không thay đổi. Văn chương là lãnh vực của sáng tạo. Ngôn ngữ không cố định, không phải là mệnh lệnh hay quy luật. Theo Stuart Hall viết về văn hóa Caríb, văn hóa không có nghĩa là mọi tác giả đều phải tìm kiếm một cái gì đó trong văn hoá truyền thống đã bị chôn vùi để cứu vãn như công việc của khảo cổ học.[5] Phải chú ý đến truyền thống, nhưng cũng phải cẩn thận không chôn bản thân mình trong quá khứ và huyền thoại về một ngôn ngữ thuần tuý.

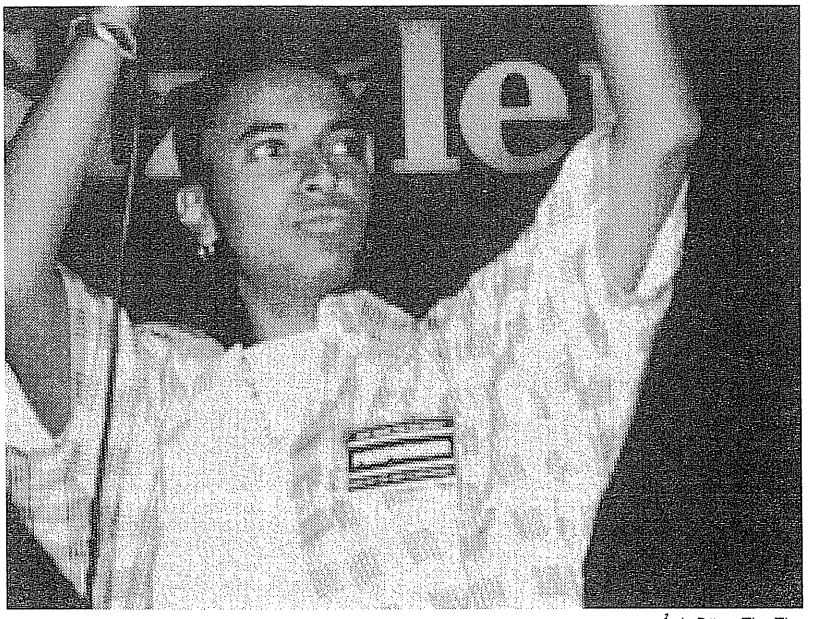

Ảnh Đặng Thơ Thơ

Trong mảng văn học Mỹ gốc Việt, có một hình thức truyện kể theo lối cổ điển của người di dân và hình thức này có thể không phù hợp. Đó là kinh nghiệm của người di dân khi bắt đầu đến nước Mỹ khi phải đấu tranh để chọn theo văn hóa mới hay cũ, thế hệ trẻ hay già. Nhưng nếu vì áp lực mà ta phải lựa chọn như thế, thì văn hóa Việt Nam chỉ nằm ở vị trí cũ. Văn hóa Việt chỉ nảy sinh ở quê hương, trong trường hợp này bị coi như không có gì thích hợp với người Mỹ và đời sống Mỹ để có thể tồn tại ở đất nước Mỹ. Nhưng thật sự có cần phải như thế không? Bao nhiêu tác giả trong nước Mỹ viết bằng tiếng Việt, có đài truyền hình và phát thanh bằng tiếng Việt, đọc báo bằng tiếngViệt, v.v... ? Khi đọc văn chương trong trường đại học, trong khoa văn học Mỹ gốc Châu Á, tại sao trong danh sách tác phẩm được công nhận không có những tác phẩm viết bằng tiếng Việt và viết trong nước Mỹ? Và trong việc lựa chọn những sách dạy trong lớp, nếu gặp tác phẩm viết bằng tiếng Việt, sinh viên lại đọc như thể nghiên cứu tài liệu về dân tộc học. Những lớp này thường đọc phỏng vấn, lịch sử , hồi ký ... nhiều hơn những tác phẩm hư cấu. Có thể đây là một vấn đề thực tế về kinh phí và "vốn liếng văn hóa" của tiếng Việt — vì số người có nhu cầu đọc hoặc muốn học tiếng Việt không cao lắm, và không có nhiều cơ hội để dịch tác phẩm bằng tiếng Việt sang tiếng Anh. Nhưng, nếu những tác phẩm bằng tiếng Việt của người Việt hải ngoại không có chỗ đứng trong khoa Mỹ-Á học hay khoa Đông Nam Á học (vì các ngành này thường chỉ nghiên cứu các tác phẩm viết trong nước), thì phạm trù bị mồ côi này nằm ở đâu? Tôi dùng ẩn dụ "mồ côi" như Gloria Anzaldua khi cô miêu tả tình hình ngôn ngữ của người di dân Mễ Tây Cơ ở nước Mỹ.

Nếu xem qua nền văn học "Chicano" (Mỹ gốc Mễ tây Cơ) thì việc dùng tiếng "Spanglish" (thứ tiếng trộn lộn Anh và Tây Ban Nha) và viết song song hai ngôn ngữ Anh và Tây Ban Nha lại rất quan trọng. Dù đa số tác giả Chicano viết bằng tiếng Anh, họ vẫn giữ gìn quyền sử dụng tiếng Tây Ban Nha và tiếng địa phương. Gloria Anzaldua giải thích về một thứ "ngôn ngữ biên giới," nghĩa là một ngôn ngữ sống và không phải cứ dùng tiếng Anh thì tác giả là kẻ phản bội văn

hóa hay cứ dùng tiếng Tây Ban Nha là tác giả không biết sử dụng đúng ngôn ngữ dòng chính, và ngôn ngữ của họ là "một ngôn ngữ mồ côi... bất hợp lệ, một ngôn ngữ lai căng."[6] Vì ngôn ngữ không phải lúc nào cũng bám chặt vào căn cước dân tộc của một quốc gia, Anzaldua dùng khái niệm "ngôn ngữ biên giới" để xác định một vị trí linh động và chiến lược.

Có những nhà phê bình viết về kinh nghiệm di dân và sự mong mỏi tìm kiếm tình cảm quê hương tại nơi cư trú mới. Vì họ thường viết về di dân Châu Phi, họ khẳng định không thể trở về quá khứ lý tưởng được vì khoảng cách thời gian. Theo Stuart Hall, "Di trú là chuyến đi một chiều. Không còn ngôi nhà để trở về. Ngôi nhà này không hề có." Họ quan tâm đến "đường đi" hơn "nguồn gốc," và Rey Chow, nhà phê bình về người di dân Trung Quốc, cũng đồng ý, "Quê hương là đây, ngay trong tình trạng di trú của tôi."[7] Nhưng lịch sử của người Việt di dân rất khác. Nhiều người di dân vẫn còn gia đình ở Việt Nam, thế hệ già và trẻ được trở về và đi du lịch ở Việt Nam, cũng nghe nhạc và xem phim Việt Nam. Dù sự trao đổi giữa hai quốc gia này không tương xứng, người Việt ở Mỹ có nhiều cơ hội hoài niệm quê hương và duy trì những nghi lễ theo phong tục tập quán. Điều đó không có nghĩa là người di dân bướng bỉnh và lạc hậu không chịu đồng hóa. Việc dùng tiếng Việt không phải là cách để tác giả chứng tỏ mình là người Việt chính gốc hơn người Việt viết bằng tiếng Anh. Kwame Anthony Appiah sáng tạo ra khái niệm "chủ nghĩa thế giới có cội rễ" (rooted cosmopolitanism). Ông khẳng định nguồn gốc và văn hoá có thể truyền bá được. Appiah nói, "Có gốc để làm gì nếu không mang theo với mình được?"[8] Ông viết bằng tiếng Anh, nhưng có "tinh thần chủ nghĩa quốc tế." Cuối bài viết, ông nhắc lại một tục ngữ bằng tiếng Asante, ngôn ngữ của bố ông. Tinh thần chủ nghĩa quốc tế này cũng một sự quan tâm của Phạm Thị Hoài khi cô miêu tả đọc giả lý tưởng chính là người dịch.[9] Vấn đề lựa chọn giữa sử dụng tiếng Việt hay ngoại ngữ có thể là một nhị nguyên không xác đáng. Bao nhiêu người Việt di dân biết hai ngôn ngữ? Tại sao việc lựa chọn một ngôn ngữ để sáng tạo lại đồng nghĩa với việc đánh mất hay từ bỏ những ngôn ngữ khác? Câu trả lời của Phạm Thị Hoài cũng tựa như ý kiến của Salman Rushdie trong bài "Những Quê Hương Tưởng Tượng." Rushdie nghĩ rằng, "Nhiều người thường cho là trong việc dịch thuật phải có cái gì đó bị tiêu vong; Tôi vẫn giữ ý kiến... là cũng có cái gì có được khai sinh."[10] Vấn đề về sử dụng tiếng Việt hay tiếng Anh không cần bị hạn chế như một phương pháp để đo tính trung thành hay phản bội văn hóa quê hương. Có khi sử dụng tiếng mẹ đẻ là một hành động tác giả có tự do lựa chọn, có khi không. Nhà phê bình phải chú ý đến tất cả phạm vi, không được giải quyết việc sử dụng tiếng Việt chỉ có hay *phải* có một mục đích thôi. Quan trọng hơn là câu hỏi: Người viết bằng tiếng Việt để nói gì?

Những tác phẩm viết bằng tiếng Việt

Đề tài phổ biến trong những tác phẩm viết bằng tiếng Việt là gì? Các nhà văn muốn ngụ ý gì khi sử dụng tiếng Việt để kể chuyện? Tôi chỉ đọc một vài truyện ngắn và thơ trong những số *Hợp Lưu*. Tuy không đọc đủ để phân tích kỹ lưỡng, nhưng tôi vẫn thấy rõ một đề tài nổi bật là những truyện về kỷ niệm và vấn đề giữa cách nhớ và quên quá khứ. Kỷ niệm gồm có nhiều loại để biểu tượng kinh nghiệm riêng của một cá nhân hoặc của cộng đồng Mỹ-Việt chung. Khái niệm nhớ và quên rất quan trọng trong những tác phẩm văn học và nghệ thuật liên quan đến những chấn thương tinh thần (trauma). Người ta không thể bỏ quên tất cả kỷ niệm từ một kinh nghiệm hay từ một biến cố gây chấn thương. Đó là những ký ức luôn luôn trở lại, thường hiện ra trong những hình thức khác nhau, nhưng vẫn quay lại nhiều lần như nỗi ám ảnh. Ám ảnh này có thể hết sức nặng nề và thế là thế hệ ngay sau đó cũng thừa hưởng những kỷ niệm chấn thương của bố mẹ dù bản thân họ không hề trải nghiệm. Còn nếu không phải là sự chấn thương thì lại là nỗi luyến tiếc quá khứ (nostalgia). Đó là những hoài niệm về quá khứ chứ không phải những biến cố đã từng xảy ra, mà chính sự tha thiết của chúng ta đối với quá khứ đã tác động lên kỷ niệm trong hồi tưởng. Kỷ niệm không chỉ là một biểu tượng về quá khứ mà còn là một hình ảnh quá khứ đã được lý tưởng hóa. Thế thì nhớ quê hương, nhớ gia đình, nhớ tuổi thơ, nhớ tiếng mẹ đẻ để làm gì? Sử dụng tiếng Việt có phải là một cách gần gũi những kỷ niệm không? Nếu mất tiếng mẹ đẻ, có phải là mất một thứ kỷ niệm không? Thứ kỷ niệm nào người ta muốn giữ hay cần gìn giữ, muốn lãng quên hay cần phải lãng quên?

Những truyện và thơ viết về kinh nghiệm di dân và vấn đề sử dụng ngôn ngữ thường chú ý đến vấn đề về tiếng mẹ đẻ bị mất. Thí dụ, bài thơ "Vietnamese" của Đỗ Lê Anh Đào nói về cái

chết của tiếng Việt ngoài nước. Thường là thế hệ trẻ xem tiếng Việt như một phần của họ không còn nữa hoặc đang tan biến. Những nhà văn trẻ này lo về nỗi buồn mất tiếng Việt và cố gắng tiếp tục dùng tiếng Việt để có liên hệ với cộng đồng. Thí dụ, trong bài thơ "the OCmorphosis" của Jenni Trang Lê, tiếng Việt làm cho người kể, "Thấy mấy người lạ trở thành mấy người quen,/...Nhớ lại tới hồi xưa lúc em còn trẻ bé." Tiếng Việt trong bài thơ này là một cách luyến tiếc quá khứ vì có ưu thế hơn, có nhiều khả năng sử dụng hơn. Nhưng không có nghĩa người Việt không viết hoặc không biết tiếng Việt tức là chấp nhận ưu thế của ngôn ngữ và văn hóa Mỹ. Cũng không có nghĩa là người biết tiếng Việt là kẻ được ưu đãi vì có điều kiện thời gian và tiền bạc để học thêm. Như Rushdie đã nói, dịch thuật có hai mặt. Ngôn ngữ cũng vậy. Văn chương vốn dĩ là một cõi tự do, không thể áp đặt ý nghĩa và mục đích được. Ngôn ngữ là vũ khí chung của cả người có ưu thế lẫn người bị áp bức. Có khi tiếng Việt lại là một ngôn ngữ của thời dĩ vãng hay của một quê hương có thể đã mất rồi hay sắp chết. Với thế hệ trẻ, tiếng Việt là một ngôn ngữ vừa lạ vừa quen thuộc. Với người biết tiếng Việt lưu loát, tiếng Việt giống như một ngôi nhà được dời sang chỗ mới. Tiếng Việt hiện nay cũng có thể tồn tại như một "ngôn ngữ biên giới" theo cách nói của Anzaldua. Bài thơ của Phan Nhiên Hạo, "Phác thảo cho một chân dung tự họa," giải thích tiếng Việt như sau: "Đây là ngôn ngữ tôi: một nửa dưới nước, một nửa trên bờ/Đây là nước tôi: đất nước nào? Tôi hỏi."11 Đó là những thí dụ về liên hệ giữa tiếng Việt với thời quá khứ hay hiện tại. Nhưng có khi nào tiếng Việt hàm ý về tương lai không?

Ảnh Đặng Thơ Thơ

làm cho người kể nhớ một "đời sống... đơn giản và vui vui." Dù nói lưu loát hay rời rạc, tiếng Việt trong nước Mỹ phải đối đầu và cạnh tranh với tiếng Anh. Bài thơ mang một hình thức phong phú và sáng tạo trong việc vận dụng ngôn ngữ, xử dụng cả hai thứ tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ, giống như nhiều bài thơ Chicano. Viết bằng cả hai ngôn ngữ không phải là vì tiếng Việt không đủ diễn cảm mà vì viết như thế làm cho cả hai ngôn ngữ Anh-Việt thay đổi với nhau và sáng tạo ra một cái gì mới.

Giống như hình ảnh của Ngũgĩ, mất tiếng Việt giống như một phần thể xác bị đứt lìa. Cảm giác bất lực này càng nặng nề hơn khi người di dân thường không được quyền quyết định trên sự mất mát này. Nhưng thực tế thường là thế hệ trẻ giỏi tiếng Anh hơn tiếng Việt. Tiếng Anh là ngôn ngữ

Phức tạp hơn là truyện ngắn "Mở tương lai"

của Đặng Thơ Thơ. Sử dụng tiếng Việt không phải là một điểm trọng tâm trong truyện này, nhưng đề tài về kỷ niệm và giấc mơ trong truyện này tôi hiểu như một ẩn dụ về việc sử dụng tiếng Việt ngoài nước. Tự truyện Đặng Thơ Thơ kể về những kỷ niệm chấn thương và cũng kể lại những giấc mơ của ước mong. Nhưng truyện không giống những mẫu kỷ niệm chấn thương hoặc nỗi luyến tiếc quá khứ. Sau khi nhân vật Hương giải thích "Giấc mơ chỉ là một quá khứ gần. Không thể mở ra tương lai," người kể truyện trả lời, "Hương không biết trò chơi giấc mơ là chuyển động hai chiều, như trái banh ném qua lại giữa hai người—tôi là người chơi sẽ tác động ngược về phía tương lai, để thay đổi nó."12 Câu này rất quan trọng nếu so sánh với vấn đề dùng tiếng Việt. Ngoài những thí dụ về tiếng Việt như một di vật hoặc một biên giới ra, có thể hình dung tiếng Việt nằm ngoài bối cảnh kiếm tìm hay gìn giữ nguồn gốc không? Đây là một câu hỏi của người kể truyện khi cô muốn biết, "Còn những giấc mơ này (như chúng tôi hôn nhau, rất nhiều đêm như vậy, và lần hôn nào cũng đê mê đắm dưới) thì gốc rễ ở đâu ra?"13 Nếu theo những bài giảng của Freud về việc lý giải những giấc mơ, người ta không truy tận gốc được. Người ta chỉ biết những ước mong bị kiềm chế bằng những nguyên nhân mơ hồ nhưng lại giải bày trong những giấc mơ. Thí dụ này có thể dùng để phân tích thêm vấn đề sử dụng tiếng Việt và căn cước Việt hải ngoại, vì quê hương và nguồn gốc giống như một tiềm thức xa vời nhưng vẫn còn rất thật và sâu sát. Nếu không bận tâm truy tìm hoặc trở về nguồn gốc và quá khứ, thì tiếng Việt có bao nhiêu khả năng mới về tương lai và những ước mong chưa dám nảy sinh và thể hiện trong văn học?

Việc mất tiếng mẹ đẻ như Ngũgĩ miêu tả rất gần với tình huống cơ thể bị cắt lìa hay rạn nứt. Với thế hệ trẻ không biết tiếng mẹ đẻ lưu loát, gia tài ngôn ngữ của người Việt hải ngoại có thể xem như một hành động bị ức chế và kéo theo những mặc cảm kiêu hãnh, ngại ngùng và hổ thẹn. Nhưng tôi muốn nhắc đến câu trích dẫn của Rushdie một lần nữa. Đó là ngôn ngữ, như việc dịch thuật, có cái mất mà cũng có cái được. Như một người bạn tôi đã nói đùa: "Mất tiếng mẹ đẻ không phải là mất tay. Khi đã muốn biết một ngoại ngữ nào thì người ta sẽ có dịp học được. Học ngoại ngữ rất khó nhưng không khó bằng mọc ra một tay mới!"

Christine Cao
Tháng 08/2005

Chú thích:

1 Từ điển Việt-Anh. Trung Tâm Khoa Học Xã Hội và Nhân Văn Quốc Gia. Viện Ngôn Ngữ Học. Nhà Xuất Bản TPHCM.

2 Jack, Belinda. "Introduction." Francophone Literatures: An Introductory Survey. UK: Oxford UP, 1997. P.1. "...the nature of the relationship between the European literature and literatures in the European language (or a language closely related to it) is, increasingly, analysed not to reveal the latter as imitative or an extension of the European parent literature, but rather as fundamentally subversive, a rebellious child which obliges the parent to redefine his or her identity in relation to the next generation."

3 Braithwaite, Edward Kamau. "Nation Language." History of the Voice: The Development of Nation Language in Anglophone Caribbean Poetry. London and Port of Spain: New Beacon, 1984. "English it may be in terms of some of its lexical features. But in its contours, its rhythm and timbre, its sound explosions, it is not English, even though the words, as you hear them, might be English to a greater or lesser degree... the noise is part of the meaning" (311).

4 Ngũgĩ wa Thiong'o. "The Language of African Literature." Colonial Discourse and Post-colonial Theory. Eds. Patrick Williams and Laura Chrisman. New York: Columbia UP, 1994. "... like producing a society of headless bodies and bodiless heads." P.451.

5 Hall, Stuart. "Cultural Identity and Diaspora." Colonial Discourse and Post-Colonial Theory: A Reader. Eds. Patrick Williams and Laura Chrisman. New York: Columbia UP, 1994. pp. 392-403.

6 Anzaldua, Gloria. "How to Tame a Wild Tongue." Borderlands/La Frontera: The New Mestiza. San Francisco: Spinsters, 1987. pp.53-64. "... an orphan tongue... illegitmate, a bastard language"

7 Chow, Rey. Writing Diaspora: Tactics of Intervention in Contemporary Cultural Studies. Bloomington: Indiana UP, 1993. Quoting Stuart Hall: "'Migration is a one way trip. There's no "home" to go back to. There never was.'" Chow: "Home is here, in my migranthood."

8 Appiah, Kwame Anthony. "Cosmopolitan Patriots." Cosmopolitics: Thinking and Feeling Beyond the Nation. Eds. Pheng Cheah and Bruce Robbins. Minnesota: Minnesota UP, 1998. pp. 91-116.

9 Phạm thị Hoài. "Nhà văn thời Hậu Đổi Mới." Bài thuyết trình. UCLA. February 2004.

10 Rushdie, Salman. "Imaginary Homelands." Imaginary Homelands. New York: Penguin, 1981. pp. 9-21. "It is generally believed that something is lost in translation; I cling to the notion... that something can also be gained."

11 Phan Nhiên Hạo. "Phác thảo cho một chân dung tự họa." Hợp Lưu 82, 2005. P.16

12 Đặng Thơ Thơ. "Mở tương lai." Hợp Lưu 82, 2005. P.46.

13 Ibid. P.57.

"the OCmorphosis"

aka "Bài Poem Song Ngữ Số Hai"

by Jenni Trang Lê

It happened.
Tự nhiên em thức dậy, mở một mắt,
then the other one,
Mở cửa ra... and watched as
Mấy con ruồi nó bay vô phòng mới của em.
I don't even keep any food in my room!
...but in those pesky houseflies zoomed,
somehow they knew,
instinctively assumed,
buzzing amongst each other,
consumed by my arrival to... the OC
—not the version painted white by the WB
but the city dubbed "Little Sài Gòn" by the Vietnamese.

Em mới dọn xuống khu Santa Ana... my new hood...
And the nước mắm that was already circulating through my veins
was suddenly activated,
some kind of cell osmosis,
insinuated in this Ocmorphosis
that was Creeping, Leaping, Seeping
into my Vietnamese American Body.
(trời ơi là trời, cái gì mà ngộ thế...!)

I felt like a Culture Night premise sprung to life.

Perhaps I could carve out a few Mỹ Hóa blemishes with a cultural knife,
But that seemed a bit drastic because let's face it...
Relative to the Tú Uyên's of the world
(born in the US but crazy fluent),
My cousin Uyên-Khanh
(strictly schooled by a bà ngoại on a mission),
...I paled in comparison.

But mỗi ngày em rất quý tự do của em,
Independently on my own.

Nhà bếp thì chưa soạn xong,
Và tủ lạnh thì chưa có.
So I am forced to explore the foodscape of Little Sài Gòn,
Slowly experimenting with every
tiệm bánh mì and food-to-go spots I come across,
starting with Bolsa, going down Brookhurst,
and reading all the Vietnamese signs along the way.

—Does anyone else find it strange that there are two "Bác Sĩ Mồ Hôi Tay" billboards in the heart of Westminster?
I'm learning my way around...

Bây giờ em biết xô vào đám người trong tiệm để hét lên:
"MỘT Ổ BÁNH MÌ GÀ KHÔNG ỚT VÀ MỘT LY CÀ PHÊ SỮA ĐÁ!!"
And then the American side of me always adds a polite "cám ơn!"
Apparently more often than not it's unneeded but old habits die hard.
Cám ơn! Cám ơn Bác, không có chi... cám ơn Chú!

I turn on the radio and listen to quảng cáo after quảng cáo,
Patiently waiting for some actual programming (when does Ysa's show come on again?),
but instead I feel this overpowering urge to go to the ABC Supermarket where everything is "chính mười chính cên".
Well that is pretty cool.
They always call me "cưng" over there.
I don't mind the strong frozen fish smell
So long as they call me "cưng".

Here in OC, miles from San Jose and Houston where my family dwell,
I'm beginning to miss my gia đình...
Mà mỗi lần em nghe tiếng Việt,
Lỗ tai em ngứa ngứa, đã đã,
Em thấy có tình cảm,
Thấy mấy người lạ trở thành mấy người quen,
Nhớ lại tới hồi xưa lúc em còn trẻ bé
Và đời sống thì đơn giản và vui vui.

But I wouldn't trade this slow OCmorphosis,
An emphasis on neither văn hóa,
But a taste of the Old World flavor,
A new adventure that feels faintly familiar.
I raise a good-natured eyebrow
at the cheesiness of copycat commercialism,
and I've gotten used to the staring,
no longer really caring.
After all, I do sort of look Filipino,
And my hair is... pink.

Though a lot of times they still put ớt in my bánh mì,
I smile at the chance to nói tiếng Việt,
And essentially hiểu người Việt hay hơn.
But first, I really need to invest in a flyswatter and
Đập mấy con ruồi...khó chịu dễ sợ!

Phỏng Vấn

Ngôn Ngữ và Người Viết – Một Lựa Chọn?

Đặng Thơ Thơ và Nguyễn Hương *thực hiện*

LTS: Đặng Thơ Thơ và Nguyễn Hương đã thực hiện cuộc phỏng vấn với những người viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt về ngôn ngữ sáng tác. Các tác giả toàn quyền chọn câu hỏi thích hợp. Cuộc phỏng vấn qua điện thư đã lôi cuốn được 10 người viết (không theo thứ tự nào): Việt Nguyễn, Đinh Linh, Phan Nhiên Hạo, Nguyễn Thị Hoàng Bắc, Đỗ Lê Anh Đào, Trịnh Thanh Thủy, Nguyễn Danh Bằng, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Đỗ Khiêm, và sau cùng, Ban Mai - một người viết trong nước cho cái nhìn của cô về văn chương di dân bằng tiếng Việt và tiếng nước sở tại. Xin xem thêm về khía cạnh ngôn ngữ trong văn chương da màu qua bài giới thiệu chủ đề "Màu Da và Ngôn Ngữ" của chúng tôi.

I. Hỏi:

Đứng giữa hành động viết và ngôn ngữ mình sử dụng là lịch sử, cảm xúc, và cả những suy tính thị trường hay quyền lực. Văn bản chúng ta viết, đọc giả và cả chúng ta là ai, tùy thuộc vào ngôn ngữ chúng ta lựa chọn.

Katherine Washburn - dịch giả của Paul Celan- từng ghi nhận chuyện Celan sau khi sống sót từ những trại tập trung Nazi và định cư ở Pháp đã chọn viết bằng tiếng Đức – ngôn ngữ của kẻ thù và cũng là ngôn ngữ của mẹ ông. Sự lựa chọn này đã sản sinh ra một thứ thi ca "đóng kín trước ngôn từ, [đòi hỏi] sự phong phú chậm rãi và sự thiếu thốn kéo dài trong lưu đày ngôn ngữ," một thứ thi ca "đứt lìa khỏi cội nguồn." Gần hơn với bối cảnh thuộc địa của chúng ta, Ngũgĩ wa Thiong'o đã cầu khẩn: " Mỗi ngôn ngữ dù nhỏ bé đến đâu cũng chứa đựng ký ức của nó về thế giới. Đàn áp hay thu nhỏ một ngôn ngữ của người bị trị chính là coi thường ký ức nó dung chứa, và cùng lúc đề cao ký ức chuyên chở bằng ngôn ngữ của kẻ thắng trận lên mức độ phổ quát."

Khi chọn lựa viết bằng tiếng Anh, bạn có lo ngại về điều ấy? Hay bạn lo ngại tiếng nói lưu đày bị cắt lìa khỏi cội nguồn sẽ dần dà câm lặng? Nếu còn có những cách nghĩ nào khác về chuyện viết và ngôn ngữ, thì cái nhìn của bạn là gì trong trường hợp này?

The relationship between writing and the language in which we write has been one fraught with history, emotion, and power or market considerations. What texts we produce, who we are, and who our readers are, all depend on the language in which we write.

Katherine Washburn, a translator of Paul Celan, has noted how Celan, while living in France after surviving Nazi death camps, chose to write in German, the language of the enemy as well as that of his mother. His choice produced poetry 'sealed against speech, [requiring] the slow richness and long deprivation of linguistic exile," "cut off at the source." Closer to our own colonial context, Ngũgĩ wa Thiong'o has pleaded, "Each language no matter how small carries its memory of the world. Suppressing and diminuting the languages of the colonized meant also marginalizing the memory they carried and elevating to a desirable universality the memory carried by the language of the conqueror."

Do you worry about this when choosing to write in English? Or is it the impending silence of an exilic speech cut off from the source that worries you? If there are ways in which we could think differently about language and writing, what might they be in your particular case?

Trả Lời:

NGUYỄN THÀNH VIỆT (VIET NGUYEN)

The question of what language to write in never occurred to me. The first words I ever spoke were Vietnamese, but coming to America at age four mortally wounded that language for me, depriving it of the culture it needed to grow. At that age, language is like family. Precious and natural as it seems, it can be forgotten and replaced, a pro-

cess not as painful for the young as it is for the old. Parents do not like to think their children might forget them, and so do native speakers of a given language hate to think that their language might be meaningless to their descendants. Whenever I told other Viet Kieu that my grasp of Vietnamese was poor, they always laughed and denied how bad it could be, until they heard me speak. Circa the 1980s, the idea of a Vietnamese not speaking Vietnamese was incomprehensible, but this amnesia happens as a kind of adaptive mechanism that lets some of us survive in radically new environments.

If I adopted English, it also adopted me. Some adopted children always worry about the degree to which they belong, while some do not worry at all. I'm a member of the former group, and I still do not know whether that is fortunate or unfortunate. The writings of other people like me—born elsewhere but raised here, or born here but with attachments to their parents' origins elsewhere—sometimes betray this anxiety of belonging in the very language of writing. Written everywhere across the works of Chang-Rae Lee is an intense desire to be lyrical, to write the perfect sentence, to coin the most beautiful image. In his best-known novel, *Native Speaker*, his Korean American protagonist struggles with his personal identity and with America's multicultural identity. Ironically, Henry Park's English is too perfect; unintentionally, I think, the English of the novel is itself sometimes too perfect. Likewise, the English of Monique Truong's *Book of Salt*, graceful, polished, cleverly meta-literary with its story about the Vietnamese cook of Gertrude Stein, also sometimes reaches too far, not necessarily with any one image or word choice, but with their cumulative effect. In both these works, the shadow of the Asian as foreigner or outsider to European or American culture is evident. That foreignness is audible through broken, imperfect, inauthentic English, and one response is for some Asian American authors to write perfectly and unassailably—no slang, no contractions, no foreign words left untranslatd, no barbaric yawp. Today, the best-known Asian American authors are among the honor students of American literature, many striving to be valedictorians like the Pulitzer Prize-winning Jhumpa Lahiri.

But perfect English is not the only kind of English for the outsider. There is also the "weird English" of the bad students, the kind of English that critic Evelyn Ch'ien talks about in her book of the same title. One of the writers she discusses is Junot Díaz, who infuses the English language with untranslated Spanish. His English is deliberately not standard, but no one questions his mastery of the language. His defiant work tells us that when we write in a hybridized English, we must not translate between one language and the other. We must not make concessions. In the space where two languages meet, make the English reader learn your tongue, just as you were forced to learn English.

The works of Lee and Díaz point to how the Vietnamese in America are not the first population faced with the choice of writing in the language of the homeland or the language of the adopted land. Immigrants, exiles, and refugees from Europe and Asia who preceded the Vietnamese faced the same choice. Vladimir Nabokov and Isaac Bashevis Singer are perhaps the most famous of those who wrote in English, but they wrote in Russian and Yiddish as well. The first lesson they offer is that choices regarding language are not exclusive. One can be bilingual. Linh Dinh is living proof of this, writing with equal versatility in both Vietnamese and English. If his audience is not a wide one, this is due to his formal decisions, not to his status as a latecomer to English. In our own day, we continue to witness people coming to America as adults, who learn to write in English only after their arrival, and yet achieve wide audiences. Successful writers as radically different as Aleksander Hemon and Ha Jin write of Bosnia and China in the most vernacular kinds of English. Le Ly Hayslip is another, even if she is a controversial figure in the Vietnamese community. The second lesson, then, is that learning a new language does not have to be an obstruction to being a popular writer.

The group of diasporic writers I belong to has little choice in regards to language. We were raised in English, either from birth or very close to it. For us, the homeland, if it matters at all, is a state of the imagination to which we return, literally, with our writing. For us, Vietnamese is a dead language, a withered language, a damaged language, or at best, a verbal language. Rarely is it a written one, at least one written well enough for the public. If there is a crisis we undergo regarding language, it is not about whether to write in

English or Vietnamese. There is no ethical, political, or cultural problem for us in writing English, for we *must* write in English. Laying claim to it is the clearest sign of our right to speak in America. To be an author is to be a figure of authority, and authority is something the Vietnamese have sorely lacked in the American imagination. Without this generation born in the United States or raised here, who include Monique Truong, le thi diem thuy, Aimee Phan, Kien Nguyen, and others, the voice of the Vietnamese diaspora in the United States would be severely limited, not in its ability to speak out, but in its ability to be heard. In this dilemma, the Vietnamese again are not unique. Native Americans, Chinese, Eastern Europeans, and many more have produced immigrant literatures in their native languages, a heritage explored now mostly by scholars.

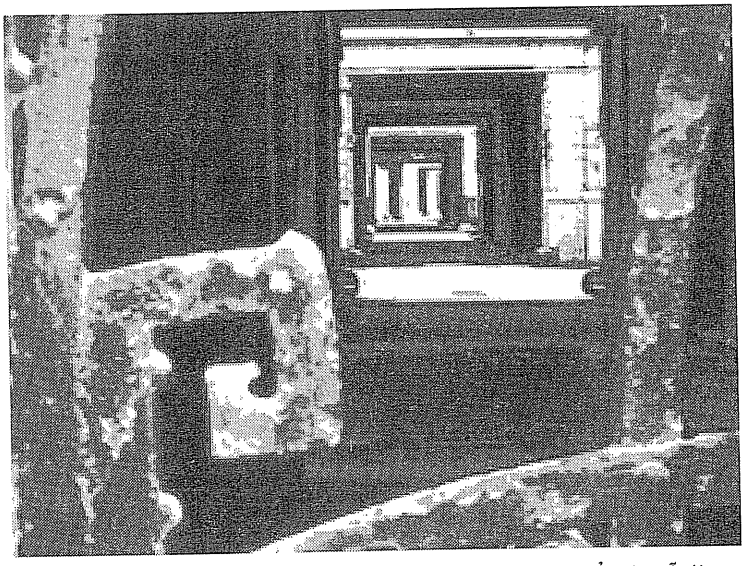

Ảnh Nguyễn Hương

Some would call this an immigrant ghetto, but I prefer to think of it as the underground of American culture. Vietnamese American writers writing in Vietnamese are a part of that underground. They cannot expect to be heard by the general public so long as they write in Vietnamese, not without translation. But we cannot decide beforehand that no "great" writer will emerge from this underground. If the talent is powerful enough, than that writer will emerge, not by her or himself, but with the aid of critics, publishers, and translators. Translating a whole text from one language to another is different than the kind of piecemeal, subservient translation Junot Díaz defies. The kind of translation needed here is a relation between equals.

The conditions of literary emergence from the underground cannot be isolated from culture in general. Vietnamese American writers in English did not simply start to publish in a vacuum, through sheer individual talent and will. They began to emerge because they grew up as part of an English-language literary culture, and benefitted from a literary marketplace affected by the rise of multiculturalism and Asian American writing. Those minority writers who preceded the Vietnamese struggled to be heard, and their voices aided and were aided by political and social movements organized around race, feminism, war, poverty, and imperialism. The Vietnamese writing in the underground must take their cue from these struggles that breached the walls of ethnocentric, nationalist American culture. Those walls cannot be broken down by a writer working in isolation, but only as part of a concerted literary effort involving writers, editors, translators, and publishers, in conjunction with social movements. This relationship between literature and social movements is a loose and uneasy one, but it exists nonetheless. These social movements and the literature related to them created the terms "Asian American" and "Vietnamese American," and made it possible for me to recognize that it does not matter what language I heard or spoke first. Vietnamese is now my foreign language, English my native one. If this is a problem, it is one whose origins are historical as much as they are personal.

ĐINH LINH

Tôi qua Mỹ 1975, lúc 11 tuổi. Tôi sống khắp nước Mỹ, nhưng lâu nhất ở Philadelphia (17 năm). Vì tôi sống với người Mỹ và làm việc với người Mỹ, nên tôi hiểu được phần nào tâm lý của họ để đem vào truyện và thơ. Tôi sang Mỹ ở tuổi lỡ cỡ. Nếu nhỏ hơn vài tuổi thì tôi đã trở thành Mẽo hơn. Nếu lớn hơn vài tuổi thì tôi hãy còn 100%

Mít. Tôi bắt đầu làm thơ ở trung học, nhưng vì dùng tiếng người nên không dám có tham vọng trở thành "thi sĩ." Lên đại học, tôi mới biết rằng Anh ngữ của tôi không những đã bằng những người Mỹ bản xứ mà còn khá hơn họ. Trường đại học còn mướn tôi kèm Anh ngữ cho những sinh viên kém môn này, tuy những người này sinh ở Mỹ. Nhưng giỏi Anh ngữ là một chuyện—thiếu gì người di dân "giỏi" Anh ngữ—làm văn bằng Anh ngữ lại là một chuyện khác. Khi đã quyết định viết bằng Anh ngữ, tôi muốn trở thành một nhà văn Mỹ hẳn hoi, chứ không phải một trường hợp đặt biệt, chỉ được chú ý chút đỉnh vì màu da của mình. Đó là một lý do tôi viết về nhiều vấn đề ảnh hưởng đến xã hội Mỹ nói chung, chứ không chỉ những vấn đề của cộng đồng Việt Nam hay Á Châu. Tôi cũng thí nghiệm, quậy phá với tiếng Anh. Tôi đã tạp một tảng tiếng Anh để dành riêng cho mình, để từ từ nhai rồi nuốt. Nuốt xong, tôi sẽ tạp tiếp. Tuy vậy, để khởi đầu, tôi cần những gương để noi. Bạn phải nhớ rằng ở đầu thập niên 80, chưa có bao nhiêu nhà văn Mỹ gốc Á Châu. Tập thơ đầu tiên tôi mua là của Langston Hughes, một nhà thơ da đen. Sau này, tôi cũng được khuyến khích bởi sự xuất hiện của những người như Kazuo Ishiguro, một tiểu thuyết gia Anh gốc Nhật, hay đạo diễn Trần Anh Hùng. Tóm tắt lại, tôi viết bằng Anh ngữ vì tôi sống trong môi trường Mỹ, và đã trở thành người Mỹ. Đỗ Quyên bảo tôi là "một nhà văn rất Mẽo, Mẽo vào loại nhứt trong các nhà văn Mỹ gốc Việt ở Mỹ," nhưng thật sự thì tôi cũng Mít hơn những nhà văn Mỹ gốc Việt. Tôi đã về Việt Nam 3 lần. Lần cuối, tôi sống ở đó hơn 2 năm. Tôi có quan hệ thân mật với nhiều nhà văn Việt ở Sài Gòn, Hà Nội và ngoài nước. Tôi đã dịch rất nhiều nhà văn Việt sang tiếng Anh, và nhiều nhà văn Mỹ sang tiếng Việt. Tôi cũng may mắn được những người như Nguyễn Hưng Quốc và Phạm Thị Hoài khuyến khích và thách thức viết bằng tiếng Việt khi còn ấm ớ. Bài thơ tiếng Việt đầu tiên tôi viết, tôi tặng Phạm Thị Hoài. Thật sự thì tôi là hai nhà văn, một Mỹ, một Việt. Tôi viết bằng tiếng Việt vì tôi gắn bó với số mệnh của nước Việt. Tôi viết bằng tiếng Anh vì tôi gắn bó với số mệnh của nước Mỹ. Ảnh hưởng văn chương của tôi thì rất tạp nhạp, chằng chịt, khó mà tỉa ra được. Erica Wright viết về tôi trên báo Foreword, số tháng 9 và 10, 2004: "Tuy Đinh Linh đã được chấp nhận vào giới văn chương Mỹ, văn của hắn vẫn là lạ. Có lẽ điều này là vì hắn sinh ở Việt Nam, và đang sống ở Ý, nhưng có lẽ, đúng hơn, hắn đã cố tình tạo ra cảm giác kỳ lạ này."

II. Hỏi:

Nhiều người cho rằng: viết bằng tiếng Việt ở một đất nước ngoài Việt Nam là thường trực đối mặt với một khủng hoảng về căn cước. Theo Joseph Brodsky (Nobel văn chương 1987) người viết lưu vong là kẻ lao mình vào vũ trụ trong một phi thuyền đơn độc – phi thuyền ấy chính là ngôn ngữ họ mang theo. Thế giới mới của người lưu vong, nhìn một cách logic, là một thế giới phi tự nhiên hoặc không thật; và chính sự phi thực đó đã đem thế giới đến sát gần tiểu thuyết. Với những kẻ phi hành cô độc, nơi trú ẩn duy nhất, ngôi nhà duy nhất còn tồn tại trong thế giới bao la kinh hoàng đó, chính là hành động Viết.

Trong Hợp Lưu 81, Nguyễn Văn Lục đã kết thúc bài Nhận Diện Một Số Nhà Văn Việt Đầu Thế Kỷ 21 bằng một nhận định về văn chương di dân như sau:

"Điều đó cảnh báo một tương lai không sáng sủa gì cho văn học di dân. Đã thế sự nghiệp văn chương thì nhiều người còn mỏng. Và vẫn là thứ văn chương nghiệp dư...Cứ nhìn những nhà văn viết bằng tiếng ngoại quốc không khỏi làm chúng ta suy nghĩ. Những Linda Lê, Monique Trương, lê thị diễm thúy, Pedro Nguyễn, Valerie Tống Cường...phải chăng, muốn trở thành chuyên nghiệp thì chỉ có con đường chọn viết văn bằng ngoại ngữ?"

1. Là một người viết bằng tiếng Việt, bạn nghĩ sao về nhận định trên? Bạn có cho rằng nhận định đó mang mục đích xóa sổ toàn bộ nền văn học-văn chương di dân và lưu vong? Bạn đồng ý hay cảm thấy bị xúc phạm khi tiếng Việt - ngôn ngữ bạn dùng để sáng tạo đã bị đẩy xuống hàng phế phẩm, khi tiêu chuẩn để xác định giữa nghiệp dư và chuyên nghiệp chỉ là điều kiện viết bằng ngoại ngữ – mà phải là ngoại ngữ của một cường quốc có thế lực về chính trị và kinh tế?

2. Tại sao bạn vẫn chọn lựa viết bằng tiếng Việt - khi chúng ta đã sống ngoài quê hương, và giao tiếp với văn hóa-văn chương bản xứ chặt chẽ hơn là văn hóa-văn chương quốc nội - khi chúng ta đã đọc, nói và viết thành thạo một ngoại ngữ khác như người bản xứ? Hay bạn quan niệm: như một hình thái giao tiếp, chọn lựa một ngôn ngữ viết chính là chọn lựa một thế đứng trong xã hội, là chọn lựa một tiếng nói chính trị, là chọn lựa

một thái độ trong cuộc sống?

3. Khi chọn tiếng Việt làm ngôn ngữ viết, bạn chấp nhận mãi mãi là kẻ đứng bên lề của văn chương dòng chính, kể cả văn chương quốc nội? Bạn có hài lòng với vị trí mà nhiều người cho là "khiêm nhượng" của những nhà văn Việt di dân? Với Ha Jin, viết bằng một ngôn ngữ khác tiếng mẹ đẻ cũng khó khăn và đau đớn như thể thay máu. Với bạn thì sao? Dù nhận thức rõ rệt nguy cơ bị bỏ quên, bị loại trừ, bị phủ nhận, bạn vẫn cứ sống chết với tiếng Việt, vẫn cương quyết từ chối một cuộc đổi máu để có cơ hội hồi sinh? Tiếng Việt cần yếu và mật thiết với bạn đến thế sao?

Vietnamese writers writing Vietnamese in a country other than Vietnam are said to be permanently dealing face to face with an identity crisis. According to Joseph Brodsky, the 1987 Nobel Laureate in literature, an exiled writer is a "man hurled into outer space in a capsule...and your capsule is your language." The exiled's new world, logically enough, is so unnatural that its unreality resembles the world of fiction. To the astronaut, writing is the only way that helps them feel there is still somewhere in this scary, immense universe a place they can finally call home and find shelter in.

In the 81st issue of Hop Luu, critic Nguyen Van Luc concluded his article on "Identifying Some Vietnamese Writers in the early 21st Century" with the following statement about immigrant literature:

"This foretells a not very promising future for immigrant literature. The literary careers of many [immigrant writers] are insignificant and their writing amateurish. Just look at such Vietnamese writers as Linda Le, Monique Truong, le thi diem thuy, Pedro Nguyen, Valerie Tong Cuong..., and we can't help thinking that in order to become professional writers, there is only the path of writing in a foreign language."

1. As a writer writing in Vietnamese, what is *your response to the above statement? Do you think the statement nullifies everything written by immigrants and the exiled? Do you agree with this statement when Vietnamese, the language of your creativity, is considered invalid; and when a foreign language (this language must be one of an economic and political superpower) is used as the standard to distinguish between amateurism and professionalism?*

2. Why do you still write in Vietnamese when we live in another country, and have closer contact with the culture of that country than with the culture back home in Vietnam; and especially when we read, write, and speak that language as fluently as native speakers? Or do you think that choosing a language for writing is to determine your position in society, your voice in politics and an attitude about life?

3. Do you always want to stand outside mainstream literature both at home and abroad when you choose to write in Vietnamese? Are you satisfied with the position that many people consider quite "modest" of Vietnamese immigrant writers? Ha Jin, a Chinese American writer, has said that writing in a language other than the mother tongue is as hard and painful as going through a blood transfusion. What about you? Why do you still stick with Vietnamese and categorically refuse a transfusion even when you are well aware of the danger of being forgotten, eliminated and denied?

Trả lời:

PHAN NHIÊN HẠO

1. Tôi nghĩ chuyên nghiệp hay không, không liên quan gì đến việc viết bằng tiếng Anh hay tiếng Việt. Rất nhiều người bản xứ viết tiếng Anh là người viết nghiệp dư, trong khi nhiều nhà văn di dân viết bằng tiếng mẹ đẻ vẫn đang viết với toàn bộ tâm trí, sức lực của họ cho văn chương. Nếu nhìn chuyên nghiệp chỉ đơn thuần từ khía cạnh kinh tế, tức một nghề có thể nuôi sống mình, thì ngay các nhà thơ nổi tiếng của một xứ sở giàu có như Hoa Kỳ cũng không "chuyên nghiệp": Wallace Stevens suốt đời làm ngân hàng; William Carlos Williams là bác sĩ; Ted Kooser, người đoạt giải Pulitzer năm 2004, nhà thơ công huân đương nhiệm, tác giả 10 tập thơ, làm nghề bảo hiểm cho đến tuổi về hưu; phần lớn các nhà thơ Mỹ kiếm sống bằng dạy học hoặc một nghề ít dính líu đến văn chương. Số lượng tác phẩm cũng không phải tiêu chí quyết định tính chuyên nghiệp. Có người viết hết cuốn này sang cuốn khác, bài này sang bài khác, nhưng tác phẩm của họ vẫn rất dễ dãi, tầm phào.

Đối với nhà văn di dân viết bằng ngôn ngữ cộng đồng nhỏ, đem thước đo kinh tế và số lượng độc giả ra để đo tính chuyên nghiệp của họ là điều rất bất công và là một cách làm ...nghiệp dư.

2. Khi mới sang Mỹ, tôi rất muốn trở thành Mỹ, sau vài năm thì muốn trở thành công dân toàn cầu. Nhưng 14 năm sau, khi dường như đã Mỹ hơn, một cách nghịch lý, tôi chỉ muốn là tôi, một người Việt di dân, bất luận điều đó có được người khác tán thưởng hay không.

Viết bằng ngôn ngữ nào là vô hình chung hướng tác phẩm của mình đến những độc giả của ngôn ngữ đó ngay trong khi viết. Tôi muốn viết những tác phẩm mà mình thật sự hứng thú, giao tiếp với những người đọc mà mình chia sẻ sâu sắc mẫu số văn hóa, lịch sử. Viết bằng tiếng Anh dĩ nhiên là một lợi thế rất lớn về mặt nghề nghiệp, và có thể tôi cũng sẽ làm điều đó trong tương lai, nhưng ít nhất vào lúc này, tôi cảm thấy nó là một cố gắng rất khó khăn về mặt cảm hứng, và ngôn ngữ, dĩ nhiên.

3. Tôi nghĩ việc tách rời hoàn toàn văn chương hải ngoại ra khỏi văn chương trong nước để rồi than thở về tình thế lạc loài, "lão hoá" gì đó của nó là một hành động bi kịch hơi sướt mướt. Tôi tin sớm muộn gì văn chương hải ngoại cũng sẽ được đọc rộng rãi trong nước, nếu nó là những tác phẩm hay. Mà ngay bây giờ, internet cũng đã phần nào làm được việc này rồi. Thay vì ngồi than thở về tình trạng cô lập và cân nhắc chuyện "đổi máu" (coi chừng giống Michael Jackson), các nhà văn hải ngoại nên dùng thời gian đó để viết tác phẩm—bằng ngôn ngữ mà mình thông thạo nhất, về những đề tài mà mình tâm đắc nhất— và góp phần lên tiếng thúc đẩy sự thông thương giữa văn chương trong ngoài.

Tôi ngưỡng mộ những nhà văn kiên nhẫn với danh phận, tôi thấy họ thường tránh được cả hai chọn lựa tệ hại trong văn chương: hoặc thỏa hiệp, hoặc tào lao.

NGUYỄN THỊ HOÀNG BẮC

Viết bằng tiếng Việt trong một môi trường sống mà mọi sinh hoạt chung quanh: từ gia đình, ti vi, báo chí, mua bán, hội hè, công việc, chung quanh ta, mọi người đều sinh hoạt bằng một ngôn ngữ khác, chính thức và chính thống, cũng có thể tự ví von như tôi đang làm một trò hề?

Một trò hề tự mình đấm đuối mình trong một giấc mộng dài (lang thang trong một đời sống khác, một tinh cầu khác lơ lửng những lo lắng, vu vơ, hão huyền, những bận tâm, bàn cãi những chuyện đâu đâu, xưa và nay, tại sao mọi người cứ tranh luận ráo riết về tiếng Việt, về tương lai, tiền đồ giáo dục hay đổi mới chính trị của Việt nam, thơ mới, thơ cũ tiếng Việt, Đại hội đảng, Đại hội nhà văn...đang xảy ra trên một đất nước mà họ không ở, về một ngôn ngữ họ không dùng trong các sinh hoạt đời sống?)

Thứ tiếng có khả năng xây dựng cho một giấc mộng triền miên, giữ lại những hồi ức, gợi nhớ về một quá khứ cội nguồn, thứ tiếng chết trong sinh hoạt hằng ngày mà vẫn sống động trong một thế giới của riêng họ? Một thế giới ảo, những cơn mơ, những mộng lớn, mộng con, nếu không may, phản ứng ngược có thể tác hại và cô lập người sử dụng với hiện thực hằng ngày?

"Nghĩ đời lắm nỗi không bằng mộng
Tiếc mộng bao nhiêu lại ngán đời"(Tản Đà)

Nếu quả vậy thì viết bằng tiếng Việt thật là liều mạng.(Đã liều rồi thì còn thiết gì đến có còn độc giả hay không còn độc giả đọc mình? Nhìn quanh, thấy thiên hạ liều cũng nhiều, mơ ngủ cũng bộn, trong cơn say ma tuý, khối kẻ liều chết hay điếc không sợ súng (như mình) sẽ tự hỏi: viết bằng tiếng Việt (ở nước ngoài) sẽ giúp mình thấy bớt cô đơn, bớt điên khùng, hay sự thật sẽ phũ phàng hơn?

Đây gọi là hội chứng "đồng bệnh tương lân" giữa những người viết.

Viết bằng tiếng Việt trước hết là viết cho chính mình, đến bạn bè mình và sau đó, mới đến độc giả, tất nhiên là những người đồng bệnh với mình.

Viết bằng tiếng Việt ở nước ngoài là một nhu cầu được nằm mơ hơn là một hy vọng hão huyền xây dựng một sự nghiệp.

Thử làm một chút so sánh nhà thơ viết tiếng Việt với ca sĩ hát tiếng Việt ở nước ngoài sẽ thấy sự khác nhau giữa lợi lạc và lợi lộc. Ca sĩ hát tiếng Việt có thể sắm nhà, sắm cửa, sắm Lexus, BMW... Thi sĩ thì chỉ có phen bán nhà (nếu có), bán xe đi mà in thơ.

Có một sự trộn lẫn khó phân biệt giữa người viết và người đọc (tiếng Việt) ở nước ngoài.

Người viết chính là người đọc, và đa phần người đọc là người viết.

Có một nhóm những người trẻ đi học, lớn lên ở Mỹ không có nhu cầu bức thiết đấm mình trong mơ như thế hệ cha anh trước họ, nhưng nhu cầu tìm đọc, hiểu, thẩm thấu về cội nguồn, về kinh nghiệm của "tổ tiên"...làm phong phú cuộc đời của họ, nên họ đọc và đọc nghiêm túc bằng tiếng Việt. Giáo dục Mỹ vốn khích lệ mẫu người đa ngôn ngữ, dân Mỹ biết quý trọng những người nói được hai thứ tiếng (bilingual) nếu ba thứ, bốn thứ, càng tốt. Nhiều người trẻ Việt sinh ra lớn lên

ở Mỹ, học và nói tiếng Anh từ lúc mới sinh, lớn lên, cảm thấy tò mò thắc mắc về văn hoá, văn minh nước Việt, và trở lại học hành nghiên cứu nghiêm túc về tiếng Việt.

Họ là những độc giả tỉnh táo.

Cá nhân tôi có những kinh nghiệm nói là may mắn cũng đúng, nói là lạc quan hay lạc quan tếu cũng không sai.

Những người đọc tiếng Việt (mê) hiện nay ở hải ngoại có thể ở lứa tuổi từ 40. Nếu họ vẫn tiếp tục đọc và lai rai đọc cho đến khi họ 80, 90 tuổi, mẹ tôi năm nay đã gần 90, mắt yếu, phải thay thuỷ tinh thể 2 lần, thay kính mỗi 2 năm, nhưng vẫn đọc sách báo tiếng Việt. Nếu lấy theo tiêu chuẩn của cụ, thì chí ít chúng ta cũng còn đến ...50 năm cái gọi là "văn học viết và đọc bằng tiếng Việt" ở hải ngoại. Nếu tình huống xấu nhất là trong 50 năm sắp tới, tình hình xuất bản, nhà cầm quyền (đảng Cộng sản? Ban Tư tưởng Văn hoá trung ương?...) và thái độ của (bất cứ) nhà cầm quyền nào trong nước đối với văn chương viết bằng tiếng Việt ở nước ngoài vẫn không có gì thay đổi như hiện nay (cấp giấy phép xuất bản hiếm hoi và có điều kiện, kiểm duyệt hay cấm lưu hành sách báo tiếng Việt của các tác giả sinh sống ở nước ngoài...) tôi vẫn lạc quan...tếu, vì tôi vẫn còn đến...50 năm để viết bằng tiếng Việt ở nước ngoài!

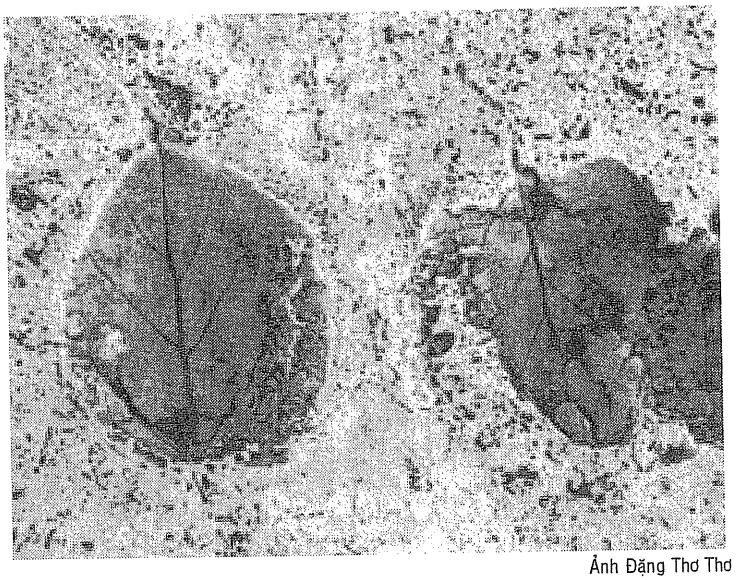

Ảnh Đặng Thơ Thơ

Tôi vẫn ở Virginia, nơi không nhiều mà cũng không ít người Việt, có một trung tâm thương mại nhỏ và riêng cho người Việt, việc làm của tôi vừa cần đến tiếng Việt vừa tiếng Mỹ. Tôi vẫn nói thạo, đọc thạo, và viết thạo tiếng Việt hơn tiếng Mỹ.

Viết bằng tiếng Việt đối với tôi không phải là vấn đề để chọn lựa, nhưng viết cho ai đọc thì tôi có cùng mẫu số chung với những người viết bằng tiếng Việt khác: tôi viết cho chính tôi, cho bạn bè và cho những độc giả đồng bệnh tương lân ở nước ngoài. Ước vọng đến tay rộng rãi độc giả trong nước vẫn còn là một ước vọng.

ĐỖ LÊ ANH ĐÀO

1. Tôi đồng ý với nhiều người đã nêu ra: viết bằng tiếng Việt ở một đất nước ngoài Việt Nam là thường trực đối mặt với một khủng hoảng về căn cước. Nhưng sự thực này, không làm tôi khó chịu hay lo sợ. Tại vì tôi sống ở Hoa Kỳ, và điều vinh danh nhất của cái "nồi trộn văn hoá" này chính là sự thường xuyên của những khủng hoảng về căn cước. Khó mà có người xác định rõ được nguồn gốc của họ thuộc mầu da văn hóa nào duy nhất và rõ rệt. Cùng lắm thì mọi người đều biết mình cùng là người Mỹ, vì ở đất Mỹ với nhau, ít nhiều trước sau cùng tồn tại vì nước Mỹ "larger than life". Nhưng sự thật có như vậy hay không khi ngay chính sự tự tin căn cước Mỹ gần đây cũng đã bị lung lay vì tiếng tăm không huy hoàng gì mấy của những hành động chính phủ Mỹ đã làm. Sự lạc quan nhất của căn cước người Mỹ vẫn là, tính cánh nhiều loại khác nhau, và vì vậy càng nhiều căn cước thì càng đa dạng mà thôi.

Tôi không đồng ý với quan điểm rằng văn học di dân VN là văn chương nghiệp dư, nhận định này mang vẻ "đế quốc" và lại đơn giản hóa vấn đề. Chúng ta đang không phải đang nói về thuyết tiến hóa của Darwin, khi mà sự sinh tồn của một loài vật được quyết định theo một điều kiện duy nhất là nó có cánh hay không cánh. Vậy thì còn phải coi lại nó ở môi trường nào? Đây nên là câu hỏi cho những nhà văn di dân viết tiếng mẹ đẻ. Họ muốn tác phẩm của mình chuyên nghiệp ở môi trường nào?

2. Tất cả những câu hỏi đặt ra đều đúng. Tôi đã sống ngoài quê hương, và giao tiếp với văn hóa-văn chương bản xứ chặt chẽ hơn là văn chương quốc nội; khi tôi đọc, nói, và viết thành

thạo một ngôn ngữ khác như người bản xứ, và có khi còn rành hơn tiếng mẹ đẻ. Tiếng Việt không chỉ là một thế đứng trong xã hội, một tiếng nói chính trị, một thái độ trong cuộc sống, nó còn là một quá trình học hỏi, một đầu tư tinh thần. Tôi ham muốn tìm tòi văn chương VN từ nhỏ, và coi nó như là người tình chung thủy duy nhất của mình. Tình yêu này đẹp và tinh khiết, không đòi hỏi đáp trả và kết quả. Tôi sẽ không bao giờ bỏ sáng tác tiếng Việt. Tôi là người rất chung tình. Vả lại, tôi là người Việt (không phải người Mỹ gốc Việt), học nói tiếng Việt trước tiên, nên lòng kiên nhẫn của tôi với văn chương VN bao la hơn với văn chương Mỹ. Mục đích của tôi là tìm được sự cân bằng, mà không phải dung hòa cả hai.

3. Tôi cảm thấy như là mình có hai bản sanh, một Mỹ một Việt, đôi khi ngay cả trong tôi cũng rất mâu thuẫn. Tôi luôn tự hỏi, viết tiếng Việt làm gì, ngay cả người yêu tôi, bạn bè thân tôi còn không hiểu. Nhưng nếu như tôi không viết tiếng Việt, những gì là bản sanh VN trong tôi sẽ chết, tôi sợ như vậy, và nếu như tôi để nó chết, tôi sẽ không bao giờ tự tha thứ cho mình. Và hơn thế, có những điều, tôi chỉ có thể cảm thấy được khi viết tiếng Việt. Khi ta sáng tác, nếu không có xúc cảm, thì đành bỏ đi.

TRỊNH THANH THỦY

Với tôi, viết là để viết, để chia sẻ và cảm thông. Viết nói lên được những uất ức từng bị đè nén. Nó còn đối diện và phanh trần sự thật phía sau bộ mặt đạo đức, chiếc áo mỹ học của con người và xã hội.

Tôi thấy thoải mái và hạnh phúc khi viết văn bằng tiếng Việt. Vì được sinh ra và lớn lên ở Việt Nam, nên dù có học thêm các ngoại ngữ khác, Việt ngữ đối với tôi, vẫn là thứ ngôn ngữ thường dùng lưu loát và thông thạo nhất.

Khi viết văn bằng tiếng mẹ đẻ, tôi thấy mình, thoát khỏi những ràng buộc thành kiến vô hình, tránh được các áp lực đè trĩu của cuộc sống. Tôi hoàn toàn tự do. Là một cá thể, khác biệt với những người khác và có nét đặc thù riêng, tôi nói và viết tiếng Việt vì Việt ngữ là tiếng của tôi. Việt ngữ có cái hay của nó. Viết bằng Việt ngữ, tôi diễn tả được "cái tôi" thật và chính xác hơn bất cứ ngôn ngữ nào khác. Tôi chưa bao giờ có cảm giác mình là một người viết lưu vong hay bị cô đơn trong một thế giới đơn độc vì trước hết, tôi viết cho tôi, sau đó sẻ chia cùng độc giả nên còn sung sướng gì hơn được trò chuyện với người khác bằng tiếng mẹ đẻ?

Tôi không quan tâm đến chỗ đứng trong văn chương dòng chính vì theo tôi nền văn học di dân bằng tiếng Việt hay ngoại ngữ cũng chỉ là một. Người di dân còn, văn học di dân còn. Nếu người ngoại quốc không biết đến những người viết bằng tiếng Việt thì người Việt mình biết, miễn sao nó vẫn hiện hữu. Cho dù nó bị bỏ quên hay tàn lụi như một định mệnh, chúng ta có cưỡng chống lại được không? Việc gì đến sẽ đến, việc thiết thực nhất của tôi là hãy tận hưởng những hạnh phúc mình có được trong tay là "được viết văn bằng tiếng mẹ đẻ"

NGUYỄN DANH BẰNG

Tôi không nghĩ khái niệm "nhà văn lưu vong" lại tội nghiệp như người "đứng bên lề," nhưng đó là một khái niệm thật khó khăn. Người viết lưu vong không đi cùng đời sống, họ di chuyển song song với đời sống, một kẻ vắng mặt. Họ nhìn vào đời sống xã hội ở ngay bên kia, lao xao, nhưng quán tính của thế giới cũ lại khiến họ đến một nơi riêng biệt. Họ thuộc về thế giới họ. Một thứ tái sinh! Một thứ không thể định nghĩa bởi người ngoài. Chính điều này dễ làm cho họ suy sụp, nhưng cũng đồng thời làm họ trở nên khác thường.

Tôi cũng không nghĩ việc lựa chọn ngôn ngữ nào để viết lại quan trọng đến thế. Chẳng ai có thể chối cãi vai trò thiết yếu của ngôn ngữ trong việc phát triển tư duy con người, dù vậy, nói cho cùng, ngôn ngữ cũng vẫn chỉ là phương tiện. Dường như họ quyết định ngôn ngữ thuận tiện trước khi kịp nghĩ đến công chúng. Cả công chúng nữa, cũng nằm ở phía bên kia, như một đối thể nằm ngang khi họ vẫn chỉ nhìn về phía trước. Vì thế khi nói đến người viết lưu vong, thật không nên phân biệt bằng ngôn ngữ họ xử dụng. Người ta hay ít nhiều "nể nang" những tác phẩm viết bằng tiếng Anh phát hành ở Mỹ. Việc ra sách ở Mỹ không bảo đảm điều gì. Luôn có một số công chúng Mỹ thích tò mò vào văn hoá thiểu số với nhiều vấn đề nhạy cảm xã hội của nó.

Đối với những người "chân ướt chân ráo" hoặc đã lớn tuổi không còn điều kiện để hội nhập, thì người nào sống trong cộng đồng Mỹ, nói tiếng Anh viết tiếng Anh có lẽ chẳng còn là "Di Dân." Nhầm! Sự khủng hoảng nguồn gốc thì vẫn thế, có phần toàn triệt hơn khi các ảo tưởng về giá trị của sự hội nhập không còn, có phần bi đát hơn vì nơi chốn cũ cũng đã trở nên xa lạ. Ngoài chuyện ngôn ngữ, thói quen phong tục, cách ứng xử, lối

suy nghĩ, kể cả một chút làm bộ làm tịch, khác nhau tuỳ theo thời gian và nơi chốn người viết lớn lên và sinh sống, đằng sau tất cả những điều ấy, điều cốt lõi cuối cùng, chỉ là những người da vàng lưu vong. Người Việt viết ở nước ngoài, cho công chúng nào, bằng ngôn ngữ gì, tất cả đều là người viết di dân. Người càng sống trong đời sống Mỹ càng biết rõ điều đó. Và nếu muốn xác tín hơn nữa, hãy hỏi bất cứ một người Mỹ trắng nào.

Trong cái cách thế khó chịu bực bội và khác thường ấy, cũng chính là tiềm năng hứa hẹn của các nhà văn di dân. Họ chẳng gắn bó vào đâu, và vì vậy họ nhìn thấy toàn bộ cục diện đời sống như nó là, không quá hào hứng, không dự phần như những kẻ say mê quê mùa. Khi họ kêu lên, đó chính là tiếng của sự nguyên gốc không vay mượn. Họ có đủ điều kiện để làm ra những cái "chẳng giống ai!", hay nói khác đi, những cái mới lạ.

Lịch sử di dân của người Việt còn rất mới. Ba mươi năm, kể từ đợt di dân đầu, chỉ đủ để thoát khỏi sự trầy trật sống còn thuộc về đời sống, vừa đủ để những đứa trẻ kịp lớn lên bắt đầu sắp đặt những tín ngưỡng mới. Vừa đủ để họ dừng lại, không tất bật chạy trong đám đông một cách thiếu ý thức. Vừa đủ để những nhà văn nhìn lại thế giới một lần nữa. Việc kỳ vọng về những thành tựu trong thời gian tới là hoàn toàn khả thể.

Một điều khác, cá nhân tôi tin rằng văn học lưu vong cần được định nghĩa theo cách mở rộng, vì nó không ngừng phát triển ngày càng mạnh mẽ hơn. Cũng như các quốc gia đã phát triển ở Châu Á khác, Trung Quốc và Việt Nam đang dần hiện rõ ra một tầng lớp mới, những người lưu vong ngay chính trên quê hương mình. Các đô thị mới toanh, thời trang phương tây và nhạc Mỹ, quần jean và cà phê Star Buck, những đứa trẻ lạnh lùng vô can, một cái gì đó sai trật, một sự khủng hoảng toàn bộ. Truyền thống chỉ được hiểu như một số tượng được bôi sơn lại đây đó, nó bị cởi bỏ trong thời gian ngắn nhất có thể khi tiến hành việc phát triển gấp rút. Rồi đến một ngày kia, khi có thể đã quá muộn màng, họ quay lại và nhận ra giá trị cá nhân không chỉ bao hàm sự lựa chọn của cá nhân đó, mà thật ra nó được đồng thời quyết định từ lịch sử khu vực mà nó sinh ra. Quán tính của lịch sử dân tộc khiến họ trở nên bất ổn. Từ bao giờ không biết, họ đã gia nhập vào hàng ngũ của những người lưu vong văn hóa.

Đây là vấn đề lớn. Trong khuôn khổ giới hạn cho phép của bài phỏng vấn, tôi e rằng sẽ quá ôm đồm khi đề cập nhiều khía cạnh của nó. Chỉ xin nói ra lời đơn giản cá nhân tôi, hoàn toàn tin tưởng rằng văn học lưu vong sẽ lớn dậy chưa từng có. Nhiều người cố gắng khảo sát và đưa ra những lời phán xét chung cục, tôi nghĩ đó là điều quá sớm và sai lầm. Tất cả những gì chúng ta đang thấy, thật ra mới chỉ là sự bắt đầu.

NGUYỄN THỊ NGỌC NHUNG

Sau khi đọc câu hỏi, tôi nhận ra hình thức và có câu trả lời như sau: (những phần chấm chấm, xin vui lòng đọc lại câu hỏi để tránh sự lặp lại nhiều lần).

1. Là một người viết bằng tiếng Việt, bạn nghĩ sao về nhận định trên? ...

a) nhận định đó mang mục đích xoá sổ toàn bộ...

b) đồng ý hay cảm thấy bị xúc phạm...

c) tiêu chuẩn xác định nghiệp dư là điều kiện viết bằng ngoại ngữ.

Không thấy có chữ: d) none of the above.

Tôi thêm vào và khoanh tròn chữ d.

2. Tại sao bạn vẫn chọn lựa viết bằng tiếng Việt...

a) như một hình thái giao tiếp.

b) như một thế đứng trong xã hội.

c) như một tiếng nói chính trị.

d) như một thái độ trong đời sống.

Không thấy có: e) none of the above.

Tôi thêm vào và khoanh tròn chữ e.

3 ... chấp nhận mãi mãi là kẻ đứng bên lề...

a) hài lòng với vị trí mà nhiều người cho là "khiêm nhượng".

b) viết bằng ngôn ngữ khác tiếng mẹ đẻ cũng khó khăn và đau đớn như đổi máu.

c) cứ sống chết với tiếng Việt.

d) tiếng Việt cần yếu và mật thiết với bạn.

Tôi khoanh tròn chữ e) none of the above.

ĐỖ KHIÊM

1. Là người viết bằng tiếng Việt thì tôi thấy chẳng có gì xúc phạm hết, và nếu phải bị xúc phạm thì nhận định vũ trụ, phi thuyền của Brodsky trên đây cũng xúc phạm được. Có chính khách lưu vong tứ xứ, có người Mường làm rẫy lưu vong ở Montana, có người Việt đánh cá lưu vong ở Louisianna, có Đơn Dương diễn viên lưu vong ở Hollywood (?) và có tôi lưu vong ở Bolsa nhưng không có nhà văn, nhà thơ lưu vong. Cũng như, nhà văn, nếu không nghiệp dư thì là nghiệp dĩ chứ không có nhà văn chuyên nghiệp (có chính

khách, đánh cá v.v... chuyên nghiệp).

Lỡ đã nói tới Nobel, thì những ông Quasimodo, Montale làm thơ tiếng Ý; Elytis, Seferis làm thơ tiếng Hy Lạp, ông Seifert tiếng Tiệp hay bà Szymborska tiếng Ba Lan có ray rứt muốn trở thành chuyên nghiệp hay không? Họ có phải suy nghĩ trước con đường chọn viết văn bằng ngoại ngữ? Các vị này, tăm tối và không chuyên, tương lai của họ chẳng có gì là sáng sủa. Họ làm thơ bằng ngôn ngữ của họ và ngay sau khi được giải rồi, được dịch ra tiếng nước ngoài, cũng chẳng mấy ai đọc, tôi nghĩ là họ viết để cho vui ấy thôi (*The Selected Writings of Salvatore Quasimodo*, bản bìa cứng, theo số sách amazon.com bán được xếp hạng thứ 2.476.062; *Poetic Waxing Kit, At Home Hair Removal System*, theo số mỹ phẩm amazon.com bán được, hàng số 119). Chuyến tàu Brodsky (cứ cho là như vậy đi) thì không có tôi, cảm ơn và xin lỗi thuyền trưởng, tôi không có vé ngồi.

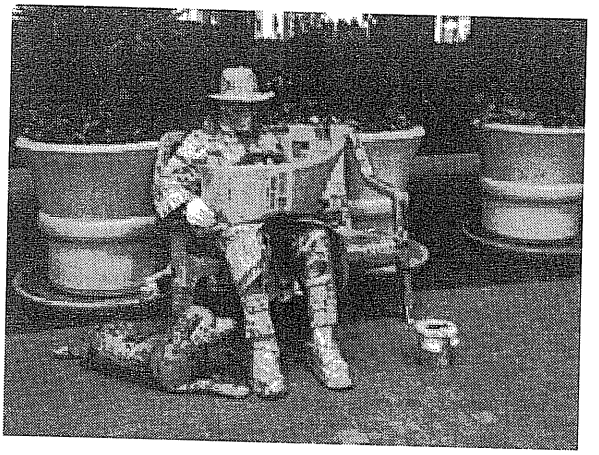

Ảnh Đặng Thơ Thơ

2. Tại sao tôi viết bằng tiếng Việt thì phải hỏi... mẹ tôi. Nếu có sự lựa chọn, hàng phở ở cùng một góc đường với tiệm bánh mì kẹp thịt thì tại sao tôi ba tháng thế này, một ngày thế kia (hay là có lúc ngược lại)? Lựa chọn nào thì có gì phải quan tâm không? Tại sao Pablo Neruda, Saint-John Perse, T.S. Eliot (tôi xin lỗi những nhà thơ không đoạt giải, chuyện Nobel ở đây là được bày ra từ câu hỏi), tại sao những vị này lại không làm thơ bằng tiếng Việt để đưa thi ca Việt lên tầm thế giới? Theo tôi, đây mới là sinh lộ của văn chương Việt: con đường tương lai của văn chương Việt không phải là nhà văn Việt viết bằng tiếng nước ngoài mà phải là nhà văn nước ngoài viết bằng tiếng Việt! Bà Duras (giải Goncourt thôi), sinh ở Việt Nam, nói tiếng Việt với giọng Sadéc thì chị Tư Sadéc này viết bằng tiếng Pháp là đáng tiếc hay là đáng khen? Tiếng nói chính trị của tôi không nằm trong ngoại ngữ, nội ngữ tôi dùng khi tôi vần điệu. Văn chương cũng như bánh mì rất cần thiết cho cuộc sống, nhưng chuyện lựa chọn ngôn ngữ ở đây là chuyện các ông hàng bánh mì túm tụm lại để bức xúc về bột nổi. Những ưu tư này, tôi sợ lại chính là những ưu tư "chuyên nghiệp" đấy, hết sức là cụ thể và thực tế, như hàng giữ được lâu, nhiều người nhắc đến, có bày bán ở các chợ... Mỹ.

Tôi viết tiểu thuyết đầu tay bằng tiếng Pháp, vào lúc tôi chưa đến Bolsa và chưa sinh hoạt... di dân Phước Lộc Thọ. Tiểu thuyết này tôi viết trong sa mạc Arizona-New Mexico, dọc những hương tỉnh lộ trên bản đồ lờ mờ ghi dấu, trong những motel đơn độc của những xã vài mươi nóc gia ở bên đường. Nhưng ở thôn ấp nào, hẻo lánh đến đâu, motel ở đó vẫn thường là do 1 gia đình người Ấn quản lý hay làm chủ. Buổi chiều khi tắt nắng, trên con đường độc nhất chạy ngang làng, có tiểu thư Patel mặc sari hở rốn (cái này là thái độ trong cuộc sống đấy), lẹp xẹp đi dạo mát ngang Bar rượu của Mỹ ruộng da trắng bày bảng kẻ tay đề "Yêu cầu bỏ súng lại ở bên ngoài". Biết đâu cái cảnh này chính là động cơ khiến tôi trở về với nguồn cội...lưu vong - tiếng Việt - hải ngoại và quên đi tiểu thuyết tiếng Pháp? Bản thảo này, hiện nay tôi vẫn còn giữ trong tủ đá, vẫn có thể ngày nào lôi ra bỏ vào lò vi ba nếu thấy ăn được, đổi thế đứng thế nằm của tôi trong xã hội.

3. Mãi mãi là ngôn ngữ của... tình yêu, không phải của khẩu vị. Trong nước, ngoài nước, dòng chính, dòng phụ cũng không phải là vấn đề của việc viết, và của việc viết bằng ngôn ngữ nào. Mà là vấn đề làm sao chào hàng da màu ở ngoại quốc, lại được hưởng phần "lương tâm cắn rứt" của chế độ đế quốc văn hoá dành cho di dân lợi tức kém. Đối với ở trong nước, là làm sao vênh vang Việt kiều văn hoá "hàng ngoại chất lượng nội" hay ngược lại cao xa để giữ gìn phẩm tiết gì đó thì cũng thế*. Nói trắng ra thì lo âu bị loại trừ, bị phủ nhận, dính dáng đến văn chương và nghệ thuật thì ít mà dính dáng đến những ATM (máy rút tiền mặt bằng thẻ ngân hàng) của danh vọng và quyền lợi thì nhiều ("Your request has been denied", yêu cầu của bạn bị từ chối). Dù sao thì

có thực mới vực được văn và chẳng mấy ai bằng lòng với vị trí bị bỏ quên, vậy mới phải tính toán chứ! Nhưng muốn cũng chẳng được, bị bỏ quên thì tôi đã bị bỏ quên nhiều rồi và tôi cũng ưa quên nữa. Trong những mục giải trí, tôi thấy viết văn vừa nhẹ nhàng vừa kinh tế trong khi đánh banh còn phải có sân và phải bỏ hút thuốc. Tiếng Việt chẳng là xấu cũng chẳng là đẹp, cho dù chúa Giê Su trên thập tự giá có thốt lời cuối cùng là bằng thứ tiếng này (*Hele, hele, lama sabac ta ni*, tiếng Việt cổ, tức là *Hỡi ôi! Hỡi ôi! Làn mây mù sa xuống mặt ta nì*, theo học giả Nguyễn Xuân Quang). Tôi viết bằng tiếng Việt thì có 3 người đọc, nếu viết bằng tiếng Pháp tiếng Anh thì sẽ có thêm một người đọc nữa là vợ tôi. Thì, ờ nhỉ, nhưng sao thì cũng chẳng có gì kinh hoàng bớt, và cũng chẳng có gì huy hoàng thêm. Đó là chuyện, "Sớm ăn cơm sườn / Chiều ăn nước tương / Hey hey hey it's a beautiful day!" (bài hát *Beautiful Sunday*).

BAN MAI

Vươn Tới Tương Lai

Thư gửi những người bạn di dân cùng thế hệ.

Đọc Hợp Lưu 82, những bài Ký về cuộc di tản tháng 4 năm 75 nhìn từ miền Nam, tôi tình cờ gặp gỡ những người bạn cùng thế hệ với mình trên trang báo. Những cậu bé, cô bé tuổi 11,12 trong sáng, thơ ngây chưa nhuốm bụi trần. Ngày xưa bạn cũng giống như tôi. Chúng ta cùng sống trong một thể chế, một nền giáo dục, cùng đọc chung những cuốn sách như nhau, cùng chơi chung những trò chơi như nhau. Năm tháng tuổi thơ là những ký ức đầu đời mà chắn chắc mãi in sâu trong cuộc đời của mỗi con người. Ba mươi năm sau, người đi, kẻ ở, đã có điều gì khác biệt trong tâm hồn chúng ta. Những con người cùng thế hệ.

Bàng bạc lên trên tất cả là nỗi đau mất mát về một tuổi thơ trong sáng, bỗng bị cắt đứt bất ngờ. Khi ấy chúng ta còn quá nhỏ, và bởi vì còn quá nhỏ nên ấn tượng in sâu. Và đến bây giờ cả một thế hệ chúng ta vẫn còn ngơ ngác. Điều gì đã xảy ra?

Bạn:

- Tại sao tôi lại ở một đất nước xa lạ trên hành tinh này. Ai đã cướp mất thiên đường tuổi thơ tôi?

Và Tôi:

- Tại sao tôi lại sống trong xã hội này, thể chế này? Thiên đường ngày xưa của tôi đâu?

Mới vừa hôm qua thôi, chúng tôi còn cười vang trên những ngọn sóng đuổi bắt những con còng gió chạy cuống cuồng trên bãi cát.

Mà hôm nay, cũng những con còng gió ấy, cũng những ngọn sóng ấy và cũng bãi cát dài êm mịn ấy nhưng tất cả đã khác, khác xưa rất nhiều.

Năm 1975:

- Bạn bất ngờ bị hất tung vượt qua nửa địa cầu, đến một bến bờ xa lạ. Bàng hoàng, ngỡ ngàng.

- Còn tôi, tôi lỡ nhịp ở lại sống trong một thời đại xa lạ. Một xã hội toàn trị – tất cả đều rập khuôn – tập thể là trên hết, triệt tiêu cá nhân con người. Một xã hội lúc nào cũng nơm nớp lo sợ, một xã hội lúc nào cũng nhìn ngó xung quanh. Đói khổ đến cùng cực. Tôi cũng bàng hoàng, ngơ ngác như bạn.

Bạn và tôi đều đang trải qua những ngày tháng khó khăn của cuộc đời:

- Những khác biệt về cách sống, cách hành xử. Những khác biệt về một nền văn hóa mà chúng ta đã từng tiếp thu nay đã bị đảo ngược.

- Bạn lạc lõng trên xứ người. Tôi lạc lõng trên chính đất nước mình.

Mỗi ngày, mỗi ngày khôn lớn là mỗi ngày trong tôi hằn lên những dấu hỏi. Lẽ sống cuộc đời tôi rồi sẽ ra sao? Ngày sau rồi sẽ ra sao? Nó có ý nghĩa gì?

Còn bạn, mỗi ngày, mỗi ngày bạn đã sẵn sàng hòa nhập với cộng đồng mới, quá khứ là những gì đau đớn bạn muốn quên đi. Đất nước là một nỗi đau ẩn dấu nơi sâu thẳm.

Tôi, bị giam hãm trong lồng sắt, cả đất nước "bế quan tỏa cảng", tôi mơ ước, khao khát một bầu trời bao la.

Thời thiếu nữ xinh đẹp, bạn bước vào một tương lai sáng rỡ, đã hội nhập với xứ người, may mắn tiếp thu một nền văn hóa tiên tiến. Bước chân thênh thang trên đường đời. Giá trị con người được nhìn nhận.

Thời thiếu nữ xinh đẹp, tôi đau đớn, tuyệt vọng với dằn vặt giữa đi và ở. Những người bạn lần lượt ra đi, riêng tôi ở lại, sống như người mộng du.

Nếu như bạn là một cô gái xinh đẹp, tài hoa và rất có ý thức bạn sẽ được tung hoành trên lĩnh vực của bạn, nơi bạn cư ngụ người ta sẽ tạo mọi điều kiện tốt đẹp cho người phụ nữ như bạn được thăng hoa.

Nếu tôi cũng như bạn, trên đất Việt tôi sẽ là một bi kịch. Vì ở đây người ta chỉ chú trọng những người có lý lịch đỏ, giàu có, và quyền lực. Mà những điều ấy tôi không hề có. Ở đây bạn sẽ bị

cô lập hoàn toàn, nếu như bạn là người dám sống là mình, không khuất phục.

Rồi thời gian trôi qua, thế giới hội nhập, thế giới đổi thay. Nước nhà bắt buộc phải mở cửa. Một sự chờ đợi quá dài đối với tôi.

Và giờ đây ba mươi năm sau, thế hệ tôi trở về, với biết bao thay đổi.

Tôi nhìn thấy trên những dòng chữ của bạn. Mỗi người, mỗi cách chọn lựa.

Có người trở về để hiểu ra rằng Việt Nam chính là cội nguồn của mình, hạnh phúc biết bao khi được trở về đất Mẹ, được sống và làm việc nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

Có người trở về để nhận ra rằng Việt Nam giờ đây chỉ là quá khứ, hiện tại nơi xứ người mới chính là quê hương.

Tôi hiểu cú sốc của bạn khi trở về và chợt nhận ra sự khác biệt quá lớn giữa hai nền văn hóa: một đất nước quá nghèo nàn và lạc hậu dưới mắt bạn và một đất nước xinh đẹp, đầy sức sống và tiện nghi mà bạn đang cư ngụ. Trong lòng bạn có sự so sánh.

Đó là một tâm lý rất thực và bình thường của con người.

Nhưng bạn có bao giờ nghĩ rằng sự so sánh ấy là khập khiễng lắm không?

Về mặt tinh thần làm sao có thể so sánh một đất nước với một đất nước.

Bạn cho rằng đất nước của mình đã mất? Những dấu tích lịch sử ngày xưa đã mất, người xưa, cảnh xưa?

Qui luật của cuộc sống có bao giờ là một thể "tĩnh". Ký ức của chúng ta đã dừng lại ở tuổi hoa niên, đồng hồ của bạn đã dừng lại ngày bạn rời xa đất nước.

Mất hay không là do cái nhìn của từng con người.

Quê hương là quê hương chung của tất cả mọi người, không của riêng ai.

Quê hương muôn đời vẫn trường tồn và vẫn vậy.

Cho dù vật đổi sao dời, cho dù xã hội đổi thay.

Một thể chế không làm nên dân tộc.

Một thể chế không phải là quê hương.

Chỉ vì căm hận một thể chế, bạn nỡ căm hận luôn cả quê hương sao?

Bạn có biết rằng, tôi đã rất đau khi nghe bạn nói, người Việt Nam chúng ta là những con người hung bạo, đối xử với nhau rất tàn nhẫn. Chỉ vì bạn bị vài người hành xử dã man. Họ có phải đại diện cho chúng ta không?

Tôi chỉ xin nói với bạn một điều: không phải tất cả những điều suy diễn của bạn là đúng hết đâu. Vì trong nỗi thống khổ, tôi vẫn còn nhìn thấy lòng tốt của con người, vẫn còn nhìn thấy niềm vui bình dị trong cuộc đời nhiều đau đớn này.

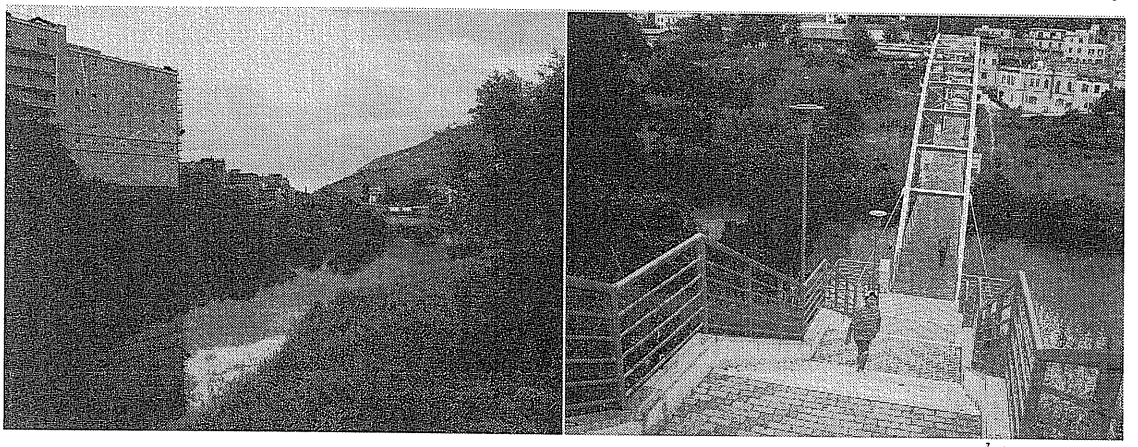

Ảnh Đặng Thơ Thơ

Tôi tôn trọng sự chọn lựa của bạn:

Nguyễn Hương: muốn bôi sạch quá khứ, để khỏi lặp lại mãi mất mát.

Thơ Thơ: muốn mở tương lai nhưng lại luôn bắt gặp quá khứ.

Cổ Ngư: trở về cùng nhịp thở đất nước.

Thận Nhiên: quay về đất tổ để sử dụng món quà ý-thức-tự-do

Mỗi người chúng ta có quyền chọn lựa cách sống cho riêng mình.

Cuộc đời bạn và tôi vẫn còn ở phía trước.

Tôi và bạn đã bao lâu rồi chúng ta chưa thực sự đối thoại với nhau.

Tôi biết bạn và tôi đều có chung một niềm đau, đều có chung một mất mát.

Nhưng sao đến bây giờ mà mãi còn hơn thua, hơn thua.

Chiến tranh đã trôi qua, nhưng những nỗi đau

chưa lành miệng vẫn còn ở lại. Đã có bao cô gái trẻ phải đội vành khăn tang chồng sau ngày cưới, đã có bao người mẹ già lầm lũi đi tìm xác con – những người đàn bà trong cuộc chiến và sau cuộc chiến ở cả hai miền Nam – Bắc trên đất nước tôi, lặng lẽ chịu đựng suốt cả cuộc đời.

Nỗi đau nào hơn nỗi đau nào?
Cái chết nào hơn cái chết nào?
Cùng là máu đỏ da vàng mà thôi.

Tôi thấy gì trong những dòng chữ của bạn. Những người Việt di dân.

Bạn viết gì? Nói gì và cho ai?

Tôi thấy bạn viết về nỗi đau đã qua của mình, khi cuộc chiến vừa mới kết thúc, và cách hành xử của kẻ thắng người thua, những trại học tập cải tạo, những người đã bỏ mình trên biển cả, những nỗi nhục khi sống trên xứ người, khát vọng vươn lên hội nhập, niềm day dứt nhớ về quê cha đất tổ.

Bạn viết lên nỗi đau của người dân da vàng về một xứ sở xa lạ phương Đông xa xôi cho người phương Tây thấu hiểu, và người cùng giống nòi xẻ chia.

Bạn tự do viết lên nỗi lòng bạn, giải bày bản ngã của bạn mà không sợ ai cấm đoán, đó là một hạnh phúc vô giá mà bạn đã phải trả giá mới có được, ấy chính là điều mà những người ở lại như tôi mơ ước mà không thể có ngay cả ngày hôm nay.

Đất nước ơi! Khi nào tôi mới được hưởng niềm vui – tự do nói lên những điều mình suy nghĩ mà không sợ bị ảnh hưởng hệ tư tưởng này, hệ tư tưởng kia.

Đất nước ơi! Khi nào con của Người mới có thể tự do viết lên nỗi đau, khát vọng thực sự của MỘT CON NGƯỜI.

Bao nhiêu năm rồi, chúng tôi khao khát, khao khát.

Tôi biết rằng thế hệ chúng ta cùng chung một hướng đến. Nhưng trong thâm tâm tôi cũng hiểu rằng chúng ta vẫn còn nhiều điều cần phải vượt qua.

Khao khát mở tương lai, là niềm mong mỏi của tất cả mọi người.

Nhưng muốn mở tương lai, phải biết khép lại quá khứ đau thương, và sống hết mình cho hiện tại.

Với mong muốn vượt thoát và hòa nhập vào nền văn hóa xứ người tôi nhìn thấy qua những sáng tác viết bằng ngôn ngữ vay mượn mà bạn đang cư ngụ.

Linda Lê nhà văn người Pháp gốc Việt đã thành công khi sáng tác bằng tiếng Pháp. Đó là một thách thức lớn khi phải viết bằng một ngôn ngữ vay mượn. Nhưng với tài năng, văn phong giàu tính văn học, cô đã vượt qua rào cản ngôn ngữ và được độc giả Pháp đón nhận nồng nhiệt và Đinh Linh nhà thơ người Mỹ gốc Việt đã thành công khi sáng tác bằng tiếng Anh. Tôi khâm phục ý thức vượt qua số phận người di dân của các bạn để khẳng định mình, hòa nhập nơi xứ người.

Chúng ta là người Việt, chúng ta viết trong ý thức người Việt bằng ngôn ngữ Việt hay trong ý thức ngoài người Việt bằng ngôn ngữ vay mượn nước ngoài?

Con người nước nào cũng vậy, sống nơi đâu cũng vậy, cũng có bao nhiêu sắc thái tình cảm như nhau, cũng có bao nhiêu nỗi khổ của kiếp người như nhau. Vì vậy, chúng ta viết trên tinh thần xuyên lục địa, ý thức là một con người của nhân loại chứ không phải bó hẹp vì một màu da, một đất nước.

Tôi ước mơ, một ngày không xa – tất cả chúng ta những người con nước Việt – dù ở trên quê nhà hay lưu lạc phương xa sẽ cùng hướng về một màu cờ thiêng liêng của TỔ QUỐC, ***một màu cờ của một đất Việt do chính người Việt tự chủ dựng xây***, cùng nhau tìm đến tự do, dân chủ thực sự. Chỉ khi nào con người thoát ra khỏi những hệ tư tưởng nhỏ bé, bước ra khỏi những hệ lụy tranh chấp thường tình, cùng hành động nhằm đến một mục tiêu chung - vì sự phồn vinh của dân tộc - thì ngày ấy đất nước này mới đàng hoàng - cất cánh bay lên.

Vậy thì tại sao thế hệ chúng ta không làm cho ngày ấy mau đến?

Bạn viết gì? Tôi viết gì? Và cho ai?

Đặng Thơ Thơ và Nguyễn Hương thực hiện

5-05 đến 9-05

Chú thích của tác giả Đ Kh:

(*) Per te dovro gettarmi/ai piedi dei potenti/addolcire il mio cuore di predone
(Cavalli di luna e di volcani, Salvatore Quasimodo)
For you I must throw myself/ at the feet of the powerful/ soften my marauding heart
(Horses of moon and volcanoes,
bản dịch tiếng Anh của Patrick Barron)
tạm dịch sang tiếng Việt là
Tưởng chàng cỡi ngựa vinh quy/ cỡi ngựa vinh quy/ Dè đâu anh cỡi chuột về quê em mới buồn!

Trúc Lâm Thiền Viện. com

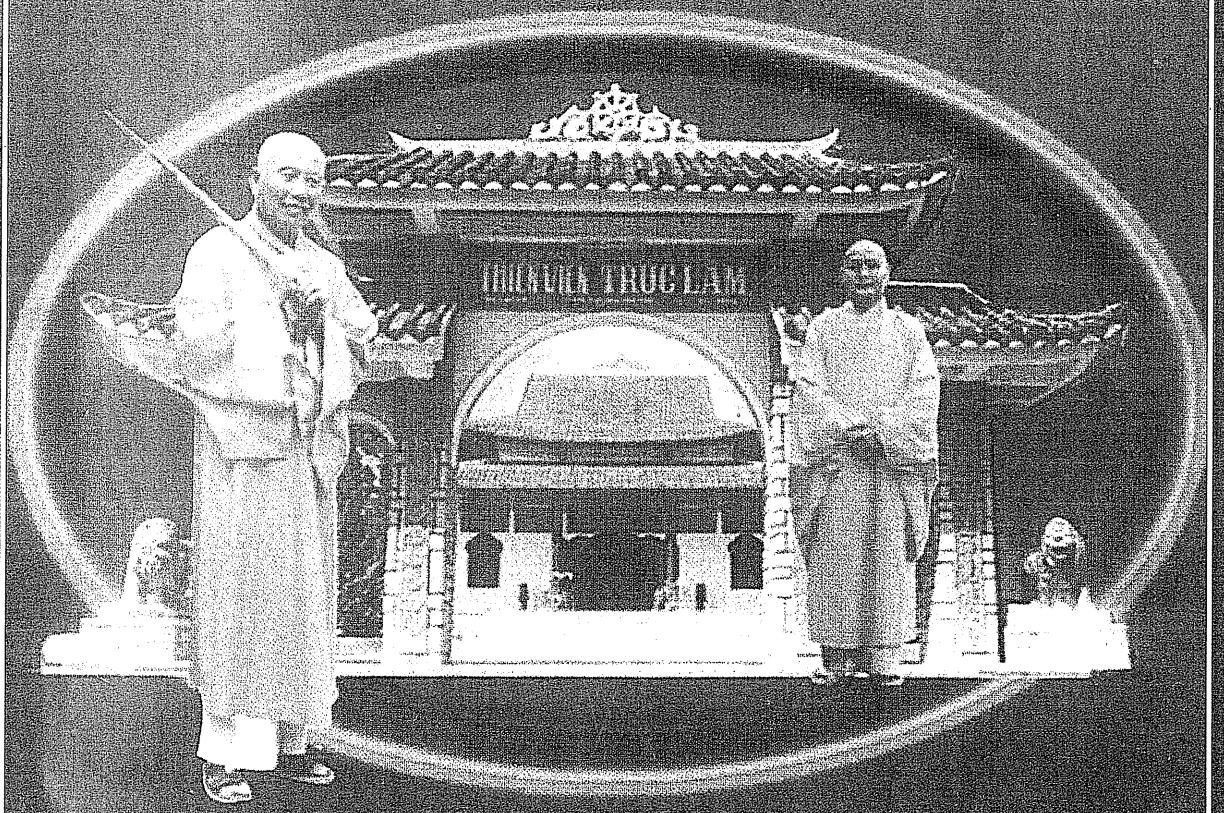

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Mắt biết thấy là Chân Tâm
Tai biết nghe là Chân Tâm
Thân biết xúc chạm là Chân Tâm

Chân Tâm là ông chủ thường biết rõ ràng trùm khắp sáu căn mà không có tướng mạo. Không có sinh diệt.

Là phát minh mới của Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt. Để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo Thiền Tông Việt Nam hiện nay.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang

Xin vui lòng liên lạc Mãn Tâm An: (714) 891-6742

9455 Bolsa Ave. # E, Westminster, CA 92683. USA

hay www. Thientongvietnam.vinamall.com - truclamthienvien.com

Băng mới phát hành của Thiền Sư Thanh Từ: Khám phá được ông chủ - Thầy Nhật Quang: Chữ Tu

HÙNG SƠN
JEWELRY. INC.
SINCE 1950

ENGAGEMENT - WEDDING - LOOSE STONES
G.I.A. CERTIFICATION DIAMONDS

9200 BOLSA AVE. # 128 WESTMINSTER, CA 92683 TEL 714-897-6600
(INSIDE ASIAN GARDEN MALL - PHƯỚC LỘC THỌ)

Giá Bán 5 Mỹ Kim